



việt văn mới

. văn học . nghệ thuật . 

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 19

15 tháng 01 năm 2015



tủ sách việt văn mới
2015

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 19

15 tháng 01 năm 2015

hộp thư toà soạn
newvietart@gmail.com

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai
chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2015

nguyệt san việt văn mới

số 19

15 tháng 12 năm 2015

với sự góp mặt của các tác giả :

**. từ vũ . lý thị minh châu . từ kế tường . mang
viên long . trần văn lệ . vũ lưu xuân . lên văn
trung . phạm hồng thắm . dung thị vân . dương
phương toại . nguyên thúy ngân . hoàng vũ đông
sơn . đàm lan . quý thể . lê phương châu .
nguyễn thị mây . hoàng yến linh . dương leh .
trúc linh lan . mai thực . khái nguyên . nguyễn
ngọc anh . trạch an trần hữu hội . nguyễn thị
phụng . minh nguyên . nguyễn văn sâm . khái
triều . hồ chí bửu . vũ kiên ninh . phan . đào
phạm thùy trang . nguyễn chinh . hồ thủy . hồ tĩnh
tâm . la thị ánh hường . nhị tường . hoàng bích
nga . vũ anh tuần . hoà văn . đặng châu long .
võ hồng . nguyễn văn thơ . nguyễn khôi . lương
văn hồng . ưng câu . trần nhuận minh . kiên
thêm . võ công liêm . phạm vũ . huyền viêm .**

tủ sách việt văn mới 2015



TRÔI NHƯ MỘT GIÒNG SÔNG

Nguyên tác của Paulo Coelho

TỪ VŨ

chuyển dịch

*Hãy như giòng sông chảy
thăm lặng trong đêm
Chẳng hãi sợ gì bóng đêm tăm tối
Nếu có những tinh tú trên bầu trời, hãy phản ánh lại chúng
Nếu có những đám mây che lấp bầu trời
Cũng như giòng sông, mây là mưa
Hãy phản chiếu lại chúng đừng buồn bã
Trong thăm sâu lặng lẽ.*

Manuel Bandeira

THEO ĐUỔI ƯỚC MƠ

Tôi được sinh ra tại nhà bảo sanh Saint-Joseph tại Rio de Janeiro.

Vì sự chào đời của tôi không mấy được dễ dàng nên mẹ tôi đã hiến dâng tôi cho vị thánh này và nguyện cầu Saint-Joseph phù trợ cho tôi được sống sót. Từ đó, Thánh Joseph đã trở thành một khuôn mẫu trong cuộc sống của tôi và, vào năm 1987, lúc tôi khởi sự cất bước trên đường hành hương đến Saint-Jacques-de-Compostelle, tôi đã chọn định ngày 19 tháng 3 mỗi năm là ngày lễ chào mừng vị thánh độ mạng của tôi.

Tôi mời bằng hữu, những người lao động lương thiện, và trước bữa ăn, chúng tôi cầu nguyện cho tất cả những ai đang cố gắng giữ được phẩm cách của mình trong những công việc mà họ đang làm.

Chúng tôi cũng cầu nguyện cho những ai đang lâm vào hoàn cảnh thất nghiệp, tương lai chẳng có nhiều hy vọng ...

Trong một chút nói mở đầu trước khi đọc kinh, tôi có thói quen nhắc lại về hai chữ "ước mơ", hai chữ "ước mơ" này được xuất hiện năm lần trong Tân Ước, trong năm lần đó, có bốn lần, Joseph, người thợ mộc được đề cập tới.

Trong tất cả mọi trường hợp, ông ta đã bị một vị thiên thần thuyết phục để thực hiện ngược lại những gì mà chính ông đã dự tính cho đời sống của ông.

Thiên thần không yêu cầu ông từ bỏ vợ ông, ngay cả khi mang thai. Nhưng ông đã có thể nói, chẳng hạn như :

- " Những người hàng xóm nghĩ gì khi vợ tôi bỗng dừng lại mang thai ?"

Tuy nhiên, Joseph về nhà, và tin vào lời thần khải.

Khi thiên thần gọi ông đi Ai Cập. Joseph đã có thể trả lời :

- "Nhưng mà tôi là một người thợ mộc và tôi đã yên ổn định cư tại đây, tôi có khách hàng, tôi không thể bỏ rơi tất cả được !". Ấy vậy mà Joseph đã thu dọn mọi việc rồi đi vào con đường không tài nào biết được rồi sẽ ra sao .

Thiên thần lại yêu cầu Joseph quay về Ai Cập. Ông có thể đáp lại :

- "Ngay bây giờ sao ?, tôi vừa mới thành công trong việc tái định cư và tôi lại có một gia đình mấy miệng ăn để lo liệu... ?"

Trái ngược với lẽ thường, Joseph đã theo đuổi những ước mơ của ông. Ông biết là ông có một định mệnh để phải hoàn thành, định mệnh của mỗi con người hay gần như thế, ở trên mặt đất này: Bảo vệ và nuôi dưỡng gia đình mình.

Cũng như hàng trăm triệu Joseph vô danh khác. Ông tìm cách hoàn tất nhiệm vụ của ông, ngay cả nếu ông phải làm những điều vượt quá sự lĩnh hội của ông.

Về sau này, vợ ông và một trong những người con trở nên một biểu tượng vĩ đại của Cơ Đốc giáo.

Nhưng, cây cột trụ thứ ba của gia đình này, một người thợ, người ta chỉ nhớ tới trong dịp trang hoàng những hang đá vào dịp lễ Giáng sinh cuối năm, hoặc nếu một ai đó, sùng kính ông một cách đặc biệt, như tôi hay như Leonardo Boff, người mà tôi đã viết bài tựa cho một cuốn sách viết về thợ mộc.

Tôi viết ra ở đây một phần văn bản của nhà văn Carlos Heitor Cony (tôi hy vọng là chính ông viết, vì lẽ tôi khám phá ra được trên Internet!) :

" Người ta thường ngạc nhiên, tôi một kẻ không chấp nhận tư tưởng của một vị Thượng đế theo triết lý, đạo đức hay tôn giáo, tôi tôn sùng một số vị thánh trong lịch truyền thống. Thượng đế là một khái niệm hoặc một thực thể (theo triết học) quá xa vời cho những phương tiện mà tôi có và ngay cả cho những sự cần thiết của tôi. Còn các vị Thánh, bởi lẽ họ là những kẻ của thế gian này, cũng tạo ra bằng đất sét giống như tôi, xứng đáng hơn cho sự cảm phục của tôi. Họ xứng đáng cho tôi tôn thờ ".

" Thánh Joseph là một trong những vị Thánh đó. Những sách Phúc Âm không nêu lên một chữ nào về ông, chỉ những điều bộ, và một lời dẫn rõ ràng : **Vir Justus**. Một người công bằng. Tuy nhiên điều này chỉ một người thợ mộc chứ không phải một ông quan toà nên người ta suy ra rằng Joseph là một người vô cùng tốt : Người thợ mộc tốt, người chồng tốt, người cha tốt của một đứa trẻ sau này sẽ phân chia lịch sử thế giới ".

Những lời nói rất hay của Carlos Heitor Cony. Còn tôi, thường xuyên, đọc những điều sai lệch chẳng hạn như : " Jésus đã tới Ấn Độ học hỏi nơi các bậc thầy ở núi Hy Mã Lạp Sơn...".

Đối với tôi, mỗi một người có thể biến đổi thành một nhiệm vụ thiêng liêng mà đời sống đã cho, và Jésus học trong lúc Joseph, người tốt, dạy cho Jésus cách làm bàn, ghế, giường tủ.

Tôi cảm thấy rất lý thú khi tưởng tượng rằng chiếc bàn, trên đó Đấng Cứu Thế làm phép dâng bánh và rượu, được làm ra bởi Joseph - ở đây là bàn tay của một người thợ mộc vô danh, người kiếm miếng sống hàng ngày bằng những giọt mồ hôi chảy dài trên trán và, chính vì nhờ vào đó, đã cho phép những phép lạ được biểu lộ ra.

NHÀ VĂN

Khi được mười lăm tuổi, tôi nói với mẹ tôi :

- Con đã tìm ra được hướng đi nghề nghiệp của con mẹ ạ. Con muốn trở thành văn sĩ.

- Con ơi, mẹ tôi trả lời với một giọng buồn bã, cha con là một kỹ sư. Đó là người với những luận lý thực tế, biết điều, với cái nhìn chính xác về thế gian này. Con có biết một nhà văn là như thế nào không ?

- Đó là một người viết sách.

- Chú Haroldo của con, một bác sĩ, cũng viết sách đó, chú cũng đã xuất bản một vài cuốn. Thôi con cứ theo học trường kỹ sư và vào những lúc rảnh rỗi có thời giờ con sẽ viết .

- Không, mẹ ơi. Con chỉ muốn là nhà văn thôi. Con không muốn là một kỹ sư viết sách đâu.

- Thế con đã gặp một nhà văn lần nào chưa ?

- Chưa. Duy nhất chỉ qua những tấm hình.

- Như thế mà con đã muốn là nhà văn? Vậy là con chưa biết nhà văn là gì rồi!.

Để có thể trả lời với mẹ tôi, tôi quyết định tìm hiểu và tôi đã tìm ra được. Này nhé (vào những năm 1960) :

A)- Một nhà văn là một người luôn luôn đeo kính, đầu tóc bù xù. Ông nhà văn bỏ ra một nửa thời gian để nổi khùng với tất cả thế giới, nửa còn lại để tự mình rơi vào tình trạng trầm uất. Ông ta sống ở các quán ba, quán rượu, quán cà phê, tranh luận với những nhà văn khác cũng đeo kính , đầu tóc cũng rối bù như ông ta.

Ông nhà văn luôn luôn bàn về những vấn đề cực kỳ khó khăn. Ông ta cũng luôn luôn có những tư tưởng kinh khủng, tuyệt vời để dành cho quyển tiểu thuyết mà ông sắp viết, ông nhà văn lại cũng luôn ghê ghét đến độ không chịu nổi được quyển tiểu thuyết của bất kỳ một người nào đó vừa được phát hành.

B)- Một nhà văn là một người có trách nhiệm và có bổn phận để mọi người cùng thế hệ của ông không tài nào hiểu nổi ông, hoặc không xem ông là một thiên tài, bởi lý do mà ông quả quyết rằng ông đã sinh nhầm thế kỷ, cái thế kỷ hiện tại đang bị ngự trị bởi những gì quá tầm thường !. Một nhà văn luôn luôn phải sửa chữa, thay đổi mỗi một câu mà ông đã viết ra. Từ vựng của người bình thường chỉ có khoảng ba ngàn chữ; nhưng một nhà văn đích thực thì chẳng bao giờ xử dụng những từ vựng đó vì một lẽ : trong từ điển còn tám mươi ngàn chữ khác nữa và nhất là ông, một nhà văn, lại chẳng phải là một người bình thường.

C)- Họa hoằn chỉ có những nhà văn khác hiểu được những điều mà ông nhà văn muốn nói . Cho dù ông nhà văn cũng không ưa gì những bí hiểm của các ông nhà văn khác - khi nhìn thấy họ cũng có mưu đồ ngấp nghé những chỗ ngồi mà lịch sử văn chương đã để dành suốt bao nhiêu thế kỷ nay cho những thiên tài như ông. Thế là, nhà văn và những nhà văn đồng nghiệp thi đua trở tài sáng tác một quyển sách cực kỳ rắc rối, cực kỳ bí hiểm chưa từng có và ông nhà văn nào mà viết ra được quyển sách cực kỳ khó khăn đó sẽ được coi như tài hoa nhất.

D)- Một nhà văn luôn chọn lựa đề tài với những cái tên rung rợn nhất : ký hiệu (mã) học, khoa học luận, triết lý.

Và khi ông nhà văn muốn làm cho mọi người phải giật thót mình thì ông tuyên bố : "Einstein là một kẻ ngu si " hoặc "Tolstoï là một anh hề của đám trưởng giả."

Ông nhà văn rất công phu về chuyện này nên thường hay nhắc nhở với mọi người rằng lý thuyết tương đối của Einstein là sai , vô cùng sai; còn Tolstoï chỉ là kẻ bênh vực cho quyền lợi của bọn quý tộc Nga mà thôi chứ viết lách cũng tầm thường.

E)- Một nhà văn, để quyến rũ một người khác phái, thì phải tự giới thiệu : "*Tôi là một nhà văn*" , rồi sau đó nhà văn phải làm thơ tặng người khác phái này, mà thơ phải được viết trên tấm lau miệng bằng giấy mới đúng kiểu. Thường thì kết quả luôn bảo đảm trăm phần trăm trong công tác chinh phục trái tim người đẹp.

F)- Nhờ vào căn bản cực kỳ to rộng về văn hoá, ông nhà văn chẳng thể nào bị thất nghiệp. Ông luôn tìm ra được một việc làm tỷ dụ như đảm trách mục phê bình văn chương. Chính với công việc này mà ông nhà văn đã biểu lộ được sự rộng lượng của ông khi viết về những quyển sách của những người bạn ông.

Một nửa bài phê bình ông kể về những câu nói của những tác giả nước ngoài; một nửa cái nửa còn lại, ông trích những câu viết từ quyển sách mà ông đang phê bình , còn một nửa của một nửa là những phân tích trứ danh về câu văn, với những từ đại loại " sự ngăn cách về lập luận khoa học" hoặc " sát nhập thị quan trên trục đồng vị " hay "hiện đại - hậu hiện đại" ... Khi đọc tới đây , người đọc phải nói rằng : "Tác giả bài phê bình quả thực là một người học cao hiểu rộng." Nhưng người đọc cũng không dám mua quyển sách vì lẽ người đọc này biết chắc rằng mình không thể tiếp tục đọc được khi mà "sự ngăn cách về lập luận khoa học" sẽ xảy ra thì làm sao anh ta có thể xoay sở được .

G)- Lúc nhà văn được người ta phỏng vấn và hỏi hiện lúc này ông đang đọc quyển sách nào, ông nhà văn bao giờ cũng trả lời ông đang đọc một quyển sách mà cho tới lúc đó không một ai nghe nói tên.

H)- Chỉ một quyển sách duy nhất đã được sự ngưỡng mộ chung của ông nhà văn và bạn đồng nghề viết : *Ulysse* , của James Joyce. Nhà văn không bao giờ nói xấu về quyển sách này, nhưng, lúc mà một người nào đó hỏi quyển sách viết về cái gì, ông nhà văn không thể giải thích được nên vì vậy làm người đó cũng tự đặt câu hỏi hơi hơi nghi ngờ rằng ông nhà văn chưa đọc *Ulysse* . Quả thực vô lý khi quyển *Ulysse* đã không được tái bản trong lúc biết bao nhiêu nhà văn đều nói là một tuyệt tác. Rất có thể là cái nhà xuất bản quá ngu xuẩn để bỏ lỡ một cơ hội thật may mắn có thể thu được bao nhiêu lợi nhuận qua cuốn sách lừng danh này.

Với tất cả những tin tức trên, tôi quay về gặp mẹ tôi và trình bày một cách trung thực, rõ ràng với mẹ thế nào là một nhà văn. Mẹ tôi có vẻ ngạc nhiên một chút .

- Con ơi, như vậy là để trở thành một kỹ sư còn dễ dàng hơn là làm nhà văn con ạ. Hơn nữa, con đâu có đeo kính .

Nhưng, tôi đã để đầu tóc bù xù, một gói thuốc Gauloises trong túi , hồ hởi dưới nách tôi một tập kịch (*Những giới hạn của sự chịu đựng*, tên tập kịch, một vở kịch điên rồ nhất chưa từng thấy bao giờ), tôi, người sinh viên phần nộ với những bất công của cái xã hội này, dù thế nào chẳng nữa tôi

cũng đã quyết định tìm đọc *Ulysse*. Cho tới ngày, một ca sĩ nhạc rock dẫn thân tới yêu cầu tôi viết lời cho những bản nhạc của anh ta, lời tôi ra xa cuộc truy tìm sự bất tử và đặt tôi trở lại con đường của những người bình thường.

Biển cổ này đã cho phép tôi được du lịch rất nhiều và thay đổi thường xuyên các lãnh thổ còn hơn thay đổi giày dưới chân tôi, nói như Bertolt Brecht đã nói. Các trang tiếp theo chứa đựng những câu chuyện kể lại vào một thời điểm nào đó mà tôi đã được sống, những chuyện mà tôi được nghe, những suy tư đến với tôi trong một chặng nào đó trong lộ trình của giòng sông đời tôi.

Những trang chữ này đã được xuất hiện trong nhiều tờ báo đó đây trên thế giới, và đã được tôi sưu tập lại thể theo lời yêu cầu của độc giả.

NGƯỜI THIÊN CHÚA GIÁO VÀ NGƯỜI HỒI GIÁO

Trong một bữa ăn, tôi đàm thoại với một vị tu sĩ Thiên Chúa giáo và một chàng trai Hồi giáo. Lúc người phục dịch bữa ăn bưng tới một mâm thức ăn, mọi người đều lấy phần của mình, chỉ duy nhất anh chàng trẻ theo đạo Hồi là không, anh tuân theo luật kinh Coran ấn định kiêng ăn mỗi năm một lần.

Khi bữa ăn chấm dứt, mọi người khách kéo nhau ra sân trò chuyện, một trong những người khách đó không quên buông lời chỉ trích :

Các ông đã thấy sự quá khích của người Hồi giáo chưa ? May mắn thay những người khác như các ông không có chung điểm này giống như họ .

Có chứ, vị tu sĩ Thiên chúa giáo lên tiếng. Anh chàng trai đó đã cố gắng phụng sự Thượng Đế hết như tôi. Chỉ có điều là chúng tôi đi theo những điều luật khác nhau mà thôi .

Vị tu sĩ kết luận :

- Điều vô cùng bất hạnh là người ta không thấy được sự khác biệt đã làm họ chia cách . Nếu như họ nhìn với tình yêu thương nhiều hơn một chút, thì họ sẽ nhận thức điều liên hệ đặc biệt giữa họ với nhau - được vậy thì những vấn đề rắc rối trên thế gian này đã giải quyết được một nửa.

NGƯỜI GIÚP VIỆC THÔNG MINH

Vào lúc đó, trong một căn cứ không quân của Pháp ở Bắc Phi, nhà văn Saint-Exupéry đã làm một cuộc quyên góp nơi những người đồng sự và bạn bè của ông, vì người giúp việc cho ông - một người Ma rốc muốn trở về sinh sống ở thành phố nơi anh ta được sinh ra. Saint-Exupéry đã tập trung được một ngàn quan tiền Pháp.

Một trong số những người phi công đã đưa người đàn ông giúp việc của Saint-Exupéry tới được tận thành phố Casablanca, ông này trở về căn cứ rồi thuật lại những điều tai nghe mắt thấy :

- Ngay khi vừa đặt chân xuống Casablanca, nó vào ăn trong nhà hàng ngon nhất ở thành phố này, ăn xong nó phân phát tiền *pourboire* một cách thật rộng rãi, trả tiền đãi rượu cho những người có mặt ở quầy rượu lúc đó, mua một loạt búp bê cho những đứa bé ở làng nó . Thật là một thằng chẳng có một chút ý thức nào về hai chữ tiết kiệm !.

- Ngược lại thế anh bạn của tôi ơi, Saint-Exupéry đáp lại. Người giúp việc của tôi đã biết

phương cách tốt nhất để đầu tư vào cuộc đời, đó là đầu tư vào "người". Khi chi tiêu như vậy, anh ta đã chinh phục được sự tôn trọng của những người đồng hương, những người này về sau sẽ giúp cho anh ta một công việc để làm...Kết cuộc thì chỉ kẻ nào biết rộng lượng với những người khác thì sẽ là người thắng cuộc.

BÀ GIÀ Ở COPACABANA

Bà ta đứng ngay trên một vỉa hè lớn nơi đại lộ Atlântica, chiếc guitare trên tay, và một tấm bảng nhỏ ghi hàng chữ : "*Chúng ta cùng hát*".

Bà khởi sự đàn, hát một mình.

Một người say rượu đi tới, tiếp theo đó là một bà già, rồi cả hai cùng hát với người đàn bà chơi đàn guitare. Chẳng mấy chốc một đám người kéo đến cùng tham dự vào buổi hát và một đám người khác tụ tập chung quanh làm những người thưởng ngoạn, họ vỗ tay, khích lệ sau mỗi bài hát.

Vì sao mà bà lại làm như thế này ? Tôi lên tiếng hỏi bà già đánh đàn guitare vào lúc ngừng giữa hai bài ca.

- Để không phải một mình cô đơn, bà già đáp lại. Tôi có một đời sống rất cô độc, cũng giống như những người lớn tuổi trong xã hội hiện nay."

Cầu mong Thượng đế dành cho cái thế giới này giải quyết được những vấn đề rắc rối bằng phương cách như bà già chơi đàn guitare đang làm.

TRIỆT PHÁ VÀ TÁI THIẾT

Tôi được mời tới thăm Gunkanjima, nơi hiện diện một ngôi đền Phật giáo thiền. Lúc tới nơi, tôi rất ngạc nhiên : một kiến trúc cực kỳ tráng lệ ở giữa một khu rừng thật rộng, nhưng lại nằm ngay cạnh một vùng đất thật to bỏ hoang.

Tôi hỏi để biết lý do về miếng đất bỏ hoang này, và người thừa hành đã giải thích với tôi rằng :

- Đây là vùng đất dành cho việc kiến trúc sắp tới. Cứ mỗi hai mươi năm, chúng tôi phá hủy ngôi đền hiện tại mà ông đang nhìn thấy trước mắt ông đây và chúng tôi xây dựng lại ngay ở bên cạnh, trên vùng đất bỏ hoang này. Như vậy, những tu sĩ thợ mộc, thợ hồ và kiến trúc tất cả mọi người đều có điều kiện để thi thố mọi tài năng của họ và cũng là một cơ hội để truyền lại nghề cho những người học nghề nữa . Chúng tôi cũng muốn chứng tỏ để cho mọi người biết rằng ở trên đời này không có gì là vĩnh cửu cả, và ngay cả những đền đài cũng nằm trong quá trình phải luôn luôn được cải tiến .

TỪ VỮ

La Sérénité Troyes, Pháp - 09.03.2009- 18.05'





HÀNH TRÌNH XUÂN

LÝ THỊ MINH CHÂU

Chiếc xe băng băng lên đèo, nuốt chửng những cung đường đàu hỏi, đàu ngã thật đẹp. Hai bên đường, hoa Dã quỳ như hai dải lụa vàng óng ả, bông bông, uốn lượn khi cơn gió mạnh thổi qua. Chúng như dải vô tận, dát vàng khắp những cung đồi rừng, khắp hang cùng ngõ hẻm của thành phố. Dã quỳ là hoa báo nắng. Khi thấy chúng nở, người ta biết mùa mưa sắp tàn và mùa du lịch mới sắp mở ra.

Ai cũng nghĩ Đà Lạt có bốn mùa, nhưng kỳ thực chỉ mưa và nắng. Mùa mưa từ tháng năm đến cuối tháng mười. Tháng tám, tháng chín mưa dai nhất, mưa lê thê suốt ngày, buồn đến khủng khiếp. Ai đó bảo mưa dầm cũng đúng, mưa Ngâu cũng phải. Nhưng để bắc cầu Ô Thước cho đôi tình nhân Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau thì Đà Lạt không thể làm được. Đà Lạt không có chim quạ và chim khách để làm cái công việc gian lao đến hoi đầu này.

Mùa nắng Đà Lạt thật đẹp, các loài hoa khoe sắc, khoe hương như để đón mừng Noel, đón chào năm mới. Trời se se lạnh, sương giăng mờ mờ. Đi bên nhau trong cái không gian tưởng chừng như vô tận ấy, thật là tuyệt diệu làm sao. Người ta có đủ lý do để âu yếm nhau, vuốt sương trên tóc, trên áo. Cầm tay nhau cho ấm, khoác vai nhau cho tình và hôn nhau say đắm mà không ngại ai nhìn thấy bởi những hạt sương nhỏ bé nhưng nhiều vô kể kia đã che chắn cả rồi.

Với bản tính thích bay nhảy, khám phá, chuyện nay đây mai đó với cô gái tên Mai vốn là cư dân của thành phố đông dân nhất nước này là thú vui. Cô xin vào làm hướng dẫn viên du lịch nội địa thuộc công ty Du lịch Thanh Niên. Chỉ có nơi này mới có điều kiện đưa cô đến mọi miền đất nước, thăm thú giang sơn gấm vóc của tổ tiên để lại từ nghìn xưa và cũng để giúp cô xa cái ngột ngạt, chật chội của thành phố năng động vào loại nhất nhì Đông Nam Á này. Đã đi nhiều nơi, nếm nhiều hương vị vùng miền nhưng Mai vẫn thích Đà Lạt nhất, bởi Đà Lạt đẹp và hiền hòa. Du khách của Mai chưa bao giờ phàn nàn về nơi này, bởi miếng ăn, giấc ngủ của họ hoàn toàn do công ty chu toàn. Dĩ nhiên là họ tùy chọn gói du lịch nào họ yêu thích và vui vẻ trả tiền. Ngoài sự yêu mến, Mai còn nhận được lời nhận xét rất chân tình của họ vào sổ tour. Quà cho Mai là những phong bánh, phong kẹo đặc sản mà họ mang theo dùng, kể cả quà lưu niệm mà họ mua được khi tham quan một danh lam thắng cảnh nào đó. Còn tiền ư, cũng có. Mai không nhận thì người ta gói vào túi, vào xách. Khi người ta thật lòng muốn cho ai đó một cái gì, thì ai đó khó mà chối từ tấm thịnh tình của họ được. Mai cũng thế, và cô chỉ biết rồi rít cảm ơn.

Với ngoại hình đẹp, khuôn mặt khả ái, lời nói dịu dàng và tính tình chân thật Mai luôn được lòng các cấp lãnh đạo của công ty. Cô còn một thế mạnh khác là Trung, Phó phòng điều hành đang ngỏ lời yêu cô. Trung cũng rày đây mai đó, nhưng chỉ với những tour lớn, khách Vip. Trung thường phải dẫn thân khi không mấy tin tưởng vào đám lính non nớt của mình. Chỉ cần một sai sót nhỏ với khách là có thể hư bọt hư đường, mất cả chì lẫn chài, nếu người ta dứt khoát cắt tour.

Với Mai, tình yêu ấy là khiến cưỡng nếu cả hai cùng đam mê xê dịch, khác gì nhận nam chờ én bắc. Dù ngoài mặt luôn tỏ ra hạnh phúc, nhưng trong lòng Mai muốn kéo giãn thời gian yêu đến

lúc cô không còn thích nay đây, mai đó nữa mới tính chuyện góp gạo nấu cơm chung với người mình yêu. Dĩ nhiên là Trung buồn, buồn nhất là những khi Mai rời xa thành phố quá lâu. Với những tour dài ngày, lại lênh đênh trên biển, đích đến là Hạ Long hay Hải Phòng xa ngái thì trong lòng chàng dậy sóng thật sự. Chàng phải dỗ giấc ngủ bằng men rượu, men bia, để rồi khi thức dậy thì nổi nhớ thêm cồn cào. Lại điện thoại, lại nhắn tin, vu vơ thôi bởi có gì để trách cứ nhau đâu kia chứ. Mai đi vì công việc, còn chờ đợi cũng là công việc và nhiệm vụ của Trung mà. Nghe thì rất trách nhiệm nhưng nghĩ lại thật oái ăm. Trung ví mình như chú chim què quặt, đứng một chỗ, nhìn lên bầu trời bao la bát ngát, tìm cánh chim mà mình yêu thương, trong khi cánh chim đó đang trải lòng ra muôn hướng. Biết bao cám dỗ của cuộc đời đều có thể quyến rũ, níu bước cánh chim ấy. Danh lợi tiền tài, luôn là đích ngắm của con người, khi có cơ hội người ta không dễ làm ngơ được. Trung sợ một ngày nào đó, Mai không còn trong vòng tay của mình. Trung không đủ can đảm đợi chờ thêm phút giây nào nữa :

-Mai này, anh tính Noel tới mình cưới nhau.

-Vội vàng thế anh, hôn nhân sẽ trói chân mình đấy.

-Thế em, tính bay tới tận khi nào ?

-Mỗi cánh.

-Nghĩa là em đã có người nâng đỡ khi ngã ?

- Không hẳn thế, bởi em nghĩ, mình còn trắng tay, cưới nhau cặp vào răng nhau mà sống à.

-Thì như đang sống đấy thôi.

-Tạm đủ đấy, với điều kiện không được có đứa con nào. Thế không chán à ?

-Ừ, thì tính sau, trời sinh voi sinh cỏ chứ em.

- Chẳng có voi mà cũng chẳng có cỏ nào trong cái thành phố chật cứng người và xe cộ thế này, làm đâu lủm đó có mà cạn tàu ráo máng.

Nói thì nói thế, chứ Mai đã biết lo. Chuyến dẫn khách lên Sa Pa, Mai cũng đã mua nhiều quà cho ngày sau. Một chiếc vòng em bé dệt bằng thổ cẩm rất đẹp, một đôi caravat cũng dệt bằng thổ cẩm với hai màu đỏ trắng cho Trung. Chuyến đưa khách về Châu Đốc, An Giang cô cũng đã mua cho mình mấy xấp vải áo, vải quần và một vài thứ lặt vặt cần cho một gia đình nhỏ. Còn Đà Lạt, tuyến du lịch mà cô thường xuyên tham gia nhất thì chưa mua sắm được gì. Hình như những thứ gì thuộc về xứ lạnh đều dành riêng cho người xứ lạnh. Áo quần thì dày quá, khăn mũ cũng thế, chẳng ai dám sử dụng ở miền xuôi nếu không muốn rán chín mình. Nhớ có lần lang thang vào chợ hoa, ý Mai là mua cho Trung một giò lan nào đẹp đẹp nhưng nho nhỏ thôi, để Trung treo trong phòng thì Vũ đến. Vũ là khách trong tour du lịch đó của Mai. Vũ đã thu hút cô từ ánh nhìn đầu tiên khi xe chưa lặn bánh. Ánh mắt thăm sâu mà êm đềm. Vẻ cô đơn, phong trần với chút gì bụi bụi nơi làn da sạm nắng và gió của chàng trai không đủ che lấp nét hào hoa nơi khuôn mặt xinh tươi và đẹp như thiên thần của Vũ. Hơn ba trăm cây số đường dài, Vũ thường dùng ánh mắt thay lời. Ánh mắt ấy bám trên tóc, trên vai, trên cổ khiến Mai nhiều lần ngoái lại. Và khi hai ánh mắt chạm nhau, Mai không chịu nổi rạo rực, cô cúi xuống đợi chờ hoặc nhìn đi hướng khác. Mai không nhớ bằng cách nào hai người đã thân mật chuyện trò, chỉ nhớ rằng khi đối diện với Vũ, Mai thấy mình như nhỏ bé làm sao ấy. Rồi khi biết Vũ là nhà văn, chuyên viết về thiếu nhi, Mai càng

tâm phục khẩu phục. Càng khâm phục hơn khi hay Vũ chưa có mảnh tình rách nào chứ nói chi tới chuyện con cái.

-Vậy là gia đình anh rất nhiều trẻ nhỏ ?

-Tôi sống một mình, lớn lên từ trại mồ côi.

Đắn đo một chút, rồi trao quyển sách đang cầm trên tay cho Mai, Vũ tâm tình chia sẻ :

- Cô sẽ thấy vui vui khi đọc cuốn sách nhỏ này. Nhân vật của tôi có chút gì đó bơ vơ lạc lõng, chút bụi bặm phong trần, chút giang hồ vật theo kiểu *nghe tiếng cơm sôi đã nhớ nhà*, nhưng rất dễ thương.

Bên ly cà phê vỉa hè, nơi một góc khuất, đêm Đà Lạt thật thanh bình. Vũ cho biết mình là con của mọi nhà, con của mọi trại mồ côi. Tiền tác quyền của anh, có khi hàng trăm triệu nhưng nó sớm bay vèo. Anh thương những mảnh đời cơ nhỡ.

Một sự so sánh chợt lóe lên trong lòng Mai, Trung chưa bao giờ ngồi đối thoại với nàng tâm tình như thế, câu chuyện cũng nhạt phèo, lúc nào cũng nặng tư tưởng chiếm hữu. Còn Vũ cao cả quá, sượng khói quá. Cả hai người đàn ông này không phải là mẫu người lý tưởng để cô lấy, nhưng nếu phải lấy một trong hai thì cô sẵn lòng chọn Vũ.

-Sau chuyện đi này, anh về đâu ?

-Sài Gòn.

-Không thể nơi nào khác à, chẳng hạn Nha Trang, Cần Thơ ?

-Chỉ có Sài Gòn mới là đất hứa cho cái nghề chót lưỡi đầu môi của anh.

-Chứ không phải vì cô nàng nào ?

Vũ im lặng, đưa tay vuốt tóc nàng.

Đó không phải là cử chỉ âu yếm, giác quan thứ sáu của người con gái báo cho Mai biết điều ấy, nhưng Mai không phản đối. May mà bàn tay của Vũ không đi xa hơn nữa, Mai thăm dò :

-Về thôi anh, em lạnh rồi.

Vũ đứng lên thật, mà không có thêm một cử chỉ thân mật nào.

Mai trở về thành phố với ăm ắp nỗi niềm, vui buồn lẫn lộn, điểm tựa của nàng bây giờ chỉ có thể là Trung. Đâu ai hoài công bắt chim bay mà không bắt chim đậu. Với Mai, tình yêu không nên mạo hiểm. Hai con tàu tranh nhau di chuyển thì không thể đậu chung một sân ga mãi mãi bao giờ. Nàng nhủ mình, sẽ cống hiến hết tuổi thanh xuân cho sự nghiệp, cho đời. Khi cánh chim trời đã mỏi thì dừng bước, lo chuyện gia đình cũng chưa muộn. Nhủ thì nhủ thế, nhưng mấy ai biết trước ngày mai cuộc tình của mình sẽ ra sao. Biết đâu, Trung không chờ đợi nổi và Mai cũng không thể chần chừ. Suýt chút nữa, nàng đã đánh mất tất cả.

LÝ THỊ MINH CHÂU



NỬA VÀNG TRẮNG NGHIÊNG

TỪ KỂ TƯỜNG

Thịnh về đến nhà rất tối bằng xe gắn máy. Vừa trải qua một cuộc hành trình dài hơn trăm cây số qua một chuyến phà đêm và những cây cầu dài, ngấn suốt dọc đường đi khiến Thịnh hơi mệt. Bà Ngọc-mẹ Thịnh ra mở cổng, anh chạy xe thẳng qua khoảng sân lát gạch có viền cỏ. Khi dừng xe Thịnh nghe loáng thoáng mùi hương của cây Mai chiếu thủy nở đầy những chùm hoa trắng trong cái chậu xoay lớn ngay trước cửa. Thịnh uốn ngực hít một hơi dài không khí phảng phất mùi thơm dịu dàng, thanh khiết của loài hoa chân quê gần gũi ấy, cảm thấy người nhẹ lâng lâng khi đứng trên khoảng sân tối ở quê nhà.

Bà Ngọc đứng phía sau Thịnh lên tiếng:

- Sao con về tối vậy?

- Xong công việc lúc nào con tranh thủ đi ngay lúc ấy, quên mất là khi về đến nhà là trời tối. Nhưng mới có 7 giờ mà mẹ?-Thịnh nói.

Thịnh xách cái bao nylon to tướng đựng mảnh ghép của những chiếc lồng nhựa mua từ chợ chim Lê Hồng Phong trên thành phố vào nhà. Tay kia cầm bao giấy dầu đựng hai cặp chim kết, một xanh, một vàng, loại chim kết nhỏ con, mắt tròn to, ánh sắc đỏ như cườm, viền mắt màu trắng như bông nõn giống như chim vành khuyên của xứ ta mà theo người bán chim nói là nhập từ Thái Lan. Chẳng biết thế nào, nhưng Thịnh thấy chúng xinh xắn, dễ thương nên mua cả hai cặp đem về quê nuôi, dù giá hai cặp chim không rẻ.

Nhà có khách, là một cô gái lạ mặt Thịnh chưa hề gặp trong những lần về thăm nhà trước đây. Mẹ Thịnh giới thiệu là Nguyệt, nhà ở xóm trên xuống chơi. Nguyệt gật đầu chào Thịnh với một nụ cười e ấp trên môi. Nguyệt mặc đồ bộ màu vàng có hoa chìm, nước da trắng, mái tóc dài có những lọn quăn tự nhiên xõa trên hai bờ vai đầy đặn. Cô gái có cặp mắt to, đen láy, lúc nào cũng có vẻ liếng thoáng như ngạc nhiên, thắc mắc trước mặt người đối diện.

- Anh xách cái gì linh kinh vậy, đưa đây em cất cho- Nguyệt tròn mắt nhìn Thịnh nói.

- Mấy cái lồng chim được tháo rời ấy mà, chút anh sẽ ráp nó lại để nuôi mấy con chim trong bọc giấy dầu này.

- Chim gì thế anh?

- Chim kết.

- Nó biết nói không?
- Không, loại chim két này không biết nói, nó chỉ kêu thôi nhưng rất đẹp và rất dễ thương.

Nguyệt tự nhiên như người trong gia đình, bắt chuyện với Thịnh như đã từng quen biết nhau khiến anh không khỏi ngạc nhiên pha lẫn sự thú vị. Điều này có nghĩa là trong thời gian Thịnh không về thăm nhà, Nguyệt đã từng ghé nhà chơi với mẹ Thịnh và trở nên thân thiết với bà như người trong gia đình. Dự đoán này của Thịnh quả không sai vì khi Thịnh ở trong phòng tắm bước ra bữa cơm tối đã được dọn lên, thức ăn được bày biện trên bàn cho thấy có bàn tay của Nguyệt.

Bà Ngọc nhìn Thịnh nói:

- Con ăn cơm đi, kéo dôi.

Thịnh dôi thật. Vừa xong công việc ở cơ quan là anh thu xếp về ngay, trên đường đi dôi lúc Thịnh muốn ghé vào một quán ăn ven đường ăn quẩy quά cái gì đó nhưng lại thôi vì ngại mất thời gian. Cuối cùng đành mang bụng đói về nhà. Cũng may là mẹ anh đã dự đoán trước thế nào con trai cũng về vào dịp cuối tuần nên đã chuẩn bị một bữa cơm thơm tất.

Khi ngồi vào bàn ăn Thịnh lên tiếng mời mẹ anh và Nguyệt. Nhưng cả hai người bảo đã ăn cơm xong và ngồi ở bàn nước bên cạnh nói chuyện. Thịnh thoảng trong câu chuyện Nguyệt phá lên cười, giọng cười trong trẻo, hồn nhiên nghe rất trẻ thơ dù Nguyệt đã là một cô gái ở tuổi gần 30.

Cơm nước xong Thịnh tìm một cây kẽm rồi mở bao đựng những mảnh ghép của hai chiếc lồng chim mang ra cặm cụi ráp lại. Nguyệt rời câu chuyện với mẹ anh, đi đến ngồi xuống bên cạnh Thịnh mỉm cười hỏi:

- Ráp có khó không, anh chỉ đi em ráp phụ cho.
- Dễ lắm, nhưng em cứ ngồi chơi để anh làm.

Nguyệt không chịu ngồi yên, cô vẫn táy máy cầm các mảnh ghép ráp thử và dùng kẽm bấm những chỗ nối phụ với Thịnh. Nhờ có Nguyệt giúp mà hai chiếc lồng chim được ráp rất nhanh, Thịnh mở bọc giấy dầu cẩn thận bắt hai cặp két cho vào lồng, mỗi cặp ở riêng một lồng với máng thức ăn và máng nước uống Thịnh chuẩn bị sẵn. Hai cặp chim thoát khỏi sự tù túng trong bọc giấy dầu, giờ tự do nhảy nhót trong lồng, chúng có vẻ thích thú kêu líu ríu, những tràng âm thanh vừa lạ, vừa vui tai. Thịnh đặt hai lồng chim trên đầu kệ tủ rồi đi ra sân vườn. Nguyệt đi theo phía sau. Cây bưởi ở đầu lối đi lung lẳng những trái xanh non và đơm đầy hoa trên cành, hoa bưởi thơm ngát cho Thịnh cảm giác khoảng không gian vườn nhà như dồn chặt lại. Anh ngẩng nhìn lên bầu trời đêm bắt gặp một nửa vầng trăng đang hắt thứ ánh sáng vàng kỳ ảo, mỏng manh xuống cây lá trong vườn.

Thịnh buột miệng:

- Trăng còn khuyết một nửa, mai mới đến rằm nó sẽ tròn. Bao lâu thì rằm hả Nguyệt?
- Khoảng một tuần nữa.

Không biết anh có về kịp không. Nhà Nguyệt ở đâu, sao anh không biết em nhỉ?

Nguyệt cười khúc khích:

- Làm sao anh biết em được, em ở Xóm Rẫy mới về Phú Vang khoảng hai năm lại đây thôi. Nhà em đối diện với trường học gần cổng chào.

- Em có bà con gì với anh không?

- Chắc là không.

- Sao em biết mẹ anh?

- Vì thấy bác lớn tuổi mà lụi hụi đi chợ một mình nên em hỏi thăm. Biết bác ở một mình trong căn nhà to đùng này, nhà lại có nhiều cây trái, có cái hồ cá em rất thích nên thường ghé chơi. À, mà sao anh không cưới vợ cho có người hủ hỉ với bác, để bác sống một mình vậy tội quá.

Thịnh thở dài:

- Tuổi của anh lập gia đình không dễ dàng. Vả lại đâu có cô gái thành phố nào chịu về quê sống với mẹ anh. Các cô bạn của anh về chơi vài hôm thì được nhưng sống ở đây chẳng cô nào chịu đâu.

- Anh cưới vợ quê đi, người ở quê khỏi sợ buồn.

- Bây giờ tìm một cô gái quê cưới làm vợ cũng đâu có dễ, cả xã này đâu có cô gái nào đâu, chỉ toàn trẻ con với người già, con gái lớn lên đi thành phố bán cà phê, làm nhà hàng hết rồi. Nếu không thì cũng lấy chồng Đài Loan, Hàn Quốc.

Nguyệt cười nhẹ:

- Chỉ có em già rồi, ế chồng nên cặm cui sống ở quê thôi, phải không anh?

- Ủ, anh thấy em rất lạ. Một hiện tượng ở quê đấy.

Nguyệt đột ngột nói:

- Đêm nay có trăng đẹp quá, mình ra bến chơi đi anh. Sông quê của mình giờ này đang đầy nước. Em thích nhìn trăng nghiêng trên mặt nước ban đêm lắm.

Thịnh ngạc nhiên:

- Sao trăng lại nghiêng trên mặt nước?

- Chỉ là em cảm giác thế thôi, không nói được. Khi anh ra sông nhìn trăng sẽ biết.

Lâu lắm rồi, dễ chừng đã hơn hai mươi năm Thịnh đã không ra bãi sông. Con sông chỉ cách nhà Thịnh khoảng hai trăm mét, ngày xưa khi mới về Thịnh từng ra bãi sông câu cá và lội suốt mép nước nhặt sỏi ném những bầy cá bóng sao trôi trên ngọn sóng vật vờ như những ngày thơ ấu chưa bỏ quê ra đi. Hồi đó bãi sông đầy cát, rộng mênh mông, rau muống biển bò trên bờ đất cao xuống bãi cát thành những thảm xanh ngan ngát màu hoa tím. Bây giờ nghe đâu bãi sông lầy bùn vì cát đã bị lấy hết và người ta đã xây dựng ở đây một vựa vật tư, suốt ngày xe máy cày lên xuống

chỗ vật tư cày nát con đường dẫn xuống bãi cát đầy hoa dại thơ mộng năm xưa.

Thịnh và Nguyệt đi song đôi theo hai vệt của bánh xe máy cày dẫn xuống bãi sông. Giờ này những ngôi nhà quanh bến sông đã đóng cửa im lìm, người quê thường ngủ rất sớm. Đêm hoàn toàn yên tĩnh và dường như đang trôi chậm lặng trong bóng sáng trắng đổ xuống bãi cát dài.

Nguyệt đi sát bên Thịnh, anh có thể nghe thấy hơi thở nóng hổi của Nguyệt và những sợi tóc mềm của cô gái bị gió thổi tạt vào mặt Thịnh, mùi hương tóc tự nhiên, cảm giác những sợi tóc mơn man da mặt làm Thịnh bối rối, thở gấp. Thiếu chút nữa anh đã choàng tay ôm lấy Nguyệt để gửi lên đôi môi nóng bỏng ấy một nụ hôn mãnh liệt.

Bỗng Nguyệt cúi gập người, một tay vịn lấy chân Thịnh, tay kia rút đôi dép đang mang dưới chân ra, xắn gấu quần lên đến gối cười khúc khích nói:

- Anh cũng phải bỏ dép ra chứ, bãi cát bây giờ bùn nhiều lắm, ra tí nữa không còn đi dép được đâu.

- Thế à.

Thịnh làm theo lời Nguyệt, khi còn lại đôi bàn chân không, dẫm lên bùn non mát lạnh Thịnh mới phát hiện bàn tay anh đã nắm chặt bàn tay Nguyệt. Hai bàn tay nóng hổi như đang hơ trên bếp lửa. Nguyệt cứ để yên bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại, ấm áp trong tay Thịnh như thế và cả hai cùng bước sâu trong bùn tiến dần ra mép nước. Thịnh liếc thấy đôi chân trần trắng nõn dưới trăng của Nguyệt, bất giác anh thấy cổ họng mình như khát khô, máu trong người dồn lên mặt, nóng bừng. Thịnh nuốt nước bọt, nói một câu băng quơ để kèm chế cảm xúc:

- Ngày xưa bãi cát dài ra tới đây, có thể đi dép được. Bây giờ bùn nhiều hơn cát, bãi sông hết đẹp rồi.

- Vẫn đẹp chứ anh, em thích lội trong bùn để ra mép nước rửa chân trên những con sóng xô vào bãi.

- Rồi đứng giữa mênh mông thế này à?

- Em biết có một cái cây gậy phía trên kia. Mình lên trên đó ngồi nghỉ chân được đấy.

Hóa ra cái cây gậy Nguyệt nói là cây bần cổ thụ, chẳng biết gãy từ lúc nào mà nằm chỏng chơ giữa mép nước và bãi sông, cành nhánh bị chặt trụi, chỉ còn thân cây và gốc uốn cong sát mép nước. Thật là một chỗ ngồi lý tưởng. Thịnh và Nguyệt ngồi sát vào nhau, cả hai thò chân xuống nước cho những con sóng đưa đẩy, dập dềnh. Nguyệt vòng tay ôm lấy hai bờ vai, ngửa mặt nhìn lên mảnh trăng vắt nghiêng nghiêng trên mặt sông.

- Trăng đêm nay đẹp quá, em chưa thấy đêm trăng nào đẹp như thế này. Anh có nhận thấy như thế không?

Thịnh cười nhẹ:

- Ở thành phố làm gì được nhìn trăng nguyên vẹn như thế này. Nó bị cắt ra, hoặc bị che khuất bởi những ngôi nhà cao tầng. Anh chỉ thấy một bầu trời đêm thôi.

- Lúc đó anh nghĩ gì? Nhớ gì?

- Nghĩ tới quê nhà, nhớ tới má anh. Bà cụ già rồi, sống một mình thật tội.

Nguyệt ngồi sát vào Thịnh:

- Em bị lạnh rồi. Sao anh không chịu lập gia đình cho bác có người chăm sóc?

Thịnh nhìn sững vào đôi mắt Nguyệt đang mở lớn dưới trăng. Đôi mắt đen thẳm. Không thể kềm chế cảm xúc xưa mình được nữa, Thịnh ôm choàng lấy Nguyệt rồi hôn tới tấp lên mặt, lên mắt cô gái rồi cuối cùng nụ hôn dừng lại trên đôi môi hé mở, nóng bỏng của Nguyệt.

- Đ...ừ...n...g a...n...h!

Nhưng Nguyệt gần như mất hết phản ứng, người cô gái như trôi bồng bềnh, hai bàn tay cô bá víu vào vai anh. Khi Thịnh chấm dứt nụ hôn dài, Nguyệt bật khóc tầm tặc.

- Sao em không lập gia đình? Thịnh hỏi khẽ, cảm thấy như người có lỗi.

- Anh ấy đã bỏ em đi hơn mười năm rồi...

- Anh ấy là ai?

- Người mà em định lập gia đình. Đó là người bạn học cũ.

- Không liên lạc à?

- Anh ấy đã có vợ khi qua bên Mỹ một thời gian. Anh ấy có gửi thư nhưng em không trả lời. Thôi, mình về đi anh, em lạnh quá.

Từ chỗ cái cây gãy tới chỗ lấy dép không ai nói với ai lời nào. Thịnh vẫn nắm tay Nguyệt bước đi dưới trăng, vầng trăng nghiêng và như đang trôi. Nguyệt rũ hai ống quần xuống, xỏ chân vào dép.

- Mai anh đi rồi à?

- Mai. Em vẫn xuống nhà chơi với má anh chứ?

- Em không biết.

- Anh đưa em về nhé, cho biết nhà em ở đâu.

- Không, anh đừng nên biết, để em về một mình. Em thích như thế hơn. Anh đứng yên ở đây nhé, khi em đi xa khỏi dốc cát rồi anh hãy về.

Và Nguyệt lặng lẽ quay đi. Nửa vầng trăng vẫn nghiêng trên bầu trời. Khi Thịnh lên đến đầu dốc cát thì không thấy Nguyệt đâu nữa, cô gái như tan biến vào những hàng cây đứng rũ bóng bên đường.

TỪ KÉ TƯỞNG



VỌNG MÃI TIẾNG CHIM

MANG VIÊN LONG

Chị Tuyết về thăm quê có chở theo Diễm. Lúc ấy, Diệu Huệ đang ngồi chuyện trò với bà Sáu Minh ở vũng – còn Vượng đang ngồi ở chiếc ghế dựa cạnh cửa sổ gần một đầu vũng. Nhìn qua ô cửa, Vượng thấy xe của chị Tuyết đang chạy bên kia bờ rào hoa Lài...

- Mẹ, chị Tuyết về – Vượng thốt lên - Diệu Huệ cũng vừa đứng dậy: *“Thưa bác, cháu về kéo Sư Bà trông!”*. *“Ở lại chơi một lát nữa, cháu!”* – Bà Sáu Minh nhìn Diệu Huệ, cười thân tình.

- Em cứ ngồi chơi một tý đã. Vượng nói, nhưng thầm nghĩ, có lẽ nên để cho cô ấy về để đỡ áy náy lúc có mặt chị Tuyết, lại có cả Diễm nữa.

Cách nay gần một tháng, chị Tuyết có về thăm Sư Bà với túi xách hoa quả lớn. Chị ở lại lâu bên Sư Bà- điều này có vẻ khác với lệ thường. Không rõ chị đã tâm sự những gì với Sư Bà, nhưng sau đó – Sư Bà nhìn Diệu Huệ với ánh mắt chứa chan thương cảm. Chắc hẳn Sư Bà sẽ không bao giờ nói gì cho Diệu Huệ biết, vì Bà luôn luôn tôn trọng nguyên tắc đã có lần dạy bảo chúng đệ tử *“...Không nên soi mói, dòm ngó chuyện của người khác- hãy quan sát, nhìn vào mình...”*. Tuy vậy, Diệu Huệ lại có được linh cảm – từ dạo đó, nàng ít muốn chạm mặt với chị Tuyết. Giác quan thứ sáu có lẽ đã mách bảo với nàng điều gì chẳng lành ư ? Sự nhạy cảm của một người con gái thuần khiết như Diệu Huệ có lẽ nàng đã đúng...

Vượng ra sân đón chị và Diễm.

Anh cười : *“Trông chị hôm nay có vẻ khang khác...”*

- Chị thấy có khác gì đâu nào? – Tuyết đáp, cúi xuống nhìn lại bộ áo quần như thể để tìm kiếm sự khác lạ nào đó đã khiến chị trở nên “mới” hơn.

- Chị không tự nhận biết được đâu – Vượng nhìn Diễm, cười – Có phải vậy không Diễm ? Vượng nói lơ đãng : *“Người ta thường ít khi tự biết chính xác về mình nếu không chịu khó...”*.

Mẹ Vượng vẫn không được vui khi gặp lại chị Tuyết. Có lẽ nỗi buồn tủi cứ còn dai dẳng trong lòng những người già? Những việc làm, cử chỉ, lời nói sơ suất – dầu nhỏ, vẫn thường làm tổn thương người già. Có lẽ tâm hồn của họ đã trở lại như trang giấy trắng thời còn trẻ? Vượng có lần nghe Sư Bà Tuệ Nguyên nhắc “*Tâm tính của tuổi già giống như tâm tính của con nít- nhạy cảm hay hờn lầy, vụng về...*”. Người ta thường nói *“Già sanh tật, đất sanh cỏ”* là do phán đoán chủ quan, chưa hiểu hết những cái “tật” đó thôi!

Vượng gắng giữ vẻ thản nhiên, tỉnh bơ nói cười để mong khóa lấp phần nào sự im lặng, buồn ngùi của mẹ. Anh muốn chị Tuyết có dịp gần gũi mẹ hơn để chuộc lại lỗi lầm cũ. Quay về phía Diễm, anh nói: *“Em muốn xem mấy chậu hoa Hồng Nhung của anh vừa trổ hoa không?”*.

- Anh lại học thêm “*nghe*” trồng hoa nữa sao?

- Trồng hoa là một cái thú... Ở quê, ngoài đọc sách và trồng hoa – em bảo anh giải khuây bằng cái gì? – Vượng cười thoải mái, chẳng lẽ chui vào các quán để hát Karaoke lẽ nhè tối ngày ngoài khu phố chợ?

Ra đến khu vườn, Diễm hỏi mấy chậu Hồng Nhung đâu – anh cười: “*Phình em ra vườn chơi thôi, chứ mấy chậu Hồng Nhung chưa có chậu nào ra hoa cả, bởi vì anh mới trồng...*”

Nhìn lên mắt Diễm – Vượng hỏi :

- Sao lâu quá vậy, cô giáo?

- Anh nói cái gì lâu? – Diễm cười

- Thiệp hồng ấy mà, còn giả bộ với anh làm gì?

Diễm nghĩ có lẽ Vượng đã nghe chị Tuyết hay ai đó nói về chuyện gia đình ông Thắng Đạt muốn cậu con trai cầu hôn với nàng – Diễm cười buồn : “*Chuyện của người lớn, em chưa hề biết...*”

- Nếu em “*biết*” được thì sao?

- Chuyện ông Thắng Đạt ma mãnh làm “*thua lỗ*” công ty của nhà nước đến giải thể để rồi được về hưu non – lập công ty riêng khai trương rùm beng, lấy tên mình và tên con dựng bảng hiệu – ở thị xã ai mà không biết...

- Nhưng cậu Đạt bây giờ là Giám đốc rồi ...

Giọng Diễm trở nên giận dỗi gay gắt bất chợt : “*Anh đánh giá em như vậy sao?*”.

Vượng thấy mình có lỗi. Gương mặt sa sầm u tối của Diễm, giọng nói bất bình hiềm thấy ở nàng đã khiến Vượng bồi hồi, khó xử. Anh biết mình đã chạm đến nỗi đau của Diễm một cách vô cớ. Anh tin là nàng sẽ khác với suy nghĩ toan tính của mẹ từ sự khác biệt bên ngoài : Diễm giản dị, có chút biếng trễ lười xúi trong cách ăn mặc so với mẹ nàng luôn son phấn với bao kiểu áo quần model mới.

Anh cầm lấy tay Diễm : “*Anh xin lỗi, anh vô tình ...*”.

Nước mắt Diễm bắt đầu chảy ràn rụa trên hai gò má nhợt nhạt...

Sau lần gặp lại Thảo Phương ở Quy Nhơn trong chuyến nàng theo đoàn tham quan ghé lại – Thảo Phương gọi điện cho anh đều đặn. Nàng bảo nàng không muốn viết thư vì muốn nghe giọng của Vượng. Muốn được anh trả lời ngay những câu hỏi, những thắc mắc – hay vỗ về an ủi nàng như thuở còn ở Saigon ; bởi vì xa anh, nàng rất cô độc. Sống cạnh cha mẹ (chỉ lo bay nhảy áp phe) và người anh cả (chỉ lo chạy theo những cuộc tình) – nàng rất đôi buồn chán. Thậm chí, nàng bảo – “*Em có nằm chết cứng trong phòng riêng cũng chẳng ai hay!*”. Giọng nàng da diết.

Nghe Thảo Phương tâm sự, có lúc thật khẩn thiết – Vượng cũng vẫn cảm thấy nàng còn xa cách mình. Đời sống quá sung túc đến dư thừa của nàng từ nhỏ đã tạo cho Thảo Phương dễ nóng giận, dễ buồn chán, và có lẽ cũng sẽ dễ đổi thay trước nghịch cảnh. Mà cuộc đời của anh từ

nhỏ (nhất là lúc ba anh mất) – đã là con đường gian nan. Gập ghềnh. Với đôi chân son bé bỏng ấy, Thảo Phương có bước nổi cùng anh cho hết con đường? Vượng cảm thấy Thanh có lý khi viết cho anh : *“Mày hãy dẹp bỏ bớt cái tính lý tưởng, mơ mộng đi – rồi mày sẽ thấy được nhiều thứ...”*. Chưa được ba năm rời Saigon, sống xa cái ánh sáng chói chang đầy màu sắc ấy – Vượng đã có lúc tự cười lấy mình : *“Ôi ! cái thời sinh viên nghèo khó nhưng sao tuyệt vời đến thế!. Mắt không thấy chông gai, tai chẳng nghe sấm sét – chỉ có một đường bước tới !”*.

Giọng Thảo Phương vang lên : *“Anh có nghe em nói không?”*.

- Có – Anh cười, có nghe ...

- Nghe sao anh không trả lời em – không nói gì?

- Anh đang suy nghĩ ... Có lẽ em nên chọn một người bạn ở Saigon cùng cảnh ngộ để chia sẻ ... anh đang ở xa em, bị cột vào cái *“thời khóa biểu”* của đời sống – anh có thể làm gì được cho em bây giờ?.

- Anh không thể vứt bỏ cái *“thời khóa biểu”* nhàm chán ấy, để vào với em được sao?

“Vứt bỏ cái thời khóa biểu nhàm chán”- Thảo Phương có ý lạ, nhưng xem ra chưa thực tế, chưa thật sự hiểu anh. Đâu phải nói *“vứt bỏ”* là vứt bỏ được ngay. Vào Saigon sẽ sống như thế nào? Liệu nàng có còn mãi yêu anh? – Vượng liền linh nói :

- Vậy em hãy *“vứt bỏ cái thời khóa biểu nhàm chán”* ấy để về quê sống với anh nhé! OK ?

Thảo Phương không đáp – Nàng cúp máy.

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế, ra trường được vào làm ngay ở Công ty sản xuất bột giặt, mỹ phẩm (mà mẹ nàng có chân trong Hội đồng Quản trị) ở giữa thành phố – Thảo Phương còn cảm thấy buồn chán – Vậy tình yêu của anh, có thể đem lại niềm vui và hạnh phúc cho nàng thực sự chẳng ? Câu trả lời còn ở phía trước, mà hình như Thảo Phương chưa từng đụng chạm tới! Nàng nói liên miên về mình – có lúc cuộc điện đàm kéo dài hơn nửa tiếng! Có lẽ nàng thương yêu nàng hơn...

Một hôm – Vượng chủ động gọi cho Thảo Phương: *“A lô, em đó à? Em đang ở đâu vậy?”*.

- Em đang dự tiệc sinh nhật của nhỏ Hoàng Nhân – Anh còn nhớ cô bé học bên trường Dược không?

- À, nhớ – nhớ... có phải cô bé bị cận hai diop mà mắc cỡ không đeo kính bị đụng vào đuôi xe tải phải không?

- Đúng rồi! Bạn chí thân của em đấy...

- Em sướng nhỉ! Có bạn chí thân bên cạnh là điểm phúc rồi...

- Anh gọi cho em có việc gì?

- Không có chuyện gì cả, chỉ vì anh buồn ... giá có em ở đây nhỉ?

- Anh cứ tưởng tượng có em bên cạnh là được rồi!

- Anh dở tưởng tượng lắm! Vượng bật cười, làm bác sĩ mà cứ tưởng tượng thì chết thiên hạ hết còn gì? Nếu anh là nhà thơ thì hay biết mấy...

- Sao anh không chịu làm thơ đi ?

- Cho ai đọc?

- Cho em đọc đủ rồi...

- Có người nói, ra khỏi nhà là đụng phải “nhà thơ” rồi ; anh ngại đụng đầu quý nhà thơ ấy lắm...

- Em xin stop nhé! Tôi về nhà, em sẽ gọi lại cho anh nha...

Chị Tuyết là người phản đối trước tiên cuộc tình giữa Vượng và Diệu Huệ khi biết anh ngày càng gần gũi, quyến luyến nàng. Bà Sáu Minh chỉ im lặng. Sư Bà Tuệ Nguyên chỉ mỉm cười. Bệnh vực cho Vượng chỉ có chị Mai; nhưng lại là người ít nói, không miện lưỡi lý luận như chị mình.

Chị Tuyết nói với Vượng:

- Chị không thể hiểu nổi tại sao em lại yêu thương một cô gái sa cơ thất thế như vậy? Công lao ăn học khó khổ của em chỉ để cưới một cô vợ học chưa hết lớp 12 hay sao?

Như mọi lần, Vượng đứng dậy – bỏ ra sau vườn. Lát sau, anh trở vào, giọng ôn tồn : *“Chị có thể nói gì em cũng được, nhưng xin chị đừng đụng chạm tới sự bất hạnh của người khác ...”*.

- Cậu bệnh vực cho con bé ấy à?

- Không phải bệnh vực, nhưng là sự công bình, là đạo lý làm người...

- Cậu không cần lên giọng dạy đạo lý với tôi, ai đã cướp mang cậu, lo cho cậu nên người? Cậu không nghĩ đến những người khác hay sao?

Bà Sáu Minh bước đến gần chỗ Tuyết như muốn chặn lại những lý lẽ kể lể đau lòng mà Tuyết có thể ngồi nói rỉ rả cả buổi không hết – giọng bà buồn buồn : *“Thôi, đủ rồi! Chị em không nên bất hòa như thế. Việc vợ chồng đều do duyên số nhân duyên đưa đẩy quyết định chứ có ai muốn hay không muốn mà được đâu?”*

Vượng lại bỏ ra sau vườn.

Chị Tuyết âm ức – cười khẩy : *“Can ngăn không nghe, để rồi khổ cả đời cho biết mùi...”*

Đêm hôm ấy, sau thời kinh buổi tối, khi các ngọn đèn trong chánh điện đều tắt – đến giờ ngủ Diệu Huệ bỗng cảm thấy mệt lả, đầu hơi choáng, tê buốt. Cơn choáng kéo dài, đồng thời với nhịp đập trong lồng ngực nặng nhọc, đau thắt, khó thở. Nàng vịn hai tay qua vai Diệu Lệ lê bước vào phòng. Vừa ngồi xuống chiếu thì Diệu Huệ ói mửa thốc tháo; ngã lăn ra giường. Diệu Lệ chạy lên phòng Sư Bà Tuệ Nguyên. Các cô chú ở dãy phòng kế bên đều dồn về phòng Diệu Huệ. Không ai bảo ai, họ đều lâm râm đọc kinh.

Sư Bà đã có mặt. Bà dạy Diệu Lệ sang mời Vượng sau khi áp bàn tay lên vầng trán nguội lạnh của Diệu Huệ :

“Nam mô A Di Đà Phật!” – Bà thốt lên trong nỗi bàng hoàng.

Vượng nắm cổ tay Diệu Huệ, sờ lên trán – lặng lẽ đặt ống nghe lên giữa ngực.

-Thế nào, cháu? Sư Bà lên tiếng.

- Có lẽ đã muộn! – Vượng bần thần thở dài – Ngoài Trạm của cháu không có bình Oxy, không có máy trợ tim...

Anh thò tay vào túi áo Pyjamas lôi ra chiếc điện thoại di động SamSung của Thảo Phương tặng hôm gặp lại ở Quy Nhơn – bấm số...

Một giờ sau chiếc xe cấp cứu của bệnh viện huyện mới hú còi chạy vào cổng chùa. Người bác sĩ trực và cô y tá vội vàng bật cửa, khệ nệ khiêng bình oxy và túi xách dụng cụ, thuốc men lên phòng...

Diệu Huệ vẫn nằm im lìm. Hôn mê. Sự cố gắng xoa bóp hô hấp nhân tạo của Vượng không đem lại kết quả gì. Diệu Huệ được cho thở oxy. Máy trợ tim đặt giữa ngực.

Vị bác sĩ trực nhìn Vượng giây lâu – ánh mắt của họ âm thầm nói chuyện.

Sư Bà Tuệ Nguyên ngồi ở chiếc ghế dựa phía đầu giường, nhìn chăm chăm lên khuôn mặt nhợt nhạt đờ đẫn của Diệu Huệ – rồi thoáng nhìn Vượng: *“Có cần đưa về bệnh viện tỉnh không cháu?”*.

Bác sĩ trực đang cúi nhìn xuống chiếc máy trợ tim rồi nhìn lên đồng hồ bình oxy – thông thả đáp thay Vượng : *“Thưa Sư Bà, có lẽ không cần thiết...”*

Quả tim của Diệu Huệ đã ngừng đập sau mấy lần giật thót người lên. Oxy không vào được trong buồng phổi. Nàng đã ra đi vào lúc 3 giờ 30’ sáng- đúng giờ khai kinh buổi sớm thường ngày.

Đưa vị bác sĩ và cô y tá trực lên xe trở về bệnh viện – Vượng cũng đi thẳng về nhà. Anh đến ngồi trên chiếc ghế đá thường ngồi mỗi buổi sớm mai, nhưng không gian im vắng, lạnh buốt.

Từ phía ngôi chùa bỗng vang lên hồi chuông trống dồn dập, khẩn thiết- và lại rền vang tiếng niệm kinh như lời thiết tha đưa tiễn ngậm ngùi...

Vượng đứng lên, đếm bước loanh quanh trong khoảng sân mờ nhạt ánh sáng – lòng se thắt buồn. Anh nói thầm cho mình nghe : *“Vậy là em đã ra đi – đã rũ bỏ – đòi người thật chỉ dài trong một hơi thở...”*

Tiếng chim chuyền cành bỗng vọng lại – riu rít, trong trẻo – khiến Vượng đứng khựng lại ngơ ngác quay nhìn về phía hàng cây bạch hà. *“Tiếng chim vẫn nồng ấm còn đây, mà người thì đã vĩnh viễn xa ta...”* – Vượng thì thầm...

Th.11.2006

MANG VIÊN LONG



thơ

Áo Đỏ

TRẦN VĂN LỆ

Áo đỏ em về con phố trưa,
cây xanh óng ánh nắng mong chờ,
hình như tiếng guốc em rung gió
nên liêu bờ sông nép thẹn thù.

Con bướm trắng bay tìm chỗ đậu
(bờ vai em bướm tưởng là hoa).
Bay bay tà áo em thành bướm;
trắng, đỏ, mơ hồ tựa giấc mơ...

Bướm trắng bay quanh tà áo đỏ.
Em đâu để ý cảnh quanh mình.
Mặc cho cơn gió rung cành liễu.
Mặc kệ trời xanh đang bớt xanh.

Tôi đứng ngó theo, lòng ước muốn,
hiện thân con bướm, bóng theo hình...
để xem guốc có đau nền gạch,
để thử người ta có gọi anh!

Hình như tôi hóa thành thi sĩ
từ bữa em về con phố trưa...
Nói gió, nói hoa và nói bướm...
Nói gì rồi cũng chuyện tương tư!

TRẦN VĂN LỆ



TÌM LẠI CÔI NGƯỜI

VŨ LƯU XUÂN

Xóm Đông có một gã đồ gàn, mình gã cao năm thước, da ngăm đen, trán rộng, mày thô mà mắt sáng như sao. Gã tiếp nhân xử thế bằng giọng cười hề hà, dễ dãi. Tuy vậy gã ngoại nhu, nội cương. Tuy không ưa tranh chấp với đời, nhưng lập trường luôn luôn dứt khoát. Gã không chịu theo gió mà giương buồm, lưng gã ngắn nên khó cong, cẳng thấp mà cứng nên không chịu quỳ, đành cam phận đối rách, bởi thế gã mới mang danh đồ gàn.

Cha mất sớm, gã ở với mẹ già. Thuở nhỏ gã nổi tiếng thần đồng. Một hôm theo mẹ về kinh, được mẹ dẫn đi xem lễ xướng danh. Trên đầu voi, tên lính đầu đội nón chóp đỏ, lưng thắt dải điều, chân cuốn xà cạp, gân cổ thét loa, tên xướng cả buổi khắp phố phường, mới thấy thầy cử ung dung, đỉnh đạc rẽ đám đông bước tới, mọi người đều khen ngợi trầm trồ. Gã hỏi mẹ :
- Đâu cử nhân có khó lắm không?

Mẹ gã đáp:

- Tuy cũng thập niên đăng hoả, nhưng tài phải trên muôn người.

Gã còn bé mà mím cười khinh thị. Lớn lên, gã đọc thiên kinh, vạn quyển, nhưng chí không ở công danh, gã chỉ mong báo hiếu mẹ già. Gã tài cao, tiếng đồn vang tới kinh thành, chân cử nhân, tiến sĩ tưởng chiếm được trong sớm tối, vậy mà ba phen lều chõng, vẫn không kiếm được một chân tú tài, có lẽ cái tâm cuồng phóng của gã không làm vừa ý các khảo quan. "Sĩ khả bách vi" gã xoay đủ trăm nghề, mà nợ áo cơm không phút buông tha. Gã bốc thuốc thì không có người bệnh, thiết trướng được một tháng thì gia chủ kiếm có cho thôi. Mẹ gã muốn kiếm dâu hiền để gã an tâm đèn sách, nhưng thời hạ nguyên khó chọn được gái tảo tần. Tuổi ba mươi mà thân chưa lập. Đời gã là một chuỗi dài thất bại, nhưng chưa từng ai thấy gã nhăn mặt thở than. Cuối cùng gã phải ngày ngày vào rừng đốn củi, hoặc gánh nước tưới rau, sáng sáng mang ra chợ bán, mong đổi lấy hai bữa cháo cơm đắp đổi qua ngày, hấn chỉ thương mẹ già sớm hôm vàng vổ. Một năm, nhân ngày lễ hội, gã vác chiếu tới cổng chùa, bói cỏ thì để đoán cát hung, nhưng tiền kiếm được, chỉ đủ để mua cho mẹ già hai chục thang thuốc. Giáp tết, gã tới cửa chợ, trải giấy hồng điều, ngồi viết câu đối, nét bút xương kính, có thủ pháp của một bậc đại hành gia, nhưng tiền kiếm được, cũng chỉ vừa đủ mua chiếc hòm gỗ tạp, chôn cất mẹ già. Mẹ chết sau một cơn bạo bệnh, gã dựng lều cư tang ba năm bên mộ. Tang mãn, gã đốt hết sách vở, không phải gã ngạo thị thánh hiền, mà chỉ dốc chí đoạn tuyệt công danh. Khi ngọn lửa phần thư tắt hẳn, gã quảy gánh lên đường, lang thang vô định. Gã đi về đâu, gã định làm gì, e rằng trời già cũng không hiểu nổi.

Một buổi chiều, phần đói bụng, phần mệt mỏi rã rời, gã tới gõ cửa một ngôi chùa cổ. Sư già mím cười bao dung, mở rộng cổng đón gã vào. Sư già múc cho gã một bát cháo gạo hầm với chút muối trắng. Cháo nóng, gã húp xì xụp, mình vã mồ hôi mà cảm thấy rất ngon, sinh lực phục hồi.

Buổi tối, sau tuần chuyện vãn, biết gã là danh sĩ thất cước, sư già đưa cho gã ba chiếc gối trúc, nước trúc bóng xậm mồ hôi. Sư già giảng giải :

- Ba chiếc gối này không phải vật tầm thường, mà do một đạo sĩ núi La Phù đời Bắc Tống để lại. Chiếc thứ nhất là "Hội chân chằm", những kẻ thất tình nằm gối này có thể gặp tiên. Thứ nhì là "Trạng nguyên chằm", kẻ sĩ tam phen lạc đệ, nằm gối này có thể thỏa mộng công hầu. Thứ ba là "Cự phú chằm", kẻ bần hàn ngày không đủ hai bữa cháo rau, nằm gối này có thể thấy mình phú gia địch quốc. Mỗi giấc mộng kéo dài được ba mươi năm, từ tráng thời tới lúc vãn niên. Ôi kiếp phù sinh, cõi đời không bằng cõi mộng, há chẳng nên gối mộng mà quên đời. Nhà thầy, hãy thử xem.

Sau hồi tư lự, gã hỏi :

- Xưa nay đã có ai gối đầu nằm mộng rồi chết hay chưa?

- Mô Phật! Việc ấy thật chưa từng xảy ra.

- Bạch cụ, mộng dù ba mươi năm cũng có lúc phải tỉnh, kê vàng tình mộng, kẻ thất tình vẫn mượn rượu giải sầu, hàn sĩ vẫn áo gai, giày cỏ. Mộng tàn, tất cả đều mất, tiêu ma luôn cả cái tráng chí đối mặt với đời.

Gã sẽ đẩy lui ba chiếc gối, hào khí ngút trời, khảng khái từ tạ:

- Bạch cụ! cất đi thôi.

Sư già biết gã là người cao khiết, có ý xem trọng, nên lưu gã lại chùa, sớm hôm bầu bạn. Sư già thân gửi cửa không, nhưng ư kết giao với khách văn chương, thường cùng gã gác tay đàm luận rất là tương đắc.

Chùa rộng, vườn hoang, được phép sư già, gã rẫy cỏ, vỡ đất trồng ngô khoai, bầu bí, lại thêm mấy liếp rau xanh. Từ đó vui cảnh đời đạm bạc, trưa chiều ba chén cơm hẩm, sáng ra uống một bát nước trà tươi đặc, để chiêm nghiệm cái cồn cào sau một đêm bụng đói. Đêm đến, gã bắc chõng tre bên cội mai già, đầu gối lên khúc cây, nằm ngửa mà ngắm trời. Gã rất yêu trăng, nhưng lại khó tính, gã ghét những gì viên mãn tròn đầy, trăng mười lăm, mười sáu quá sáng, gã ví như người con gái đẹp mà kiêu. Những đêm trăng tròn, gã nằm sấp, úp mặt mà ngủ. Gã cũng ghét trăng thượng huyền, gã ví như hạng liễu ngỗ, hoa tường, trời chưa kịp tối đã vội mọc. Gã chỉ yêu trăng hạ huyền. Trăng hạ huyền bắt gã nằm chờ, có khi tới nửa đêm, trăng như lá lúa mới dịu dàng nhô lên đầu ngọc trúc. Sương rơi càng nhiều, trăng hạ huyền càng đẹp, cái đẹp mung lung, hư huyền.

Một buổi tối, gã nằm khoèo đợi trăng rồi thiếp ngủ. Trong mộng, gã lại thấy mình lang thang vô định, quán gió, lều trắng, chân tuy mỏi, mà lòng không chán vẻ đẹp của đất trời. Một hôm gã ngược dòng suối trong, vượt lên thượng nguồn. Gã leo lên một mỏm đá nghỉ chân, mắt lơ đãng nhìn trời, ngắm đất. Gã chợt nhận ra dòng suối này thật lạ. Một dòng nước trong, đôi bờ khác biệt, bên này rừng hoang còi cọc, cảnh vật tiêu điều. Bên kia là rừng đào bát ngát, thoang thoang hương bay, thấp thoáng sau dãy rừng là đình tạ trùng trùng, mái ngói cong, xanh biếc như màu ngọc lưu li. Gã ngạc nhiên chưa dứt, bỗng thấy xa xa thấp thoáng một bóng người, đó là một ông lão trạc sáu mươi, đầu đội nón mê, thân khoác áo lá, tay vác cần câu, nét mặt lão hân hoan như đứa trẻ thơ. Thấy gã, ông lão nửa ngạc nhiên, nửa mừng rỡ :

- Ôi huynh ông từ đâu tới, chắc là khách đường xa? Nơi đây hai mươi năm chưa từng có người lai vãng.

- Thưa cụ, tôi là gã hành cước bốn phương, dừng chân vì cảnh lạ, không ngờ lại làm phiền đến cụ.

- Phiền gì. Hai mươi năm mới gặp lại người đời, mừng còn chưa hết. Lại đây, lại đây với lão.

Ông lão dẫn gã về một gian lều cỏ, đẩy cổng bước vào, lớn tiếng gọi :

- Lão Nguyễn đâu rồi, hôm nay may thật, đã câu được hai con chép vàng, lại gặp khách quý, lão mau ra đây giúp ta, làm bữa gỏi cá nhấm rượu.

Cuộc rượu được bày bên bờ suối. Gã nghiêm trang hỏi :

- Hai vị thân gửi rừng sâu, chí ở núi cao, chắc hẳn cũng là bậc danh sĩ trốn đời.

Ông lão cười ha hả :

- Danh sĩ gì bọn ta, ta với lão Nguyễn đây là lũ dân chài, đọc chưa xong cuốn kinh ba chữ, nhớ chưa nổi tên bảy vị tiên hiền. Tám thân lưu lạc tới đây cũng vì một cuộc vui đang dở. Huynh ông có từng nghe ai nhắc tới Lưu Thần, Nguyễn Triệu chưa? Là hai ta đó.

Gã ngạc nhiên :

- Hai vị là Lưu Thần, Nguyễn Triệu sao? Thuở nhỏ tôi ưa đọc ngoại thư, cũng được biết qua kỳ tích của hai vị.

- Chuyện của hai ta, người đời vẽ rắn thêm chân, lại hoàn toàn thuật sai về chung cuộc. Nay huynh ông, tháng này là cuối hạ, mà bên kia đào nở bạt ngàn, huynh ông thấy có lạ không? Chính là cõi Đào Nguyên đó.

Lão họ Lưu chỉ dòng suối:

- Đây là ranh giới giữa đôi bờ mộng thực. Bên này giá buốt, đá sỏi khô cằn, muốn tồn tại phải đổi bát mồ hôi lấy bát cơm. Bên kia là cõi Đào Nguyên, con người không phải lao lực, mà ba ngày một tiểu yến, năm ngày một đại yến, người đẹp lớp lớp như mây. Hai ta đã vượt qua ngọn suối này, lạc vào chốn Đào Nguyên, ba năm sau, chợt nhớ mùi đất mẹ, lại lội suối trở về.

Thế rồi từng lời chậm rãi, lão kể lại chuyện xưa:

- Trước kia, ta với lão Nguyễn vốn là bạn chài, cảnh nhà thanh bạch, hai ta đều còn mẹ già, lại thêm thê tróc, tử phục, nhưng tính vốn thích ngao du. Một hôm hứng rượu, cứ theo dòng suối mà đi mãi tới thượng nguồn. Ngang tới vùng này, chợt thấy rừng đào đẹp, trái đào thơm, liền hăm hở lội qua dòng suối tiến vào, ai ngờ kẻ tục mà lạc tới Đào Nguyên. Người tiên vốn hiếu khách, gặp kẻ tục không chút tị hiềm, ân cần đón tiếp. Đào Nguyên cảnh như tranh vẽ, đào hồng, lựu thắm, liễu xanh xanh, khắp nơi gác tiá lầu son, vang lừng nhã nhạc. Hai ta lưu lại cõi tiên, làm cuộc đổi đời, từ một gã dân chài chân đất, áo thô, cơm ăn chỉ có tôm cá, nhà ở sang lắm là vách đất ba gian, gỏi tre, giường gỗ, phứt chốc áo lụa xênh xang, nằm giường thất bảo, ở điện lưu li, ta với lão Nguyễn như lạc vào cõi mộng, quên cả quê nhà, quên cả công ơn mẹ hiền một nắng hai sương, nuôi con khôn lớn; quên cả người vợ tào khang, thịt da khét nắng, bắt ốc mò cua; quên cả những đứa con bụng ổng, dít eo, mũi rãi lòng thông. Để chúng ta quyết tâm đoạn tuyệt quá khứ, bà Tây Vương mẫu quản cố Đào Nguyên đã gả cho ta và lão Nguyễn hai cô gái nhà trời. Vợ chúng ta ư? Lũ ta thô lậu, không đủ lời mà diễn tả vẻ đẹp. Hôn lễ tưng bừng, khách tiên ba mươi sáu động đều đến chung vui. Yến tiệc rông rã ba ngày, rượu quỳnh tương màu hổ phách tuôn như suối chảy, uống vào ngọt lịm, không có vị chấy cổ như rượu trắng quê nhà. Trong đêm hợp cẩn, vợ ta nâng chén giao bôi, nhìn ta nửa phần e thẹn, nửa phần bần khoản:

- Mỗi tình tiên tục của đôi ta không biết kéo dài được bao lâu? Cõi tiên không có răng long đầu bạc, nhưng tình người tiên cũng không kém thủy chung. Chỉ sợ hương lửa đang nồng, trạnh niêm cổ quận, chàng lại bỏ thiếp bơ vơ.

Ta cảm động cầm tay vợ rưng rưng:

- Ta nửa đời cơ khổ, sớm đốn củi, chiều buông câu, ngày ngày vỡ đất khai hoang, lực đã tận mà miếng ăn chẳng đủ. Nay gặp cuộc đổi đời, há còn mơ gì cảnh cũ. Ta xin thề với trời đất...

Ta chưa kịp dứt câu thì nàng đã chặn lại :

- Chàng không phải thề, hai ta sống với nhau bằng cội lòng, không bằng lời nói.

Từ đó ta với lão Nguyễn sống ở cảnh tiên, ngày tháng tiêu dao, an nhàn cùng cực, tưởng chừng không hạnh phúc nào bằng. Nhưng lòng người thật lạ, sung sướng được hơn năm, ta bỗng gặp cái gì man mác, băng khuâng trong ánh nhìn của lão Nguyễn, còn lòng ta cũng vơi vợi nhớ thương. Một bữa ăn canh lý ngư, ta chợt nhớ bát canh cua đồng nấu với rau đay nhơn nhớt, uống chén rượu thanh mai dầu dậu, ta chợt nhớ tới rượu ngang xé lòng. Nghe gió heo may ta bỗng hoang mang, không biết đông giá quê nhà, mẹ hiền có được manh áo ấm? Rồi tết đến, vắng ta, con thơ có được tấm áo lụa để khoe với bạn bè? Rồi người vợ gầy còm, có đủ sức chăn bầy gà, ồ lợn làm kẻ sinh nhai? Tâm sự mang mang, ta với lão Nguyễn chẳng dám nói ra, nhưng cũng hiểu nhau qua tiếng thở dài bất chợt. Vợ tiên hình như linh cảm được điều gì bất ổn. Ở cội tiên không có tình buồn, mà người tiên bỗng thấy lòng sâu vơi vợi, đó là căn bệnh của cội người lây tới thiên cung. Vợ ta dịu dàng, nhỏ nhẹ :

- Không biết cảnh tiên có gì khiến chàng buồn? Không biết thiếp vụng về có gì làm chàng không vừa ý?

Ta không dám nhìn nàng, cố thu hết can đảm:

- Ta nhớ quê nhà.

Vợ ta thở dài:

- Cội tiên không giống cội trần, người tiên không giống người trần, thiếp đã biết trước sẽ có ngày hôm nay. Nhưng một ngày cội tiên bằng ba năm dưới thế. Chàng đã dừng chân nơi đây ba năm, như vậy trở về quê nhà, chàng đâu còn gặp lại cảnh cũ, người xưa.

Ta vẫn cúi đầu vụng về lặp lại:

- Ta nhớ quê nhà.

Vợ ta ngậm ngùi, an phận :

- Thôi đành vậy, chàng nên xin phép về quê, rồi mau mau trở lại cùng thiếp, thiếp mong.

Ta với lão Nguyễn dừng chân bên bờ suối, nhìn lại cảnh tiên, lòng muôn vàn bịn rịn, nhưng tình quê vẫn thấy nặng hơn, nên đành dứt áo, vượt qua dòng suối, tìm lại quê nhà.

Về gần đến quê, lòng ta hồi hộp, những mong chớp cánh mà bay, nhưng bước tới đầu thôn, chân bỗng ngập ngừng, một phút mãi vui, ai dè chớp mắt đã ba năm, giờ về đây, những e mẹ già quở phạt, lại sợ vợ trẻ, con thơ trách móc vì mãi vui quên cả gia đình. Sau phút băng khuâng, ta bỗng nhận ra cảnh vật đổi sao dời, vẫn lũy tre xưa, nhưng xóm làng đổi mới, nhà nhà đều có hàng rào vây bọc, có lẽ lòng người đã khác xưa, không còn rộng mở. Nhà cũ của ta đây rồi, đón ta, con chó già nằm lười giữa sân lạnh lùng sủa hung hăng, rồi một ông lão trạc tám mươi, chống gậy ra mở cổng. Ông lão hoàn toàn xa lạ, nhìn ta ngơ ngác, không lẽ nhà ta đã đổi chủ. Ta vội hỏi:

- Chắc cụ là người phương xa mới dọn tới đây.

- Ông làm rồi, dòng họ tôi đã bấy đời lập nghiệp ở làng này, đây là nhà tôi sinh sống từ tấm bé.

- Vậy không lẽ tôi làm nhà, đây không phải là nhà Lưu Thần sao. Tôi là bạn cũ của Lưu Thần xin gặp.

- Lưu Thần nào? - Ông lão nhú mày - Tên này rất quen. À tôi nhớ ra rồi, tăng tổ tôi cũng có một người tên là Lưu Thần, nhưng nghe đâu cụ đã theo bạn nhập Đào Nguyên, từ đó bóng chim tăm cá, cả làng không được tin gì.

Ta ngậm ngùi bỏ đi. Lão Nguyễn cũng gặp cảnh ngộ như ta. Đúng như lời người tiên đã nói, một

ngày cõi tiên bằng ba năm dưới thế. Rồi đó ta và lão Nguyễn lại rủ nhau đi biệt. Hai ta đi đâu? Dĩ sử hoang ngôn, người đời nhiều chuyện, tất cả đều kể hai ta ở làng được ít lâu, không kham nổi cảnh đời cực khổ, lại lặn lội tìm về Đào Nguyên, nhưng mộng cũ mê đường, hai ta lạc lối. Đào Nguyên đâu không thấy, hai ta đi tìm, lang thang tới chết, chết đi vẫn hận, hoá thân thành loài diều, cứ mùa Đông lại bay về quê xưa.

Lão Nguyễn ngừng kể, nhìn gã băng khuâng:

- Nay huynh ông, thực ra hai ta vẫn tìm lại được chốn này và Đào Nguyên đang ở trước mặt, nhưng bọn ta đã dừng chân nơi đây, dựng lều bên suối hai mươi năm rồi, lòng vẫn dằng co, phân vân giữa đôi bờ mộng thực. Ở bên này bờ thì phải vỡ đất khai hoang, tận lực mưu sinh, qua bên kia bờ, cuộc sống tuy an nhàn sung sướng, nhưng lòng lại nhớ thương trùng trùng, nhớ bát canh cua ăn với quả cà, nhớ mùi thơm của hương lúa mới, nhớ giọng ngọt ngào của lời mẹ ru con, nhớ cả những tiếng chửi thề, văng tục của bọn người kẻ chợ. Đi hay ở, bề ngoài tuy giản dị, nhưng sự chọn lựa bao giờ cũng đầy khắc nghiệt, cuộc chọn lựa kéo dài đã hai mươi năm.

Buổi rượu đã hầu tàn, gió đêm gai gai trở lạnh, lúc ấy trăng hạ huyền vừa mọc, đâu đây vắng vắng tiếng trúc, tiếng tơ. Gã vốn là người yêu nhạc, ngơ ngẩn lắng nghe. Tiếng đàn thật lạ, không phải cung bậc ngũ âm, tiếng đàn tuyệt vời diệu luyện, nhưng sao không rung động lòng người, hình như trước sau chỉ có một giai điệu đầm ấm vui hoà, như chim muông ríu rít. Tiếng đàn không có cái xót xa của cảnh sớm hôm, chiều tan, không có cái tái tê của cuộc tình lặn đục, không có cái khắc khoải của người vợ trẻ trông chồng, không có cái chán chường, dằn vặt của gánh nặng áo cơm, cũng không có cái ray rứt của cuộc đời trăm cay, ngàn đắng, tiếng đàn như thiếu một chiều sâu lắng đọng của tâm tư. Tiếng đàn cõi tiên, đâu giống tiếng đàn của cõi người trùng trùng tâm sự. Lại có tiếng lão họ Lưu vang lên:

- Bọn ta đã hai mươi năm phân vân chọn lựa. Hôm nay sẵn có huynh ông, chúng ta nên chẳng dứt khoát một lần. Hay là huynh ông thử theo bọn ta... theo bọn ta lội qua dòng suối tìm cõi Đào Nguyên.

Gã trang trọng hỏi:

- Thưa cụ, cõi người có gì đáng chán?

- Cõi người "sinh, lão, bệnh, tử" không ai tránh khỏi, cơm áo, tình duyên, công danh sự nghiệp là vòng hệ lụy. Có một ước muốn là có một điều khổ, có trăm ước muốn là có trăm điều khổ, đời là bể khổ mênh mông.

- Trời có khi nắng, khi mưa, tình có lúc đậm, lúc nhạt, có đau khổ biệt ly thì mới sung sướng lúc đoàn viên, có đói cơm rách áo, mới thỏa lòng khi no đủ, nhìn đôi ba ngày mới thấy món "mâm đá hầm" là ngon. Đó là cuộc đời muôn màu, nghìn sắc.

"Sinh, lão, bệnh, tử" là điều không thể tránh, sao không bình thản mà chờ? Có một nỗi khổ là có một niềm vui, có trăm nỗi khổ là có trăm niềm vui, sao không can đảm bước vào bể khổ để tìm lạc thú nhân sinh?

Rồi gã lại hỏi:

- Thưa cụ, cõi tiên có gì là vui?

- Cõi tiên không có tiếng khóc, tiếng than, chỉ có tiếng cười vui và nhã nhạc, không phải làm lụng mà vẫn có của ăn, mỗi bữa cơm thường đều như yến tiệc. Ở thì gác tiá lầu son, người đẹp lớp lớp như mây, trai như cây ngọc, gái như Hằng Nga. Tứ chứng nan y không có, mà tuổi thọ sánh ngang đất trời.

- Tuổi thọ sánh như đất trời, mà trọn đời chỉ thấy một bề, như vậy còn gì chán hơn. Người người đều là cây ngọc, nhưng không có Chung Vô Diệm, sao biết Tây Thi là đẹp. Đã không đói khát thì

cao lương mỹ vị lấy gì làm ngon. Không phải làm mà vẫn đầy đủ, sao biết được giá trị của miếng cơm manh áo. Như vậy đủ thấy không có gì nhàm chán bằng cảnh tiên đơn điệu, không có gì ảm áp bằng cõi người lênh đênh. Hai cụ có đi thì đi, còn tôi quyết chí quay về.

Sáng sớm hôm sau, khi mặt trời vừa mọc, gã quấy gói lên đường. Lên tới lưng đồi, gã dừng chân ngó lại. Vượt lên ngàn dặm hoa đào là lớp lớp đình tạ, mái ngói cong xanh biếc như màu ngọc lưu li. Bên bờ suối, hai lão Lưu, Nguyễn đang đứng tần ngần, hình như giăng co bắt quyết. Chợt thấy lão họ Nguyễn bước nhanh vào bếp, lấy ra một mồi lửa, lão thẳng tay dí vào mái lá, lửa hồng theo nắng hạ bùng lên, phút chốc lều cỏ ra tro. Thấy gã còn đứng ở lưng đồi, hai lão đưa tay vẫy gọi rồi rít, rồi tất cả chạy theo. Tới đỉnh đồi, cả ba dừng lại nhìn nhau, bất giác cả cười. Rồi Lưu Thần, Nguyễn Triệu cùng gã đồ gàn tay nắm tay, xuôi dòng suối trong, tìm lại cõi người.

VŨ LƯU XUÂN



thơ

LÊ VĂN TRUNG

phương trời hieu quạnh

tôi tìm em đứt mòn hơi
hai mươi năm dấu chân người mờ phai
tìm em suốt cuộc tình dài
đường vô tận

bến chờ
ngoài nẻo không

còn gì sau cuộc phù vân
lệ tình em ướt đầm phần mộ tôi

tôi tìm em
một phương trời
một phương TÔI
một phương người
quạnh hieu.

Phan Thiết 1997

Lê Văn Trung



BÓNG TRE LÀNG KHUẤT LẤP

PHẠM HỒNG THẨM

Gã hi hí cười. Vừa cười gã vừa chạy vào bếp. Căn bếp ngay cạnh chái nhà. Gọi là bếp vì nó dùng để đun nấu. Chứ, nó có được như một gian bếp hoàn chỉnh đâu. Hai cái cột tre dựng lên phía ngoài. Mặt phía trong áp vào bức tường của nhà chính. Xung quanh, gã xây bằng những viên gạch tự tạo. Gã dùng xỉ than tổ ong đập nhỏ, trộn ít bùn đóng thành gạch. Còn xi măng cũng có, nhưng thấm tháp gì. Vì chỉ là đồ đi xin. Xin thì làm sao mà nhiều được! Hàng ngày, gã đi quanh xóm. Nhà nào đang xây dựng, gã lò dò đến. “*E hèm, ông chủ có nhà không?*”. Bao giờ gã cũng bắt đầu bằng một cái “*E hèm*”. Rồi gã moi từ trong người ra chiếc túi nilon; có khi là một mảnh giấy báo. “*Xin ông chủ tí xi măng về trát chỗ lở tường nhà nhé*”. Lão xin, nhưng không chờ chủ nhà đồng ý hay không. Miệng nói, tay lão bốc xi măng thật nhanh, ấn thật chặt. Mặc cho bụi xi măng tạt vào mắt. Rồi gã quay đít, quảy quả đi về. Cả làng này biết tính gã hay nhặt nhạnh, vợ quàng vợ xiên, mà “*chày cối*” lắm, nên cũng đành kệ. Gã thì lại cho rằng, xin thì đã làm sao. Phận nghèo như gã, xin được là tốt. Ở làng này, những công trình lớn nhỏ, phúc lợi hay công cộng, chẳng toàn đi xin đây ư. Cái nhà trường niệm liệt sĩ này, cái thư viện xã này, cái sân cho thiếu nhi chơi này; đến cả buổi liên hoan ngả lợn ngả chó, mừng được công nhận làng văn hoá... đều kêu gọi hảo tâm của bà con đồng hương đồng khôi, dâu rể ở tận đâu tận đâu về đóng góp. Chứ cứ đợi dân bản địa thì... đến khuya nhé! Còn ba cái đồng kinh phí của trên rót về ấy à, liệu có đủ chi cho mấy cuộc họp của ông làng ông xã? Rồi chi phí đón tiếp, phong bì phong bao cho cấp trên xuống duyệt ngân sách, sơ kết, tổng kết nữa chứ. Thế nên, bày việc gì ra, mấy ông làng ông xã chả tính chuyện xin xỏ tài trợ khắp nơi! Huống hồ phận nghèo như gã...

Trong bếp, tiếng hí hí của gã vẫn tiếp tục, tỏ ra khoái trá lắm. Gã bảo vợ đưa cái bát. Thì ra, gã vừa được mụ hàng xóm cho một túi nilon thịt bạc nhạc. Với người giàu có đầy đủ, thứ này chỉ để cho chó. Nhưng với nhà gã, chỗ thịt này đủ làm nên một bữa thịnh soạn. Cái nhà con mụ hàng xóm xởi lởi ra phết. Cho dù, chẳng mấy khi gã bỏ qua dịp chơi khăm nhà mụ. Đôi lúc gã tự bảo, xử như thế cũng không phải lắm. Nhưng rồi, “*tâm cao tri thức*” của một kẻ luôn bị bóng tre làng khuất lấp cùng với thói quen so kè tũn mủn, thóc mách của đất lề quê thói luôn làm gã âm ức, hậm hực. Cũng là con người, mà vợ chồng mụ ta trông cứ phơn phớt. Những ngày nghỉ, chỉ thấy họ chúi mũi trong nhà, cấm có để hàng xóm thấy mặt; chẳng bao giờ thấy họ thềm bước chân ra đầu ngõ nói chuyện phiếm cùng hàng xóm. Mấy kẻ hay buôn dưa lê cùng gã thì thầm về chắc nịch: “*Chắc lại làm cái trò con tườu đấy!*”. Có thể thế thật. Vì, lúc nào cũng thấy họ ríu rịt vào nhau. Liệu có lúc nào họ chán nhau không nhỉ? Mụ vợ lúc nào cũng quần là áo lượt; còn lão chồng thì luôn ngay ngắn, chỉnh trang, trông cứ như đi hội ấy.

Khác hẳn vợ chồng nhà gã. Nhất là con vợ gã, trông thật ngán ngẩm. Người thì quắt xà lai như con mắm, bơi trong cái áo mụ hàng xóm thả cho. Hai ống quần luôn xoắn tít lên như hai cái lò xo. Chẳng là vợ hắt hay xắn quần để lộ ruộng cắt rau cho lợn. Lúc thả ống xuống, nó cứ cong tợn lên. Khổ nhất là khi vợ gã cất tiếng nói, không khác gì xé vải. Chứ đâu được êm ái, từ tốn như mụ hàng xóm. Đêm nào gã lên cơn thì chỉ sùng sục được một tí là ngổm. Rồi, thả mụ vợ ra ngay. Cái bộ khung của vợ gã cứng đơ, đọng đâu đâu đấy. Sung sướng cái nỗi gì mà âu với chẳng yếm.

Tiếng dao thót vang lên bộp bộp. Vợ gã đang hăm hờ băm trong bếp. Gã phải chạy ra chợ mua ít hành với rau sống. Lâu lắm mới có dịp được bữa tươi đây. Cái chỗ thịt bạc nhạc mụ hàng

xóm cho ngon đáo để. Chẳng qua đó là chỗ mỡ dất của thịt nạc vai, mỡ lọc ra. Mỡ bảo, chồng mỡ bệnh tim, kiêng mỡ. Chứ gã biết, đồ thừa của nhà mỡ còn ngon hơn chán vạn những thứ hàng cơm bụi dùng moi tiền khách. Bởi chục năm trước đây, chính gã đã từng mở hàng cơm bụi; dù gã mắc bệnh ho lao; dù tiếng thở của gã lúc nào cũng khèn khẹt khèn khẹt; dù là ngồi bán hàng ăn, lão luôn miệng khạc nhổ đờm dãi khắp nhà. Nhưng khi đó làm gì có ai bắt gã phải kiểm tra sức khoẻ và phải có giấy phép hành nghề đâu cơ chứ! Thấy thiên hạ bung ra mở quán ăn uống các kiểu, thì gã cũng mở. Cơ chế thị trường mà! Gã nhờ anh em họ hàng vay tiền ngân hàng. Gã làm ông chủ. Gã thuê một người nấu và mấy con bé người làng chạy bàn. Cứ nghĩ, thế là hốt bạc. Cứ nghĩ, kiếm tiền dễ như bỡn. Cứ nghĩ, sẽ giàu lên nhanh chóng. Nhưng rồi chỉ một thời gian ngắn, gian hàng cơm bụi thuê mặt đường của gã vắng như chùa bà đanh. Bàn ghế bị phủ một lớp bụi dày vì ô tô chạy vèo vèo trên đường tung đất cát mù mịt. Để tranh giành khách, các nhà hàng cạnh tranh nhau theo đủ kiểu, kể cả kiểu đồn thổi vào tai nhau đủ các tin thất thiệt. Đúng có. Sai có. Riêng cái tin về bệnh lao phổi của gã thì đúng đến cả trăm phần trăm rồi. Không bị lao phổi, sao người lão cứ quắt lại chỉ có da bọc xương. Hai hốc mắt trắng dã. Da mặt vừa xỉn vừa vàng. Thế là, chẳng mấy ai dám bước chân vào quán của gã, ngoài những khách qua đường bắt chột. Hết ngày này đến ngày khác, ngồi đuổi ruồi chán, gã đành gói ghém bát đĩa xoong nồi, rồi là thìa đĩa ghế bàn, tất tần tật về nhà; khoan tay bó gối suốt ngày ngồi ngoài cửa nhìn mọi người qua lại. Không sức khoẻ. Không kiến thức nghề nghiệp. Không tri thức kinh doanh. Nhưng lại muốn làm ông chủ. Quả là chẳng dễ như gã tưởng! Cái thời chỉ quanh quẩn đầu làng cuối xóm, gã thấy thằng chó nào chẳng như nhau; nên gã nghĩ, mình nào kém cạnh chi ai. Giờ là lúc mở cửa. Giờ là lúc sánh vai cùng thiên hạ. Cái loại nông dân xó ngoại thành đang trên đường thành thị hoá như gã, mới thay được bộ quần áo trên người đã tưởng làm mưa làm gió với thiên hạ được. Hoá ra đụng đâu sập đấy... Cũng khó thật!

Gã hăm hở xách túi hành rau đi về. Còn nhớ mua thêm quả trứng. Làm nem có quả trứng đập vào mới ngon. Lại nói đến trứng.

Hồi nhà mỡ hàng xóm mới dọn về được nửa năm, gã cứ thấy tức anh ách. Đang đứng, ở đâu về làng này. Lại ở ngay sát cạnh nhà mình. Nhà thì xây thật cao. Cổng lúc nào cũng đóng kín. Lắm lúc muốn liếc xem họ ăn thế nào, ở ra sao, mà không được. Thế là có đêm, ngó nghiêng thấy nhà mỡ hàng xóm đã im ắng, sau một buổi tối khách khứa tấp nập, gã lò dò lùa tay qua khe cổng sắt, liệng vào chính giữa cửa ra vào nhà quả trứng thôi. Bỏ tức! Gã lồm bồm vậy khi lách mình qua cánh cổng gỗ đã mục nhà mình. Sáng hôm sau, gã thấy ông chồng mỡ hàng xóm lễ mễ xách nước rửa cửa. Mỡ vợ cầm cái chổi rế, xoa xoa chùi chùi mãi. Mùi trứng thôi mấy ngày sau gió còn đánh thoang thoang sang nhà gã. Vậy mà tịnh, không thấy cả hai vợ chồng nhà ấy lên tiếng kêu ca, chửi bới. Khác hẳn những kẻ ở làng này. Thử đụng vào chúng xem. Chúng chẳng mang ghế ra ngổ ngồi cho đỡ mỏi; rồi chửi từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, thậm chí từ chiều cho đến đêm, là cái chắc! Mà “tuyên ngôn” thì toàn những điều đao búa cả. Nào là, xâm phạm địa phận. Nào là, xâm phạm chủ quyền. Nào là, ông muốn yên thân mà không được. Ông sẽ gọi cú gọi cáo moi mắt chúng mày ra. Ông sẽ kêu hồ vồ xé xác chúng mày ra. Ông sẽ kiện lên ông xã, ông huyện. Xét thấy cần thiết, ông sẽ kêu xa hơn... Ôi, nhiều thứ đe dọa lắm. Nhưng thực ra, cuối cùng cũng đâu vào đấy, chúng có làm gì được nhau. Còn với mỡ hàng xóm, hôm sau đi làm gặp gã lúc mở cổng, chỉ phàn nàn không biết đứa trẻ nhỏ nào nghịch ném trứng thôi vào nhà, khó chịu quá. Gã ậm ừ, rồi lảng.

Vợ gã đang hì hụi trong bếp. Thấy gã bước vào, bèn giăng lấy túi rau, moi ra quả trứng, đập đánh cạnh một cái vào mẹt nồi. Rồi vớ đôi đũa quấy tít thò lò, trông như múa. Gã ngồi nhặt rau bên cạnh. Một lúc sau, mùi nem rán thơm phức cả gian bếp. Vừa lúc, thằng con út ở ngoài đường chạy về, lồm lem từ đầu đến chân, tay xách mấy con cá hìn hìn vừa rô vừa trạch. Hoá ra nó đi hôi cá ở cái đầm sau làng. Cái đầm này là do mấy người xóm trong đầu thầu nuôi cá đã đến lúc thu hoạch, tát nước từ sáng qua chắc giờ đã cạn. Hồi đầu thầu, gã được họ gọi cùng vào hội, nhưng gã ngại ngại. Tiền góp vốn thì có thể đi vay. Kinh nghiệm nuôi cá thì mấy ông đó không thiếu. Nhưng cái khoản thức đêm thức hôm thay nhau trông coi đầm cá thì gã ngại thật sự. Mẹ nó

chứ, đêm đông lạnh giá, lại còn mưa nữa; đang ngủ trong chăn ấm, con vợ bên cạnh dù có gây nhằng gây nheo, khi cần vẫn thúc được con cu vào, không sợ hơn là phải chong mắt ra để dạo dạo canh trộm à? Thằng nào chịu được thì làm, chứ bố mày chẳng đại! Thôi thà nhịn đói nằm co, còn hơn...

Gã hò con ném dây cá vào chiếc sành vỡ gần chuồng lợn. Dây cá hìn hìn này cũng được nhiều kho nhỏ nhỏ đây. Kho mận lên, chấm mút cũng được đôi bữa, gã thâm nghĩ. Tội gì mà lẩn lụng ra làm. Đây, không vào hội nuôi cá, mà giờ vẫn có cá ăn. Thằng nào làm thì ăn cá to. Mình không làm thì mình ăn cá hìn hìn. Miễn là có cá! Lại đi... phải thức đêm thức hôm. Mệt xác.

Nghĩ vậy rồi gã bê mâm cơm lên nhà. Lúc ấy, gã mới rút trong túi quần ra chai rượu trắng nhỏ. Thì ra gã không quên mua cái món quốc lủi cay cay để hỉ hả nâng lên đặt xuống. Thấy gã giơ tay với chiếc cốc sành trên bàn nước, vợ gã nguýt dài: *"Uống cho nổ cổ ra à? Rồi lại cái chứng lè nhè... Đi... chịu được!"*. Gã hì hì: *"Chỉ đồng bạc ấy mà, bằng mớ rau chứ... đi... gì"*. Vợ gã vặc lại ngay: *"Mớ rau, mớ rau cái đi... gì. Có sao lại khổ con này đưa đi viện"*. Gã thâm nghĩ, im cho ngon miệng. Nó nói chán, nó thôi. Thằng con ngồi cạnh và lấy và để. Chẳng một câu mời bố mẹ. Thấy kệ ông bà ấy. Bữa cơm nào mà chẳng va bát va đĩa. Chuyện vặt ấy mà.

Mâm cơm đã vãn. Chỉ còn lại chõng chơ mấy cái đĩa bát không. Bộ mặt hóp heo của gã đã hồng lên vì hơi men. Nếu không có hơi men, trông nó y trang một cái đầu lâu vẽ trên những thân cột điện cao thế. Giống nhất là cái bộ răng hô của gã. Bộ răng vàng khè, chìa ra phía ngoài, tạo một góc đến bốn năm độ so với chiều thẳng đứng. Trông gã lúc nào cũng như cười.

Gã quay phải quay trái, chẳng thấy vợ đâu, con đâu. Quái lạ. Con mụ này mang cái giọng xoe xoe đi đâu rồi không biết. Không bê cái mâm rếch này đi cho khuất mắt. Chắc lại ra ngoài ngõ "buôn" rồi. Cái loại đàn bà chưa đặt đít đã đặt mồm. Rõ là... Tức nhất là mỗi tối, khi mình đang ngồi góc đường cạnh nhà, bàn thế sự với cái lão Đều hàng xóm, mụ ấy nháy xỏ vào góp chuyện. Có khi gã quát vợ: *"Biết cái đi... gì mà nói"*. Mụ vặc lại gã: *"Việc đi... gì đến ông"*. Đôi khi gã im. Cũng có lúc hai vợ chồng đôi co, âm ỉ như cái chợ.

Ờ, mà sao lão hàng xóm nhà mình lại tên là Đều nhỉ? Nói chệch đi một tí thì là Đều. Mà lão đúng là *đều* thật...

Nhà lão Đều ngay cạnh nhà mình. Cái nồi chứa nước đái bằng đất, nó đặt sát bờ rào kề sân nhà mình. Đêm khuya, mỗi lần đưa nào nhà nó đi tiểu, nước đái bị sục lên mùi khai gắt mũi hắt luôn vào cửa sổ chỗ mình nằm. Mình nói thì nó bảo, nhà nó, để nồi nước đái chỗ nào là quyền của nó. Ờ hơ, sao nó ngu thế nhỉ? Mình mới hỏi nó: *"Thế ông không biết, tivi nó bảo, ô nhiễm bầu không khí làm ảnh hưởng đến tất cả mọi người là gì? Đến nước Mỹ to như thế mà còn bị cái tổ chức gì gì ấy của thế giới, Giao hợp quốc, à... à... Liên hợp quốc đe phạt vì xả nhiều khói lên trời, đấy à?"*. Đang đôi co, nghe mình nói nó cười rũ rượi. Mình càng cáu. *Giao hợp* hay *Liên hợp* thì khác đi... gì nhau. Cùng theo cái kiểu, nhiều thứ hợp lại làm một chứ đi... gì! Rồi không biết vô tình hay hữu ý, ngay sau đó mấy hôm, nồi đất vỡ, nước đái lênh láng chảy sang sân nhà mình. Lúc sau, nó chạy sang cười hề hề xin lỗi. Tức như bị bò đá vào c... mà mình không biết nói sao? Thế mà ngay tối đó nó còn trâng tráo, ời ời: *"Ông Bụi ơi, sang chơi. Có ấm chè mới pha"*. Biết thừa nó buồn, gọi mình sang nói chuyện cho vui. Chứ nước chè nhà nó ra cái đi... gì. Chẳng khác nước đái bò. Nhưng rồi gã cũng sang. Sang, chứ ngồi nhà biết làm đếch gì cho hết buổi tối. Điện chỉ dám thắp một ngọn đèn nhỏ. Tivi cũng thỉnh thoảng lăm mới bật. Dùng nhiều, tiền đâu trả. Mới lại, nó đều đấy nhưng nó vẫn còn mời mình sang nhà nó, dù chỉ là ngồi đầu hè, dù chỉ mời uống cốc nước chè hạng bét. Chứ cái nhà lão hàng xóm mới đến, còn khuya mình mới được mời vào nhà lão nhé... Ờ, mà lão ấy cũng hay thức khuya thật. Làm cái chó gì mà suốt tối cứ thấy bóng lão ngồi nghiêng nghiêng ở sau bức rèm cửa sổ, tay giơ cái gì trông như quyển sách. Đọc đi... gì mà đọc nhiều thế?

Gã rũ quần đứng dậy. Thấy mẹ cái mâm bát rếch này. Để con mẹ nó về mà dọn. Bố mày xoi giắc ngủ đã. Thằng con giờ đánh chắc lại tếch đi chơi rồi.

Nhưng chẳng hiểu sao, hơi men hôm nay không làm gã ngủ được ngay như mọi khi. Gã đặt đầu lên chiếc gối quen thuộc. Chiếc gối đen bóng nhẵn. Có lẽ từ khi lòng chiếc vỏ gối này đến

giờ cũng đã mấy năm rồi, chưa một lần vợ gã lột ra để giặt. Gã cũng thấy kệ. Quen rồi. Gã nằm vắt tay lên trán. Mắt cứ mở chong chong nhìn lên trần nhà. Nhà gã xây được dăm bảy năm nay. Gã giữ còn hơn giữ mả tổ nên trông vẫn sạch sẽ. Gã đã bán bớt một phần đất ông cha để lại, trả nợ cái đận vay ngân hàng mở quán cơm bụi. May mà còn có đất để bán, chứ không ngân hàng xiết nợ thì bỏ mẹ. Trả nợ xong, còn ít tiền, xây mới cái nhà này cho thơm một chút. Nhưng cũng chỉ là cái xác nhà nho nhỏ thôi. Chẳng thể có tiền để mua sắm thêm vật dụng gì. Ăn còn chẳng đủ. Ruộng thầu của hợp tác xã mấy năm nay cũng trả rồi. Suốt ngày hai vợ chồng gã hết ra lại vào. Đầu khâu chán lại mỗi người một xó. Mấy đứa con gái đi lấy chồng đã xong phận. Còn thằng út, chưa biết tính sao đây. Không lên nổi cấp ba. Hai năm nay lêu têu suốt ngày. Nhìn thằng con trai nhà lão hàng xóm mà thêm ức. Nó kém thằng út nhà mình một tuổi mà to cao vạm vỡ. Chứ đầu loắt choắt đen đui như thằng út nhà mình. Đúng là lũ thừa ăn thừa mặc. Có một lần nó suýt đánh nhau với thằng út nhà mình. Hôm đó, cánh cửa sắt của nhà lão hàng xóm không mở nổi do thằng út nhà mình chèn hòn gạch vào. Thật ra, thằng con giới đánh nhà mình sai lẽ lẽ ra rồi. Nhưng âu cũng để nó dần mặt dân tứ chiếng ấy chứ. Ở tận đâu đâu về làng này, phải biết nhé, phép vua còn thua lệ làng đấy, con ạ! Minh cũng đã định mang cuộc xềng ra, “sống chết” với nó. May mà lão bố nó mát tính, dàn hoà. Hôm sau, biết mẹ vợ mình bị cảm, mẹ nó vẫn sang thăm lại còn cho quà nữa. Thái độ nhũn nhặn ra phết. Ấy nhưng mà chẳng hiểu sao, hề nhìn thấy lũ người bên ấy là gã vẫn thấy tức anh ách...

Cứ thế gã suy nghĩ miên man, rồi lịm dần, lịm dần vào giấc ngủ....

Quái lạ, sao nhiều chuột thế. Trong căn buồng ẩm thấp của vợ chồng gã lúc nhúc toàn chuột là chuột. Chuột to. Chuột bé. Chuột đàn. Chuột nhắt. Chúng chạy rần rần đầy sàn, leo tít cả trên nóc nhà. Chúng xục vào mấy chiếc thúng để đầu giường. Chúng xục cả vào trạn bát nơi góc buồng. Chúng đánh đu trên sợi dây phơi quần áo sát tường. Chúng nằm ngửa treo người lên mấy đoạn dây điện vắt ngang lòng thông giữa buồng... Rồi, giương mắt nhìn gã. Lại còn vênh râu ngo ngoe nghiêng nghiêng. Lại còn lũ lượt bò lên người gã. Ôi, kinh khủng quá. Gã giãy dụa, vung tay, vung chân, nhưng chân tay nặng chình chịch không vung lên được. Gã gào lên, nhưng tiếng gào không bật ra khỏi cổ họng, cứ ú ớ ú ớ... Chợt một tiếng “xoảng” ngay bên tai. Gã choàng tỉnh.

Mẹ vợ gã đứng lù lù ngay đầu giường. Hai tay chống nạnh, mắt đang tia vào thằng mặt gã. Giọng mẹ xoe xoe: “*Ăn xong không biết bê mâm ra ngoài giếng, đã chồng cu lên rồi. Chỉ biết con này hầu à?*”. Thì ra đi “buôn” về, thấy mâm bát rềch chồng chơ giữa nhà, mẹ ta tức đá veo một phát, làm mâm bát xô mạnh vào chân bàn nước. Tiếng “xoảng” gã nghe thấy trong giấc mơ chính là thế. Cảm giác bị chuột bò lên người, chắc là do chất men cay gây ngứa ngứa rạo rục. Dù rất khó chịu vì cái giọng xoe xoe chói tai của mẹ, nhưng gã vẫn thầm cảm ơn mẹ đã kéo gã ra khỏi giấc mơ khủng khiếp; giấc mơ về cái thời nhà tranh vách đất rách nát, chuột bọ nhúc nhúc xua.

Gã tiếp tục nằm ì trên giường. Đã quen với thói đành hanh của mẹ, cứ nhin đi là êm xuôi hết. Dù gì, lúc này gã cũng đang nằm trong một căn nhà mái bằng chắc chắn hẳn hoi. Chuột bọ cũng ít hẳn chứ không như xưa. Cũng may mấy năm qua có nhiều người trong thành phố tìm ra ngoại thành ở, nên gã mới bán được đất. Để mà gã có tí tiền xây lại căn nhà lá. Để mà không phải sống giữa bầy chuột bọ lúc nhúc như xưa. Làng gã cũng vậy, nhiều người cũng bán đất, cũng xây nhà cao cửa rộng đẹp đẽ. So với gần chục năm trước đây, làng gã giờ khang trang hơn hẳn. Đường xá cũng sạch đẹp, sáng sủa hơn. Chỉ có điều, đất bán mất rồi chẳng có ruộng cấy cày, mấy thằng chíp hôi quậy phá quá. Rồi còn rủ nhau hút hít nữa. Không biết cái ông nhà nước tới đây có triển khai gì để giải quyết nạn “hậu đô thị hoá”, để bọn chíp hôi ở đây có việc làm? Chẳng khéo mà chúng quậy phá, bán cả nhà cả cửa để đi ăn mày mất thôi. À, mà phải rồi. Thằng út nhà gã, nếu có lời nhờ vợ chồng mẹ hàng xóm, biết đâu họ chẳng giúp cho đi làm thuê ở một chỗ nào đó. Đỡ lêu têu. Đỡ hư hỏng. Chứ còn biết nhờ cậy vào đâu nữa. Thế mà gã không nghĩ ra. Thói đời, kẻ yếu bao giờ chẳng phải nương vào người mạnh. Sao gã cứ ghen tức vô cớ, hậm hực không đâu thế nhỉ?

Mà suy cho cùng, vợ chồng cái nhà mẹ hàng xóm ấy đến đây ở, cũng có gây hại gì cho gã đâu. Thỉnh thoảng, mẹ còn cho chút đồ thừa, đồ thải. Quá tốt! Một tháng đôi lần, cả nhà gã được

bữa nem rán như hôm nay chẳng hơn ư? Chẳng hơn cái lần, gã đi làm hộ cỗ nhà Đều ư? Ngồi bấm tí thịt, thềm quá, gã nhót ngay cái tai lợn, cho vào túi áo ngực giấu đi. Lúc giặt cái áo, vò mãi mà vết mỡ không hết. Tức cả mình.

Cứ vậy. Cứ vậy. Gã nằm ì trên giường nghĩ miên man...

Chợt có tiếng mở cổng sắt nhà mẹ hàng xóm. Có tiếng ì ì của ô tô đến gần. Gã nhồm dậy, ngó mắt qua cửa sổ nhìn ra. Thấy đôi vợ chồng ăn mặc diện lắm, bước xuống xe đi vào cổng. Tự nhiên, máu trong người gã lại sôi lên. Gã lẩm bẩm: Mẹ nó chứ, trông vênh vênh vang vang, làm gai cả mắt bố mày! Mà chúng lấy đâu ra lắm tiền thế nhỉ? Cái ô tô đẹp quá. Điên tiết, ông lại lên chộc cho thủng mẹ nó cái lớp bấy giờ!

PHẠM HỒNG THẨM



thơ

DUNG THỊ VÂN

VỀ ĐÂU..

Em về lẻ hạt tương tư
Vời đầy xô lệch vênh từ cao xanh
Bàn tay khoảnh khắc chìm nhanh
Chạm vào vạt áo thiên thanh ướt mềm

Dấu chân em ngã bên thềm
Bàng hoàng tôi gọi em miền cổ nhân
Mười năm rồi cũng xoay vần
Ba năm vàng rụng có ngần ấy thôi

Rượu chưa uống sao mềm môi
Mời trăng ly rượu mờ cõi ử tình
Em về cạn chén lưu linh
Hỏi xem trời đất chúng mình về đâu..

31.5.2013

DUNG THỊ VÂN



TIẾNG HÁT CUỐI CÙNG CỦA CON CHIM HỌA MI

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Dòng người, dòng xe từ các ngã đường đổ về nhà hát thành phố, lướt qua một người đàn bà ngồi trên xe lăn ngoài cổng cũng đang dạo một cây nhị cũ bắt vào một làn điệu dân ca khuếch lên bằng bộ âm li nhỏ. Liền đó, khúc hát chèo điệu Du xuân buồn và ngọt ngào đến mê đắm, khiến ai cũng phải ghé nhìn. *Trăm quán nghìn cầu... ai ơi... Đường còn xa... thò trăm quán nghìn cầu... Đường còn xa...* Điệu chèo dứt, lại nổi lên sang giọng tân cổ cải lương. *Ai mang con sáo... mà sang sông... ồ mà sang sông...*

-Liên khúc dân ca ba miền! Người đâu đã đẹp lại hát hay? Chỉ tiếc bị què bị liệt thế kia! Rõ tội nghiệp!

-Què ư? Tiếng hát có què đâu! Trời cho thì ta cứ hát! *Em ơi cất lên một tiếng đàn... Kìa đàn đã so dây... cung đàn đang lựa phím ó ơ...*

Thoải-người đàn bà ấy buông tay nhị vừa hát vừa lăn cỗ xe đến gần cổng nhà hát. Chiếc bóng thoáng ngẩn thoáng dài dưới ánh đèn đường. Vài người dừng lại bỏ tiền vào chiếc mũ dẹt bằng sợi nhựa dẻo màu tím đã sờn mép. Mỗi khi có cơn gió thổi qua, lác đác mấy chiếc lá úa rơi xuống, lẫn vào những đồng tiền.

-Này chị kia! Ra đường mà hát! Gã bảo vệ xua tay, giễu cợt: -Dàn nhạc hoành tráng, diễn viên hát còn sôi bong bóng mũi. Cây nhị cà tàng mà cũng... Thi vẹt với sấm đày à? Đến giờ biểu diễn rồi. Tránh ra cho khách vào!

-Xin đừng giật miếng cơm của kẻ hành khất! Thoải cự lại trong tiếng hát: -Các ông có lương nhà nước thì cũng phải để người qua đường trả lương cho cô em này chứ! Tôi có ăn không, có đòi họ đâu, có ăn của ông đâu!

Tiếng hát lại cất lên như dải lụa mềm phơ trên vĩa hè ngoài hàng rào. Đường vào cổng dần thưa khách. Ánh trăng đã chéch mái lâu. Trong nhà hát, một hồi trống giục mở màn. Vở chèo "Chiếc lông ngỗng" quen thuộc lại lôi cuốn khán giả vào tích xưa. Tiếng hát trong như nước giếng ngọc của nàng My Châu ngân lên.

Ôi! Nghe như tiếng hát của cái Thi? Đúng! Đúng nó rồi. Nó ở đoàn Chèo này mà! Nó hát rồi. Thi ta không hát nữa. Tốt nhất là nghỉ lấy sức, chờ lượt khách ra. Em ơi! Việc ai người ấy làm. Chị cũng đang nghe em hát đây!... Thoải mua một lon nước ngọt, rồi lăn xe đến một gốc cây. Vị nước ngọt tê mát khiến tinh thần thư giãn. Lại nhớ ngậm nước mưa. Ngày ấy ở quê, những trưa hè oi ả, đi chăn trâu về, Thoải thường chạy đến chiếc chum hứng dưới giọt gianh, khoả vôi cái gáo dừa. Ừng ực... Ừng ực... giần giụa cả môi miệng, mát tận ruột gan. Bao giờ ta lại được về mảnh sân đất vục vào chum nước? Chẳng bao giờ được nữa! Thoải ơi! Sao mà lại dạt đến thành phố này với thân tàn ma dại? Thi đến đây hợp cảnh hợp tình. Còn mà? Không biết thân phận mà ư? Đây, tiếng Thi đây. Nàng My Châu đang nhập hồn vào Thi đây. Em ta trong trắng như nàng, nhưng không cả tin, khờ dại như ta! Em như sao băng giữa trời. Còn ta chỉ là hạt cát cõi trần gian! Trời

ơ! Nỗi này tại đâu? Tại ai?... Thoải gục mặt xuống hai lòng tay. Không còn nước mắt để khóc.

Ngôi nhà yên tĩnh bên bờ sông. Sáng sáng mở cửa ra trông, dòng sông ngợp những cánh buồm nâu. Cô bé Thoải thường một mình cao hứng hát véo von. Tiếng hát thơ thới theo cánh điều giấy của bọn con trai thả ngoài bãi cát. Hình như cả xóm ven sông cùng lắng nghe. Con bé hát hay quá! Con bé giỏi thật! Không ai dạy mà điệu gì nó cũng biết! Lớn lên văn công lấy là cái chắc!

Trong lớp, Thoải ngày càng nổi tiếng là một cây văn nghệ. Tiếng hát vang xa khắp vùng, khắp huyện, ra cả tỉnh. Tham gia các cuộc liên hoan văn nghệ nào Thoải cũng mang giải thưởng cao về cho trường. Bố mẹ Thoải nở mày nở mặt. Ở nhà quê, những đứa trẻ tuổi Thoải thường phải làm nhiều việc để đỡ đần người lớn. Nhưng riêng Thoải, mẹ yêu chiều, gánh lấy mọi việc để dành thời giờ cho con ăn học và ca hát. Đã có anh Vượng đảm đang từ nồi cơm ấm nước, cho lợn ăn, ra đồng cắt cỏ. Thoải chỉ việc nhả nha dặt con trâu đi chăn cùng cho vui. Thoải có tài nghe nhạc, nghe bài hát trong đài và rất dễ nhớ. Chỉ một, hai lần, bài nào thích là Thoải nhớ ngay. Ca mới, chèo, cải lương, dân ca Nam Bộ, Quan họ Bắc Ninh... yêu cầu bài gì, điệu gì Thoải cũng đứng lên cất giọng, tự nhiên như ca sĩ. Bất chước chị, Thi-em gái Thoải cũng tập tễnh hát theo. Tuy Thi không biết nhiều giọng, nhiều bài hát và hát hay bằng Thoải, nhưng có thêm bạn hát, Thoải càng hưng phấn. Theo thầy giáo chỉ bảo, cứ sáng sớm chưa kịp mở mắt, Thoải đã ra chum nước cúi xuống luyện thanh kêu om om cả xóm. Tuyệt thật! Trời cho nhà chú Đan cô Phụng hai con họa mi thật đáng yêu!

Hồi đó, đám cưới ở quê thịnh hành tổ chức nếp sống mới, lấy văn nghệ làm chính. Đi dự đám cưới, bố Đan thường cho hai chị em theo cùng. Thoải luôn được các anh chủ hôn “đề co” lên hát góp vui. Hội hôn hoan hô rầm rập. Ra về, chị em Thoải rùng rình những kẹo bánh và hoa. Thành lệ, đám cưới nào cũng cố mời bằng được bé Thoải đến hát. Trong vòng vui, cô bé như một nụ hồng trong con mắt để ý của người lớn. Bạn bè của bố mẹ Thoải nửa đùa nửa thật: -Tôi đặt trầu non cho con trai tôi đấy nhé!

Trăng đầu phố mỗi lúc một cao. Người đàn bà vẫn ngồi ủ rũ trên xe lăn. Một làn gió se lạnh lùa tới. Cỗ xe động dậy. Khuôn mặt nhìn lên. Tuổi dậy thì, ta cũng phôi phới như vầng trăng kia. Lên đến đâu, ánh sáng đẹp và trong đến đấy. Trăng khuyết lại tròn. Đời con gái không tròn lại được! Một tiếng thở dài đánh sượt. Ánh trăng bỗng rung rinh lẫn trong ánh đèn đường.

Ngôi nhà của ông bà nội chỉ có một mảnh đất nhỏ. Lần lượt những cây mía bóc dần. Các cô lấy chồng. Các chú mang vợ về. Trẻ con ra đời lút nhút. Ông bà và ba cặp vợ chồng anh em bố mẹ Thoải cùng đám con cái đều chui rúc dưới mái gianh chật chội. Ra đụng vào chạm. Đầu này người già khạc, ho xủ xượi. Đầu kia trẻ con quấy khóc, xì xoẹt cả đêm. Các thím dâu chốc lại véo von: -Thoải ơi! Trông em cho thím! -Thoải ơi! Hát ru em ngủ hộ thím!... Con họa mi lại thả tiếng hót xuống những chiếc võng cho những đôi mắt non dần khép trong mơ. Một hôm, bố Thoải ra thăm ông chú làm công nhân ngoài mỏ về. Đêm, nghe rõ bố thì thầm với mẹ: “Tôi sẽ chuyện xin phép ông bà. Mình phải rời làng thôi! Ra phố làm ăn mới có điều kiện cho chị em con Thoải học hành, phát triển năng khiếu... Không thể chịu mãi cảnh rách rưới chia thóc, nghèo hèn, chật hẹp xó quê!...”

Tháng sau, bố mẹ Thoải làm mâm cơm cúng gia tiên, tạm biệt mọi người rồi tay dắt nách mang ba anh chị em Thoải ra phố. Nơi ở mới là một căn nhà nhỏ trong khu dân cư dưới chân núi nhìn ra vịnh Hạ Long. Không gian đầy nắng gió. Mảnh đất đằng sau có thể trồng được vài luống rau. Đây đó trên sườn đồi có những vườn đào tươi tốt. Xuân sang, hoa đào nở hồng rực lẫn giữa thảm cây cối và những vạt cỏ xanh mướt. Không có cánh đồng thoảng thơm hương lúa, không có dòng sông uốn khúc, nhưng ở đây có biển, có đảo đá trập trùng, có những con tàu rẽ sóng lướt

qua. Thoải thích lắm. Cô lại ngân nga tiếng hát, muốn vít những con tàu ngoài xa vào bến. Sự xuất hiện của “ca sĩ đồng quê” truyền đi, như một hiện tượng lạ. Các chàng trai dập dìu xe đạp, xe máy đậu trước cửa nhà. Nhiều chàng cố làm đốm mong lọt vào ánh mắt của Thoải, được đeo “người đẹp” trên xe. Các cô dâu chú rể, các quán cà phê thay nhau kẻ đón người đưa. Đám cưới ở phố thật sang trọng! Thoải lộng lẫy thướt tha trong những bộ áo váy. Tiếng hát sục nức mùi son phấn, nước hoa. Ngày sinh nhật, những món quà, những tấm bưu thiếp, những vật kỷ niệm, đồ trang sức đắt tiền và cả những chiếc phong bì cộm cộm. Mắt Thoải long lanh, tràn trề hạnh diện và phấn khích. Thực đây chứ không còn mộng mị gì nữa?

Những cuộc vui bắt đầu lần ất thời gian học tập. Thoải bỏ học hàng buổi đi theo những cuộc picnic, những đêm dạ hội thông khuya suốt sáng. Bố mẹ vô cùng lo lắng: Ngày nào con cũng biến biệt thế này thì giấc mơ nghệ sĩ sẽ sao đây? Phải tập trung học đã chứ! Thoải đáp gọn lỏn: Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào. Con tự quyết lấy đường đi! Bố mẹ cứ yên tâm nghỉ ngơi cho khỏe! Con sẽ bù. Một chốc hát của con bằng cả tấn thóc của mẹ cặm cùi ở quê!

Còn Thi lại khác. Thi ăn mặc giản dị và vui đầu vào học. Thỉnh thoảng mới tham gia các buổi văn nghệ của trường, của khu phố. Thi từng nhẹ nhàng góp ý khuyên Thoải: -Chị nên sắp xếp lịch công việc. Sang năm thi tốt nghiệp rồi. Thời buổi bây giờ tuổi trẻ làm gì cũng phải có bằng đại học, ít nhất cũng phải bằng cấp ba, chị ạ! Thoải thẳng luôn vào mặt em: -Không phải cầm đèn chạy trước ô tô. Mỗi người một phận! Ốc hăng cốt mang mình ốc đi đã!

Thế rồi... Một đêm về sáng. Có tiếng gọi thất thanh. Con chó Mi ka xỏ ra ngõ. Bố Thoải giật mình dậy mở cổng. Một người vục một bóng đen mềm oặt vào sân: Em đi chợ sớm, vấp phải người nằm sóng soài trên hè đường. Hoá ra con Thoải nhà bác. Áo quần ướt sũng sương đêm. Miệng sặc hơi rượu. Chắc say ở đâu đó về? Hình như người nó có máu!..

Thoải đổ trượt xuống thêm, miệng vẫn nghe ngao một câu hát: Thân gái dặm trường mười hai cửa bể, biết cửa bể nào lặng sóng ai ơi...

Thời điểm đó, Đoàn Cải lương của tỉnh tuyển lớp diễn viên mới. Bố bảo mẹ: “Xin cho nó làm diễn viên. Phải vào cơ quan mới quản được con ngựa bất kham này!” Bố dẫn Thoải đến gặp ông trưởng Đoàn Cải lương. Gương mặt khả ái và giọng hát của Thoải lập tức chiếm được cảm tình của ông. Chỉ vài tuần học tập và thử vai, Thoải đã vượt trội các diễn viên khác. Lần đầu tiên thủ vai nàng Xi Ta, Bích Thoải đã diễn thành công. Không chỉ giọng ca trong sáng, mùi mẫn, mà cách diễn còn sáng tạo nhiều tình huống. Cô nhanh chóng thành đào chính xuất sắc. Đoàn Cải lương trở nên ăn khách và nổi danh. Diễn viên Bích Thoải liên tiếp gặt hái được nhiều huy chương vàng, huy chương bạc trong các kỳ hội diễn khu vực và toàn quốc.

Nhưng cánh cửa cuộc đời thật nghiệt ngã. Trong những lần dạ hội thấy Bích Thoải xinh đẹp, hát hay, một “đại gia” đã mê mẩn bám gót. Hắn rắp tâm bày mưu kế, đặt bọ “đàn em” với một giá rất cao. Đêm ấy, lợi dụng cuộc vui, chúng bỏ một loại thuốc bột vào một cốc nước. Lão “đại gia” nịnh sành điệu: -Người đẹp thật tuyệt vời. Diễn viên cải lương mà nhạc nào em cũng “xài” được. Tiếng hát rất riêng, không lẫn với ai. Ca sĩ trung ương cũng phải xách dép cho Bích Thoải! Hắn nâng hai tay mời Thoải một điều thuốc lá đầu lọc loại sang. Trong lúc bốc đồng, mặt nóng bừng, Thoải đã uống cạn cốc nước và ngậm điều thuốc với ánh mắt long lanh đầy kiêu hãnh. Ôi công chúa Trung Hoa! Ôi nữ hoàng Anh quốc! Trước bao con mắt trầm trồ tán thưởng, Thoải bước lên sàn diễn vừa hát vừa nhảy rất điệu dàng, đến nỗi đứt cả cúc áo ngực. Vầng ngực lồ lộ trắng nõn, nghiêng ngửa đong đưa. Cả bọn nhảy căng lên vỗ tay: -Tuyệt vời! Quá tuyệt vời! Thoát y đi! Cởi ra đi em! Hoan hô!... Thoải để toàn thân trần ngà ngọc như một đoá hoa nở hết mình, lúc ngời ngời, lúc mờ ảo dưới ánh đèn xanh đỏ cuồn cuộn. “Đại gia” ngồi dưới ghế lặng người, tê dại trong thèm khát. Những cánh tay, những bước chân lại líu ríu cuốn theo những điệu nhạc hưng hực. Lát sau, Thoải từ từ xỉu xuống. Hai thằng dìu cô lên gác...

Trâu già gặp bãi cỏ non. Gã đại gia hành hạ thân xác Thoải thâu đêm. Sáng hôm sau tỉnh dậy Thoải mới biết mình loã thể. Một căn phòng lịch sự và sang trọng. Ai kia? Một cô gái trần như nhộng nằm đối diện với Thoải. Không phải. Đó là Thoải trong chiếc gương lớn choán hết cả giường! Mấy giọt máu thấm đỏ thẫm trên tấm ga trắng toát. Cô hốt hoảng vùng dậy đập cửa: -Thi

ơ... Thi ơi cứu chị... Anh Vượng ơi cứu em... Nhưng vô vọng. Chỉ có tiếng còi xe ồn ĩ dưới đường đáp lại. Một bộ mặt râu quai nón hiện ra sau cánh cửa toilet. Thoải ôm mặt khóc: -Cho tôi về nhà! Thả tôi ra! Gã đàn ông nhăn nhó: -Đây là tổ ấm của chúng ta mà em! -Không! Đồ khốn nạn! Đồ đều giả! Tôi báo công an! -Cứ báo đi! Em tha hồ gọi...

Rồi một đêm sau nữa. Cái xác không hồn lê từng bước trên phố vắng. Thế là hết! Trinh trắng đầu rồi Thoải ơi! Vàng trắng chưa kịp tròn đã khuyết? Sao lại cuồng si? Sao lại bỏ ngỏ vườn hồng để lũ chó chiếm đoạt? Thằng đều giả! Thằng khốn nạn! Thoải ơi, mày là một con nai khờ dại. Con đường đại học, giấc mơ Nhạc viện vỡ tan tành. "Cái danh ba vạn" của mày đã hoá thành mây khói... Thoải định lao xuống biển. Nhưng cái mệt rã rời đã kéo cô gục xuống hè đường, cạnh hàng lan can sắt. May có một bà đi chợ qua phát hiện được.

Bận đó, Thoải nằm liệt giường mấy ngày liền trong mê sảng. Khi hồi phục, trong người cô bỗng dần vật, thêm muốn một thứ gì đó rất khó tả. Nó âm ỉ, gặm nhấm buồn bực vào mạch máu. Nó cộn cạo trong cơ thể thanh khiết. Thoải xé toang áo ngực muốn đập vỡ tất cả như đập những chiếc chai rỗng xuống tảng đá cho thoả cơn bức bối. Cô phải tự tìm đến mùi thơm ma quái của những điều thuốc đất tiền để giải thoát. Mãi sau đó, nhiều lần theo dõi, rồi ép con đi khám bệnh, bố mẹ mới biết trong máu Thoải đã có chất hêrôin. Toi công rồi con ơi! Mày giết bố mẹ chẳng cần dao rồi Thoải ơi! Hai người ngượng xuống ngay cạnh bàn bác sĩ: -Xin bác sĩ có cách nào cứu vớt con tôi?...

Bố mẹ đã cố giữ kín chuyện, không hở cho ai biết tình trạng cô con gái yêu, một nghệ sĩ tương lai mà họ đã đặt bao hy vọng. Một con lũ ngầm đã xói được lõi vào thung lũng nguyên sinh! Như cứ động rừng động biển, lâu lâu cơn thèm hêrôin lại trỗi dậy trong người. Những cái miệng vô hình cứ cuồng loạn đào ngoáy. Đau nhói lan toả khắp đường gân thớ thịt. Cơ thể xuân thì muốn xơ vữa, thật kinh khủng. Thoải nghiền răng, gồng mình lên chịu đựng. Không cưỡng nổi. Lại bí mật cốp từng đồng lương để tìm thuốc. Có lúc đang giờ luyện tập, đang cơ đàn ngọt hát hay, dàn nhạc đưa tiếng hát chảy dài dòng suối âm thanh vào không gian bỗng tự dừng im bật. Ai nấy ngơ ngác. Thoải đau bụng, xin nghỉ giữa chừng!

Cô chạy về, lọt vào nhà tắm hít thuốc... Một lần đang diễn vở cải lương "Thoại Khanh Châu Tuấn" đến đoạn Thoại Khanh dẫn mẹ trong rừng, lóc thịt trên cánh tay nướng cho mẹ ăn qua cơn đói, rồi dâng đôi mắt mình cho quý dữ để cứu mẹ... không khí rạp hát chùng xuống, lặng đi. Lời ca của Thoại như rút ruột người xem. Nghe rõ dưới những hàng ghế nhiều tiếng xụt xịt, tiếng nấc của các bà các chị. Bỗng Thoại đổ gục. Người cô rung lên, quần quai. Cả rạp ồn ào, xáo động. Chỉ có bố mẹ Thoại đang xem là biết sự cố của con mình.

Trời ngập ngợp. Mặt vịnh nhuộm màu tím tái. Trên đoạn đường cua ra lối Bến Tàu, bỗng một bóng người lao vào một chiếc xe ô tô đang chạy ngược chiều. Chiếc xe khựng lại. Người đổ tới nhón nháo: -Nàng Thoại Khanh? -Đúng rồi, cô vẫn công Đoàn Cải lương! -Cấp cứu ngay! Chân của cô ấy đã bị dập gãy!...

Nằm viện mất tháng trời, Thoải mới tỉnh và đành chịu một tấm thân tàn tật: chỉ ngồi và xê la di chuyển, không thể đứng dậy được. Bố trở nên lầm lì, ít nói, ít tiếp xúc với mọi người. Mẹ khóc cạn cả nước mắt rồi oán trách bố chỉ vì ham chốn thị thành mà sinh ra nông nổi này. Tài danh chưa thấy, đã gánh điều ác nghiệt! Sau đó, nhân một dịp giảm biên chế, Đoàn Cải lương đã cho Thoải nghỉ việc. Ông trưởng đoàn tuyên bố: -Diễn viên không thể là một người què quặt. Nghệ sĩ chân chính không thể là một con nghiện! Từ đó, sân khấu nhà hát im bật giọng hát chuông vàng của cô đào trẻ. Các quán cà phê cũng vắng bóng con chim họa mi đến tự cánh đồng. Mẹ Thoải vô cùng sầu muộn và tuyệt vọng. Bà lâm bệnh nặng, hơn năm sau thì qua đời. Lúc này, Thi đã vào khoa thanh nhạc dân tộc trường Đại học Văn hoá Hà Nội. Ngay từ đầu em đã tỏ rõ năng khiếu và chuyên cần học tập. Ra trường, em được tuyển vào Nhà hát Chèo, đúng như ước mơ và sự nỗ lực.

Phần thân và hận đời, ý định trả thù bùng lên trong Thoải. Cô luôn thủ sẵn một bọc trứng gà thối bên người, lê đến các nhà hàng, các quán café hòng nhận mặt gã đàn ông đã cướp đời con gái của mình. Nhưng ngày qua ngày, chỉ chuốc lấy mòn mỏi và chán nản. Đêm về, Thoải lại chúi vào gối mặc cho nước mắt tuôn ròng. Mẹ ơi! Con có tội! Con là kẻ giết mẹ! Mẹ hãy tha tội cho đứa con bất hiếu! Thi ơi! Thế là hết! Em có đoái thương con chị khốn nạn này không? Tiếng hát từ đâu chợt văng vẳng trong đầu, như tiếng gọi từ vách đá vọng lại, ám ảnh, lôi cuốn. Nó vang vang, sục bới trong Thoải niềm say mê cùng cực. Thoải lại hát một mình cho đỡ bức bối. Hát để bù vào thời gian trôi qua. Hát để trả lại những gì tuổi xuân bị cướp.

Nhưng cũng từ đó Thoải không về nhà nữa. Cô lang thang hát trên các ngõ phố, bến phà, bãi biển. Công chúng qua đường xúm đông xúm đỏ. Người thương hại thì ngậm ngùi: Rõ tội nghiệp! Nhất thanh nhị sắc mà tàn tật thế kia! Cái nhà cô này có tài hát liên khúc đủ loại cải lương, chèo cổ... Chuyên nghiệp cũng phải chào thua!.. Kẻ ghen ghét biết cảnh ngộ thì buông thông: Loại gái hư đồn. Tưởng hương đồng gió nội thơm tho, hoá ra cỏ đắng! Cao sang không thích, thích xó chợ đầu đường!... Thoải bịt tai, muốn phỉ nhổ vào những con mắt soi mói, những cái mồm độc địa. Có lần, dưới ánh đèn đường nhập nhoạng, một gã đàn ông xán đến cột nhà, thọc tay sờ soạng khắp ngực Thoải: Em ơi, xinh đẹp thế này mà bỏ hoang sao? Anh sẽ cho em thỏa mãn cuộc đời... Thoải giật phăng áo, phời ra, dữ dằn: Vì lòng tham của các người mà ta thế này đây!

Đau xót và tủi hổ, bố cùng anh Vượng bừa đi lòng tìm khắp nơi mới thấy Thoải. Đỗ dành không nghe, hai bố con phải trối Thoải đem về. Cô vật vã: -Con van bố. Buông con ra. Con đã làm nhục cái nhà này. Con không dám dựa vào bố vào anh. Con tự quyết lấy cuộc đời còn lại của con! Con thề quyết không làm hại sang bất cứ ai! *Nàng Thoại Khanh! Oi nàng Xita!... Bây giờ các nàng ở đâu? Các nàng đang nhập vào ai? Ai trong vai các nàng khiến đời roi lệ? Ta đây có tội với các nàng. Đem các nàng lên sân khấu mà ta lại bỏ các nàng giữa chừng xuân. Thôi thôi từ nay ta chẳng còn chi nữa với tâm hồn trống trải gió mưa...* Thoải lại ngân nga một câu hát ngẫu hứng.

Xót thương chị gái tật nguyên, trong một chuyến về thăm nhà, Thi bảo chị đừng đi hát rong nữa. Thi sẽ làm lụng thêm để gửi tiền nuôi chị. Thi sẽ đón chị lên Hà Nội trông nhà trông cửa cho vợ chồng Thi rảnh thời gian tu nghiệp. Ước mơ con cái thành nghệ sĩ của bố mẹ phải thành sự thật. Chị đã trót ngã, thì còn em!... Nhưng Thoải một mực khước từ:

-Chị không thể theo em đâu. Ta như hạt mưa trong một đám mây, mỗi hạt rơi về một ngả, mỗi người mang một phận em ơi. Chị làm chị chịu, em không phải bận tâm. Còn chị đã tự trối dây oan, không dám trách trời xanh đất thẳm. Chị biết mệnh chị rồi. Chỉ tiếc cho phận mỏng, vô tình đánh mất tuổi đôi mươi!... Sau một hơi dài như đổ câu vọng cổ, Thoải lau khoé mắt, ngáp ngừng: -Chị chỉ nhờ em một việc... Liệu có giúp được không? -Em sẵn sàng. Trừ việc mua thuốc chích? -Không không! Chị tự trang trải! Em hỏi bố xem, chị chưa xin tiền của bố lần nào. -Nhưng chị cần gì? Hay tiếp tục vào trại cai nghiện, em giơ cả hai tay! -Không! Đừng bắt chị quay lại chốn đó. Chị sẽ điên mất! Đừng nhốt con hoạ mi với bầy chim sẻ. Thoải hạ giọng: -Hình như... Em ơi! Người ta bảo mỗi lần sau cơn nghiện, chị hát lại hay hơn?

-Em cũng cảm thấy dạo này tiếng hát của chị khác hẳn. Như bào như xói tâm can...

-Thế mới lạ! Em là người thẩm định thật thông minh! Mỗi lần hát là mỗi lần chị nghe rõ lòng mình rục rủa...

-Hay... em xin cho chị vào làm chân "hát cơ" ở đoàn em? Chị chỉ việc ngồi sau hậu trường... Phí tổn em lo. Chỉ độ hai chục triệu là cùng...

-Không! Không bao giờ! Con chim phải được tự hót theo ý nó. Tiền chạy chọt ấy em để dành nuôi bố. Vì chị mà bây giờ bố như ông cụ!.. Thôi nhé! Nếu thương chị, em hãy mua cho chị một bộ âm li nhỏ. Trên Hà Nội thứ ấy sẵn lắm. Nhưng phải chọn Nhật xịn. Loại ấy mới hợp tiếng ca của chị. Giúp chị đi! Chị ơn em suốt đời. Chị không vứt bỏ tiếng hát được đâu. Hát rong cũng là hát chứ em! Người ta có nhiều cách nổi danh. Không nổi danh trên sân khấu, thì em cũng phải cho chị nổi danh nơi đường đời. Dù sao cũng giúp chị có tiền, cho bố đỡ khổ. Đời thêm một tiếng ca, còn hơn nghe đây đó la ó, chửi độc tục tằn... Thoải nhìn thẳng vào mắt Thi, rơm rớm: -Chị

không thể đem tiếng hát xuống mồ. Thề có em, có trời cao đất dày, chị sẽ không làm gì ảnh hưởng đến em! Thấy chị giữa đường, em hãy lơ đi...

-Trời ơi! Chị tôi... Thi gục vào lòng Thoải nước nở.

Đêm khuya. Buổi diễn trong Nhà hát khép lại. Dòng người toả ra. Tiếng hát rong của người đàn bà trên xe lăn lại cất lên. Tiếng nhị đơn chiếc đưa tiếng hát bay cao. Câu hát vịn dây tơ lan vào màn sương mỏng, mê đắm, cuốn hút lạ thường. Trăm quán nghìn cầu... ai ơi... Đường còn xa trăm quán nghìn cầu... Đường còn xa... Làn điệu chèo Du xuân lại nổi lên giọng cải lương. Mặc dù đã thoả mãn niềm thương thức sau đêm diễn, nhiều người vẫn dừng lại thả vào chiếc mũ những đồng bạc lẻ. Lúc này, xe của Đoàn nghệ thuật Chèo cũng ra khỏi cổng nhà hát. Các diễn viên cười đùa, tán chuyện xôn xao. Khi qua cổ xe lăn, chợt một cánh tay vẫy ra khung cửa, cuống quýt: -Chị Thoải! Chị Thoải! Em đây! Thi đây!

Một thoáng giật mình, người đàn bà trên xe lăn vội quay mặt đi, ngoặt xe sang hướng khác. Tiếng nhị, tiếng hát vang to hơn, gay gắt hơn, muốn át đi tiếng gọi trên chiếc xe kia, thăm thẳm chìm vào phố đêm.

Tại một đám tang trong làng, tôi gặp một người đàn ông gầy gò ngồi cuối dãy bàn. Gương mặt ông hốc hác, mái tóc bạc nham nhở. Tôi nhận ra: ông Đan, người bố của nhân vật trong truyện. Cảnh ngộ nhà ông do ông than thở với tôi trước đó chợt hồi lại. Sau cái bắt tay chia sẻ, tôi hỏi thăm tình hình hai cô con gái thế nào? Giọng buồn bã, gương mặt ông như mếu, hốc hác càng thêm hốc hác:

-Chú ơi! Con chị... cháu không còn! Chỉ vì một chút sơ suất mà đành bát nước đổ đi! Xưa nay có ai hót lại được không?

Qua tâm sự, tôi được biết thêm nhiều chi tiết những ngày cuối cùng của cô ca sĩ đam mê, con hoạ mi trót ăn phải trái độc: -Sau lần tôi kể chú nghe... Thương con đứt ruột mà phải bó tay, không tài nào gọi được cháu về để cha già con dại có nhau. Cơn nghiện ngày càng ghê gớm. Tiền chích thuốc chẳng còn dễ kiếm... Thoải không còn sức hát liên khúc như trước. Thân thể tiêu tụy. Sắc đẹp tàn phai. Nhưng giọng hát vẫn hay và da diết lắm! Một lần, Thoải lên về nhà lục toàn bộ đám huy chương cả vàng, cả bạc, cả đồng, cả những bài báo... đem bán cho hàng đồng nát. Tôi biết thì đã muộn!... Nén nổi xúc động, ông Đan nghẹn ngào: -Biết không sống được, nó ngồi bằng chiếc xe lăn từ mãi đâu đó về nhà, ngân ngất khóc: "Bố tha tội cho con. Con xin được chết trong căn nhà bố mẹ đã nuôi niềm hy vọng!" Hai cha con nhìn nhau, ngỡ cháu từ thế giới khác hiện về! Đâu rồi cục bột, đâu rồi con búp bê bé bỏng? Khi xuân sắc, bao nhiêu kẻ ngó nghiêng, hăm mộ. Không biết nó đã yêu ai và ai yêu nó? Thương lại thì vại vỡ mất rồi! Chú ơi, thời gian đâu bị sốc, giận con quá, tôi từng trối và đánh nó. Nó chỉ cắn răng chịu đòn. Trời ơi... Phút cuối, nó còn rướn lên, cố hát: "*Uống nước nhớ nguồn... Làm con phải nhớ... Công cha... như núi Thái Sơn... Nghĩa mẹ... như nước trong nguồn... chảy... ra...*" Tiếng hát khê nong, khê khè mắc nghẹn nơi đáy cổ mà xé hết lòng, chú ơi!... Mặt ông Đan méo xệch đi trong tiếng nức: -Tôi thật không ngờ con bé lại thiên thần đến thế! Cầm tay tôi, nó thều thào, nhưng rất rõ: "Chôn cất con xong xuôi... bố nhớ đem... chiếc xe lăn này... về làng... cho người nào đó cũng cảnh nghèo... và tàn tật như con..."

Tôi buột miệng hỏi: -Ông đã thực hiện ý định của cháu chưa?

-Chú ơi! Tôi đã về làng... Nhưng, làng mình bây giờ... Nào có ai như nó!

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI



CÁNH ÉN MÙA XUÂN

NGUYỄN THÚY NGÂN

Lại một mùa đông nữa đến. Cái lạnh tái tê như ngàn mũi kim châm vào da thịt. Có khi cái lạnh len lỏi vào tận cùng lòng người. Đôi lúc nó như bất chợt, châm thẳng vào trái tim buốt nhói từng cơn. Gió rít lên từng chập, tiếng gió tựa như bà lão đau răng rên hừ hừ. Đôi môi Thu tê cóng, hai hàm răng va vào nhau lập cập. Cô thở ra, rồi lấy hai bàn tay khum lại hứng lấy xoa xoa cho ấm. Năm nay cái lạnh đến sớm hơn và theo như dự báo - mùa đông sẽ kèm theo nhiều cơn mưa và những đợt áp thấp nhiệt đới xen kẽ. Mùa đông, là mùa của đôi lứa yêu nhau và tìm về nhau để sưởi ấm. Đó cũng là mùa cưới. Là mùa những đàn chim di trú đi tìm miền đất hứa. Còn với Thu - lại là mùa cô đơn.

Thu dọn những cành hoa còn lại trong ngày vào một cái thùng. Cô dọn vệ sinh thau chậu, để chuẩn bị cho ngày lấy hàng sớm mai. Hôm nay cô bán cũng tầm tầm. Chủ yếu là hoa Cát tường, Lay ơn hồng và đỏ, nhiều nhất vẫn là các nhánh Lan. Hoa Hồng - hình như ít ai mua vào mùa này, ngoại trừ là khách mua theo đơn đặt hàng. Lượng hoa Hồng còn hơi nhiều. Loài hoa minh chứng cho tình yêu, nhưng tình yêu qua hoa dường như cũng đã mai một trong thời đại chuộng kỹ thuật và thực dụng. Nào là - Nhung hồng với cánh hoa pha sắc tím dịu dàng. Hồng vàng như một nàng tiểu thư kiêu kỳ con nhà cành vàng lá ngọc. Những cánh Hồng tiểu muội có phần dân dã, thân thiện hơn. Đặc biệt, vẫn không thể sánh với loài Nhung đỏ. Loại này hoa lớn, cánh dày, thân to lá xanh đậm. Nàng Nhung đỏ giương những cái gai sắc nhọn, lại còn hơi khum xuống giống như móc câu, màu nổi bật. Những móc gai ấy, chàng trai nào bị nàng móc phải không để lại thương tích thì cũng xuyt xoa đôi chút: “Mi đẹp thế này mà ít để mắt tới, có phải mi quá tự cao, tự phụ - rằng ta “nữ hoàng của các loài hoa”. Ta chỉ dành cho các đấng minh vương công tử. Còn các thần dân thì đừng hồng có ý mơ mộng tới chứ gì. Thật trớ trêu! Mi càng đẹp thì lại càng cô đơn hơn...”. Nhánh Nhung rung rinh trong tay cô như không đồng tình với lời kết luận ấy. “Thôi được - Mi không đồng tình thì thôi”. Cô lật bót những cánh hoa bị dập kém sắc, để chúng lúc nào cũng tươi rói, rạng rỡ. Cô vẫn thường nói chuyện với chúng như người bạn, bởi cô biết chúng nghe và hiểu được.

- Chào cô, này cô ơi... ời - Cô có thể cho tôi một bó hoa đặc biệt ...Tiếng ông khách hỏi sang lần thứ hai cô mới giật mình quay lại.

- Chào ông. Ông cần mua gì ạ? Xin lỗi tôi không chú ý - Cô trả lời.

- Cô cho tôi một bó, nhưng nó phải bao hàm được ý nghĩa: “Thật cao sang nhưng đừng quá lộ liễu, đầy ắp tình thương và bao dung, một chút thẹn thùng của cô gái, một tí của mệnh phụ phu nhân. Thêm một tẹo hương đồng gió nội...” - Ông khách nói yêu cầu của mình. Đôi mắt không ngớt nhìn Thu, vừa như chờ đợi, vừa như giải bày lòng mình.

- Theo yêu cầu của ông, có lẽ tôi sẽ phải gói hết cửa hàng hoa này mất – Cô đùa và nhìn ông khách đầy thích thú xen một chút phân vân, lạ lẫm.

- Không sao, miễn là đủ theo yêu cầu, giá cả không thành vấn đề. Ông khách nói giọng nghiêm túc. Ông vẫn đắm đắm nhìn Thu, rồi mỉm cười.

- Xin ông vui lòng đợi một lát. Cô nói và nhìn lại ông khách một lần nữa để khẳng định đây

không phải là một yêu cầu đùa cợt như một vài người tới mua hoa tán tỉnh. Không hiểu sao, Thu chợt nhận ra nơi lòng mình một niềm vui, ấm áp, mới lạ!

Phải mất nửa tiếng sau cô mới gói xong bó hoa đặc biệt đó. Mặc dù nó không đầy đủ lắm. Cô ôm bó hoa trân trọng trao cho ông khách và nói:

- Lẵng hoa này ông phải tặng cho một người thật đặc biệt. Nhưng ước gì... Cô bỏ lửng câu nói.

- Sao, cô nói sao? Ông khách ngạc nhiên hỏi lại. Nét tươi vui hiện rõ trong ánh nhìn tràn đầy cảm xúc và hy vọng của ông.

-Ồ ! không có gì. Chúc ông vạn sự may mắn - Cô bẽn lẽn nói lời tiễn khách.

- Cảm ơn cô – Ông khách đáp lễ. Ra đến cửa ông còn tần ngần quay lại muốn nói thêm điều gì đó, nhưng lại im lặng – bước đi. Thu nhìn theo ông, mơ hồ hiểu ông khách muốn nói điều gì với mình. Ông đã đi xa, nhưng trong cô dào dạt một niềm luyến nhớ, ngẩn ngơ...

Cả thành phố như đang chuẩn bị cho ngày giao thoa giữa trời và đất đầu năm mới. Giao thoa giữa con người với thiên nhiên. Đặc biệt hơn là giữa con người với con người. Tâm trạng mỗi người như vừa nô nức, vừa lo lắng. Phố xá sáng trưng với muôn ánh đèn rực rỡ. Rộn ràng với đủ màu sắc áo hòa với trăm hoa khoe thắm. Thành phố như đang thở nhanh hơn. Cứ nhìn dòng người lưu chuyển không ngừng nghỉ, đầy vội vã khắp phố phường thì biết nhịp sống đang sôi động đến dường nào. Mặc dù, công việc mua bán những ngày cuối năm thật bận rộn, nhưng trong lòng cô luôn đau đáu một nỗi buồn, một nỗi nhớ mà không sao có thể bù đắp được. Cô nhớ mẹ - người đã cho cô may mắn hiện diện trên cõi đời này, rồi lại vội vã bỏ cô bơ vơ. Những lời Người nhắn nhủ trước lúc ra đi, cứ xoáy vào trái tim non nớt của cô đau nhói. Cửa hàng hoa bé nhỏ của mẹ, giờ được chuyển thành phương kế sinh nhai cả đời cô. Cô yêu từng cánh hoa, từng loài hoa, cho dù cô không hiểu hết chúng như Bà. Cô luôn có cảm giác là mẹ hóa thân vào chúng: "Lòng Mẹ độ lượng thanh cao như đóa Sen. Thẹn thùng mong manh như nàng Violet. Chung tình như nhánh Lưu ly bé nhỏ nhưng vẫn kiên cường như bụi hoa Xương rồng trước gian truân cuộc đời. Dù thế, Mẹ vẫn không mất đi nét kiêu sa bông Hồng vàng rực rỡ. Một chút hoang dại của Sim, thoang thoảng tóc mẹ mùi Hoàng lan, mỗi khi cô được mẹ ôm vào lòng... Mẹ - trong lòng cô như một vị thần. Cô nói thầm với chính mình. Cô nhớ lại hôm gặp ông khách lần trước. Cô gói cho ông bó hoa như gói tất cả lòng cô cho Mẹ. Cứ mỗi lần nhớ Bà, nước mắt lại dâng tràn khóe mi. Cô nuốt nước mắt vào trong, lại thì thầm gọi: "*Con nhớ Mẹ lắm, Mẹ ơi*".

- Chào cô, giao thừa rồi mà cô vẫn chưa nghỉ sao? Ông khách hôm trước ở đâu bỗng dưng xuất hiện.

Cô ngước lên và chạm phải đôi mắt đang chăm chú nhìn vào cô như dò hỏi. Ánh mắt hai người giao nhau ngỡ ngàng. Cô thẹn thùng cúi xuống che lấp một điều gì đó vừa lóe lên và hình như trái tim cô vừa đập lồi nhịp.

- Ôi ! chào ông. Rất vui được gặp lại ông, Ông cần gì không? Cô hỏi giọng hân hoan.

- Vậy lần này cô cho tôi một bó, mà nó phải gói hết trái tim và cả tình yêu của tôi trong đó – Ông khách yêu cầu, nhưng đôi mắt ông như lại biết cười - ông tiếp, giọng chân thành: " Cô thử nhìn xem, tôi trông có già lắm không?. Cô có thể vui lòng gọi tôi bằng "anh" thay cho lời chúc may mắn năm mới được không ?"

Câu nói bất ngờ của ông, khiến Thu ngại ngùng, hơi cúi đầu, bối rối.

- Dạ..dạ... Thu đáp ứng. Cô mạnh dạn ngẩng lên, nhìn lại ông như để suy đoán. Quả là ông không là già, mà cũng chẳng còn trẻ. Khuôn mặt dày dặn phong sương. Điểm đặc biệt là đôi mắt sâu hun hút đầy bí ẩn và ấm áp. Cô lắc lắc cái đầu như cố xua đuổi ý nghĩ vừa hé mở: " Anh.. anh.. chúc năm mới an lành!". Cô lý nhí nói và trao bó hoa cho người.

- Em có thể đón nhận nó không? - Ông đưa ngược lại bó hoa cho cô –

Anh xin tặng em và cho phép anh được mời em đi dạo một lát. Ta đi đón thời phút giao thời thiêng liêng của vũ trụ và của tình yêu....

Thu e lệ, đi nép vào vai anh. Anh choàng tay qua vai cô kéo nhẹ vào lòng như che chở. Bầu trời sáng bừng. Những bông hoa, bao ánh mặt, nụ cười của mọi người xung quanh sáng lên lấp lánh hạnh phúc. Cô nói thầm: “ Con cảm ơn Mẹ!”.

Cánh én mùa xuân đã về...

NGUYỄN THUÝ NGÂN



thơ

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

TÌNH BUỒN NHỚ MÃI

gởi Thanh Chương

1

Tình buồn cứ gửi lên mây
Ở đây ở đó ở đâu cũng buồn
Hành vân lưu thủy mưa tuôn
Cuộc đời cứ thế! Cứ luôn thế mà

2

Trăm năm trong cõi người ta
Tri âm tri kỷ quả là mình châu
Trời Nam rồi sẽ xanh màu
Bây giờ vẫn phải ngâm câu dậm dài

3

Bách Việt còn mãi miệt mài
Sầu Mê Diên vẫn ở ngoài chân mây
Chiều hiều sóng ngả về đây
Không gian xám ngoét như đầy bụi tro

Bình Quới tây 20.7.2009

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN



SẮC XUÂN

ĐÀM LAN

Tôi vốn dĩ rất ấn tượng với màu hoa trắng. Bất cứ loài hoa nào mang màu trắng cũng đều cho tôi một cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát, băng khuâng.

Niềm cảm xúc đó khiến tôi chưa một lần bỏ qua dịp sở hữu hay chiêm ngưỡng nó. Đặc biệt là hoa hồng trắng. Thật đáng buồn khi màu hoa thánh thiện ấy lại mong manh vô cùng. Hoa trắng luôn có tuổi thọ thấp hơn những loài hoa mang các sắc màu khác. Có lẽ đó là một quy luật hiển nhiên khi sự thanh khiết, thánh thiện thường không thể tồn tại lâu trong thế giới cuộc đời. Mặc dù vậy, tôi vẫn rất yêu màu hoa trắng, một màu hoa bất diệt.

Chắc chắn rằng không một ai trong đời lại chưa một lần đi dạo chợ hoa ngày tết. Một bức tranh hội tụ toàn cảnh sắc thiên nhiên. Bức tranh đã cho ta một sự cảm xúc sâu sắc, khi được đắm mình trong chiếc thảm rực rỡ và ngào ngạt hương thơm. Và khi đã lạc vào chốn thiên thai tại thế ấy, thì không ai ghìm nổi nỗi xúc động đang đưa tâm hồn mình bay bổng giữa vườn xuân. Như đã thành thói quen, chưa năm nào tôi từ chối nổi cái thú đi dạo chợ hoa ngày tết, ngoại trừ những trường hợp bất khả kháng. Cũng như lúc này, tôi đang chìm giữa biển sắc, nhưng vốn trung thành với ấn tượng, tôi vẫn ném tia nhìn sục sạo khắp các ngõ ngách của những khóm hoa. Khốn nỗi, màu hoa tôi yêu lại rất hiếm hoi trong những ngày này. Vì người ta quan niệm rằng: đầu năm không nên chưng hoa trắng trong nhà, không khéo lại trắng cả năm thì khổ. Dù sao tôi vẫn không bỏ cuộc khi chưa ra khỏi khu chợ hoa. Hơn nữa, chẳng dại gì, khi cả năm mới có được một lần ngắm hoa thỏa thích lại không mất tiền. Đang tiếp tục với cuộc thưởng ngoạn, tôi bỗng nghe có tiếng trầm trồ:

- Ô, cảnh mai đẹp quá!

Nhìn về phía phát ra tiếng nói, một cô gái trong bộ quần áo lam lũ, chân đi đôi ủng với nửa phần bùn đất, đang ngậy người dán mắt vào một cành mai gần đó. Tôi bất giác nhìn theo và cũng thán công nhận: cành mai thật tuyệt. Sự phân chia cân đối của các nhánh cành cùng với những chùm nụ như phụ kín, lác đác trong số nụ ấy là ánh vàng của vài cánh hoa nở vội. Có lẽ những cánh hoa ấy đang háo hức tung ra giữa thanh thiên chiếc áo xuân rực rỡ. Dù rất ít tình cảm với màu vàng (vì tôi nghe nói màu vàng là màu phản bội) nhưng tôi buộc phải công nhận một điều: Thượng đế đã rất có lý khi chọn màu vàng của hoa mai làm biểu tượng của mùa xuân. Thử tượng tưởng xem, khi những ngày đầu năm, căn nhà như sáng hẳn lên với một cành mai đang rũ tung sắc vàng ra tứ phía. Và cái ánh sắc chói lòa ấy dễ đem đến cho con người ta nguồn hy vọng vào một cuộc

sống no đủ, sung túc. Không biết có phải màu vàng ấy trùng với màu của một thứ kim loại có giá trị rất cao, và là màu của một thảm lúa vàng trong mùa bội thu. Dầu sao thì hoa mai không thể thiếu trong mùa xuân. Có điều, số phận cành mai tuyệt đẹp kia sẽ thuộc về ai thì tùy thuộc vào sự quyết định của người đang tạm là chủ nó. Lẽ đương nhiên nó sẽ không thuộc về tôi hay cô gái đang đứng sờ trước vẻ huy hoàng của nó kia. Cô gái đã dợm bước đi, lại chợt dừng lại, trong mắt cô, một ánh nhìn khao khát đến nao lòng. Cái nhìn ấy gây cho tôi một niềm hoài cảm. Một sự thúc đẩy vô hình nào đó, khiến tôi đuổi theo cô gái. Khi đã bắt kịp cô, tôi mở lời bắt chuyện:

- Cành mai ấy đẹp quá cô nhỉ?

Nhìn tôi với một thoáng ngạc nhiên nhưng rồi cô gái cũng gật đầu:

- Vâng! Đó là cành mai đẹp nhất từ trước giờ tôi đã thấy.

- Thế sao cô không tìm cách sở hữu nó?

Cô gái mỉm một nụ cười buồn :

- Tôi làm sao có được điểm phúc đó hử anh?

Vẫn biết đó là câu trả lời mà tôi đã ước đoán, nhưng chẳng qua chỉ là cái cớ để làm quen. Chuyển đề tài, tôi lân la:

- Chắc cô đi sắm tết?

- Tôi đi ngắm tết thì đúng hơn.

Bật cười vì lỗi chuyển ngữ sát sườn của cô gái, cô chợt nhìn tôi vẻ lạ lẫm, như nhìn một gã ngớ ngẩn. Tôi nhận ra sự vô ý của mình, vội nói:

- Xin lỗi cô, tôi cười là vì dường như tôi đang có bạn đồng hành.

- Bạn đồng hành? Ồ thế thì anh đã nhầm rồi, tôi đang rất bận.

- Thì tôi cũng có rảnh rồi đâu.

- Không rảnh rồi? vậy sao anh lại có thời gian đi vớ vẩn thế này?

- Là vì... tôi đang bận... bận làm quen ấy mà.

Cô gái vỡ lẽ phì cười, rồi bằng một thái độ ẩn ý, cô nói:

- Tôi có cảm giác như đang nói chuyện với người ngoài hành tinh vậy?

Tôi sượng lại, nhìn từ ngực đến chân, trừ cái mặt vì tôi không đem theo cái gương. Tôi có gì khác với mọi người đâu nhỉ? Vậy không lẽ cái mặt tôi giống người ngoài hành tinh lắm sao? Thấy tôi ngơ ngác, cô gái lại cười:

- Anh giống như người ngồi dưới gốc cây đa trên mặt trăng ấy.

Ái chà, cô ta cũng đáo để đấy chứ, nhưng tôi cũng kịp trả đũa ngay:

- Ô cô nói đúng đấy, vì tôi đang đi cạnh Hằng Nga mà.

Cô gái khẽ “hứ” một tiếng và quay ngoắt đi, nhưng tôi đã kịp nhìn thấy một ráng hồng lan trên má cô. Tôi bỗng cười, và cô cũng bật cười. Một lần nữa xin cảm ơn Thượng đế khi Ngài đã sáng tạo ra nụ cười, vì chính nụ cười đã góp phần chuyển tiếp thái độ rất hiệu quả. Hai chúng tôi đã tự nhiên hơn và rồi qua câu chuyện tôi được biết. Cô gái là chị của bảy đứa em. Một tình cảnh thường thấy trong các gia đình ở nông thôn. Đó là sự thiếu hụt, khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Với một mảnh vườn rau trên diện tích hơn ba sào, chỉ đủ để đánh đổi từ những giọt mồ hôi mặn đất lấy từng hạt gạo nuôi sống bấy nhiêu con người đã là khó nhọc, thì lẽ đương nhiên khó mà sắm sửa một cái Tết cho ra trò. Cô gái bùi ngùi nói thêm :

- Đã bao năm rồi, mẹ tôi chỉ ước có một cành mai thật đẹp cho vui nhà, nhưng rồi năm nào cũng như năm nào, mẹ tôi lại lui cui ra vườn cắt vài nhành hoa có sẵn, và nói vui rằng: Không có mai rừng thì ta chưng mai nhà vậy .

Ngang qua một quầy bán tranh và lịch, tôi lướt mắt và bắt gặp một sắc vàng đỏ xòa trên một khung tranh. Tôi nói vội với cô gái :

- Cô đứng đây chờ tôi tí nhé.

Rồi không đợi cô gái kịp trả lời, tôi len vào hỏi giá tờ tranh. Ít phút sau, trước khi tờ tranh được cuộn lại, tôi đã kịp nhìn thấy hai chữ ghi chú bên dưới “Sắc Xuân”. Trở lại nơi cô gái đang đứng đợi, tôi ngập ngừng:

- Chút quà nhỏ cho mùa xuân mới, cô vui lòng nhận nhé.

Cô gái lúng túng:

- Tôi không thể nhận quà của một người lạ được.

- Có thể chúng ta chưa quen, nhưng cũng không còn là lạ, coi như kỷ niệm của buổi đầu gặp gỡ, có được không?

Tôi vừa nói vừa ấn bức tranh vào tay cô gái, cô gái run tay đỡ nhẹ và mở ra, cô reo lên:

- Đẹp quá!

Chỉ vào hai chữ ghi chú, tôi nói:

- Có thể bức tranh này không đẹp bằng cành mai thật kia, nhưng tôi hy vọng “Sắc xuân” sẽ ngự suốt bốn mùa trong gia đình cô.

Cô gái không giấu vẻ xúc động, ngược mắt nhìn tôi với tia ấm áp, lời cảm ơn thốt ra cùng lúc hơi ấm từ bàn tay cô truyền sang bàn tay tôi. Trong tôi như rộn lên vầng sáng của “Sắc Xuân”

ĐÀM LAN



ĐÊM KHẢI HUYỀN

QUÝ THỂ

Người ta kể lại rằng đêm đó khi nàng cất lên tiếng hát, đại thánh đường tràn ngập một mùi thơm đặc biệt, ban đầu không ai biết mùi gì, sau có người nói mùi Long Diên Hương. Chị Tro, một người đàn bà ốm nhom như con cá hồ phơi khô, ở thôn Cận Hải, làm nghề rồi, có chồng đi biển, lượm về một thứ, mới trông như sáp ong, mùi thơm lạ lùng, bỏ trong hai ba cái túi ni lông cột chặt lại, mùi thơm vẫn bốc ra ngoài. Trong làng chẳng ai biết là gì, đem tới nhà ông cụ Luận, tám mươi chín tuổi, ba đời làm nghề thầy thuốc, cụ nói đó là Long diên hương, cái mùi ái tình của cá voi đánh dấu con đường nó đi giữa biển cả mênh mông cho con cái tìm thấy. Thầy nói mùi lạ lắm, ngửi một lần nhớ ba năm, đêm nằm chiêm bao thấy sóng, sáng dậy nửa ngày còn say sóng lao đao...

Nàng hát hay đến nỗi thỉnh giả hàng ngàn người tràn ngập đau đớn, quần quai trong một thứ hạnh phúc dữ dội, tàn nhẫn. Có người nức nở, có người mê mẩn, có người ngất xỉu. Xe cứu thương tới lui chở người bị thác loạn thần kinh tới bệnh viện cấp nập. Tiếng còi của những chiếc xe sơn trắng có hình thập tự đỏ, nghe không ghê rợn mà dịu dàng thánh thót như nhạc giáo đường. Tiếng hát của nàng trong vắt giống như đựng trong lọ thủy tinh mở nút bay ra một làn hương. Tiếng hát trong như một khoảng chân không, đó là thứ vật chất chẳng có gì, gọi là ê-te, theo cách nghĩ ở thời của những nhà giả kim thuật. Tiếng hát sắc như dao cạo, con dao sắc bén đến nỗi cửa vào da tê tái mê mẩn. Tiếng hát cao dần, cao dần, từ bát độ này sang bát độ kia, trở thành siêu âm. Khi âm thanh rung động đã đến tần số siêu âm thì tai người chẳng còn nghe, nhưng những chiếc bóng đèn thủy tinh cảm nhận trước tiên. Tội nghiệp, những chiếc đèn nội hoá làm dỏm, mỏng manh treo ở quầy bán vé nổ trước tiên. Nơi đây tối như đêm ba mươi, tiền bán vé rơi lả tả, chẳng ai nhặt, sau này phải dùng chổi để gom lại. Rồi tới mấy bóng đèn trong phòng vệ sinh không chịu nổi tần số rung động siêu âm, biên độ siêu âm nổ lộp bộp như ngô rang. Người ra vào không còn đủ ánh sáng phân biệt nơi nào dành cho nam, cho nữ, để xảy ra vài đụng chạm hoặc hiểu lầm, thực đáng tiếc. Rồi thì tới lượt mấy cửa kính vỡ, thủy tinh rơi loảng xoảng. Chiếc vòng đeo tay bằng thứ ngọc thạch giả rẻ tiền nơi cánh tay bà bộ trưởng gãy làm ba. Bà làm bộ kêu to: "Ôi chao! Chiếc vòng ngọc thạch đáng giá bốn cây rưỡi vàng gầy rồi!". Ông bộ trưởng nói: "Đề tôi đền". Bà ta cười thâm trong bóng tối, cảm ơn nàng ca sĩ có tiếng hát lạ thường. Rồi thì tất cả đèn dỏm trong phòng lần lượt vỡ tung, từ trên cao trút xuống một trận mưa thủy tinh trông như chiếc đuôi ngôi sao băng. Đèn đuốc tắt ngấm cả nhưng căn phòng to lớn luộm nhuộm một thứ ánh sáng màu xanh, ánh sáng ma trơi, ánh sáng lân tinh, ánh sáng huyền hoặc do nọc độc loài rắn nhả vào vết thương gây ảo giác lập loè đom đóm.

Và nàng quỵ xuống. Một con rắn lục từ chiếc mi-crô phóng ra cắn vào môi nàng. Tiếng hát tắt nửa chừng, cơn thác loạn đi qua để lại tàn phá như một cơn bão, đồ vật đổ bể ngổn ngang. Mọi người sực tỉnh kéo nhau ra về. Chị Diên bán đồ khô ở chợ Đầm, ngày thường bán cá khô, mắm ruốc, răm mùng một bán tương chao. Chị chống tay lên thành ghế ngủ ngon lành. Ông Thuận chồng chị, suốt đời chẳng làm việc gì ngoài việc tụng kinh gõ mõ, thuộc lòng bộ kinh Niết Bàn, hiện là cư sĩ tu tại gia. Ông Thuận đánh thức vợ dậy vừa đúng lúc tiếng hát đưa bàn chân trái của chị Diên lên phiến đá nơi cửa Địa Đàng. Chị tức lắm, vì chỉ còn một bước nữa đã vào cõi cực lạc thế mà bị kéo ra. Tối đó chị không cho chồng ngủ chung. Ông Thuận ôm mền gối, nói: "Chẳng cần, ra hiên ngủ sướng hơn!". Nói thế nhưng đêm đó ông Thuận chui xuống bếp vùi đầu vào mái tóc rậm và cứng như đuôi trâu đầy mùi nước mắm hành tiêu ớt tỏi của con mụ giúp việc tên là Côi.

Ông nghĩ lại rất giận vợ và ghét luôn cái Niết Bàn. Đêm đó ông mơ thấy mình lần mò tới tầng thứ bảy cõi A Tỳ. Ông thấy địa ngục cũng chẳng đến nỗi nào, nhà cửa khang trang, đường sá sạch sẽ. Người với quỷ sống chung hoà bình vui vẻ và lịch sự. Ông đến gần một con quỷ đang điều khiển nút giao thông hỏi đường, nó đứng nghiêm chào theo kiểu nhà binh rồi nhả nhận chỉ đường cho ông. Không biết do hắn làm việc tắc trách hay mới từ quê lên thành phố, chưa thuộc tên đường, thay vì chỉ cho ông xuống tầng thứ tám hắn lại chỉ đường trở lại dương thế. Ông giật mình tỉnh dậy. Mụ Cối, người đàn bà hôi mùi nhà bếp chen cái bắp đùi to bằng gốc chuối lên ngực ông làm cho ông nghẹt thở sinh ra giấc mơ kỳ dị vừa qua. Gà gáy sáng, ông ôm gối mềm lên nhà trên. Lúc này, sau một giấc ngủ đầy, chị Diên thấy trong người khoan khoái, hết cả giận, kêu chồng vào nằm chung. Ông Thuận sợ vợ nghi, trưa không cho ăn cơm nên dù đã ngáy đàn bà tới cổ cũng lết vào nằm. Vợ thấy chồng nằm yên, tức lắm, nhưng chẳng biết nói sao, hỏi :”Đêm qua cô gái hát hay không?”. Ông Thuận nói :

- Hay ho gì, làm vỡ hết cửa kính với bóng đèn. Hát hò kiểu đó chủ rạp phá sản !

Anh em nhà Tào xem hát xong trở về cãi cọ nhau một trận kịch liệt. Nhà Tào có ba người, Tào cha, Tào anh, Tào em. Tào cha Tào anh làm nghề hót tóc dạo, cha xóm trên, con xóm dưới. Riêng có Tào em không theo nghiệp cha, cha ghét lắm, gọi là đồ bất hiếu. Thằng em ở nhà mài dao kéo với tông đơ cho cha và anh, ngoài ra còn đi chợ nấu ăn. Hắn có tài mài dao. Hắn tin rằng có thể mài con dao bén đến nỗi cắt đứt da thịt mà người ta không hay. Khi ấy không còn gọi là con dao mài mà phải xem đó là một “phương tiện giải thoát”. Giải thoát gì ? Hắn tự trả lời :”Giải thoát con người ra khỏi cuộc đời héo hon chật chội này”.

Tào anh cãi lộn với em không lại tức quá, lúc đầu tính xô đổ tủ đựng chén đĩa, sau thấy tiếc, lựa mấy cái chén đất mà đập cho hả giận. Tào em ra sân ngồi một mình dưới ánh trăng cuối tháng. Mặt trăng trông xấu xí như mắc bệnh phong hủi. Tào em nghĩ tới thân phận con người, không cầm được nước mắt.

Hai anh em cãi nhau về việc con rắn lục từ đâu chui ra? Từ hộp đàn dương cầm hay từ máy phóng thanh? Tào em ngoài việc mài dao còn đọc sách đông tây kim cổ. Hắn cho con rắn chỉ là phương tiện của đấng hoá công mà cụ Nguyễn Du đã nói trong lý thuyết xuyên suốt của truyện Kiều “Tài mệnh tương đố”. Vì tiếng hát của nàng quá hay, đạt tới tuyệt đỉnh rồi nên nàng phải chết. Nàng không thể hát hay hơn thế nữa, chấm dứt vào thời điểm cực sáng ấy là vừa. Con rắn đúng là một nhà hiền triết. Tào em cầm quyển sách rắn học, nọc độc học vào nhà thấp đèn lên đọc. Chương mười bảy nói về rắn lục. Loài rắn này màu xanh lá mạ, con cái biết trang điểm cho mình cái đuôi hồng vào thời kỳ yêu đương. Chúng nó thường sống trên giàn hoa thiên lý, bắt chim se sẻ để ăn, cắn người để chơi. Chúng sống ở trên cao nên không thể mỗ vào tay chân con người được. Chúng cũng không thể tấn công vào đỉnh đầu vì chúng rất sợ tóc. Tóc người ta là một thứ lông lá đáng sợ. Trên đất, trong rừng, dưới biển, không có con vật nào có một chòm lông dài trên đầu còn thân thể lại trần trụi. Rắn lục chỉ thích cắn vào môi, môi hồng, môi trái tim, môi cắn chỉ, môi dày, môi mỏng, miễn là môi đàn bà con gái, vì môi họ thường ăn hàng, nói láo và dùng để hôn là tốt nhất. Có những chiếc hôn ngọt ngào chết người! Rắn lục sợ có kẻ cạnh tranh với mình. Cô gái nào bị cắn vào môi phát ra thứ ánh sáng màu xanh lân tinh, màu xanh chất đồng vị phóng xạ coban, thứ người ta chứa trong những chiếc kim cắm vào khối u ung thư. Thứ ánh sáng quái quỷ này trong phút chốc tràn lan gây ảo giác cho những người chung quanh.

Tào anh đập xong mấy cái chén rẻ tiền đã hả giận, hồi hận tới ngồi cạnh em vuốt ve an ủi :”Thôi con rắn lục nơi đâu chui ra cũng được, miễn là nó tồn tại và nó đã cắn môi người con gái. Con rắn đã thực hiện xong công việc của nó, chẳng thể xoay chuyển gì được nữa, mọi sự đã được an bài, dù có phi lý cách mấy cũng phải chịu “. Người em nghe thế lại khóc to hơn. Tào anh không biết tưởng em còn giận mình. Tào em thở dài nói :”Ôi cuộc đời phù du, ngắn ngủi, tro bụi

nhọc nhằn..."Tạo anh tưởng thằng em mình làm thơ. Nó mà mê làm thơ thì còn ai mài tông đơ với dao kéo? Nhưng không. Tạo em hỏi : "anh có biết ông cụ Tuần không ?". Tạo anh đáp, biết. Tạo em thở dài than :

- Suốt một đời bon chen danh lợi, lúc qua đời con cháu đem đi hoá táng mang tro về, ai cũng tưởng ít nữa phải được một thúng, đầu dè không đựng đầy cái gáo dừa ! Ôi "những gì còn lại" mĩa mai là thế ...

Người em lại khóc. Những giọt nước mắt rơi xuống đất chẳng có thứ cây trái huyền thoại nào mọc lên cả . Nước mắt chỉ là những giọt mặn mặn, chừng vài phần ngàn muối, độ mặn thua xa nước biển, thế mà tại sao có người ví đời là bể khổ, nước mắt thành biển, nói như thế là nói ngoa. Hai anh em nhà Tạo làm lành với nhau. Họ vẫn còn thắc mắc, tại sao con rắn và người phụ nữ là đồng minh lâu đời với nhau từ thuở trong vườn địa đàng tại sao nay lại xích mích ? Sự thực vào đêm hôm đó có con rắn cắn môi người ca sĩ hay không ?

Lão Niên, một lão già sáu mươi chín tuổi, đi lính hai mươi bốn năm bị một viên đạn kẹt lại trong cột sống. Cái đầu đạn này là đạn súng săn làm bằng chì. Lão bị thương không phải do hòn đạn mũi tên của quân thù mà chỉ vì người ta lầm tưởng lão là con nai chà đang xuống khe uống nước. Hôm đó lão mặc bộ đồ ka ki màu vàng, trời chập choạng tối, mấy thằng lính thấy lão tưởng con nai, bắn một phát. Chát chì gây nhiễm độc dần dần hệ thần kinh, chất độc chạy đến chân làm lão bị liệt, chạy lên não làm cho lão ăn nói lung tung. Ban ngày, đến đâu lão cũng thấy ma quỷ. Quân đội không còn dùng con người này nữa. Họ cho lão cái chức trung sĩ với cái huy chương. Lão mang hai thứ này đi xin việc sáu năm không ai nhận. Cuối cùng nhà hát cho làm chân kéo màn. Không hiểu có phải vì chất chì làm biến dị hệ thần kinh hay không mà lão có một biệt tài, đó là "cảm giác nghệ thuật". Lão biết kéo màn vào đúng thời điểm đáng kết thúc nhất. Không sớm, không muộn một giây, khi nào thì nên cho cuộc đời kết thúc từ từ, khi nào cho cuộc sống kết thúc một cách đột ngột đều do lão chọn cả, và thường chẳng bao giờ sai. Đào chính, đào phụ, kép chính, kép phụ, đạo diễn phó đạo diễn, kể cả tác giả kịch bản đều giao cho lão cái quyền kết thúc, kết thúc một cuộc đời kịch. Từ đó lão có tên là : "người kéo màn", có khi còn gọi là "người kết thúc". Ôi trong cuộc đời sự kết thúc đúng lúc thường hiếm thấy. Có nhiều người khôn ngoan, từng trải, thủ đoạn, làm to, biết đủ thứ nhưng lại không biết kết thúc để cho nó đổ vỡ vào phút cuối, thực đáng tiếc. Đúng là chẳng biết cái thuật "xuất xứ" của cổ nhân .

Không biết giữa cô gái và ông lão có một sự giao tiếp bí ẩn theo kiểu sóng điện từ, phóng lên tầng điện li phản xạ xuống cái cột sống có kẹt viên đạn chì nào không mà ông lão kéo màn đúng lúc cần thiết nhất. Chính nàng muốn như thế, để đến khi già, khi xấu, chết như một bà già ở trên giường thì còn gì vô duyên cho bằng. Không phải kịch bản mà chính cái cảm giác kịch quyết định tất cả. Mỗi khi hai cánh màn nhung khép lại thì luôn luôn ngày hôm sau ông chủ rạp phải cho người leo lên nóc rạp thay mấy viên ngói, đóng lại mấy cái đinh, ngói nứt, đinh long do tiếng vỗ tay vang như sấm. Mỗi lần đóng đinh thay ngói ông chủ rạp, ông bầu gánh không buồn, họ rất vui. Hôm đó thường cả hai ngồi lại với nhau đếm tiền đến khuya, tiền rách, tiền lẻ dùng để ăn cháo gà với mắm bóp. Đêm nay cũng thế. Cô gái quì xuống cùng với hai cánh màn nhung khép lại, khép lại một cuộc đời, thực là một kết thúc tuyệt hảo, chẳng mong đợi gì hơn. Ngôi sao sáng nhất, ngôi sao đẹp nhất đã vỡ tung và người nghệ sĩ già kéo màn hay bấm máy vào đúng cái thời khắc bi tráng nhất. Đêm đó ông chủ rạp hát với ông bầu không còn đủ hơi sức đếm tiền . Tiền nhiều quá, họ tuôn đại vào những chiếc bao tải, một người cầm miệng bao, người kia leo vào ra sức dẫm. Ông chủ rạp người to béo, nặng cả tạ nhảy chồm chồm trong bao vẫn không hề bẹp tiền. Hai người làm việc tới khuya, mệt quá ngủ li bì cạnh mấy bao tiền, bỏ hai mụ vợ nằm suông ở nhà .

Đêm đó lão Niên "người kéo màn" thất thủ trở về. Trên đường ai hỏi gì lão cũng không nói. Về nhà vợ lão hỏi cũng ngậm câm. Lão run rẩy như người vừa trải qua kinh nghiệm khủng

khiep. Ngày hôm sau lão hoàn hồn, lão kể :”Khi tiếng hát của nàng lên cao dần, mọi thứ có thể vỡ đã vỡ, chỉ riêng dép lốp quý ông cán bộ, nịt vú quý bà trong hội liên hiệp bằng cao su mút là không vỡ thôi, tất cả mọi nguồn sáng đều tắt ngấm, đèn hột vịt thắp lên cũng tắt thì cả sân khấu đại thánh phòng nhuộm một thứ ánh sáng màu xanh, xanh như mắt mèo, xanh như ma trời, màu xanh quỉ, canh trứng sáo, xanh rần lục ... Lão còn kể tới tám mươi một màu xanh khác nhau, thật là sản phẩm của bộ óc nhiệm độc chi . Tóm lại lão muốn nói tiếng hát đã thăng hoa thành ánh sáng thì cảm giác kịch cháy bùng trong cái cột sống có viên đạn chì , xui lão lết tới chỗ có hai sợi dây kéo màn. Lão kịp thấy nàng gục xuống, cổ áo loang vệt đỏ... Về sau vợ lão kể lại cho mấy mẹ hàng xóm nghe, mẹ không nói cổ áo “loang vệt đỏ”. Mẹ nghĩ, cổ áo loang vệt đỏ nghĩa lý gì? Làm chi có chuyện đó ? Nói như thế thì xoàng quá, chẳng xứng đáng với huyền thoại sống. Mẹ nói (nguyên văn):”Từ miệng nàng khắc ra một hoa hồng nhung!”. Lần thứ hai mẹ kể :”Một bông hồng nhung đỏ thắm mọc ra từ miệng cô gái”. Mấy người nghe kể lại cho người khác:”Miệng cô gái mọc ra cành hồng sáu bông hoa đỏ tươi cùng với cành lá và những chiếc gai hình móc câu!”. Bây giờ nó trở thành một khóm hoa .

Không phải tất cả đều lão thêu dệt tưởng tượng, thật đấy. Bác sĩ Báu, trưởng khoa cấp cứu bệnh viện trung tâm, bảo cô y tá chuẩn bị cho ông bốn túi máu, loại máu O cho ca mổ khâu tĩnh mạch thanh quản. Trong lúc giải phẫu áp huyết xuống, truyền cả bốn túi vẫn chưa đo được, phải tiếp thêm hai túi máu nữa. Mỗi túi máu 250cc, sáu túi vị chi lít rưỡi. Trong trường hợp này vị bác sĩ không tiếc máu, ông cố cứu lấy tiếng hát mà bấy lâu nay ông hằng ngưỡng mộ. Sáu túi máu đỏ có khác chi sáu đoá hoa hồng nhung ? Sáu đoá hoa làm thành khóm hoa. Mọi chuyện không ngoa lắm đâu, chỉ có một điều thực đáng tiếc, hoa hồng thứ sáu chưa kịp nở thì mùa băng giá đã tràn ngập khu vườn rồi !

Mọi bi kịch thường bắt đầu hết sức đơn giản. Quả núi sụp đổ có khi chỉ vì hạt cát nằm không đúng nơi lẽ ra nó phải nằm. Trong hàng ngàn tỉ tế bào đã có một cái mà bi kịch chui vào trong hai cái dải xoắn DNA quái quỷ nào đó và cứ thế nổi bất hạnh nhân lên như mối đùn .

Nữ danh ca Hải Lý đau họng, khan tiếng và khó nuốt. Nàng cho rằng mình bị cảm, ai cũng tưởng là bệnh xoàng kể cả mấy ôngbác sĩ. Đã cảm thì chữa theo cách chị Xuân, người hàng xóm là hay hơn cả. Chị Xuân nói :”Liên ơi mày chui vô bụi tre lượm cho tao miếng mảnh chai đem vô đây”. Con Liên làm theo, nó lượm miếng thuỷ tinh vỡ rửa qua loa, chị Xuân đập ra lấy một miếng, chị nói :”Trúng gió thì phải cắt lể, cắt lể xong lấy đồng tiền cũ, thứ bạc thiệt có hình mẹ đầm già , nếu không có lấy đồng bạc năm hào bằng nhôm, vụn bất đắc dĩ mà không có nữa thì lấy cái muỗng cạo cũng được. Cạo cho ra hết gió, nấu nồi nước xông lá sả lá chanh, không có, lấy hộp cao vàng bỏ vào nước sôi đậy nắp lại xông cũng được. Xông cho đổ mồ hôi, cho ra hết “cảm” xong ăn tô cháo hành cho thật nhiều tiêu vào, cái chứng đau cổ khản giọng hết ngay. Mà cũng tệ, mình làm nghề ca hát mà chẳng biết giữ gìn để cho nhiệm hàn...” Nghe chị Xuân trách Hải Lý nói :”Ừ, lần sau phải giữ, đêm nọ trở về mắc mưa”.

Cách chữa bệnh rườm rà này chẳng đem lại kết quả. Hải Lý tới bác sĩ ông này cho mấy viên thuốc át-pê-rin với tiêm mũi thuốc . Ông bác sĩ này rất “tâm lý”. Ông biết khám bệnh theo kiểu cũ, nghe rồi gõ, xong lấy tiền, bệnh nhân không thích, phải tiêm mũi thuốc họ mới an tâm, và không tiếc tiền. Thường ông tiêm mũi nước cất với cái vẻ trịnh trọng như tiêm thuốc hồi dương cứu tử.

Bệnh vẫn không thuyên giảm. Hình như có cái gì vướng trong cổ nàng. Nó níu thanh quản làm không rung lên được. Hay nàng bị hóc xương? Nàng đi tìm ông thầy thuốc tai mũi họng. Ông bảo Hải Lý cởi quần áo ra, nàng không chịu, hỏi:”Tôi đau họng, cởi quần làm chi ? “Ông nói :”Cơ thể con người là một thể thống nhất” . thống nhất hay phân lập nàng không cần biết, cương quyết không chịu cởi quần ! Ông bảo nàng há miệng nói:”A” thực to. Ông dùng que gỗ đè lưỡi nàng

xuống, lấy đèn pin rọi vào. Nàng hỏi : "Có thấy cái xương cá ở trong đó không ?". Bác sĩ nói :
- Có một chỗ màu nhạt hơn chắc là nấm ...

Nàng nghĩ cây nấm mọc trong hòng là chuyện quái dị. Hải Lý tưởng tượng hình ảnh cây nấm trông như cô gái cầm chiếc ô nhiều màu đứng nơi gốc cây. Hồi mười hai tuổi nàng đã là cô gái đó. Nàng tự hỏi, tại sao cây nấm kia không chịu đứng nơi gốc cây lại chui vào cổ nàng ? Hay tại lễ Vu Lan vừa qua nàng lên chùa ăn chay, trong đó có món canh nấm ? Hay là loài nấm độc có màu sắc rực rỡ in trong quyển tự điển ? Hay là cây nấm nguyên tử khủng khiếp tàn phá hai thành phố bên Nhật. Đó là hai chiếc nấm khổng lồ do con người làm ra sáng như hàng ngàn mặt trời mọc cùng một lúc. Trong khi nàng thả cho đầu óc tưởng tượng rong chơi nhảy nhót như con chim chuyền cành thì ông thầy thuốc trao cho nàng mấy viên thuốc hình vuông màu trắng. Ông bảo ngậm chớ không được nhai, vài ngày thì hết, lại lên sân khấu hát như con sơn ca. Ông nói với giọng tin tưởng lẫn chút hài hước và nàng cũng cười và tin như thế.

Nhưng sự việc không phải đơn giản và dễ dàng như người ta có thể cười cợt được. Nàng quay trở lại phòng mạch. Ông lại dùng que gỗ đề lưỡi. Giờ đây cây nấm không chỉ đổi màu, nó còn đổi cả số phận, xô nàng đến vực thẳm. Lần này vị bác sĩ không còn buộc nàng cởi quần, không đùa cợt. Ông thất sắc, run rẩy. Ông cho cây kéo nhỏ. Mũi nhọn vào, lấy một mẫu thịt đi thử. Mười phút sau có kết quả, nghi ung thư thanh quản."thử thịt" lần thứ hai, mất cái từ "nghĩ".

Loài nấm độc mọc rất nhanh trong thanh quản cô gái. Cắt nó mọc lại, cắt nữa nó mọc nhanh hơn. Cả chất phóng xạ Coban tạo ảo giác màu xanh mà anh em nhà Tạo đồ thừa cho con rắn lục hoang đường cũng chẳng thể diệt loài nấm quỷ. Nó chồng chất lên nhau tạo thành quả đồi chết trong chiếc cổ cao ba ngón đẹp như cổ hoàng hậu, cổ thiên nga. Bây giờ nó là tảng băng chặn dòng nước. Nó như cái nút chai giữ giọng hát trong trẻo của nàng ở trong chiếc lọ thủy tinh. Bệnh viện đi tới một quyết định táo bạo: Cắt, cắt thực sâu, cắt triệt để, may ra...

Hải Lý đang nằm trong phòng hậu phẫu. Lúc này thuốc mê đã tan, đầu óc nàng lâng lâng khó chịu. Chung quanh chỉ có mấy chiếc giường trải ra trắng. Nàng nhìn ra cửa kính, chòm sao Mỹ nữ rực sáng phía trời tây, những ngôi sao nối đuôi nhau sáng lấp lánh, sáng dần lên, sáng nữa, chói loà rồi nổ tung, làm thành cơn bão ánh sáng. Nàng nghĩ ngôi sao cứ xử thật đúng. Một ngôi sao sáng không thể lụi tàn trong cô đơn như những ngôi sao khác. Nó phải tự mình nghĩ ra một kết thúc. Phải tự đốt mình lên rực sáng như mặt trời. Đêm nay ta cũng phải tự đốt ta lên, dâng hiến tiếng hát cho đời, và quí ngã chính cái nơi đã làm nên vinh quang. Không thể nằm nơi đây tàn tạ như ngọn đèn hết dầu. Nàng tháo mọi thứ dụng cụ y khoa trên người, lén qua những người gác trong bệnh viện, kêu xe tới nơi đêm đêm nàng vẫn dâng tiếng hát đem lại hạnh phúc cho bao nhiêu người. Lần này ngôi sao sáng nhất sẽ nổ tung kết thúc một cách rực rỡ nhất.

Lần trình diễn cuối cùng đó nàng đã gây ra biết bao nhiêu huyền thoại, và nàng đã tắt giống như một ngôi sao.

Người y sĩ trực phòng cấp cứu nửa đêm mơ thấy có người tới rủ đi xem ảo thuật. Họ đi vào một căn lều không lồ chứa đầy khán giả. Trên sàn diễn người ta không thấy nhà ảo thuật truyền thống với bộ quần áo bí hiểm, màu đen rộng thùng thình có nhiều túi để giấu bộ bài, mấy chiếc khăn lụa, đoạn dây thừng, thỏ và chim. Người diễn trò ảo thuật hôm nay là một cô gái trẻ và đẹp. Cô mặc áo cưới bằng voan trắng có hai đứa bé mang đôi cánh bằng giấy giả làm thiên thần nâng tà áo dài giống như trong lễ đăng quang. Khán giả thì thầm : "Ăn mặc như thế này làm sao xoay trở diễn trò ?". Giàn nhạc chơi một khúc tình ca. Mấy mù đàn bà son phấn mờ mờ nhể nhại, quạt phành phạch cười đùa: "Không lẽ bọn này làm đám cưới trong rạp xiếc?". Có người nói : "Ao thuật

mà. Cô dâu sẽ lôi chàng rể từ trong chiếc váy rộng của cô ra “.. Một vài tiếng cười. Lại có người nói :”Rồi cô làm chàng rể biến đi bằng cách nhét hẳn ta vào chiếc giày bé tí tẹo của cô”. Lại có người cười . Có tiếng loa giới thiệu tiết mục “Mưa hoa hồng”. Khán giả chưa bao giờ được xem trò này, họ háo hức chờ đợi. Cô gái cầm ngọn lao mũi rất nhọn. Có người nói :”Đừng có tin đó là thứ thiệt, đồ dõm, bằng giấy bạc, thứ trong bao thuốc lá, khiến người ta tưởng mũi dao nhọn “. Mũi dao chốc chốc lớp loà lên giống như đèn máy ảnh . Có người thét:”Ồi sáng quá, có thể chụp hình được !” Rồi người khác kể:”Bên Nhật người ta làm được cái máy ảnh chụp linh hồn người chết. Anh chụp ra có hình hai người lồng vào nhau. Đã có người mua về chụp thử rồi. Chụp người ngủ thấy cái “vía” rời xác đi chơi. Lúc ấy mà lấy lọ nổi vẽ mặt, lúc quay về cái vía nhận không ra xác, nó bỏ đi, người chết luôn. Có tiếng người thét thực to :”Diễn đi! Lôi chàng rể trong cái xú chiêng ra đi !”

Cô gái không lôi người nào ra cả. Cô từ từ mở mấy sợi dây đăng ten màu tím, thắt thành nơ rất đẹp nơi ngực áo cô. Khán giả cười ô khi nàng phơi ra bộ ngực xếp nếp như con trai, một làn da trắng, trắng và mỏng như giấy. Có người la to :”Đồ Pê đê”.

Cô gái trình diễn một cách lặng lẽ chậm chạp. Có ai đó nói trong loa :”Khán giả chú ý!Cô gái sẽ phóng ngọn lao lên trời và hoa hồng sẽ trút xuống như mưa. Hoa nhiều lắm, ai cũng có phần”. Lại có tiếng người nói :”Trò bịp rẻ tiền, một kẻ nào đó núp trên nóc rạp, nơi này đầy bóng tối, hẳn bắt lấy ngọn lao và ném hoa hồng xuống . Có người đòi vạch mặt trò bịp, đòi tiền lại, nhiều người la ó, rạp xiếc như cái chợ. Ba ngọn đèn quét những ống ánh sáng quanh sân khấu tròn đồ đầy bột cưa, hơi nồng mùi nước đái ngựa, rồi cả ba nguồn sáng tập trung vào cô gái. Cô giang thẳng cánh phóng thực mạnh chiếc lao lên cao. Cô ngửa người phanh ngực chờ đón. Chiếc lao nhọn từ trên cao rơi thẳng xuống cắm vào miệng cô gái. Đúng lúc đó mọi người thấy một cơn mưa hoa hồng . Họ vỗ tay reo hò nhiệt liệt. Bỗng nhiên mọi người cùng phẫn nộ hét lên :”Không phải hoa hồng. Đồ bịp!”. Bàn tay ai cũng nhầy nhựa máu. Mấy mù đàn bà kêu lên:

- Nó làm hỏng áo em rồi !

- Nó làm hỏng tóc em rồi !

- Nó làm hư giấc mơ của ta rồi !

Y sĩ trực phòng cấp cứu thức dậy, ngáp liên mấy cái, tự nhủ : Mơ với mộng, thực chẳng ra làm sao. Anh ta đi qua phòng khác. Nơi đây có đặt mấy cái tủ lớn, trong đựng đầy chai lọ, có những chiếc thấu đựng tim gan người chết để các sinh viên y khoa tới nghiên cứu. Có chiếc lọ thực to, trong chứa đầy thứ nước màu vàng, ngâm một thai nhi hai đầu, cái rốn của nó lòng thông quấn queo như dòi chó. anh ta mở nắp lọ, mùi cồn bay ra. Anh ta cười nói với đứa bé:” Thích nhé cậu bé hai đầu. Ở trong này tha hồ mà nốc rượu!”. Anh thấy cảnh tượng chẳng khác gì người ta ngâm rắn với chim bìm bịp và nghĩ : Múc một cốc ném thử sao nhỉ ? Anh ta thấy bỗng ham lý giải sự đời : Mỗi người một số phận. Một cái trứng với hai chú tinh trùng chui vào cạnh tranh nhau, cuối cùng anh chàng nào cũng có phần, thực công bằng, hai cái đầu. Cái số thằng bé này là được bơi trong cồn. Nó mà lớn lên sẽ là tay nát rượu. Một thằng ghiền rượu uống gấp đôi người khác, bởi vì nó có tới hai cái mồm. Thằng bé hai đầu này cũng chỉ là lỗi lầm của tạo hoá .Bệnh tật là đòn chí tử mà lại rất vô lý vì chẳng do tội lỗi, đó là sự bất công của tạo hoá .

Anh lần tới chỗ cô gái mà người ta đem lại tối nay. Đêm qua cả bệnh viện rộn lên vì cô này. Anh bắt đầu làm công việc của người y sĩ trực. Anh thấy túi máu không chảy. Anh trách mấy cô y tá: Thực là một lũ con gái vô dụng, chỉ được cái ăn hàng với nói chuyện yêu đương. Nghĩ lại anh thấy tội nghiệp cho họ, những con cái lãnh trách nhiệm sinh tồn, một trọng trách của tạo hóa giao cho. Họ phải nghĩ tới việc kiếm con đực để làm tròn chức năng đó. Nhưng dầu sao truyền máu

cho bệnh nhân mà không mở ống dẫn là quá tắc trách. Anh đưa tay thử lại khoá, anh thấy khoá đã mở hết cỡ. Bình truyền dịch cũng không chảy giọt nào, anh kiểm tra cũng thấy khoá đã mở. Chỉ có lọ ôxy là còn sủi bọt. Anh phân vân tự nhủ: tại sao có hiện tượng lạ kỳ này? Anh cầm tay cô gái lên, tay Nàng lạnh ngắt và cổ tay cứng như đá. Thảo nào dịch truyền và máu không chảy ra. Cả người nàng lạnh ngắt và trong như một khối băng. Anh thì thầm: "chết rồi...chết lâu rồi..."

Anh mở mặt nạ ôxy che mặt người chết, anh thấy một khuôn mặt quen quen, hình như đã gặp đâu đó rồi. Anh cố nhớ nhưng chịu. Anh vỗ trán, cái tên cô gái không chịu văng ra. Anh thấy nơi cổ người chết có mang cây thánh giá bằng bạc nhỏ, thì ra đây là người của nhà thờ. Tội nghiệp, cô không được làm phép trong lúc lâm chung. Không biết ông thành Phê rô có mở cửa thiêng dành cho cô vào không? Nhìn vẻ mặt cô gái anh biết con người này đã sống một cuộc đời lương thiện. Kìa, hãy xem khuôn mặt toát lên cái thần thái yên bình hạnh phúc xiết bao !

Mười năm làm việc nơi đây anh chứng kiến nhiều hiện tượng kỳ dị không thể dùng khoa học giải thích được. Có nhiều kẻ nghèo nàn xấu xí thất học, trước khi chết còn bị cơn bệnh vò nát như tấm giẻ rách, thế mà lúc vừa qua đời, có một giây phút ngắn ngủi hiện lên một khuôn mặt đẹp tuyệt vời, hào quang của sự nhân hậu toả ra lấp lánh. Hiện tượng kỳ bí này chẳng kéo dài. Vài giây sau linh hồn họ đã vút lên tới cõi cực lạc, bỏ lại đằng sau cái thân thể ô trọc không cần thiết nữa, giống như phi thuyền bỏ lại đằng sau tên lửa đã hết nhiên liệu. Nhưng ngược lại cũng nhiều trường hợp có người khi còn sống trông sang trọng, phượng phi, bệ vệ, ra dáng kẻ cả, khi chết trông như đồ trộm cướp.. có phu nhân kiều diễm phúc hậu đoan trang, lúc tắt thở hoá thành khuôn mặt dĩ điểm. Chắc họ ra đi vội vàng quên mang cho mình chiếc mặt nạ da người. Gặp trường hợp này người ta cũng có cách chữa, cứ tô son điểm phấn giống như người ta trang điểm cô dâu để qua bên kia thế giới còn tiếp tục cuộc sống hư nguy.

Người y sĩ này thấy cô gái giống như không chết mà đang ngủ, đang mơ, giấc mơ đắm chìm về một thế giới tốt lành .

Một buổi sáng màu tro đứng đợi bên ngoài cửa kính. Người y sĩ rút thuốc lá ra hút, trầm ngâm đứng nhìn một ngày âm thầm nở ra như một bông hoa. Khói thuốc quanh quẩn trong căn phòng chẳng chịu tan . Anh thấy một cái bóng trắng trong cửa gương. Bóng anh hay bóng cô gái ? Cả hai đều mặc áo trắng. Anh cho rằng áo mình không trắng bằng áo cô gái. Đêm nay anh đã ngủ quên, lại còn mơ thấy chuyện lung tung, không làm hết nhiệm vụ người trực, để cô gái phải vĩnh biệt cuộc đời trong nỗi cô đơn. Anh kêu thầm : "Cô ơ hãy tha lỗi cho tôi, tôi đã không tới kịp tiễn đưa cô về cõi vĩnh hằng. Giờ đây mặc dù biết cô chẳng cần cái thế gian này nữa nhưng tôi đã hút thuốc trong phòng làm cho bản giấc mơ của cô"

Có tiếng hát văng vẳng. Anh lắng nghe, không rõ nó phát ra từ đâu, bên phải, bên trái? Trước hay sau? Một ca khúc hư thực, lặng lẽ, và tráng lệ. Anh rùng mình, tiếng hát này có hực hay sao? Anh bước đến chỗ cô gái nằm, nhìn lại lần nữa. Bây giờ cái tên người đó mới chịu hiện ra. Ôi, dễ quá mà! Đó là nàng ca sĩ Hải Lý, ảnh nàng in trên tấm lịch treo trên tường nhà anh. Anh đặt bàn tay dịu dàng lên trán cô gái, vỗ về :

- Ngủ ngoan hiền nhé con chim sơn ca bé nhỏ tội nghiệp. Sáng nay chẳng có mặt trời. Mặt trời tấm biển âm u. Bình minh chết đuối. Một ngày của tiếng thở dài... Ngủ đi...đừng hát nữa... ngủ đi...

Tiếng hát tắt.

QUÝ THỂ



NGƯỜI DỪNG

VÕ CÔNG LIÊM

gợi: dương tường.

1. Đò sà vào bến. Lúa theo làn sóng nhẹ đập vô bờ, trên khoang đò đâu chừng hai mươi đàn bà với gã đàn ông đứng tuổi. Trời nhá nhem tối, mặt mày họ cũng nhá nhem cho nên khó nhận họ là ai, ở tuổi nào và thành phần gì, chỉ nhận qua trang phục vụng về cũng biết họ là dân buôn bán. Cả ba hành khách qua sông nhồm đít đứng dậy để chuẩn bị bước ra khỏi con đò ốm yếu. Chủ đò cũng như khách vội vã trong cử chỉ liến thoắng vì đây là chuyến đò chót. Mặt nước sông Vị Khúc đổi màu xám sẫm, gió từ lòng sông thổi tới, nghe vi vu vào tai, vào tóc, gây cảm giác khó chịu giữa bãi hoang hôn, cảnh vắng người thưa, rải rác một vài căn nhà tranh nằm bên cánh đồng lúa. Đèn trong nhà như ngọn đuốc tàn, không đủ làm một dấu hiệu trong đêm. Bốn bề đồng không mông quạnh, gã đàn ông gò lưng trên chiếc xe đạp bạc màu sơn, đạp chậm rãi chỉ nghe tiếng 'sên-xe' khô dầu ẹo ẹt, mệt mỏi; vai vắt ngang lưng cây đòn nguyệt. Ngừng đạp; ngo ngoá nhìn mông lung, bụng dạ nghe rì rầm, lẫn bánh từ sáng sau khi người xích lô nhường cho nửa đĩa xôi đậu đỏ. Một dặm đường hơn hai mươi cây số, ị ạch trên những con đường gồ ghề, hóc đá, qua suối, qua sông; xe và người đôi khi đến nơi đây.

- Ông tìm nhà ai? Nông dân nói.

Chẳng nghe tiếng trả lời hay tại nói không ra hơi. Người nông dân trố mắt nhìn xem người hiền hay kẻ ác, nhưng ông nhận ra cây đòn trên vai người lữ khách, mặt nông dân lộ nét an tâm, ráng hỏi thêm một vài câu như giúp đỡ. Nông dân thả lưỡi cày trên vai xuống đất như trấn an kẻ lạ mặt, đoạn móc túi vặn điều thuốc rê gắn lên môi và mời khách chặm thuốc; lửa quẹt loé sáng đủ soi mặt người 'nghệ sĩ với cây đàn'.

- Nhà ông ở gần đây? Gã đàn ông nói.

Nông dân đưa tay chỉ về phía xa có ngọn đèn mờ. Ừ ề giải thích chuyện xa gần, chuyện mùa màng, chuyện chăn nuôi, chuyện gia đạo, kể đủ loại thứ tợ như lâu ngày không gặp bạn tri âm. Gã đàn ông chẳng buồn nghe. Dứt câu chuyện kể, gã hỏi thẳng vấn đề như một yêu cầu cần thiết hơn là lắng nghe chuyện không đâu.

- Nhà ông có gạo ăn tối nay? Gã đàn ông nói.

- Chi rứa? Nông dân nói.

- Tôi đói. Gã đàn ông nói.

Đứng trong vách đất, xuyên qua cửa sổ tre, vợ nông dân đột ngột nhiên thấy bữa nay ông nhà mình ở ruộng về, vai vắt cày, tay kéo trâu lại đi bên cạnh một người khách lạ, tay cầm chiếc xe đạp cũ. Họ song hành bên nhau. Vợ nông dân chưa hiểu tự sự, ngoáy lưng ra vườn sau lúa đám

vịt, gà, heo vào chuồng. Giữa buổi chiều vắng lặng nghe tiếng cú dội từ rừng về thêm điều hiu giữa người và vật.

- Gạo cơm thì có đủ. Nhưng thiếu có một điều là chưa được nghe tiếng nguyệt cầm mà lâu nay tôi hằng ao ước. Không biết khách có thuận chơi không? Nông dân nói.

Gã cúi đầu dưới ngọn đèn dầu, tóc dài che cả khuôn mặt, tuổi chừng ngoài 50, gương mặt cứng, khô, sạm nâu bởi lớp da dầm mưa dãi nắng lâu ngày, dáng trầm ngâm suy nghĩ. Thấy như có sự gì bối rối với người khách lạ, không đợi chờ câu trả lời, người nông dân đứng dậy xuống bếp lấy be rượu nếp than với ít khô cá mắm, đặc xuống bàn mời khách nhắm. Gã đàn ông lưỡng lự như muốn nói điều gì, đưa tay nâng chén rượu của gia chủ, ngẩn đầu hất vào cổ. Nông dân không tha thiết chuyện đờn địch mà nghĩ ngay trong bụng việc để người ta tá túc qua đường như mình lỡ đường; với lại có người để hàn huyên tâm sự cho đỡ tẻ nhạt cảnh vợ chồng lâu nay chỉ cắm đầu vào ruộng với vườn. Nông dân và khách lạ ngấm rượu, quên hết, quên luôn cả ngày mai họ phải làm gì. Đêm xuống dần sâu, cả hai trở nên thân thiện, không còn ngại ngùng.

- Thật ra thì tôi không phải chơi đờn trên hành trình của tôi. Gã đàn ông nói.

- Được thôi! Tâm đắc là quý. Chớ buộc nhau mất vui. Nông dân nói.

Có lẽ nghĩ tình đối xử, nghĩ lòng dạ một người nông dân tay lấm chân bùn mà có một chút tâm hồn văn nghệ thì cũng không đem lòng từ chối cho một người đồng điệu, nghĩ cái tình không thua thiệt của vợ chồng nông dân. Gã cảm thấy hào hứng, sờ tay vào đờn, vặn dây đàn để lấy thanh âm, kê lên đùi, ngồi trên bộ ván gỗ, gục đầu gảy đàn, mấy ngón tay thon, đen như mấy lông tre khô bám vào cung đàn, tay kia búng vào hai sợi dây đàn, tơ đồng nghe thanh cao, khi thả, khi lơ dập dìu tạo một âm hưởng réo rất tha thiết, thê lương; gã say mê với tiếng đàn như nhập đồng, vợ chồng nông dân ngồi cạnh bên nhau nghe một khúc tứ đại cảnh, rồi một khúc vọng cổ, cả ba vị đều đắm chìm trong tiếng đờn trong veo, thanh thoát rung chuyển cả đêm đen, có khi tiếng đàn lân nhệ tạo tiếng nhạc khi vút cao, khi xuống thấp như một tấu khúc dành cho long phụng tề duyên ở cung đình có vua quan đang ngự. Bên ngoài hơi lạnh thổi vào khuôn nhà tranh thấp mái, tiếng cựa mình của bụi tre sau hè và tiếng rì rào của đám côn trùng đi ăn sương dưới mương cạn. Họ đi vào giấc ngủ canh khuya.

Sáng hôm sau gia chủ không thấy người khách lạ. Mà chỉ thấy trên bàn tấm giấy nhỏ với hàng chữ: 'Cám ơn chủ nhân đã cho tôi một ngày sống trọn vẹn'. Ký tên; L.P.

2. Đến chợ Chùa giữa trời đứng bóng, chợ ngủ trưa dưới tàng cây bàng. Gã đi tới đâu nghĩ tới đó có khi không ai chứa, ôm cây đàn và chiếc xe đạp mà ngủ qua đêm. Tiếng đàn của gã chơi gần như lan rộng từ miền Trung vào đây, được phong cái tên Hai Đờn. Gã đâu thấy vinh hoa gì với cái vang danh đó – té ra mình là kẻ hát dạo bên đường; mà đã thế thì là kiếm ăn, ngả nón qua ngày độ nhật. Làm thế e tiếng nhạc không bền mà mai một giữa đám chợ người. Gã muốn trao đổi, học hỏi để tìm thấy ngón tuyệt chiêu của 'người nghệ sĩ với cây đàn', chính vì thế gã quyết định ra đi để dang mình ở chặng cuối đời. Gã chẳng chạy theo cái hư danh. Đi để thấy mình, thấy người. Gã gục đầu lên cây đờn lim dim ngủ theo cảnh chợ trưa. Bỗng giật nảy bởi nhiều tiếng xe dồn tới nghe ào ào như cướp giật giữa ban ngày với tiếng cười, tiếng la, mở hé đôi mắt nhìn cảnh tượng. Gã hoảng.

- Ông chủ nhà tôi cần một tay chơi đàn có biệt tài trong buổi tiệc cưới. Ông đi theo chúng tôi. Vừa được ăn, vừa được tiền. Tên cưới xe máy nói.

- Hôm nay trong người không được khoẻ. Xin đại gia dành cho bữa khác. Gã nói.

Chẳng một ai trong đám lu la đồng ý lời nói của gã chơi đòn. Ông cúi đầu nghe những tiếng hàm hồ đổ vào đầu ông. Bụng cào, gã ghé dít vào nôi cháo cá. Húp cạn, vắn điệu thuốc kê lên môi, nhìn mông lung giữa cảnh trời. Chợ đã vào giấc chiều cho nên vắng khách mua bán. Thu xếp để lấy một giấc ngủ tối nay. Một thanh niên lê dít bên cạnh ông, tỏ lòng mến mộ muốn theo chân thầy làm kẻ bụi đời...

- Cậu là ai? Sao biết tôi mà đến xin làm đệ tử. Gã nói.

- Tôi biết đàn cò nhưng nghe danh thơm qua tiếng đàn của ông 'tươi' và 'ngọt' tôi muốn được ông chỉ dạy ngón gia truyền. Thanh niên nói.

- Cậu về đi. Dặm trường của tôi còn dài và không có điểm dừng. Rồi tiếng đàn của cậu sẽ ngọt như tôi hoặc hơn tôi. Cứ tôi luyện để có ngày sau. Người khách lạ nói. Trên đường xuôi Nam hành trình của gã chẳng kể ngày, kể tháng. Gã đi tìm tự do cho chính bản thân, không ràng buộc hay luật điều, gã thích sống như thế. Thậm chí người đời gán cho là người điên. Vô gia cư, vô địa táng, một kẻ xa lạ. Đúng thế. Điên để được sống. Được làm người dựng sống hơn làm quan tham. Gã mỉm cười tự đắc. Lên yên xe đạp về cuối chân trời.

3. Ròng rã hơn 6 tháng mới tới đất phương Nam. Vất vơ qua những ngõ ngách, những bến xe, bến cảng, gã đi như kẻ không hồn, không một ai hiểu cảnh tình của gã và chẳng vin vào đòn để kiếm ăn mà chỉ làm tạp nhạp để sống qua ngày. Chẳng không lâu cả người và xe xuôi về nơi tận cùng đất nước; ở đây là điểm dừng của gã. Người ta chỉ thấy người điên với cây đàn ử rử bên đường, có khi đội mưa, phơi nắng đi giữa đường cái quan với chiếc xe tàn rụi như đời gã tàn rụi và chẳng biết rồi sẽ đi về đâu; đời chỉ đem lòng thương hại cho một con người tha phương. Thế rồi gã đến Năm Căn lần mò tìm người ân nhân. Ở đây bầu trời bàng bạc mây bay, những đầm cạn, đầm sâu, những bụi cây đước, cây mắm lặn đứng, ngậm mình dưới bụng nước đen qua mấy mùa mưa nắng, những căn nhà sàn lẻ loi đứng hứng gió những khi động trời, dân ở đây chịu đựng với thiên nhiên, với con người như một định mệnh khắc khe.

Trên con lộ mòn dẫn đến một xóm vắng, nằm sâu trong rừng cây. Đứng trước mái nhà lá xiêu vẹo, gã thấy người đàn bà già chừng 60 đang nằm võng, đôi mắt sâu hoáy, mái tóc bạc màu thời gian, người gầy như con mắm phơi khô, nằm đu đưa ru hồn về quá khứ của một thời vàng son mà nay không còn nữa, người đàn bà già mắt nhắm nhưng chắc chắn không phải ngủ, đu đưa để nghe đời đu đưa. Người khách lạ đứng đợi giấc ngủ của người đàn bà trên võng. Cả hai chúng họ là kẻ xa lạ. Bỗng trở mình thì thấy người khách không mời đứng trước mặt, tay vịn chiếc xe đạp, lưng đeo cây đòn. – sao lại có cảnh này. Người đàn bà tự vắn trong lòng hay giấc chiêm bao giữa ban ngày?

- Thưa bà đây có phải là nhà Sáu Thiệt. Khách lạ nói.

- Đúng! Có việc gì? Bà già nói.

Trong đôi mắt của hai người như họ tìm thấy nhau, mừng tượng ra nhau, là những người mà họ muốn gặp nhau từ lâu, họ nghĩ khó mà sống sót giữa cảnh đời nhiều nhương này. Giờ đây là chiến sĩ với cây đòn. Và giờ đây là kẻ ẩn sĩ ở chốn rừng sâu. Họ đồng cảm cho một thân phận làm người. Nỗi buồn của hai kẻ lạ mặt giờ đây là niềm hạnh phúc chung mà bấy lâu nay tưởng vùi thây dưới lòng đất mẹ.

- Vào trong. Ông đang nằm trên giường bệnh từ mấy tháng qua. Bà già nói.

Gã bước đến giường chậm chạp, tay cầm chiếc mũ phở nhàu nát. Đứng nhìn không nói, đầu cúi xuống như lắng nghe lời ăn năn tự đáy lòng. Phía sau phen tre người đàn bà đứng nhìn sau lưng người khách lạ như gởi một lời cảm thông. Bà không nghe họ nói những gì, nhưng thấy được trong niềm hân hoan. Chỉ thấy chồng mình quơ tay chỉ vào cây đàn. Người lạ mặt ngồi trên chiếc ghế độc, mục gỗ với cây đàn. Tiếng đàn rung rồi lại ngưng, như ai oán, những đoạn khúc lên xuống nhịp nhàng hòa với tiếng khóc gây thêm cảnh biệt ly. Bà già kéo khăn trùm lại đầu, mắt đầm ướt. Trời lúc ấy cũng đã chạng vạng. Xung quanh xóm vắng chỉ thấy những mái nhà lá và bóng đêm.

Lần gặp nhau không ngờ là lần cuối; nghe tiếng đàn xưa của đệ tử chí thân chơi khúc tiễn biệt để tặng thầy thì ít hôm sau Sáu Thiệt nhắm mắt lià đời. Nghe truyền tụng cả hai xưa là lính cũ đồn trú ở Rừng Đuốc. Coi nhau như ruột thịt. Thời thế, thế phải thời, họ tìm thấy nhau trong cái tình còn lại đó. Không biết người lạ mặt giờ này ở đâu, sống chết ra sao. Chỉ nghe bà già nằm võng nói lại rằng: - gã tên Lộ Phong ./.

**Tơ đồng: là tiếng đàn. Không phải sợi dây đồng.*

Tơ đồng chữ dùng cho thơ văn. Chớ phải hoa văn, mỹ ngữ.

(ca.ab. Thuvàng 10/2012)

VÕ CÔNG LIÊM



thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

TÌNH CỜ

Võ oà con dốc xuống lên
Mây treo trên đồi lên xuống
Lộ trình vàng đá thơ ngây
Tiếng ai gọi đò vắng vắng
Bên xác lục bình cuồng xoay .

Cuối năm 2013

LÊ PHƯƠNG CHÂU



VƯỜN XUÂN

NGUYỄN THỊ MÂY

Nhà Phương ở cạnh nhà tôi, cách nhau một giậu...dâm bụt xanh xanh, đỏ đỏ. Hai đứa khá thân thiết vì đều nghèo khổ. Chúng tôi dễ gần nhau hơn nhưng tính tình không mấy hợp.

Phương trầm tĩnh, ít nói. Thuở còn mặc ...tà lố, áo thun, Phương đã ra vẻ đạo mạo như một cụ non. Chiều chiều, Phương thích chấp tay sau lưng ngẩng mặt nhìn mây bay hay dõi theo bóng chim hồi hải vỹ cánh. Tôi và mấy đứa bạn láng giềng chế giễu là "lão Phương mộng mơ" Phương sống chẳng thực tế tí nào. Giữa đám em năm đứa trai gái đủ cả, hừng đông, đã nghe thấy tiếng nói cười của chúng như chim ríu rích đầu cành. Suốt ngày, trong nhà Phương nhộn nhạo như có giặc vậy mà Phương lơ lơ, lửng lửng đến độ phát bực. Có lần, tôi hỏi:

- Sao Phương tỉnh quá vậy? Dòm bản mặt như chết chưa chôn.

Phải mất mấy giây chờ đợi tôi mới được nghe giọng trầm trầm:

- Chứ Thu Sang bảo tôi phải làm gì bây giờ? Chẳng lẽ lúc nào cũng cười hi hi, ha ha hoặc góp phần cãi vả, làm bốc cháy vùng trời này hay sao?

- Phương ngạo Sang đó hả?

- Hồng dám đâu!

Tôi vẫn biết tính mình cũng chẳng hay ho gì. Nhưng, sống như Phương, tôi cảm thấy không ổn. Ba mẹ tôi hiếm muộn con. Mãi đến năm ba mươi tám tuổi, mẹ tôi mới sanh ra tôi. Dù ẻo lả, xấu xí nhưng vẫn được ba mẹ cưng chiều như hoa quý. Ba mẹ tôi đều là giáo viên, cuộc sống tuy không vất vả cho lắm nhưng những nếp nhăn cứ thi nhau tăng dày thêm trên trán song thân. Ba mẹ tôi vất óc, nặn tim lên trang giáo án, khàn hơi giảng bài để đổi lấy miếng cơm manh áo cho tôi. Tôi yêu ba mẹ lắm nhưng không hài lòng về hoàn cảnh sống của mình. Tôi muốn bay ra khỏi sự yên tĩnh bình thường, xoải cánh giữa khung trời thênh thang nắng gió hoặc bão táp. Tôi chán ngấy cảnh nhà cửa tênh toàng, vắng ngắt. Ba mẹ đi dạy rồi, tôi còn một mình, hết học bài lại làm bài. Xong, nằm khèo trên bộ ván gỗ nâu bóng nghe nhạc hoặc giả xuồng bếp vừa nấu nướng vừa ngêu ngao vài ba câu nhạc trẻ. Đôi khi buồn quá, tôi lấy cây thước kẻ chọc vào hông cô mèo Miu Miu hoặc chú chó Mi Lu, đuổi chúng chạy vòng vòng, kêu, sủa inh ỏi. Phương phê bình tôi điên và ác. Được yên tĩnh để suy nghĩ thú vị biết bao mà không chịu hưởng, cứ quậy cho om sòm trời đất. Có phước mà cũng chẳng hay.

So với Phương thì tôi có phước thật. Tuy nghèo nhưng Tết nào tôi cũng được ba mẹ sắm cho ít nhất ba bộ đồ mới. Còn Phương, năm khi mười họa mới được một bộ. Đã vậy, bác Lan, mẹ Phương tính kỹ còn hơn...trùm Sò. Bà thường lựa vải màu đậm cho lâu phai hoặc mua quần áo may sẵn để khỏi phải trả tiền công. Vì vậy, mỗi lần Phương mặc áo mới, trông anh già đi vài tuổi. Năm nọ, người cô của Phương ở Long Xuyên đến thăm, thấy cảnh nhà em trai túng thiếu, bà liền rước Phương theo. Bà bảo là xin Phương làm con nuôi, cho học nghề để sau này nhờ tấm thân. Phương bỏ học chữ, đi theo cô biên biệt cả năm. Bỗng tàn đông, tôi và lũ bạn trông thấy Phương lù lù quay về, một tay xách bọc ny lông quần áo, tay kia xách theo một giỏ lan vừa hé nụ. Chiếc áo xanh dương ngày nào bây giờ trở màu đen mốc. Mái tóc như rễ tre bù xù đè nặng trên đầu. Mặt đầy nếp nhăn vì... suy dinh dưỡng. Chúng tôi ào tới mừng. Được Phương cho biết rõ về việc đã học xong nghề... làm ruộng Tuy chưa thành thạo nhưng Phương tuyên bố thôi rèn luyện vì xét thấy

người mẹ nuôi hay mẹ ruột cũng không thể nào có ruộng để cho Phương cày, sử dụng cái nghề Phương đã học. Rốt cuộc, sau một năm tầm sư học đạo trở về, Phương đã san phẳng bậc học giữa hai đứa. Thay vì trước kia anh học cao hơn tôi một lớp. Bây giờ hai đứa ngồi cùng bàn, chung một phòng học. Đúng là công chẳng thành mà danh thì có chuyển. Anh có thêm tên mới: "Phương Hai Lúa".

Làm ruộng không xong nhưng bù lại Phương giỏi trồng hoa kiểng. Phương bảo là học được của người dượng. Bây giờ, ngoài giờ học, anh lo chăm sóc cây kiểng. Thỉnh thoảng, chúng tôi bắt gặp Phương khuân về một chậu kiểng. Bao nhiêu tiền làm thêm như giữ xe đạp, chạy bàn cho quán cà phê... đã bị chi một phần cho cây cỏ. Lâu dần, khoảng sân nhỏ bên hè nhà Phương rợn ngợp màu xanh của lá chen lẫn sắc màu rực rỡ của hoa. Phương quý chúng lắm. Lũ em Phương phá phách, làm hư hại cái gì anh cũng tha thứ, trừ chuyện vặt lá, ngắt hoa anh trồng. Lũ chúng tôi nói gì anh cũng không chấp nhưng nếu chỉ trích hoa lá thì bảo đảm sẽ được nghe anh triết lý.

- Hoa đẹp khó có thể nở trên sỏi đá. Những trái tim chai sạn không bao giờ biết cảm xúc, rung động trước cái đẹp và sẽ không biết yêu thiên nhiên kỳ diệu.

Thật ra, chúng mê vườn hoa nho nhỏ này. Nhưng làm cho anh giận dữ càng thích hơn nữa. Những lúc như vậy, dáng đi của Phương lẩn quẩn, léo quéo, ngún nguẩy như con gái, trông tức cười gần chết. Và thế nào anh cũng ca cẩm:

- Ngày xưa, Bá Nha còn có Tử Kỳ, còn đời nay tìm một người xứng với tiếng tri kỷ khó như mò kim đáy biển.

Chúng tôi cười khúc khích nhưng đứa nào cũng nhói lòng khi nghĩ đến cây kim mà Phương đang tìm.

Ngày 29 âm lịch, tôi theo mẹ đi chợ sắm đồ tết. Ngang qua hàng hoa, thấy hai chậu trúc vàng tuyệt đẹp. Mẹ bảo đó là loại cây quân tử. Tôi chợt nhớ Phương và khu vườn nhỏ của anh. Trong đó, chưa có loại cây này. Tôi buột miệng:

- Phải con có tiền, con sẽ mua cặp kiểng này để tặng Phương. Chắc bạn ấy sẽ vui mừng lắm. Đôi mày của mẹ thoáng nhíu lại rồi dần ra ngay cùng với nụ cười hiền hòa:

- Mẹ sẽ cho con số tiền đó.

Tôi mừng quýnh, ôm chầm lấy mẹ nhưng chợt cảm thấy áy náy, không yên vì tôi biết rõ mẹ chẳng có nhiều tiền. Mua cặp trúc này sẽ hao hụt một khoản dự chi của mẹ. Tôi vội ngăn:

- Thôi, đừng mua, mẹ nhé!

- Tại sao?

- Con sợ tốn tiền của mẹ.

Mẹ mỉm cười bảo:

- Không sao. Mẹ định mua một tấm màn loại tốt để dùng trong ba ngày xuân nhưng nghĩ lại cũng phí. Ví dụ có treo nó lên khung tre, dưới mái lá đơn sơ thì cái màn đắt tiền ấy cũng không làm cho nhà ta sang trọng được. Nhưng nếu dùng số tiền ấy để con mua quà tặng bạn thì ý nghĩa lại đẹp dễ biết bao. Việc làm này sẽ biến con thành cô bạn giàu tình cảm.

Lời dạy của mẹ khiến tôi lâng lâng trong niềm hạnh phúc bất ngờ. Tôi nhận ra rằng mẹ là tấm gương sáng đẹp mà tôi không hề biết để noi theo.

Tôi và mẹ khệ nệ bê hai chậu trúc về, ghé ngang nhà Phương để tặng anh. Khung cảnh ở đây khiến mẹ và tôi bàng hoàng, kinh ngạc. Vườn hoa của anh chỉ còn thừa thớt vài chậu kiểng. Hai phần ba số cây trồng đã biến mất. Đúng lúc đó, có tiếng lao xao ngoài ngõ. Phương và các em vừa vào cổng. Nét mặt anh tươi vui khác thường. Thấy tôi và mẹ đứng cạnh cặp trúc vàng, anh chạy vội đến, sà xuống cạnh cặp kiểng, xuýt xoa:

- Ủa, trúc ở đâu đẹp quá vậy bác?

Tôi nói hót:

- Mua ngoài chợ chợ đâu.

Phương mỉm cười, gật đầu:

- Nhưng sao Thu Sang mang chúng vào đây?

- Để tặng Phương chứ chi.

Phương trở mắt ngạc nhiên nhìn tôi. Thấy vậy, mẹ liền bảo:

- Biết cháu yêu hoa kiểng, Thu Sang mua tặng cháu đó.

Mừng quá, Phương nắm tay tôi cảm ơn rồi rút. Mặc cỡ, tôi rút tay về, hỏi lảng sang chuyện khác:

- Vườn hoa của Phương sao vậy nè:

Phương phân trần:

- Phương đã mang đến nhà mỗi bạn hai chậu làm quà tết. Hồi nãy có mang sang nhà Thu sang hai chậu trạng nguyên để tặng Sang đó. Có thích không.

Mẹ và tôi nhìn nhau. Cả hai cũng mỉm cười nhưng lòng lại rưng rưng xúc động. Thì ra Phương vun trồng tình bạn trên những chồi xanh kia, đã ủ ấp mùa xuân ở nơi này. Và, bây giờ hoa đời trở nụ tỏa hương xuân ngan ngát một vùng đất nghèo, xóm tôi.

NGUYỄN THỊ MÂY



thơ

HOÀNG YẾN LINH

CHỜ ...

Sông cứ theo nhau ra biển cả
Bao giờ về lại với non cao
Ngược xuôi cũng đã mòn thiên hạ
Ước vọng thôi đành nổi xót xa .

Mang theo một nửa vàng trăng cũ
Một nửa chia người giữ được không ?
Cớ sao đành đoạn vàng trăng lỡ
Để mãi tìm nhau , mãi đợi chờ ...

Trăng vẫn tròn trăng từ vạn kỷ
Nước có bao giờ lại cách sông
Ta mãi bên đời soi chiếc bóng
Một ánh trăng chờ ai biết không ?

HOÀNG YẾN LINH



TRONG BÓNG MƠ HỒ

DƯƠNG LEH

Ông Thứ hết sức ngạc nhiên và có phần tức bực không hiểu vì sao ông... chết nhanh quá vậy? Ông thấy như mới chiều hôm qua đây thôi. Ông còn nhớ rõ ràng. Ông ra quán số 1 uống với hai ông bạn già. Một ông là kỹ sư về hưu, bây giờ làm tổ trưởng trong khu vực ông Thứ đang ở. Một ông là chủ vừa trái cây. Ông sau này giàu sụ. Hồi xưa ông ta theo học khoa kinh doanh ở đại học Đà Lạt, nửa chừng bỏ ngang để chạy theo một tà áo dài màu tím đang học năm cuối một trường trung học gần đó. Ông theo nàng về Quy Nhơn trong lúc nàng đang về quê nghỉ hè... Và vì mãi miết theo đuổi nàng đến khi không đạt được ý nguyện anh chàng không muốn quay về Đà Lạt mà lại lên xe đò chạy tuốt về Saigon, bỏ học luôn. Nhưng rồi thời cuộc biến đổi, ông ta buôn bán trái cây và trở nên giàu nứt vách. Tại buổi nhậu ông Thứ nói giá mà ngày xưa ông bạn tiếp tục học hết chương trình đại học, lấy cử nhân thì cũng chỉ là một thầy giáo lương ba cọc chỉ có... hai đồng như ông Thứ bây giờ.

Nhưng bây giờ thì ông Thứ chết rồi, chết trước cái ông kỹ sư hơn ông ba bốn tuổi và có phần lụm khụm hơn ông Thứ nhiều. Tức quá! Ông nhớ sau khi đi nhậu về nhà, ông để nguyên quần sọt áo thun trên mình leo lên giường đánh liền một giấc thẳng cẳng, cho đến khi ông tỉnh dậy, mà tỉnh dậy hồi nào ông cũng không nhớ, chỉ biết rằng giờ này ông đang ngồi đây. Nhưng nhìn kỹ lại ông không đang ngồi ở đâu hết, ông thấy ông đang lơ lửng trên nóc một căn phòng và phía dưới kia là một chiếc giường giống như loại giường trong bệnh viện. Trên giường, một người đàn ông nằm ngay ngắn, im lặng, mắt nhắm nghiền như đang... chết. Đặc biệt gương mặt người nằm đó y chang như gương mặt ông Thứ, không sai trật một nét nào cả. Ngay cả cái mụn ruồi dưới cằm người chết cũng giống hệt mụn ruồi dưới cằm ông Thứ. Bất giác ông Thứ giơ tay lên sờ cằm và dùng ngón tay trở sờ kiểm cái mụn ruồi. Nhưng quái là ông thấy bàn tay mình như chạm vào khoảng không, Ông không có cảm giác sờ đụng vào cằm của mình như ngày thường ông xoa cằm nhở những sợi râu mọc mất trật tự.

Đột nhiên cánh cửa mở ra có hai người phụ nữ bước vào, một người là y tá vì dễ nhận biết nhờ ở chiếc áo bờ-lu trắng tinh và người phụ nữ kia chính là bà xã ông, là bà Thứ. Ông Thứ nghe lém phém cô y tá nói gì đó với bà Thứ, ông nghe tiếng được tiếng mất:

- Lát... y công... nhà xác.

Đúng rồi, Cô y tá vừa nói câu "Lát nữa có y công đưa xuống nhà xác". Ông hoảng hốt, la lên:

- Cô ơi, tôi chưa chết mà! tôi chưa chết mà!

Hai người phụ nữ hoàn toàn không nghe thấy gì cả. Chính ông cũng không nghe thấy âm thanh mình phát ra. Ông chồm vờn định "bay" xuống nhưng ông cứ loay hoay không tới cũng không lui được.

Ông thấy bà Thứ gật gật đầu rồi cùng cô y tá bước ra ngoài. Cánh cửa tự động khép lại. Cô y tá đã nói một câu giống hệt như ông đã nghe hồi mẹ ông qua đời cách đây hơn mười năm tại một bệnh viện trong Chợ lớn, và trong vòng một giờ đồng hồ sau có người đẩy xe băng-ca đưa mẹ ông vào nhà xác.

Chết thật rồi! Ông Thứ nghĩ như vậy. Nhưng mà vô lý quá! Chiều hôm đó ông về đến nhà bình tĩnh leo lên giường và ngủ không hề cảm thấy choáng chiếc gì cả. Ông có bị cao huyết áp và một chút xiu về bệnh tim. Cái gì hè. À! Bác sĩ nói là thiếu máu cơ tim, nên thường hay làm mệt, thiếu hơi, khó thở. Nhưng cái bệnh này nhẹ quá đâu đến nỗi "thăng" dễ dàng như vậy. Theo một ông bác sĩ nói bệnh này mà nặng sẽ làm đau ngực dữ dội. Giống như trường hợp một ông thầy hồi xưa dạy ông Thứ. Sau này tình cờ gặp lại trong lúc ông Thứ đang thất nghiệp te tua. Ông thầy lúc đó là Phó Giám đốc một ngân hàng đang chuẩn bị mở cửa. Nhìn bản lý lịch của ông Thứ, thầy khen:

- Tốt! Em sẽ là phụ tá đối ngoại cho thầy!

Về nhà ông Thứ mừng hết lớn. Ông bi bô khoe với bà xã:

- Kỳ này anh có việc làm đúng với nghề của mình.

Bà xã khen để khích lệ:

- Hu-ra ông xã!

- "Thanh-kiu". Bây giờ là phải xài tiếng Anh, he he.

Ông Thứ cảm thấy yêu đời đi tới đi lui trong nhà, huyết sáo nhưng không thành bài hát nào vì ông huyết sáo rất tệ. Ông mơ mộng, không bao lâu nữa ông sẽ là một chuyên viên ngân hàng và được thầy cho tiếp xúc với khách nước ngoài, ông còn được nói tiếng nước ngoài lúi lo mà ông từng mơ ước.

*

Ba ngày sau đó, buổi sáng nắng đẹp, bầu trời trong xanh báo hiệu sắp bước vào mùa thu. Gọi như vậy để mơ mộng chơi chữ cái đất Saigon này, mưa nắng thất thường. Khi nắng cháy da, khi thì mưa xối xả, mưa tối đất tối trời, mưa ngập đường ngập sá. Nhân cái ngày đẹp trời này ông Thứ, lúc đó còn sồn sồn, đẹp trai, lên xe đạp đi làm photo thêm mấy bản sơ yếu lý lịch, đột nhiên một tên bạn cũ chạy trờ tới. Ông nhớ anh chàng này cũng đang chạy xin việc ở ngân hàng đây. Nó réo lên:

- Thứ! Thứ!

- Cái gì? Bình tĩnh!

- Bình tĩnh không nổi đâu. Thầy Quân chết rồi!

- Cái gì?

- Thầy Quân chết rồi! Mày nghe rõ chưa?

- Trời ơi sao ổng chết ngang xương quá vậy?

- Shock tim. Nghe người ta nói ổng đi đâu vừa về đến nhà ổng kêu đau ngực quá rồi ngã xuống. Vào đến nhà thương thì vừa kịp cho ổng "thăng".

Ông Thứ trầm ngâm một lát. Ông bạn hỏi:

- Mày tính sao? Kiểm việc khác làm đi mày ơi!

Rồi anh ta ra về. Nghe đâu sau này anh ta sang Mỹ định cư.

Đó là cái chứng đau ngực vì bệnh tim mà ông Thứ cứ canh cánh lo ngày lo đêm mong sao đừng bao giờ bị cái chứng đau ngực như ông thầy Quân. Thầy chết đi còn làm cho cả chục thằng đệ tử bị thất nghiệp. Danh sách của thầy trong đó có tên ông Thứ đã bị người ta bỏ vào thùng rác ngay sau khi thầy lên đường đi vào cõi xa xăm.

Ông Thứ không tin mình đã chết, nhưng sao giờ này ông cứ như đang lơ lửng trên không. Ông rờ đâu cũng không có cảm giác đụng chạm vào vật gì. Ông giống như đang bơi, nhưng khi bơi ông còn cái cảm giác chạm vào nước, chạm vào thành hồ bơi, ở đây ông không chạm vào đâu hết kể cả không khí. Ông Thứ thấy mình giống như anh chàng diễn viên nào đó trong phim *Con Ma*. Nhân vật này bị xe tông chết rồi xuất hồn trở về nhà. Anh ta đi xuyên tường, xuyên qua tủ giường, bàn ghế. Nghĩa là anh ta không thể đụng vào một vật thể gì cả, muốn ôm vợ cũng như ôm vào khoảng không. Muốn nói đôi lời với vợ nhưng vợ anh cũng không nghe được. Trong phim này người ta có lồng vô bài hát *Unchained melody* do nhóm Righteous Brothers hát nghe hay đến nổi rụng rời tay chân.

Ông Thứ nhìn vào xác chết. Đúng ra ông đang nhìn vào cái xác của ông đang chết. Ông thấy ông còn bảnh bao quá! Ông chết thật vô lý. Mới hôm thứ ba tuần trước ông đến uống cà phê với mấy bạn cũ hồi xưa học ở Pétrus Ký. Mấy bạn đó cũng xàng xàng bằng tuổi ông Thứ tức là vừa trên bảy mươi. Người nào người nấy còn khỏe mạnh, ngon lành. Chưa thấy ông nào có vẻ gì lụm khụm. Ông nào cũng vui vẻ, lạc quan, yêu đời, đúng như lời khuyên của các bác sĩ dành cho những người cao tuổi. Trong số đó có một ông bạn chuyên môn lắp ráp máy bay vô tuyến để chiều chiều ông chở vợ qua quận 7 họp cùng với những người bạn có chung sở thích thả máy bay lên tận trời xanh đến gần tối mới về. Ở nhà ông này còn bỏ công sức chạy vô Tân Thành mua các cơ phận, vật liệu đem về rì mọ lắp ráp thành chiếc máy bay rồi bán cho bạn bè theo đơn đặt hàng, kiếm tiền cà phê hay bia bọt một cách thoải mái. Anh ta thường là chủ xưởng cho những lần họp mặt họp mặt bạn bè lai rai nhậu nhẹt. Trong lần uống cà phê đó ông có nói với các bạn rằng hiện nay ông còn nhiều đam mê. Thời gian mỗi ngày thật sự không đủ để phục vụ cho sở thích của ông. Ông hết làm việc này đến việc nọ. Nhưng tất cả những công việc của ông làm đều không đem lại tiền bạc gì cả, không được như ông bạn sản xuất máy bay đã nói ở trên, ngoại trừ hai buổi dạy kèm cho một học sinh trường quốc tế vào tối thứ ba và thứ bảy. Mấy ông bạn cũ hỏi thử để coi ông Thứ trả lời ra sao:

- Vậy chứ ông làm cái gì cho hết thời gian?

- Mấy ông có thể cho những công việc làm hằng ngày của tôi mang tính cách “ruồi bu” vì không đem lại lợi ích gì...

Rồi ông kể tiếp, buổi sáng ông đi bộ đúng một tiếng đồng hồ. Khi về đến nhà ông đã có sẵn trong tay hai hộp thức ăn cho buổi điểm tâm. Ăn sáng xong ông rửa đồng chén bát còn lại sau bữa ăn tối hôm trước, còn bà xã ông lên lớp dạy tại nhà. Thời gian còn lại ông ngồi miết trên máy vi tính. Đây là lúc ông phải động não nhiều. Ông viết truyện ngắn, làm thơ để nộp cho một Câu lạc bộ Văn thơ mà ông đã sinh hoạt bảy tám năm nay. Bài được đăng trên nguyệt san của câu lạc bộ tuy không có nhuận bút nhưng ông Thứ thấy vui và cứ tiếp tục sáng tác. Tính tới nay ông đã viết được sáu, bảy chục bài viết. Ông định xuất bản một tập truyện bao gồm những bài viết từ trước đến giờ nhưng chi phí nặng quá ông chưa dám quyết định. Ông mong trúng số sẽ thực hiện mơ ước này coi như có được một tác phẩm văn chương để lại cho con cháu sau này làm vật kỷ niệm. Ông cũng đang soạn dở dang một cuốn từ điển những từ ngữ thông dụng bằng tiếng Bắc kinh nhưng từ khi có chuyện lùm xùm về vụ thực phẩm có độc tố xuất xứ từ Trung Quốc, ông Thứ mất hứng tạm thời ngưng công tác biên soạn bộ từ điển này. Ông cũng bắt đầu chơi lại đàn ghi-ta, môn sở thích này ông đã phải bỏ dở hơn hai chục năm nay hồi thời kỳ gạo châu củi quế. Lúc đó ông phải chạy sô hết nơi này đến nơi khác. Có khi ông phải chạy từ công viên phần mềm Quang Trung đến khu Chợ Thủ Đức dưới cơn mưa tầm tã để lên lớp. Nói tóm lại hiện giờ ông không thể làm gì ra tiền nhiều, nhưng ông cũng có rất nhiều việc để theo đuổi. Thời gian biểu của ông coi

như đầy kín. Ông từng nói với bạn bè:

- Thực ra hiện giờ tôi còn nhiều công việc dở dang, bỏ đi rất tiếc, vì vậy nếu như tui đột ngột thăng đường chắc chắn là tôi vô cùng “bức xúc”.

- Bạn có quyền khiếu nại!

- Được thôi! Bạn cho tôi xin địa chỉ hai ông Nam Tào Bắc Đẩu, tôi sẽ gửi đơn khiếu nại liền.

Mọi người cùng cười thoải mái.

Ông Thứ tự nhiên thấy đau nhức ở ngón chân út ở bàn chân phải. Ông lấy làm lạ là hiện giờ ông đã “lìa khỏi xác” rồi thì làm sao có đau đớn được. Thực ra chỗ đau này đã có hơn một tháng trước khi ông đột ngột từ giã cõi đời. Cơn đau cứ dai dẳng và thêm phần nhức nhối mỗi khi ông phải mang giày thể thao để đi bộ vào buổi sáng và đi giày chuyên dùng để khiêu vũ vào mỗi thứ năm hằng tuần. Mỗi lần như vậy ông phải thả lỏng dây một chút để da giày không cọ xát nhiều vào chỗ đau, thành ra bước đi có phần khập khiễng và bước nhảy của ông cũng mất đi vẻ tự nhiên. Đây cũng được coi là một sân chơi rất thoải mái dành cho người cao tuổi. Ít có ai nghĩ rằng thời buổi này còn có nhiều người ở tuổi 60, 70 cũng có người ở tuổi 80 mà còn “*say mê theo điệu vũ và nhạc tứ lung linh...*”⁽¹⁾

Ông cúi đầu xuống một chút như để tránh lớp xi măng trên trần nhà. Thật ra từ nãy đến giờ cái đầu của ông đã ngập sâu vào lớp xi măng nhưng ông không hề thấy có sự va chạm nào hết. Ông thử mọp đầu xuống một chút giống như anh chàng người nhện trong một phim trên TV. Anh chàng có cú mọp người xuống giống như con... nhện. Anh ta nhảy một cú từ nóc nhà cao tầng này đến nóc nhà cao tầng khác. Ông Thứ dợm nhảy thử nhưng không nhúc nhích đi đâu hết. Ông giống như đang bị nhốt trên trần nhà này.

Vừa rồi bà xã ông vô nói chuyện gì đó với cô y tá rồi hai người quay trở ra. Không hiểu bà xã ông đi đâu. Ông Thứ chợt nhớ ra, hay là bà ra ngoài gọi điện thoại cho trường Đại học Y được để đến lấy xác ông về làm phương tiện giảng dạy. Ông đã từng nói với bà xã là ông chưa đăng ký, ông định để vài năm nữa khi nào thấy sức khỏe mình trên đà xuống dốc, ông sẽ đăng ký cũng còn kịp. Đồng ý là ông có nói với bà xã sau này nếu ông qua đời ông sẽ hiến xác lấy lý do là để gia đình không phải tốn kém, chớ đừng nói là mình đóng góp thể xác của ông cho khoa học để giúp đời. Người ta sẽ nói là “úi cha! Cao cả quá!”. Không ai tin đâu. Nhưng kệ họ ai muốn nghĩ sao thì nghĩ. Vấn đề là hiện giờ ông thấy còn khỏe quá, còn đang muốn sống để làm nhiều công việc cho sở thích của ông. Thực sự ông chưa muốn chết một chút xíu nào cả. Ông nghĩ, như vậy nếu ông chưa đăng ký thì Đại học Y được chắc sẽ không tới cho dù bà xã ông có điện thoại gọi mời.

Ông Thứ chợt nghĩ đến bà xã. Nếu ông thực sự “đi” rồi thì bà xã ông ở lại xoay trở làm sao đây. Cả đời không đi được xe gắn máy. Mỗi khi bà có việc đi đâu đều có ông đưa đón đến nơi đến chốn. Ông rất lo cho bà phải đón xe ôm để đến trường dạy học. Máy ông thân xe ôm này chạy rất ầu, thường chạy lạng lách, lấn tuyền, lại thêm quần áo dơ bẩn mồ hôi mồ kê xông lên nồng nặc...

Nghĩ đến đây ông chợt thấy cửa mở, có người đẩy chiếc xe băng-ca vào theo sau là bà xã ông. Ông giật mình cuống cuống:

- Thôi chết! người ta đến đưa ông xuống nhà xác...

Ông quỳnh quáng muốn xuống yêu cầu gọi bác sĩ đến xem ông chết thật chưa. Sợ nhầm lẫn vì biết đâu ông có thể hồi sinh. Ông khó khăn lấy thể để bay xuống. Sau cùng, ông ráng hết sức hét một tiếng thật to, tổng hai chân thật mạnh theo kiểu ông đang phóng xuống hồ bơi...

Căn phòng bệnh viện đột nhiên biến mất. Ông có cảm giác bà xã đập nhẹ nhẹ vào chân ông:

- Dậy đi ông! Sáng rồi! Ác mộng phải không? Ú ớ dữ quá!

(1) Thơ Phạm Mạnh Cường

DƯƠNG LEH



TIẾNG CHIM BÌM BỊP

TRÚC LINH LAN

Thằng Suốt lách mũi ghe vào sát mé bờ, gác mái chèo xuôi theo lòng ghe xằng xái bước ra phía trước kéo sợi dây lòi tới quần mấy vòng quanh cây sào, bước lên bến nhanh nhẩu :

- Có nhà không ông Hai ơi?

Ông Hai đang nằm võng, phì phèo điệu thuốc giồng, hươ hươ tay xua màn khói thuốc, nhòm dật nhìn xuống bến nheo mắt :

- Ai vậy?... Thằng Suốt hả? Lâu quá không thấy bây đem cây giống xuống bán?

- Con mắc đi học, bây giờ hè mới đi được nè.

- Chà giỏi dữ ha.

Thằng Suốt lom khom bước vô nhà, mon men tới trước bàn thờ xá xá mấy cái ngỗ ý chào ông bà khuất mặt khuất mày, xong nó quành lại chiếc ghế xộc xệch ngồi xuống:

- Năm nay nhãn có lý hông ông?

- Đỡ, thứ nhãn xuống cơm vàng này người ta ưa lắm, mỗi lải mới tới cân của qua hơn trăm cân, ngặt nó cho trái không nhiều lắm.

- Cái giống nó vậy đó, nhưng cũng nhờ con cung giống tốt ông mớiặng mùa, bữa nay đãi con à nghen.

- Gì chớ cơm nước chuyện nhỏ, nhưng mày giúp tao một tay, tao đi kéo cá, bây hái rau, mỗi người một việc cho nhanh, dọn lên lai rai.

Chẳng bao lâu thì chiếc cà ràng nơi chái bếp đã hồng lên ngọn lửa nồi nước sôi ùng ục . Món cá hấp cải bẹ xanh bốc mùi hành tỏi thơm lừng. Ông Hai đứng lên xoa tay:

- Đã hông mậy ? Khách quý nghen, con cá nặng gần hai kí cho mày quắc một bữa, đi làm nước mắm đi, cây ớt bên hè đó.

Thằng Suốt nhanh chân chạy ra cây ốt hiểm chín đổ lật một nắm, ốt này cắn một cái đã hết biết. Ông Hai dọn thức ăn lên bộ ván ngựa đen bóng, ông không quên xới chén cơm đặt lên bàn thờ, đốt mấy nén nhang. Lúc thằng Suốt bưng chén nước mắt lên thì cơm nước đã dọn xong, ông Hai bê ra keo rượu ngâm trái nhào màu nâu sẫm rót ra cái ca lớn:

- Tao nhờ thứ này mà đỡ nhức tay chân, làm một ly đưa môi cho nó trơn.
- Con chút chút thôi à.
- Bi nhiêu thì bi, không ép.

Nhìn ông Hai uống nghe cái ốt bắt thèm. Nhà ông Hai như một bảo tàng chiến tranh thu nhỏ: bộ ván ngựa đen bóng chắc có từ lâu đời, không chừng nó lớn tuổi hơn ba thằng Suốt nữa à. Chưng ngựa, bề mặt trầy xước, lỗ chỗ vết đạn, vết miếng trái pháo. Thời chiến tranh nó được giở ra làm nắp hầm tránh bom đạn. Vùng đất này qua hai thời kháng chiến được nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng. Ông Hai chép miệng:

- Mạng người còn khó giữ nói chi vật ngoài thân. Riêng cái tử thờ với những nét hoa văn chạm khắc sắc sảo cũng đồng chung số phận, vài mảnh mẻ sứt lớn, vài dấu đạn xuyên phá, lam nham chỗ một tạt, hai cái chân quỳ hình đầu lân bị một mảnh bom phạt cụt mất đầu, ông Hai chêm vào đó mấy miếng gạch thẻ

Để nó còn có chỗ đứng vững vàng trong nhà. Trên đó có một bức họa chân dung anh bộ mặt trẻ măng, ngồi chung với bài vị ông bà. Chỗ thờ phượng lúc nào cũng được ông Hai lau chùi sạch sẽ. Thằng Suốt thắc mắc, ông Hai là thợ khéo tay sao hồng chịu sửa. Mà cần gì phải sửa- thằng Suốt tự nghĩ, vì ngày ngày ông già thui thủi một mình, hết vườn thì ruộng rồi việc xóm việc làng, hơi đâu mà dồn sức cho việc không đâu, sửa hay không thì nó cũng là tử thờ. Mỗi năm thằng Suốt chở cây giống xuống miệt này một lần, lần nào nó cũng ghé qua nhà ông Hai. Tình cảm một già một trẻ phát sinh từ một đợt lũ lớn làm chết hết cam quýt, nên người dân ở đây chuyển sang trồng giống cây khác như : nhãn , xoài cát Hòa Lộc....Người vùng quê là vậy đó, thấy cái nào dễ ăn là làm, người này theo chân người kia rầm rộ chuyển đổi giống cây trồng. Ghe cây giống của thằng Suốt có dịp xuôi ngược tới mọi nhà, lần hồi nó trở thành thân quen với bao gia đình, nhất là ông Hai, có biệt danh "Hai cô đơn" mà xóm làng đặt cho ông để phân biệt với "Hai lò rèn", "Hai mía đường" ... trong vùng. Ông vừa nhấp nháp ly rượu vừa gấp lá cải bẹ xanh cuốn cá chấm nước mắm vừa giục:

- Cuốn mạnh tay lên Suốt, nam thực như hổ coi mậy.

Thằng Suốt vừa ăn vừa ngó quanh quất căn nhà, điều nó lấy làm lạ là mấy cái cửa, búa , đục...sao lại treo lủng lẳng ở phía bàn thờ, thoáng nhìn đã biết lâu không xài đến vì cái nào cũng rỉ sét hết trội, nó định hỏi nhưng lại thôi. Nó gấp tiếp thức ăn cho ông Hai, rót thêm rượu. Bộ ván ngựa lưu niên hình như cũng biết góp vui với hai người nên lúc ông Hai ngấu hửng khua động chân tay, nó cũng phụ họa theo nhịp nói cười. Ban đầu thằng Suốt không để ý, đến khi nhịp lắc nó có chiều nhiều hơn, nó đâm lo không khéo một già một trẻ văng xuống đất. Ông Hai đang ngon trớn nói cười hể hã vụ trúng mùa, thấy nét mặt hơi lạ của thằng Suốt nên chú ý ngó nó. Vốn nhanh nhạy, nó lẹ chân bước xuống chỗ bộ đồ nghề vừa nói:

- Để con gỏ vài mũi đinh là yên chuyện.

Nhìn điệu bộ thằng Suốt ông Hai ngăn lại:

- Búa, ông để dưới bếp.
- Còn....?
- Đồ thờ.

Thằng Suốt hơi bị sượng trước câu nói của ông Hai, nó te te xuống bếp tìm cây búa, tìm đinh

đóng lại chân bộ ván ngựa mà lòng không khỏi thắc mắc nên phải hỏi:

- Sao thờ ba thứ này ông Hai ?

Ông già nghiêng nghiêng mái đầu bạc phơ nhìn ra mé vườn ngấm ngọn nắng pha trên tàng lá như chùng phồng định thời gian chờ ai đó sẽ về. Một cơn gió thổi qua vài chiếc lá cà na vàng úa rơi lả tả, Suốt thấy ánh mắt già Hai đượm buồn:

Cách đây cũng lâu lắm rồi vùng Ngã Bảy có ông Cả Sửu rất giàu có, đất ruộng cò bay thẳng cánh. Còng lưng trên vùng đất đó là đám tá điền nghèo khổ, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời vẫn cơm không đủ ăn áo không đủ mặc. Ông Cả uy quyền đến con chim con cá trong điền của ông không ai dám đụng tới. Ông có tật mê hát bội. Nơi nào có gánh hát về là ông bắt chèo ghe đến tận nơi xem rồi rước về làng để ông được cầm chầu. Gánh nào được ông Cả cầm chầu thì đào kép nơm nớp lo sợ, lờ trật nhịp thì chết với Cả. Lần đó gánh bầu Mộng ghé lại, cô đào chánh là cô út Nguyệt, hát hay lại đẹp như tiên nên ông Cả mê dữ lắm, bao gánh hoài không chán, cuối cùng có ý rước về làm bà Tư. Chuyện Cả mở hầu bao lấy tiền bao gánh là chuyện thường. Nhưng chuyện lập bà Tư thì nhanh chóng đến tay các bà cả, bà hai, bà ba. Ba bà ức lắm bàn tính mưu kế hại đào Nguyệt. Đánh đập thì không dám sợ khó yên thân với ông chồng trắng hoa, chi bằng mượn người thủ tiêu là tốt nhất. Bà cho gọi Hai chèo, một lực điền thường xuyên chèo ghe đưa ông Cả đi đây đi đó nên rất rành đường và cũng biết rõ mặt con đào Nguyệt, cho Hai chèo số tiền gọi thêm thằng Năm Tà, Sáu Thẹo đánh cho con đó một trận rồi chở đến khúc vắng vắng xuống sông cho cá rĩa. Anh Hai chèo nhận lệnh chủ nhưng không nỡ hại người nên chia tiền cho hai anh em bạn, còn anh lén đến cho cô đào Nguyệt hay, sẵn ghe anh chèo đưa cô thật xa khỏi tai mắt mấy bà vợ ông cả. Cô đào Nguyệt vừa sợ uy quyền ông Cả, cũng chán ngán cảnh hát xướng, lòng biết ơn anh lực điền hiền lành tốt bụng nên gá nghĩa vợ chồng. Họ sống đời thương hồ ít lâu rồi ghé lại vùng này. Thời đó ở đây còn hoang vu lắm, cò, diệc...hàng đàn đậu trắng ruộng nên còn có tên gọi là "vườn cò". Chung quanh toàn lau, sậy, bần tràm um tùm, xa xa có mới có một vài cái chòi của dân vào khẩn đất hoang. Họ lên bờ chặt cây làm nhà khẩn đất định cư, anh Hai đồn cây rừng làm chèo bán. Dần dần ghe thương hồ qua lại càng đông thường ghé nhờ anh hai sửa mái chèo gẫy, khi thì lợp lại cái mui ghe mục nát, khi thì ráp bánh lái xuống, hay đóng cái mũi chệt bị bể...Anh Hai lực điền có thêm nghề sửa chèo, sửa ghe riết rồi thành danh Hai Chèo.

Thằng Suốt ngồi im lặng nãy giờ, lòng thương cảm mấy người trong câu chuyện của ông Hai kể, lòng nó hơi ngờ ngợ...nhưng nó lại hỏi:

- Còn cái tên Vịnh Chèo ?

- Thì cũng từ đó mà ra, mới đầu là vịnh Hai Chèo. Riết rồi người ta kêu gọn Vịnh Chèo.

Thằng Suốt đưa mắt nhìn ra con sông, từng giẻ lục bình bông bênh mang theo cánh hoa tím biếc trôi xa, trôi xa vô định. Tiếng máy tàu đò, máy ghe qua lại trên sông tành tạch rẻ nước chạy ngang qua phá vỡ cái không khí yên tĩnh của làng quê, nó chếp miệng định nói gì với ông Hai, nhưng rồi cái dấu ấn có vẻ huyền hoặc hoang sơ kia lôi tuột nó đi xa mãi, xa mãi vào giấc ngủ.

Thằng Suốt ngủ lâu rồi mà ông hai vẫn thao thức. Ngoài sông tiếng chim bìm bịp kêu nước lớn gọi ông nhớ bao chuyện xưa.

Từ ngày cô đào Nguyệt lấy anh Hai Chèo, họ sống êm ấm hạnh phúc, Út Nguyệt cũng siêng năng cần mẫn. Họ sinh được đứa con trai đặt tên Tâm. Thằng bé được năm tuổi, thông minh lanh lợi. Nhiều lúc anh bắt gặp gương mặt buồn dầu dầu của vợ, hình như cô Út nhớ ánh đèn sân khấu, nhớ tiếng trống chầu, nhớ lời ca, điệu múa. Có lần anh bắt gặp cô ra sau vườn tập tuồng một mình, lòng anh mơ hồ lo sợ. Nghe có gánh hát bầu Mộng về hát ở xóm trên, Út Nguyệt bồn chồn, đứng ngồi không yên, cô cứ xuống mé sông nhìn xuống ghe qua lại như mong ngóng điều gì. Thấy cảnh vậy không đành lòng anh Hai mở lời :

- Nếu má thằng Tâm muốn đi xem hát thì đi, để con tui coi chừng cho

Ánh mắt Út Nguyệt sáng lên, cô chạy vội lên nhà thay cái áo bà ba bông hường, tha chút dầu dừa cho tóc láng mượt, ngắm trong kiếng thấy mình thật đẹp rồi thông thả xuống mở dây xuống chèo riết. Dù trời mưa Út Nguyệt cũng không bỏ một đêm hát nào coi tới văn tuồng mới dĩa, mặt mày tươi rói, nói cười luôn miệng, có khi còn mua cho cha con thằng Tâm mỗi người một cái bánh lá dừa ăn khuya. Thấy vợ vui vẻ, Hai Chèo cũng mừng. Một hôm anh có chuyện phải lên chợ đến chạng vạng mới về, thấy nhà cửa lạnh tanh, đèn đuốc không có, thằng con ngồi khóc tí ti trước sân vì đói và sợ. Không hỏi anh cũng biết chắc là Út Nguyệt bỏ đi rồi, cô theo gánh hát vừa nhỏ sào sáng nay. Cô là con tầm nhả tơ chưa hết nên còn phải vương nợ. Hai cha con sống dật dờ hơn tháng trời, anh bỏ công đi tìm nhưng đào Nguyệt như bóng chim tăm cá. Cuối cùng anh sống cảnh gà trống nuôi con, lòng hy vọng có ngày Út Nguyệt quay trở về. Anh bỏ luôn nghề sửa chèo, mỗi lần nhin thấy bộ cửa đục lòng anh xót đau không chịu nổi. Thằng Tâm mười lăm tuổi trốn nhà theo bộ đội. Còn mình anh thui thủi với miếng ruộng mảnh vườn, ai tản cư đi đâu mặc kệ, anh cứ bám làng, bám đất mà canh tác. Thỉnh thoảng anh nghe tin đào Nguyệt lấy anh soạn tuồng nào đó cuộc sống cũng không khá, có lúc thì được tin Út Nguyệt chết vì bệnh lao phổi... Nhưng tin về thằng con một lần duy nhất từ ngày nó đi là đơn vị nó gửi giấy về báo rằng nó hy sinh trong trận đánh cầu Cái Sinh. Anh bỏ ăn bỏ uống cả tuần mới gượng dậy nổi, ra chợ mượn thợ vẽ hình thằng con theo trí nhớ, đem về đặt ngồi chung với ông bà đốt nén nhang hằng đêm cho ấm cúng. Từ khi thằng Tâm đi bộ đội nhà anh Hai Chèo trở thành điểm liên lạc, nơi nuôi giấu cán bộ, miếng vườn sau nhà anh cho đào mấy chục cái hầm nguy trang để nuôi giấu thương binh trước khi chuyển ra tuyến sau, tham gia dẫn đường cho bộ đội đánh đồn, phá bót, dụ địch, chiêu hàng, tổ chức một nhóm ca cổ, dựng những tuồng hát kêu gọi lòng yêu nước đánh giặc, giữ làng.... Hòa bình tham gia công tác ít lâu anh xin nghỉ. Anh Hai Chèo ngày trước là ông Hai cô đơn bây giờ với cuộc sống vui thú ruộng vườn.

Cuộc sống tự do tự tại khiến ông cảm thấy dễ chịu. Tiếng gà đã gáy sang canh hai, ông mới ngủ thiếp đi.

Tiếng mở công phu của sư cụ già chùa bên làm thằng Suốt giật mình thức giấc, nó mở cửa bước ra bên chái hè đứng đái, đột nhiên nó thấy một người đàn bà mặc đồ hát tuồng ở đâu đi xăm xăm vào nhà vén rèm ông Hai đứng nhìn hồi lâu rồi quỳ xuống lạy mấy lạy, lau nước mắt, nó cảm thấy toàn thân nổi da gà, sợ quá nín đái luôn. Nó lẹ lẹ kéo quần lên định hỏi ai thì thấy người đàn bà bước ra đi một hơi xuống bên sông rồi tan biến vào lớp sương mờ mờ, thằng Suốt dụi mắt, dụi mắt -chả lẽ có ma-???. Lúc ăn cơm thằng Suốt kể lại cho ông Hai nghe, ông Hai giọng bùi ngùi:

- Tới bây giờ cổ mới chịu trở về nhà, vậy là cổ đi thiệt rồi, đi trước qua. Cổ là cô đào Út Nguyệt đó.

Thằng Suốt nghĩ: Hèn chi vùng đất này nổi danh về đồn ca tài tử. Tiếng bìm bịp lại kêu vang lên bên kia bụi Nga đang độ nở bông trắng xóa. Ông Hai nhìn theo ghe thằng Suốt lui dần, nói với theo:

- Nước lớn rồi đó, về xuôi nhẹ chèo.

TRÚC LINH LAN





LẠC GIỮA HÀ NỘI

MAI THỰC

Đì giữa Hà Nội mùa thu nắng ửng vàng dịu mát, ngấm màu hương quả chín tươi: bưởi, hồng, chuối, cam, quýt, mít, xoài, chanh, đu đủ, nhãn, ổi, thị... thơm phố phường, tôi nhớ lại cuộc triển lãm ảnh của ba chàng trai nước ngoài tại Hà Nội Xuân 2008. Ba nhà nhiếp ảnh trẻ, tOine và FranckHamel người Pháp, Nicolas Folch người Chilê, từng đi nhiều nơi trên thế giới, nay đến sống và làm việc tại Hà Nội. Vì sao?

Bởi họ nhìn thấy Hà Nội, thành phố giữa những dòng sông. Thành phố của những đa thanh, đa dạng với những đổi thay bề bộn. Ngày và đêm. Thành phố không ngưng nghỉ.

Nơi đây có những tòa cao ốc ngất ngưởng, ngả bóng lên những ngôi đền chùa cổ kính. Nơi những người trẻ tuổi luôn tiếp cận với công nghệ kỹ thuật hiện đại nhất, nhưng vẫn ngồi nhâm nhi chén nước chè của bà cụ hàng nước rang đen, hay túm tụm cùng nhau nhẩn nhá hạt ngô nướng... bên vỉa hè.

Cuộc sống Hà Nội sôi động, trái chiều, đầy chất thơ này đã cuốn hút họ khám phá bằng cái nhìn khác lạ. Họ lặn lội suốt ngày đêm và bằng kinh nghiệm sống của mình, đã thể hiện được những nét “rất Hà Nội” trong từng bức ảnh.

Khác xa với những khuôn khổ cứng nhắc hay những tấm bưu ảnh về Hà Nội, ba nhà nhiếp ảnh đã mang lại cái nhìn vừa khác lạ, vừa rõ ràng hơn về kiến trúc, phố phường, con người Hà Nội, từ những hình ảnh gần gũi, gập ghềnh của đời sống ngày thường, gọi về thân phận con người với giấc mơ sinh tồn nghiệt ngã, trong từng góc phố. Sáng/ tối bất ngờ.

Họ nâng niu hình ảnh dòng sông Hồng mệnh mang lòng mẹ, chở che con đò nhỏ chòng chành, nâng bóng người lương thiện. Hai bên dòng sông xanh lúa, ngô, khoai, cha con đèo nhau trên chiếc xe đạp cũ, thông dong, tĩnh lặng. Trên chiếc xe đạp tàng tàng, người cha đưa con đến trường học.

Trong từng con phố nhỏ, cuộc sống và thân phận người Hà Nội hiện lên rõ ràng, sống động. Hiệu cắt tóc gọi đầu, người mẹ trẻ thanh thản ôm đứa con thơ. Không bận mải, lo âu, vội vã. Người đàn bà đội thúng bánh mì đi vào ngõ nhỏ đêm sâu. Con gà luộc vàng mỡ trên đĩa, cạnh lọ hạt tiêu. Không người. Góc phố nhỏ này bà ngồi bán chè chén, cháu chơi bài tam cúc. Cuối ngõ cụt kia, ông già chữa xe máy thay dầu, bên cạnh chàng họa sĩ say đắm vẽ chân dung thiếu nữ. Phố mới, nhà chen nhà, biển quảng cáo lô nhô trăm màu sắc. Bóng các bà, các chị quang thúng

gánh hàng rong tắt tươi dưới hè đường. Xóm liêu, nhà nửa lá tranh tre, bầy sậy, bờ lau, mẹ con, bà cháu cười xênh xang.

Chiếc bè trên sông Hồng sớm tinh sương tung lưới, mờ xa những tòa cao ốc lố nhố. Bé gái chạy nhảy một mình bên các cụ rùa đội bia tiến sĩ ở Văn Miếu-Quốc Tử Giám...

Cuộc sống của Hà Nội đương đại là như thế. Tưởng như ồn ào, nhốn nháo, không ăn nhập với nhau, mà lại là sức sống bất diệt của Hà Nội trải nghìn năm. Âm thầm một dòng chảy âm thanh, đa âm sắc, đa giọng điệu. Không ngưng nghỉ.

Hà Nội vẫn là Hà Nội. Vẻ đẹp vĩnh hằng của Hà Nội hiện lên giữa những khoảnh khắc đời thường, an bình, dân dã, thanh lịch, chìm sâu trong những ngõ phố, con hồ. Dù kim đồng hồ quay ngược. Dù mưa lũ bụi đường. Dù những tòa cao ốc chất ngất che lấp bóng người qua. Không thể khác. Những con người truyền nối ngàn đời nay, bám mặt phố, mặt sông, bãi bồi, ruộng lúa... để sống và yêu thương, bảo tồn nòi giống, tạo nên nền văn hóa, văn minh sông Hồng, hiện hữu từng ngày, lam lũ và bình thản. Khiêm nhường ẩn hiện. Bí ẩn. Bất ngờ. Bi kịch. Lặng thầm.

Họ không mơ những tòa cao ốc chông chênh, đè kiệt dòng sông Mẹ. Họ mơ bồi đắp trí tuệ, tình thương, nhân cách con người, để được thanh thoi, tự do, cần mẫn làm ra lúa đầy bồ, ngô khoai đầy thúng, cá đầy khoang. Họ mơ tàu thuyền chở nông sản của cánh đồng, dòng sông ra biển lớn, để lại cùng nhau trở về, chiều chiều ca hát bên bãi mía, nương dâu, dạo quanh Hồ Gươm thiêng, tắm tươi hồn tổ tiên linh diệu.

Người ta bảo ba chàng trai phương Tây này như những đệ tử của Thủy thần, người con của Mẹ Đất, cánh đồng, dòng sông Hồng Hà... đã mở to đôi mắt, hồn thơ, nhìn xuyên thấu nhịp đi chong mắt của một Hà Nội chuyển động dữ dội, và thầm gửi thông điệp cảnh giới người Hà Nội không đánh mất mình trong dòng xoáy bão "công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Thượng đế yêu thương ban tặng xứ sở sông Hồng nặng phù sa, vô vàn tôm cá, tràn ngập nắng vàng, xanh mượt lúa, ngô, cỏ cây hoa trái muôn màu, và những con người cần cù lao động, chưng cất Tinh hoa, hằng ngày từng bước tạo nên cuộc sống thắm tươi. Sao ai đó còn chơi với mơ về nơi đâu?

Người Hà Nội mơ về đâu? Nền văn minh Tây phương đang vẫy gọi. Nhưng cuộc sống của mỗi con người Hà Nội hôm nay và mai sau vẫn là lúa, ngô, khoai, cua, cá, tôm, rau, quả bốn mùa, và mắm tép, đậu phụ, mắm tôm, tương cà, lạc, vừng, thịt gà, cá chép, ba ba, chén trà góc phố...

Văn hóa Thăng Long- Hà Nội giản dị thế thôi. Văn hóa là Con Người. Mỗi Con Người biết lao động sáng tạo, biết ăn ngon, mặc đẹp, biết tự suy xét đúng/ sai, phải/ trái, biết tránh lừa đảo, tránh tội ác là văn hóa.

Con Người là di truyền nòi giống. Nòi giống nào văn hóa ấy.

Văn hóa là cái dạ dày. «*Có thực mới vực được đạo*». Người Hà Nội- Việt Nam muốn ăn ngon phải lợi ruộng cấy lúa tám xoan, nếp cái hoa vàng, gieo đỗ, trồng ngô. Rồi phải sàng sảy, giã xay chế biến gạo thành cơm, bún, bánh, phở... Cái sự khôn ngoan trong trồng cấy, giần sàng, nấu xào, thoát ra cảnh «*ăn lông, ở lỗ*» gọi là văn hóa.

Văn hóa còn bao gồm cả bàn tay, sức lực và tâm hồn lao động:

*Muốn ăn cơm tám với giò
Ra đây mà đẩy xe bò với anh
(Ca dao Hà Nội)*

Những kẻ cướp đất ruộng vườn, thuê máu của dân «Ngồi mát ăn bát vàng» không bao giờ chạm tới được Văn hóa.

Chúng ta tìm về văn hóa Rồng Tiên để học cái sự sống hân hoan, tử tế của ông bà, cha mẹ tổ tiên, nòi giống và gắng sức chuyển hóa mình trở thành người lương thiện trong kiếp sống hữu hạn nhọc nhằn mà thiêng liêng cao quý của cõi Người. Chứ không phải tìm về văn hóa truyền thống để làm dự án hay du lịch, hoặc ăn cắp tri thức của tổ tiên để nói và viết tầm phào, uốn éo, nhộn nhạo, ma my, lừa lọc, lăng nhăng... lại còn mưu giết giải «Nobel». Thật là nhăng nhặng và «run rẩy» mấy nghìn năm chưa từng thấy.

Những gì huếch hoác, lọc lừa, giả dối, người người đều ghê sợ!

Qui luật muôn đời. Giả dối sẽ tan thành rác rưởi, mưa bão cuốn trôi.

Còn Tình Yêu Ở Lại.

Phương tiện, nhà ở, phố xá Hà Nội có thể đổi thay, đẹp hơn, sạch hơn, tiện nghi hơn, nhưng món ăn nuôi người Hà Nội thì không thể khác. Sự ăn uống của một nòi giống là di truyền, được qui định bởi những sản phẩm của một vùng địa lý, khí hậu. Không thay đổi được. Người Hà Nội- Việt Nam muôn đời vẫn phải làm ra những sản phẩm từ cánh đồng, dòng sông để tồn tại và vui sống trên cái nền của sự lao động đó, đời nọ nối đời kia, chắt lọc nếp sống thường ngày, thành Tinh hoa văn hóa, Văn minh lúa nước. Đây chính là cuộc sống, là sự tồn vong của mỗi con người Hà Nội- Việt Nam. Ai ai cũng mài mê vơ vét vàng và đô- la. Ai làm ra lúa gạo, ngô, khoai, rau, cá? Vàng có ăn được không? Hỏi những ai vô cảm trước giống nòi. Hỏi những ai đang cào cấu vét vơ vàng. Không có người cấy lúa, trồng rau, xay giã làm ra gạo. Vàng chỉ còn cách đem chôn mà thôi.

Có ai nghĩ đến một ngày, thành phố chọc trời sừng sững đè chặt hai bờ sông Hồng, hút cạn kiệt nước ngọt, phù sa, những con hồ khô nước, những cánh đồng, và Mẹ Đất bị phủ bê- tông... con người nếm chát trong những tòa cao ốc? Hồ Gươm, Hồ Tây hóa thạch? Hỏi còn ai sống được để làm vua xứ sở này?

Hà Nội ơi! Trong cuộc hành trình vật vã, đi tìm ấm no, hạnh phúc, tự do, người Hà Nội đã được và mất rất nhiều. Những được/ mất, thắng/ thua, buộc ta phải biết cùng nhau im lặng phút giây, tự hỏi: Chúng ta là ai? Ta là ai? Không ai dại khờ mong mình bỗng biến thành người Đông Âu, Bắc Âu, hay Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản...

Chúng ta là người Việt Nam. Thượng đế cho ta sinh ra ở nơi này, sống và chết trên những cánh đồng, những dòng sông. Ta đang làm gì? Ta cần phải làm gì cho đúng với bản thể của mình, để bảo tồn cuộc sống của chính mình và con cháu?

Người nước ngoài nhìn vào Hà Nội- Việt Nam. Họ thấy rất rõ chúng ta là ai. Họ lo ngại và báo động rằng người Hà Nội- Việt Nam đang trên đà đánh mất mình. Họ thậm chí mong chúng ta hãy tìm về sự sống truyền thống Việt Nam, được hình thành trên nền móng văn minh nông nghiệp, gắn chặt với những cánh đồng, những dòng sông thuộc Đông Nam châu Á. Họ bảo: «Hà Nội là một ngôi làng lớn nhất Việt Nam» (Lady Borton- Nữ nhà văn Mỹ).

Thế kỷ XXI. Hà Nội đang vươn cao và mở rộng tầm vóc hiện đại, chắc chắn những nhà kiến trúc đô thị sẽ học cách xây dựng Thủ đô ở các nước tiên tiến. Ở Matxcova người ta xây dựng thành phố theo vòng tròn vươn ra ngoài, khu phố mới hiện đại mọc lên, không vùi lấp kiến trúc cổ xưa.

Ở Pháp cũng vậy. Kiến trúc Paris là cả một thiên truyện kỳ “Paris từ hoang vu đến tráng lệ”. Không một công trình kiến trúc của thời nào bị phá sập. Những khu nhà cao tầng hiện đại không tàn hại, xóa đi những khu kiến trúc cổ. Những ngôi nhà cổ, đường cũ, lối mòn xa xưa, cung điện, nhà thờ, tu viện... còn nguyên vẹn. Nước Pháp- Paris, trở thành nỗi ám ảnh của nhân loại về nghệ thuật kiến trúc.

Hà Nội ơi! Kiến trúc Hà Nội là gì? Bao nhiêu đổi thay! Bao nhiêu đập vỡ. Nhưng kiến trúc Hà Nội ẩn chìm ức hờn, vụn kiếp. Dù nhà cao ốc chọc trời cũng không vùi lấp nỗi nhớ Hà Nội truyền kỳ muôn tấm lòng son sắt:

*“ Hà Nội ơi! Ánh đèn giăng mắc muôn nơi/ Áo màu tung gió chơi vơi/ Mái trường phượng vĩ
dâng hoa/ Dáng chiều ử bóng thiên nga/ Hà Nội ơi! Dáng huyền tha thiết đề mê/ Tóc thề thả
gió lê thê/ Biết đâu ngày ấy tôi về/ Hà Nội ơi! Nước hồ là ánh gương soi/ Nắng hè tô thắm
đôi môi/ Thanh bình tiếng guốc reo vui/Những chiều sương gió dâng khơi/ Có người lặng
ngắm mây trôi/ Biết bao là nhớ tôi bời.*

Hà Nội trong tôi! Đêm đêm lạc vào âm vang cổ tích. Tiếng vạc gọi đàn. Tiếng gió lao xao. Tiếng rao người bán hàng rong đầu phố. Tiếng thầm thì Hồng Hà thả sóng về đâu. Tiếng mưa xạc xào rung cửa sổ. Tiếng cô hồn ru gió hồng hoang. Tiếng côn trùng xa xót giữa cơn cào. Tiếng bước chân rất nhẹ chú mèo hoang. Tiếng rúc rích lũ chuột to, chuột nhỏ. Tiếng cỏ cây hoa lá cựa mình. Tiếng tình yêu nức nở xa xăm. Tiếng ru hời vọng muôn trùng sao lặn. Nước biếc Hồ Gươm chao chát dưới mờ trăng. Tiếng Trâu Vàng thiết tha gọi Mẹ.

Hà Nội trong tôi những đêm đêm, âm thanh sóng dội muôn lòng. Thương nhớ dâng đầy mà không mong. Không đợi. Thảng thốt gọi thầm Hà Nội Đêm.

Đêm Hà Nội. Hà Nội Đêm. Khoảng trời tự do bay bổng lạc hồn mơ. Tôi lạc giữa tình yêu Hà Nội không năm tháng. Vô bờ.

Hà Nội Đêm

*Đêm mông mênh ghen ngào tác dạ
Hà Nội ơi! Tôi nhớ làm sao
Những trận mưa máu trào bao thế hệ
Cuộn bão lòng Nguyễn Trãi, Nguyễn Du
Tiếng à ơi, con ngủ ru thêm
Vạn mùa lá rụng, lá còn xanh
Vết máu chưa khô cửa Long Thành
Trưng Nữ Vương, bành voi dũng mãnh
Nức nở gọi chồng, lạnh ngai vua
Đêm hoang vu, gió lửa khe cửa
Đoàn Thị Điểm kéo màn che sương
Ngóng chinh phu, mờ mịt sa trường
Hồ Xuân Hương tung chữ mùi hương
Chưa vẽ nổi cung đường hạnh phúc
Hà Nội tôi! Cha Mẹ phương nào*

*Đàn con đồng cháu rộn xôn xao
Nao nức lòng tôi, dạ cồn cào
Hà Nội Đêm! Thương nhớ xót xao
Người yêu tôi đâu, giọt máu đào
Hà Nội ơi! Nước mắt như sương
Chạm núi tạc bầm sáu phố phường
Day dứt lòng ai, thương nhớ về ai
Khắc khoải hồn tôi những đêm dài
Khơi trầm tạ hồn phai vụn kiếp
Chữ Thơ Tình Thắm, tiếp nguồn Xuân.*

Hà Nội Đêm. Tôi lạc vào mê cung những chuyện tình huyền sử. Những chuyện tình Thăng Long- Hà Nội nối tiếp những chuyện tình. Lấp lánh sao đêm. Âm vang lặng lẽ. Những Chuyện Tình Hà Nội không năm tháng.

Hà Nội bình minh. Người tiếp người Lạc Giữa Hà Nội mang Chuyện Tình Hà Nội bay khắp thế gian

Hà Nội bình minh. Tiếng chim sơn ca vụt khỏi bụi cỏ bay lên bầu trời. Mang **Chuyện Tình Hà Nội** bay khắp thế gian.

Các nghệ sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng Trí Minh, Thanh Lam, cùng các nghệ sĩ Nhật Bản, Đức, Vương Quốc Anh, Áo, Đan Mạch... nắm tay trẻ tự kỷ của Trung tâm Sao Mai, dẫn các em lên sân khấu cùng cất tiếng hát "*Mơ một thế giới chứa chan, tràn ngập tình yêu*".

Buổi trình diễn âm nhạc ngoài trời đêm Hà Nội dành cho trẻ khuyết tật tự kỷ dẫn chúng tôi trở về với Hà Nội đầu thế kỷ XX. Tiếng dương cầm rót nhẹ bên thềm dưới trăng mờ. Tiếng đàn thập lục, tỳ bà hoang hoải gió sông Hồng. Rộn rã chứa chan thanh âm **Hà Nội phố** ngày thường hôm nay.

Nhạc sĩ Trí Minh tiên phong mời gọi các bạn tâm huyết trong, ngoài nước, dâng hiến những buổi hòa nhạc sang trọng, phong cách châu Âu và dòng nhạc điện tử mới lạ, hòa âm thanh đường phố Hà Nội thân thương tặng chúng tôi những giây phút lắng hồn cùng âm nhạc của hiện tại.

Chúng tôi đi tìm Trí Minh đang lẫn trong dòng chảy âm thanh Hà Nội. Trí Minh là ai?

Nhạc sĩ Trí Minh sinh năm 1972, là con trai nhạc sĩ, đại tá quân đội Thuận Yến, mẹ là nghệ sĩ âm nhạc dân tộc Hồ Thị Thanh Hương. Hai chị em Thanh Lam và Trí Minh lớn lên trong âm nhạc trữ tình và dân gian Việt hòa quyện những đêm sâu Hà Nội.

Nếu chị Thanh Lam nổi tiếng theo dòng nhạc trữ tình. "Âm nhạc là cái thực và cái ảo" cất lên từ trái tim chân thành của nghệ sĩ. Thanh Lam "Ước ao hướng tới một thứ âm nhạc thần thánh, hát trên nỗi buồn, niềm vui và trên cả những khát vọng tầm thường".

Thì em trai Trí Minh lại một mình tự do đi tìm con đường âm nhạc riêng của mình. Không lặp lại cha, mẹ và chị.

Trí Minh nói:

- Tôi là người thích phá vỡ mọi rào cản. Âm nhạc của tôi thể hiện điều ấy. Tuổi trẻ tôi may mắn được sống trong thời đất nước mở cửa 1986- 1990. Xóa sổ gạo. Mọi người tự do xuống phố kiếm sống, mở hiệu phở, tiệm café... Quần áo không còn một màu xám xịt. Phụ nữ Hà Thành mặc áo dài truyền thống và mặc váy Tây, tô môi son. Tôi được tiếp nhận một luồng không khí mới ủa tràn trong lòng người, mái phố. Tôi tự hỏi mình phải làm gì? Phải sống ra sao?

Năm 1990 tốt nghiệp khoa sáng tác Nhạc viện Hà Nội, với cây đàn organ Trí Minh đã chơi nhạc Jazz kiếm sống trong các hiệu phở, quán café bình dân, tắm mình trong cuộc sống Hà Nội ngày thường đang trỗi dậy. Cùng bạn nhạc sĩ trẻ nhìn ra thế giới, anh bắt gặp dòng nhạc mới, âm nhạc điện tử xuất hiện tại Hà Nội. Năm 1999, Trí Minh say mê tự mình khám phá và sáng tạo âm nhạc điện tử. Được sự hỗ trợ của Trung tâm Văn hóa Pháp tại Hà Nội, lúc đầu, anh lấy âm nhạc truyền thống làm chất liệu, nổi vào máy vi tính, trộn âm thanh theo kiểu thụ động. Dần dần anh nghiên cứu việc phối hợp âm thanh đường phố Hà Nội, hòa trộn âm nhạc phương Tây, làm ra những bản nhạc của Trí Minh, vừa quen vừa lạ.

Những ngày Văn hóa Việt Nam tại Pháp 1999, Trí Minh biểu diễn những bản nhạc điện tử của mình. Nhiều bác Việt Kiều khóc "Cảm ơn em đã cho chúng tôi sống lại âm thanh, đường phố Hà Nội tại Paris".

Trí Minh bắt đầu xông pha vạn dặm. Châu Âu. Bắc Âu. Châu Úc. Châu Mỹ...Phương Tây. Chân trời mở. Thế giới mở. Thế giới phẳng. Trí Minh lặn lội hòa nhập vào cuộc sống cùng nhân loại. Anh vừa học, vừa làm mọi công việc để sống và sáng tạo âm nhạc mới. Ra thế giới Trí Minh có cái nhìn tương phản để quay lại tìm mình. Mình là ai? Việt Nam là ai? Nhiều đêm trống rỗng, mất hướng, nghĩ suy... Trí Minh bừng tỉnh. Không thể giống ai được. Mình phải là chính mình. Người nước ngoài tôn trọng mình bởi mình có nhân cách tâm hồn Việt Nam hoàn thiện. Phải quay ngược lại tìm bản sắc văn hóa Việt Nam. Tâm hồn Việt Nam. Trở về nguồn cội. Nhưng bản sắc Việt Nam là gì? Không phải là câu hỏi dễ.

Phải tự trải nghiệm. Suy tư. Lột xác. Tìm mình. Chuyển hóa và Phát triển.

Âm sắc Việt Nam. Con người Việt Nam. Không gian âm nhạc Việt Nam. Nếu mình chỉ đào mới mãi truyền thống, sẽ xáo mòn. Phải phát triển và hòa nhập thế giới trên cái nền bản sắc con người Việt Nam.

Trí Minh dồn sức sáng tạo trên con đường thể nghiệm dòng âm nhạc điện tử. Hòa nhập quốc tế. Cuộc sống đã thay đổi. Không gian mở. Tư duy mở. Âm nhạc điện tử là của hôm nay. Minh Trí hòa mình cùng môi trường âm nhạc thế giới. Giao lưu Đông Tây. Âm nhạc đa thanh. Đa dạng. Âm nhạc đa chiều chuyển tải đa thông điệp về xã hội, nâng con người tự do bày tỏ ý kiến của mình.

Trí Minh say đắm dâng hiến dòng âm nhạc hiện đại đó cho giới trẻ Việt Nam. Sau năm năm miệt mài trải nghiệm, tháng 9- 2011, Trí Minh sáng tạo CD âm nhạc điện tử **Chuyện Tình Hà Nội- Hanoi Love Stories** gồm mười bản nhạc tràn đầy lãng mạn nhạc Jazz, lắng sâu, tĩnh tâm thiên thanh tịnh, lắng đọng, mơ và thực, đậm hồn Hà Nội với các loại nhạc cụ dân gian và Tây phương hòa quyện lãng du như tâm hồn Hà Nội.

Chuyện Tình Hà Nội nhạc sĩ Minh Trí tiếp cận âm nhạc đương đại, mở rộng không gian âm nhạc với những âm thanh đường phố Hà Nội, pha trộn nét nhạc Đông- Tây và dân gian tinh tế. Tình yêu Hà Nội, tình yêu đôi lứa hiển hiện trong tiếng vận động của con người, xe cộ, tiếng chim, tiếng cỏ cây cựa mình, tiếng mưa đêm, tiếng côn trùng, tiếng rao khuya, tiếng trò chuyện đa thanh, đa giọng điệu... Là âm thanh Hà Nội ngày thường hôm nay, như cuộc sống đang mở ra

từng ngày. Những nét nhạc trữ tình sâu lắng, gợi sắc tím bằng lăng, hoa phượng đỏ sân trường, bóng áo dài trắng thướt tha tình tứ, không hẹn, những chàng trai nhẹ bước lên đường, ấp ủ những câu chuyện tình lãng mạn xuyên năm tháng.

Trí Minh giờ đây đi khắp nơi trong ngoài nước, kể **Chuyện Tình Hà Nội** bằng âm nhạc điện tử. Những câu chuyện tình Hà Nội không bao giờ im lặng. Nó luôn vang lên những âm thanh bất tận của cuộc sống với vui buồn, bi tráng của những thế hệ người Hà Nội.

Công chúng Việt Nam và quốc tế đón nhận **Chuyện Tình Hà Nội** trong sự cởi mở của xã hội. Nhóm bạn chơi nhạc dân tộc và cổ điển của Trí Minh tổ chức nhiều Festival Hanoi Sound Stuff trong ngoài nước. Trí Minh đã trình diễn cùng các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới: Robert Henker (Đức), Robin Scanner (Anh), Dickson Dee (Trung Quốc) tại các nước Đan Mạch, Anh, Mỹ, Bỉ, Ba Lan, Trung Quốc, Tây Ban Nha...

Trí Minh khám phá âm thanh Hà Nội trong đa chiều cuộc sống. Anh tiên phong kết nối các nghệ sĩ dân thân Vì Dân như Đào Anh Khánh, nhà làm phim Paul Zetter hướng tới cộng đồng nghèo, nhóm người thiệt thòi yếu thế... mong hiến dâng trái tim nghệ sĩ cho Văn hóa và Phát triển.

Tình Yêu Bốc Cháy

Bất ngờ. Trí Minh cho tôi gặp nghệ sĩ Đào Anh Khánh. Tôi hơi choáng trước anh chàng thanh mảnh, mũi cao, gương mặt nhang nhác nữ, mặc bộ xanh lá chuối bó chên, giày khóa xích bạc quần loảng xoảng, tóc đen xõa như dân da đỏ. Tôi tự nhủ không biết mình có thể trò chuyện được với chàng trong mấy phút? Tôi thuộc diện ở ẩn nên không biết nghệ sĩ Đào Anh Khánh được bạn nước ngoài phong tặng “tổ sư của người điên”.

Đầy nhậy cảm, Đào Anh Khánh lập tức xưng tên tuổi, khai lý lịch nghề nghiệp đã qua, bố mẹ, quê quán, vợ cũ, vợ mới, những người tình Tây ta, các con... như người diễn chèo hỏi “Ta ra đây có phải xưng danh không nhỉ”.

- Có chứ! Anh hùng, quân tử, hề hoạn, quan chức, dân thường... bất cứ ai ra công chúng làm bất cứ trò gì, đều phải chính tắc, đường hoàng xưng danh tính, để tỏ rõ trách nhiệm cá nhân của mình trước cộng đồng.

Đào Anh Khánh sinh năm 1959 tại Hà Nội, quê Thái Bình. Bố mẹ anh là công chức, chẳng dính gì đến “chất nghệ” của anh. Khánh học đại học Công an, làm công an theo dõi văn hóa tại Sở Công An Hà Nội từ khi ra trường đến năm ba mươi tư tuổi, thì bùng hiện con người nghệ sĩ.

Đào Anh Khánh kể về “sự điên” của mình như khối năng lượng bùng cháy, sau khi sổ lồng khỏi Sở Công An Hà Nội.

Khánh mê vẽ. Học đại học Mỹ thuật. Tự triển lãm tranh trong nước, quốc tế, châu Âu, Mỹ. Bán tranh. Mua nhà đất vùng khí ho cò gáy, sáng tạo không gian nghệ thuật. Khánh là một trong những nghệ sĩ tự do đầu tiên của Việt Nam làm nghệ thuật mới. Kết hợp nhiều loại hình nghệ thuật: hội họa, điêu khắc, sắp đặt, múa, hát, trình diễn... tạo ra những buổi biểu diễn nghệ thuật khổng lồ ngoài trời, trước hàng nghìn công chúng.

Đào Anh Khánh dùng tiền bán tranh đầu tư vào các công trình biểu diễn phi lợi nhuận, tạo cơ hội bùng phá đời sống nghệ thuật mới đa chiều, đa phương cho cộng đồng rộng lớn, những người ít tiền, được thưởng thức nghệ thuật. Phần lớn dân nghèo không thể vào Nhà Hát Lớn Hà Nội nghe

nhạc, xem vũ kịch, ba- lê...

Từ 1998 đến nay, mỗi năm Đào Anh Khánh tổ chức bảy, tám cuộc biểu diễn nghệ thuật ngoài trời, không bán vé, hàng nghìn người đã tham dự trong niềm hứng khởi. Các nghệ sĩ Việt Nam và quốc tế biểu diễn từ thiện trong những cuộc do Khánh mời. Năm 2010, kỷ niệm Thăng Long nghìn tuổi, anh tổ chức ba sự kiện (*Hội tụ Ánh Sáng, Cầu Âm Thanh, Cây Đồi*) gây ấn tượng lớn trong ngoài nước.

Con đường đèn xanh mượt cỏ dại Ngọc Thụy- Long Biên- Gia Lâm- Hà Nội, ánh sáng bùng tỏa màn đêm, hai mươi nghệ sĩ đương đại Việt Nam và quốc tế, biểu diễn âm nhạc đương đại nổi tiếng trên cây *Cầu âm Thanh* dài hai trăm mét. Ánh sáng lan tỏa và hội tụ, tỏa dòng âm thanh đã chiều tới khoảng mười lăm nghìn người cùng khổ.

Đêm *Hội Tụ Ánh Sáng* trình diễn nghệ thuật sắp đặt, tạo nên hình tượng Hà Nội cổ được đúc trong khối thủy tinh hóa thạch, chiếu sáng một vùng rộng lớn với hai mươi nghệ sĩ trong ngoài nước, hai mươi cách biểu hiện Ánh Sáng.

Đêm *Cây Đồi*, hội tụ *Dòng Chảy Nghìn Năm*, trình diễn nghệ thuật tổng hợp: sắp đặt, ánh sáng, múa, video, điêu khắc, âm nhạc... do chính Đào Anh Khánh và các nghệ sĩ trong ngoài nước trình diễn, thu hút khoảng ba mươi nghìn người dân vào cuộc vui bất tận.

Một báo điện tử nước ngoài bình chọn sự kiện *Dòng Chảy Nghìn Năm* là hiện tượng số một về văn hóa nghệ thuật 2010.

Với sức sống nghệ sĩ cháy bùng tầm quốc tế như vậy, Đào Anh Khánh thường xuyên đi khắp thế giới, cùng các nghệ sĩ năm châu bốn biển trình diễn. Khánh cởi trần nhảy múa. Những màn múa nude thánh thiện, táo bạo, đầy hương vị đất trời, Đào Anh Khánh đã truyền tải nhân sinh quan của mình tới nhân loại: **"Nghệ thuật không giới hạn. Sức mạnh tinh thần không giới hạn"**.

Một phụ nữ Thụy Điển đã cưới anh làm chồng, sau khi Khánh ly hôn. Đào Anh Khánh sống thân thiện với nhiều người các dân tộc trên trái đất.

Tại Hà Nội, Đào Anh Khánh mặc bộ chèn xanh, vẽ mặt nửa xanh, nửa trắng, múa quần quai vươn mình như một cái cây vươn lên đón nhận sự sống, bắt chập bom đạn, mưa bão, sấm sét... trước đường phố Hà Nội, khiến nhiều người sửng sốt. Có lần bị bắt khi đang say đắm múa lửa bên Hồ Gươm, Khánh khai: "Tôi mơ Hà Nội có một đời sống văn hóa đường phố bằng những hoạt động nghệ thuật dân dã trên đường phố".

Dưới tán lá xanh café mùa hạ Đào Anh Khánh say sưa kể với tôi về dự án nghệ thuật *Thung Lũng Gầm Trời* sẽ diễn ra vào ngày 24- 2- 2019 tại khu vườn rừng Hòa Bình gần mười ha sở hữu của anh. Khánh nói:

- Hằng năm ngày 24- 2 sinh nhật mình, tôi thường tổ chức biểu diễn nghệ thuật mang tên "Đáo Xuân" đãi dân nghèo. Tôi sinh ra để làm nghệ thuật. Trời sinh mình có tố chất nghệ sĩ, phải bùng cháy trong từng khoảnh khắc. "Đáo Xuân" với nghệ thuật mới, với ngôn ngữ của thân thể mình, tôi chuyển tải thông điệp về con người: **"Cuộc đời mỗi người chỉ được sống một lần. Hãy làm những công việc mình thích"**.

Ngày 24- 2- 2019 tôi làm "Đáo Xuân" lần thứ mười. "Mười năm trong một ngày". Công trình

“*Thung Lũng Gầm Trời*” tôi muốn đem đến cho Việt Nam một không gian nghệ thuật rộng lớn, mở đến không lồ, độc đáo, đa chiều, đa phương, hòa trộn cùng thiên nhiên, ở tầm vóc quốc tế.

Việc này rất khó. Tốn công sức, tiền, thời gian. Tôi tự nhủ: “**Hãy vượt lên hoàn cảnh. Vượt lên chính mình. Làm những điều mình thích**”.

Đào Anh Khánh và những cuộc trình diễn nghệ thuật của anh bùng cháy năng lượng sống bất tận của con người. Khánh đã chinh phục được đông đảo người dân Việt Nam và thế giới với những thông điệp thức tỉnh con người vui sống. Sống hết mình. Sống là mình trong mọi hoàn cảnh.

Một trưa hè 2012. Đào Anh Khánh mời tôi và các bạn thăm hang động của anh ở Ngọc Thụy-Gia Lâm. Một ngôi nhà sàn trong khu vườn rậm như rừng. Nơi đêm và ngày Đào Anh Khánh vẽ tranh, điêu khắc, múa hát, làm thơ...

Tranh siêu thực của Đào Anh Khánh màu đỏ bã trầu, màu máu khô, gợi thân hình thiếu nữ với thơ:

*“Vượt sóng em về miền đất hứa
Chỉ nghe hơi thở vườn địa đàng”*

Những hình tượng linga được sắp đặt trong vườn rậm rì đầy muối. Những ám ảnh tính dục mang tinh thần tôn giáo trong nghệ thuật mới của Đào Anh Khánh là sự bùng nổ sức sống bên trong, năng lượng bên trong vô tận của con người hòa vũ trụ.

Đào Anh Khánh bằng nội lực sung mãn của chính mình thông qua nghệ thuật mới, thức gọi mọi con người hãy trở về với chính mình, hòa thiên nhiên và bùng cháy lên sức sống mãnh liệt của Con Người.

Những nghệ sĩ Hà Nội hôm nay như Trí Minh và Đào Anh Khánh đã mang **Chuyện Tình Hà Nội Bay Khắp Thế Gian**.

Tôi nắm tay những Người yêu Hà Nội **Lạc Giữa Hà Nội** hát ca:

*Chuyện Tình Hà Nội nhạc thơ
Dãi dầu bể nắng lừng lơ
Dắt ai trôi giữa biển sâu bay lên
Vén mây mở lối địa cầu
Lạc giữa Hà Nội chờ câu hẹn Tình.*

Hồ Gươm Thu 2012.

MAI THỰC





NHỊ ĐÀO

KHẢI NGUYỄN

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Chú muốn moi chuyện để viết truyện ngắn dự thi về "mối tình đầu" chứ gì. Đúng không, chú nhà viết? Chú chẳng thích được gọi là "nhà văn" thì tôi gọi là "nhà viết" vậy. Được! Nhưng tôi giao hẹn trước: không được nói là chuyện của tôi. Điều này nữa: đây đã kể là mối tình đầu của tôi chưa thì... Sau này, bà vợ tôi cứ truy vặn mãi, thật ra chủ yếu lại là vì lẽ khác.

Ngày ấy, tôi trọ học tại Hà Nội. Đã lớn ngồng lên rồi mà chưa biết yêu đương gì đâu. Nói cho đúng thì thấy gái đẹp cũng đã biết ghé mắt nhòm, song tơ tưởng thì chưa. Ở quê tôi, con gái cũng xinh ra phết, con gái Hà Nội lại là chuyện khác...

Nói ở trọ, thật ra là ở nhờ. Chủ nhà làm công chức cho Pháp, bà vợ bán hàng. Một cậu bạn học của tôi, bà con với ông chủ, xin cho tôi cùng ở lấy vui. Nhà có cô con gái nhớn kém tôi một tuổi. Cô có bằng tiểu học. Ngày ấy, đồ tiểu học đã có thể đọc sách báo tiếng Pháp tạm tạm. Ở nông thôn thì con gái học như vậy bói khó ra. Cô thôi học ở nhà giúp mẹ và học các môn nữ công, gia chánh. Cô có vẻ đẹp nền nã, thủy mì. Cô là em họ bạn tôi. Cô gọi tôi là "cậu", không phải cậu em đâu. Ngày trước, các trai trẻ có học ít nhiều hoặc con nhà đều được mọi người gọi bằng "cậu". Người ta bảo "nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò", song tôi và cậu bạn vào loại "ngoan", nghĩa là có tếu nhưng không quá đà. Anh bạn tôi đã có vợ. Hắn là con phó tổng, lấy con chánh tổng, quá là "môn đăng hộ đối". Hắn bảo vợ hắn chỉ "sạch nước cần", hắn có ưng thì mới được tiếp tục đi học. Hắn nói lấy vợ quê được cái yên tâm, "nhưng nếu khát các cụ được thì đừng rước một mụ sớm như tao". Hắn học hơi chậm, được cái chăm, không tiêu vung tiền cha mẹ, tôi không bị hư lây. Buổi tối, hai chúng tôi ngồi học, nàng thường ngồi đan gần đó. Có những khi tôi bắt gặp nàng ngược nhìn tôi, ánh mắt là lạ. Cha tôi đã răn tôi là không được lấy người thành thị. "Nhà ta chân quê, rước một cô ăn trắng mặc trơn, ra guốc vào dép về thì nó xoay sở ra sao!". Mẹ tôi diễn giải các nghiêm lệnh của cha tôi cho tôi thấm. Cũng khớp với lời thẳng bạn! Tôi đành lảng ánh nhìn ấy, làm như chẳng biết gì. Tôi thì chẳng phải khổ công để cho ra vai khờ. Nàng thường quan tâm đến tôi, một lối quan tâm kín đáo, ý nhị, rất "nữ tính Việt Nam". Tôi mà về học muộn, nàng hay tạo có để không dùng bữa cùng cả nhà mà ăn sau với tôi hoặc ủ ấm cơm cho tôi. Có lần, tôi học mệt gục xuống ngủ thiếp đi. Trời se lạnh, tôi bỗng cảm thấy lòng bàn tay mình đặt trên bàn ấm nóng, mở mắt ra: một tách trà còn vương khói.

Một hôm, cậu bạn rủ tôi cùng nàng ra nhà Gô-đa, cửa hàng bách hoá lớn nhất Hà Nội, rồi tiện chân đi dạo quanh hồ Gươm. Anh bạn nhện chân đi vượt lên. Tôi thả bước cạnh nàng. Hai chúng tôi dừng cạnh gốc liễu. Nàng vuốt một nhánh liễu, chột thở dài:

- Có lẽ rồi đây tôi sẽ chẳng bao giờ thấy hồ Gươm nữa.

- Sao vậy? - Tôi ngớ ra.

Nàng dăm dăm nhìn tôi:

- Người ta muốn cưới tôi cho ... , cậu không biết sao?

Chuyện ấy thì tôi biết. Một nhà buôn sụ ở ngoại thành Hà Nội nhưng làm ăn trên Phú Thọ, do quen biết hay mai mối sao đó, đã hỏi nàng cho cậu con trai một. Cậu cả có học một vài năm Cao đẳng tiểu học (tương đương cấp hai bây giờ), bỏ ngang ra kinh doanh cùng gia đình. Ứng cử viên-chàng rể không đích thân ra mắt; người làm mai mang ảnh anh ta đến kèm lời "giới thiệu" đúng kiểu các bà mối. Một khuôn mặt cũng "phải chăng". Cha mẹ nàng chưa nhận lời. Nàng ngằm đặt tôi trước một câu hỏi mà tôi không muốn nghĩ tới, và tự tôi không thể trả lời. Tôi đáp một câu rất chi là ngớ :

- Trung du phong cảnh hữu tình, không khí thoáng đãng, lại sẵn hoa trái, về đây...

- Cậu mà cũng nói vậy à? - Tôi đang thao thao để che sự bối rối thì nàng ngắt lời rồi quay ngoắt bỏ đi.

Tôi đứng trân, chưng hửng. Cậu bạn đi tới:

- Chọc giận gì nàng đấy?

Nghe tôi lúng búng thuật lại các câu trao đổi giữa tôi và nàng, hấn phá lên cười:

- Cậu học giỏi mà xử sự thì thộn ơ là thộn!

Nhưng rồi hấn ngừng cười, hấn biết cảnh ngộ của tôi. Cả hấn, cả tôi đều không quan niệm "yêu chỉ để mà yêu".

Đêm đó, tôi nằm thao thức, không dám tự hỏi lòng mình mà nghĩ tới cảnh ngộ nàng. Tôi không thấy có gì bi kịch, nhưng nếu tôi hỏi cưới nàng ... Cuối tuần, tôi về quê ngỏ lời với mẹ tôi. Bà bàn với cha tôi. Ông nghiêm nghị phán: "Nó còn phải lấy cho được cái bằng đíp-lôm". Trở lại nhà trọ, tôi cố tránh để không phải đối mặt với câu hỏi ử trong mắt nàng. Ít lâu sau, nhân lúc chỉ có hai đứa, nàng lại bảo tôi: "Bà mối đang thúc cha mẹ tôi đấy". Anh mắt nàng vừa tha thiết, vừa bồn chồn. Tôi ậm ừ, tỏ ra thộn hơn bao giờ hết.

Thế rồi cuộc hôn phối giữa nàng và người kia được định đoạt. Nàng vốn là người trầm lặng, vui buồn ít lộ ra nét mặt, chẳng ai rõ tâm trạng thực của nàng ra sao. Một lúc nào đấy, nàng tỏ ý chưa muốn lấy chồng. Cha mẹ nàng giảng giải, nàng im. Chẳng làm mình, làm mẩy, chẳng hề có nước mắt công khai. Có thể nàng tin vào số mệnh. Nàng đã toan tìm cửa ra cho số mệnh mình. Và hấn nàng đã định trao chìa khoá cửa vào tay tôi mà tôi không biết, không muốn, không dám cầm. Nàng vẫn lặng lẽ may vá, khâu thùa. Chắc nàng cũng phải chuẩn bị áo xống cô dâu ngoài những thứ nhà trai mang tới theo tục lệ. Gần ngày cưới, nàng đưa cho ông anh họ và tôi, mỗi người một cái áo đoạn "để dự đám cưới tôi". Với tôi nàng còn trao riêng một cái áo len tự tay nàng đan.

Đám cưới rất to; xác pháo ngập vỉa hè trước nhà gái và đổ rục sân nhà trai; có ô tô rước dâu, chuyện khá hiếm thời ấy. Nhà trai đến xin dâu, bấy giờ chúng tôi mới tường chú rể. Một anh chàng nhỏ con, thấp hơn cô dâu một chút, mặc áo gấm, nhưng mang giày tây, đi hơi cà nhấc - về sau mới biết là tại đôi giày. Trong con mắt tôi, anh ta chẳng có đáng vẻ gì, không xứng với nàng.

Chú hỏi tôi lúc ấy có buồn không ư? Không rõ đâu. Hình như có chút băng khuâng, có lẽ tiếng tiếc nữa chẳng! Có phần chắc là tôi rất thương nàng, cảm cảnh cho nàng...

Giờ đưa dâu định vào giờ Ngọ. Nàng xin được ngồi trong phòng riêng một lát. Một lúc lâu chẳng thấy nàng ra. Em gái nàng gọi mãi, cửa mới hé cho vào. Nàng tỏ ra bình thản, song cô em thấy má chị mình bị hoen. Nàng dùng dằng mãi mới lên xe hoa. Tôi đi trong đoàn đưa dâu, lọt thỏm vào giữa cái không khí hồ hởi, phô trương, nghĩ tội nàng, cũng tội cho mình. Giá mà... Gian phòng ấm cúng chúng tôi ngồi học từ nay sẽ thiếu bóng dáng nàng.

Đám rước dâu đến quá trễ so với dự kiến. Bên nhà trai đã rất sốt ruột. Bà mẹ chồng định bảo người ra truyền lời cho cô dâu "chờ chút, được giờ tốt hãy nhập gia". Chẳng cần ai xui, bằng linh cảm người mẹ, linh cảm người đàn bà, bà biết "nó" chê con mình. Bất chực ngoài cửa mới biết thân. "Dạy con từ thuở còn thơ. Dạy dâu từ thuở bơ vơ mới về". Nếu bà ta thực hiện dự định kia

thì chắc chắn nàng sẽ cởi bỏ trang phục cô dâu quay trở lại nhà mẹ đẻ lập tức. Tôi biết tính nàng, dịu hiền đấy, song cũng quyết liệt đấy. Nàng phục tùng lễ giáo "hôn nhân do cha mẹ sắp đặt", nhưng nếu người ta vượt quá cái ngưỡng quyền lực lễ giáo thì nàng sẽ không cam chịu nữa. May thay! Họ nhà trai có mấy người tinh ý và biết điều.

Làm lễ tơ hồng xong, nàng vào buồng cài chặt then cửa. Thật ra thì chú rể chưa hẳn đã dám "xông" vào ngay tối tân hôn; thời xưa là vậy, có đâu hăm hở như bây giờ. Ngày hôm sau, nhà chồng dự định cô dâu về lại mặt (nhị hỉ) xong, cả nhà sẽ về luôn Phú Thọ. Nàng xin được nán lại nhà cha mẹ để một tối, sáng mai sẽ ngược cùng số hàng hoá mà cửa hiệu trên đó đang cần.

Tối đó, nàng không giữ vẻ mặt trầm mặc của ngày hôm trước. Cô em gái ríu rít bên nàng. Nàng cười nói còn dạn dĩ hơn cả hồi chưa có gì đến làm xáo trộn đời nàng. Với tôi, nàng cũng "đãi" như mọi người. Chẳng có ánh mắt đưa riêng nào, dù là đắm thắm, dù là tiếc nuối hay trách móc. Tôi cảm nhận thân phận người dưng của mình và chạnh buồn. Mọi người lần lượt đi ngủ. Nàng chợt nhìn tôi không chớp, mắt long lanh rồi vào phòng trong ngủ cùng em gái. Quãng một, hai giờ sáng, tôi đang ngủ say, bỗng cảm thấy ướt trên mặt. Đưa tay lau. Một giọt nước âm ẩm rỏ xuống. Lại! Tỉnh ngủ hẳn. Quơ tay, chạm phải một bàn tay mềm mại, nóng hổi. Rồi một làn tóc thơm rủ xuống mặt tôi, thoảng mùi hương quen thuộc mỗi khi nàng gội đầu xong đứng khom người quay tóc ướt. Tôi nằm chờ ra chưa biết tính sao. Một khuôn mặt nhoèn ướt áp vào mặt tôi. Bất giác hai bàn tay tôi đưa lên áp đầu nàng ve vuốt. Hơi thở nàng toả ấm làm tôi muốn ngưng thở. Làn môi nàng mơn da mặt tôi lần tìm đến môi tôi. Một cảm giác không tả được, chẳng biết so sánh với cái gì, không phải ngọt ngào, không phải mê mẩn, các nhà văn tả đều láo toét hết. Nàng ngả mình nằm xuống cạnh tôi. Chúng tôi ôm nhau giây lâu. "Em vẫn dành cho anh", tiếng thầm thì nghe thoảng như từ một cõi mơ hồ nào. Tôi nhẹ nhàng gỡ mình khỏi vòng tay nàng ngồi dậy. Nàng nằm lặng một chốc rồi cũng ngồi lên và biến đi. Tôi ngồi thu mình trong bóng đêm, cảm thấy trong người mình có cái gì vừa vỡ ra. Mé giường phía trong, thằng bạn vẫn ngủ yên. Hôm sau nàng ra đi sớm.

Có thể có ai đó cho tôi là ngốc. Hoặc giả có người cho là tôi đã phụ nàng, để hoài cái thiện ý của nàng. Nhưng nào tôi đã phải là "người tình chung" của nàng. Có vẻ như tôi "phong kiến" hơn, hoặc đụt hơn anh chàng Kim Trọng cách mấy trăm năm trước. Thật tình, có thể là tôi sợ; có thể là tôi tôn trọng nàng. Chú có tin không? Bà vợ tôi, cho tới tận bây giờ, vẫn không chịu tin. Sắp lấy nhau, tôi đã bộp bạch hết với bà ấy. Bà bậm môi rồi hạ một câu: "Nằm với nhau đêm khuya mà chịu chay! Có mà mèo chề mõ!" Bà "lạnh mặt" suốt tháng trời, tôi suýt bị ra rìa. Bây giờ già rồi, và vẫn không tha cho tôi cái "ngghi án" kia, lại còn qui tội "không quên được người ta". Từ bấy, tôi có liên hệ gì với nàng đâu. Dầu cả hai đều ở Việt Bắc, đều tham gia kháng chiến chống Pháp. (Chồng nàng cũng vậy, làm to to đấy -trong ban chấp hành đảng bộ tỉnh). Giải phóng thủ đô, tôi có gặp em nàng, "chị ấy bây giờ vẫn đẹp" - cô ta báo tin, nhưng không cho địa chỉ nhà nàng mà tôi cũng không hỏi. Cô ta cứ gọi tôi bằng "ông" hoài, tự nhiên tôi cảm thấy chán. Thôi thì mỗi người một phận.

Chú cứ muốn tôi nói hẳn ra có phải là mối tình đầu không ư. Với nàng, đúng là mối tình đầu. Với tôi, biết nói sao đây! Dường như trước khi nàng lấy chồng, tôi chỉ mới mến nàng. Nhưng sau đó, một thời gian dài, tôi không quên nàng. Khi đến với người tôi sẽ lấy làm vợ, tôi nghĩ nhiều đến nàng. Chú bảo đó chỉ là sự tiếc rẻ thôi à? Chú cho là giá Kim Trọng được hưởng "ân huệ tối hậu" của Thúy Kiều rồi thì hẳn chẳng còn tơ tưởng suốt mười lăm năm nàng Kiều lưu lạc phải không? Chú nghĩ như vậy thật lòng chứ? Thôi! Anh đi đi! Anh chẳng hiểu gì về tình yêu đâu. Vậy mà đòi viết mối tình đầu với mối tình cuối. Đi đi! Và đừng có viết chuyện tôi vừa kể. Khéo rồi lại thêm thất, hư cấu bậy bạ.

Tôi không thêm thắt, vậy tôi cứ viết. Ông bạn vong niên xá cho nhé! Chỉ là một dạng chuyện cổ tích thôi mà.

KHẢI NGUYỄN



ẨM ÁP MÙA XUÂN

NGUYỄN NGỌC ANH

Tiếng chuông báo thức vang lên rộn rã. 5 giờ rồi. Ngoài kia có tiếng gọi nhau đi tập thể dục ơ ơ. Anh vội tung mền, vươn dậy, làm mọi động tác uốn éo cho giãn người, rồi xỏ đôi giày “đát” đi ra ngoài.

Khi kéo cánh cửa cổng ra, anh ngạc nhiên thấy có một thằng bé nằm co ro, ngũ mê mết dưới cổng có mái che nhà anh, quên cả giá rét, sương đêm của cao nguyên.

Anh vội lay thằng bé, nhưng có lẽ vì kiệt sức, mệt mỏi nên thằng bé không hay biết gì cả. Anh bèn bồng nó vô nhà và gọi Liên- vợ anh –đang ngủ thức dậy.

Đặt thằng bé nằm trên ghế salon, anh choàng thêm đồ ấm cho nó. Anh chị cùng quan sát nó. Thằng bé có lẽ là người Thượng, độ khoảng 7,8 tuổi, tóc chấy nắng vàng hoe nhưng khuôn mặt sáng sủa, đặc biệt có đôi mi cong vút. Nó mặc áo cộc tay, quần sọt phong phanh.

Những tia nắng mai xuyên qua khung cửa làm thằng bé choàng tỉnh. Nó ngơ ngác không hiểu tại sao đang ở nơi sang trọng này.

Anh mỉm cười vỗ về nó, dắt nó vào toilet rửa mặt mũi, vệ sinh. Anh bảo Liên làm cho nó tô mì. Đang cơn đói, nó vừa ăn vừa húp xùm xụp, chỉ trong một loáng, tô mì sạch sẽ. Thằng bé thòm thòm, muốn ăn nữa. Liên sợ nó bội thực nên chỉ pha thêm cho nó một cốc sữa. Tội nghiệp, chắc nó nhịn đói lâu lắm...

Anh bắt đầu quay sang hỏi chuyện thằng bé. Anh không biết được gì nhiều vì nó còn nhỏ quá. Chỉ biết thằng bé tên Doanh (tiếng Thượng có nghĩa là người Kinh). Nó chỉ còn mẹ tên là Hồ Niên đang ở làng X. Anh giật mình, nhớ ngờ ngợ những cái tên nghe quen thuộc. Linh tính đang mách bảo anh một điều gì đó. Còn Liên khẽ đùa:- Thằng Doanh giống anh quá!

Qua trò chuyện, anh biết Doanh đang ở một trại mồ côi của tỉnh. Tết đến, Doanh thấy trẻ con của nhân viên trong trại xúng xính quần áo mới, có nhiều quà bánh, nhiều tiền lì xì mà Doanh và những đứa trẻ mồ côi khác không có. Có chăng chỉ vài cái bánh kẹo, vài miếng bánh chưng, bánh tét của doanh nghiệp nào đó làm từ thiện. Buồn và nhớ mẹ nhiều, nên Doanh quyết định trốn trại.

Trong đầu óc thơ ngây của nó là cứ đi về phía dãy núi nhỏ-trong thành phố cũng thấy ở mờ xa-là buôn làng, là nhà của nó. Nhưng đi mãi cả ngày trời mà vẫn cứ loay quanh trong thành phố và cuối cùng nó lạc vào nhà anh như một định mệnh...

Anh gọi điện thoại tới trại mồ côi. Khoảng nửa tiếng sau, có một người phụ nữ xưng là mẹ nuôi-chăm sóc Doanh và vài đứa trẻ mồ côi nữa-đến gặp anh.

Người ấy đã làm sáng tỏ cuộc đời của Doanh.

Mẹ của thằng bé tên Hơ Niên, một cô gái xinh đẹp, có đôi mắt tròn và lông mi cong dài, dạy mẫu giáo ở làng X. Bao nhiêu chàng trai trong làng si mê, tán tỉnh cô. Nhưng cô không để ý một ai. Ấy vậy mà cô lại có thai. Dân làng bàn tán, cha mẹ xấu hổ, đuổi cô đi. Thân gái yếu đuối, đơn chiếc, cô ra tới một khu đất bìa làng, gần “nhà mồ” – cất cái chòi nhỏ, ở và chờ ngày sinh nở. Cuộc sống của Hơ Niên thật gian truân. Dân làng thấy cô không chồng mà mang thai, họ không cho bọn trẻ đến học với cô. Hơ Niên phải trồng hoa màu, mót củ bán, hay đi làm thuê để kiếm sống qua ngày. Thằng bé sinh ra trong vô vàn khó khăn, thiếu thốn mọi bề. Cô đặt tên cho nó là Doanh để nhớ tới một người nào đó ở miền xuôi mà cô nhất định không nói ra.

Có lẽ vì cuộc sống vất vả, lại ở trong chòi tranh, vách nửa mong manh, bốn bề lộng gió, khiến mùi tử khí từ “nhà mồ” dễ dàng xâm nhập nên Hơ Niên đã mắc bệnh phong. Dân làng tách cô ra khỏi thằng Doanh để đi chữa bệnh. Thằng bé được xét nghiệm và thấy không có gì, chính quyền địa phương đưa nó đến trại nuôi trẻ mồ côi.

Một thời gian sau, Hơ Niên đã được chữa trị khỏi nhưng sức lao động không còn như xưa nên cô không thể đem thằng bé về nhà nuôi được. Lúc này cô được bà con cất cho một cái nhà ẩm cúng hơn, xa hẳn khu nhà mồ. Cô sống qua ngày nhờ sự đùm bọc của dân làng và đám rau xung quanh nhà.

Bồi hồi, anh nhớ lại một phần quá khứ của mình.

Ngày ấy, anh là một giáo viên mới ra trường. Mang nhiệt huyết tuổi trẻ, anh tình nguyện đi công tác ở vùng sâu. Anh làm hiệu trưởng một ngôi trường ghép: trung học cơ sở, tiểu học và mẫu giáo. Nơi đây, anh để ý một cô dạy mẫu giáo xinh đẹp người Thượng tên Hơ Niên. Xa nhà, buồn nên anh thường xuyên tiếp cận, tán tỉnh “bông hoa rừng núi” này. Hai người thường bên nhau trong không gian vắng vẻ dành cho đôi lứa. Dần dần, Hơ Niên đã ngã vào lòng anh...

Cuộc tình không kéo được dài lâu, vì sau đó anh chuyển công tác về thành phố. Thời gian và khoảng cách đã làm phai nhạt tình yêu của anh với Hơ Niên. Anh quên người con gái ở vùng sâu kia và cưới Liên – một giáo viên dạy chung trường về làm vợ.

Đời sống của hai vợ chồng ngày càng khấm khá nhờ dạy thêm và anh được cất nhắc lên vị trí quản lý trong ngành giáo dục. Hiềm một nỗi hai vợ chồng không có con...

Số phận đưa đẩy cho anh gặp thằng Doanh và biết tin Hơ Niên. Anh kể lại câu chuyện này cho Liên nghe và nói ước nguyện của anh: được nuôi Doanh và giúp đỡ Hơ Niên. Thoạt đầu Liên hựt hẫng, buồn rầu, song chị suy nghĩ lại – tất cả là do xếp đặt của Bề Trên nên chị chấp nhận mong muốn của anh.

Ngày mai anh chị sẽ đưa thằng Doanh về thăm mẹ nó. Có một mùa xuân ấm áp đang về bên anh chị...

2/2013

NGUYỄN NGỌC ANH



BÓNG XƯA ...

TRẠCH AN
TRẦN HỮU HỘI

Mưa như trút nước, đứng dưới mái che của một cửa hàng dọc con đường Trần Hưng Đạo. Mấy hôm nay, kể từ ngày về, Thuấn đã qua lại khá nhiều lần bởi đây là con đường chính. Những đổi thay không làm anh ngạc nhiên mà chỉ nặng nề một cảm giác mát mát, buồn buồn..

Chỉ mới chiều hôm qua, anh đi bộ dọc con đường, nhớ lại những gì ngày ấy đã từng xảy ra với anh và Nguyệt nơi con đường thân quen này mà lòng ngồn ngộn tiếc nhớ! Anh không ngờ rằng cuối con đường này có một quán cà phê, ở đó, người con gái năm xưa khép nép, thơ ngây...với chiếc áo dài trắng muốt, mái tóc dài đen mượt như nhung...và anh, cậu trai học trò lún phún hàng ria với những nốt mụn dậy thì...đã đi lại hẹn hò, để rồi biệt cách xa không ai ngờ!

Một vài người qua đường ngoái nhìn anh vì dáng vóc khác lạ, nhìn lại mình anh cũng nhận thấy thế. Không dấu đi đâu được cái bên ngoài đổi thay bởi nhiều năm sống nơi xứ người, xa xôi và lạ lẫm ấy! Lời người bạn hôm qua vọng lại trong anh như một nhắc nhở đến thực tại: "Ừ, mi không biết Nguyệt vẫn ở đây à? Cái quán gần góc đường Trần Hưng Đạo- Quang Trung ngày xưa đó! chừ khuya rồi, mai tới đó đi!"

Cơn mưa dầm lúc nặng lúc nhẹ...xem ra khó dứt! Những cơn mưa lê thê cùng cái lạnh tê tái ngày nào hiện về trong anh, không bằng cái lạnh nơi anh đang định cư, nhưng không hiểu sao, anh so vai, cho hai tay vào túi quần, co ro như ngày nào đứng dưới hàng hiên của lớp học chờ mưa tạnh, và bên kia, Nguyệt, dù có áo mưa, cũng đang im lặng đứng chờ...!

Trong đầu anh ngồn ngang những câu hỏi về Nguyệt! - Sao cô ấy không di tản? Chồng cô ấy là ai? Có còn nhớ anh sau bấy nhiêu năm xa cách không tin thư?

Anh lại cảm thấy lạnh. Lạ, có lạnh gì bao nhiêu so với cái lạnh tuyết rơi hằng đông ở bên ấy, vậy mà anh...! Bên kia đường, có cửa hàng khép hờ cửa, anh băng qua với hy vọng mua được một cái áo mưa, hay ít ra thì một cái dù...Câu hỏi đơn giản của cô chủ làm anh vui vui như vừa tìm lại một cái gì thân thiết, mát mát từ lâu: "Chào anh, anh mua chi rứa anh?" Thuấn mỉm cười, đứng ngây ra một lát mới nói được: "Có dù không cô, bán cho tôi một cái?" Cô hàng nhanh nhay: "Dạ có, anh ở bên Mỹ về hay ở trong Nam ra?" . Gần như cùng một lúc, câu nói vừa dứt thì một chiếc dù bung ra trước mặt anh. nhưng không nhìn dù, anh cố nhìn gương mặt của cô chủ: "Sao quen thế nhỉ?". "Anh nói chi?!" cô vừa hỏi vừa nhìn anh chăm chú: "ôi chao anh Thuấn! Anh Thuấn phải không?!" . "Ừ, anh đây, Có phải Hòa không vậy?!" . " Phải!". Mắt Hòa rưng rưng, ôm lấy cánh tay anh: "Chị Nguyệt ở gần đây, anh có biết không?". Thuấn gật đầu, nghe nghèn nghẹn trong họng: "có!". Hòa gọi cô bé đang ngồi học bài ở chiếc bàn gần đó, nẩy đến giờ đang tròn mắt chứng kiến cuộc hội ngộ bất ngờ của mẹ: "Con coi nhà dùm mẹ, mẹ đưa bác Thuấn tới nhà dì Nguyệt, mẹ về liền"

Đoạn đường ngắn, những câu hỏi của Hòa lòng bùng bên tai anh. Sáng nay anh đã quên không uống thuốc ! Tim anh như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực ! Cố xua đi nỗi lo bệnh tật , Hòa qua đường , anh theo Hòa như đang trong cơn mộng du: "Chị Nguyệt ơi, có khách!"

Quán vắng ngắt, Hai người khách ngồi ở chiếc bàn ngay cửa, đưa mắt nhìn anh lạ lẫm. Từ trong, Nguyệt hiện ra lặng lẽ như một chiếc bóng: "Ai rứa hè?". Thuấn đứng im như vừa mọc lên từ nền nhà ẩm ướt , đôi mắt mờ đi kèm theo một cơn choáng ngất ngủi, môi anh bật lên một tiếng gọi mơ hồ: "Nguyệt !" Không biết có phải nhờ cách phát âm quen thuộc của bao lần gọi tên nhau trong quá khứ, đã ăn sâu vào tiềm thức chị, hay gương mặt anh , tuy đổi thay nhưng vẫn giữ được nét nào đó quen thuộc mà từ dạo cách xa chị vẫn hình dung..."Thuấn, anh Thuấn, lâu ni anh ở mô ?!" . Đôi mi nguyệt bất động, chỉ còn những giọt nước mắt lặng lẽ tuôn, làm ngộp lồng ngực bệnh hoạn của Thuấn !

Ngồi xuống bàn, Anh cẩn thận tựa lưng vào chiếc ghế ! Hòa tính tiền cho hai người khách xong cũng lặng lẽ ra về, để lại hai người...Bức trang chép lại những đóa "Hoa hướng dương" nhòe đi trước mắt anh thành một mảng màu vàng ấm đậm lung linh!

Nguyệt ngồi , hai tay gầy đan vào nhau đặt trên đôi chân bất động, gương mặt tròn , dịu dàng...xưa ấy giờ vương chút già nua qua những vết nhăn ở đuôi mắt , và mái tóc nhuộm không dấu nổi những sợi bạc ở chân tóc ! Đôi mắt Nguyệt xa xăm như đang nhìn về dĩ vãng mà thời gian đã làm cho nhạt nhòa ...

"Anh ấy đâu?" Thuấn hỏi trống không làm Nguyệt ngỡ ngác ! "Chồng em à?" Thuấn gật đầu . Nguyệt thở dài: "Chia tay hai chục năm nay rồi, em không có con...em bị bệnh !" Lồng ngực của Thuấn lại co thắt ! Anh cũng đang bệnh, nhưng căn bệnh chỉ mới phát gần đây, nó không ảnh hưởng gì đến hạnh phúc của anh, còn Nguyệt , sớm quá , nàng đã sống cô độc ngay giữa thanh xuân ! "Nguyệt ở một mình gần đây năm à?!" . " Với mẹ. mẹ mới mất hai năm nay !" Lại chìm trong im lặng, lâu sau, Nguyệt hỏi Thuấn, nghe như từ một nơi xa xăm nào đó vọng lại:" Hồi nớ, lá thư cuối cùng em nhận được là anh đang ở Quảng nam, rồi biệt tích cho đến chừ, rặng thờ ở rứa ?!"

Tim Thuấn như nát ra theo tiếng khóc râm rứt của Nguyệt. Ký ức hiện về với tiếng bom, tiếng pháo, tiếng hô xung phong...và cả nỗi sợ hãi lạnh người trước những ngọn đồi im lìm ẩn chứa chết chóc ở Quảng nam vào những ngày cuối của cuộc chiến...Rồi phi trường Đà Nẵng, chen chúc lên tàu ở Long Hải...Thuấn cứ vật vờ theo dòng người như một phản xạ tự nhiên , không ý thức được gì !!!

Bỗng thấy mình có mặt một nơi xa lạ, anh tìm quên bằng rượu, say nổi say...Nguyệt không tưởng được anh đã nhớ nhung và tiếc nuối thể nào trong nỗi tuyệt vọng ! Những tháng ngày qua đi trong sự lảm lì của anh... tưởng khó quên được ! Nhưng rồi...

Thuấn cúi mặt giấu giọt nước mắt, anh nghèn nghẹn nói: "Anh xin lỗi ! Anh không biết làm sao liên lạc với Nguyệt". lát sau, anh hỏi: "Sao Nguyệt không về ở với Hòa cho đỡ buồn ?" Nguyệt lắc đầu nhẹ nhẹ : "Em quen rồi !" Chị đứng lên như chợt nhớ: "Em quên , lấy nước cho anh nghe." . Nguyệt đi ra sau, Thuấn đứng lên bên quầy, có một bì thư nằm đó tình cờ, Thuấn móc ví , vội vàng cho vào mấy tờ giấy bạc, khi Nguyệt trở ra, đỡ ly nước trên tay, anh đặt phong bì lên mặt quầy .

"Nguyệt, sang năm anh lại về!". Cầm chiếc bì thư, Nguyệt gấp đôi bỏ lại trong túi áo của Thuấn, nhẹ nhàng đặt hai tay lên vai anh : "Nếu vì công việc thì tùy anh, nhưng nếu về với Nguyệt thì

đừng ! Hôn em đi Thuần ...hãy nhớ rằng em cũng đã từng quên anh khi quyết định lấy chồng ! Không ai sống mãi với chiếc bóng của kỷ ức , dù đẹp mấy cũng chỉ là quá khứ..." Nguyệt ôm ghì lấy anh, Thuần lịm đi trong nụ hôn dài muện màng... rồi cả hai vòng tay lơ lửng tiếc nuối!!!

Thuần hỏi như trong cơn mê : "Không gặp lại nhau nữa ư ?!" , Nguyệt gật đầu : "Không, quên nhau đi, hãy sống thật hạnh phúc ,Thuần ạ !"

Tháng VI – 2011.

TRẠCH AN TRẦN HỮU HỘI



thơ

NGUYỄN THỊ PHỤNG

BỮA NAY LẠNH...

Kỷ niệm ngày giỗ Xuân Diệu lần thứ 29

"Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm"*
Nén trầm hương nghèn nghẹn dần trôi
Mùa nhớ nhung se sắt cứ đâm chồi
Yêu biết mấy lở bồi sông cảm
Bến đò xuân nặng ân tình quê má
Thị Nại ơi, trăng ngân khúc "Nguyệt Cầm"*!...
Hương biển mặn theo từng nhịp sóng
Mỗi độ đông tràn lóng ngóng
Đời anh gánh nặng tứ thơ
Tình yêu, tình yêu có tự thuở giờ
Dạt dào dòng chảy
Nước triều hồn nhiên, trăng vàng hây hây
Riêng mình em lấy bấy đêm đông

Đêm nằm viện, 18.12.2014.

NGUYỄN THỊ PHỤNG



THIÊN ĐƯỜNG THỨ HAI

MINH NGUYỄN

Có nói quá hay không khi có một số người gọi Tam Đảo là thiên đường thứ hai?

Xét về mặt cấu tạo địa hình thì, Tam Đảo là một dãy núi được hình thành cách đây hơn hai trăm năm, do hoạt động phun trào dung nham của núi lửa qua nhiều đợt, xếp chồng lên nhau, chạy theo hướng Tây-Bắc Đông-Nam, thuộc địa bàn ba tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nhờ có độ cao cùng dốc đứng, Tam Đảo tạo nên rất nhiều suối, thác nước, rừng nguyên sinh cùng với hệ động thực vật đa dạng và phong phú.

Để rõ thực hư ra sao, tôi quyết định đến Tam Đảo một lần, tìm hiểu cho trồn vẹn lời đồn đại kia. Chợt nhớ Nhã có lần đã rủ tôi đi chơi Tam Đảo, nhưng do bận công việc tôi phải bay ngay vào trong Nam, từ đó quên luôn lời rủ rê. Không biết bây giờ Nhã có rảnh rang hay lại bận thay gia đình trông coi cái khách sạn bề thế trên Lạng Sơn? Thôi, cứ thử email hỏi cô xem có muốn tháp tùng cùng tôi đi lên Tam Đảo, khám phá “thiên đường thứ hai” như nhiều người vẫn ví von hay không? Sau một lúc do dự, Nhã từ đầu dây phía bên kia trả lời - Ok. Vậy là chúng tôi hẹn gặp nhau vào trưa hôm sau tại bến xe Vĩnh Yên, với điều kiện giờ giấc phải chính xác.

Tưởng điều kiện gì khó khăn, chứ việc hẹn hò với một cô gái xinh đẹp như Nhã thì làm sao tôi có thể bẽ trễ. Hơn nữa, do tôi biết cô có thời gian dài đi du học nhiều năm ở nước ngoài nên, việc tiếp cận tác phong công nghiệp từ các nước tiên tiến, giúp cô thay đổi phần nào quan niệm lạc hậu về giờ giấc song, tục ngữ có câu “nhập gia tùy tục”. Nghĩa là sống ở đâu phải theo phong tục tập quán nơi đó. Vì vậy, tôi không thấy phiền hà khi Nhã ra điều kiện như thế, nhưng nếu ở trong nước mà áp dụng thời gian một cách cứng nhắc quá, có khi gặp phải cảnh dở khóc dở cười như chơi. Tôi kể cho Nhã nghe chuyện đi ăn cưới vào thời @ ở Sài Gòn. Thí dụ, vào một ngày đẹp trời nào đó bạn nhận từ bạn bè tấm thiệp mời tham dự tiệc cưới. Trên thiệp có ghi rõ “trân trọng kính mời . . . vui lòng đến dự buổi tiệc rượu, chung vui cùng gia đình chúng tôi tại . . . vào lúc 17 giờ 00 ngày . . . Sự hiện diện của . . . là niềm vinh hạnh cho gia đình chúng tôi. Kính mời”. Nhưng xin bạn chớ có đại dốt hiện diện vào đúng giờ giấc ấy. Tại sao? Vì người dân ở đây có thói quen “xài” giờ cao su chứ còn gì nữa. Nếu chẳng may, bạn là người khách lịch sự đến đúng giờ hẹn như đã ghi trong thiệp mời, lúc đó bạn chỉ còn biết nghếch mặt ra chờ đợi giờ khai mạc, trong cảnh bụng sôi ùn ục vì đói meo. May lắm, tới 19 giờ hoặc hơn nữa, sau một hồi lễ lộc diễn ra tưng bừng, bạn mới được đựng tới đĩa, gắp vào chén miếng ăn đầu tiên. Nghe kể thế, từ đầu bên kia Nhã kêu chí chóe trong điện thoại “Eo ơi! Thời gian là vàng bạc, giờ giấc cao su đến thế thật là phản khoa học, là ăn bữa giỗ lố bữa cày” đấy? Biết vậy, nhưng có lố đến hàng chục bữa cày chẳng nữa, sự lạc hậu vẫn cứ được xã hội đồng tình chấp nhận, riết rồi trở thành thói quen tốt tuốt.

Mùa hè, thời tiết ở Hà Nội rất nóng, ngồi trước chiếc quạt máy vặn hết cỡ, hơi nóng cứ sầm sập phả lên người làm cho cái nóng lại càng thấy nóng hơn. Nhiều gia đình có điều kiện, vào mùa này thường chọn cho mình nơi nào có khí hậu tương đối mát mẻ để đi nghỉ dưỡng. Có lẽ, nhờ cách Hà Nội chỉ hơn tám mươi cây số đường láng bong, ngoại trừ mười mấy cây số đường đèo, Tam Đảo được coi là thiên đường tránh nóng. Vì vậy, mỗi cuối tuần chỉ cần bắt xe khách ở bến Mỹ Đình, chậm lắm cũng chỉ mất hơn hai giờ đồng hồ chạy dọc theo quốc lộ 2, vượt qua những cánh

đồng bao la sẽ dễ dàng nhận ra ba đỉnh núi Thạch Bàn, Thiên Thị, Máng Chử nhô lên như ba hòn đảo nhỏ giữa mây trời nên, được nhiều người gọi luôn nó là Tam Đảo?

Đến bến xe Vĩnh Yên, tôi gặp Nhã đúng giờ như đã hẹn. Chưa kịp hàn huyên, chuyển xe buýt số 7 đi Tam Đảo cũng vừa trờ tới. Lên xe, chạy đến cây số thứ 11, gọi bác tài dừng lại cho xuống. Từ đây, bắt xe ôm leo tiếp con đường độc đạo 2 B để lên Tam Đảo. Con đường đèo không dài, nhưng nghe thiên hạ “kháu” nhau về độ cao cùng sự nguy hiểm nơi nó, chẳng thua gì đi trên đèo Ba Vì. Con đường đi lên vừa ngoằn ngoèo, dựng đứng, gấp khúc, vừa ngập sâu trong màn mây trắng xóa. Nhìn sang hai bên, thấy một bên là vách núi, một bên là vực sâu mọc lên tua tủa những ngọn thông xanh rì, đua nhau vượt tầm cao. Có lẽ, do chưa lần nào nếm trải thú đi xe máy qua các đoạn đường đèo, một số người ngồi sau các tay lái đã phải nhắm mắt, luôn miệng cầu kinh địa tạng hoặc sợ muốn té “nước” ra quần.

Càng chạy lên cao, nhiệt độ càng thấp xuống, gây ra chứng ù tai. Bù lại, vẻ đẹp nguyên sơ của núi rừng miền trung du đẹp hút hồn người. Ngồi sau tay xe ôm quen đường, tôi yên tâm giao số phận mình cho anh ta, tha hồ thưởng thức cảnh vật đẹp tuyệt vời ở hai bên đường. Thấp thoáng bên sườn núi, những mái ngói đỏ au của những ngôi biệt thự xinh xắn, ẩn hiện trong lớp mây trắng tạo ra trong tôi thứ ảo giác như đang lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh nào đó. Chưa kịp nhìn no mắt phong cảnh tuyệt vời quanh đây, đến lúc ngẩng đầu lên đã kịp trông thấy thị trấn Tam Đảo mờ ảo hiện ra trong mây, đẹp như vườn Babilon treo cao trên chín tầng mây. Thì ra, Tam Đảo không chỉ đẹp mà còn thơ mộng chẳng thua gì một Đà Lạt phương Nam hay một Sapa bên Lào Cai do có nhiều núi non, ghềnh thác, sông suối, cho đến những khu vườn trồng cây su su bạt ngàn với màu xanh của lá. Tuy Tam Đảo chỉ là một thị trấn nằm gọn trong lòng thung lũng nhỏ, nhưng lại sở hữu vườn quốc gia thuộc vào loại lớn nhất-nhì miền Bắc. Không chỉ có vậy, Tam Đảo còn thừa hưởng không biết bao nhiêu mây là mây nên còn được ví như “thành phố trong mây”. Thật vậy, đi đến đâu cũng chỉ bắt gặp toàn mây với mây. Mây trên đầu, mây dưới chân, mây trắng xóa bên sườn núi, mây bò ngang đoạn đường đèo, mây sà xuống bên khóm hoa, mây giăng trên vai, mây chạm trên tóc, mây đậu trên giàn su su, mây đuôi theo từng bước chân đôi tình nhân, mây vương vài đôi chút mùi vị ngai ngái trong không gian làm xao xuyến hồn người. Tôi tự hỏi “phải chăng nhờ những ưu điểm có được này mà Tam Đảo trở thành thiên đường thứ hai trong mắt nhiều người”?

Leo lên hết con đèo, xe chạy đến trung tâm thị trấn Tam Đảo, dừng lại bỏ chúng tôi xuống. Trong lúc chờ lấy tiền, tay lái chở Nhã không quên trao vào tay cô cái name card có ghi số điện thoại đi động, tiếp thị dịch vụ xe ôm. Tôi cười, trêu chọc: “Người đẹp có khác, vừa chân ướt chân ráo đặt chân đến đây đã có người ngưỡng mộ xin chữ ký rồi”. Nhã cũng chẳng vừa, đối đáp lại ngay “Bộ anh ghen hay sao - Được ghen đã phúc. - Chùa hả! Ai cho anh quyền được ghen mà chưa gì đã kêu phúc với tội”?

Vừa đùa tôi vừa đeo ba-lô sau lưng, đi bộ cùng Nhã loanh quanh nơi thị trấn, khám phá thung lũng Tam Đảo ở độ cao hơn một ngàn mét so với mực nước biển. Đối với tôi hình ảnh quen thuộc bắt gặp ở bất kỳ phố núi nào cũng đều giống nhau. Từ con đường dốc cao quanh co với nhiều tầng nấc, xuất hiện cùng với lớp sương mù lãnh đãng, nghe thấy cái lạnh quanh năm mùa đông về thấm trên da thịt các cô gái cho má thêm đỏ, cho môi thêm hồng. Chẳng vì vậy, anh chàng nhà thơ lãng tử đất Quảng trong một lần bay từ Đà Nẵng lên Pleiku chơi với bạn, đã phải kêu lên “anh khách lạ đi lên đi xuống /may mà có em đời còn dễ thương”.(*) Tất nhiên, phố núi nào cũng đầy mây, đầy sương mù, đầy gió lạnh rét mướt, nhưng lại hài hòa trong sắc màu bên hàng chục loài hoa phong lan rừng nở ra thơm ngát, xen lẫn đây đó màu vàng rộm của dã quỳ tạo nên một quang cảnh vừa thơ mộng vừa kỳ vĩ xiết bao. Nhã cố đi sát vào tôi, tìm chút hơi ấm bên thứ khí hậu lạnh lẽo đang phả lên từ dưới đáy vực mà chỉ trong chốc lát đây, chúng sẽ ngưng tụ thành

những đám mây huyền ảo treo lơ lửng trên các sườn núi cao sừng sững trước mặt. “Thế nào, đã bớt lạnh hơn chưa hả cô bé - Vãn. Phải chi anh cho mượn đờ vòng tay chắc sẽ ấm hơn - Thì em cứ ôm đại cho anh nhờ, mắc chi phải mượn – Phải hỏi trước, ngộ nhỡ có ai trông thấy gọi vào trong Nam mách với chị, e sẽ gây phiền hà cho anh - Xin lỗi! Anh còn độc thân em à - Nói vậy mà không phải vậy phải không người Sài Gòn”?

Trước mắt tôi và Nhã là cây cầu cổ tuyệt đẹp, bắc qua con suối Bạc chảy róc rách dưới chân, in đậm dấu vết thời gian được nhìn thấy qua hai hàng lục bình xi măng còn sót lại bên thành cầu; tạo ra nơi tôi cái cảm giác như đang trở về với quá khứ, nhưng đi liền ngay sau đó là sự thất vọng tràn trề, bởi sự đan xen giữa quá khứ-hiện tại bỗng bị phá hỏng một cách đáng tiếc bởi bàn tay ai đó đã quét lên công trình nghệ thuật một thứ vôi vữa trắng toát, đánh mất đi giá trị thẩm mỹ vốn có từ một chiếc cầu với tuổi đời lên đến hàng trăm năm. Biết làm thế nào được, buồn, tôi đành cúi đầu giữ lấy bàn tay Nhã dẫn tới đứng cạnh thành cầu, nhìn xuống dòng nước trong vắt, nhẹ nhàng chảy lướt bên bờ đá, trước khi len lỏi trong đám lau sậy để đến với đám hoang tàn gạch đá rêu phong đổ nát, thấy mọc lên những ngôi biệt thự tráng lệ in bóng trên thềm mây, bên sườn núi hay giữa một màu xanh bạt ngàn đặc trưng của những mảnh vườn su su mà bất kỳ ai một lần ghé lên Tam Đảo đều cố mua về một ít làm quà. Đúng lúc đó, có người đàn ông lớn tuổi đi ngang, biết chúng tôi từ xa lên đây nên vui vẻ chỉ cho con đường đi đến ngôi nhà thờ cổ, xây dựng bằng đá từ thời Pháp thuộc vẫn còn tồn tại một cách nguyên vẹn. Hay quá, tôi lôi Nhã đi theo hướng có cái tháp truyền hình nằm trên đỉnh Thiên Thị làm chuẩn đi tới. Sau một hồi vật lộn trên đoạn đường trải bê tông, cuối cùng ngôi nhà thờ cổ bị bỏ hoang gồm hai tầng cũng hiện ra. Tôi leo lên cầu thang bên trái, ít bị rêu phong cây cỏ rậm rạp che phủ; trái lại, Nhã lí lắc chạy sang cầu thang bên phải, nhanh chân đợi tôi ở điểm dừng, trước khi cùng nhau tiếp tục leo lên khoảng sân khá rộng nơi tầng hai. Từ đây, nhìn ra phía trước thấy có nhiều ô cửa vòm xây theo phong cách Châu Âu, toát lên vẻ đẹp đầy thơ mộng và lãng mạn. Được biết, đây là dấu tích còn sót lại nguyên vẹn, nhờ là nơi thờ phượng tôn giáo nên được coi trọng mà không bị phá hủy. Đi rảo quanh một vòng, tôi chỉ cho Nhã thấy tấm bảng ghi chú “có thể sắp xếp chỗ ngủ miễn phí cho người nghèo”. Nhã nheo mắt nói “anh muốn đêm nay được ngủ trong sự trông nom của Chúa thì đến đó đăng ký, còn em về khách sạn vì sợ lạnh lắm”. Tưởng chúng tôi là cặp đôi đi hưởng tuần trăng mật, mấy tay nhiếp ảnh vồ vập chào mời chụp ảnh kỷ niệm. Nhã nghe mà chẳng thấy thể hiện sự bối rối, trái lại còn tỉnh bơ trêu chọc “Anh yêu! Ngôi nhà thờ đá đẹp như trong phim, sao anh không lấy máy ảnh ra chụp lấy một tấm để sau này còn hù con nít”? Đoán, bám đuôi riết chắc khó lấy được tiền cô gái lém lỉnh này, mấy tay phó nhòm chào thua, quay đi tìm mối khác cho được việc. Chỉ chờ cơ hội đó, tôi đưa Nhã leo tiếp 1400 bậc đá lên đỉnh Thiên Thị, nơi có tháp truyền hình cao gần trăm mét với bốn bề lộng gió. Tiếc cho Nhã đã phải bỏ công nài nỉ khô cả cổ nhưng mấy chàng làm việc ở đây vẫn kiên quyết không cho người lạ vào xem qua phòng máy. Không còn cách nào khác, chúng tôi leo tiếp 200 bậc thang nữa để lên đền Bà Chúa Thượng Ngàn. Ngôi đền thuộc loại cổ, nằm ven sườn núi trên một địa thế hữu tình. Đứng từ đây có thể nhìn thấy toàn bộ thị trấn bên dưới lơ lửng qua màn mây trắng. Tương truyền, bà chúa Thượng Ngàn cũng như nhiều vị thần khác được xem là hồn thiêng sông núi, có mặt khắp nơi để cứu nhân độ thế, khi ở rừng núi khi ở đồng bằng dẫn dắt con cháu từng bước tiến lên. Vì vậy, bà rất được người dân kính trọng lập bàn thờ thờ phụng ở nhiều nơi; nhất là ở miền núi hay các cửa rừng. Đặc biệt, với những dân chuyên đi rừng, muốn săn bắt, khai thác đạt kết quả mong muốn hoặc cầu xin tai qua nạn khỏi, thường đến thắp hương cầu sự che chở phù trợ nơi bà. Gần đây, nhiều người mê tin còn đến đây vái lạy bà, xin cho con cháu đi thi đỗ đạt cao, thăng quan tiến chức mau, kể cả việc cầu xin sinh con trai hay con gái.

Chờ cho Nhã thấp nhang quay ra, tôi hỏi cô vừa cầu xin bà chúa những gì? Cô cười trả lời: “Bí mật – Nghe kể, bà ở đây linh hiển lắm, cầu tình được tình cầu tài được tài. Trông sắc mặt tươi rói của em, anh đoán chắc em vừa cầu tình phải không - Ơ! Cái anh này, người ta bảo bí mật sao cứ hỏi lăm thế - Biết để anh còn giúp đỡ cho”? Bất ngờ, lúc quay sang nhìn cô, tôi vô tình bắt gặp nét

thẹn thùa cùng với đôi má ửng hồng như vừa được thoa lên lớp phấn đỏ. Xấu hổ quá, Nhã dẫu mặt sau cánh tay tôi, cùng rẽ vào con đường mòn dốc sâu dẫn xuống thung lũng. Tới cái quán nước thấy treo bảng cho thuê dép Lào, hỏi thăm mới biết đi men theo vách núi xuống 253 bậc đá tới thác Bạc. Tôi chọn thuê hai đôi dép, một cho tôi một cho Nhã, cùng mọi người đi xuống dưới thác. Không ngờ, bên dưới có mặt rất nhiều bạn trẻ đang vui đùa, bơi lội bì bõm dưới màn nước trắng xoá.

Rời đỉnh Thiên Thị về đến trung tâm thị trấn, tôi cùng Nhã đi lang thang qua những cây cầu có lối kiến trúc khá đẹp, do biết kết hợp khéo léo giữa sắt thép và đá núi. Nghe kể, ngày xưa từ cây cầu này sẽ đưa tới khu biệt thự hoành tráng gồm bể bơi, vườn chơi trẻ con, bãi đậu xe hơi, nhà hàng khách sạn Thác Bạc hay còn có tên Hotel - Restaurant de la d' Argent. Về sau, trong thời kỳ "tiêu thổ kháng chiến" chống thực dân Pháp, hàng trăm công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật lớn nhỏ tại đây hầu như đã bị phá hủy toàn bộ. Có chăng, chỉ còn hiện hữu trong tâm thức một số người lớn tuổi mỗi khi có dịp đi ngang qua những phế tích còn sót lại, được nhìn thấy với từng đồng gạch vụn, mảng tường, khu nhà bếp của khách sạn lớn nhất thời đó, đang lẫn khuất trong đám cây cỏ mọc hoang dại để mà hoài niệm .

Tối đến, khí hậu Tam Đảo trở lạnh do hơi núi ngưng tụ từ bốn phía đổ về khiến khí hậu nơi đây luôn độc đáo nhờ, một ngày trải qua đến bốn mùa. Buổi sáng thức dậy, ngồi nhâm nhi chút cà phê nóng hổi trong chiếc quán dựng cheo leo bên sườn núi, ngắm mấy khóm đỗ quyên nở rộ nghe mùa xuân đang về. Buổi trưa, may mắn lắm mới bắt gặp chút nắng hiếm hoi lách mình qua những kẽ mây nghe mùa hè thoáng hiện trong phút chốc, sau đó nhường chỗ cho buổi chiều se lạnh làm lam tím trên hai hàng bằng lăng trở hoa ven đường gợi nhớ mùa thu, để cuối cùng khi màn đêm tràn về mang theo cái lạnh lẽo giá rét của mùa đông. Nhã đi sát bên tôi, miệng luôn kêu lạnh dù đã được cảnh báo mặc thêm áo len dày cao kín cổ, nhưng thôi, đi bên người đẹp dù có bị làm nũng một chút cũng thấy đáng yêu chứ có sao đâu. Hơn nữa, do trót từ chối lời mời tham dự buổi sinh hoạt đốt lửa trại do nhóm bạn mới quen tổ chức ở sân sau khách sạn để đi bắt con muông muồn với dân địa phương. Một loại côn trùng giống như cào cào, có đầu vuông rất cứng, chuyên ăn lá cây rừng, chúng tôi đành phải từ chối khéo trong sự nuối tiếc.

Chập tối, chúng tôi chụm nón đội đầu, mang găng tay len, nai nịch gọn gàng rồi ra đi. Đến nơi, mỗi người được phát cho một chiếc thùng nhỏ, đi theo đám đông dọc hai bên đường, tìm dưới chân các cột đèn, đến các nơi công cộng. Được biết, những nơi này muông muồn thường xuất hiện rất nhiều, có đêm bắt được tới vài kí. Vì là lần đầu tiên đi bắt muông muồn nên chộp được một con cũng là kỳ công, bởi chúng nhảy nhót lung tung. May mắn, chỉ vài tiếng đồng hồ sau cả nhóm đã bắt được rất nhiều muông muồn nhốt vào thùng. Thấy chiến lợi phẩm đã tạm đủ cho một lần thực tập, tất cả dừng tay để còn về nhà trở tài nấu nướng. Muông muồn sau khi bắt về, cắt cánh, bẻ cẳng, rửa sạch, cho vô chảo dầu sôi, cho hành khô, gừng, nước mắm, chiên tới khi giòn, cho thêm lá chanh vào rồi bắt ra dùng. Thường thức món muông muồn tươi ngon ở Tam Đảo, tôi chợt nhớ chuyến đi khám phá đất nước chùa tháp - Campuchia, trên đường đến phà Neak Luông, thị trấn Skun, cạnh chợ Oxay, Russia, Ocada đâu đâu cũng thấy người ta mời chào, mua bán côn trùng chiên sẵn, ăn như món fast foot để, bò cạp, nhện đen, bọ cánh cứng, kể cả loại rắn lục được tẩm ướp màu đỏ lòm . . . vừa ăn vừa thấy run, không biết mấy món này đã chiên từ bao ngày trước? May sao, lần đó về tới nhà bình an, nhưng mấy thứ côn trùng lở mua không dám mang đi tặng ai. Nghĩ lại, càng thấy sợ vì vấn đề vệ sinh ở đây xem ra không mấy an toàn; ngược lại, muông muồn ở Tam Đảo chiên nóng hổi, giòn tan trong miệng ăn đến đâu thấy béo ngậy đến đó. Để góp vui, tôi kể lại kinh nghiệm bắt côn trùng (để) do chính mắt trông thấy, tai nghe ở Campuchia cho mọi người có mặt cùng nghe. Trước hết, người ta đóng hai thanh tre cao hai mét, ngang bốn mét, trên đó căng một tấm ni-long trắng, bên trên thấp đèn neon có ánh sáng màu tím bằng điện hay acqui. Phía dưới tấm ni-long được cuộn lại thành chiếc máng, bên trong chứa nước.

Côn trùng nhìn thấy ánh sáng bay đến, đụng tấm vải nhựa rớt xuống mảnh nước, sáng ra người ta chỉ việc thu hoạch côn trùng một cách rất nhẹ nhàng.

Không biết, khi chia sẻ kinh nghiệm bắt côn trùng ở Cam đến nay đã có ai thử áp dụng mô hình trên hay chưa? Nhưng sáng hôm sau, tôi phải gọi Nhã năm lần bảy lượt cô mới bò dậy nổi để đi ăn sáng vì đêm qua thức khuya quá. Trên đường đi, tôi đưa Nhã ghé thăm chợ quê họp ngay trung tâm thị trấn. Gọi là chợ nhưng thấy chỉ lèo tèo vài chục người dân địa phương mang sản vật tự cung tự cấp ra bày trên mấy tấm vải nhựa đặt dưới lòng đường. Nhiều nhất vẫn là món rau su su nổi tiếng ở Tam Đảo, chuối rừng, đậu rùa, cá Thính, gà đồi; riêng mấy chai lọ bằng sành không hiểu đựng thứ gì bên trong, tôi nghi chắc là rượu. Người đàn ông bán hàng vui tính, bắt mạch đúng tim đen của tôi, giới thiệu món rượu Chít ngon, bổ, khỏe, chữa được bệnh “trên bảo dưới không nghe”. Cảm giác chưa đủ độ tin trước khách hàng, ông kể trong rừng Tam Đảo cây Chít mọc rất nhiều. Cây cho lá dành để gói bánh, hoa làm chổi, thân có con sâu màu trắng dài khoảng hai đốt tay. Chính con sâu này từ xưa đến giờ vẫn được xem như biệt dược, bắt mang về cho vào chai ngâm chung với rượu khoảng một tháng thì uống được. Công dụng bổ thận tráng dương, có thể so sánh ngang hàng với đông trùng hạ thảo trên cao nguyên Tây Tạng. Cần thận hơn cầu kỳ hơn, người ta rửa sâu Chít với nước muối pha loãng, sau đó vớt ra để ráo rồi, bắt lên bếp rang chung với nếp cho tới khi cả hai vàng như nhau, kể đến đổ ra ngâm rượu cho tới khi có màu vàng, mang ra uống có mùi rất thơm. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi hỏi xem rượu Chít ăn với món đặc sản nào hợp? Để chứng tỏ mình là người hiểu khách, người đàn ông cho biết, ở các nhà hàng trên Tam Đảo; ngoài đặc sản về su su ra còn có món thịt bò tái kiến đốt, ngon rẻ hơn mấy món thịt rừng kiểu “hồn Trương Ba da hàng thịt” vì thịt rừng ở đây đã bị cấm từ lâu. Kiến đốt là sao? Có nghĩa là thịt bò sau giết mổ còn nóng, cắt thành tảng từ 1-2 kí, chọn ổ kiến to trên cây mang treo gần đây. Chọc cho lũ kiến hung dữ bung ra, bám vào tảng thịt, đốt cho thỏa thích. Sau đó, lấy thịt xuống mang đi rửa lại bằng nước muối loãng, để ráo, nướng trên bếp than hồng và thái mỏng, ăn kèm chuối chát, rau ngổ, chấm tương Bắc hay tương làm từ ngô, đậu tại địa phương có pha thêm chút đường chút gừng băm nhỏ, ăn nhớ đời.

Ăn sáng xong, xe ôm cũng vừa đỗ xích ngay cửa đón chúng tôi đi Tây Thiên như đã hẹn. Theo “Kiến Văn tiểu lục” (**) mô tả Tây Thiên “...bên dưới sắc nước như chàm, sâu thăm thẳm không thấy đáy; sườn núi có Tây Thiên cổ tự, có tre xanh, thông tốt, cảnh sắc thanh nhã, rộng rãi. Trên đỉnh có chùa Đồng Cổ, khe Trường Sinh, suối giải oan, suối Vàng, suối Bạc, hồ sen với nước luôn xanh biếc, trong hồ có thứ đá lạ và sen đỏ nở hoa bốn mùa”. Quả thực, khi đặt chân đến xã Đại Đình mới thấy đường lên Tây Thiên đi đứng không dễ dàng chi, nhưng đã lên đây thì không thể không đi hết các hệ thống đền chùa, thảo am, các thắng cảnh nổi tiếng được phân bổ hầu hết trên dãy Thạch Bàn nơi đây, cho dù phải băng rừng lội suối, vượt qua nhiều dốc cao dựng đứng đi nữa. Bởi cảnh quang thiên nhiên Tây Thiên không chỉ hùng vĩ, thơ mộng, hữu tình mà còn có giá trị về mặt tín ngưỡng, tâm linh do con người biết lợi dụng thế núi cùng bàn tay lao động sáng tạo gây dựng qua nhiều thế kỷ.

Điểm đầu tiên tôi và Nhã đặt chân tới là đền Thống hay còn gọi đền Trình. Trước đền là khoảng sân rộng, từ xa có thể nhìn thấy cây đa chín cội, vươn vai thẳng ngọn lên bầu trời, trông như một gã khổng lồ đứng thẳng đôi tay một cách oai phong, trấn giữ ngôi đền. Đi vòng ra sau, gặp suối Giải Oan chảy ngược dòng nước lên trên, gặp một con thác rồi hợp lưu tại một hồ sen, trước khi đổ vào khe có cùng tên. Tiếp tục trèo thêm mấy bậc núi, vượt qua con đường cao hơn, bắt gặp một rừng trúc bạt ngàn cùng với núi Rừng Rinh. Tới đây Nhã đủ thấm mệt, cô ngồi lại bên mô đá, lấy nước ra uống để có thêm sức đi ngược lên ba cây số tới chùa Đồng Cổ, thích thú đến ngạc nhiên khi nghe giới thiệu mọi thứ đồ vật lưu giữ tại đây đều được đúc bằng đồng. Tạm biệt chùa Đồng Cổ, rẽ phải đi thêm hai cây số chúng tôi đứng đối diện với ngôi đền Thượng Tây Thiên. Đây chính là nơi thờ Quốc Mẫu Tây Thiên - Tể tướng Tiêu. Tương truyền, bà là người xinh đẹp, giỏi

giang, có tài thao lược; từng giúp vua Hùng thứ 6, Hùng Chiêu Vương, không chỉ đánh giặc bảo vệ nước Văn Lang mà còn giúp vua mở mang bờ cõi. Xong việc lớn, bà không màng danh lợi, quay về nơi mình sinh ra, dạy dân trồng lúa, an hưởng cuộc sống thanh nhàn rồi “hóa thánh” tại đây. Để ghi nhớ công lao của bà, từ ngàn xưa người dân đã xây dựng đền thờ Quốc Mẫu ở rất nhiều nơi, chứ không riêng gì trên sườn núi Thạch Bàn-Tam Đảo này. Xuống núi, đã có xe ôm chờ sẵn mời gọi chúng tôi đến viếng thăm Trúc Lâm Thiền Viện. Nhã cảm thấy quên hết mệt nhọc, nhảy tót lên xe ôm, ngồi phía sau cho tay lái chở đi. Tôi vội vàng lên chiếc xe ôm khác đuổi theo cô chạy đến thiền viện. Từ dưới đường nhìn lên, thiền viện Tây Thiên hiện ra thật bề thế giữa núi rừng bạt ngàn nơi đây. Theo bút tích ghi dấu, thiền viện xây dựng lại vào năm 2004 trên nền ngôi chùa cổ Thiên Ân, do các nhà sư trụ trì tại đây cùng với các hoà thượng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt, đặt viên đá đầu tiên khởi công xây dựng đúng vào ngày chánh hội Tây Thiên. Được biết, đây là một trong ba thiền viện lớn nhất nước gồm: thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt, thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên Tam Đảo. Muốn đặt chân lên cổng tam quan bề thế có treo bảng “Thiền Viện Trúc Lâm Tây Thiên”, phải leo hàng chục bậc thang lộng gió lên cao. Từ cổng tam quan leo tiếp thêm nhiều bậc thang, mới chạm mặt với khu tiền sảnh rộng nguy nga của thiền viện. Đến đây, tha hồ chiêm ngưỡng những tuyệt tác do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân bậc thầy, thể hiện một cách khéo léo qua hình ảnh những mái đình lợp ngói đỏ au, uốn lượn cong vút, bay bổng bên rừng thông bạt ngàn có đến hàng trăm tuổi. Đây là lối kiến trúc tuyệt đẹp mang đậm bản sắc văn hoá Á Đông, hoàn toàn phù hợp với tinh thần dân tộc nước ta. Hiện nay, thiền viện Trúc Lâm Tam Đảo ngoài việc là trung tâm tu học lớn ở miền Bắc mà, còn là nơi được nhiều gia đình dưới Hà Nội gửi gắm con em lên đây nhờ các nhà sư dạy dỗ, tu học vào các dịp hè; thay vì tập trung ở các khoá huấn luyện quân đội.

Theo dự tính, tôi và Nhã sẽ làm một chuyến trekking từ Tây Thiên về Tam Đảo bằng con đường đi xuyên rừng nguyên sinh, nghe nói đẹp đến mê hồn, bởi nơi đây còn lại những cánh rừng chưa bị bàn tay con người can thiệp nên hiện diện nhiều loại chim, gà rừng, bướm bướm, nhất là bắt gặp những con ve to hơn ba ngón tay chập lại. Tuy nhiên, người dân địa phương lại khuyên, không nên mạo hiểm với quãng đường dài hơn mười cây số vì có rất ít người qua lại; ngoại trừ giới đi rừng chuyên nghiệp. Thế là, chúng tôi đành phải đi xe ôm về lại thị trấn, mất dịp trở tài bấm máy ghi lại các bức ảnh đẹp và nghe những tiếng ve kêu đến diết tai.

Về đến trung tâm thị trấn Tam Đảo, nhìn đồng hồ tay thấy còn sớm, tôi rủ Nhã đi thưởng thức món su su nổi tiếng, trước khi chào tạm biệt nơi này vào lúc xế trưa. Nhã đồng tình ngay vì lên Tam Đảo mà chưa đi ăn các món su su luộc chấm vừng, su su xào tỏi, su su xào tôm, su su xào trứng, su su nấu canh tôm khô; nhất là ăn món sốt su su tẩm bột chiên giòn . . . coi như chưa đặt chân đến Tam Đảo?

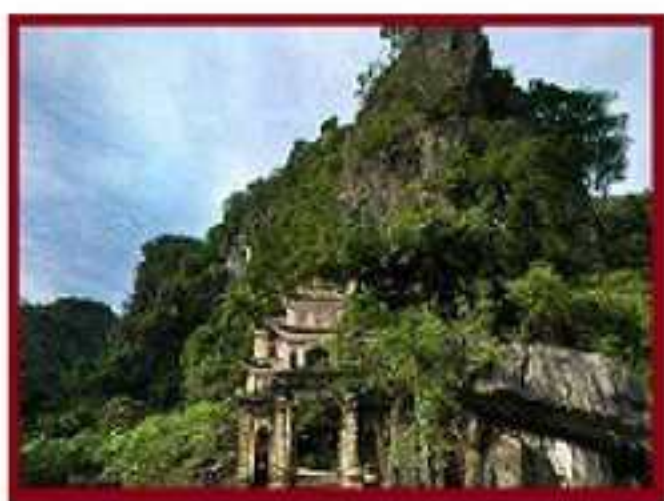
Điều này đúng hay sai để tôi còn hỏi lại Nhã khi tiễn chân cô ở bến xe Vĩnh Yên. Tuy nhiên, việc ai đó coi Tam Đảo là “thiên đường thứ hai” theo tôi nghĩ nên gọi Tam Đảo là “thành phố trong mây” có lẽ thích hợp hơn. Bởi, bầu trời quanh đây lúc nào cũng đầy ắp những tầng mây, tạo ra cho tôi cái cảm giác dễ dàng bị nuốt chửng trong nó bất kể thời gian nào trong ngày.

(*) Nhà thơ Vũ Hữu Định

(**) Sách Lê Quý Đôn

. Hình chụp của tác giả

MINH NGUYỄN



NGÔI CHÙA TRONG TÂM TƯỜNG

NGUYỄN VĂN SÂM

Bửu Ốc Tiêu vừa đi vừa đá trái cầu thẳng Đạt mới cho. Cầu vừa churen ghê, chỉ có ba miếng vảy cá còn bao nhiêu là da cắt tròn vanh thiệt khéo, da thiệt, đá êm mà đầm vô cùng, không bao giờ xệt bậy, mới thử có mấy cái mà thẳng Bửu đã cảm thấy điều khiển cầu này dễ dàng, đá một ngàn cái coi như dễ ẹt. Bốn cái lông gà thuộc loại đẹp, mới, không biết thẳng Đạt kiếm ở đâu mà đầy đủ lông tơ, chưa thấy chỗ nào xước ngược. Đá đâu độ chừng năm chục cái, và di chuyển khoảng đường chừng bằng một hơi u mọi nó đá hất trái cầu lên vai, lấy vai huých xệt ngang trước mặt thẳng Đạt, tuyên bố đồng dục:

“Tao chịu cầu này quá, từ bây giờ trở đi thẳng Đạt, thẳng Oanh, thẳng Nhân được quyền chép Toán của tao, chỉ cần tụi bây chép khác khác một chút thì được, ổng không thể nào biết đâu. Bữa nào có Toán cần nộp bài tụi bây nhớ tới trường sớm, tao đưa bài và chỉ mách lới cho chép...”

Cả bọn hoan hô nó còn hơn anh hùng thắng trận trở về sau một thời gian dài gian khổ chống ngoại xâm.

Thằng Bửu Ốc Tiêu tiếp tục đá tiếp, giữ trái cầu trên không cho đến khi tới trước nhà mình mới ngừng lại chụp trái bỏ gọn vô túi, mỉm cười tự thưởng.

Thẳng Đạt nảy giờ vẫn lẻo đẻo theo sau, nói nhỏ với Bửu:

“Tao cho mày hai chục mai ăn hủ tít, mỗi tháng cũng đều có như vậy, nhưng mà từ nay mày không được cho thẳng nào coi bài nữa ngoài mấy đứa tụi tao. Ai cũng làm bài được thì còn ai học dở, phải có đứa đội sổ mới được, tụi tao đội nhiều rồi, bây giờ phải thế vai.”

Thằng Bửu nhớ tới thằng Phan, ông già thẳng này tháng trước năn nỉ nó cắt nghĩa bài giùm giúp vì nhà nghèo thẳng con nghỉ học nhiều nên bị mất căn bản. Nếu nó học dở không lên lớp được năm nay thì bị đuổi phải ở nhà thôi. “Cháu mà giúp nhà bác thì như là cháu cất được năm bảy kiếng chùa...” Ông nói giọng tha thiết, mắt rưng rưng.

Thẳng Đạt còn nhấn mạnh: “Nếu mày giúp nó thì mỗi tháng không có hai chục, lúc tụi tao đi chơi không cho mày theo, tụi tao ăn gì mới cho mày ké chút đỉnh thôi...”

Thằng Bửu đắn đo một chút rồi gật đầu. Không giúp thẳng này thì giúp thẳng khác, có chuyện gì đâu. Mình nhà nghèo cần tiền. Nó chào thẳng Đạt, một tay mân mê trái cầu một tay cho vào túi cảm nhận xấp tiền, vừa bước vô nhà vừa hút gió một cách vô tư.

Tôi có người bác ruột, bác Ba, tu ở cái cốc trong khuôn viên nhà vốn là một khu vườn dừa rộng rãi. Hằng ngày tôi được đánh thức dậy bằng tiếng mõ lốc cốc, tiếng kệ kinh ê a của sư bác khi trời mới vừa hừng sáng. Má tôi nói sư bác trước dạy học cũng nổi tiếng trong vùng, bỗng nhiên từ nhiệm về đây dựng cốc tu hành, chắc có tâm sự gì đó. Má còn nói kệ kinh công phu sáng của sư

ít nhứt cũng đánh thức người chung quanh dậy đúng giờ, đó là chưa kể gương kiên nhẫn của sư là một bài học quý giá nên theo. Buổi chiều, trời mới chạng vạng là sư đã có thời kinh tối, chăm chỉ, không ngày nào một. Cái cốc của sư bác là nơi tôi thăm viếng khi thiếu lũ bạn cùng lứa để rong chơi ngoài đồng hay tắm sông, bể mía, lật dừa, tát đĩa, mò cá... Lần nào sư bác cũng cho trái cây cam quýt, chuối, đu đủ... chín rục có những dấu tích đổi màu do chưng hơi lâu trên bàn Phật. Nhiều khi qua cốc lúc sư đương thời kinh, tôi tự nhiên ngồi ở một mép chiếu để lắng nghe cái âm thanh huyền bí có sức ru ngủ mình với tất cả sự thích thú và lòng kiên nhẫn đợi chờ được sư bác vò đầu nói vài ba câu chuyện đời rồi cho ê hề bánh trái.

Lần nào cũng vậy trong khi chờ đợi, tôi tò mò nhìn mấy tấm tứ thời treo trên vách lá vẽ hình ông Phật ngồi nhắm mắt tham thiền hay ngắm nghía hình quỷ dữ mặt xanh nanh vàng, đầu u nắn năm bảy cục đang lấy chĩa ba đâm người hay kéo lưới bắt hòng thiên hạ. Lúc rảnh rang sư bác thường cất giọng về những bức tứ bình đó và thường nhấn mạnh bây giờ là đời mạt pháp quỷ sứ ma vương tràn đầy ngoài đường, đức Phật Bồ Tát cũng xuống thế độ nhơn nhưng ít thành công hơn thời Thượng Nguyên vì con người bây giờ làm điều xấu quá nhiều.

Tôi thắc mắc là sao ngoài đường không bao giờ thấy quỷ sứ, ma vương gì hết. Sư bác cười, vò đầu tôi hỏi: “Con có bao giờ thấy thằng ăn trộm, thằng đâm thuê giết mướn không? Nó trộm đồ mà người ta đồ biết bao nhiêu công khó mới có, nó nhận tiền người này để chém giết người kia... nhưng mặt mày nó ngoài đời cũng bình thường như chúng ta mà thôi. Đó là quỷ sứ nhập thân hay là ma vương hiện hình đó con. Thợ vẽ vẽ mặt mày ma vương có nanh vuốt là để cho dễ thấy dễ biết mà thôi, chớ thật sự quỷ sứ ma vương không khác gì người thường hết đâu con. Vậy nó mới sống chung lộn với người đời, mới hại người ta được.”

“Còn Phật thì sao sư bác? Phật có hào quang trên đầu. Phật chỉ ngồi tham thiền thôi phải không sư bác?”

“Đó là Phật ngày xưa lâu lắm rồi. Thời mạt pháp này Phật xuống thế gian ở mọi nơi, lúc nào chung quanh ta cũng có Phật, cũng có Bồ Tát giúp ta tranh đấu chống ma vương. Chỉ tại lòng ta không đủ tín thành để chấp nhận đó là Bồ Tát mà thôi.”

“sư bác nói khó quá con không hiểu.”

“Này nhe! Phật không xuống thế bằng một nhân thân, mà xuống thế thành muôn vạn người vô hình hay hữu hình ở kề bên mỗi người chúng ta. Phật trợ duyên từng người để biến người đó thành Bồ Tát trong một thời khoảng ngắn. Nếu người nào thành Bồ Tát nhiều lần, thành Bồ Tát lâu dài thì sau này khi chết sẽ được siêu độ. Nhưng bên cạnh người đó cũng có quỷ sứ, ma vương hiện diện. Nó xúi giục làm bậy như trộm cắp, láo xược, ngoại tình, gian dối, ức hiếp để dành giựt ruộng vườn nhà cửa của kẻ cô thế... nếu người nào nghe theo chúng thì biến thành ma vương một thời gian. Biến thành ma vương nhiều lần thì khi chết sẽ bị đọa địa ngục đời đời chịu khổ hình dưới âm ty không thể đầu thai.”

Tôi vùng ôm mặt khóc lớn, nước nở:

“Vậy con sẽ bị đọa địa ngục. Sư bác cứu con với. Con ăn cắp hết ba trái xoài của bà nội vú trong khạp gạo rồi đổ thừa cho thằng em con. Lần trước nài chuối sứ cũng vậy. Con cũng lén cạy ống heo của đứa em gái nữa, mỗi ngày cạy lấy một chút, con cũng bẻ trộm mía của hàng xóm, con cũng ăn hiếp thằng Tùng nhà xóm trên vì nó nhỏ hơn con.”

Sư bác tôi từ tốn giải thích:

“Những lúc làm điều xấu như vậy con đã biến thành ma vương thời gian đó. Nếu con biết mình làm xấu mà chưa đi, mà ăn năn làm lành trở lại thì ma vương không thể dụ dỗ con để làm nô lệ cho nó nữa. Lâu ngày nó chán bỏ đi kiếm người khác để dụ dỗ hơn. Làm điều tốt thì con đã hóa thân thành Bồ Tát lúc đó. Bồ Tát hay ma vương là những trạng thái ngắn hạn trong lòng mỗi con người, không phải là trạng thái hằng cửu. Lúc làm Bồ Tát thì người ta sung sướng thơ thới lòng, mặt mày sáng sủa rạng rỡ như có hào quang tỏa ra. Lúc làm ma vương thì lòng nóng như bị thiêu đốt, khó chịu, mặt mày đăm chiêu buồn lo. Đó là lửa dục thiêu đốt lòng, đó là những u nân mọc ngược vào trong tâm não, đâm vào phía bên trong của người con.”

Tôi lý sự trả treo:

“Vậy thì con người đồng thời là Bồ Tát và ma vương?”

“Đúng vậy! Khi hành động vì người khác, mình là Bồ Tát, khi hành động có hại cho người khác để lợi cho mình, ta là ma vương. Nói là nói đơn giản như vậy, chứ hành còn hạnh nữa. Hành vi Bồ Tát nhưng tâm hạnh ma vương thì cũng là ma vương thôi. Mà thôi! Con buồn ngủ rồi, ta sẽ nói chuyện hành và hạnh trong dịp khác.

Tôi buồn ngủ thiết tình, mấy từ ngữ khó nuốt trôi như hóa thân, trạng thái ngắn hạn, trạng thái hằng cửu, lửa dục hào quang mà không thấy được, u nân mọc vào bên trong tâm não nhảy múa loạn xạ trong trí tôi.... Tôi cũng ngán ngẩm khi nghe đến các khái niệm hành và hạnh. Chúng không hấp dẫn bằng nải chuối thơm kim, mấy trái quýt và hai chén chè trên bàn Phật trước mặt đang cười cười mời gọi.

Sư bác tôi nhìn thấy ánh mắt ước muốn của cháu mình, nói trong nụ cười hiền từ:

“Con đương bị ma vương dụ dỗ đó. Bây giờ còn nhỏ thì chẳng sao đâu, ma vương chỉ dụ được những việc xấu nhỏ, nhưng đừng để ma vương có dịp lớn lên trong tâm hồn mình. Quan trọng là phải chống lại những cám dỗ của ma vương.”

Sư bác tôi đứng dậy nhón churen hạ đĩa trái cây xuống, hào phóng đưa cho đứa cháu trần tục của mình thiết nhiều quà của Phật.

Chỉ đợi có vậy, tôi kéo banh vạt áo trước ra dựng, hai tay ôm chặt, chạy u ra tuốt mé mường ngoài rìa vườn nhà nơi thường có mấy thằng bạn trang lứa tụ tập trêu ghẹo, phá phách...

“Xuống xe qua *bac* bà con cô bác ơi!” Người lơ xe vừa nhảy xuống, xe vẫn còn trờ bánh tới nhẹ, đã ca bài ca xưa cũ. “Chỉ có ông bà già là được ngồi lại trên xe, còn ai thanh niên thì xuống đi bộ qua *bac* nhe! Tới trước kia mà nhận giấy qua *bac*. ”

Mọi người lục tục xuống xe, người lếch thếch đi tìm chỗ tiểu tiện, kẻ xăm xăm vô quán kiếm chút gì đó dần bụng, giáo Bửu theo đám đông bước về phía trước, chỗ xét giấy, nơi đây thằng lơ xe đã đợi sẵn chìa cho khách của xe mình tấm giấy trả tiền qua *bac*. Giáo Bửu nhìn đoàn xe nhà binh rồi lắc đầu ngao ngán: “Điều này hai ba giờ đồng hồ nữa biết xe mình nhúc nhích được chưa. Xe nhà binh ưu tiên mà đi hành quân dài sọc như thế này qua tới bao giờ xe dân sự mới được qua.”

Anh bước vô đám đông để nghe điệu ca vọng cổ mùi tận mạng do một nghệ nhân lỡ thời đương xuống giọng xề. Nghệ nhân cụt hết hai tay tới cùi chỏ, chỉ còn lại lủng lẳng hai cánh trước. Anh ta mang trước ngực một cái lon sữa bò là chỗ đựng tiền do khách bộ hành mủi lòng thương hại bố thí cho. Cái micro được cột vô một cánh tay cụt, khi nghệ nhân cất giọng ca thì giơ lên, người cột

đã canh vừa đủ tầm cho âm thanh có thể bắt được.

Giáo Bửu hờ hững nghe, cũng băng quơ ngó người đàn bà già trước tuổi đi sau nghệ nhân, ôm cây đàn. Bỗng anh như nhảy nhồm lên hỏi lớn:

“Phải mày đó không Phan?”

“Phải! Bửu còn nhìn tôi sao? Tưởng giả bộ quên tôi rồi!”

Giáo Bửu ứa nước mắt, hai tay choàng qua ôn bạn:

“Hơn chục năm rồi mình không gặp nhau. Cuối năm học đó mình không bao giờ gặp lại bạn nữa.”

Người chung quanh tò mò nhìn sự tương phùng của hai người bạn. Người đàn bà của Phan lãnh đạm ngó bạn của chồng.

Giáo Bửu xằng xái mời hai người ghé vào quán gần đó...

Bên ly trà đá người nghệ nhân kể lại đời mình với một giọng thiết bình thường nhưng Giáo Bửu nghe như kim đâm vô tim từng cái từng cái đau điếng hồn:

“Tôi mất căn bản về Toán và Sinh ngữ, anh chỉ giùm thì biết chút chút vậy thôi, khi anh quá bận thì tôi đành chịu. Cuối năm đó thi lên lớp rớt, phải về quê làm ruộng với ông già. Anh cũng biết vùng xôi đậu mà, ban ngày bên quốc gia, ban đêm họ về, tuyên truyền, bắt lính.... Họ bắt mình theo vô bưng. Thời chiến tranh mà! Vương vô vòng thì không chuyện này cũng chuyện khác. Trong một trận chống càn, tôi bị pháo trúng... tàn phế nên được tản cư ra chợ đã năm sáu năm nay. Còn sống là may. Có người vợ chịu thương chịu khó theo mình cũng là một cái may nữa. Gặp anh, anh không sợ mất thể diện mà nhìn bạn, tôi sung sướng vô hồi. Mấy năm nay tôi sống trong bi thiết chán chường lúc nào cũng muốn rũ sạch bụi trần để ra đi. Đời mình còn gì nữa đâu để ham hồ níu kéo. Chưa làm được vì còn một mụn con thơ và người đàn bà tri kỷ.” Giọng Phan nhỏ dần như tiếng thở dài hiu hắt. Giáo Bửu nghẹn ngào ray rút trong tâm, thấy dường như mình có lỗi.

Tôi đi trả nợ cho nửa quê hương thất trận hơn mười năm trở về, ngỡ ngác giữa dòng đời bon chen xào xáo nhưng hiếm hoi chân tình với người chung quanh gần gũi. Cha tôi đã mất, sư bác cũng đã siêu linh tịnh độ hơn bảy tám năm nay rồi. Những buổi chiều buồn, tôi lang thang vô cái cóc đóng kín cửa hoang phế, phủ bụi từ ấy để tìm chút dư vị tuổi thơ. Một lần tôi tò mò mở một gói giấy dầu đặt ở cuối góc trang thờ Phật, ngoài có đề mấy chữ nắn nót: *Kính Phật A Di Đà*. Tôi mở ra, ngoài hai gói kinh còn có một gói tiền toàn giấy nhỏ một trăm, hai trăm, năm trăm, một ngàn, hai ngàn .. và một bức thơ gửi cho tôi.

Phong Điền, ngày tháng năm Duyên Lành.

Tuấn con,

Tiền này sư bác chắt mót kỳ khu hơn hai chục năm mới có được. Đổi đi đổi lại thì ra thế này, đủ để mua mười lượng vàng hay cất một kiểng chùa nho nhỏ cho Phật tử ở vùng mình có nơi tử tế đến chiêm bái đấng Từ Phụ. Đủ tiền thì sư bác thỏa mãn hạnh nguyện xây chùa đồng thời thất vọng về chính mình, té ra bao nhiêu năm nay mình lặn lội cực nhọc, mình dè xẽn khiêm cung vì

một số tiền, mình cười với tín hữu này, vâng dạ với tín hữu kia vì ngôi chùa mơ hồ trong trí.

Ngôi chùa phác họa trong tâm tưởng hướng dẫn cái hành Bồ Tát, còn cái hạnh Bồ Tát của sư bác nằm ở đâu? Cát chùa lớn rồi thì sư bác phải dính vô chuyện duy trì chùa, săn sóc chùa, phát triển chùa, sư bác sẽ sinh hoạt chùa chứ còn đâu tâm trí để tu hành kệ kinh, trau dồi đạo hạnh, sư bác sẽ làm chuyện chùa sự chứ đâu phải làm chuyện Phật sự. Cái hạnh Bồ Tát suốt đời sư bác nhắm về coi như mỗi lúc càng chạy ra xa.

Khám phá ra điều này, sư bác thấy bao nhiêu năm nay tưởng rằng mình làm đúng hóa ra sai vì thật ra chẳng qua là chạy đuổi theo con đường tu tập chấp mê hình tướng chùa lớn cảnh đẹp, chấp mê ngã mạn chùa mình chùa người. Sư bác tạ lỗi với chư Phật bằng cách trở về theo đúng lối tu chú trọng cái tâm thành tuyệt đối và lòng rộng không với những ước muốn, kể cả ước muốn thành đạo. Trong những ngày bừng sáng ý niệm này cho tới ngày được về châu Phật Tổ lòng sư bác thiết là thanh thân, vô động, vô ngã...

Số tiền này con có toàn quyền xử dụng theo ý muốn, có ích cho riêng con hay cho người khác đều được.

Nhưng con nên nhớ cái hạnh đáng quý gấp mấy lần cái hành.

Cầu nguyện đức Từ Phụ gia hộ cho con.

Thích Giác Nguyên.

Chỗ ký tên thể danh lâu ngày mực nhòe nhoẹt không đọc được, cố gắng lắm mới nhìn ra là Nguyễn Văn Bửu.

Số tiền đó má tôi chép miệng than rằng với thời giá đổi thay gia tốc, mua chưa đầy ba chỉ vàng, một cái chùa bình thường nho nhỏ ở vùng quê lúc này cũng phải tốn gấp mấy ngàn lần số đó. Ngôi nhìn gói tiền lâu ngày ảm mốc, bốc mùi tanh tanh do những bàn tay dính đầy dầu mỡ, cát đất, cá thịt của chúng sanh nghèo khổ nhưng lòng tín thành vô bờ khi cúng dường cho sư, tôi quyết định đem đốt bỏ để giải thoát hương linh sư khỏi vướng víu với nó nữa. Nơi chốn thiêng liêng kia chắc sư không còn thắc mắc về hành / hạnh, theo tôi hai khái niệm này hòa quyện lẫn nhau không có lẫn ranh phân biệt, càng biện biệt ta càng bị bủa vây không lối thoát...

Xếp bằng chỗ ngày xưa sư bác đặt bồ đoàn ngồi gõ mõ tụng kinh, tôi đốt từ từ những tấm giấy bạc thiết kia như người ta đốt giấy tiền vàng mã. Ngọn lửa xanh lân tân từ tốn ngùn cháy, liếm từ chút từ chút, mấy cái hình trên giấy bạc bỗng chốc trở nên méo mó dị dạng. Tôi chợt mơ hồ thấy nụ cười hiền từ của sư bác quanh quần đâu đây.

“Mong sư bác siêu thăng, hành và hạnh Bồ Tát chẳng qua là những điều dạy đạo lý giúp người đời sống từ bi vị tha, sư bác đã hành thiện, đã sống xứng đáng là một con người khi cố gắng thực hành một ước vọng phổ hóa đại đạo. Sư bác đáng được về cõi tịnh hằng miên viễn như một Bồ Tát....”

Victorville, CA 12/09

(Kỷ niệm buổi trà đàm tại am thất Tâm Chân)

NGUYỄN VĂN SÂM



NGỌN NÉN ẮN NẮN

KHẢI TRIỀU

VỀ THĂM QUÊ NHÀ

Trong một xã hội sau hàng chục năm chiến tranh, nạn kiều binh, quân hồi vô phùng là điều khó tránh khỏi. Vì vậy phát sinh tình trạng mất kỷ cương, pháp luật không bảo vệ được người cô thân cô thế, những kẻ có quyền thế và nhiều của cải thì sử dụng nó như một phương tiện vạn năng, để “bôi trơn” những việc làm đen tối, kể cả tội ác, thì tôi luôn hướng về mảnh đất và mái nhà cổ ba gian ngày nào, nơi tôi được sinh ra làm một người có đạo, được cư mang thời còn thơ dại, còn bé bỏng. Vì ở quê hương ấy, tôi vẫn tin sự chân thật và tình người chưa bị xã hội duy vật chất, vô thần lấn lướt tinh thần Kitô giáo, mặc dù đã có lúc một ai đó bị điều kiện hóa, đã tự hủy hoại thanh danh của mình khi có những hành động làm khổ lụy cho người này người kia. Nhưng họ là kẻ đơn độc và đã bị lên án.

Thời còn nhỏ của tôi đã gắn liền với những nơi chốn mà sau này chỉ cần nhắc lại thì tôi thấy mình được bình yên và hạnh phúc. Trước hết là Nhà chung An Mỹ, rồi Hoàng Nguyên, một ngôi trường đào tạo các linh mục, tu sĩ của địa phận Hà Nội từ 100 năm trước; Sở Kiện, Phủ Lý, lên Hà Đông, ra Hà Nội và từ nơi văn vật này, tôi rời xa tất cả vào năm 1954. Vì vậy, sau này khi thời thế đổi thay, tôi đã trở về, cho dù trong tình trạng thất thế và hai bàn tay như ngày ra đi. Điều này tôi đã được bù lại nhiều hơn những gì mong đợi, sau nhiều lần trở về và có lẽ còn nhiều hơn nếu như tôi ở lại. Tôi càng xác tín điều này một cách cụ thể hơn là việc tôi đã hoàn tất cuốn Gia phả của 5 Chi tộc họ Nguyễn chúng tôi vào cuối năm 2013. Đây là công trình có nhiều người cộng tác với tôi, vì biết việc này phức tạp và khó khăn, lại nữa nó là bước đầu tiên của một dòng họ có một lịch sử lâu đời, đã sống, xây dựng và phát triển, cách riêng về mặt tinh thần, trên miền đất cổ Đồng Bằng Sông Hồng.

Trong mười lần trở về, có một lần tôi đã ghi lại trong một tập truyện ký, dịp khánh thành ngôi nhà thờ làng tôi trùng tu, từ năm 1995-1997. Lần khác là cuối năm 2003, trở về ăn Tết nhân kỷ niệm 50 năm tôi rời xa quê nhà. Lần này tôi cũng đã ghi lại trong một tâm bút, đăng tải trên newvietart.com, ngày 20-11-2009. Dưới đây tôi chỉ ghi lại lần trở về đầu tiên vào năm 1980, sau đó là Hà Đông và Hoàng Nguyên năm 1997.

NHỮNG CHUYỆN VUI BUỒN

Lần trở về đầu tiên, sau 26 năm nổi trôi trên dòng đời, buồn nhiều hơn vui. Trở về, nơi tôi đã để lại một nóm ruột lúc chào đời. Trở về, với mái nhà thân yêu của mình, nhưng phải mang theo trong mình tấm giấy “bảo lãnh” của người nhà, mới được đặt chân lên mảnh đất thiêng liêng của Tổ tiên! Đó là điều kiện của thời thế, như thế mình không cùng một Tổ quốc, nhưng như một kẻ xa lạ, một người bên ngoài, không chung một giàn.

Tôi trở về trong tình cảnh thất thế, lẻ loi, cô đơn và trên hết: một người con lạc đàn, không cùng số phận lao lung, không gánh chung thân phận của kiếp người trong thời chủ nghĩa...

Ngày đó, con tàu chở tôi rời ga Sài-Gòn vào một buổi chiều trong tháng 3 năm 1980. Không biết do tàu chạy chậm hay do tôi nôn nao chỉ mong sớm về tới quê, mà thời gian như không chiều một

hành khách trên tàu như tôi. Khi tàu vào ga Phủ Lý, Đồng Văn rồi Phú Xuyên, tôi đã đứng lên ngồi xuống nhiều lần, kiểm điểm hành lý chuẩn bị xuống. Mặc dù tôi đã gửi điện báo về là xuống ga Hàng Cỏ, nhưng từ lúc tàu rời ga Phú Xuyên, tôi đã nhìn ra ngoài xem có người thân nào đứng đợi ở Ngã Ba Nguộn không, vì từ chỗ này có con đường đi về quê tôi, khoảng 3km. Lúc này trời đã chạng vạng tối, nhưng cũng sắp tới ga Tía, cách Hà Nội 26km, nên tàu đã chạy chậm lại, cho nên khi đi qua Ngã Ba Nguộn, tôi đã nhìn thấy người chị và đứa cháu gái đứng ở bên đường, nhìn theo đoàn tàu đi qua. Tôi gọi tên chị song cả hai mẹ con chị không ai có dấu hiệu gì là nghe thấy. Tôi quyết định xuống ga Tía, thay vì ga Hàng Cỏ, rồi gọi xe xích lô chở tôi xuống chỗ chị tôi đang đứng.

Tới nơi, chị và cháu tôi vẫn còn đứng đó, bên kia đường. Tôi gọi tên chị hai ba lần chị mới nghe được, rồi nắm tay đứa con gái lớn chạy sang chỗ tôi. Chị hỏi: “Ông hỏi ai?” Tôi biết chị không nhận ra tôi vì trời tối và vì ngày tôi ra đi còn là một đứa em út, một chú học trò đầu đã 18 tuổi rồi, nhưng vì được bao bọc bởi tình thương trong gia đình, nên tôi vẫn thấy mình nhỏ bé, rụt rè và không suy nghĩ gì trước lúc khởi đầu cho một cuộc đời bất trắc. Nay đã vững vàng hơn, khác xa lắm ngày ấy, nên tôi nói: “Em là Tùy đây mà”. Vừa nghe tên tôi, chị ôm chầm lấy tôi, nước mắt trào ra. Rồi nắm lấy tay tôi, vừa đi vừa kể lể nỗi lòng nhớ thương suốt bao nhiêu năm trời xa cách.

Năm đó thân phụ chúng tôi còn, nên khi tới nhà chị ở đầu ngõ, chị đã nói ngay: “Phải vào nhà tổ trước, chào thầy đã. Chắc giờ này thầy cũng đang mong em lắm.” Đứa cháu đã đi đón tôi cùng với mẹ, đã chạy vào báo tin tôi về, nên lúc chị em tôi bước vào cổng sân nhà, tôi đã thấy người đang ở dưới mái hiên, tay vịn cột. Tôi vội chạy lại, ôm chầm lấy người, chỉ thốt lên được một tiếng “Thầy!”. Máy phút như thế im lặng. Những người nhà cũng đứng im chung quanh, rồi tôi dìu người vào trong nhà, cả thân mình người rung lên, bước đi không vững. Tuy vậy, trong suốt một tháng tôi ở nhà, sáng sớm nào cũng thế, khi nghe chuông nhà thờ đổ thì người trở dậy, mặc vội chiếc áo dài thâm, cầm lấy cây gậy tre rồi vào nhà thờ. Ngày nào cũng thế, cả mùa đông rét mướt và sương mù, người không bỏ một giờ kinh sáng nào bao giờ, như lời kể của anh chị tôi. Năm đó, người đã ngoài 80 tuổi, còn tôi 44, thế mà tôi không theo kịp người, mặc dù tôi đã đi thật nhanh. Có lẽ con đường đến nhà thờ đã nhập vào trái tim của người.

Từ năm 1953, cha xứ quê tôi đã đi Hà Nội bởi tình hình đất nước ngày đó đang chuyển biến từng giờ, nên cha tôi được Tòa Giám mục Hà Nội ban quyền lo việc bàn thánh, mở cửa Nhà Tạm để giáo dân châu Thánh Thể trong các ngày Chủ nhật, thứ sáu và thứ bảy đầu tháng; dạy giáo lý hôn nhân cho các thanh niên nam nữ chuẩn bị kết hôn. Khi nào hết Minh Thánh Chúa, trường hợp có linh mục về cử hành thánh lễ, cho giáo dân chịu lễ và khi nào phải thay Minh Thánh Chúa, vì để lâu sẽ mốc, người đi nơi nào có linh mục, như xuống Hoàng Nguyên, lên Bằng Sở, Hà Nội. Từ năm 1965, sau khi du học ở nước ngoài về được ít năm, cha Giuse Đích Nguyễn Ngọc Oánh về Chuôn Trung dưới hình thức quản thúc, thì cha tôi xuống đó. Nhưng một lần cán bộ yêu cầu người không được vào Chuôn, để tránh việc tiếp xúc với cha Oánh. Cha tôi nói: Tôi già rồi không đi xa được. Cán bộ bảo: Cụ phải đi lên Hà Nội, chúng tôi sẽ cấp phương tiện cho cụ đi. Cha tôi trả lời: Tôi không cần tiền. Thấy cha tôi cương quyết như vậy, họ cũng thôi không ép buộc người nữa.

Ngày tôi về đang là Mùa Chay, nên chiều ngày Thứ Năm Tuần Thánh, trong chiếc áo “Các phép”, cha tôi mở cửa Nhà Tạm để giáo dân châu Thánh Thể. Lúc người bước lên bàn thờ cũng như khi bước xuống, tôi quỳ bên dưới mà hồi hộp quá chừng, có lúc tôi toan đi lên để đỡ nâng bước chân người vì sợ người ngã. Tôi hiểu rằng người sắp ra đi.

Hai ngày sau là Lễ Vọng Phục Sinh, làng tôi không có thánh lễ, nên tôi theo người nhà và những người trong làng, cả mấy người bên họ mẹ tôi, ở ngoài Hà Thao ngoại, biết tôi về, cũng ghé nhà thăm tôi và cùng chúng tôi dõi theo ánh đèn bão vào Chuôn Trung dự thánh lễ nửa đêm. Nhà thờ nhỏ, số người dự lễ quá đông, nhưng tôi cũng lọt được vào trong lòng nhà thờ, ngồi bệt xuống đất như mọi người. Mặc dù chính quyền địa phương cấm cha Nguyễn Ngọc Oánh làm lễ trước giáo dân, song ngài không kêu gọi, nên giáo dân đến, ngài không thể đuổi họ về. Hơn nữa, bốn phận của linh mục là phải cử hành thánh lễ hằng ngày.

Ngày mới về, anh tôi đã dẫn tôi đi chào những vị có tuổi trong họ hàng, bên nội cũng như bên ngoại và một số cụ cao tuổi trong làng. Tôi cũng vào nhà thờ, nhà xứ, viếng mộ cha già Chi ở phía đầu nhà thờ. Ngài là vị linh mục đã khởi xướng công cuộc xây dựng ngôi thánh đường lớn ở làng tôi từ năm 1914, tồn tại cho đến nay.

Mùa hè năm 1954, tôi về thăm nhà rồi mấy tháng sau đó vào Sài-Gòn, nhà thờ và nhà xứ vẫn còn nguyên. Nhưng đến nay trở về, 27 năm qua đi, đứng trước khu vực của nhà xứ, từ ngoài sân nhà thờ đi vào, đột nhiên tôi dừng chân, ký ức dồn dập trở về. Không gian và những con người ngày đó mà chúng tôi chung sống, làm việc, học tập và thờ phượng. Nay, chỉ có tôi đứng lặng trên đất cũ. Tôi đã khóc nhiều. Khóc vì nhớ người xưa, khóc vì đắng cay, vì đổ vỡ. Toàn khu vực nhà xứ tan hoang. Dãy nhà cha Đố Đức Hạnh, nghĩa phụ của chúng tôi, và các cha tiền nhiệm của ngài ở, chính là ngôi nhà thờ bằng gỗ quý, mái ngói, dựng lên từ năm 1881, tức là trước khi cha già Chi xây nhà thờ lớn, chỉ còn những mảnh gạch vụn. Còn dãy nhà của thầy giáo và chúng tôi ở, là một đồng rơm to của ai để đấy; dãy nhà bếp, nhà ở của bà Đệ, ông Mỡ, những người giúp việc các cha, cũng như nhà kho, có cối giã gạo, đã đổ xuống, được che chắn hờ hững bằng mấy tấm phen làm bằng nứa. Cổng nhà xứ và bức tường nhà xứ, ngăn cách khu nhà xứ với sân nhà thờ, cũng không còn hòn gạch nào trên nền móng cũ. Ngay bên cạnh cổng nhà xứ là cây hồng có tuổi thọ, thân cao đến 10m, chúng tôi không nhìn thấy quả của nó bao giờ, mà có thì cũng không ai dám trèo lên. Nhưng đôi khi có hoa rụng, nhỏ, sắc trắng và có vị ngọt, nay không còn cả gốc.

Tôi muốn đi tới tận nơi những chỗ cũ trong nhà xứ, nhưng trước cảnh đổ vỡ này, lòng tôi chùng xuống, nỗi đau không bao giờ tôi có thể nghĩ tới, nay nó là sự thực trước mặt... Hình bóng của một vị tu sĩ mặc áo chùng thâm, tóc trắng như sương mai, đặc biệt khuôn mặt sáng ngời tinh anh... như đang lặng lẽ bước đi ngoài hành lang trước cửa phòng của ngài. Tôi chợt dạ...

Tôi không sao quên được những năm tháng cũ ở đây, dù thời gian khắc nghiệt đã muốn xóa đi tất cả. Bụi bặm của đất, bàn tay bạo tàn không thương tiếc của con người đã gây nên cảnh vật này.

Trở về lần này sau 5 năm kết thúc chiến tranh, tôi không thấy có người lạ mặt nào theo dõi, như mùa hè năm 1954. Có lẽ thế mà một cảm giác bình yên rất hiếm có trong cuộc đời tha hương của tôi từ bấy lâu nay, tôi đã đón nhận được lúc tôi đứng ở trên mảnh đất của nhà xứ. Chính xác hơn thì đó là trước cửa phòng của chúng tôi.

Một cơn gió nhẹ từ phía ao nhà xứ đưa vào, dẫn tôi lên nhà thờ phía cửa ngang.

Vừa bước vào bên trong, tôi phủ phục ngay xuống nền nhà thờ, nước mắt trào ra, nhỏ từng giọt nặng nề xuống nền đất thánh thiêng do Tổ tiên của dân làng chúng tôi, đã dày công tạo dựng. Tôi còn nhận ra một cách rõ ràng những dấu chân non của tôi ngày xưa ấy. Trên kia là ghế ngồi của riêng các chú giúp lễ chúng tôi. Cái thang phía sau bàn thờ còn đó, để lên thắp nến ở Tòa Đức Mẹ và các thánh hai bên tường gian cung thánh. Còn cái ghế dài ở giữa nhà thờ bên nam, ngay phía dưới toà giảng, cũng vẫn còn đó, mộc mạc, sơ sài. Ở đầu phía ngoài cái ghế dài này, tôi ngồi ở đó đọc sách vào các giờ kinh chiều hàng ngày.

Cuốn phim của gần 30 năm đời tôi lênh đênh giữa dòng đời gian trá và hiểm nguy, trôi qua lặng lẽ trong tâm trí tôi lúc đó, trước sự hiện hữu của Chúa Giêsu Thánh Thể trong Nhà Tạm. Tôi cảm tạ Chúa đã dẫn tôi về với gia đình, với người cha già sau bao nhiêu năm mong đợi. Nghĩ đến ngày tôi nằm trong nhà thương lao Hồng Bàng mới năm trước đó thôi, tôi như còn bàng hoàng. Bệnh tôi mặc dù đã hết, song chưa hẳn là đã hồi phục hoàn toàn. Bởi mấy ngày sau khi về nhà, một lần tôi đã ho ra một cục máu nhỏ, làm tôi choáng váng đầu óc một lúc. Nghĩ đến đây, tôi đã phó thác cho Chúa.

Sau những phút cầu nguyện, tôi đứng lên, đi chậm chậm một vòng trong lòng nhà thờ, tay chạm nhẹ vào những mảng tường bị thời gian làm xói mòn, lở loét để lộ ra gạch đỏ bên trong, những tấm cửa kính bị vỡ, khung gỗ thì hoen ố, bạc hết màu sơn, đang trong tình trạng gầy đổ. Tới chỗ

cầu thang lên gác chuông, tôi dừng lại, chân thì muốn bước lên nhưng lòng thì bảo thôi. Tôi không e ngại điều gì, mà chỉ sợ đọng đến cát bụi phủ đầy các bậc thang, in dấu chân của một đứa con xa xứ đã lâu, nay trở về, sẽ làm dậy lên dấu thời gian buồn phiền. Đứng đó mà lòng hồi tưởng xưa kia mấy chú nhỏ chúng tôi thường trèo lên các tầng trên để bắt chim sẻ, và một lần hú vía trốn lính Tây về làng...

ĐI VĨNH PHÚ

Nghỉ ở nhà mấy ngày, sau đó tôi đi Vĩnh Phú với một người chị thăm người anh trong họ, là em trai của bà, đang cải tạo ở trại Vĩnh Quang. Năm 1954, ông là sĩ quan trong quân đội Quốc gia, là “tù binh chiến tranh” trong tay quân Việt Minh, được trao đổi với tù binh bên Việt Minh theo Hiệp định Genève. Trở về với gia đình, lúc đó đã vào Sài-Gòn hết, ngoại trừ người chị ở lại, ông anh họ tôi tiếp tục phục vụ trong quân đội VNCH. Mấy năm sau này, ông đảm nhiệm chức vụ Quận trưởng, một là Quận Châu thành Bình Dương, hai là một quận ngoài Quy Nhơn. Cấp bậc của ông thời gian này là Trung tá.

Chúng tôi vừa lên tới ga Hàng Cỏ, thì tiếng hát của ca sĩ Khánh Ly vang lên một bản nhạc của Trịnh Công Sơn, trong lúc bị cấm ở Sài-Gòn. Ngày đó, xe lửa chạy tuyến đường Hà Nội-Vĩnh Phú còn chạy bằng than, vừa chạy vừa phun khói, máy nổ phành phạch, các toa tàu thì bụi bặm, thấy rất thô sơ và nghèo nàn. Dọc đường lên Vĩnh Phú, tôi nhìn thấy một tấm bảng đề hai chữ Nghĩa Lộ ở đầu một con đường dẫn vào bản. Tôi chỉ nhớ được địa danh này trong cả hai lượt đi và về, vì Nghĩa Lộ là quê hương của nhà văn Thế Phong, người đã nhận in ấn cho tôi hai tập thơ, liên tiếp trong hai năm liền, 1963 và 1964. Đó là hai tập Người Ôm Mặt Khóc và Tiếng Hát Khuẩn Trùng.



Chúng tôi lên tới Vĩnh Phú thì đã xế chiều. Sau khi trình giấy phép đi thăm, chúng tôi xuống Bến Ngọc đi dò dọc vào. Ở đó lên, chị em tôi lên xe trâu để vào trại. Lúc đó trời đã tối, chúng tôi vào nhà tạm trú nghỉ đêm. Sáng sớm hôm sau, bà chị tôi thức dậy thật sớm để làm thịt con gà mang từ nhà đi, nghĩ rằng ba chị em chúng tôi sẽ được ngồi ăn với nhau một bữa cơm ở trại tù. Tôi và người anh họ xa quê từ gần 30 năm nay rồi, còn bà chị thì ở lại với chồng và con của bà. Bây giờ mới gặp lại nhau trong tình cảnh thế này, nên giàu nghèo gì, thì bữa cơm hôm đó cũng phải có đĩa thịt gà luộc rắc lá chanh. Tất cả đều từ đồng quê thân yêu cả thôi.

Nhưng đến giờ thăm nuôi, bà chị tôi trình giấy phép thì cán bộ nói là Nguyễn Văn Bang, người nhà của bà đã chuyển trại rồi. Không thể hỏi cán bộ được câu nào, và cũng không thể hỏi được ai, một số người từ trong Sài-Gòn đi thăm nuôi người nhà, còn đau đớn hơn chúng tôi. Họ cô thân lắm, nặng nề với những thức ăn và thuốc men cho chồng, ký cốp bao nhiêu ngày tháng. Chúng tôi cũng chỉ biết nhìn nhau thông cảm và lặng lẽ ra về.

Trong lần trở ra, lúc ngồi trên đò, có một phụ nữ nói giọng khác thường, giống như người nói lắp hay nói cà lăm, song không phải thế. Chị nói mãi mới bật ra được một tiếng, nặng nề và khô cùng với nét khổ sở hiện trên khuôn mặt cơ bản. Một người ngồi cạnh chị, hỏi:

-Tại sao lại nói khổ sở thế?

Chị trả lời:

-Do...d...o...do...để...

Một bà ngồi gần chị, có vẻ hiểu chuyện, nói:

-Do kế hoạch hóa gia đình. Nhiều bà, nhiều chị mang thai bị y tá đến tận nhà, nó đẻ ra nó mổ ấy chứ. Giọng nói của chị này là biến chứng của việc đó. Nó làm cho người ta sợ không dám đẻ nữa.

Trên đường trở về Hà Nội, tàu dừng bánh ở một ga nhỏ. Tôi bước xuống tàu, vào một quán nước trong sân ga, gọi ly cà phê. Chưa uống hết một ly nhỏ thì có 3,4 thanh niên bước vào. Một cậu đi vòng trước mặt tôi ngồi ngay xuống bên cạnh, còn mấy người kia ngồi xuống bên trái tôi.

Một cảm giác bất an chợt đến trong đầu, tôi đứng lên trả tiền nước, trở lên tàu, mấy phút sau tôi vẫn chưa hết ám ảnh về mấy thanh niên kia.

Tàu đã chuyển bánh...

Lần về này, chúng tôi bị đẩy lên toa chở hàng tồi tệ, người thì nhiều hàng hóa cũng nhiều, ai ngồi đâu cứ ngồi đấy. Chị em tôi ngồi ở giữa hai bên cửa. Ai nấy hình như cảnh giác rất cao, nên lúc nào cũng ôm chặt đồ đạc của mình vào lòng. Trời đã tối, tàu lại đang vào ga, nên chạy chậm chạp, nhưng không dừng lại. Cho nên, toa chúng tôi ngồi xảy ra cảnh hỗn độn. Kẻ lên tàu, người nhảy xuống. Kẻ gian thừa lúc trời tối và lộn xộn, nhảy lên tàu cướp giật hàng hóa, quăng xuống cho đồng bọn đứng ở dưới. Bà chị tôi “ôi” lên mấy tiếng “cướp!” “cướp!”, thùng quà chị mang đi đã bị lấy mất. Tôi ngồi gần đó mà không thể có phản ứng gì.

Cảnh này vừa dứt thì cảnh khác xảy ra, bất nhẫn vô cùng.

Tàu vẫn còn chạy chậm. Ở phía cửa, có mấy thanh niên mặc quần áo bộ đội ngồi bỏ thống chân ra ngoài, choán hết lối lên xuống. Một vài cụ già bước chân lên tàu, nhưng đã bị một bộ đội đạp vào ngực làm cụ ngã ra phía sau. Còn mấy người kia vẫn ngồi im, không để cho một người nào lên.

Tận mắt nhìn thấy cảnh này, tôi lại nhớ chuyến tàu hôm trước từ ga Hàng Cỏ đi, toa tàu chúng tôi ngồi cũng đầy người, kẻ đứng người ngồi rất xô bồ. Giữa một toa tàu chở đầy những người lam lũ, quần áo bạc màu cũ kỹ, chắp vá nhiều mảnh, thì một thanh niên mặc áo sơ mi trắng, bông cát lên giọng kẻ cả. Hắn nói: “Cả nước cùng đi buôn như thế này thì làm sao mà khá được!” Liền đó, giọng một cụ già còn cứng cáp, đáp lại: “Chúng tôi không đi buôn thì lấy gì để sống?!” Người thanh niên áo trắng lại nói: “Cả nhà tôi sống được nhờ làm cơ quan.” Vừa lúc đó tàu vào ga, người thanh niên bước xuống. Cụ già lúc nãy, nói: “Giọng nói của hắn có vẻ như là đội trưởng.”

LẠI RA ĐI

Tôi không sao quên được buổi sáng hôm ấy, một buổi sáng của tháng 3 âm, trời còn những cơn gió mát dịu, êm ả ở đồng quê, nhưng bỗng dừng tại sân nhà tôi, xuất hiện một không gian thân tình kỳ lạ. Ở góc nhà và góc sân, bên cạnh cây bưởi già, những tiếng nói đầm ấm, những ánh mắt và những nụ cười nhìn tôi như để trao gửi cho tôi một tình cảm thân yêu, trước lúc tôi lại ra đi, lại rời xa họ, những người thân cận trong họ hàng nội ngoại của tôi.

Vâng, đó là một buổi sáng trong đời tôi, giữa lúc tôi là kẻ thất thế. Nhưng tôi vẫn được ôm ấp, được trao gửi thương yêu từ quê hương và họ hàng. Mọi người biết tôi sắp đi, nên đến nhà chào tôi. Trong số người có mặt, có cả người tôi không biết, vì họ sinh ra sau này; có cả bạn bè đã ở với nhau trong nhà xưa trước kia. Ai cũng muốn gặp tôi để trực tiếp nói vài lời chia tay, làm tôi không thể ngồi lâu bên cạnh cha tôi và một người anh trong họ của tôi, tóc đã bạc trắng. Người chị lớn thì kéo tôi qua nhà chị ở bên cạnh. Một bạn cũ của tôi cũng theo sang. Chị tôi phàn nàn rằng sắp đến giờ rồi, phải đi ngay. “Thôi về chào thầy đi. Chị hài lòng về em”. Thế rồi chị cầm tay tôi kéo về bên nhà, không để một giây phút nào cho bạn tôi nói. Tôi đành xin lỗi anh.

Mọi người vẫn còn đứng ở sân. Tôi bước vội vào nhà, cúi mình xuống chào cha tôi và người anh họ: “Xin thầy cho con đi!”, rồi ôm lấy người, khóc trên vai áo người. Nước mắt của người cũng rơi xuống mặt tôi. Có tiếng khóc của các chị và các cháu tôi ở trong nhà. Tôi cầm tay người đứng lên, hướng về bàn thờ Chúa, rồi lại khóc, không thể đọc được một lời kinh nào. Các chị tôi khóc lớn tiếng. Người anh họ tôi nói: “Chú ấy đi rồi chú ấy lại về. Thôi để yên cho chú ấy đi.”

Tôi bước qua ngưỡng cửa của mái nhà xưa, ra đứng dưới mái hiên, cúi chào mọi người, rồi quay về phía cha tôi đứng, bước nhanh tới ôm chầm lấy người. Các chị tôi lại khóc, gỡ tôi ra và nói: “Gần tới giờ tàu chạy rồi”, rồi kéo tôi đi. Những người có mặt lúc ấy, cũng tiễn chân tôi lên đầu làng rồi mới quay về. Các cháu tôi, một số theo tôi lên tới Ngã Ba Nguộn, một số lên xe đồ đi Hà

Nội, tàu trong sân ga chuyển bánh mới trở về.

Lúc đứng trên xe đồ, các chị và các cháu tôi vẫn khóc. Có tiếng người đàn ông nói: “Ông này đi công tác xa hay sao mà người nhà khóc mãi thế.”

Tới Văn Điển thì kẹt xe. Chị tôi đứng bên cạnh, ghé sát vào tai tôi nói nhỏ: “Em cầu nguyện đi kẻo kẹt đường thế này thì tàu nó chạy mất.” Tôi thầm thí trong lòng kinh Lạy Cha. Đọc xong thì xe chạy lại như thường, kịp giờ tàu chạy.

TÔI ĐI TÌM TÔI

Thật tình, tôi đã có ý định đi Hà Đông, vào giáo xứ Thạch Bích rồi xuống Trường Hoàng Nguyên, là những nơi tôi tha thiết đi thăm hơn cả. Nhưng lần trở về năm 1980, người nhà không muốn tôi đi. Có lẽ vì nhiều lý do mà tôi không tiện hỏi, một trong những lý do này theo tôi, là lòng người còn ngổn ngang tâm tư. Mới chỉ có 5 năm “thống nhất đất nước”. Nhưng lần trở về thứ hai để dự lễ khánh thành ngôi nhà thờ sau hai năm sửa chữa, từ 1995-1997, thì tôi đã đi thăm những nơi này với người anh em tinh thần với tôi trước kia.

Trước hết, chúng tôi vào Hà Đông, sau khi ở Tòa Giám mục Hà Nội ra.

Thời trước còn xe điện, từ Bờ Hồ vào Hà Đông là 11 cây số. Nay xe điện đã gỡ bỏ, Hà Nội mất đi một nét cũ. Chúng tôi tới nơi, đi thẳng vào sân nhà thờ, rồi vào phòng giáo xứ, lúc đó đang có mấy người ngồi uống trà. Anh Nguyễn Tùy, đi với tôi, giới thiệu là trước kia tôi học ở đây, nay từ trong Sài-Gòn ra, xin phép cho lên nhà thờ viếng Thánh Thể. Một người được gọi là thầy cầm khâu chìa khóa mở cửa phía đầu nhà thờ mời chúng tôi vào.

Ngôi nhà thờ không có gì đổi thay, chỉ có chung quanh, cả ngôi trường Minh Tân xưa kia, phía sau nhà thờ, nay không còn một nét cũ nào nữa. Con đường trước cửa trường, xưa thấy rộng rãi, nay như hẹp lại. Người và nhà cửa đã chen vào. Tôi thấy chật chội và thiếu một không gian chung quanh ngôi thánh đường.

Đứng ở cuối nhà thờ, nhìn sang nơi trước kia là trường Trung học Minh Tân, tôi nhớ đến ba hình ảnh nổi bật và cũng thân thiện nhất đối với tôi ngày đó. Một người là bạn, mấy năm trước cũng học trường Hoàng Nguyên với tôi. Nay gặp lại nhau ở phố thị, chúng tôi thường đi chơi với nhau vào ban tối, trên một vài con phố của thị xã Hà Đông. Có một ngày, anh mời tôi về nhà trọ của anh, nói rằng, anh và mẹ phải về “hậu phương”. Tôi lơ mơ nghĩ đến một miền quê nào đó, do chính quyền Việt Minh kiểm soát. Còn hai vị kia là thầy giáo. Một vị là Trần Ngọc Hiệp, xuất thân từ Trường La tinh Hoàng Nguyên, cùng lớp với anh Nguyễn Văn Thả (Sài-Gòn). Sau ngày vào Sài-Gòn, ông Trần Ngọc Hiệp là ân nhân của tôi. Người thầy thứ hai là Lăng Tuyền, giáo sư Anh văn. Thỉnh thoảng ông đưa sách Văn phạm tiếng Anh ông đang soạn cho tôi đọc, chỗ nào không hiểu thì nói cho ông biết để sửa chữa. Vì ông bảo học trò đọc sách của mình mà không hiểu là do mình.

Rời Hà Đông, chúng tôi đi Thạch Bích, một giáo xứ đông tín hữu thuộc huyện Thanh Oai, Hà Đông. Trong thời gian tôi học ở Hà Đông, Thạch Bích là một trong mấy địa điểm chúng tôi chọn làm nơi cắm trại. Giữa đồng quê yên lành, có một ngôi nhà thờ như Thạch Bích, biểu tượng của một đời sống tinh thần, hằng ngày sớm chiều, người ta tụ họp nhau lại để dâng lời ca ngợi Thiên Chúa, sao tôi thấy “đẹp” quá, thánh thiện quá. Khi tiếng chuông chiều ngân lên, là lúc người và vật đã về tổ ấm, đồng thời cũng là lúc người ta thấy an bình nhất, ấm êm nhất sau một ngày ngoài đồng ruộng.

Về tới làng thì đã xong giờ kinh chiều. Chúng tôi hẹn nhau ngày hôm sau đi xuống Hoàng Nguyên.

Ngày 12-11-1997, anh Nguyễn Tùy và tôi đi Hoàng Nguyên. Hôm trước, 11-11, lúc vào thăm Đức

Hồng y Phạm Đình Tụng tại Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, ngài nói với tôi là nên viết lại thời gian tôi học ở đó, vì đây là giai đoạn cuối cùng của nhà trường. Còn cha Cao Văn Đạt thì khi gặp lại ngài từ sau ngày nhà trường đóng cửa (năm 1952) đến nay (1997), cũng tại tòa Giám mục, cũng đã 45 năm, cha đã không quên tên tôi lại còn hỏi nhưng thật sự là nhắc nhở: “Đi Hoàng Nguyên chưa?” Cha con tôi gặp nhau chỉ trong vài phút, nhưng lời thăm hỏi và nhắc nhở ấy đã chạm đến vùng sâu trong tôi, nên tôi cảm thấy đó chính là tinh thần tu sĩ Kitô giáo. Tinh thần này đã diu dặt tôi trong suốt cuộc đời tôi, nhất là trong giai đoạn mệnh nước nổi trôi.

Lời của Đức Hồng y Phạm Đình Tụng, tôi coi là “di chúc”, còn lời nhắc nhở của cha Cao Văn Đạt, thì như lời “khuyến khích” của người anh. Vì vậy mà tôi đã đi Hoàng Nguyên hai lần, lần này với anh Tuy và lần sau, năm 2005, đi với người cháu lớn con ông anh trong Sài-Gòn, về dự lễ chịu chức linh mục của một người thân trong nhà, là thầy Trần Đình Sơn.

Được biết trường Hoàng Nguyên bắt đầu chuyển những lớp lớn lên Piô XII Hà Nội từ niên khóa 1949-1950, chỉ còn lại lớp 7A và 7B.

Trong quyển Lịch sử địa phận Hà Nội 1926-1954, Paris 1994, của Nguyễn Khắc Xuyên, chỗ này có sai biệt. Tác giả viết: “Tiểu chủng viện Hoàng Nguyên thì vẫn còn mở cửa cho tới 1949 hay 1950. Lúc đó vì sự đi lại cũng không dễ, đồng thời việc tiếp tế không đơn giản, cho nên đành phải đóng cửa. Không phải không đau lòng. Lịch sử trường Hoàng Nguyên đượm nhiều niềm vui cũng như sự đau khổ. Nó đã đóng góp vào lịch sử địa phận trong thời bình, cũng như thời bất đạo. Nhiều thừa sai ngoại quốc đã dạy học ở đây, đã xây dựng vật chất và tinh thần cho hàng giáo sĩ bản quốc.” (Sđd tr.223).

Như chúng tôi nói ở trên, niên khóa 1949-1950, Hoàng Nguyên bắt đầu chuyển những lớp lớn lên Piô XII Hà Nội, chính thức mở từ năm 1951. Tiền thân của nó là cơ sở Lacordaire. Hoàng Nguyên chỉ còn hai lớp 7A,7B. Như vậy, vẫn còn hai lớp gồm các chủng sinh, trong số này, như chúng tôi biết, đã có nhiều người là linh mục sau ngày vào Sài-Gòn. Chẳng hạn như, Lm Cao Văn Đạt, Lm Trần Văn Nghị, Lm Nguyễn Văn Luận v.v... Hoàng Nguyên chưa thật sự đóng cửa. Trường vẫn còn tiếp tục dưới một hình thức khác, như chúng tôi nói dưới đây. Cũng từ niên khóa này, cha xứ chúng tôi bắt đầu đưa hai người lớn trong chúng tôi đi trước, đó là anh Trần Đức Căn và anh Nguyễn Văn Thiện. Năm sau, 1950-1951, hai người này lên Piô XII Hà Nội, thì đến Nguyễn Văn Nhân, Phạm Văn Đánh và tôi.

Đây cũng là lần đầu tôi rời khỏi lũy tre làng đi học xa. Tôi được mẹ dẫn đi, mang theo thư của cha xứ gửi cha bề trên Giuse Kiều Năng Lợi, một linh mục khả kính, như được viết trong Nhật ký



Cây đa “giời ơi!” trên đường vào Trường La tinh Hoàng Nguyên (chụp năm 2005)

Vô đề của Đức Giám mục Hà Nội Giuse Maria Trịnh Như Khuê, sau này là Hồng y tiên khởi của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Trên đường đi, mẹ tôi ghé vào chợ Cống, hỏi tôi cần mua gì thì mẹ mua. Ngày đó tôi chẳng thấy có nhu cầu nào, ngoài những vật dụng cá nhân, như chậu rửa mặt, khăn mặt, bàn chải răng và kem đánh răng. Chậu rửa mặt thì mẹ tôi mua thứ tráng men màu trắng. Còn bút viết thì anh tôi mua trên Hà Nội cho, cây bút máy này, nhìn rõ ruột đựng mực ở bên trong. Tất cả đều mới. Mọi người trong nhà ai cũng vui vì tôi được cha xứ gửi đi Hoàng Nguyên, nơi đào tạo linh mục cho Giáo hội. Vì thế, đây là một “biến cố” lớn đối với gia đình tôi.

Ở chợ ra, mẹ con tôi lên xe đò đi xuôi xuống mạn cầu Guột, xuống xe đi vào Hoàng Nguyên phía tay trái. Trên đường đến trường, mẹ con tôi đi qua một cây đa cổ thụ, bên bờ một con sông, dưới gốc có một cái miếu. Mẹ tôi nói, đây là cây đa “giời ơi!”. Người ta nói, ở bên kia sông thỉnh thoảng có kẻ cướp sang bên này, thấy khách đi đường có tiền, nó bóp cổ chết, vứt xác xuống sông. Nạn nhân kêu lên mấy tiếng “giời ơi!” Từ đó người ta mới gọi chỗ này là thế. Bây giờ như con thấy kia, có một cái miếu thờ những vong hồn chết oan. Nghe mẹ nói, tôi cầm lấy tay người, đi sát vào người để có

chút hơi ấm.

Đến quá trưa, mẹ con tôi mới vào tới trường, sau khi đi ngang qua những con đường của đồng quê, hai bên là những ruộng lúa tươi tốt. Bước chân vào tới cổng trường, tôi đã thấy một cảnh nô nức ở trong. Trước tiên là hồ nước bên phải cổng ra vào, những chú học trò nhỏ như tôi đang vùng vẫy dưới nước. Đi thẳng vào trong là tượng Chúa Giêsu Kitô Vua, dang tay rộng, đặt trước cửa nhà cha Bề trên. Mẹ tôi cầm tay tôi dẫn vào, trao cho ngài thư của cha xứ ở nhà. Xem thư xong, ngài mỉm cười nhận tôi, hỏi mẹ tôi đi đường có mệt không. Cha Bề trên nói, ngài và cha xứ chúng tôi là chỗ quen biết, tính người nóng lắm, phải không? Cha Bề trên lại cười, nét cười hiền hậu. Rồi ngài cho người dẫn mẹ tôi xuống nhà nghỉ dành cho khách ở xa không về được trong ngày. Còn tôi thì nhập vào “gia đình” Lê Bảo Tịnh. Nhà trường lấy tên một vị thánh để đặt cho mỗi lớp học. “Gia đình” Lê Bảo Tịnh gồm những học sinh tiểu học, phải đóng học phí. Tuy nhiên, nhà trường coi chúng tôi là người đi tu, vì có cha xứ bảo trợ gửi.

Tôi đi tìm tôi, cái tôi đích thực, đã bao năm ngủ im trong cõi lòng. Sinh ra vào cuối năm 1936, chưa đầy mười tuổi, tôi nghe người thân trong nhà kể chuyện tản cư. Người ở Hà Nội về, người ở làng thì đi. Còn bọn nhi đồng chúng tôi thì được tập hợp lại. Tối đến vào sân nhà thờ tập đi tập đứng. Ai có súng dài đoản bằng cây thì mang theo, không có súng thì mang một cái gậy. Người anh rể họ Trần của tôi, ở Hà Nội về, đã để cho tôi một cây súng bằng gỗ, trông như thật. Ở nhà được một thời gian, anh ra đi. Năm 1947, anh qua đời trong khu kháng chiến. Quân đội xếp anh vào loại “tử sĩ” nên vợ con anh không được hưởng một tí gì. Sau cải cách có chia cho chị mấy sào, nhưng vụ sau họ lấy lại ngay. Đứa con trai duy nhất của anh còn bị bắt đi bộ đội. Tức giận vì bị xử ép, cậu bỏ trốn, lên tuốt biên giới. Về sau, cậu ta nhớ mẹ ở nhà, bỏ về, nhưng vẫn ẩn mặt ở đâu đó. Mẹ cậu kể với tôi, nó nghĩ mình là trai tráng sống mãi thế này nhục lắm. Nó bèn ra trình diện, nhưng dứt khoát không đi lính, vì là con một, phải có bổn phận với mẹ. Chính quyền xã đành thôi. Lúc chồng mất, chị tôi mới có 25 tuổi, nhưng dứt khoát không đi bước nữa, dù ở làng có người này người kia hỏi. Chị ở vậy nuôi con. Người con này về sau có vợ và sinh hạ được mấy con, có trai có gái. Người con trai lớn đi tu, thụ phong linh mục cuối năm 2005, đã nói trên đây, đầu năm 2007, sang Italia học, ngành Giáo phụ.

Có một lần, thầy giáo xứ tôi, xuất thân từ trường Hoàng Nguyên, bậc Kẻ giảng, tuyển tôi vào ca đoàn của giáo xứ, sau đó ông lại ra nhà, thưa chuyện với thầy mẹ tôi, xin cho tôi đi tu. Thầy mẹ tôi bàn với các anh chị tôi, lúc đó chỉ còn một người anh ở nhà, người anh thứ hai thì ở Sở Kiện, giúp cha Trần Đình Cung. Cuối cùng mọi người trong nhà chấp thuận cho tôi đi tu, vào nhà chung ở với cha Phaolô Đỗ Đức Hanh. Năm đó tôi 12 tuổi, cái tuổi hình như được ấn định theo truyền thống, cho những ai muốn đi tu.

Tôi vào ở trong Nhà chung An Mỹ được mấy năm thì thầy giáo xứ tôi bỏ nhà xứ, bỏ trường học. Ông dẫn thân vào đường chính trị, chống lại Việt Minh. Bây giờ đọc lịch sử của ngày ấy, tôi mới hiểu ra lẽ. Thời thế đẩy ông đến việc phải chọn lựa, giữa hai con đường. Một là con đường theo bậc “Kẻ giảng”, phục vụ giáo hội. Còn con đường kia đang đặt ra trước lương tâm của mỗi Kitô hữu, là họ đang phải đối diện với một thế lực biết rằng rất mạnh, và một khi thế lực này nắm trong tay quyền bính, sẽ có những hành động gây nguy hại cho giáo hội, mà họ là những đối tượng cần phải trừ khử trước tiên. Cuối cùng họ phải chọn con đường bảo vệ giáo hội, bảo vệ cả chính bản thân của họ nữa. Ngoài thầy giáo xứ này, làng tôi còn có một thầy Đại chủng sinh, lúc đó đã học năm thứ 4 trong tổng số 6 năm tại Đại chủng viện. Thân mẫu của ông thuộc họ Nguyễn chúng tôi, chi thứ nhất. Sau ngày vào Sài-Gòn, ông tham chính với chức Chánh văn phòng Sở Nghiên cứu Chính trị và Xã hội, trực thuộc Phủ Tổng thống thời Đệ I Cộng Hòa.

Trở lại việc tôi đi học ở Hoàng Nguyên từ niên khóa 1950-1951. Mặc dù chưa phải là một chủng

sinh thực sự, song mọi sinh hoạt của “gia đình” Lê Bảo Tịnh chúng tôi, cũng áp dụng như các anh lớp 7, tức là chủng sinh. Kỷ luật được coi trọng nhất. Mỗi tháng chúng tôi phải làm một tờ bích báo, làm xong thì treo lên tường ở đầu nhà. Có chấm điểm. Tôi được chọn vào ban biên tập. Ngoài ra, hàng tháng chúng tôi còn có một bảng xếp hạng về hạnh kiểm, treo bên cạnh tờ bích báo. Kỷ luật trong trường tu là một vấn đề quan trọng bậc nhất, đặt trên cả tài năng về học vấn. Trong suốt năm học đầu này, chỉ có một lần tôi ở hạng hai, một lần hạng ba. Còn lại tôi đều ở hạng nhất. Cuối năm học, trước khi đi nghỉ hè, một vài anh lớp trên chúc mừng tôi: “chú Tuy sung sướng quá, được các cha để ý đấy. Chú đứng đầu về kỷ luật”. Trong số các anh lớp trên, có Chiêu “kính trắng” là mến tôi nhất. Anh rủ tôi, mỗi tháng làm một “bó hoa thiêng liêng” dâng cho Đức Mẹ. Bó hoa này gồm nhiều hoa, nhiều màu sắc. Đó là, lần chuỗi Mân côi, châu Thánh Thể, viếng Đức Mẹ ở các tượng đài ngoài nhà thờ, tham dự thánh lễ, rước lễ, rước lễ thiêng liêng, hăm mình, hy sinh, nhịn nhục. Năm học sau, tất cả lớp anh chuyển lên Piô XII Hà Nội thì tôi không gặp lại anh nữa. Cho mãi đến thời gian sau ngày vào Sài-Gòn, chúng tôi mới lại gặp nhau. Có lần anh rủ tôi vào Tu viện Cát Minh (Dòng kín) giúp lễ. Thế rồi, lại xa nhau hàng chục năm, mãi đến sau ngày 30-4-1975, tình cờ lại gặp nhau, kể cho nhau nghe chuyện đời mình. Tôi nói, người có lòng đạo như anh, chắc hẳn là có an bình, có hạnh phúc gia đình chứ? Anh bảo, không đâu Tuy ơi! Bây giờ tôi trắng tay rồi, Có lúc mình lao đầu vào làm ăn và làm giàu, quên cả Chúa nữa. Tôi phải bỏ lại ở Đà Nẵng tất cả những gì tôi có để chạy về đây. Anh lại hẹn tôi đi tĩnh tâm ở Dòng Biển Đức nữ dưới Thủ Đức, đi Dòng Nagia một ngày, chiều đến ghé vào Dòng Thánh Thể, dự giờ nguyện kinh Phụng vụ với các Tu sĩ trong Dòng, sau đó là giờ châu Thánh Thể. Rồi, anh đưa gia đình vượt biên.

Tôi xách valy quần áo về quê nghỉ hè, mang theo sổ học bạ. Về đến nhà xứ, tôi cầm lên trình cha xứ. Ngài xem xong, nói một câu mà cho mãi đến bây giờ tôi vẫn không quên được, vì đó là lần đầu và cũng là lần duy nhất tôi được nghe ngài gọi tôi là “anh”. Vì trong cuốn sổ đó, ngoài những điểm về học tập, còn ghi về hạnh kiểm hay kỷ luật. Tổng kết lại năm học đó, tôi đứng đầu danh sách xếp hạng. Bên cạnh tên tôi, danh sách có một cột ghi tên linh mục bảo trợ. Có lẽ điều này làm ngài vui. Vì thế, người bảo tôi: “Cho anh về nhà chơi, chiều vào. Mời bà cụ vào đây.”

Tôi về nhà, thưa với mẹ là cha xứ mời mẹ vào. Mẹ tôi vào nhà xứ ngay, một lát sau trở về. Vừa thấy người bước vào đến cổng nhà, tôi thoáng thấy người có nét vui trên khuôn mặt nhăn nheo và khắc khổ vì tuổi tác. Mẹ tôi kể lại cho cả nhà nghe về việc học hành và hạnh kiểm của tôi trong năm học vừa qua. Người bảo, cha xứ mừng lắm vì tôi đã giữ kỷ luật tốt.

Phải chăng ngài hy vọng ở tôi...

Đây là lần duy nhất trong đời, tôi đã là niềm vui của cha xứ và của gia đình tôi.

Đến năm học sau, 1951-1952, hai lớp 7A, 7B chuyển lên Piô XII Hà Nội. Như thế, ở Hoàng Nguyên chỉ còn “gia đình” Lê Bảo Tịnh chúng tôi là có liên quan đến đời sống “tu trì”. Hai chữ tu trì ở đây tôi dùng tạm vậy. Vì năm đó, chúng tôi vẫn thuộc diện nội trú như mọi học sinh khác của trường. Cho nên chúng tôi chưa được chính thức là “chủng sinh”, hay gọi theo các anh lớn vẫn gọi các thành phần trong chủng viện như mình là séminarist, tuy rằng chúng tôi đã và đang được đào tạo và giáo dục ngay từ khi vào nhà chung tại xứ đạo mình, tức là trước khi vào Hoàng Nguyên. Vì thế, khi nhà trường không có chủng sinh để phục vụ bàn thờ và các việc khác, các cha đã giao các việc trên nhà thờ cho một số trong chúng tôi, bởi khi còn ở nhà với cha xứ, thường thường là chúng tôi đã làm những việc này rồi. Riêng tôi, ngày khai giảng năm học 1951-1952, tôi được chọn thay cho toàn thể học sinh của trường đứng trước mặt cha Bề trên, các cha và các thầy, đọc lời chào mừng cha Bề trên, các cha và các thầy cùng toàn thể các bạn học sinh. Tôi còn nhớ, lời chào mừng nhân ngày khai giảng niên khóa mới này, được viết trên một trang giấy, do thầy Thịnh đưa tận tay cho tôi.

Sau ngày di cư vào Sài-Gòn, tôi đã gặp lại thầy Thịnh và thầy Quý. Thầy Quý năm đó dạy lớp Nhất chúng tôi. Cả hai đã lập gia đình.

Nhưng đến một ngày, Trường Hoàng Nguyên đã thật sự chấm dứt vai trò lịch sử trăm năm của nó trong việc đào tạo nhân sự cho Giáo hội. Đó là vào một buổi sáng của Đệ nhất bán niên, nay gọi là Học kỳ I của niên khóa 1951-1952, trường có một trận thi đấu bóng chuyền giao hữu với một đội của Việt Minh. Trong thời gian thi đấu, không có chuyện gì xảy ra.. Bên cán bộ Việt Minh ra về và trường trở lại nếp sinh hoạt cũ, như ăn cơm trưa, nghỉ trưa trong không khí bình lặng cổ hữu. Sau giờ nghỉ trưa là đến giờ học, lớp nào vào lớp đó. Riêng có “gia đình” Lê Bảo Tịnh là lên Nhà Khảo học bài như mọi ngày. Nhà Khảo gần với nhà cha Bề trên. Vào khoảng 3,4 giờ chiều, cả khu vực nhà trường rộng lớn vẫn đang trong không gian yên lành, bỗng dưng ré lên những tiếng đạn bay trùm xuống trên đầu chúng tôi, liên tục trong vòng vài phút đồng hồ. Tất cả chúng tôi đều hoảng sợ, chui xuống các gầm bàn ghế, nằm rạp xuống đất. Máy quả đạn ấy không giết được ông cán bộ Việt Minh nào, mà chỉ làm thương tích vài học trò nhỏ chúng tôi và làm thiệt hại vật chất của nhà trường một tí. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng người Pháp không có chủ trương triệt hạ ngôi trường Hoàng Nguyên, khi họ chỉ bắn vài quả đạn. Việc này thật buồn.

Sau này tôi được biết, cuộc bắn phá đó do lính Pháp từ đồn Đỗ Xá thực hiện, nhằm giết mấy ông cán bộ Việt Minh đến trường đấu bóng chuyền giao hữu từ hồi sáng. Họ đã đi khỏi lâu rồi. Và biết đâu chừng, chính họ đã báo tin cho Pháp biết, trường Hoàng Nguyên có Việt Minh về!

Sau khi nhà trường trải qua những giờ phút bắn loạn của biến cố lúc chiều, buổi tối tất cả chúng tôi lên nhà thờ. Cha Bề trên Giuse Kiều Năng Lợi, một người cha rất đáng kính và thánh thiện, từ từ bước lên bục giảng. Với dáng người nhỏ bé, hiền từ, tối nay trông người trầm hẳn xuống, lời nói luôn đứt quãng, vì người khóc. Người nhắn nhủ chúng tôi vài lời:

Sáng mai các con hãy thu xếp quần áo, chăn màn, sách vở cho gọn vào va ly, khóa lại cẩn thận, bên ngoài các con nhớ đề tên, làng quê của các con, rồi mang lên nhà cha. Sau này yên hàn các con trở lại lấy. Trong các con, ai ở Hà Đông, Hà Nội thì theo các cha và thầy Thư hướng dẫn, xuống tàu về Hà Nội. Còn các con ở Hà Nam thì ra xe về. Cha sẽ cầu nguyện cho tất cả chúng con trở về quê bình yên.

Cha Bề trên dứt lời và không nói thêm được gì nữa. Người lại khóc. Chúng tôi cũng khóc. Người bước xuống bục giảng, lặng lẽ lui vào trong.

Ngày hôm sau, chúng tôi ăn bữa cơm cuối cùng ở trường rồi anh em đi tìm nhau để chia tay. Đoàn chúng tôi thuộc tỉnh Hà Đông, khoảng 20 người, theo thầy Thư đi ra đồn Mai Xá ngoài bờ sông Hồng để xuống tàu ngược lên Hà Nội. Các chú con cha Đỗ Đức Hanh, ngoài tôi ra, còn có Nguyễn Tùy, Vũ Văn Giảng và Phạm Văn Thường. Khi ra tới đồn Mai Xá, thầy Thư vào trong nói chuyện với lính Tây. Lát sau, một người lính đi ra tay cầm súng bắn mấy phát chỉ thiên để gọi tàu ghé bờ. Chúng tôi lên tàu. Hôm đó trời có trăng, tôi lên boong tàu, ra lan can đứng nhìn trăng nhìn dòng nước. Ngày mai tôi sẽ trở về quê, việc học lại dang dở.

Khoảng 10 giờ đêm, tàu cập bến. Thầy Thư dẫn chúng tôi về Nhà chung Hà Nội. Một lúc sau, tôi nghe có tiếng người đứng ở bên ngoài phòng chúng tôi, hỏi vào: “Các chú nào là con cha già Hanh thì sang bên này”. Đó là Linh mục Vũ Hải Thiện, người trong họ tôi. Thân mẫu ngài thuộc chi tộc thứ nhất họ Nguyễn. Ngài dẫn chúng tôi tới một phòng bên trường Dũng Lạc, nơi ngài dạy học. Sáng hôm sau ngài cho người dẫn chúng tôi ra bến xe Cửa Nam, lên xe về quê.

Tôi ở nhà được ít ngày thì anh tôi ở Sở Kiện về, xin cha xứ cho tôi đi với anh xuống Sở Kiện để

học..Cha xứ chấp thuận, nhưng chẳng bao lâu, ngài bảo tôi phải lên Phủ Lý, ở trong nhà xứ với cha Phạm Ngọc Biểu, là con thiêng liêng duy nhất của ngài chịu chức Linh mục. Anh Thiện cũng đã xuống Phủ Lý học rồi. Sau ngày vào Nam, cha Biểu đã về Phú Bình, Sài-Gòn, lập một trại định cư ở đó. Học ở Phủ Lý được một thời gian thì anh tôi không ở Sở Kiện nữa, anh lên Hà Đông, nhập vào cộng đoàn của cha cử Matthêô Trần Trinh Khiết. Anh lại kéo tôi lên và muốn tôi cùng vào cộng đoàn này với anh. Nhưng tôi chưa định tính được, đang trong giai đoạn trái tính trái nết, kỳ cục lắm. Vì đời sống ở cộng đoàn này khác nhiều với không khí học tập ở trường Hoàng Nguyên. Có lẽ vì vậy mà tôi trở nên khó hiểu trước con mắt của một vài người trong cộng đoàn, vì họ nhiều tuổi hơn tôi, bằng lứa tuổi với anh tôi, có người nhiều hơn .

Như thế là, những trang sách trên đây, tôi đã ghi lại ký ức tôi có về giai đoạn cuối cùng của trường Hoàng Nguyên, thường được nhắc đến là ngôi trường La tinh, nơi đào tạo các chủng sinh trở thành Linh mục. Thật là ngắn ngủi, tôi chỉ mới ở đây được hơn một niên khóa. Thế nhưng, đối với tôi, đó lại là một thời kỳ đẹp nhất, quý nhất. Đẹp và quý, chính vì nơi đây cùng với những năm sống trong Nhà chung ở quê, tôi đã có được một tinh thần, tôi gọi đây là *tinh thần tu sĩ Kitô giáo*. Phải, chính cái tinh thần này, tôi có được ở thời kỳ đẹp nhất của một con người bình thường, trong một gia đình trung lưu thuộc Đồng Bằng Sông Hồng, đã nâng đỡ tôi, giúp tôi chống chọi được với bao nhiêu gian tà trên đường đời. Đó cũng là lý do, tại sao tôi yêu quê hương tôi và yêu ngôi trường Hoàng Nguyên. Tôi nhớ hai nơi này một cách khó tả, Nhớ như nhớ một người tình diễm kiều và chung thủy, cho dù thời gian cách biệt có làm cho nhan sắc người tình nhạt phai. Mà có khi chính những nét phong trần của thời gian, lại là một ấn tượng sâu đậm nhất trong cõi lòng u hoài của những người đã sống gần nhau rồi xa nhau.

Quê hương tôi, An Mỹ, và Trường Hoàng Nguyên, là “nửa thân mình tôi”.

Đó là tâm trạng của tôi lúc đứng trước cổng trường Hoàng Nguyên vào buổi sáng ngày 12 tháng 11 năm 1997, bên cạnh tôi là anh Nguyễn Tùy và một người ở ngoài nhà xứ Hoàng Nguyên, do Linh mục chính xứ Bùi Tám nhờ hướng dẫn chúng tôi đi thăm trường cũ và đền thánh Giuse, ở bên ngoài nhà trường.

Hồ nước là nơi ngày trước chúng tôi xuống tắm, ở gần cổng trường, nên nó đập vào mắt tôi trước hết. Nước trong hồ không còn trong xanh như xưa. Các bậc gạch xuống hồ đã bị lở đi nhiều, cũng không còn nét son của ngày cũ nữa. Đi sâu vào trong, tượng Chúa Kitô Vua đang rộng tay đã không còn ở chỗ cũ. Về sau nghe nói tượng đã chuyển về trước cửa nhà thờ làng Hoàng Nguyên, từ năm nào thì không biết. Theo lời Linh mục Giuse Trần Văn Nghị (+), năm 1987, ngay sau khi ở trại cải tạo ra, cha đã về thăm Hoàng Nguyên ngay, đã thấy như thế rồi. Phía sau tượng là nhà cha Bề trên, lùi vào trong bên phải là dãy nhà “gia đình” Lê Bảo Tịnh chúng tôi và bên trái là nhà của các anh hai lớp 7, vẫn còn đó. Vào sâu bên trong nữa, những dãy nhà khác cũng thế. Nhưng lạnh lẽo, tiêu sơ và đổ vỡ nhiều. Tôi không thấy có một hình bóng người nào, mặc dù có vài chiếc quần áo phơi trước cửa nhà cha Bề trên. Nghe nói, đó là quần áo của các giáo viên đang dạy học ở đó. Chúng tôi vào nhà thờ của trường. Đột nhiên trong tôi hiện ra hình ảnh cha Bề trên Kiều Năng Lợi trong dáng dấp trầm xuống, mệt mỏi, lo âu bởi biến cố xảy ra buổi trưa hôm đó. Tôi cũng không quên khung cảnh trong nhà thờ buổi tối hôm ấy, toàn thể học sinh chúng tôi lặng lẽ nghe cha Bề trên nhắn nhủ vài lời trước khi cha con chia tay nhau vào ngày hôm sau. Tôi quỳ xuống ghế, cúi đầu khóc... Rồi trường Hoàng Nguyên, chúng tôi ra ngoài thăm đền thánh Giuse. Cả ở đây, tôi thấy như thiếu bàn chân và bàn tay của con người. Từ cánh cửa sắt cho đến các bức tường, có lẽ đã lâu lắm không được ai sơn phết lại. Nét rêu phong của thời gian buồn phiền đã phủ kín ngôi đền.

Người hỡi! Bây giờ thôi đã hết

Dấu xưa hồn cũ thấy mà đau!
Nao nao chiếc lá rơi về cội
Cảnh đó mà sao thấy vắng người?!

TIẾNG GỌI CỦA MẸ

Tôi về thăm nhà lần này vào dịp làng vào hội liên hoan, Tạ ơn, sau khi hoàn thành công trình đại tu nhà thờ. Anh tôi thì ở trong Ban hành giáo, cậu con trai của người chị mà chồng đã chết trong kháng chiến cũng ở trong ban này, tổ trưởng Tổ nhân lực, còn các cháu khác cũng đều có công việc được phân công rạch ròi liên quan đến *ngày hội thế kỷ* của làng. Cho nên cả một tuần lễ tôi có mặt ở nhà mà vẫn chưa xuống nghĩa trang viếng mộ các cụ và cha mẹ tôi được, là vì không có mặt đầy đủ con cháu nội ngoại của các ngài, có người này lại thiếu người kia. Do đó, tôi dự trù để sau khi xong việc làng rồi mới đi. Nhưng sau ngày lễ, tức ngày 11-11, chúng tôi tiễn cha Hiền lên Hà Nội để ngài trở vào Sài-Gòn, rồi tôi lại cùng một người anh em linh tông đi Hà Đông, vào Thạch Bích. Về tới làng thì đã chiều tối rồi, cũng không đi viếng phần mộ các cụ được nữa. Đến nửa đêm về sáng ngày hôm sau, 12-11, tôi còn đang ngủ trên giường, bên cạnh anh tôi, thì có tiếng gọi phát ra từ phía buồng gần giường tôi đang nằm: "*Tùy ơi!*" Tôi bật ngồi dậy, hỏi! "*Ai gọi tôi?*" Anh tôi nói: "*Không có ai gọi đâu, chú cứ ngủ đi.*" Nhưng tôi không thể nào nhắm mắt được nữa. Rõ ràng đó là tiếng gọi tôi, phát ra từ cái buồng. Cái buồng này ngày trước, lúc tôi chưa vào Nhà chung An Mỹ, là nơi tôi ở suốt mấy tuần lễ, nghe nói vì đau mắt hột. Để tránh ánh sáng, mẹ tôi bắt tôi phải ở trong buồng kín để hàng ngày vào buổi chiều, bà nhai lá trầu không, rồi lấy đầu lưởi chà đi chà lại vào tròng con mắt. Mắt tôi xót như vết thương xát muối vậy, tôi cắn răng chịu đau mà không dám khóc.

Ôi tình Mẹ! Từ ngày bước chân ly hương còn yếu ớt rời xa quê nhà, con vẫn nhớ đến Mẹ, nhớ đến những năm tháng Mẹ ngược xuôi về việc học hành của con. Có bao giờ con quên hình bóng Mẹ đâu! Cả một tuần lễ nay về thăm nhà mà con chưa đi thăm viếng phần mộ Mẹ, Cha được, vì như Mẹ biết đó, anh con này, các cháu này đều rất bận công việc trong nhà thờ, nhà xứ. Chiều hôm nay, chúng con sẽ đi thăm Cha Mẹ, Mẹ ạ!

Năm 1964, mười năm sau ngày tôi rời xa quê hương, mẹ tôi qua đời. Tôi nhận được tấm thiệp màu trắng (*) của một người cháu, có bố là tử sĩ, từ quê gửi vào. Trên tấm thiệp, cháu tôi viết: "*Ngày đưa Bà, cháu vịn vào áo quan của Bà, nhìn quanh nhìn quẩn cũng chẳng thấy hai cậu đâu. Mẹ con và dì Nhường vừa khóc Bà vừa gọi tên hai cậu...*"

Được tin trên, tôi nằm nhà suốt mấy ngày. Rồi một đêm tôi nằm mơ thấy mình đi vào một nhà thờ. Ở trên Cung thánh có đặt một cây thánh giá lớn, có hình Chúa Giêsu chịu đóng đinh, quen dùng trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh hàng năm, trước lễ Phục Sinh (PAX). Tôi quỳ gối, hôn nơi vết thương của Chúa. Bỗng chốc Chúa ngồi dậy, ôm lấy tôi. Chúa hỏi: "*Con xin điều gì?*" Tôi thưa ngay: "*Xin cho Mẹ con được về với Chúa*".

(*) Theo quy định của Hiệp định Genève (Thụy sĩ) năm 1954, giải quyết chiến tranh Việt-Pháp (1945-1954), người dân hai miền Nam-Bắc được trao đổi với nhau qua thư từ, bằng một tấm thiệp bỏ ngỏ, không có phong bì. Miền Bắc dùng màu trắng, miền Nam màu vàng.

KHẢI TRIỀU



thơ

HỒ CHÍ BỬU

NGỠ NHƯ' ...

thoáng nghe một khúc dương cầm
tưởng đâu ai đó gọi thầm tên ta
không đâu – tình chết phương xa
dẫu sao cũng một bài ca lạc loài
em đi
bóng nhỏ đèn soi
quạnh hiu một góc
lẻ loi phận mình
ta ư ?
một gã phiêu linh
yêu chi để nhớ cuộc tình
rất xa ??

HỒ CHÍ BỬU



TRẦU THẨM DUYÊN QUÊ

VŨ KIÊM NINH

Khi gió hanh đã thổi từng cơn se lạnh về trên đường phố Hà Nội, những cô gái làng Dịch Vọng quẩy gánh cốm vào ngõ mang theo hương cốm thơm, rồi những hàng trầu cau bày bán từng buồng cau quả tròn, xây xít bên nhau thành từng thành lớp, bầu trời đã có từng đôi chim bay về tránh rét phương Bắc, đó là lúc mùa cưới đã đến. Đường phố Hà Nội đôi khi có đoàn “Xích lô lộng vàng” đi hàng một nối đuôi nhau, thông thả đi như trình diễn, trên xe là các cô thanh nữ trang điểm đẹp, tà áo màu thướt tha, e lệ, hãnh diện ôm những quả gỗ sơn đỏ đựng trầu cau và đồ lễ, “họ đi dạm hỏi đấy” người hàng phố thường dừng lại nhìn theo, tấm tắc khen ngợi. Người ta khen vì mấy buồng cau to, để trùm lên chu vi quả cưới, dù đã có tấm khăn sa tanh đỏ phủ hờ, những quả cau xanh biếc, tua chùm còn nguyên sợi, như phô với mọi người về sự trinh nguyên của lễ dẫn.

Như là một sự ước lệ, từ xưa tới nay, đám cưới nào cũng dùng Trầu Cau, mọi ngày lễ tiết sang trọng, khi vui, khi buồn đều có dùng Trầu Cau.

Từ thuở còn thơ, nghe mẹ kể truyện Trầu cau: “... Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em tên là Tân và Lang, giống nhau như đúc, khi đến tuổi thanh niên hai người cùng đi học. Nhà thầy có người con gái đến tuổi cập kê, cô rất xinh đẹp, hai người cùng đem lòng yêu. Cô gái chọn người anh làm chồng, từ đó, người em thường buồn rầu chán nản, rồi một hôm bỏ về quê cũ. Không ngờ tới giữa rừng gặp suối sâu không qua được, đành đứng đó mà khóc, kiệt sức chết đi hóa thành cây cao mọc cạnh suối. Người anh không thấy em đành đi tìm, đến bờ suối không qua được, đành ngồi khóc bên gốc cây, hóa thành phiến đá ôm quanh gốc. Vợ ở nhà không thấy chồng, cô đi tìm đến bờ suối cũng không qua được, nằm ôm phiến đá mà chết hóa thành dây trầu không. Người dân ca tụng anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa, rồi một hôm vua đi qua, ngắt lá ăn với quả, nhổ nước xuống hòn đá thấy màu đỏ đẹp, bèn lệnh cho dân dùng hàng ngày để môi đỏ má hồng. Từ đó, nước ta có tục dùng Trầu Cau trong ngày cưới và ngày lễ Tết. Truyện Trầu cau là một bài học ngụ ngôn về luân lý, khi lớn lên tôi mới biết không chỉ riêng tôi mà mọi người đều biết.

Cũng từ thuở xa xưa tới nay, Trầu cau là nguồn thi hứng cho các nhà thơ sáng tác, là ý tứ trong câu ca dao, câu hát mở đầu khi trai gái gặp nhau. Tục ngữ ta có câu “miếng trầu là đầu câu chuyện”, nên miếng trầu được dùng trong mọi tình thế: không chỉ là vật giao duyên, là tri âm tri kỷ mời nhau, còn tỏ lòng biết ơn của con cháu đối với gia tiên.

Khi còn niên thiếu, tôi hay theo mẹ đến nơi có việc, bà vốn là người bán Trầu Cau ở chợ Bắc Qua nên chọn Cau chọn Trầu đều khéo. Các gia đình khi cưới vợ gả chồng cho con thường mời cụ đến bỗ Cau, tèm Trầu tiếp khách. Những ngày vui như thế, các cụ ngồi riêng một chỗ, vừa rì rầm trò chuyện vừa chọn Cau. Cành nào để vào tráp mang đi xin dâu, cành nào cắt chia trong họ... mỗi nơi các cụ lại chọn cành tương xứng cất sửa cẩn thận. Rồi mới đến bỗ Cau đám cưới. Mỗi đĩa Trầu Cau bao giờ cũng có một quả Cau ngon cắt chũm tước vỏ trở hoa rồi bỗ 6 bày bên 6 miếng Trầu tèm cánh phượng kèm miếng vỏ chay trắng hồng. Mẹ tôi giải thích: Cau cưới bày đĩa không được cắt rời miếng, mà phải để đủ 6 miếng liền nhau tượng trưng cho 6 lễ cổ truyền: Nạp thái, Ván danh, Nạp cát, Nạp trượng, Thỉnh kỳ, Thân nghinh. Bây giờ ta dồn lại chỉ có 3 lễ Giạm, Ăn

Hỏi và Thành Hôn, bót đi các thủ tục rườm rà, có câu: “Thương nhau Cau sáu bồ ba” là ý như thế.

Ngày Tết, khi cúng gia tiên các cụ lại bày nguyên canh, nguyên quả kèm với chúc Trầu cay, đuôi lá quét chút vôi hồng. Mỗi lễ một cách bày Trầu. Ngay cả khi đi tìm vợ cho con trai, có bà mẹ kỹ tính đòi được xem mặt cô dâu tương lai tằm Trầu bồ Cau để đánh giá tính tình.

Đi hội Lim, mọi người cùng xao xuyến khi nghe liền anh liền chị hát “mời Trầu”. Bài hát mời Trầu mở đầu cho một canh hát quan họ, đến khi “con nhện vương to” lại bịn rịn chia tay “người ơi, người ở đừng về”.

Ca dao cổ có bài tả cảnh gặp nhau của một cô gái đi gánh nước dưới trăng, tình cờ gặp người thanh niên, cô liền:

*Vào rừng hái quả Cau xanh
Bỏ ra làm sáu mời anh xoi trầu
Miếng trầu tằm những vôi tàu
Ở giữu đềm quế, miếng Trầu thơm cay
Trầu này dù mặn dù cay
Anh ăn một miếng cho say tấm lòng.*

Trầu Cau với tuổi trẻ là hẹn hò, là hạnh phúc lứa đôi nên khi trang trí thiếp cưới, cũng có nơi dùng hình tượng quả Cau lá Trầu. Cho dù bây giờ, ít người dùng Trầu Cau nhưng lễ đời vẫn đòi có Trầu Cau trong lễ Hỏi. Sau khi nhận lễ, nhà gái hể hả mang quả cau lá trầu đi biếu người trong họ và bạn bè thân thích báo tin con gái lấy chồng có cưới xin đầy đủ.

Trầu Cau xưa dùng khi giao tiếp từ bậc vương giả đến dân thường, gặp nhau đều có mời Trầu. Nhưng ai ăn Trầu của ai lại là một điều đả đo. Cô gái đi hái dâu sớm, gặp người bạn trai (chưa quen) mở túi lấy Trầu mời ăn. Cô đã từ chối:

*Thưa rằng bác mẹ tôi ngăn
Làm thân con gái chớ ăn Trầu người*

Làm thân con gái thì nhiều e ngại trước người lạ, nhưng cũng mạnh dạn vì tình yêu, giấu cha giấu mẹ tằm Trầu để đưa cho bạn trai, ngầm nói với bạn trai khi vào nhà, biết cách cư xử:

*Miếng Trầu có bốn chữ tòng
Xin chàng cầm lấy vào trong thăm nhà
Nào là chào mẹ chào cha
Cậu cô chú bác...mời ra xoi trầu*

Với người lao động nhai miếng Trầu làm ấm người khi ngày lạnh ra đồng cấy lúa, nên ở nông thôn, cô bác vẫn thường dùng. Có người suốt ngày bồm bồm nhai dù cả những lúc nguy nan. Trong cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, ta thường gặp hình ảnh bà má miền Nam bình tĩnh ngồi nhai Trầu trong lúc mật vụ xăm xoi khám nhà tạo nên một hình tượng bất khuất kiên trung.

Từ Bắc vào Nam đi tới đâu chúng ta cũng gặp cây Cau giàn Trầu. Hương Cau từ những buồng non mới nứt thơm ngát cả vùng, bên này cây Cau, bên kia giàn trầu quê hương “cau thôn Đoài nhớ Trầu thôn Đông”. Trầu cau có mặt mọi nơi mọi lúc trong đời sống, khi chia vui, lúc sẻ buồn, một miếng Trầu Cau nhỏ mà chứa cả đạo lý làm người, chứa cả nếp sống sinh hoạt của người dân Việt Nam, Trầu Cau là tượng trưng của quê hương Việt, không ai có thể quên.

VŨ KIÊM NINH



NHỮNG ĐOÁ HỒNG MONG MANH

PHAN

Một hôm tôi thấy người chị đứng giàn giụa nước mắt dưới căn bếp giội mưa, hứng bằng cái nón sắt méo mòn thương thảm, nhưng hai tay chị lật tĩa những cành hồng đã hết xinh tươi từ một bình hoa cũ mà theo trí nhớ rất mơ hồ của tôi ngày ấy, bình hoa có từ bó hoa bạn trai của chị đưa đến tặng. Ngay khi anh ấy ra về, chị tôi đã cắm hoa trong nước mắt vì anh đến từ già trước khi đi vượt biên. Ba ngày hai đêm sau đã nhìn chị khác xa trước đó; hay chỉ tại thiếu nụ cười luôn nở trên môi người chị vui tính, hiền lành mà trông quá héo hon; hay tại tôi ư nghĩ ngợi mà ra chuyện. Thật ra là chị của người bạn, nhưng tôi ư ở nhà bạn hơn ở nhà mình, cũng không rõ nguyên do trong thời tuổi trẻ, nhưng đã thành kỷ niệm xuôi theo dòng đời từ độ ánh trăng tan. Chị thôi ca hát và đánh đàn thùng từ dạo ấy, thôi huýt sáo ngân nga khi ngồi xắt cây chuối cho heo ăn hay nấu cơm dọn cho cả nhà vây quanh rễ cây chuối non chấm nước tương pha loãng, le hoe vài lá quế ngắt vặt ngoài vườn. Tuy không phải chị ruột nhưng tôi quý mến chị của người bạn vì tôi chỉ có những anh trai, toàn những người mang giày saut của lính nên nói tiếng trước không có tiếng sau; sút cho mày một đá là dẫu ra đó. Có lẽ vậy nên hình ảnh người chị in đậm trong tôi đến bây giờ. Có một thời như thế ở quê tôi, bình hoa không vứt bỏ khi đã héo tàn mà tĩa tốt lại để có một bình hoa hết khả năng tĩa tốt; hay người ta chỉ chưa quen với những mất mát quá lớn trong đời người miền nam nên cố lượm nhặt lại những mảnh vụn ngày tháng; những dấu tích đau buồn của nước mắt nhà tan...

Sáng nay trời đẹp sau mùa tuyết tan, đường bạch dương sương trắng nắng tràn là có thật, có tiếng xe chạy ngoài đường George Bush Highway chứ không có tiếng người xưa vọng/ một điệu Chopin với giọng đàn như thơ Tố Hữu mà thời đó phải học. Lòng riêng không hiểu nổi con người ông lấy đâu ra nhân tính để viết những câu thơ không tẻ. Hình như nguyên văn là, *em ơi Ba Lan mùa tuyết tan/ đường bạch dương sương trắng nắng tràn/ anh đi nghe tiếng người xưa vọng/ một điệu Chopin với giọng đàn...* mà hơi đâu bận tâm tới những tội đồ, thơ đẹp trong dòng thơ nước nhà thì không có sức mà nhớ: *Em lùa gió biếc vào trong tóc/ thổi lại phòng anh cả núi non...* câu thơ thuộc lòng thời đi học của Huy Cận. Ông không đi Ba Lan nên thơ không có tuyết mà có hồn. Còn bao nhiêu là thơ tình diễm lệ, *Có phải em mang trong áo bay/ hai phần gió thổi một phần mây/ hay là em gói mây trong áo/ rồi thổi cho làn áo trắng bay...* thơ Nguyễn Sa không ra hải ngoại cũng diễm tuyệt đời này qua đời khác, *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát/ bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông/ anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng/ thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng...* Sau đó, Ngô Thụy Miên phổ nhạc để cho mình Duy Trác hát bản Áo Lụa Hà Đông, nghe Duy Trác cất giọng một lần là tĩa tái trăm năm, nỗi đau dịu dàng thấm vào phế phủ, chết trong chai sầu đông không hồi tiếc; chết thật thà khi nghe tình yêu trên cây sầu đông hé nụ mà ngậm ngùi... *Em ở đâu hồi mùa thu tóc ngắn/ giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông...* những mùa thu miền viễn đi qua không gian, thời gian, như em đi qua đời anh, như ta đi qua đời nhau ngắn ngủi nhưng nỗi nhớ muôn đời những dấu chân. Không biết tình yêu từ đâu đến đất nước tôi, đất nước của chiến tranh và chia xa, *Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay/ tóc em anh sẽ gọi là mây/ ngày sau hai đứa mình xa cách/ anh vẫn được nhìn mây trắng bay...* trường liên tưởng sáng nay sức nức mùi hoa hồng mãn khai trong căn nhà tỵ nạn, bỗng lặn về không gian nghẹt thở của lịch sử quê nhà, bỗng đi tìm chiếc lá diêu bông của một thời đã qua, hay chỉ đơn giản nhớ người chị trong khát khe gia giáo của một gia đình nho giáo. Nhớ nụ hôn vội vàng của những người lính trận khi trở ra biên cương, người con gái bơ vơ

trong khói bụi trực thăng đã cất cánh thì tuổi thơ hạ tiện đã từng chứng kiến; thấy luôn cảnh trở về trên đôi nạng gỗ; thấy người thiếu phụ hoá thạch bên hòm gỗ cài hoa; thấy, anh trở về làm dang dở đời em... sau nhiều năm đi tù cải tạo của những người anh vui tính bỗng trầm ngâm khi sống sót trở về. Sao lại thấy quá nhiều từ khi tuổi đời bằng hạt gạo, để khắc cốt ghi tâm những bi thương to như hạt bắp. Có dân tộc nào đi hết cuộc chiến này qua cuộc chiến khác, để trẻ con nhớ lại thời trẻ con không có trẻ con; chỉ có những người già chưa mọc răng khôn đã chứng kiến nụ hôn thì thâm của người bỏ lại sau lưng một cuộc tình, có thể là nụ hôn đầu tiên của cuộc tình đã chết, nên, *lần đầu ta ghé môi hôn/ mấy con chim nhỏ hoảng hồn kêu... xui chứ không phải kêu vang như thơ Trần Dạ Từ* đạo họ. Không biết giờ này ông anh đó có nhìn mây trắng bay ở Paris, Hamburg, Vancouver mà nhớ một chuyện tình. Sao tôi mãi nhớ một đoạn đời... theo vật nặng sớm long lanh đã leo qua bờ giậu, lòng thật bình an mà không buồn mấy với những bầm giập thuở nhỏ làm cho người ta xem nhẹ những cú ngã về sau.

Sáng nay là ngày Lễ Tình Yêu theo tây phương, nghe nói trong nước bây giờ giới trẻ cũng hưởng ứng ngày này dữ lắm. Ai cười chê, bêu môi mặc kệ. Tôi hoan nghênh những người bạn trẻ trong nước - dù trong thâm tâm tôi cũng thấy chướng mắt với những cách thể của họ trong ngày này; nhưng thời gian sẽ gọt dũa lại những quá trớn và quá đáng về hình thức để lắng đọng nội dung, ý nghĩa. Vì tôi có đi ra nước ngoài mới biết, một đứa bé tây phương đã từng đi ăn nhà hàng với cha mẹ nhiều lần trong ngày Valentine's nên khi trưởng thành, cu cậu đi mua bó hoa, đưa bạn gái đi nhà hàng trong ngày này; hay cô bé đã đến lúc nhận bó hoa và một lời mời ăn tối ở nhà hàng nào đó, họ không quá phấn khích như các bạn trẻ trong nước mới tiếp xúc với văn minh tây phương. Cái gì cũng phải có thời gian để hội nhập; sự quá khích thực sự lại hàm chứa trong những lời trách khứ không tìm hiểu nguyên nhân; những quở trách không bị lên án, nhưng đem về, người viết có ăn năn!

Ly cà phê sáng buồn vương màu nắng, sáng Valentine's trời trong nắng đẹp; một chút gió xuân lỏn lổn về sau những lọn gió đông khắc nghiệt đã suy đồi. Sáng xuân về nghe lại tiếng chim ca sau mùa giông bão, trút bỏ được cái áo ấm nặng nề suốt mùa đông phong ba. Sáng tháng hai ngời nhìn lại mình đời đã xanh rêu trong tiếng điện thoại từ cự ly địa. "Ông ơi, đang làm gì đó, happy Valentine's..."

"You too. Happy Valentine's..."

"... nói cho tôi nghe: Ông đang làm gì?"

"Ngoài nỗi nhớ nhau trong ngày này thì tôi biết làm gì hơn nhớ bà!"

"Trời đánh người ta chết thấy thương; sao ông còn hoài?"

"Hi hi hi..."

"Tôi biết ông đang nhớ mấy con... xấu ỉn xấu ẹt, từ thời đồ đá cũn cợn của ông. Tôi gọi chúc ông Valentine's vui vẻ cả nhà. Nhớ mua hoa tặng vợ nha ông; chiều dẫn vợ con đi ăn bữa tối, rồi về đốt đèn cây mà gấu ó với nhau... hi hi... Già rồi, đừng ồn quá nha. Sáng mai còn phải đi học đi làm đó nha... Thôi, tôi muốn nói chuyện với vợ ông. Những gì phải nói với ông đã hết. Tôi thề, chưa bao giờ yêu ông."

"Nếu tôi còn hai mươi, mà phải cưới bà thì tôi tự tử!"

"Tôi không tin! Vợ ông đâu, cho tôi nói chuyện."

“Không có ở nhà.”

“... buồn quá, nên tôi nói vốc với ông cho đỡ buồn. Đang làm gì vậy?”

“Đang design một bình bông - không đựng hàng!”

“Tôi thuộc loại người đẹp, ông nói rõ ra đi cho tôi hiểu.”

“Valentine’s năm ngoái, tôi ưng bông nộm mua bình bông không kể giá. Rất tiếc không ưng cái bình sến quá. Tôi có hứa với lòng là sẽ design ra cái bình không đựng hàng, nhưng không có thời giờ. Năm nay tôi đang làm cái bình... rồi sẽ tự cắm hoa.”

“Ông tính cắm hoa gì?”

“Bà biết, nhà tôi ăn tết mừng năm. Cái ngày tên lường gạt Sài thành lừa được người con gái hứa yêu hấn dài lâu! Cái ngày quan trọng suốt đời hấn; quan trọng hơn ngày hợp thức hoá theo phong tục. Nhà tôi ăn tết mừng năm là vậy! Còn bà?”

“Buồn chết tôi, ông ơi! Hôn thứ Sáu, tôi tự đi mua cho tôi một bình bông bụi nhất nước Đức; đi mua chung với những thứ về nấu bún bò huế. Tôi đang nấu đây, bữa bún gia đình sẽ rùm beng tối nay...”

“Hạnh phúc trong tay, chúc bà toại nguyện. Tôi không biết nói chuyện lâu. Sorry. Bye. Có thể cho tôi nói thêm một lời! Cảm ơn đoá hồng còn lại xa xôi...”

Điện thoại lại reo, “Alô, ông đang làm gì đó? Tôi chỉ muốn chúc ông Valentine’s vui vẻ. Không cần chúc lại đâu ông cam. Tôi tính hôm nay không phải đi làm, tôi muốn làm bữa tiệc gia đình để đãi vợ chồng ông. Ông muốn nấu món gì thì nói đi, tôi đi chợ, rồi về nhà ông, ông nấu. Hi hi...”

“Cảm ơn lời chúc thân tình cho hết tử tế mà tôi có được. Bà làm ơn xỏ chân vô đôi dép dưới giường bà đó, đánh răng rửa mặt cũng đừng hát nữa vì mặt trời đã cao khỏi ngọn tre, đem cái xe bà lên đây cho tôi tuneup, mọi thứ đã mua và sắp mục hết rồi. Hôm nay tôi rảnh chứ từ mai là bảo vật tôi tới cuối tuần không thờ...”

“Ô-kê, nhưng nấu món gì hôm nay, ông không nói làm sao tôi đi chợ?”

“Tùy lòng hảo tâm.”

“Ô-kê, để tôi gọi qua Đức, rồi lên ông. Bye.”

Cảm ơn những đoá hồng còn lại giữa đời thường, cảm ơn bạn bè... quen biết đã xui nên trù ẻo nhau hết đời. Tôi vừa tuneup xe, vừa cưa xẻ gỗ theo design ra cái bình bông không đựng hàng, để cảm ơn em đời này vị nghĩa; vừa nấu lẩu Thái với cá kho tộ; vừa tắm mát lại tá bông hồng mua từ mừng năm tết; nhờ thời tiết lạnh nên nay mới ra dáng liêu trai; vừa viết vội mấy dòng mừng chị tôi trong ký ức không quên. Những đoá hồng mong manh - xin tạ ơn ban bố đời này.

PHAN



BẾN BÌNH YÊN

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG

Khốn nạn nhất đời hắn là sáng sớm mắt nhắm mắt mở đã nghe tiếng chửi của vợ. Từng tiếng từng âm hắn nghe rất buốt như vuốt sắt nhọn hoặc cứa thật mạnh vào vết thương mới lên da non đau thấu cả ruột gan. Chuyện có đáng gì đâu:

- Bộ đui hay sao mà không thấy ca nước pha cho con nhỏ vậy?

Vậy đó, hắn còn chưa kịp cảm nhận hết sự sáng khoái của ca nước ấm đã bị tạt cả thùng nước đá vào mặt. Lùi lui hắn lau vội bản mặt bèo nhèo như da mèo vào chiếc khăn hình như... không còn nhận ra là khăn hay nùi giẻ nữa. Chuẩn bị cười lên con ngựa sắt để bắt đầu một ngày vất vả mồ hôi và sức lực ra cơm áo thì thằng con lớn học lớp hai nhỏ nhẻ:

- Ba, cho con hai ngàn ăn sáng đi ba, có một ngàn con ăn không no...

Hắn định bảo “Ráng đi con” như hàng trăm lần vẫn nói thế nhưng chợt thấy nét mặt thằng nhỏ in chân dần chữ “đói” nên cố lục lọi hai ba chiếc túi đã dày lên vì xi măng, vôi vữa mà lúc nào nhìn vô cũng tưởng có tiền xấp xỉ, đưa thêm con trai một ngàn đồng trong “tài khoản” hai ngàn đang hiện hữu. Vậy là hôm nay hắn chỉ được ăn xôi chứ không đủ tiền uống cà phê rồi. Thật ra, một ngày hắn làm cũng được bốn chục ngàn, nhà bốn người, ngoài cơm ăn còn thuốc uống, con nít mà, bệnh đau làm sao đoán trước được. Mỗi ngày hắn chỉ cho phép mình xài hai ngàn thôi, đó là bữa “ăn sáng” và ly cà phê đen, cơm trưa thì “ký sổ” tới tuần trả. Hắn chỉ biết vắt sức ra áo cơm cho gia đình chứ không quan tâm nhiều tới chuyện vật vãnh tối hành. Cuối tuần lãnh tiền cứ đưa hết cho vợ, xong, xin lại đúng mười bốn ngàn và lời dặn phải cho con trai năm ngàn để nó đi học năm ngày trong tuần. Còn tất cả thuộc “quyền sinh sát” của vợ hắn. Vợ hắn, người đàn bà cũng biết vén khéo nhưng phải tội dữ dần nanh nọc quá. Nhiều khi hắn tự an ủi, đó là kết quả của những ngày cô ấy phải bôn ba giữa chốn sinh tồn, như hoa hồng có gai để bảo vệ cho nụ hồng xinh tươi thơm thắm. Đời hắn khổ đã đành, sao đời vợ hắn còn khổ lắm vậy, mười hai tuổi đã phải đi phụ quán ăn, mười lăm tuổi đi phụ hồ; lứa tuổi của bao người còn mộng mơ trong tà áo trắng thướt tha mà cô ấy thì tay chai, mặt nám, áo quần dính cứng những bả vôi vữa. Chỉ là anh “thợ ép” nhưng hắn đã biết “ăn gian” thời gian để làm việc nhiều hơn cho cô bạn cu li được rảnh tay mà nghe nốt bản nhạc mà cô thích. Aáy là lần hắn đứng trên giàn giáo kêu mỗi miệng cũng không nghe cô cu li xách hồ vôi, nhìn ra sân thì thấy cô ta đang nghe nhè cổ, lúc lắc đầu theo bản nhạc đang phát âm ùng bên hàng xóm. Hắn lẳng lặng trèo xuống khỏi giàn giáo bốn mét, xúc đầy xô hồ, móc vôi sợi dây rồi mới kêu lớn “hồ đi!” làm cô ta giật mình mặt méo xệch vì tiếc bản nhạc hay.

Hắn không cha mẹ, bởi một điều đơn giản ai cũng đi tìm hạnh phúc riêng sau khi cùng nhau tạo ra “cái của nợ” là hắn. Sống với ngoại mười mấy năm, ngoại già lưng còng như dấu hỏi, cái dấu hỏi theo suốt cuộc đời hắn mà không có câu trả lời: Tại sao con người phải sinh ra trong thế giới này? Gọi là “được sinh ra” hay “bị sinh ra” cho đúng? Tại sao người ta cứ bảo là “đi tìm hạnh phúc” còn bỏ cái “không hạnh phúc” lại cho người khác? Hắn nhớ hoài hình ảnh bà ngoại thêm

trầu cau nhưng không tiền mua, trầu có thể xin hàng xóm còn cau thì lượm những trái dừa non rụng gọt lấy phần cuống vừa mềm vừa chát để ăn, thay cho những quả cao xanh non thơm ngon... Mà người đi lượm những quả dừa cho ngoại không ai khác, chính là hấn. Tuổi lên mười hấn chỉ có một ước mơ duy nhất: sau này lớn lên, làm có tiền hấn sẽ mua những lá trầu tươi, những chùm cau xanh cho ngoại ăn thoả thích! Nhưng khi hấn làm được điều ấy thì ngoại không còn hôn lên má đầu hoe vàng khét lẹt vì nắng của hấn mà nói “cháu của ngoại giỏi quá” nữa, di ảnh ngoại với ánh mắt xa xăm hình như rưng rưng lệ chỉ gặt đầu với hấn trong mơ. Cô cu li tính nết con trai trong dáng hình con gái ấy cuối cùng cũng đồng ý về sống chung nhà với hấn sau hai mâm cơm: một cúng ông bà, một mời vài người hàng xóm. Hai mươi hai tuổi hấn làm cha, mười chín tuổi rưỡi cô ta cũng làm mẹ, nhưng tính dữ dần vẫn không chừa, đồ có khi nào cô ta ru được con những câu: “à... ời... gió mùa thu...” như hàng trăm ngàn bà mẹ khác. Cô ta cứ: “...giữa chúng ta có điều cần phải nói... là anh cưới vợ khi tôi...” rồi lại “... ngày xưa em như chim sáo...” hoặc “Không, tôi không còn, tôi không còn yêu anh nữa, không, tôi không còn...” đứa nhỏ khóc ngằn ngặt, đi làm thì thôi, chiều lê những bước chân tưởng chừng như muốn sụm xuống về được đến nhà mà nghe như vậy lại muốn bỏ đi phứt cho xong nhưng nhìn đứa con thì không thể nào bỏ được. Cởi phăng cái áo, ôm thẳng nhóc vào lòng, hấn đi qua đi lại với chất giọng khàn khàn ru con, những lời ru của gần hai mươi năm trước ngoại hấn đã ru, vậy mà thẳng nhỏ ngủ ngon lành, định trao con cho vợ để còn tẩm táp ai ngờ nhìn lại thì... mẹ ngủ trước con từ lúc nào! - Bộ tưởng đồ con cả ngày sung sướng lắm hay sao mà mới đặt lưng đã bị xốc đầu dậy? Vợ hấn đánh đá.

- Anh biết em mệt nhưng anh còn mệt hơn. Hấn dịu dàng

- Vậy ở nhà đỡ con đi, tui đi làm cho!

Vợ hấn lấy, dù biết không ai muốn đàn bà mới sinh con ba bốn tháng nhưng hấn vẫn sợ tính gàn của vợ. Nếu cô ta bỏ đi làm thì con hấn sẽ thiếu mẹ – cảm giác thiếu hụt không có bất cứ thứ gì bù đắp được hấn đã trải qua rồi, nên không muốn con mình lặp lại – vậy là hấn lại cố làm ngày, làm đêm, cuối tuần vẫn làm, lễ lạt không hề nghỉ, chỉ để có thêm tiền mua sữa cho con, cho bữa cơm gia đình thêm thơm tất. Ngày tháng cũng trôi đi, những người nghèo như hấn vẫn tin vào số mệnh bởi một điều đơn giản “trời sinh voi, sinh cỏ”. Thằng con lớn mới bót ẳm bót bông thì vợ hấn báo tin nhà sắp có thêm thành viên kế tiếp! Trời đất, đúng là “đặng hào con...” mà. Ủ, nhưng có vợ có chồng thì có con chứ có gì là lạ? Thế là đứa thứ hai ra đời, con gái nhé, đủ nết đủ tẻ, hấn vui ra mặt, nhất là khi con bé bập bẹ nói và cứ bám theo hấn riết. Cha con coi bộ rất “tâm đầu” dù đứa nhỏ còn bé tí.

Dạo này vợ hấn bảo, giá cả lên vù vù như tên lửa phóng vào vũ trụ mà lương bổng của hấn vẫn nằm ì một chỗ. Hấn biết điều đó, vì gói xôi lúc trước ăn từ bảy giờ kém, ráng uống thêm một bụng nước thì no được tới hơn mười giờ, còn bây giờ dù có uống hai ba bụng nước thì gần mười giờ đã nghe bao tử rên rỉ biểu tình. Nhưng hấn biết làm sao hơn? Chỉ biết mỗi bữa cơm cố ăn ít đi một chút cho bụng “quen dần” dù thằng con trai tinh ý vẫn hỏi “Bộ ba bệnh hay sao mà ăn ít vậy?”. Chưa kịp trả lời thì vợ đã quát “Ai ăn no bụng nấy, lo gì!”. “Mẹ kỳ, ba ăn ít làm sao đủ sức khỏe, cô con nói mỗi ngày mình phải ăn...”. “Vô kêu cô mày cho ăn, còn cái nhà này chỉ ăn như vậy, ăn được thì no, không thì thôi”. Con trai mặt tiu nghỉu, hấn định tát vợ nhưng cố kìm lại khi thấy hình như mình vô lý. Đời, có ai muốn nghèo khổ đâu, hướng chi họ lại là đàn bà, làm sao tránh được thói thường tình nhi nữ. Có những người thấy bạn mình có chiếc áo mới cũng ganh, có đôi giày đẹp cũng tị, có chiếc xe tốt một chút cũng làm ổng làm eo đòi chồng sắm cho bằng được... Vợ hấn thì không, cam chịu tất cả, chỉ việc hay dấm dẳng cộc cằn một chút thôi. Mà tất cả cũng tại hấn, làm chồng làm cha người ta thì được, nhưng đem lại cuộc sống dư dả, đủ đầy cho người ta thì không, hỏi trên đời có bao nhiêu người có đức hy sinh như vợ hấn?

- Anh, kể từ mai tui đi làm! Vợ hấn nói một câu không nhằm mục đích xin ý kiến hay bàn bạc thảo luận mà là một “thông báo”, loại thông báo mà người nghe phải chấp nhận không được phản đối.

- Nhưng làm ở đâu, giờ giấc, còn con cái?

- Trời sanh voi sanh cỏ, ngồi ôm con để chết đói à? Sáng thằng anh đi học, chiều về giữ em, tui đi làm từ hai giờ tới mười giờ đêm!

- Làm gì mà khuya dữ vậy em?

- Quán ăn của nhỏ bạn cũ, hỏi nhiều làm gì? Việc anh anh làm, việc tui tui biết, tất cả tui chỉ lo cho cái nhà này!

Vậy là đi, đồ hấn dám nói thêm câu nào nữa.

Những đêm đầu con bé vắng hơi mẹ khóc ngất lên ngất xuống, tiếng khóc như muối xát vào lòng người cha nghèo như hấn. Trời ơi... phải chi hấn giàu, phải chi hấn có cha mẹ, phải chi hấn lo được vẹn toàn cuộc cơm áo cho vợ con thì giờ này cả nhà đang ấm êm bên nhau chứ đâu phải khổ nhục như thế này?

Vợ hấn đang ở thì chín nhất của người phụ nữ, hướng chi lại không phải là người nhan sắc “dưới mức trung bình”, chỉ tội cái nghèo làm cho con người ta bần cùng đi. Bây giờ ăn mặc lên trông cũng khá lắm. Quán ăn sân vườn theo mô hình nông thôn, từ tiếp tân, tiếp viên tới phụ bếp đều mặc quần đen áo bà ba, có điều hơi “cách điệu” một chút: áo bà ba cổ tim khoét sâu có viền đăng ten, đing áo xẻ cao phô làn da trắng muốt lồ lộ...

Một vị khách ngày nào cũng đến quán ăn, anh ta chỉ kêu độc một món: Cơm niêu (cơm đập) ăn với cá Sapa nướng, vài ngọn rau thơm nhưng phải có trộn khế chua, và người phục vụ phải là vợ hấn mới được! Nghe đâu ông ta là chủ một cửa hàng trang trí nội thất nào đó to lớn lắm. - Tương lai thì dài mà đời người rất ngắn em có biết không? Em xinh xắn đảm đang như vậy phải làm bà này bà nọ mới xứng đáng... Em có nghĩ tại sao một người đàn ông không ăn cơm nhà mà phải “cơm hàng cháo chợ” như thế này không? Vợ anh không yêu anh, ngày này sang tháng kia cô ta chỉ biết đi chùa chiền, rồi shop này shop nọ, thầy bói này thầy bói kia chứ không hề quan tâm tới bữa ăn cho anh... Anh có tất cả, chỉ thiếu một người vợ đảm như em, anh có thể cho em mọi thứ chỉ mong chiều chiều được cùng nhau ngồi ăn cơm như thế này... Những lần bùng thức ăn phục vụ, vợ hấn đều nghe người đàn ông lịch lãm ấy rót mật vào tai như thế.

- Cảm ơn anh, tôi đã có chồng con và phải có trách nhiệm với gia đình đó, anh quý mến tôi thì hãy là một người khách quen của quán để tôi được làm việc ở đây lâu hơn...

- Chính vì vậy mà anh càng yêu em nhiều hơn, em là người sống có trách nhiệm với gia đình, những người như thế như kim cương quý giá ẩn trong lòng núi sâu mà không phải ai cũng tìm được. Chồng em có phước mới lấy được người vợ như em, nhưng em ạ... tình yêu không phải là tất cả, anh ta yêu em nhưng cho em được cái gì? Nhà đẹp? Không. Xe máy? Không. Ngay cả những bộ quần áo đắt tiền xứng đáng với nhan sắc của em cũng không hề có, vậy tội gì...? Và ông ta kéo tay vợ hấn, một chiếc hôn sỗ sàng lướt qua đôi má ửng hồng.

- Xin lỗi anh, quán tôi cần khách hàng chứ không cần những người sàm sỡ!

Vợ hấn tạt gáo nước lạnh vào mặt gã đàn ông vô liêm sỉ ấy nhưng gã ta vẫn bám theo. Bẵng đi bốn năm hôm không thấy gã đến – hình như gã ngượng cho cái lần bị mắng – hôm nay lại bệ vệ, lịch lãm với áo sơ mi, cà vạt thắt gọn gàng xuất hiện, sau những lời chào hỏi khách sáo vẫn gọi cơm niêu và người phụ vụ chính là vợ hấn. Người phụ nữ đối diện với quá nhiều gió đông vẫn không gục ngã rất tự tin vào bản lĩnh của mình, vả chăng người ta không phải thì người ta thẹn chứ mình tội gì? Vợ hấn tiếp khách với khoảng cách cần thiết khiến gã đàn ông lịch lãm ấy kiêng nể nhiều hơn.

Rồi gã lấy ra một gói quà to, bảo rằng cho các cháu và thoảng trong gió là lời xin lỗi muộn màng... Lại bảo hôm nay buồn quá, mười hai năm chồng vợ thế là xong, chiều nay vợ gã đòi ký đơn ly hôn, tài sản bạc tử với biết bao mồ hôi của một mình gã phải chia đôi. Và xin vợ hấn hãy làm bạn của gã vài giờ...

Không biết vì cảm động trước một thói đời hay vì trước túi quà mà lần đầu tiên có được, hoặc ma xui quỷ khiến thế nào mà vợ hấn lại dấn thân và leo lên chiếc SH đồ sộ của gã để đi đến một quán nước nào đó. Đường đêm, vùng ven thị xã như ẩn như hiện bởi những đoạn đường khi có đèn khi lại tối om om, vụt qua những cửa hàng cửa hiệu, những căn nhà cao tầng, những quán cóc tồi tàn... Lần đầu tiên được ngồi lên xe máy, tiếng vù vù lạ lẫm, cảm giác lạnh lạnh rờn rợn cả da thịt, tiếng đồng vọng bên tai nghe như lời tử tế ai oán... Rồi lại “ma đưa lối, quỷ dẫn đường” thế nào đó mà vợ hấn lại theo chân gã đàn ông lịch lãm ấy vào nhà trọ chứ không vào quán cà phê. Phòng trọ bình dân nhưng tinh tươm sạch sẽ thoảng mùi thơm chứ không như đồng bưng nhùng hôi hám nhà hấn, vợ hấn mở gói quà theo lời gã đàn ông lịch lãm để no mắt với những áo quần đắt tiền, mỹ phẩm hảo hạng... và vợ hấn vào phòng tắm theo lời bảo của gã đàn ông ấy. Người phụ nữ sau những cơ cực nhọc nhằn đã thay hình đổi xác ngay khi mặc trên người bộ đồ ngủ thơm nức, mỏng tanh phơn phớt hồng, trong ánh đèn huyền ảo càng tô thêm nét gợi cảm phàm tục... Gã đàn ông lịch lãm đang lột phăng nét hào hoa bệ vệ của mình ném xuống chân người ngọc thì tiếng cửa ầm ầm giục giã... Vợ gã hiện ra với lối nhố nhều “cây thịt người” phía sau, tay bà ta cầm chiếc kéo sáng loáng:

- Đồ rẻ tiền, muốn giết chồng tao à? Tao sẽ cho mày biết thế nào là lẽ độ! Rồi mày ta chồm tới, chiếc kéo loang loáng trên tay xướt qua gương mặt thất thần của vợ hấn, trượt tới mang tai, một nhúm tóc rơi xuống.

- Đi ... đi.... nhanh đi... còn đứng đó làm gì...

Vài nhân viên nhà trọ lao vô phòng lôi phắt vợ hấn ra khỏi chốn hỗn độn nhớp nhúa ấy, miệng họ liếng thoảng nài nỉ “Bà chị mình ơi, xin hãy bình tĩnh... đàn ông nào không phạm chút đỉnh sai lầm... làm to chuyện xấu chàng hổ thiếp chứ có ai...”

Mười hai giờ đêm, những cơn mưa dai dẳng như âm giọng nhùng nhằng đều đều của những mẹ đàn bà lẩm lời vẫn không hện dứt. Hấn không tài nào chờ được nữa, đắp mền lại cho hai con, khép chặt cánh cửa gỗ không còn nhìn ra màu gì, hấn lao ra đường. Vài chiếc xe đi về muộn quét những ánh sáng vội vàng xuống mặt đường nhoèn nhoẹt nước, một bóng người nằm co ro trong trang phục rất ư kỳ lạ. Đôi chân trần tận gối không giày dép, thân trên là chiếc áo dài tay thùng thình sẫm màu... Hấn bước tới. Trời ơi... vợ hấn đây mà! Đôi cánh tay gầy guộc của hấn không hiểu sức mạnh từ đâu dồn lên, ầm gọn vợ vào nhà, hấn nháo nhào tìm chai dầu gió xoa khắp người rồi lấy mền đắp kín, nấu vội chút nước nóng, may mà có cái vỏ quít hời chiều thằng con ăn bỏ trên bàn...

Cũng may, khi ra khỏi chốn quĩ quái ấy, một anh xe ôm trong số nhiều tay xe ôm vẫn hay chờ khách trước nhà trọ đã chạy theo và mặc lên người vợ hắn chiếc áo khoác của anh ta. Vợ hắn chạy đi, đôi chân trần liêu xiêu vô định nhưng hình như tận cùng tâm tư vẫn nhớ đường về lại chốn bình yên.

Vợ hắn tỉnh lại, nằm khóc thút thít. Chưa khi nào hắn nghe tiếng khóc của người phụ nữ êm ái dễ thương như bây giờ, hắn không hỏi han cũng không cau có chỉ nhè nhẹ xoa lưng cho vợ, một sự im lặng khiến người ta lo sợ hơn trăm ngàn âm thanh khủng khiếp gầm gào. - Anh... anh... tha lỗi cho em! Chỉ có anh là người yêu em duy nhất, chỉ có căn nhà chúng ta là bình yên nhất, đừng giận em nghe anh... đừng buồn em nghe anh, em xin lỗi... Khóc đi em, nước mắt có thể rửa trôi tất cả những gì phù phiếm nhất của cuộc đời, để ngày mai khi mọi việc đã trở thành quá khứ, em sẽ biết giá trị hạnh phúc những người nghèo... Hắn muốn nói với vợ như vậy, nhưng đôi môi mở hoài không thành tiếng, ừ thôi, hắn nói trong lòng. Từng giọt nước mắt của vợ hắn vẫn chưa ngừng rơi.

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG



thơ

NGUYỄN CHINH

RỮ CÁNH QUỲNH QUÊN

trắng đêm
tỉnh thức chờ hoa nở
chộp mộng tàn hương theo khói bay
mù sương
còn đọng mùi nhưng nhớ
rữ cánh quỳnh quên
băng tháng ngày
nhớ ai
nhả khói vàng tay thuốc
người lỡ theo đời
giam đấng cay
tình em còn lại
hành nhưng lựa
thả một dòng sầu lên phím say.

NGUYỄN CHINH



CỐ TÍCH CỦA NGƯỜI LỚN

HỒ THỦY

Không ai dám phủ nhận rằng là không có ông Trời, đúng thôi; bởi vì đừng bắt cứ chuyện gì - dù chỉ nhỏ xíu như hạt cát – người ta cũng kêu lên “trời ơi”; huống chi là chuyện to lớn; chuyện kinh thiên động địa, thì con người phải kêu lên: “ông Trời ơi”... trước tiên cái đã.

Hồi xưa thì Ông Trời ở rất gần với con người; lúc đó ông có tên là Thượng Đế. Cũng bởi chính ông là Đấng đã tạo ra tất cả trời đất vạn vật gồm có núi non sông biển, cỏ cây hoa lá... Dưới biển và sông phải có nước và các loài cá quẫy lội tung tăng, còn trên núi, trên non phải có đủ muôn thú và các loài chim...thì mới vui tươi sống động. Nhưng rồi với những gì đã tạo ra thì Ngài cũng không hài lòng cho lắm, vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì đó, nên sau một đêm suy nghĩ nát óc, sáng tinh mơ mà vẫn còn suy nghĩ tiếp...Ngài nghĩ rằng cần phải tạo thêm một sinh vật nữa; sinh vật này phải thật khác thường, nó có thể điều khiển; cầm đầu; sai khiến...nói chung là nó sẽ được Ngài cho làm chủ để cai quản, hưởng thụ tất cả những gì mà Ngài đã tạo ra. Đây sẽ là một sinh vật thật đặc biệt.

...Thượng Đế ngồi đăm chiêu trên một tảng đá, tay hững hờ bốc một cục đất sét rồi vò vò, se se...cục đất từ từ dài ra trong tay Ngài, Ngài vô tình đưa lên ngắm nghía và rồi một ý tưởng độc đáo nảy sinh...thế là Ngài vừa nắn cục đất sét, vừa tủm tỉm cười cho ý tưởng ngộ nghĩnh của mình. Cục đất sét qua đôi tay nắn nót tài hoa của Thượng Đế đã trở thành một sinh vật mang hình hài giống như Ngài...Đúng rồi; Có hình hài giống như Ngài thì mới được hưởng những gì Ngài đã tạo ra chứ.

Thượng Đế gọi nó là Người.

Nhưng nếu để “ Hắc ” ở một mình thì tội nghiệp cho hắc phải chịu nỗi buồn bã và cô đơn, vì vậy Ngài lấy cục đất sét khác để nặn thêm một người nữa; lần này thì Thượng Đế có kinh nghiệm hơn lần trước, với lại đã có một hình mẫu nên Ngài dồn hết tâm trí vào mà chăm chú say mê nắn nót cẩn thận từng chi tiết để nặn ra hình của nó: Ngài thêm vào chỗ này một chút, bớt chỗ kia đi một tí, Ngài lại còn mài giũa cho nó trở nên trơn láng mịn màng...vì vậy hình người đất sét thứ hai này trở nên vô cùng xinh đẹp; nó thon thả nhỏ nhắn và trông có vẻ mềm mại chớ không thô cứng ketchup như hình người mà Ngài sáng tạo ra trước.

Sau khi nặn được hai hình người rồi, ngài vui lắm. Nhưng vẫn còn dư một chút đất sét trên tay; Ngài vừa đi vừa vò vò cục đất sét dư và rồi Ngài lại liệng bỏ nó đi; ai ngờ cục đất sét nhỏ ấy rơi xuống nằm ngay chính giữa hai chân của cái người đã được nặn ra trước, và rồi nó...dính cứng vô đó luôn, Ngài kêu lên một tiếng “ Á”...đầy ngạc nhiên thích thú vì...cục đất sét ấy nằm ở một vị trí trông cũng hay hay, ngộ ngộ. Sẵn miệng kêu một tiếng “ Á ” ngài đặt luôn cho nó cái tên là “ ADAM ”.

Rồi khi đi ngang qua người “đất sét” còn lại, có lẽ vì đang bận rộn suy nghĩ một điều gì đó nên Ngài vô tình lấy tay đánh “bóp” một cái trũng ngay giữa hai chân của người đất sét này làm nó bị nứt ra một đường...Thấy tác phẩm của mình bị nứt một lần khá sâu; ngài tiếc quá rên lên “Ế...” và bậm môi thở phào ra một tiếng “ Wà ”...thế là đặt luôn cho nó cái tên là “ EVA ”.

Thượng Đế cảm thấy rất thích thú, hài lòng với hai tác phẩm cuối cùng này của mình, bởi vì hai con Người trông rất độc đáo và xinh đẹp nên Thượng Đế nghĩ rằng phải làm sao cho nó thật sống động; Ngài bèn phồng miệng thổi “phù” một hơi dài vào hai người đất sét. Thế là hai người này ngồi bật dậy...nhìn nhau rồi... nhìn mọi vật ở chung quanh và sau cùng thì mới... nhìn đến Thượng Đế; Đấng đã tạo nên tụi “ Hấn ”...

Thượng Đế ngắm ngía hai tác phẩm cuối cùng của mình một cách tràn trề hạnh phúc với tất cả lòng yêu thương tha thiết và ánh mắt của Ngài đầy sự dịu dàng trìu mến.

Ngài quyết định nghỉ ngơi hoàn toàn.

Thượng Đế nói với Adam:

- Con được ta tạo ra trước...nhưng vì ta chưa có kinh nghiệm...nên trông con hơi xấu xí, to lớn và khô cứng. Thôi đừng buồn, để bù lại ta sẽ cho con sức mạnh và trí thông minh để mà che chở bảo vệ cho Eva. Từ nay bất cứ việc gì nặng nhọc thì con phải làm, còn việc nhẹ để cho Eva lo.

Ngài quay qua nói với Eva:

- Sỡ dĩ con được xinh đẹp như thế này là nhờ ta có kinh nghiệm sau khi tạo ra Adam. Nhưng vì xinh đẹp mãi mãi như vậy nên con rất là yếu đuối cần phải có Adam che chở nâng niu, vì vậy con phải biết nghe theo lời Adam trong mọi việc; nhé.

Thượng Đế lại phán tiếp cho Adam và Eva:

- Ta trao cho các con quyền cai quản tất cả mọi sinh vật cỏ cây... ở trên trái đất này, và ta cũng cho các con có được cái “Quyền Tự Do”...nhưng phải cân nhắc và sử dụng NÓ cho thật đúng đắn.

Adam và Eva vui mừng quì xuống lạy tạ vâng lời Thượng Đế, từ đó hai người sống với nhau rất là sung sướng và chơi đùa cùng nhau thật vui vẻ...Nhưng cái nàng Eva thì mau chán, hơi tham lam, ưa thay đổi, nàng ỷ vào sự xinh đẹp của mình cũng như đáng vẻ mềm mại yếu đuối nên cứ nũng nịu đòi hỏi nọ kia, còn chàng Adam thì cưng yêu Eva lắm. Luôn sợ nàng phật ý giận hờn nên lúc nào cũng chịu theo ý Eva...vì vậy mới sinh ra những điều phiền toái...

Thôi; không kể chuyện đời xưa đông dài nữa. Cứ biết rằng càng ngày Adam và Eva càng sinh ra nhiều con cái, trái đất ngày càng có thêm nhiều đàn ông đàn bà cũng như các sinh vật khác đang sinh sôi nảy nở...

Nhưng Thượng Đế vẫn còn rất gần gũi với con người, gần tới cái độ mà chỉ cần con người kêu lên một tiếng “Thượng đế ơi” hay là “Ông Trời ơi” là ngài lập tức có mặt; vì Ngài ưa đi “vi hành” để

xem các con do mình tạo ra chúng nó sống ra làm sao? Lúc đó loài người thật là sung sướng. Còn Thượng Đế...Ngài không biết rằng mình sẽ gặp những rắc rối vì...

**

...Một đám đàn bà ngồi với nhau mà thở vắn than dài, người nào cũng có những điều phiền muộn, những lời ta thán về ông chồng của mình. Một hôm các bà – như thường lệ – ngồi với nhau để than khổ. Tình cờ Thượng Đế vi hành đi ngang qua đám đàn bà đó, nghe họ đang túm tụm nhau mà thở dài rồi đưa nhau kể lể đủ thứ, bất chợt một bà nói:

- Thượng Đế không công bằng tí nào cả...

Các bà khác hòa theo:

- Đúng đấy, không công bằng tí nào.

Chà...chà...các bà này thật quá đáng, dám trách ta không công bằng sao? Ngài liền ghé vào ngồi trước mặt họ và hỏi:

- Nào; nói cho ta biết tại sao các con cho rằng ta không công bằng?

Một bà khá trẻ nói ngay:

- Thưa Ngài, cùng là con người mà sao đàn bà chúng con khổ thế? Còn đàn ông thì sung sướng quá chừng.

Thượng Đế vuốt bộ râu dài trắng như mây; hỏi lại:

- Nói chính xác ta nghe; các con khổ như thế nào?

-Thưa Ngài, tại sao mỗi tháng..."đến kỳ" là chúng con đau đớn, dơ dáy và hôi hám, còn đàn ông thì không phải chịu những điều đó?

Thượng Đế cười ha hả, ngài hỏi lại:

- Đây, ta hỏi thật nhé; các con có muốn mình luôn xinh đẹp không?

- Dạ có chứ ạ, chúng con... ai mà chẳng thích đẹp.

- Các con có thích một làn da trắng mịn màng, đôi môi hồng và cặp mắt long lanh không?

- Dạ có.

Thượng Đế vuốt râu; hỏi tiếp:

- Các con có muốn mình giống như mấy người đàn ông kia rất là mạnh bạo; bắp tay to cuộn cuộn vì phải săn bắn và làm những việc nặng nhọc, đôi chân nổi đầy gân vì phải trèo đồi lội suối đi tìm lương thực đem về cho các con? Da mặt họ thì đen đúa sần sùi vì phải đi ngoài nắng gió... râu ria lởm chởm, lông lá xồm xoàm...Sao? Có muốn như vậy không?

Nguyên một đám đàn bà xua tay le lưỡi:

- Eo ơi...xấu lắm...chúng con không muốn giống như họ đâu.

Lúc này thì Thượng Đế mới đăng hăng giải thích rằng:

- Này nhé; Các con phải chịu đựng mỗi tháng một lần “cái chuyện ấy” vì chính nhờ bị “cái chuyện ấy” nên nó mới làm cho làn da của các con trơn láng mịn màng, tóc các con óng mượt... làm cho đáng người các con trông yếu đuối, thon gọn và xinh đẹp. Vì đàn ông không có “cái chuyện ấy” nên họ mới mạnh bạo cứng cáp, khô khốc thô ráp...

Ngài lại hỏi:

- Thôi thì như thế này nhé; để ta hoán đổi cho các con...chịu không?

Tức thì mấy bà nhao nhao lên:

- Thừa không; thà chịu “cái chuyện ấy” mỗi tháng một lần mà được xinh đẹp thì sung sướng hơn.

- Vậy thì các con còn trách móc ta không công bằng nữa thôi?

Lập tức mấy bà chấp tay xá Thượng Đế:

- Dạ, Ngài tha tội cho chúng con...chúng con lỡ miệng vì không biết.

Thượng Đế đứng lên, Ngài lắc đầu và bay tiếp vào không trung.

Kể từ đó đàn ông có thêm một từ “ Phái Mạnh” hay “Phái Mày râu” để chỉ về mình. Còn các chị đàn bà thì nhận được một danh xưng rất mỹ miều là: “Phái Đẹp” hay “Phái Yếu”... dành riêng mỗi khi nói về các bà.

Thượng Đế cũng chưa được yên thân; vì một bữa kia Ngài cũng đi vi hành trong trái đất, ngang qua một nhóm đàn ông đang ngồi tán gẫu, ngài nghe họ thốt lên lời than thở:

- Chán quá trời quá đất mấy con mụ vợ...

Hễ nghe có tiếng “Trời” là Thượng đế đáp xuống ngay, Ngài hỏi:

- Ai vừa than trời vậy? Mà than về chuyện chi?

Thế là một trong số những người đàn ông ngồi đó thở dài:

- Thượng đế ơi, Ngài sinh ra làm chi cái giống đàn bà...chúng nó chỉ toàn làm khổ đám đàn ông tụi con mà thôi.

Ngài chặc lưỡi hỏi:

- Nó ra làm sao? Nói ta nghe xem nào.

Một người gãi đầu bực dọc:

- Ngài ơi, mấy “con mẹ” đàn bà suốt ngày chỉ ưa soi gương chải chuốt làm đẹp, rồi thì lúc nào cũng ỏng a ỏng ọo nũng na nũng nịu đòi hỏi hết cái này đến cái khác...miệng thì cứ ưa ca cẩm phân bì so sánh nọ kia...

Thượng đế cười ha hả:

- Ta hỏi các con nhé, vậy chớ mỗi khi đi ra ngoài về các con có muốn thấy một thằng người giống y chang như mình: to lớn cứng ngắc, râu ria lông lá xồm xòa, da sần sùi thô ráp...đứng chờ con? Hay các con muốn có một người phụ nữ chân yếu tay mềm...xinh đẹp đứng chờ mình?

Đám đàn ông lắc đầu quầy quậy:

- Ái dà...không được đâu Thượng Đế ơi, tui con đâu muốn có một thằng y chang như mình đứng chờ mình ở nhà...chán chết luôn.

Thượng Đế lại vuốt bộ râu trắng xóa:

- Vậy thì các con phải chấp nhận sự ỏng a ỏng ẹo, nũng na nũng nịu của mấy bà...Suy cho cùng thì mấy bà ấy soi gương là chỉ muốn coi thử mình đã đẹp chưa? Để đón chồng về nhà ấy mà...các con là đàn ông thì phải biết thông cảm cho đàn bà chứ. Họ chỉ muốn làm đẹp để cho các con ngắm thôi mà...đúng không nào?

À...thì ra là vậy, mấy ông không còn than “trời” nữa. Thế nhưng...Ngài cũng chưa được yên thân.

Thượng Đế vẫn còn ở rất gần với đám con dân của Ngài, Ngài vẫn ưa đi vi hành nơi này nơi nọ. Hôm đó tình cờ đi ngang qua cái chợ Ngài thấy có một đám đông đàn bà đang ngồi túm tụm, rồi Ngài nghe có những tiếng than thở trách móc:

- Thượng Đế không công bằng gì hết trơn.

- Ờ, tui cũng thấy Thượng Đế chỉ thương bọn đàn ông mà chẳng thương chi đàn bà tui mình.

Thượng Đế đáp xuống trước mặt họ, Ngài hơi giận một tí nên sắc mặt của Ngài có vẻ nghiêm nghị:

- Sao nữa; sao lại nói ta không công bằng?.

Lần này là một chị hơi già trả lời:

- Thưa Ngài, tại sao ngài lại bắt chúng con phải mang thai trong khi đàn ông không phải chịu điều này?

Trước khi trả lời thì Thượng đế hỏi ngược lại:

- Vậy chớ các con có thấy người đàn ông nào có một “ cái lỗ ” như đàn bà các con không? Hay là họ có một “ cái vòi ”.?

- Dạ, chỉ đàn bà chúng con mới có “cái lỗ” thôi ạ. Còn đàn ông thì...có một “cái vòi”.

Thượng Đế cười và giải thích rằng:

- Vì đàn bà các người mỗi tháng một lần “ bị chuyện ấy”, nó từ trong “cái lỗ” chảy ra, và cái lỗ này dùng để đựng em bé. Còn đám đàn ông không có nơi đựng em bé...cho nên đàn ông không phải mang thai.

- Nhưng mà Thượng Đế ơi, mỗi lần chúng con mang thai thì mệt nhọc, nặng nề lắm, lại còn bị

thai nó hành ói mữa...lung tung. Rồi khi sanh...đau đớn lắm Ngài ời.

Thượng Đế nhíu mày suy nghĩ...kể ra mấy đứa đàn bà này nói cũng phải; đã bắt chúng nó mang nặng mà lại còn để chúng nó phải đẻ đau thì quả là tội nghiệp hết sức.

Ngài hỏi:

- Vậy chớ bây giờ các con muốn như thế nào để cho các con có được sự công bằng đây?

Đám đàn bà bàn tán góp ý một hồi, sau đó một người đại diện đứng lên nói:

- Thưa Ngài, bây giờ để cho công bằng thì...

- Thì sao? Con nói đi.

- Dạ thưa Ngài...bây giờ Ngài nên để cho đàn ông phải đau đẻ.

- Phải đó thưa Ngài, đàn bà tội con mang nặng còn đàn ông thì đau đẻ, như vậy là công bằng nhất.

Ngài hỏi lại:

- Các con đã suy nghĩ kỹ chưa? Có hối hận không?

Đám đàn bà nhao nhao tranh nhau trả lời:

- Chúng con đã suy nghĩ kỹ rồi và không hề hối hận đâu ạ. Khi người đàn bà mang thai đến ngày phải sanh con thì người đàn ông phải đau đẻ.

Thượng Đế gật đầu đồng ý, ngay sau đó Ngài ra quyết định:

- KỂ TỪ NAY; LOÀI NGƯỜI TRÊN TRÁI ĐẤT NÀY THÌ: ĐÀN BÀ CHỊU MANG THAI CÒN ĐÀN ÔNG PHẢI ĐAU ĐỂ CHO CÔNG BẰNG.

Tuy là Ngài ban ra quyết định ấy để chịu theo ý của đám dân con đàn bà nhưng trong lòng Ngài luôn có một điều gì đó áy náy, không biết cái quyết định ngài đưa ra nó có làm cho con người trên trái đất của ngài bị...lộn xộn không đây?

Lúc này Thượng Đế bớt đi vi hành, Ngài nghĩ rằng bọn đàn bà có lẽ cũng tạm yên ổn không còn đòi hỏi sự công bằng nữa nên chỉ Ngài ở trên Thiên Đàng mà vui với cảnh trời ở trên đó. Nhưng rồi một hôm Ngài bỗng nhớ đám con cái của mình ở dưới trần thế quá...không biết chúng nó sống như thế nào đây? Có được tốt không? và Ngài lại đi vi hành một chuyến.

- Trời ời là trời...xuống đây mà coi nè...khổ quá đi ông trời ời

- Ông Trời chơi ác thiệt...

Thượng Đế ngạc nhiên quá chừng, Ngài tức khắc đáp xuống, đứng trước mặt một đám đông loài người vừa có cả đàn ông lẫn đàn bà đang kêu la om sòm. Ngài hỏi:

- Có chuyện gì mà các con la um sùm vậy?

Đám người đó liền bu quanh Ngài mà phân bua:

- Ngài coi... Ngài đưa ra cái quyết định “Đàn bà mang thai còn đàn ông đau đẻ”... bây giờ thì mọi chuyện nó trở nên quá kinh khủng.

Thượng Đế vuốt bộ râu dài từ tốn hỏi:

- Chuyện ra làm sao hãy trình bày cho ta nghe coi nào.

Một người đàn ông đứng lên nói:

- Thượng Đế có biết không? Ở nhà vợ con mang thai tới ngày sinh mà con chẳng hề đau đẻ tí nào, trong khi đó cái thằng bên nhà hàng xóm nó lại ôm bụng quằn quại rên la... đau đẻ...

Tiếp theo là một bà đã già lớn tiếng khóc lóc:

- Ngài ơi, con nào có mang bầu gì nữa đâu kia chứ, vậy mà chồng con thì... tự nhiên ôm bụng kêu đau đẻ quá chừng.

- Thượng đế ơi, bây giờ thì lúc nào chúng con cũng phập phồng sống trong nỗi lo âu hồi hộp. Hễ vợ con mà mang bầu thì con không biết là mình sẽ đau đẻ hay là thằng nào đây?

- Con cũng vậy, cứ nơm nớp lo sợ ông chồng con một hôm bỗng nhiên kêu đau bụng đẻ trong khi con không mang bầu...

Người nào cũng dành nhau để than thở kể lể làm Thượng Đế nghe mà muốn điên cái đầu. Cuối cùng thì Ngài hỏi:

- Vậy bây giờ các người muốn ta giải quyết cho các người như thế nào đây thì các người mới vừa lòng? Cứ suy nghĩ cho thật kỹ.

Mỗi lần mà Thượng Đế gọi các con dân của Ngài bằng “người” thì có nghĩa là Ngài đang rất bức mình.

Thế là bây giờ con dân của Ngài cùng nhau bàn bạc, cãi qua cãi lại chí chóe, người đưa ra ý này, kẻ đưa ra ý nọ. Thượng Đế ngồi nghe mà chóng cả mặt, Ngài chỉ biết vuốt chòm râu bạc phơ và nhìn lên bầu trời xanh. Chừng như đám con dân của Thượng Đế đã bàn bạc xong xuôi, một người đại diện đứng lên nói:

-Dạ, kính thưa Thượng Đế...chúng con đã bàn và thống nhất với nhau xong rồi ạ...

Thượng Đế ngừng nhìn trời, Ngài quay lại đám dân con, hỏi:

- Thế nào? Bây giờ thì các con muốn sao?

Khi Thượng Đế gọi “các con” có nghĩa là Ngài bực giận, đại diện là một người đàn ông có vẻ già nhất trong bọn khoanh tay thưa rằng:

- Thưa Thượng Đế...chúng con quyết định rằng...lúc trước Ngài đã tạo ra như thế nào thì bây giờ xin Ngài cho chúng con được trở về như thế ấy; nghĩa là đàn bà mang thai thì đàn bà phải chịu đau đẻ. Còn đàn ông chúng con sẽ phải làm những công việc cực nhọc để nuôi vợ và con cái.

Thượng Đế quay qua hỏi các bà:

- Các con đồng ý như vậy chứ?

Các bà cúi đầu “Dạ” một tiếng thật lớn. Thượng Đế nói tiếp:

- Vậy thì từ nay những con mụ đàn bà này đừng có kêu ta ra mà than thở, đòi hỏi này nọ nữa nhé. Ta đã tính sự công bằng rất chính xác cho các con rồi...thế mà cứ ưạ lộn xộn. Thôi; Ta tuyên bố rút lại quyết định lúc trước, cứ đàn bà mang thai thì phải chịu đau đẻ. Với lại từ lâu ta đã cho các con cái quyền Tự Do rồi mà...không được kêu Trời nữa nhé.

Đám đông vui mừng vỗ tay reo hò vang rền.

Thượng Đế vừa bỏ đi vừa than:

- Đàn bà...thật là rắc rối...nhưng vì chúng nó thật là đẹp nên chi...

Đàn bà không chỉ là rắc rối thôi đâu, mà lại còn khó hiểu nữa kia. Thượng Đế cũng chưa được yên thân mặc dù các bà đã hứa là không than trách, không phân bì đòi hỏi nọ kia...nhưng các bà lại rất mau quên.

Lâu thật là lâu Thượng Đế không đi vi hành bởi vì Ngài nghĩ rằng mọi chuyện ở dưới trần coi như đã được lập lại trật tự kể từ sau ngày Ngài rút lại cái quyết định gây ra những chuyện “dở khóc dở cười” ấy.

Một ngày đẹp trời nọ Thượng Đế từ trên chín tầng mây thông dong hạ xuống trần. Ngài giật mình hoảng hốt khi thấy có rất nhiều...rất nhiều và...rất là nhiều các cô các bà đang xếp thành hàng ngang; hàng dọc lộn xộn mà đi biểu tình; hoan hô đả đảo tùm lum vang rền. À thì ra các bà các cô đang đòi bình đẳng, bình quyền gì gì nữa đó. Ngài lắc đầu chán nản.

Không như những lần trước là Ngài sẽ đứng vào giữa họ để hỏi han và giải quyết. Lần này thì Ngài lặng lẽ trở về trời; ngửa trên mây nhìn xuống đám lộn xộn và nói một mình:

- Thôi thì kệ chúng nó, mình đã ban cho chúng nó cái quyền được tự do rồi, nên...chúng nó muốn làm gì thì làm...Đàn bà thật...khó hiểu, ta đây là Thượng Đế mà còn không hiểu được chúng nó thì đám đàn ông kia làm sao mà hiểu chúng nó cho được. (hình như Thượng Đế có vẻ thiên vị bọn đàn ông khi nói câu này?)

Đàn bà khó hiểu bởi vì...đó cũng là do Ngài đã vô ý làm nứt một đường lằn “nơi ấy”; vết nứt này nó ăn luông, sâu thăm thẳm và ẩn kín tận bên trong nên chi...ai mà thấy được? Vì không thấy được nên cũng khó mà hiểu được đàn bà. Còn đàn ông thì...chỉ là một cục đất sét “dư” nhỏ xíu; mà cũng là do Ngài vô tình liệng bỏ...nó lại nằm lòi ra bên ngoài rất dễ thấy nên chi người đàn ông họ đơn giản và dễ hiểu lắm.

Sau này Thượng Đế không còn đi vi hành dưới trần thế nữa dù ngài biết rằng có rất và rất nhiều người than thở kêu xin Ngài điều này điều nọ, nhưng Ngài chỉ ban phát cho những ai thật sự gặp điều khó khăn cần đến sự giúp đỡ của Ngài và Ngài thấy rằng cần nên giúp họ.

Vì Ngài không còn đi vi hành nên không có ai được thấy Ngài như...

...Ngày xưa ngày xưa...

HỒ THỦY



BẾN SÔNG NGÂN NGẮN NƯỚC

HỒ TĨNH TÂM

Chim báo nước kêu khắc khoải cả đêm. Tiếng chim nghe khắc khoải xa gần. Dường như chỉ còn một tiếng kêu lẻ loi, cô độc. Lìm lìm một nỗi buồn. Vậy thì đâu phải nó báo nước ròng, nước lớn. Chắc nó gọi bạn tình.

Mấy hôm rày không hiểu vì sao chim báo nước mỗi ngày mỗi thưa dần tiếng bìm bịp thân quen. Cái anh chàng làm lì ấy vô đồng đã mấy hôm nay. Chắc anh ta là thủ phạm! Không biết anh ta ăn gì uống gì, chỉ thấy cứ đi rảo khắp lung, khắp bầu, rồi thỉnh thoảng... ngồi thừ ra trên một doi đất.

Hường nằm vắt tay lên trán, lắng nghe mãi tiếng bịp bịp buồn như tiếng thầy chùa tụng kinh. Rằm tháng mười vừa qua Hường có đi chùa Bà cúng cho chùa hai lít dầu hôi. Chùa buồn hiu trống huếch trống hoác có gì đâu mà tới; nhưng người ta đi thì Hường cũng đi, đi để rút một cây xăm cho có vậy thôi. Cốt yếu là để đem dầu cúng cho chùa. Mùa nước lênh lảng, nhà chùa kiếm đâu ra củi? Sư trụ trì thì già lắm. Già còn hơn cả cây săng máu nơi bến sông trước cửa. Nghe nói ngày xưa sư thất tình mới đi tu. Tu riết sư chỉ còn nắm xương bọc da trông cằn cỗi như gốc bần dầm nước.

Hường ngó vào mắt nhà sư thấy tội tội, muốn khóc. Đời Hường có vui gì. Gần ba mươi mà vẫn héo hắt trên bến sông ngân ngắn nước. Sáng ra khỏi nhà, gặp bến sông. Chiều trở về lại cũng gặp bến sông. Ở không, ngồi chong mắt ngó mông ra cửa cũng chỉ có bến sông ấy – bến sông với cây săng máu trơ trọi thả nghiêng vòm lá, lúc nào cũng nghe xào xạc một điệu buồn u ẩn, lúc nào cũng ngân ngắn nước như sắp òa khóc một nỗi buồn cô quạnh.

Trưa qua, Hường thấy người đàn ông làm lì ấy ngồi vắn thuốc hút khan dưới gốc cây săng máu. Chẳng thấy đồ nghề gì, chỉ thấy cái giỏ lác đẽ hờ hững dưới chân. Anh ta ngồi thừ ra, từ lỏi gần mười giờ sáng tới gần hai giờ chiều. Chẳng thấy ăn gì, uống gì, chỉ thấy hút khan thuốc giống. Giữa trưa, Hường luộc một nồi khoai sấp, cũng muốn mời anh ta nhưng lại ngại. Biết người ta thế nào mà mời. Với nữa, chỉ nồi khoai chứ cơm nước gì. Lúc mẹ đi xóm về thì anh ta đã xuống xuống bơi đi đâu. Chắc lại vô lung, vô bầu bắt chim bìm bịp. Tại sao cứ phải bắt chim chứ. Miệt đồng còn rộng rinh. Thả dầm tay lưới, quăng mấy tay chài cũng đủ kiếm sống qua ngày.

Muốn khá thì cất vó bè hay đóng đáy, vớ thêm vài công ruộng. Tại sao lại cứ phải bắt chim bìm bịp. Tiếng chim vẫn nỉ non áo nã đâu đó ngoài bến sông. Con nước đang ròng, phải gần hừng đông mới lớn trở lại

oOo

Sáng sớm, Hường phải đi chợ xã bán mấy cần xé hột vịt. Khi về thì trời đã xế trưa, mặt trời chéch bóng cây săng máu gần cả thước. Lạ thật? Người đàn ông đang ngồi ăn cơm dưới bếp. Mẹ ngồi tiếp anh ta có vẻ như rất thân thuộc. Anh ta ngồi ăn cũng làm lì, cô độc. Chỉ thoáng nhìn cũng biết, anh ta phải ngoài bốn mươi, tóc dày và cứng, gương mặt xương xương, hai bàn tay thô ráp, cần cổ cao và nổi hai sợi gân như hai ngón tay.

Day lại thấy Hường , anh ta vừa gặt đầu chào , vừa nói với âm thổ , như vọng từ trong lồng ngực ra:

- Cô Ba ngồi ăn chén cơm luôn thể ?

Lúc đó tự dưng Hường đổ cả mặt . Kể cũng ngộ , nhà của mình mà mình lại mắc cỡ . Hường thấy lúng túng, tay chân như thừa ra . Đang tính bỏ đi lên nhà trên, Hường nghe mẹ nói :

- Thì bây ăn với nó một chén cho vui. Nó cũng người làng này chứ xa lạ gì .

Sáng tới giờ Hường chỉ ăn có hai cái bánh ú khi đang chạy ghe trên sông, giờ cũng đã thấy hơi đói. Cô bày ra đĩa mấy trái cam sành , mấy trái quít đường, rồi ngồi ghé xuống mâm cơm. Vừa ăn Hường vừa len lén quan sát anh ta. Mắt đã có vết chân chim. Vàng trán hằn mấy đường nhăn . Râu cằm và râu mép lún phún như rễ tre. Đôi mắt thăm thẳm , lấp lánh hai đốm sáng sâu hút . Người như vậy là người có bản lĩnh, từng trải. Vậy cắc có gì lại đến đây bắt chim bìm bịp ?

Mới tháng trước bìm bịp còn kêu đầy ngoài bờ ô rô, bờ dớn, bờ choại, bờ cóc kèn . Từ khi anh ta xuất hiện, bìm bịp cứ thưa dần. Tối qua chỉ còn nghe một con nao niết gọi bạn.

Đang vừa ăn vừa nghĩ miên man , Hường chợt nghe người đàn ông nói ồ ề:

- Cô Ba ăn đồ ăn ? Cá rô kho tộ ngon thiệt ngon !

Anh ta vẽ đôi con cá rô to như bàn tay, gấp cho Hường khúc đầu. Tự dưng Hường xốn xang cả lòng dạ. Đây là lần đầu tiên trong đời Hường được một người đàn ông gấp đồ ăn cho. Xưa nay Hường chỉ quen gấp đồ ăn cho mẹ, cho mấy cô bạn đến nhà chơi . Hường chưa bao giờ sống trong cảm giác được người khác chăm sóc , nhất là... người đó lại là một người đàn ông hoàn toàn xa lạ. Chính điều đó làm Hường càng lúng túng, ngượng ngập hơn. Để lấy lại bình tĩnh, Hường nói:

- Anh ăn đi, anh là khách mà!

Hường gấp phần cá còn lại cho khách, nhưng do lúng túng miếng cá bị rớt xuống mâm. Rõ là vụng về. Hường cuống cả lên. Người đàn ông lại cất tiếng ồ ề:

- Cô Ba để tui . Tui no rồi .

Nói xong, anh ta xoay sang cắt cam và bóc quít . Hai bàn tay thô ráp mà làm coi gọn bần . Dáng vẻ sẵn sù bên ngoài hình như chỗi lại tính nết bên trong . Người như anh không lẽ lại vô đồng bắt chim đem bán, hay bắt chim ngâm rượu ? Nghe nói lóng rày người ta chuộng rượu rắn ngâm với thuốc bắc, chim bìm bịp và hải mã.

Khi Hường rửa xong chén bát trở lên nhà , người đàn ông đã ra đi . Việc anh không chào cô một tiếng làm Hường phật lòng . Hường phàn nàn với mẹ:

- Hình như anh ta đến đây bắt chim ? Hồi hôm này ngoài bến sông, chỉ còn một con kêu thôi.

Mẹ vừa ngoáy coi trầu vừa nói:

- Nước giặt hôm rày, có khi chim vô đồng kiếm ăn.

Hường vẫn thấy giận người đàn ông. Người đâu mà... ra đi không thèm chào ai một tiếng. Cô nói :

- Ông suốt ngày chui lủi trong bưng , trong bầu. Dám ông lũng bắt chim chớ còn ai vô nữa?

Mẹ ngồi chỗi chân trên bộ ngựa , nhìn vọng qua cánh đồng bên kia sông , nói giọng khàn khàn:

- Bầy ngựa vừa thôi con ơi. Không thấy thì đừng nghi oan cho người ta. Tội chết!

Ừ mà Hường có thấy anh ta bắt chim hồi nào đâu. Chỉ thấy anh ta thui thủi , lẩn mò đây đó trong lung, trong bầu . Ảnh làm gì ở trống ? Mấy năm trước có người ở tận xứ nào kéo vô săn lùng cua đing, rắn hổ ; công an xã và du kích phải ra tay mới dẹp được họ . Nếu anh ta tới đây bắt chim bìm bịp , chừng nào công an mới tha. Vậy thì anh ta làm gì ? Có ai ở không mà tha thẩn trong lung, trong bầu như vậy . Hường vừa nghĩ vừa xách cây phăng ra chế đất sau nhà.

Ngang qua lùm tre gai nghe xoạt một tiếng , nhìn qua vạt cỏ ống Hường thấy một con hổ ngựa đang quăng mình rượt chuột . Con rắn to và dài thấy sợ . Thân hình nó màu nâu vàng , ban ngày thường nằm nép trên cành cây hoặc ẩn mình trong hang hốc, chỉ đêm xuống mới đi kiếm ăn , khi trườn thì rất nhẹ nhàng, chỉ khi phóng tới bắt mồi nó mới tỏ ra nhanh nhẹn. Con hổ ngựa này chắc ở đâu mới tới. Trước đây trong bọng cây c% C3ng mục , kế nhà Hường , cũng có một con hổ ngựa. Con này bị đám thanh niên phát hiện , dùng chĩa xôm mất cả tháng trời nay. Còn con hổ ngựa này dài hơn cả hai mét chứ không ít. Giống nó là khắc tinh của chim, của chuột . Hổ ngựa về thì chim chuột phải đi . Dám Hường nghi oan cho người đàn ông ấy rồi.

Chế xong đám ruộng thì trời cũng vừa lãng đẵng hoàng hôn. Hường nghỉ tay, đi ra bên sông nhảy ùm xuống tắm. Dòng nước mát lạnh, nay đã trong xanh trở lại sau mùa nước son. Nước mát mơn man da thịt đem lại cho Hường cảm giác rạo rức , băng quơ của người phụ nữ .

Thốt nhiên Hường nghĩ tới người đàn ông ấy . Anh ta đến đây làm gì ? Tại sao suốt ngày lại cứ chui lủi trong lung, trong bầu ?

Khi ngồi ăn cơm, Hường hỏi mẹ:

– Má nói anh ta là người làng mình à ?

Bà mẹ hơi ngạc nhiên , buông đũa nhìn con .

– Máy hỏi ai ? Đang không mầy hỏi ngang xương tao biết ai mà nói ?

– Thì ảnh chớ ai. Má mới mời cơm tức thì hồi trưa này .

– À thằng Tư Đũa . Nó người ấp Kinh Nhì , bỏ làng đi từ nhỏ . Nghe nói có học nghen mầy ! Đại học nông nghiệp bên Cần Thơ gì đó , nay làm trên sở tỉnh . Hường thấy nao nao . Đen đũa như vậy mà chữ nghĩa cùng mình . Nhìn bề ngoài ai mà biết . Lầm chết đi được .

– Vậy chớ... làm sao ảnh phải bỏ làng ra đi ?

– Mẹ nó đưa nó đi. Hồi nó còn bận quần xà lỏn thọt me dốt, tía nó thò tay vô tổ hốt chim bìm bịp non, bị rắn lục mũi hếch cắn chết. Mẹ nó buồn nên mới đi. Đi được mấy năm thì bả bệnh , rồi chết ở nhà thương thí .

Hường thấy xôn xang trong lòng. Té ra ảnh cũng mồ côi như mình, mà còn hơn cả mình. Vậy mà ảnh còn quyết chí đi học. Đàn ông làng này mấy người được như vậy , tối ngày chỉ thấy phơi cá lóc nướng nhậu .

- Giờ ảnh sống trên thành à ?

– Ủa ! Nó với đũa con gái chín tuổi . Cha con cun cút với nhau, vậy mà nó dám bỏ vô đây cả quần .

Vậy ra người đàn ông lắm lì ấy góa vợ hay sao ? Hường muốn hỏi mẹ cho biết nhưng lại thấy ngại . Chuyện người ta mình hỏi kỹ quá cũng kỳ . Hường gắp một đũa mắm chưng, nhưng miếng cá cứ vuột ra . Mẹ Hường nhìn thấy , lắc đầu :

– May ngựa quá, con ơi ! Lo hỏi chuyện người ta tới quên cả miếng ăn. Hồi chiều này thằng Tư Đũa có trở lại nó chào tao nó về. Nó biểu nó còn trở vô để nghiên cứu thảm thực vật . Hồng biết đó là cái giống ôn hoàng gì .

Hường cũng không biết . Hường chỉ thấy nao nao trong dạ . Làm sao người đàn ông ấy lại chỉ sống côi cút có hai cha con ? Tới chừng nào ảnh mới vô trở lại ? Liệu ảnh có còn ghé nhà ăn cơm nữa không ? Nhà Hường còn nửa khạp mắm lóc , rau nhút lại mọc đầy dưới mương . Người xứ này ai chẳng ưa ăn mắm. Đêm ấy Hường nằm thao thức mãi . Tiếng chim báo nước vẫn cất lên ní non cô độc . Sau nhà, gió đồng bưng thổi dài sườn sượt . Mãi tới lúc vàng trắng hạ tuần nhú lên , Hường mới nhận ra tiếng nước vỗ lóc bóc ngoài bên cây săng máu .

Con nước đang triều.

Chắc giờ này bên sông đang ngân ngân nước.

HỒ TĨNH TÂM



TIẾNG DƯƠNG CẦM TRONG ĐÊM

LA THỊ ÁNH HƯỜNG

Quân đã ngồi suốt ba giờ đồng hồ, vẫn ở tư thế ấy, tay chống cằm, một bên tai hơi vểnh lên, như thế để nghe cho rõ. Cứ mỗi đợt có cơn gió lạnh đi qua, tán lá hai bên đường chạm vào nhau nghe xào xạc, mặt anh hơi nhăn lại, anh sợ một nốt nhạc nào đó sẽ theo gió bay đi. Mà như thế để làm gì anh cũng không biết. Gần như trọn vẹn số ngày của hơn hai tháng trời, anh đều có mặt ở đây. Đến nỗi từng cung bậc thăng trầm, cao thấp của khúc nhạc anh thuộc lòng. Vẫn bấy nhiêu bài hát quen thuộc của cổ nhạc sĩ họ Trịnh, được lặp đi lặp lại mỗi ngày, hỏi sao anh lại không thuộc. Vậy mà vẫn thấy thú vị. Như một thói quen đầy đam mê, khiến tối nào anh cũng phải đến đây. Tiếng dương cầm như có một sức hút mãnh liệt với anh.

Chị Thuý nhận được lá thư của Quân vào một buổi sáng, nét chữ lạ khiến chị không khỏi ngạc nhiên. Khi hiểu ra nội dung lá thư của người viết, chị khẽ mỉm cười. Từ ngày chồng chị dắt bé Na đi, chị chẳng biết làm gì vào những buổi tối quá thừa thãi. Hơn nữa thời con gái, chiếc đàn dương cầm này từng là nỗi đam mê của chị. Giờ đây, giữa lúc chị cô đơn nhất, những âm thanh ngân nga vang lên như một lời an ủi, vỗ về chị. Chị xem đó như người bạn thân thiết nhất của mình.

Nhà nằm trong con hẻm cụt, hàng xóm của chị đa phần là những cán bộ lớn tuổi đã về hưu, bởi thế mỗi khi đàn, mặc dù ở tận trên tầng hai, chị vẫn phải đóng chặt cửa để khỏi làm phiền xung quanh. Chị không ngờ tiếng đàn của mình lại khiến Quân mê mẩn ngay từ lần đầu nghe. Nhìn những dòng chữ tha thiết mong được gặp mặt của cậu thanh niên mà theo chị đoán, có lẽ còn trẻ tuổi. Chị thấy phân vân, mình đâu phải là nghệ sĩ nổi tiếng, với lại nghĩ về hoàn cảnh mình lúc này, chị gạt bỏ ngay ý định cho cậu thanh niên gặp mặt.

Có tiếng chuông điện thoại. Chị ngưng đàn. Lần nào cũng thế, chị đứng rất lâu rồi mới đủ can đảm bốc máy. Chị mong chờ anh gọi nhưng lại lo sợ, biết đâu đó là lần gọi cuối cùng của chồng chị, báo cho chị biết sẽ nhận được tờ đơn với chữ ký ngay ngắn bên dưới, chị không muốn cuộc hôn nhân của mình lại kết thúc như thế này, chị yêu anh, cần có bé Na biết bao.

Bên kia đầu dây, giọng bé Na như sắp khóc:

“Mẹ ơi, con nhớ mẹ lắm!”.

Chị cố gắng để đừng cho con bé biết mình đang khóc, giọng ôn tồn:

“Con gái cứng của mẹ, con cứ ở đó ngoan ngoãn với ba. Khi nào được nghỉ làm, mẹ lên chơi với con. Bây giờ khuya rồi con đi ngủ kẻo lại bị ba mắng đó biết không?”.

Bé Na meo meo:

“Ba đi ra ngoài rồi, ba không thương bé Na nữa”.

“Sao con lại nói vậy?”.

“Con biết mà, suốt ngày ba chỉ ở bên cạnh dì Vân, ba thương dì Vân hơn thương con ... hu... hu”.

Chị cúp máy, từng tiếng dương cầm ngân lên nghe như lạc lõng, rời rạc. Lặng lẽ rời khỏi phím đàn, chị bước đi như một kẻ mộng du. Màn đêm bao trùm trên con hẻm vắng, mùi hương ngọc lan quện cùng gió vờn trên tóc chị. Nhét hai tay vào túi áo khoác, chị ước mình có thể khóc, nước mắt sẽ trôi đi những đau thương chẳng?

Dưới băng ghế đá trước cổng nhà, có bóng một người lạ ngồi với dáng vẻ đầy suy tư. Thấy chị, người đàn ông đứng lên:

- Xin lỗi, chị có phải là ...

Mắt chị mở hơi to, mỗi khi ngạc nhiên với một chuyện gì, chị thường có biểu hiện như thế. Trước mắt chị là một thanh niên còn rất trẻ, đoán chừng phải thua chị đến năm hay sáu tuổi. Thân hình vạm vỡ, tóc hơi rũ xuống trán, anh mặc cái áo thun tối màu tay dài và cặp mắt thì sáng bừng lên trong đêm.

Thấy thái độ quan sát như đề phòng của chị, anh càng bối rối. Hai bàn tay đan xen lại, anh lúng túng vẻ như có điều khó diễn đạt. Chị ngờ ngợ ra khi chợt nghĩ về lá thư của người khách lạ hôm trước. Chị khẽ “à” lên trong bụng, cặp mắt to khẽ chớp, giọng chị nhỏ nhưng rõ:

- Anh là Quân có phải không?

Trong bóng đêm, chị vẫn nhận ra ánh mắt anh ta sáng lên một cách vui mừng. Chị có mời Quân vào nhà nhưng anh từ chối, bảo đã khuya rồi. Chỉ qua vài câu thăm hỏi, chị có cảm giác anh ta là người đáng tin cậy, có lẽ do vẻ mặt hiền từ cộng với cách ăn nói thật thà, chị bỏ hẵn cái khoảng cách của những người xa lạ. Khi Quân hỏi sao tiếng đàn của chị hôm nay nghe lạ. Chị thấy cảm động, giống như Quân đã là người thân của chị từ lâu lắm rồi, chỉ có người thân mới hiểu được tâm trạng nhau một cách sâu sắc như thế.

Với tâm tư nặng trĩu, chị kể hết cho Quân nghe. Từ chuyện chị đã có thời gian sống hạnh phúc như thế nào với người chồng mà mình một mực thương yêu. Cho đến đoạn tai nạn giáng xuống cuộc đời chị. Lần ấy, trong đợt đi khám cho bệnh nhân bị nhiễm HIV. Do sơ ý trong lúc băng bó, chị đã làm xước một lớp da mỏng, có dính máu của một bệnh nhân. Chị về nhà lo sợ kể đầu đuôi cho chồng. Cứ nghĩ anh ấy sẽ an ủi cô vượt qua, không ngờ nghe xong anh về phòng sắp xếp đồ đạc dẫn theo bé Na đi. Vẫn với giọng nhẹ nhàng, anh nói: “Anh không muốn lây sang con, nên em cứ tạm thời sống một mình. Chờ có kết quả chính xác rồi tính”. Chị ngỡ ngàng đến đau đớn, không ngờ anh lại đối xử với chị lạnh lùng như vậy. Hơn một tháng sau, người bệnh nhân mà chị khám cho hôm trước xuất hiện trước nhà chị. Anh vui mừng báo tin anh không hề bị nhiễm HIV mà chỉ là một sự lầm lẫn. Chị vui mừng như vừa chết đi sống lại, vội gọi điện cho anh. Anh bảo phải có xác minh bằng giấy tờ mới tin cậy được. Vậy là cạm bẫy tình cạm nghĩa thật rồi, ở đâu lại có kiểu vợ chồng không nâng đỡ, ủi an mà còn nghi kỵ nhau như thế. Chị thấy nổi rạn nứt giữa hai vợ chồng chị ngày một hiện rõ, mặc dù trước đây cô bạn đồng nghiệp đã từng mách bảo chị, anh ấy có cô người yêu cuối tuần thường chở nhau đi chơi, chị vẫn không tin. Cho đến bây giờ ... Hóa ra anh đã muốn bỏ chị mà đi từ lâu rồi. Lí do kia chẳng qua chỉ là cái cớ.

- Thế chị tính thế nào

- Tôi đợi có kết quả xét nghiệm, khi đó tôi mới có lý do để nuôi bé Na.

Hít thở một hơi căng đầy lồng ngực, giờ chị đã thấy dễ chịu hơn:

- Khi đó tôi không còn đàn giữa đêm khuya nữa đâu, anh không phải ngồi giữa trời sương lạnh lẽo như thế này.

Quân không nói gì, vẻ mặt anh vừa dăm chiêu vừa buồn.

Đã quá nửa đêm, sương rơi ướt đầm cả khu vườn. Quân chào chị đi về, chị cũng đứng lên, đợi cho anh đi vài bước, chị hỏi khẽ:

- Chắc anh thất vọng về tôi lắm, không như những gì anh tưởng tượng trong lúc nghe tôi đàn đúng không? Cho tôi xin lỗi nhé!

Quân không trả lời, anh đứng nhìn một lát rồi cúi đầu quay lưng đi. Được vài bước anh lại muốn quay lại để nhìn người phụ nữ ấy thêm một lần nữa. Anh biết rằng sau đêm nay, mình khó mà quên được đôi mắt của người phụ nữ ấy!

Na đứng trước tấm gương lớn, lần đầu tiên nhìn mình trong gương, cô bé vừa thấy thích thú vừa lạ lẫm. Chị ngắm nhìn cô con gái yêu từ phía sau, tấm tắc khen:

- Con gái mẹ đẹp lắm!

Na ngượng ngùng đỏ mặt vội lảng qua chuyện khác:

- Mẹ ơi thầy giáo khen con có khiếu chơi đàn. Thầy còn nói sau khi thi tốt nghiệp, thầy sẽ dắt con đi thi đàn ở tận Hà Nội. Mẹ cho con đi mẹ nhé!
- Con cứ chuẩn bị tốt cho kỳ thi, đến khi đó hãy tính!

Na ngoan ngoãn dạ rồi ngồi vào bàn học. Chị nhìn con rồi nhìn lên những tấm giấy khen dán sát nhau trên tường với vẻ hài lòng. Mới đó mà đã 6 năm. Ngày rước con từ tay anh, chị cũng chỉ mong mình sẽ nuôi con nên người, có một tương lai sáng ngời, khi ấy chị cũng không tránh khỏi nỗi hoang mang. Nhờ ơn trời, bé Na con chị càng lớn càng ngoan ngoãn lễ phép. Không có biểu hiện như những đứa trẻ thiếu cha khác. Chị thấy an lòng.

Một buổi sáng có tiếng chuông cửa. Bé Na chạy ra, nhìn thấy người khách nó reo lên mừng rỡ:

- A thầy, sao thầy biết nhà em? Thầy vào đi hôm nay mẹ em có nhà đấy!

Bé Na vui vẻ nắm tay thầy kéo vào nhà.

- Mẹ ơi, có thầy giáo dạy nhạc của con đến chơi.

Chị búi vội mấy sợi tóc loà xoà lại cho gọn. Vừa thấy thầy giáo chị ngỡ ngàng thốt lên:

- Ôi, là anh à!

Quân nhìn chị không chớp mắt. Chị không khác trước bao nhiêu, cả ánh mắt, sống mũi cao và đôi mắt buồn. Anh chưa quên bất cứ điều gì ở chị. Kể cả khi vượt qua bên kia đại dương để trốn chạy tình cảm của mình. Cuối cùng trái tim cũng mách bảo anh quay về.

Vẫn với nụ cười hiền từ, Quân gật đầu:

- Tôi vừa tốt nghiệp từ nước ngoài về, may mắn được nhà trường mời về dạy ngay. Bé Na giống chị quá!

Quân đã chứng chạc hơn nhiều so với 6 năm trước chị đã từng gặp. Họ ngồi rất lâu trong khu vườn rợp mát. Như những người thân lâu ngày gặp nhau. Quân bảo sang bên ấy rất nhớ tiếng dương cầm của chị. Chị ngồi lặng yên, không nói chuyện nhưng thấy lòng bình yên lạ. Quân bảo chị có thể tựa đầu vào vai anh một lát được không. Chị hơi ngả đầu lên vai Quân. Hình như đã từ lâu chị cần một chỗ dựa như thế này, chị đã quá mệt mỏi rồi.

Về phần anh, chung sống với Vân được một thời gian, anh cảm thấy chán ngán với tính cách đanh đá, cọc cằn của cô. Khác hẳn với người con gái ngọt ngào, nũng nịu một cách đáng yêu đến nỗi anh bỏ luôn cả vợ con đi theo cô như ngày nào. Lại gặp khó khăn trong tài chính, những cuộc cãi cọ liên tiếp diễn ra. Anh mới thấm thía hết tội lỗi của mình với vợ con. Nhưng anh không còn mặt mũi nào để quay về xin chị tha thứ. Anh đã đi qua ngôi nhà cũ rất nhiều lần vẫn không đủ can đảm dừng lại.

Một buổi tối, bước chân anh khựng lại khi nghe những bản nhạc quen thuộc mà thời yêu nhau chị hay đàn cho anh nghe. Anh nép sát vào bụi hoa quỳnh trước cửa, mắt dõi lên ô cửa sổ quen thuộc. Hoà lẫn tiếng đàn, anh nghe rõ tiếng con trong trẻo:

- Mẹ ơi con đàn có hay không? Là ba Quân dạy cho con đó!

Chị đang làm bữa trong nhà bếp, mùi thức ăn bốc lên thơm lừng

- Con gái mẹ đàn hay lắm!

Đứng bên cạnh chị là người đàn ông cao to với khuôn mặt sáng ngời hạnh phúc. Anh bước đi. Đi đâu thì anh chưa biết nhưng nhất định anh phải đi đến một nơi thật xa.

LA THỊ ÁNH HƯƠNG



NHỮNG TRÁI TIM THỦY CHUNG

NHỊ TƯỜNG

Nếu ba mươi hai năm qua Eugene Pavelik đã từng biết đến Cảng biển Aransas, anh sẽ không bao giờ dừng lại trên đại lộ 59 cho một người quá giang nhếch nhác như thế. Trong bóng tối đang từ từ đến gần của buổi chiều sắp tàn trong tuần trăng khuyết, anh biết mình gần như lạc vào những con đường lạ lẫm rồi rầm rẫn dẫn đến khu nghỉ mát đã được đặt trước. Anh cần sự giúp đỡ.

Trong tấm gương chiếu hậu của chiếc Cadillac đã năm tuổi, anh nhìn thấy một người xin quá giang dáng mỏng mảnh lê bước về phía mình. Anh thật ngạc nhiên vì sao lại có một ông già ăn mặc thật quá tồi tàn như vậy so với hầu hết những người xin quá giang. Ông già đang ôm cái túi vải bạt màu xám trong cánh tay. Trong một thoáng, nỗi sợ hãi với ý nghĩ đó có thể là vũ khí đã lướt qua trong óc của Eugene. Trước khi anh đưa tay ấn vào nút khóa cửa, ông già đã giật mạnh vào tay cửa xe và kéo cánh cửa mở ra. Ông trườn vào chỗ ngồi và mở ngay cái túi thể thao.

“Hy vọng là anh không phiền”, ông già rên rỉ với giọng nói mang một âm thanh như thể thói quen buổi sáng của ông là súc miệng với cái ly bẽ và giấy nhám. Ông kéo ra một đồng lông rồi bời với những cái chân rồi đặt lên lòng. Đó là một con chó săn nhỏ với cái nơ màu đỏ vòng quanh cổ. Con chó ngậy thơ liếm bàn tay chủ một cái rồi nhắm nghiền mắt và an tâm rơi vào giấc ngủ. “Đây là Toby. Nó là người bạn duy nhất của tôi trong tám năm nay”. Khi Eugene nở nụ cười yếu ớt, ông già nói tiếp. “Anh bạn, chắc anh vẫn còn chút thức ăn thừa nào trưa nay chứ phải không? Toby thật sự cần một chút gì đó để nhai”

Eugene quan sát vào người đồng hành mới của mình. Người đàn ông già nua này cũng diện một chiếc nơ đỏ quanh cổ và đội một chiếc mũ len trên đầu. Trông ông già có vẻ cũng rất cần một chút đồ ăn thừa nào đó như con chó của ông ta vậy. “Ừmmm xin lỗi. Cháu đã ăn ở Dairy Queen một chút trong lúc quay trở lại đó. Ăn hết sạch rồi.” Người đi nhờ gật đầu và Eugene hỏi:

“Bác đi có xa không?”

“Toby và tôi đang đi về quê tôi, Cảng biển Aransas”

Eugene mừng rỡ. “Thật là một trùng hợp ngẫu nhiên. Đó là nơi cháu đang định đến. Cháu có một tuần nghỉ ngơi sau công việc ở Houston và cháu đã đặt trước ở khu nghỉ mát nơi Vịnh Pirate. Thật vui khi gặp được bác, bởi vì cháu chẳng biết cách nào để đến được nơi đó. Nơi đó như thế nào hả bác”

“Nơi đó thế nào ư?”. Môi ông già lóe lên một nụ cười trong khi bàn tay già nua của ông ta vuốt ve bộ lông bù xù của con chó. “Thẳng đến Refugio một vài dặm, anh sẽ ra khỏi Đại lộ 77 và đến đại lộ 2678. Lát nữa tôi sẽ nói tiếp, nếu không anh sẽ lẫn lộn hết cho xem.” Ông già nhìn chăm chăm vào cái biểu tượng trên tay lái và nhắm mắt lại như thể nhớ ra một điều gì dễ chịu. “Đây là chiếc Caddy hử? Nó nhắc tôi nhớ cái thời Elvis đã cho tôi một chiếc.”

Eugene há hốc miệng ra và anh thôi không nhìn con đường phía trước trong một giây.

“Elvis Presley hả? Ông ấy đã cho bác một chiếc Cadillac sao?”

“Đúng thế. Màu sắc thì xấu xí. Tôi nhớ là màu vàng hoàng yến. Một loại quà tặng chia tay ấy mà. Một trong những người ca sĩ thường trực của ông ấy đã ôm nặng và tôi đã hát dự bị thay cho ông ta ở Vegas trong vài tuần. Đó là khi tôi trở lại để hát và chơi kèn ắc-mô-ni-ca vào buổi tối. Ông muốn tôi đến Nashville với ông ấy, nhưng tôi đã từ chối đề nghị của ông”

“Thế rồi....ông ấy là người thế nào hả bác?”

“Một con người tốt. Tuy nhiên là một người yếu đuối. Không bao giờ gặp gỡ một cô gái mười bốn mười lăm nào mà ông lại không thích. Đi cùng với cả một lũ chúng nó suốt chuyến đi đó.

“Khoan đã. Bác nói là bác đã hát với ông ấy?”

Ông già gật đầu. “Vâng. Thật khó tin hử? Không phải tôi lúc nào cũng tàn tạ giống như thế này đâu, anh biết đó. Sinatra [1] đã gây ra điều đó”

“Bác đang trêu chọc cháu phải không?”

“Tôi làm việc ở Vegas khi tôi còn trẻ. Đã gặp nhiều tên tuổi lớn. Khi tôi ký hợp đồng với người chỉ huy dàn nhạc của Sinatra, tôi nghĩ tôi đã rất cuồng điên. Tôi nghĩ, vì ở đó mà tôi trở nên như vậy. Vấn đề là, tôi luôn khai màn với một chai vốt ca trước buổi diễn. Khi quá say, tôi đã làm Frank lúng túng trên sân khấu. Sau buổi diễn, ông ấy nói với Eddie, một trong những thuộc hạ của ông ta hãy tổng khứ tôi. Frank nói với tôi sau đó rằng ông ấy chỉ muốn sa thải tôi thôi nhưng Eddie đã hiểu lầm. Trong vòng vài phút, tôi thấy chiếc kèn ắc-mô-ni-ca đã ép xuống cổ họng tôi. May mà viên quản lý của Frank đã thấy hết những gì đã diễn ra nếu không là tôi sẽ không còn ở đây giờ này. Sinatra đã trả tiền viện phí và một tờ séc mười ngàn đô la gửi đến phòng của tôi. Các bác sĩ nói tôi đã bị vỡ thanh quản và đứt các dây thanh âm”.

Eugene không biết người đàn ông đang thổ lộ cho anh biết những bí mật thực sự của cuộc đời ông ta hay là những câu chuyện hư cấu, nhưng nó cũng giải lao cho qua thời gian. “Làm thế nào bác có thể sống được sau thời kỳ đó?”

“Không bao lâu tôi đã xài bay mất mười ngàn và thế là tôi bắt đầu trôi dạt như cát trên bãi biển nơi tôi sinh ra vậy”. Ông ngừng lại vài giây rồi lại bắt đầu nói tiếp với sự mệt nhọc len lỏi trong giọng nói. “Tôi cần phải quay trở về nơi đó đêm nay trước khi quá muộn”. Sau đó, người đàn ông già nua kéo chiếc mũ xuống và quay mặt ra cửa sổ. Trừ những lúc cần thiết chỉ hướng cho Eugene, ông già vẫn im lặng. Họ đi về Aransas Pass, vượt qua một cây cầu bắc ngang cửa sông Intracoastal Waterway và tiếp tục qua phà nơi nối khu đất liền đến Cảng biển Aransas trên Đảo Mustang

Ông già hít một hơi thật dài thành tiếng và cất giọng khàn khàn: “Bây giờ tôi đã có thể ngửi thấy mùi nó rồi”. Ông nhìn xuống con chó. “Mày cũng vậy phải không Toby?”

Thật vậy, Eugene để ý, Toby có vẻ hoạt bát hơn. “Gì vậy, bác đã ngửi thấy mùi gì vậy?”

“Đó là biển. Hơi muối của vịnh Mexico. Thật là tuyệt khi đã về quê nhà”

Chỉ trong năm phút, chiếc phà đã lướt cập vào bến và Eugene nói: “Cháu đoán là cuối cùng chúng ta đã tới nơi. Đi đâu bây giờ hở bác?”

Ông già gật đầu, tắc lưỡi gọi Toby và nói: “Cuối đường rồi anh bạn trẻ à”. Ông nhìn ra qua tấm kính chắn gió và thốt vang từ trong cổ họng. “Nơi anh muốn đến nằm ở phía trước mấy lốc nhà đằng kia, nhưng tôi thật sự biết ơn anh nếu anh có thể chở tôi thêm một đoạn nữa đến nơi tôi đang đi.”.

Eugene đi theo những hướng chỉ đơn giản của người đàn ông và trong vài phút, chiếc Caddy đã ở trên bờ biển thành phố cảng Aransas. Ánh sáng của những ngọn đèn đường đặt cách quãng giữa các lốc nhà, chiếu sáng bãi cát dài và như trải ra con đường dẫn đến nơi ông già muốn đến, South Jetty. Đó là một khu vực của những tảng đá mòn gồ ghề tạo thành những bờ kè đá nơi dành cho người đi bộ. Chiếc xe dừng lại cách bờ kè dăm mét và người quá giang mỉm cười.

“Anh làm tốt lắm anh bạn trẻ. Đó là nơi tôi sẽ ở lại đây đêm nay”

Phía đối diện của ghềnh đá là dòng kênh giữa đảo Mustang và San Jose, nơi đại dương đổ vào các kênh của Vịnh Corpus Christi. Eugene không nhìn thấy nơi trú ẩn nào cho người đàn ông. “Bác sẽ ở lại ở đó sao?” Anh hỏi.

Để đáp lại, ông già đã cởi bỏ chiếc mũ len xuống và đặt nó trên cái túi thể thao. Ông cởi tuột hết những áo quần tả tơi và đôi giày rách đang mang trên người rồi bế con chó lên. Đẩy mở cửa xe, ông ta bước xuống xe và đi đến bên bờ đá. Ông bỗng dừng lại và đặt con chó trên một phiến đá để rảnh tay mở dây buộc cái quần lót rồi tháo luôn cái áo sơ mi ra. Trong chốc lát, người đàn ông trở nên trần truồng.

“Ê!” Eugene hét ngược giữa những âm thanh của sóng và gió. “Bác định làm gì ở đây vậy?”.

“Đây là nơi dành cho tôi đó anh bạn trẻ ạ. Không có nơi nào tốt hơn cho tôi đâu”. Ông già hôn lên trán con chó và giao Toby cho Eugene. “Đây, anh giữ nó giùm trong khi tôi đi xuống kia nhé.” Eugene đón lấy con chó trong khi ông già thoải mái chậm rãi ngồi bắt chéo chân trên cát.

“Chính tại nơi đây mẹ tôi đã sinh tôi ra. Đêm đó, bố tôi đang ở tít bên kia, trên những tảng đá, để vật lộn với một con cá cho bữa ăn của gia đình. Mẹ tôi bỗng đau bụng chuyển dạ và tôi chui ra không to hơn con cá mà ông đang câu được. Họ đã rửa sạch cát trên người tôi bằng nước biển

này". Ông già nhìn thấy Eugene đang bắt đầu nhặt những quần áo ông bỏ lại và lắc đầu. "Đừng lo lắng, anh bạn trẻ. Nơi tôi sắp đến không cần những thứ đó nữa. Chỉ có một điều là trái tim của tôi, nó không còn chút năng lượng nào hết. Tôi đang trở về lại nơi mà từ đó tôi đã đến, đúng theo cái cách ngày đó tôi đã đến đây. Anh hãy giữ lấy Toby. Nó không thích bánh ngọt, nhưng cơm thừa canh cặn gì cũng xong".

Eugene nắm những áo quần của ông già và bước đến gần con chó, "Cháu cảm thấy không đành lòng chút nào nếu để cho bác ra đi như thế này. Làm thế này thì không giống con người chút nào. Nó không..."

"Sau khi đến khách sạn, anh nhớ nhắc điện thoại và gọi cảnh sát giùm nhé. Để họ lo mọi việc cho tôi". Ông già ho hai lần. Đầu ông hạ thấp xuống và thở gấp. Ngừng lại một lúc, ông hướng mặt nhìn thẳng vào đôi mắt của Eugene. "Anh không thể làm gì được cho tôi bây giờ đâu. Hãy đi đi mà. Nhớ chăm sóc cho Toby nhé"

Eugene quay ngược trở ra, con chó nằm gọn trong cánh tay anh. Anh có cảm giác người đàn ông lòa lổ kia còn rất ít thời gian và tranh luận cũng không có ý nghĩa gì nữa. Khi ra đến nơi đậu xe, anh đặt Toby trong chiếc mũ của ông già. Ngoái nhìn lại lần cuối, anh lái xe ra xa. Ngay khi anh rời khỏi con đường cát để lên trên lề đường, một tiếng rít từ trong chiếc xe làm anh chú ý. Những tín hiệu đèn báo động trên xe vẫn không sáng. Không có dấu hiệu bất thường nào. Anh lái xe về bên lề đường và tắt máy. Tiếng ồn vẫn tiếp tục. Khi anh mở cửa xe để ra ngoài và kiểm tra động cơ, con chó liền ngừng việc gây ra âm thanh. Nó ngoạm lấy cái mũ len và từ trên ghế nhảy xuống lề đường.

"Toby! Quay lại đây. Toby!" Anh hét lên khi thấy con chó chạy thoát ra ngoài. Anh biết con chó đang chạy đi đâu và anh cũng biết rằng con chó sẽ bị cảnh sát bắt lại khi anh gọi cho họ để báo về người đàn ông đang ở bờ đá. Rồi anh sẽ đi đến trại giữ chó lạc trong một hoặc hai ngày tới và nhận con chó về như thể anh là chủ của nó. Anh sẽ chăm sóc Toby theo lời thỉnh cầu của ông già.

Hai ngày sau, anh thấy câu chuyện nhỏ về người quá giang trên trang hai, mục B của một tờ báo địa phương. Câu chuyện nói rằng có một người đàn ông vô danh nằm chết trần trồng trên bãi cát gần South Jetty. Cảnh sát không tìm thấy dấu hiệu của tội phạm và các cơ quan thẩm quyền nghĩ rằng người đàn ông đó là một ngư dân đã cởi bỏ quần áo chỉ vì muốn được thoải mái nhẹ nhàng, nhưng những nỗ lực đã vượt quá sự cho phép của quả tim ông ta. Một viên chức cũng nói rằng có một con chó nhỏ được tìm thấy tại hiện trường. Con chó cũng đã chết. Viên chức ấy cho rằng "có lẽ nó bị suy kiệt do vì đói"

Eugene gấp tờ báo và đặt xuống trên chiếc bàn bên cạnh hồ bơi ở vịnh Pirate. Cô gái xinh đẹp đang phục vụ cho anh một thức uống lạnh chọt giật mình khi nghe anh nói, "Họ không thể muốn gọi chết vì đói là gọi. Tôi biết khá rõ vụ này. Con chó nhỏ đó đã chết vì vỡ tim."

[1] Trong những năm đầu thập niên 1960, Frank Sinatra được xem như là ông vua trong ngành công nghiệp giải trí ở Mỹ. Ông có bị những tin đồn không hay về các mối quan hệ xã hội, bị dư luận phê bình về tính cách hơi quá mạnh mẽ nhưng ông vẫn là một ngôi sao trong lòng người hâm mộ nghệ thuật, bất chấp vòng xoáy của thời gian.

dịch từ truyện của Bob Clark.

NHỊ TƯỜNG



NẾU ANH CÓ BAY LÊN TRỜI

HOÀNG BÍCH NGÀ

Đêm. Tiếng tàu đêm!

Nhà tôi gần ga tàu hỏa nên luôn nghe được tiếng tàu đêm. Cứ mỗi khi nghe tiếng tàu đêm là tôi lại thấy băng khuâng, hoài niệm, nhớ nhung. Như đâu đây, tiếng ý ới gọi nhau trên sân ga, tiếng thì thầm nhẹ như hơi thở, tiếng cười khe khẽ, tiếng cười ròn tan...hòa cùng âm thanh của tàu đêm thừa xa xôi, thừa còn chiến tranh vọng về...

Đêm ấy, tôi đi tàu từ nơi sơ tán về nhập học ở trường Đại học sư phạm I Hà Nội. Tôi nhận giấy gọi vào đại học muộn nên nhập học vào cuối thu.

Đêm thu, trời se lạnh. Tôi được chị gái cùng đi, đưa tôi về Hà Nội nhập trường.

Tàu đêm, những ngày chiến tranh, không có đèn rọi sáng. Chỉ có ánh sáng của những ngôi sao trên trời, trời thu không một gợn mây. Rồi trắng cuối tháng hiện dần, chúng tôi lên tàu đỡ mờ mẫm vì có ánh trăng soi. Trăng thu vời vợi. Gió thu mơn man. Trời hơi lành lạnh,

May sao chuyến tàu đêm ấy không đông lắm nên chúng tôi vẫn có chỗ ngồi đằng hoàng. Trước mặt chúng tôi còn hai ghế trống. Mới ngồi được vài phút thì “ ào ào như gió thổi”, có hai anh bộ đội vừa nói vừa cười lướt đến chỗ ngồi đối diện với chúng tôi, Tàu chuyển bánh. Một anh lấy đèn pin rọi để gác ba lô lên giá để đồ của tàu, nhờ vậy, anh biết chắc, trước mặt hai anh là hai cô gái, còn chúng tôi biết chắc là hai anh bộ đội rất trẻ đang ngồi trước mặt chúng tôi.

Và rồi, một anh đã làm quen trước: “ Chào hai em, các em đi đâu vậy, sao lại đi tàu đêm? ”. Bà chị nhanh nhẹn nhanh miệng của tôi trả lời : “ Em đưa em gái về Hà Nội nhập học, nó sẽ làm cô giáo đấy ”.

Hai anh cùng cười vui vẻ. Một anh nói, chúc mừng em gái nhé, em lớn rồi đấy. Từ lúc ấy, chúng tôi thấy thật gần nhau, bốn người.

Chị tôi và một anh, tôi chắc là, cũng hay nói như chị. Họ nói chuyện với nhau như quen tự bao giờ. Anh kể, anh vừa học xong bách khoa thì có lệnh nhập ngũ và phải lên đường ngay, còn anh này là bác sĩ quân y, anh chỉ vào người bạn. Bọn anh được luyện tập để chuẩn bị đi B, Chỉ được luyện tập trong một tháng thôi. Lăn, lê, bò toài, đeo ba lô gạch...đủ cả .

Anh kể tiếp, cuối đợt tập, bọn anh được xuống thị trấn, gần nơi anh đóng quân chơi. Thị trấn yên tĩnh, cây xanh chen cùng những ngôi nhà ngói nâu sẫm. Người qua lại vẫn đông vui mặc dù người dân đã có lệnh đi sơ tán.

Hôm ấy, Thị trấn có chợ phiên họp vào lúc tang tảng sáng. Những cô gái Mèo (H'Mông.), cô gái Tày, Dao... xuống núi, ríu rít vào chợ. Đúng lúc phiên chợ đông nhất thì có tiếng máy bay rít lên, chúng có một tốp, bay rất thấp. Có tiếng súng phòng không, đạn bay chiu chiu. Và rồi, tiếng bực...bực, bom rơi, khói bốc mù mịt. It ai ngờ tới, bởi lúc đó quá bất ngờ, hệ thống phòng không chưa kịp phát tín hiệu: “ Đồng bào chú ý, đồng bào chú ý...máy bay địch xuất hiện trên bầu trời...”.

Bom đã rơi, máu người đã đổ. Mọi người nháo nhác, chạy tìm chỗ trú ẩn.

Phiên chợ tan. Thị trấn tan hoang, cây xanh sẫm lại, những ngôi nhà, mái ngói rơi tả.

Bọn anh chạy lại nơi bom đã nổ cùng người dân ở đây thu dọn hậu quả. Mất anh bỗng hoa lên, chân như khụy xuống, miệng đắng ngắt.

Máu...máu. Anh thấy, chỗ nào cũng có máu.

Và rồi, anh chợt tỉnh.
Chiến tranh đã gõ cửa thị trấn êm đềm.
Sau ngày đó, anh và đồng đội chuẩn bị lên đường ra mặt trận...

Chúng tôi lặng lẽ ngồi bên nhau. Chiến tranh là có thật.

Thỉnh thoảng ánh trăng thia lia vào toa tàu soi nhanh từng khuôn mặt... Tôi muốn nhìn thấy khuôn mặt anh. May sao, có ánh sáng của đèn pin, soi rất lâu vào thẳng chỗ anh ngồi, tôi thoáng thấy khuôn mặt và ánh mắt của anh. Đôi mắt đen lắm, chiếc mũi rất thẳng, và nụ cười, cho đến bây giờ tôi vẫn như ngợp thở khi nghĩ lại, nụ cười rạng rỡ, đôi môi rất nét, răng đều và trắng. Tôi thừa nhận, anh ấy rất đẹp trai. Khi nói chuyện, tay anh hay vung lên hoặc gõ gõ lên mặt bàn nhỏ xen giữa chúng tôi. Tôi nghe tiếng "leng keng" từ cái cái vòng anh đeo ở tay phát ra. Tôi hỏi anh: "Anh là con trai mà cũng đeo vòng tay à!". Anh cười: "Chiếc vòng này quý lắm, nó sẽ bảo vệ linh hồn anh đấy". Tôi muốn xem chiếc vòng đó lắm nhưng xấu hổ không dám nói lên ý muốn này.

Đêm như ngán lại. Anh ấy kể đủ mọi chuyện cho chúng tôi nghe. Hay nhất là chuyện anh bán chiếc đàn ghi ta để đi uống cà phê với bạn.

Anh nói, anh chơi đàn ghi ta cũng khá, thậm chí anh còn sáng tác một nhạc phẩm khi xa người yêu. Nỗi nhớ cồn cào người yêu khiến anh trở thành nhạc sĩ. Nhạc phẩm có tên **Đêm huyền diệu** ra đời. Anh hát nhẹ nhàng cho chúng tôi nghe, lời bài hát tôi rất thích, tôi nhớ không hết, chỉ đọng lại những ca từ anh luyến láy khi hát và hát đi hát lại cho chúng tôi nghe:

*Một đêm mùa thu
Ánh trăng mơ màng sáng trên mặt hồ lung linh
Môi mắt em vương đầy ánh trăng
Và hương sen hay mùi tóc em làm ngất ngây tâm hồn anh.*

*Dây đàn rung lên
Tình em dâng trào dạt dào bao nhiêu ý thơ
Muôn sắc hoa ngập tràn ước mơ
Như đôi cánh đưa đôi ta bay lạc vào tới chốn thần tiên*

*Cuộc đời đắng cay. Cung đàn đứt dây
Nước mắt em rơi đầy trên gối đêm
Anh ra đi trên nẻo đường phiêu diêu chông gai
Vẫn mang theo đôi mắt em ngập tràn ánh trăng
Và mùi sen ngát hương đêm nào...*

Giọng anh trầm và ấm. Nghe anh hát mà tôi như thấy, anh đang đi cùng người yêu, lạc vào xứ thần tiên có hồ sen đầy hoa sen nở, hương thơm thoang thoang bay xa. Gió đêm lay động đêm và tình yêu lay động hai con tim. Những chiếc hôn nồng nàn không rời xa họ, tôi nghĩ thế. Tôi chợt xấu hổ vì tưởng tượng của mình, tôi đã biết yêu là gì đâu. Tôi nghe anh hát, như nuốt từng lời, và tôi buồn, buồn cho một mối tình phải xa xôi, cách trở. Anh bạn của anh chợt nhẹ nắm tay tôi nhưng lại buông ra ngay như sợ lay động điều gì đó trong tôi. Còn chị tôi, vốn hát rất hay, chị "la... la..." theo anh. Rồi, anh , dừng lại, những giai điệu ngọt ngào vẫn day dứt, những ca từ nhẹ lướt, bay đi, vào đêm xa thẳm.

Tôi chợt tỉnh khi giọng anh thoang thoang: " Anh yêu cây đàn lắm, nó luôn bên anh. Thỉnh thoảng, những buổi ngồi chơi cùng bạn. tiếng đàn của anh cũng lay động khối cô nàng đấy!". Chị tôi cười: "Anh lại tán tỉnh giỏi nữa ai mà chẳng đỡ". Anh đặt nhẹ tay lên vai chị nói: " Riêng em, chắc gì đã đỡ, nghe giọng em, anh biết em không dễ đỡ vì một khúc ca!".

Anh kể tiếp. Cây đàn này, mẹ anh đã cho anh tiền để mua vì biết , anh ước có nó từ lâu nhưng không dám nói.

Anh mua đàn, đàn luôn bên anh, như hình với bóng.

Thế mà, anh vò đầu, thế mà...anh đã bán nó, các em có biết vì sao anh bán không? Chỉ vì một chén cà phê đấy, bọn anh mê cà phê như mê người tình. Cuộc chơi hôm ấy, vét túi của nhau, tiền không đủ một chén cà phê, làm gì để có tiền bây giờ? Bọn anh chẳng có gì làm ra tiền ngoài món của cải đáng giá là cây đàn của anh. Bọn bạn của anh gạ gẫm, “cầm cổ đàn đi cậu. Sau có tiền ta chuộc lại”. Nghe bùi tai, vả lại, chúng nó nói dai lắm, không cho anh lựa chọn, thế là đàn bay đi, và chẳng bao giờ lấy lại được nữa.

Tôi nhìn anh, mái tóc bông bênh hiện hiện khi ánh trăng lướt qua, dù anh có khoác quần phục thì cái dáng nghệ sĩ ấy vẫn ôm chặt lấy anh...

Tàu cứ lao đi vun vút, đường như ngán lại. Hai anh chị hát nho nhỏ những bài ca quen thuộc của những năm 60.

Tôi và anh bạn của anh, bác sĩ quân y, người nhỏ, cao và gầy, rất ít lời, ngồi nghe hai người nói chuyện, Có lúc anh bác sĩ cũng rủ rủ với tôi, anh lo lắng, không hiểu mình sẽ chữa bệnh cho bệnh nhân ra sao, anh chưa thực hành nhiều, liệu các bệnh binh có chịu nổi nỗi đau dao kéo...

Tàu băng băng qua vùng đồi núi, qua đồng bằng và tiến dần về thành phố. Qua các ga, tiếng người lao xao, í ới gọi nhau. Và cứ thế, mỗi ga là mỗi cuộc chia ly. Cứ mỗi khi qua một ga, tàu dừng là tôi lại nhớ, nhớ những buổi khóa học sinh chúng tôi chia tay những người bạn rời trường phổ thông để nhập ngũ. Khóa học của tôi có 5 lớp 10 (nay là lớp 12) thì số người nhập ngũ bằng quân số của 2 lớp học. Kể đi người ở, bịn rịn chẳng muốn rời nhau, tàu chuyển bánh, người ở lại chạy theo con tàu, người trên tàu vẫy người qua cửa sổ để vẫy người ở lại cho đến khi chẳng còn thấy bóng nhau nữa.

Tàu đã vào thành phố, đến ga Long Biên. Anh kỹ sư bỗng quàng tay lên vai chị tôi và nói: “Mắt em đen quá, em rất khôn đấy!”. Chị cười, và mắt như lấp lánh hơn, nhòa nhòa lệ. Còn anh bác sĩ, anh nắm chặt lấy tay tôi thì thầm, em là người đa cảm, em rất hay buồn, nhưng em luôn cảm nhận được nỗi lòng của người khác. Hãy nhớ đến bọn anh nhé...

Tàu đến ga Hàng Cỏ. Trời sắp sáng, ánh đèn ở sân ga đã giúp chúng tôi nhìn rõ mặt nhau. Chúng tôi xuống tàu. Chúng tôi nắm lấy tay nhau không muốn rời. Tiếng còi tàu vào Nam rúc lên chói tai. Khi các anh lên tàu thì tàu chuyển bánh, chị tôi cứ chạy theo tàu mà vẫy các anh, rồi nước mắt, sao các anh không để lại tên, để lại tên cho chúng em!

Các anh đã đi, đã theo tàu vào Nam. Chúng tôi ở lại. Hai chị em yên lặng đi bên nhau. Chúng tôi ra khỏi sân ga, chờ tàu điện để tìm đường đi tiếp vào Cầu Giấy. Tự nhiên tôi thấy buồn, buồn mênh mang.

Tôi đi chậm chậm, tôi những tưởng như nhìn thấy và nghe thấy tiếng cười của anh kỹ sư. Tiếng cười vang vọng xa xa. Anh đang cười và giơ cánh tay lên vẫy chào từ biệt chúng tôi, chiếc vòng bạc nhỏ khắc tên tuổi, quê quán của anh như chiếc lục lạc rung lên leng keng. Giọng anh vắng vắng bên tai tôi khi chia tay: “Nếu anh có bay lên trời thì chiếc vòng sẽ rơi xuống đất và tên anh sẽ ở lại cùng đất với các em”.

Nước mắt tôi trào ra, tôi âm thầm nhớ họ.

Bao năm đã trôi qua, trong tâm tưởng tôi, họ vẫn đẹp và trẻ như ngày nào, họ gần gũi với tôi, nhiều khi tôi day dứt vì không biết tên họ nhưng tôi vẫn luôn nhớ đến họ, nhớ họ đến nao lòng mỗi khi nghe tiếng tàu đêm rời thành phố ./.

HOÀNG BÍCH NGÀ



NHỮNG GIẤY PHÚT KINH HOÀNG

VŨ ANH TUẤN

Cảnh sát trưởng Palmer, thuộc lực lượng cảnh sát Gia-nã-Đại đang bình thần ngồi uống ly cà phê đầu tiên trong ngày ở ty Cảnh Sát. Đây là một thói quen mà ông rất ưa thích. Mỗi sáng trước khi vào việc ông thường tự dành cho mình mười lăm phút để uống cà phê, phải nói rằng thành phố Richmond thuộc vùng Quebec này là một thành phố tương đối yên tĩnh hiền hòa: một vài văn phòng các đại công ty ở giữa thành phố, rất nhiều quán ăn và cửa hàng xung quanh nhà ga, phần còn lại chỉ là những căn nhà và biệt thự lớn có, nhỏ có nằm rải rác trên các đường phố xen cắt lẫn nhau. Xung quanh thành phố là cảnh đồng quê với những trang trại rộng thênh thang nằm tản mát giữa những ruộng khoai tây, thứ sản phẩm duy nhất được trồng trong khắp vùng.

Vâng, Richmond đúng là thành phố lý tưởng cho một cảnh sát trưởng, miễn là đừng có ôm quá nhiều cao vọng, và đây cũng chính là trường hợp của Palmer, năm nay đã năm mươi lăm tuổi và đang chờ ngà y về hưu... Công việc chính của ông ta lúc này là lo điều hành trật tự giao thông và lo tìm kiếm những người, vật đi lạc; năm thì mười họa hòa giải những vụ cãi lộn giữa lối xóm, hoặc giữa một vài kẻ đã quá chén, và chỉ có thế thôi.

Sáng hôm nay, mùng 6 tháng Mười, 1993, là một buổi sáng đẹp trời và thật êm dịu của mùa Thu; cảnh sát trưởng Palmer đang nhắm nháp ly cà phê thì bỗng thấy có tiếng điện thoại reo:

- Cảnh sát trưởng Palmer phải không? Đây là cảnh sát liên bang ở Ottawa đây.

Cảnh sát trưởng Palmer lặng người đi một chút, không thốt được lên lời... Cảnh sát liên bang: ôi chắc có điều gì quan trọng đã xảy ra...

- Ông cảnh sát trưởng ạ, đây là một việc rất khẩn cấp. Cảnh sát liên bang Mỹ đã thông báo cho chúng ta biết là tên Gordon Mac G. đã vượt biên giới vào Gia-nã-Đại đêm hôm nay. Nhân dạng của nó như sau: hai mươi hai tuổi, cao một mét tám, tóc vàng cắt đầu đinh, mặt có nhiều vết tàn nhang. Tôi gửi kèm theo đây hình của nó bằng Fax, ông hãy mang nhân bản ra rồi dán ở khắp nơi ở Richmond.

- Dán ảnh à?

- Đừng ngắt lời tôi. Tên này rất nguy hiểm. Nó đã giết ba người ở Mỹ: một người bán dụng cụ đi câu, một cô hầu bàn và một người chủ cây xăng... nó cướp của họ những món tiền nhỏ rồi bắt họ nằm úp mặt sát đất, sau đó hắn bắn mỗi người một phát đạn vào ngay sau gáy. Đây là một tên hơi điên, đang được điều trị ở một bệnh viện thì hắn trốn ra. Hắn có mang theo một khẩu súng trường nòng xoáy.

Cảnh sát trưởng Palmer đã lấy lại được sự bình tĩnh:

- Nhưng tại sao hắn lại tới Richmond này làm gì? Hắn định làm gì ở thành phố này?

- Vợ cũ của hắn ở thành phố của ông và tên là Barbara Lynch. Cô này đã trở về sống với cha mẹ sau khi ly dị với hắn. hãy cố gắng bắt giữ nó ở nhà cô ta nếu chưa quá muộn. Chúc ông may mắn ông cảnh sát trưởng nhé. Cảnh sát liên bang sẽ gửi tăng viện tới cho ông.

- Chỉ trong nháy mắt sau khi vừa bỏ điện thoại xuống, cảnh sát trưởng Palmer đã hành động

mau lẹ như một tráng niên... Ông vội lấy cuốn niên giám điện thoại và tìm số của Barbara Lynch để báo cho cô ta biết, và dặn cô ta cố gắng cầm chân hắn để chờ cảnh sát tới kịp...

- Chào cô Lynch, đây là Ty cảnh sát.

Ở đầu giây đằng kia, tiếng kẻ trả lời gần như khóc:

- Thưa ông khủng khiếp quá: Hắn đã tới rồi và muốn tôi đi theo hắn. tôi đã từ chối và hắn đã dùng súng để đe dọa tôi. Tôi đã tưởng là hắn muốn bắn chết tôi rồi. Hắn là chồng cũ của tôi, đó là...

- Tôi biết, hắn có nói với cô là hắn đi đâu không?

- Không ạ. Hắn đã vùng bỏ đi như người điên.

Cảnh sát trưởng Palmer nhìn ra ngoài cửa sổ... Sau những rặng hoa, trên bồn cỏ vườn nhà đối diện có những trẻ em đang chơi đùa. Cần phải bằng bất cứ giá nào ngăn không cho thảm cảnh xảy ra. Lần đầu tiên trong đời, cảnh sát trưởng Palmer cảm thấy nỗi sợ hãi xâm chiếm lòng mình.

Đã sáu giờ chiều và George Levin đang lái xe về nhà. Khoảng cách từ cửa hàng bán dụng cụ y khoa của chàng về đến nhà cần độ mười phút lái xe. Nhưng mười phút trong hoàn cảnh này là rất lâu, và rất nhiều chuyện có thể xảy ra trong mười phút. Và dĩ nhiên là trước lúc ra về chàng đã gọi điện thoại về nhà, và được Kate cho biết là ở nhà yên ổn và nàng đã chặn kỹ còng cửa ra vào.

George Levin nhấn mạnh chân ga... Phía trên đầu chàng có tiếng máy bay trực thăng bay vù vù làm chàng cảm thấy nóng nảy hơn... Nhưng, thực ra tiếng máy bay trực thăng tuần tiễu như vậy lẽ ra phải làm chàng yên tâm hơn. Trong xe, đài phát thanh vẫn phát cùng một tin đã phát từ sáng ngày hôm nay liên quan tới tên sát nhân:

"Chúng tôi xin nhắc lại nhân dạng của tên Gordon Mac G.: cao 1.80m, mắt xanh, tóc vàng cắt đầu đinh, trên hai má có vết tàn nhang. Hắn đã hai mươi hai tuổi nhưng trông còn rất có vẻ con nít. Hắn giết người bằng cách bắt mọi người nằm úp mặt xuống đất rồi mới bắn vào gáy. Tuyệt đối không nên mở cửa cho ai vào nhà cả. Mỗi khi phát hiện dấu vết gì khác lạ, xin báo ngay cho ty cảnh sát".

Cuối cùng, hàng rào sơn trắng của căn nhà đã ở trước mặt. George Levin nhào về phía cửa và bấm chuông theo cách thức đã định trước. Chàng thở hắt hển và mừng rỡ khi thấy cả ba mẹ con an toàn: Kate vợ chàng, và Judith, con gái chàng mười hai tuổi, và em gái nó Sandra, tám tuổi. Hai đứa nó chạy ào lại nép vào cha của chúng. Chúng sợ. Nhưng George không tìm cách trấn tĩnh chúng, chàng thấy cần phải để cho chúng tiếp tục sợ để không làm điều gì bất cần.

George đang chỉ cho vợ chàng cách sử dụng khẩu súng mà chàng mới mua cho nàng thì đài truyền hình bỗng cắt ngang chương trình phát sóng để thông báo:

"Sáng mai, các xe cảnh sát sẽ tới đón tất cả các em nhỏ để đưa chúng tới trường. không nên để trẻ em đi học một mình. Hãy đợi xe cảnh sát tới đón chúng tận cửa mỗi nhà".

George Levin cảm thấy bớt lo ngại. Ngày mai Kate đã được vũ trang và hai con gái nhỏ của chàng sẽ được cảnh sát bảo vệ. Do đó, chàng ngủ được không mấy khó khăn và để khẩu súng ở trên cái bàn nhỏ cạnh giường. Sáng hôm sau khi ra khỏi nhà lúc bảy giờ, chàng cảm thấy trong lòng bớt lo lắng.

Trên đường đi, chỗ nào chàng cũng thấy có cảnh sát... Chắc là trong đêm đã có sự chi viện từ

phía cảnh sát liên bang ở Ottawa. Đài phát thanh và đài truyền hình cũng không loan báo chi mới. Cuộc tìm kiếm truy lùng vẫn tiếp tục.

Cửa hàng bán dụng cụ y khoa của Levin nằm ở phía sau nhà ga, trong một khu phố tương đối vắng vẻ. Vừa bước ra khỏi xe, George đã bị một cú sốc: cửa kính ở phía trước cửa hàng đã bị đập bể. Chàng bước lại gần để xem sự bể nát như thế nào... và ngay tức khắc, chàng bỗng cảm thấy rằng lẽ ra chàng không nên bước lại gần mà phải tháo chạy ngay, ngay lúc mới trông thấy cửa kính vỡ... Nhưng, đã quá muộn. một bóng người vừa chồm lên từ phía sau một cái bàn lớn, một bóng người trên tay có một khẩu súng trường.

- Lại đây ông bạn. Và đừng hòng giờ trò gì nghe!

Ngay phút đó George chỉ có một phản ứng duy nhất: nếu tên sát nhân ở đây thì Kate và hai đứa nhỏ đều được an toàn. Chàng chẳng phải là một người hùng. Và chàng biết rõ như vậy, nhưng vào lúc đó, đó là ý nghĩ duy nhất xuất hiện trong đầu chàng.

Chàng tiến về phía Gordon Mac G. bằng những bước đi của một người máy. Thằng Gordon này trông quả thật là rất trẻ, rất hơi sữa. Ta có thể coi nó như một đứa trẻ nít chơi trò cao bồi với khẩu súng dzôm mà người lớn cho nó. Nhưng mũi súng mà Mac G. đang ấn vào cạnh sườn chàng đâu phải là thứ súng cho trẻ nít chơi.

- Văn phòng của anh ở trên lầu phải không?

George chỉ còn có nước gật đầu.

- Lên trước đi, tôi đi theo sau.

Vừa vào trong văn phòng, Mac G. lại hỏi tiếp:

- Có bao nhiêu nhân viên sẽ tới làm việc?

George Levin cố gắng trả lời bình tĩnh

- Có năm người, một cô thư ký, hai người lái xe tải, một người thợ máy và một người kế toán

- Rồi, ta đợi chúng đến...

Gordon đảo mắt nhìn về phía cuối phòng.

- Này, anh là chủ nhân phải không?

Levin gật đầu nói "vâng"...

- Vậy thì lấy chìa khóa mở két tiền!

George bỗng cảm thấy một sự hụt hẫng ghê tởm. Thế này là chết tốt rồi. Kể ra thì thật khó tin, nhưng chính chàng thật sự không dễ dàng mở được cái két cũ xì của công ty, dù chàng biết rõ mã số. Chỉ có nhân viên kế toán đồng thời là thủ quỹ Ernie Collins là biết cách mở dễ dàng.

- Này anh... xin hãy tin tôi. Tôi nói thật đấy... Tôi không thạo cách mở két. Chỉ có người kế toán mở được dễ dàng. Tôi xin thề là tôi nói sự thật!

Để trả lời, Gordon Mac G. chĩa ngay mũi súng vào mặt chàng.

- Đừng, đừng, đừng có bắn! Ernie sắp tới rồi, chỉ vài phút nữa thôi. Anh ta sẽ mở được két, tôi thề rằng anh ta sẽ mở được. Trong két có rất nhiều tiền!

Mac G. nhìn chòng chọc vào chàng trong một lúc khá lâu, vẻ mặt đầy hơi sữa của hắn vậy mà lạnh như tiền. Cuối cùng, hắn phán:

- Được rồi...

George cố nén để không thở ra. Chàng đã tạm được tha mạng, ít nhất là ngay trong lúc này. Chính vào lúc này chàng trông thấy qua cửa sổ Louis và Andrew, hai người tài xế xe tải của công ty. Họ đang quan sát cửa kính bị vỡ... Giờ thì chàng thấy họ ngẩng đầu lên... và nhìn thấy chàng. Trong một khoảnh khắc, George cố dùng mắt để chuyển tải tới hai người tất cả sự hãi hùng của tình thế, trong khi miệng chàng thầm nói lên một tiếng "đừng, đừng lên" câm lặng. Nhưng hai người không hiểu nổi. Họ lấy tay ra dấu và nói một câu gì đó mà chàng không nghe được. Một lát sau cả hai người bước vào văn phòng.

- Ông chủ ơi, hình như đêm qua có trộm!

Tiếng nói vang lên từ phía sau lưng họ lạnh lùng và tàn nhẫn

- Đúng vậy. Đừng im cầm động đây. Đứng nguyên tại chỗ.

Sau đó đến lượt người thợ và Nancy, cô thư ký, và cuối cùng là Ernie Collins, người thủ quỹ và kế toán. Trước khi anh này nắm được tình hình, tên sát nhân trẻ tuổi đã tóm lấy anh ta.

- Nè, Ernie, mở ngay két sắt ra, lẹ lên!

Tới đây thảm kịch xảy ra. Bị bất thần rơi vào một tình huống khó tin mà thật, viên thủ quỹ rồi trí quên khuấy mã số. Anh ta xoay ngược xoay xuôi mãi mà không tài nào mở được cái két. Đôi tay ướt đầm mồ hôi của anh ta trơn tuột trên ổ khóa bằng kim khí. Anh ta như người mù và hoảng sợ đến mức hầu như không biết mình đang làm gì.

Lần này, Gordon Mac G. nổi nóng thực sự:

- Nếu trong một phút nữa mà mày không mở được, ta bắn mày chết ngay.

George Levin cảm thấy cần phải can thiệp ngay ngõ hầu ngăn chặn thảm kịch sắp xảy đến. Chàng tiến lại gần người thủ quỹ của mình và nói với anh ta bằng một giọng mà chàng cố gắng giữ cho được thật bình tĩnh.

- Đừng vội Ernie ạ. Cứ bình tĩnh mà làm, một phút là lâu lắm.

Người thủ quỹ nhìn chủ và gật đầu nói "vâng". Anh ta rút khăn mùi xoa lau khô hết mồ hôi ở tay, cố gắng tập trung và tiếp tục mở két.

Khoảng ba mươi giây sau, có một tiếng tạch khẽ khàng, nhưng tất cả đều nghe thấy rất rõ, rồi thêm một tiếng tạch thứ nhì, và sau tiếng thứ ba thì cửa két được mở ra.

Gordon ra lệnh rất chính xác:

- Nè, anh là chủ, hãy cho hết tiền vào một cái túi vải và ném về phía chân tôi... Rồi, tốt! bây giờ lấy cho tôi cái kéo để ở trên bàn giấy đằng kia

George cầm cái kéo đứng im lặng trong giây lát. Lần đầu tiên Gordon Mac G. mỉm cười.

- Bây giờ, xin "ông chủ" làm phước cắt dây điện thoại hộ tôi.

Rõ ràng là hắn cảm thấy hài lòng vì đã ra lệnh bằng cách gọi Levin là "ông chủ" và dùng các từ "làm phước", hắn thực sự hài lòng với chính hắn. Hắn đảo mắt nhìn tất cả mọi người như đợi để xem phản ứng của họ. Nancy, cô thư ký, như muốn gượng cười mỉm với hắn, nhưng nàng chỉ có khả năng òa khóc.

George Levin hắng giọng.

- A... Bây giờ ông đã lấy được tiền, ông đâu còn cần đến chúng tôi. Chả nên ở đây lâu lắm...

Người trẻ tuổi không trả lời. Bằng một giọng nói đều đều hắn ra lệnh coi như là bây giờ là lúc phải ra một cái lệnh "đương nhiên" như thế này:

- Tất cả mọi người nằm úp mặt xuống đất.

Nhưng ngay lúc đó hắn lại đổi ý: nghĩ cho cùng ta muốn trói tất cả mấy người lại.

- Nè, anh chủ, trong văn phòng này có dây thừng không?

- Có, ở trong kho ở tầng trệt.

- Vậy thì chạy đi lấy đi. Nhưng ta báo trước, đừng có làm trò khỉ gì đó, nếu không, chỉ trong một phút ở đây sẽ có cả đồng thầy ma đấy!

Như một người mộng du, George bước ra khỏi căn phòng, xuống cầu thang, đi qua cửa hàng và đi vào nhà kho. Và chỉ đến khi cầm cuộn dây thừng trong tay chàng mới nghĩ ra... Ủ, mà đúng thật! chàng đâu còn bị mũi súng của Gordon đe dọa. Cánh cửa thì mở toang ngay trước mặt. Chàng chỉ việc thoát ra và bỏ trốn là được an toàn. Không, không bỏ trốn, đi cầu cứu: đi tìm cảnh sát chứ không bỏ trốn... Đúng vậy, chàng sẽ đi tìm cảnh sát. Mac G. đã nói "hai phút". Trong hai phút chàng có thể tìm được một người cảnh sát và trở lại với người đó.

Đứng tần ngần một mình, trong tay có cuộn dây thừng. George Levin buồn bã lắc đầu. Không, không được. Chàng biết rõ là chàng không có đủ thì giờ, chắc chắn Gordon Mac G. sẽ bắn chết hết mấy người trước lúc chàng trở lại. Làm như vậy là chỉ tự cứu được có một mình. Và, nếu chàng bỏ trốn thì chàng sẽ phải tự thú với mình là CHÀNG LÀ MỘT THẲNG HÈN đã nở lòng bỏ trốn để năm người khác bị mất mạng. George đã có quyết định và chàng không nghĩ ngợi gì thêm nữa. Chàng như nghe thấy con tim mình gào lên: "Không, tôi không thể làm như vậy!"

Trở lại cái cầu thang, chàng phải làm một cố gắng lớn mỗi khi bước lên một nấc, trong lúc đó chàng vẫn cố gắng tự tạo cho mình lý do để hy vọng. Có lẽ chưa đến nỗi hoàn toàn tuyệt vọng. Mac G. chưa hề bao giờ trói các nạn nhân của hắn. Lần này hắn đòi trói, chắc là hắn muốn tha mạng cho họ. Hơn nữa trói năm người cũng mất khá nhiều thời giờ, rất có thể có viên cảnh sát nào trông thấy cửa kính bị đập vỡ và vào để tìm hiểu.

George rùng mình khi trở lại đứng trước mặt tên sát nhân ranh con. Trong lúc đợi chàng quay trở lại, hắn đã bắt tất cả mọi người nằm úp mặt xuống sàn nhà.

- Anh đi lâu dữ ha! Nào, lẹ lên, chính anh sẽ tự tay trói họ lại. Mấy người nằm cho im nghe không!

Người đầu tiên bị trói là Nancy, cô thư ký. Vừa trói. George vừa tự nhủ liên tục: "hãy còn một tia hy vọng, hãy còn một tia hy vọng..."

Gordon ra lệnh ngắn gọn.

- Đứng lui ra.

Hắn bước lại gần cô thư ký.

- Nè, thất thế này mà mày gọi là thất nút à? Thất lại ngay đi, và nếu mày còn tiếp tục thất như vậy, ta bắn con nhỏ chết luôn!

Lòng đau điếng, nhưng George vẫn phải tháo ra và thắt chặt lại cái nút. Chàng bước sang trái người thứ nhì. Trong đầu chàng luôn luôn lớn vồn cùng một ý nghĩ: "Nếu hắn muốn trói chúng ta, chắc là hắn không muốn giết chúng ta."

George tiếp tục làm việc trói các đồng sự, chàng nằm bò ra sàn, cắt dây thừng và thắt nút một cách vụng về. Trong phòng không ai dám nhao nhoe gì cả; tất cả đều im lặng như tờ. chàng cảm thấy như có những tiếng rung nhẹ ở ngay dưới ngực chàng, và phải mất một lúc chàng mới hiểu ra rằng đó là tiếng đập mạnh của các quả tim các bạn đồng sự của mình, kể cả tiếng đập của tim chàng nữa. Tiếng nói của Gordon Mac G. vang lên, lần này thật tàn nhẫn:

- Hãy thắt thật chặt đừng sợ chúng đau, vì có đau cũng chẳng ĐAU BAO LÂU NỮA!

George Levin bỗng cảm thấy đau nhói ở bụng, và chàng cũng thấy rõ các người bạn của mình cứng người ra vì sợ. Lần này, thế là hết. Mac G. đã lộ rõ dã tâm: hắn sẽ giết tất cả, từng người một, như giết thỏ.

Không, không thể thế này được! Phải làm một cái gì, một cái gì... Phải làm một cái gì, bất cứ cái gì, vì, nếu không thì chính chàng, và tất cả các bạn chàng đều coi như tiêu. Gordon đang ngồi trên một chiếc ghế, khẩu súng trường hắn để ở giữa hai đùi. George đã để ý thấy rằng mỗi khi chàng ngồi sụp xuống để trói các bạn chàng thì MŨI SÚNG CỦA GORDON NÂM CAO HƠN ĐỈNH ĐẦU CỦA CHÀNG MỘT CHÚT.

Tới lúc này chàng đã trói xong ba người. Mà người thứ tư, Andrew, một trong hai người lái xe tải, lại nằm ngay ở trước mặt Mac G., chỉ cách hắn độ hai thước... Chàng sẽ cúi xuống chỗ Andrew nằm dài, rồi sẽ bật người nhào xuống dưới khẩu súng, nắm lấy mũi súng và hất mũi súng lên phía trần nhà. Nói đại hắn có kịp bóp cò thì cũng sẽ chỉ là một phát súng chỉ thiên...

George Levin cúi xuống trên thân hình của Andrew... Tay chàng cầm một đoạn thừng làm như là sắp trói. Tim chàng đập mạnh quá khiến chàng buộc lòng phải chờ đợi vài giây... "Hãy bình tĩnh George, hãy bình tĩnh. Không được nh in Mac G. , vì nếu nhìn nó sẽ nghi. Hãy làm ra vẻ bận rộn trói để nó không nghi ngờ gì... Rồi... Nào!" George đã nhào lại. Mac G. đã bóp cò, nhưng đúng như dự đoán, viên đạn bay lên trời. Giờ đây George đã đề được lên người hắn. Tay trái chàng nắm họng súng đưa lên trời, tay phải chàng cố dùng hết sức đâm lia lịa vào cằm tên khốn kiếp. Andrew và Ernie, chưa bị trói, cũng đã vùng dậy và xông vào. Thế là xong...

Năm phút sau cảnh sát trưởng Palmer đã có mặt với một đại đội cảnh sát.

Trong lúc Gordon Mac G., nét mặt vẫn chưa hết vẻ ngạc nhiên, bị giải đi, George Levin chỉ nhẹ nhàng nói với ông cảnh sát trưởng: "Thôi tôi về đây. Tôi về để báo cho vợ tôi biết là nàng không còn cần tới khẩu súng sáu nữa."

một truyện của P. Bellemare

VŨ ANH TUẤN



CHIẾC LÁ

HÒA VẤN

(tặng Đỗ Cao Thiên - Sài Gòn)

Tần ngồi thẩn người trên sân thượng trước bông hoa mới vẽ xong, bông hoa màu đồng nội còn ẩm ướt sương mai không biết bao lâu rồi, có lẽ nửa đêm hay chậm hơn một chút. Nhưng sớm hay muộn bây giờ không quan trọng khi bông hoa tâm tưởng đã nở rồi.

Tần nhớ mỗi độ tết đến xuân về, hồi tóc còn để chỏm thường lon ton chạy theo mẹ về Gò Nổi thăm ngoại. Nhiều lúc bị mẹ la cũng chỉ vì mãi tần ngần đứng ngắm nhìn những bông hoa cỏ dại nhỏ xíu đủ màu sắc rực rỡ nở thắm ven đường quê, khi ấy hồn vía ở đâu đâu đến nỗi quên lửng đang đi với mẹ.

- Đi... đi... kéo nặng tới nơi rồi! - Mẹ mắng yêu, rồi nắm tay kéo đi như chạy.

Gò Nổi đẹp và nổi tiếng là đất học có nhiều danh nhân như Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, Trần Cao Vân... Biết các cụ qua lời kể trầm trầm của ông ngoại khi mới học lớp ba trường làng và cứ mỗi lần như thế Tần ước muốn sau này sẽ vẽ một bức tranh cỡ lớn về các loài hoa đồng nội để tặng quê hương và tặng các danh nhân. Trong đó, có một đóa hoa riêng tặng các bà mẹ sinh ra các bậc danh nhân. Thế mà từ khi thành họa sĩ ít nhiều tiếng tăm ở đất Sài Gòn, Tần không vẽ được một bông hoa đồng nội nào ra hồn. Có bông đẹp lông lẩy thì giống hoa hồng, nhiều bông vẽ xấu hơn bất kể hoa nào từng thấy, nên lòng ray rứt mãi...

Tần nhất quyết đóng cửa ở nhà vẽ. Tần nói với Ngân - bạn thân cũng là họa sĩ - sẽ không ra khỏi nhà, không gặp một ai nữa nếu không vẽ được bức tranh độc hoa đồng nội. Đêm qua Tần vẽ được bức độc hoa, rồi mở tung cửa nhà đón chào đất trời phơi phới vào xuân. Người đầu tiên thưởng thức bức độc hoa là Ngân khi cô mang cho Tần cà mèn phở, kèm theo tách cà phê.

Sau đó, sân thượng nhà Tần trở thành nơi rất nhiều người đến thưởng lãm tranh. Ai cũng khen hoa rất đẹp nhưng có điều gì đó lòng bất an. Tần vẽ thêm một bông nữa, rồi thêm một bông nữa, một bông nữa... Cứ vẽ thêm như thế, không những bức tranh hoa ngày càng xấu hơn mà còn cảm thấy thêm bất an. Tần nằm rã rượi, chẳng nói, chẳng rằng.

Ngày tháng trôi qua, bức tranh ngàn hoa đồng nội cũ kỹ, người thưởng lãm thưa dần rồi chẳng còn ai đoái hoài. Nếu như ngày vẽ xong đóa độc hoa đồng nội Tần nổi tiếng chừng nào thì bức tranh vẽ thêm ngàn hoa lại nhận chìm hồn phách Tần chừng ấy. Sài Gòn không nói làm gì, bởi chôn phồn hoa nổi tiếng đấy rồi lại vô danh tiểu tốt đấy! Khốn nỗi, ở quê bông hoa đồng nội được Tần sinh nở trên bức tranh độc hoa ấy, bà con làng xóm lúc tổ tường có sự lại tỏ ra khinh miệt. Có người còn đặt câu hát "Đất có trời, Gò Nổi có Tần người "họa sĩ".

Mỗi ngày thức dậy trong nỗi ám ảnh hoa đồng nội, Tần điện về cho bạn cũ ở quê gửi vào hàng ngàn bông hoa đồng nội khác, để mỗi ngày ngắm một chiếc rồi đặt thêm một tên mới như bông chuối nước trở thành hoa lửa, bông bìm bìm là hoa nhớ. Ngắm xong, đặt tên xong, vẽ, càng vẽ

càng giống như “quỷ sa” không hơn không kém. Ngân gợi ý: “Chẳng lẽ suốt đời Tấn mang nỗi buồn không vẽ được hoa đồng nội mãi hay sao?”. “Đễ đúng như vậy”. “Hoa cũng như người, ai bội bạc quên nghĩa quên tình, cả đời dù có làm gì, ở đâu, sống như chết!”.

“Hay là Ngân cùng về quê nội, quê ngoại của mình một lần, thăm lại nơi một thời tóc để chỏm, đi học trường làng, có những đứa bạn hiền như đất, chỉ biết rong chơi với cỏ hoa đồng nội. À, có một loại bông cỏ gà, tụi mình hãy bắt gặp được thì mừng vô kể, xúm nhau hái, sau đó cùng chơi trò chơi gà”. Tấn kể một mạch, Ngân ngồi chon hỏn nghe chẳng hiểu gì, bởi quê Ngân ở miệt sông nước Nam Bộ nên làm gì có loại bông cỏ Tấn nói đâu. Tấn như hiểu ra, cười cười: “Không hiểu phải không, ví dụ này...”. Hai tay cầm hai cây cọ vẽ còn nhèm nhèm phẩm màu Tấn giải thích rằng cây cỏ gà trổ trên đầu chồi non một chùm lá như thế này... Mỗi đứa một bông cỏ quất mạnh vào nhau, bông cỏ đứa nào đứt lìa cọng cỏ là thua. Ngân ậm ừ: “Mà bao giờ đi?”. “Đi ngay thôi!”.

Bây giờ trở lại Sài Gòn, Tấn còn nhớ mãi lời tâm sự từ những người bạn cũ thân thiết sống ở quê, theo đó bức tranh ngàn hoa đồng nội của Tấn nên vẽ thêm những chiếc lá vàng ở phần nền cuối của bức tranh. Không có sự sống nào không tàn lụi theo thời gian, song hồn của sự sống nếu được đặt đúng chỗ sẽ sống dậy và sống mãi...

Đứng trước bức tranh tay cầm cây cọ, tay bưng đĩa màu còn lại khô cứng, dăm chiêu suy nghĩ, hình như có ai đó nắm lấy tay Tấn nâng lên... Tấn vẽ những chiếc lá vàng. Bức tranh bỗng sáng rực rỡ. Hay tin Tấn từ quê trở lại thành phố bạn bè tới thăm và ngạc nhiên trước bức tranh cũ bây giờ tươi tắn, hồi sinh. Bức tranh ấy có tên Chiếc lá.../.

HOÀ VẤN



thơ

ĐÀO HỮU THỨC

LÁ NHỚ

Trời nghiêng gió vắn cong cành
Nắng không nắng mưa chẳng thành cơn mưa
Mưa vừa với nửa mưa xưa
Lá thành nỗi nhớ mấy mùa về xanh.

ĐÀO HỮU THỨC



Ừ THÌ NĂM MỚI

ĐẶNG CHÂU LONG

*ừ thì năm mới sắp sang
ừ thì ngày lun tháng tàn năm qua*

Cuối năm, ngày vẫn chậm nặng trôi như bao ngày, nhưng sao lòng tôi nao nao bần thần ngồi đếm lại những năm tháng đã qua đời tôi, những năm tháng mùa xuân không còn thắm, những năm tháng mùa hè chói chan đầu tiên.

Năm mùa xuân trôi qua khung cửa sắt, nghe báo tin xuân ừ thì biết là xuân.. Chạnh buồn, chạnh nhớ, nuốt ngược những giọt nước mắt vào trong, giả lả cười vui cùng bạn đồng cảnh:

*Thấy hoa nở khắp núi rừng xa tím
Anh giết mình mới biết đã sang xuân
Trong giao thừa không lấy gì đón Tết
Anh thờ dài khói thuốc cũng băng khuâng
Nơi quê cũ không biết em còn thức ?
Thắp giùm anh ngọn nến giữa đêm đen...
(nhạc Nguyễn Hữu Ninh, thơ NC)*

Ba mươi lăm mùa xuân còn lại, ngược xuôi bỏ sức lực để giành lấy tàn hơi, âm thầm như con dế trũi nép bên góc tối sâu, muốn ca lên thân phận cũng không có nổi làn hơi. Lại nhớ và thầm thì cùng mình bài ca Năm mới như ủi an người thân trong dịp sang mùa:

*Hãy thắp giùm anh ngọn đèn
Cho anh nhìn rõ mặt ngày vừa đến
Cho anh thấy chỗ chúng ta đang nằm
Cho anh thấy căn nhà chúng ta đã sống
Lần cuối cùng cho đến ngàn sau
(nhạc Phan Ni Tấn, thơ Chu Trầm Nguyên Minh)*

Tâm cảnh nào, thân phận nào đã xô đẩy lòng mình chung nỗi niềm xưa. Cũng vẫn vậy một thân phận mỏng, một nỗi âu lo kiếp sống kéo dài theo bước ta đi, nhếch môi chùng một nụ cười đa nghĩa, ngùi buồn.

Hôm nay nhìn tờ lịch sắp sửa vô dụng, quyền lịch sắp sửa quảng đi để thay vào đó quyền lịch mới, tôi thấy đứng đưng, lòng nguội. Dường như trong tôi chỉ còn sót lại chút ý nghĩa cần phải gìn giữ: Ngày cuối năm, dù thế nào cũng phải lết về gia đình, cũng phải nhóm lên ngọn lửa cuối năm cho nồi bánh tét xum họp. Ngày đầu năm viết cho cháu con một câu đối nhắc nhớ tình nhau. Cái thành trì cuối cùng của tôi chỉ còn có vậy. Ba mươi lăm năm nổi lửa chong đêm nấu bánh chờ xuân bên rận rả tiếng cười nói của những người thân. Mỗi người một việc, nhưng tâm điểm nồi bánh tét đã cho chúng tôi đậm đà tình nghĩa gia đình. Những bộn bề, những nghịch cảnh đã

không còn tồn tại khi ngọn lửa ấm thêu đêm sưởi nồng nàn chân tình của đại gia đình đêm đen tối 30.

Các em tôi đôi lúc bàn năm nay mua bánh cho đỡ mệt công, tôi gạt phắt đi. Chỉ còn một chút đóm nồng nàn này, phải để thế hệ sau thấy rõ tình cảm bùng dậy theo ánh lửa bánh Tết ba mươi này, có thể, chúng mới biết cách nhen lửa cho đời sau.

Người lớn tuổi chỉ biết đón năm mới theo cách của riêng mình, chẳng phải là mừng nhưng là một cách dạy cháu con giữ lửa.

Ngày mai Tết ư, ừ thì Tết

31-12-2014

NGÀY CUỐI NĂM

Đông thiên ám địa hôn

Bắc khuyết chẳng thể tròn

Nam phong còn chưa thấy

Niềm tây nổi héo mòn

VĂN VẬY

Sớm mai choàng mị mộng

Lại trải rộng ngày dài

Khát cháy tràn kiếp sống

Đơn điệu chùng đời phai

Cuối năm cũng chỉ vậy

Lòng xô đẩy buồn thiu

Ngợm vui, người lầy bầy

Gió chướng dập muôn chiều

NGÀY CUỐI NĂM 2014

ĐẶNG CHÂU LONG



BÊN ĐẬP ĐỒNG CHÁY

VÕ HỒNG

Đã đến nước cùng rồi, đã đến nước chót rồi, không còn trì hoãn được nữa. Bà con lối xóm đi hết. Vơ vét gạo củi, đùm túm áo quần đi hết. Lúa bò, dất trâu đi hết. Quẩy lúa gánh đường đi hết. Trên xóm Dương không còn tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng gà gáy trưa.

Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má.

Bỏ nhà cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết. Năm mươi tuổi trên đầu rồi, tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết cũng được. Chết là gì? Nhắm hai con mắt lại, nhẹ nhàng buông xuôi hai tay. Khỏi đi cấy, khỏi cần quặt giê lúa. Khỏi gánh nước đổ vào chum, khỏi quơ củi nhay vào bếp. Khỏi làm khỏi ăn khỏi lo khỏi tính. Thôi, cứ để cho tôi chết. Bà con cứ đi đi. Tôi lớn lên ở trên mảnh đất này, bắt đầu ngắt lá táo lá keo bỏ vào mẻ sành mảnh chén làm trò chơi nấu cơm với chị em bạn. Rồi cúi lưng xuống tập quơ cỏ lúa, cầm cái cuốc tập dẫy cỏ bắp. Đội cái thúng đi mót lúa, ôm cái rổ đi mò ốc gạo. Không, không. Tôi muốn chết ở trên mảnh đất này... Sao? Chị nói không được hả, Chết mà cũng không được hả? Sống mới khó chớ chết mà cũng khó à? Chỉ cần nhắm mắt buông xuôi hai tay mà cũng không được? Hồi xưa mẹ tôi chết dễ lắm. Trần trời với cha tôi rằng: "Thôi anh ở lại nuôi con. Con Lụa nó dại, tánh lòng bùng. Đừng đánh rầy nó tội nghiệp. Anh kiếm dì ghẻ cho nó, nhớ lựa người hiền lành". Rồi mẹ tôi không nói nữa. Mẹ tôi lên nằm trên sườn núi cạnh ông nội bà nội, ông cố bà cố. Cạnh ông Chánh Bát, ông Hương Hai. Cạnh thằng Mẫn con bà Tư, cạnh con Thìn, con Thu bà Ni. Ai cũng lên nằm trên đó hết. Sao đến đời tôi lại khó khăn vậy? Đi tản cư. Đi đâu bây giờ? Đây là quê tôi, quê chồng tôi cũng là đây. Chỉ có nơi đây là quen thuộc. Bến đò Cây Dừa. Xóm Đường. Chợ Chiếu. Hòa Tú. Núi Một. Đập Đá Hàn... Chị nói đi đâu? Vô quận hả? Vô Phú Tân? À, tôi nhớ rồi, bây giờ quận dời về Phú Tân rồi. Chợ Gành đó mà. Hồi còn con gái, bọn mình hay gánh đường bán chợ Gành. Nhưng bây giờ thì gánh cả gia sản vô ở luôn chợ Gành. Mình đâu có nhà bà con trong đó? Thôi, cảm ơn chị. Chị đi trước đi. Để rai rả tôi coi thử đã.

Bà Xự đưa tay lau dòng nước mắt ngựa ngựa nơi khoé mũi. Chiều xuống nhẹ nhàng. Bóng tối dồn về cây mít đứng sừng sững ở trước sân. Hàng tre im lặng. Chòm nhà bà Kinh, bà Nhuận lẫn vào bóng tối. Ngày thường, vào giờ này có ngọn đèn màu đỏ điểm giữa khung cửa đen sẫm. Bây giờ thì tất cả đều là màu tối loang lổ. Người ta đi hết. Hôm kia bà Kinh gánh trong hai đầu thúng hai đứa cháu nội. Quần áo cũ và mền bạc màu chèn chặt hai đứa bé. Xấp bánh trắng đặt lên đùi mỗi đứa. Ruột ghé gạo quàng vào một đầu gánh. Đầu kia lưng lửng cái nôi. Bà kịu kịt gánh cháu đi theo đoàn chạy giặc. Cha lũ nhỏ, thằng Sách đi cày bị trúng mìn. Một khúc ruột lòi ra nơi lỗ bụng

bị thùng. Y tá quận băng bó. Không có thuốc tiêm. Nó la hét nhiều lần rồi ngất đi. Máu rỉ qua lần băng băng. Đợi có chuyến công-voa chở ra nhà thương Quy Nhơn. Nhưng nghe nói mới đến Tuy Phước thì chết. Chôn cất thế nào ở ngoài đó, nằm ở nghĩa địa nào, ở đầu núi nào bà Kinh không hề biết, không hề thấy. Nghe chôn ở Hưng Thạnh. Chỉ biết là từ đó bà hay kể lể rằng thằng Sách thường hiện về trong giấc chiêm bao lặng lẽ nhìn mẹ rồi quay lưng thất thểu bước đi. Cái bụng quần băng đầy cộm như bụng người lính quần cái mền. Thằng Sách chết thì đôi bò bán đi. Đám ruộng nằm ở vùng bản lẻ do hai bên kiểm soát nên con vợ thằng Sách không dám tiếp tục ra đó cấy hái. Nó lần mò đi Tuy Hòa kiếm công chuyện làm ăn. Đi ở mướn cho hiệu cao lâu. Cả ngày ngồi ở sân sau rửa chén đĩa. Đĩa chén chất từng chồng, rửa hết lớp này thì đã có lớp khác bùng dồn ra. Ngồi trọ xương sống. Mỡ và bọt xà bông ăn ngón chân và gan bàn chân nứt nẻ. Đêm nào cũng thức rửa đến mười hai giờ, sau đó lại phải nấu nước pha phèn chua để dầm đôi chân. Cái lưng nhức tưởng chừng như có thể gãy làm đôi. Mỗi tháng ăn uống xong được lương bốn trăm đồng để gởi về nuôi mẹ chồng, nuôi con. Nhưng rồi nó không cầm cự được lâu. Ở nhà quê dù chân lấm tay bùn nhưng làm và nghỉ có giờ giấc. Cuộc sống rập khuôn theo sức phát triển của cây lúa cây bắp, mà cây cối thì không biết vội vã như máy móc, không làm người ta lúng túng như máy móc. Chậm rãi, trầm lặng, cây cối không kích thích bất người ta rộn ràng. Hôm con Sách xách va-li về quê thăm, nó mập và trắng ra. Nhà cao lâu thừa thãi đồ ăn dư, ăn tha hồ, những miếng thịt béo ngậy mỡ, những bát canh còn dư cả phân nửa, những đoạn bánh mì người ta mới bóc phần vỏ bên ngoài. Ăn không hết thì đổ vào chậu nước nuôi heo. Con Sách xót xa nhìn những miếng thịt mỡ dày óng ả, những muống "xốt" màu vàng, những đùi gà gặm nham nhỡ, những khúc ruột bánh mì trắng xốp bị lừa rơi tống vào thùng nước cơm. Con Sách nhớ tới thằng Tuồng, thằng Triện. Giá có lũ nhỏ ở đây mà sót cho chúng ăn. Ở nhà, ba bà cháu chỉ cầu có đủ cơm ăn. Thường bữa cơm chỉ có rau muống, rau sam, tương, một đĩa cá liệt kho trắng chớn, lỏm chớm xương kỳ nhon hoắt. Nhiều hôm chúng ngồi chống đũa nhai cơm lạt.

Nhưng nhọc nhằn quá, con Sách cầm cự không được lâu. Sau chừng ba tháng thì nó đã bỏ cuộc. Nghe nhằn về nói nó đã theo một bà chủ tiệm vàng đi Đà Lạt. Bẵng đi ba bốn tháng không thấy tin tức, bà cháu lay lắt với số tiền dành dụm còn lại. Với mấy gia. lúa mót được từ hôm mùa tháng Ba, với số rau cỏ gầy còm mọc ở bờ ruộng, bờ ao. Sự sống xoay quanh cái mâm gỗ đen xỉn bị gặm sứt nhiều mảng. Sự sống thoi thóp đó vẫn không được để yên. Bà cháu đã đùm túm nhau đi tản cư.

Bây giờ đến lượt mình... Mình đi đâu? Ở nhờ nhà ai? Lấy gì mà ăn? Ở đây còn có thể quơ quào bốn phía nhà kiểng lấy củ mì củ môn, trái dưa trái mít. Nhưng mà không được nữa rồi. Bom thả liên miên. Dây nhà ngói của ông Tổng Viên bị bom lửa cháy rụi, tiêu sạch. May Phước cả gia đình đã dọn đi rồi. Lửa cháy lan đốt thêm nửa xóm. Dưới xóm Đình lớp thì bom, lớp thì súng, lớp bị chết cháy, lớp bị chết đạn. Ở xóm Ngựa, nhà cháy và người chết, trâu bò bị chết thui trong chuồng. Đạn đại bác lâu lâu được dọt ra vài chục trái bất kể đầu hôm hay giữa khuya. Trúng ai nấy chịu. Ông Hương Ngọng ở hàng Dao bị đạn đại bác sập hầm gãy chân. Thằng cha Bộ Ở xóm Mía ầm con chạy chưa tới hầm thì đại bác nổ tan xác hai cha con. Quân đội ra lệnh đồng bào tản cư nhưng đi tản cư đâu có dễ. Nhà cửa bề bộn đó, cái bàn, bộ ván, bồ lúa con heo, khiêng sao gánh sao cho hết? Biết mang theo cái gì, bỏ lại cái gì, Mỗi vật nhỏ cũng có giá trị của nó. Mua sắm rải rác suốt một đời người, những vật dụng đó gần gũi cạnh mình đến nỗi chúng như có linh hồn.

Có tiếng chân sột soạt ngoài hiên. Tiếng nói nhỏ:

- Chị Năm! Có chị Năm ở nhà không?

- Ờ! Chị Thủ Hai đó hả?

- Sao? Chị dọn dẹp xong chưa? Nhớ đem theo ít đồ đạc thôi. Bỏ bớt lại. Nặng quá gánh không nổi.

- Chị ngồi lại đây một chút.

Hai người đàn bà ngồi bệt dưới nền đất, cạnh nhau.

- Chị nghĩ thử bây giờ mình đi đâu.

- Thì cứ theo vô quận đã.

- Trong đó nước khó gánh, nhà cửa chật chội. Mà mình lấy gì ăn?

- Kệ nó, tới đâu hay tới đó. Tàu bay thả bom quá, chịu không kham. Thằng Chiến nó chân chừ rồi cũng phải lừa bò đi.

Tiếng xì mũi của bà Xự.

- Tai trời ách nước, ai muốn chi vậy. Thôi chị lo dọn dẹp đi. Thắp đèn lên.

- Sợ đại bác nó ngó thấy.

Bà Thủ Hai không nín cười được:

- Chị nói như điên. Đại bác ở tuốt trong quận bắn ra. Bắn ào ào cầm chừng mà thôi, chớ đâu có nhắm ngọn đèn của chị mà bắn. Thôi, để tôi chạy về nhà. Nhớ mờ sáng thì đi. Tôi ghé qua kêu chị luôn.

Trong xóm không còn sót mấy người. Lần này rủ nhau đi coi như chuyển chót. Thôi kệ tới đâu hay tới đó.

Bà Xự uể oải đứng dậy thắp đèn. Hai cái bao lát đặt trong hai chiếc thúng để giữa nhà đã chứa đầy những vật bà chọn đem theo. Áo quần. Gạo. Nồi. Bộ lư đèn bằng đồng cỡ nhỏ. Dao rựa, dây dừa, chén bát, võng. Bà cầm đèn đi soi nơi bàn thờ. Nước mắt tuôn ra khi nghĩ rằng nơi bàn thờ này linh hồn chồng bà sẽ vất vưởng cô đơn. Người đàn ông đó đã sống với bà hơn hai mươi năm. Từ một anh nông dân thanh niên khỏe mạnh, người ấy đã lớn, đã già bên cạnh bà. Tính hiền lành mà hay đổ quạu. Hà tiện hà tận. Qua mùa cày bừa thì làm thêm nghề thợ mộc, thợ đóng cối xay. Không ai thuê mướn thì họ đan lờ, thả câu cá. Đang làm ăn ngon lành thì ngã ra chết. Thật vô lý, khoẻ như trâu, bắp thịt nổi cuộn cuộn như vậy mà cảm thương hàn mới bốn ngày đã nhập lý, lưỡi đen, mắt giương mắt chiếu rồi chết. Còn ai lo hương khói? Từ chiều mai bàn thờ này sẽ lạnh tanh. Bà rút một cây hương châm vào ngọn đèn rồi cắm vào bát hương.

Bức tranh thờ viết chữ Thọ có vẽ hình bông hoa lồng trong nét bút. Hai hàng câu đối chạy hai bên. Bức tranh đã phủ nhiều bụi. Bà cầm đèn đi xuống nhà dưới. Cây cột bằng tre già lóng lánh. Bao nhiêu bàn tay mồ hôi đã sờ lên nó. Có nhiều vết dao băm lên thân tre. Đó là vết dao của thằng Xang chơi nghịch băm lên khi nó lên sáu tuổi. Bà chỉ sinh được mình nó. Khi cha nó chết, nó thay cha cày cấy. Tánh tình ít nói. Bà bảo nó:

- Mà có thương con Bằng, con bà Câu Qua thì nói. Tao nhờ mai mối đi hỏi cho.

Nó lúng búng:

- Ai thương ai nhớ gì mà đi hỏi.

- Chớ mà thương ai?

- Không thương ai hết.

- Bộ mà muốn đi tu hả? Con trai lớn thì phải kiếm vợ. Nhà không ai, mà cưới vợ để đỡ đàn chân tay.

- Mẹ muốn thì mẹ đi cưới lấy.

Bà la lên:

- Thằng này nói đại. Tao cưới vợ cho tao làm gì?

Tuy la lỏi nhưng bà cảm thấy an tâm. Mười tám tuổi mà không biết mê gái, không biết soi gương vuốt tóc thì nó sẽ là đứa con có hiếu. Mười đứa con bất hiếu thì hết chín là đồ mê gái. Có mê gái mới bỏ mẹ bỏ cha. Bà yên tâm gởi tuổi già vào một thằng con chỉ biết cặm cùi sau đuôi bò, chỉ biết tính toán buổi cày công cấy, chỉ biết vác cuốc dọn bờ hay cầm liềm đi cắt cỏ.

Tiếng thằng Xang chậm chậm:

- Sắp sửa đi quân dịch mà còn nói chuyện cưới vợ.

- Thì mà cưới vợ rồi đi. Để vợ mà ở nhà với tao.

Xang xì một tiếng:

- Có đứa con gái nào chịu đại vậy.

Đến tuổi, thằng Xang đi quân dịch. Đôi bò bán rẻ cho ông Xã Xu. Thôi đợi ngày mãn dịch nó về thì sắm lại đôi khác. Bây giờ không có nó ở nhà thì ai chăn? Bà đi quơ cỏ mướn, cấy thuê kiếm ăn qua quýt đợi ngày con về. Bốn tháng, sáu tháng. Mỗi tháng trông đợi dài bằng năm. Cây xoan trước cổng nở hoa vào lúc nó ra đi bây giờ lại nở hoa. Phải một kỳ nở hoa nữa thì nó về. Con tu hú báo hiệu mùa mui giẻ chín. Phải một mùa tu hú kêu nữa thì nó về. Cây ổi xá lị nó xin giống ở đồng Tròn về trồng năm kia, năm nay đã ra được hai trái. Sang năm nó về thì ổi sẽ chín đầy cành. Tha hồ nó mừng. Để đi hỏi con Bằng cho nó. Muốn hay không muốn tùy kệ. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Giao cho vợ chồng nó ở căn nhà ngang. Bắt vợ nó nuôi thêm vài con heo. Bằm rau và chuối cho heo ăn. Rong ở dưới bầu ông Chỉ xanh dờn.

Giữa lúc bà tính nhẩm ngày về của con, vừa dự toán công việc làm ăn thì có tin thằng Xang bị phục kích chết ở Phù Cát. Chết! Chết! Cái chết đợi con người ở mút đường đi. Có người đi đường dài, người đi đường ngắn. Thời bây giờ lũ nhỏ đi đường ngắn. Đám ma rớt cuộc chỉ có người già khóc lóc đi đưa. Tre khóc măng. Đến chừng tre ngã thì hết nghe tiếng khóc. Con gái làng đến tuổi không còn con trai đi cưới. Chúng tản mát chạy về thành phố kiếm công ăn việc làm và kiếm chồng.

Những thế hệ nối tiếp nhau nằm an nghỉ trên đầu núi. Tội nghiệp, thằng Xang thằng Sách thiếu

mặt. Thằng Sách nằm ở doi núi Hưng Thạnh chẳng biết mặt nhìn ra ghềnh ráng hay nhìn về An Khê. Thằng Xang của bà thì không khéo mồ mả đã san bằng mặt đất bởi nước lũ mưa ngàn. Những đêm sáng trăng chắc có con cọp ngồi rình mồi bên cạnh hòn đá giần đầu mộ.

Ba đứa đó hồi nhỏ chăn bò một gò, tắm bò một bến. Ngồi kết từng cái lá mít chằm làm mào ông tướng, ông vua rồi tết lá chuối làm râu. Tụi nó mang râu đội mào cầm giáo hát bội, nhảy múa hò hét suốt ngày dưới chòm táo nhơn cạnh nhà ông Hương Trưởng. Tụi nó đánh đáo, đánh mạng, đánh lú dưới bóng cây gạo. Tháng Bảy tháng Tám bông gạo nở đỏ mùi hăng thúi cả vùng. Ba đứa lớn lên, đứng cạnh nhau trên một sân gặt. Những cánh tay giơ cao bó lúa to, đập thành thịch xuống chồ tre, hột lúa tung rào rào, rơi lộp bộp trên nón. Ba đứa thường gặp mặt nhau trên một đám đất, cuốc gốc mía phàm phạp, cuốc cỏ bắp sào sạo. Ba đứa thương nhau như ba anh em, kể từ ngày chung nhau bài hát "Tôi có nuôi một con chó. Trông nó to như con bò. Mai nó kêu quâu quâu quâu. Một nó kêu quâu quâu quâu", hát trật giọng sai nhịp, cho đến khi lớn, riêng tư mỗi đứa nghĩ về một người con gái. Bây giờ thì ba đứa đó đều ngã xuống hết, mỗi đứa một cách, mỗi đứa một nơi, nhẹ nhàng, gọn gàng như ba thân chuối bị phạt ngang bởi lưỡi rựa bén. Những đứa con trai! Trong thôn không còn những đứa con trai. Gồng gánh đùm tùm chỉ có đàn bà và và con nít.

Tiếng một con ếch ương gào to lên làm bà Xụ giật mình. Bà bưng đèn đi thần thờ từ nhà bếp lên nhà trên. Mùi khói nhang nhắc nhở những ngày âm cúng. Bây giờ thì lạnh lẽo. Ngày mai còn lạnh lẽo hơn nữa. Mỗi mệt ở nơi sống lưng. Mỗi mệt ở hai đầu gối. Bao nhiêu công lao, bao nhiêu nhọc nhằn mới làm nên cái nhà này. Từng gánh đất ruộng gánh đồ chồng chất hàng mấy tháng trời mới làm được cái nền nhà này. Vợ chồng ra công gánh, chiều mát và đêm trăng. Có tiếng con chim sơn ca hát rung rinh ở đỉnh đầu. Có ngọn gió nồm thổi ngả ngọn cỏ. Rồi sau đó chan chát tiếng chàng tiếng đực, cắt cưa bào khoét, cây cột cây kèo, cây xà cây trính. Rồi rui ròi mè, rồi mằm tri ròi rơm nhào với đất bùn, rồi từng tấm tranh chụp lên, rồi sắp nóc. Chồng bà hiện diện ở khắp nơi trên mái, ở dưới nền, mồ hôi chảy thành dòng ở giữa ngực. Bó lạt tre cặp ở lưng quần, chân giẫm nhèn nhẹt vào đất rơm, tay nổi gân siết từng nuốt dây, nuốt nứa. Bà thì quần xắn đến tận đùi hết gánh đất đến trộn rơm, hết nấu nước pha trà đến quần vai vác tre khiêng gỗ. Ngày êm ả tiếp theo ngày ngọc nhàn, nằm trong nhà nghe mưa rơi rào rào trên mái, nghe gió rít từng luồng vật vã ở bờ tre.

Nghĩ đến đây, bà oà khóc thành tiếng.

Con chim bìm bịp cất giọng trở canh. Tiếng chim vang từ bụi rậm ở bờ ao, lạnh lạnh rền xa trong bầu không khí vắng yên mát lạnh. Bà Thủ Hai luồn tay đẩy cánh cổng tre bước vào sân, vào nhà. Sự yên lặng rờn rợn. Bà đi lại gần lay bà Xụ.

- Dậy! Chị. Mờ sáng rồi.

Mơ hay tỉnh đây! Mình hiện giờ ở đâu? Ở trong quận hay còn ở nhà? Hay đã chết rồi? Ông Xụ Ơi!

- Dậy gánh đồ đi chị.

Gánh đồ đi. Thế nghĩa là nỗi khổ cực đang tiếp tục. Nó bị ngắt quãng bởi một giấc ngủ chập chờn, đầy mộng mị, bây giờ nó lại tiếp tục.

- Mẹ con con Bao và ông Trùm Đẹt đi cùng một chân với mình. Họ ngồi chờ ở ngoài đường.

- Mời họ vô nhà.

- Thôi, ăn uống gì mà vô. Đi rửa mặt đi. Chà, gồng gánh gì mà nặng dữ. Cửa ngõ nhà sau đã gài đóng kỹ chưa?

- Dạ, gài tẩn kỹ rồi chị.

Gáo nước khua lổn cồn vào thành chum. Tiếng nước sóng sánh quen thuộc, lạch tạch rơi xuống đất. Bàn tay vốc nước lã lên mặt. Mỗi mê ở cổ. Cay nơi con mắt.

Bà Thủ Hai quảy dùm gánh ra sân.

- Cái nón đâu? Coi còn thiếu món gì không? Đóng cửa gài then lại cho chắc chắn.

Tiếng cánh cửa gỗ đóng "két", nặng và dài. Chùm lục lạc cột ở khuy cửa khua rũng rũng. Toàn là những tiếng quen thuộc, những tiếng quen nghe từ hai mươi năm, hai mươi năm nay. Những bụi ớt. Giàn mồng toi. Đụn rơm. Cây mít còn ôm ấp những mảnh bóng tối. Cây ổi xá lị của thằng Xang. Bà quay mặt đi không dám nhìn nữa. Cái gánh đề lên vai. Thôi tụi bay ở lại. Má đi chắc không về. Tụi bay sẽ héo, sẽ khô không còn ai tưới nước cho tụi bay nữa. Tha hồ những con chim sẻ, những con chim quành quạch đục rĩa tụi bay. Má đi chắc không về nữa.

Những người ngồi đợi trước cửa làm bà hơi yên lòng. Con mẹ Bao dẫn hai đứa con. Mỗi đứa quàng một ruột ghé. Thằng cu Lớn đội cái mũ lính bằng vải mềm màu phân ngựa. Thằng cu Nhỏ đầu quấn khăn trắng như để tang. Nó bị miếng bom xẹt trúng cách đây một tuần. May không chết. Hai đứa ngáp dài rồi trộm con mắt nhìn bà trân trân. Ông Trùm Đẹt đen và gầy và cong như gốc tre già bị ám khói. Cái miệng móm riết lại, má trũng sâu như hai lỗ đáo. Bộ râu dài lơ thơ, màu đục bần. Da thịt khô cằn không nuôi nổi bộ râu.

- Ông Trùm Sáu cũng đợi bữa nay mới đi?

Đó là lời chào của bà. Giọng khàn khàn đục hơi của ông Trùm Đẹt:

- Tôi đau gần chết chị Oí. Bữa nay mới khoe khỏe một chút. Gắng gượng mà đi.

- Con mẹ Bao, mày đi Quy Nhơn hay đi đâu?

- Dạ, cứ lần vô trong quận rồi coi đã.

Họ gồng gánh lục tục ra đi, kẻ trước người sau trên con đường hẹp. Sương ướt đầm ngọn cỏ quệt vào chân những luồng lạnh. Những ngày đi ra đồng sớm, cỏ cũng quệt sương vào chân lạnh như vậy. Đi co ro vòng tay trước bụng hay thủ hai tay vô bụng thật dễ chịu. Cỏ mọc lẩn ra đường. Vắng người đi lại mới chừng hai tháng mà cỏ đã mọc lẩn ra tự do. Không có những mồm háu ăn của lũ bò đi qua thì cỏ và bụi cây tha hồ mọc. Bà Thủ Hai mở lời:

- Nghe vợ chồng ông xã Chí đã lợt ra Quy Nhơn rồi. Đi theo đoàn xe hành quân.

- Con ông làm phó đại diện thì chính phủ phải để ưu tiên -Lời chị Bao.

- Bà Quảng mẹ Ông thư ký quận cũng đi theo công voa.

- Tôi sợ lắm bà ơi. Thà đi bộ. Lỡ trúng nhằm mình.

Ông Trùm Đẹt lăm lũi bước không buồn nói năng. Người đàn ông thường bạo dạn nhưng lại mau thất vọng hơn đàn bà. Ông không vợ, không con. nhà nghèo không có phương tiện cưới vợ. Quanh năm cứ đôi dép cao su lốp xe và cái rửa làm vật tùy thân để đi làm thuê làm mướn cho người ta. Lúc bình thường vẫn phải vay gạo hàng xóm để nấu. Ra đi tản cư mà chỉ có một cái khăn gói quàng trên vai. Đựng cái gì trong đó? Không thể có nhiều gạo, giấy bạc và áo quần.

- Vô trong quận kiếm nhà con Thâm ở nhờ, -bà Thủ Hai dừng đỉnh nói.- Nghe nói nó làm ăn khá. Buôn bán có tiền.

- Không chắc có còn chỗ. Cả xóm mình ai cũng nói vô ở nhờ nhà con Thâm.

- Không được thì mình kiếm nhà khác. Đồng bào tản cư mà, ai nỡ hẹp bụng.

- Thây kệ, tới đâu hay tới đó. Mình đã đánh nước liều rồi mà. Mình đâu có muốn đi. Nhà cửa chắc gì còn dư để mình xin ở nhờ. Dân chạy giặc cả một quận, hỏi ở sao cho hết nơi xóm Phú Tân nhỏ bằng bụm tay. Nằm ngủ bờ ngủ bụi rồi cũng bệnh chết.

Con đường đi trùng xuống, bao quanh bầu ông Chì. Lá ấu và rong đuôi chồn làm mặt nước có màu xanh tối. Những con cò đứng rụt cổ ngủ trên cành tre. Êm ái thanh bình là giấc ngủ. Phải chi lúc này chị Thủ Hai đừng đến kêu mình dậy. Lại tiếng con bìm bịp. Một tiếng gọi ồm ồm, hối thúc, giục giã. Một tiếng nhẹ nhàng như tiếng muống bột đổ vào khuôn bánh xèo nóng mỡ. Hồi còn con gái mình đi chợ Giã về nghe tiếng "xèo" của con bìm bịp, mình hay nói đùa với con Thiện "Thiện ơi, bước lên đi mày. Ở nhà đúc bánh xèo chờ rồi đó". Thoáng chốc mà mình đã già rồi.

- Nè chị Năm, hay là vô Phú Tân rồi mình kiếm xe đồ đi Tuy Hòa luôn.

- Tôi cũng chẳng có bà con nào ở Tuy Hòa.

- Vô Tuy Hòa còn kiếm cách buôn bán chút đỉnh. Bán bánh mì, bán chè cháo...

- Già đâu còn đi bán bánh mì.

- Kệ nó chớ.

- Tùy ý chị. Tôi thì tản cư ở ít bữa. Liệu yên yên thì mò về.

Mặt trời lên khỏi rặng núi A Man. Màu nắng vàng yếu ớt và rung rinh. Chắc là tại đêm qua thiếu ngủ. Không có bóng con trâu trên cánh đồng. Hai chiếc máy bay rà sát trên đầu, tiếp sau là tiếng nổ xé tai. Mọi người nhào vào trong bụi. Thằng cu Nhỏ khóc thét lên. Không phải bom nổ mà là tiếng nổ của máy bay. Mọi người lom còm bò dậy, phủi quần áo. Lại tiếp tục đi. Lũ nhỏ mỗi chân cứ lạch bạch đi tụt đằng sau. Con đường hun hút xuyên sâu vào giữa hai bờ tre.

- Gắng chút nữa đi con. Gắng đi tới đập Đồng Cháy rồi má cho nghỉ một lát.

Tiếng nước chảy ào ào thoáng nghe từ xa dội lại. Đập Đồng Cháy. Bà Xự cảm nghe như một cái nhói trong tim. Còn hai khúc quanh nữa thì tới. Đi qua khỏi quán bà Diễm, đi qua khỏi đám bông của ông Cửu Chín. Bước qua một con lạch. Tiếng nước đổ rào rào. Đi vòng theo một đoạn đê. Lá tre khô nhũn nát dưới bàn chân. Xuống cái dốc hẹp. Đến đây rồi.

Lũ nhỏ mừng quá chạy lẹ đến gốc cây vông, tháo ném ruột ghé gạo xuống đất. Mọi đòn gánh

đều hạ xuống. Ông Trùm Đẹt tụt khăn lau mồ hôi trán rồi cầm nón lên quạt. Chị Bao nắn đùi cho hai đứa con. Bà Thủ Hai lần mở khăn gói trầu. Riêng bà Xự thì thần thờ đi lại gần mép nước.

Những cừ gỗ cao to, đóng lún sâu xuống cát, ôm choàng vào nhau, xoạc chân để chống giữ sức nước. Khoảng giữa đập, nước đổ ào ào, bọt tung trắng ngần. Bọt nước trắng vỡ ra, bị nước cuốn đi, chạy vội vã về những miền xa lạ. Lau sậy hai bên bờ vật vã theo chiều gió cuốn, rung rinh những tua hoa óng ánh tựa kim tuyến. Tiếng nước ào ào tuôn đổ, át hết mọi tiếng động xung quanh. Nước tuôn từng mảng lớn, dày, uốn cong lại, nước ánh như dầu. Nước đổ say mê, mãi miết không dừng. Nước réo từng bùng, sôi sục, vầy vùng. Tất cả tâm hồn bà Xự như bị cuốn hút theo tiếng nước đổ và đang từng bùng sống dậy. Không phải là sức sống tàn tạ của tuổi năm mươi mà là sức sống ào ạt của tuổi hai mươi đam mê mãnh liệt.

Đập Đồng Cháy. Nơi đây bà đã gặp Năm Xự, đã để cho Năm Xự cầm tay lần đầu. Hồi hai người còn đang ở tuổi xuân rụt rè. Thật là một buổi xế chiều êm đẹp. Lụa - tên hồi còn con gái của bà - đang cắt cỏ ở bờ soi mía kia. Gió giữa đồng thổi mạnh làm vật vã những thân mía đang tơ. Giỏ cỏ đã cắt đầy mà trời còn sớm. Lụa bẻ lá rải thành một cái nệm mỏng trên cỏ rồi ngả lưng nằm ngửa mặt nhìn trời. Da trời xanh, cao vút, lảng vảng vài gợn mây mỏng. Mùi nhựa cây, mùi hoa dại pha với mùi đất ẩm tạo thành một mùi thơm nồng, ngây ngất. Tiếng nước đập đổ ồn ào, đều đặn như một điệu ru. Lụa lơ mơ nghĩ vẩn vơ. Mùa gặt sắp hết. Đêm qua đập lúa cả đêm. Thằng Thất hát ghẹo con Hòa. Thằng Được nói chuyện tiếu lâm tục tĩu quá. Thằng mất dạy. Con Cam thương thầm thằng Xự. Mỗi lần bà Bông cặp đôi nó với Năm Xự là nó nhắm tít con mắt lại cười. Năm Xự thì mắc cỡ. Năm Xự hiền, bộ mặt xinh trai. Mùa gặt sắp hết rồi. Không còn những tối đập lúa rộn ràng, những đêm khuya gánh lúa công đi về, đi từng hàng trên bờ ruộng hẹp. Năm Xự có đôi lông mày đen rậm... Mùa gặt...

Có những lúc nào đó Lụa bỗng quên hết, quên hết, quên hết, tâm hồn lâng lâng nghe mơ hồ tiếng nước đổ ào ào rồi nhỏ đi thành tiếng rì rào rồi im băng mắt. Rồi ào ào trở lại.

Chợt nàng giật mình. Có ai đứng cạnh. Năm Xự.

- Uở.

Năm Xự lúng túng:

- Tôi giặt bò đi tắm. Qua đây...

Bằng những câu nói gì tiếp theo mà hai người có thể ngồi cạnh nhau để nói cho hết cả buổi chiều, mãi cho đến lúc hoàng hôn gài từng miếng tối vào lùm cỏ rối, vào từng bụi chim chim, bụi quít, bụi găng... Lụa không còn nhớ nữa, chỉ biết là khi sắp chia tay, Năm Xự bạo dạn nắm tay nàng mà nàng không phản đối. Trong sự im lặng ngưng đọng, nàng hồi hộp nghe tiếng tim mình đập và tiếng nước đổ ào ào như che chở, như rộng lượng bảo vệ. Hai người thương nhau từ đó và nơi hẹn hò thường là chỗ gặp gỡ ban đầu, nơi bờ soi này, bên đập nước đó. Luôn luôn có tiếng nước đập ồn ào hiện diện.

Bà Xự chợt nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình. Hình ảnh cô Lụa tan biến vụn vút.

Hết rồi! Hết rồi! Không! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi. Nó đã nhìn thấy tôi tóc đen mượt và má tròn phúng phính. Nó đã thấy tôi trẻ đẹp và được thương yêu. Chỉ có nó. Nó nhắc nhở đến chồng tôi. Đến hạnh phúc của tôi. Mọi người khác đều nói: "Chiến tranh. Chạy giặc.

Súng nổ. Bệnh. Đói. Chết..." Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ. Tôi sẽ không về ở trên xóm, tôi sẽ về ở cái chòi trang giữ bắp nhỏ trên doi đất này, nơi đó tôi đã gặp chồng tôi, ngày xưa. Tôi sẽ sống lây lất với củ lang củ mì, với rau má rau dền, với hến với ốc. Thôi bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tội nghiệp thân tôi. Tôi đã...

Bà Xự vụt bỏ chạy. Dáng bà chênh vênh chạy loạng choạng trên bờ đê cao. Chân sụp xuống mương. Té nằm xoài xuống. Lồm cồm ngồi dậy. Chạy... Té... Gượng dậy. Chạy... chạy... Không... không...

Đoàn tản cư về đến quận thì chỉ còn có năm người. chiều xuống vội vàng khiến họ hồi hải vừa đi vừa chạy. Phải đến nơi trước giờ thiết quân luật. Từng đoạn đường dài sâu hun hút phải lặng lẽ chạy qua. Không dám nhìn sang hai bên. Có miệng súng nào đang há tròn chờ sẵn đó chăng? Có cặp mắt thau sáng quắc nào đó của con beo con cạp từ động lớn về rình đó chăng? Bom đạn nổ tan rừng, cạp mò về đồng. Đồng sâu núi thấp ngày trước còn rộn rã chân người, bây giờ vắng hoe nên trở thành giang san của beo của cạp. Mọi người rùng mình. Quang cảnh lúc này còn ám ảnh họ: đôi thúng đôi bao còn để đó mà mù Xự đâu mất. Kêu. Không có tiếng trả lời. Hú. Chỉ nghe tiếng núi vọng lại yếu ớt bên cạnh tiếng đập nước đổ ào ào. Sục sạo tìm kiếm, đập bờ đập bụi. Vẫn im lìm.

- Coi chừng có mìn gài.

- Chết coi chừng có mìn gài.

Mọi người đồng nói như vậy và sự hăng hái bỏ rơi họ. Họ đi lò dò, dáo dác nhìn trước nhìn sau. Lại kêu, hú. Núi đồi lại vang nhẹ nhẹ tiếng hú mơ hồ. Mặt trời đã lên tận đỉnh đầu. Con đường đi về quận còn dài. Máy bay rà trên đầu, tiếng động cơ ào ạt vụt qua, gầm nổ bùng tai làm kinh hoàng những bầy chim. Chúng bay vụt từng đàn, bay tản mát cánh đập loạn xạ.

- Chị Năm ơi. Chị Năm Xự Ơi!

- Ớ bà Năm.

Mất đồ hào quang và mồ hôi chảy thành dòng. Thằng cu Lớn, thằng cu Nhỏ ngã chúi trên những bờ ruộng mấp mô. Sau một hồi tìm kiếm vô vọng, họ trở về mé đập. Không ai nở quyết định bỏ bà Xự Ở lại nhưng mọi người đều lặng lẽ quảy gánh lên vai. Phải gấp đi về quận trước buổi chiều. Không ai nở nói lên ước đoán của mình nhưng ai nấy đều không cưỡng nổi ước đoán. Sụp xuống một búng nước rồi chăng? Bờ mương con lâu ngày không ai dọn cỏ, cỏ mọc um tùm chẳng còn biết chỗ nào là đất, chỗ nào là nước. Bị ma giấu rồi chăng? Người chết nhiều quá những năm gần đây, lắm xác chết không có người chôn cất. Thỉnh thoảng chó tha một bàn tay, một mảng da có tóc bê bết cát bùn. Hay cạp? Hay beo?

Đoàn tản cư chỉ còn có năm người, hấp tấp, hồi hộp, im lặng. Sau lưng họ, con đập Đồng Cháy vẫn đồ tuôn từng khối nước lớn, tiếng dội ầm ầm ào ào, bọt tung trắng ngần, vỡ ra, quay cuồng len lỏi chảy giữa những tảng đá to màu xám.

VÕ HỒNG



ĐỌC KIỀU

NGUYỄN VĂN THƠ

Đã là người Việt Nam nói đến chuyện Kiều ít ai là không thuộc. Người thuộc nhiều thì lâu lâu, người thuộc vừa phải thì dăm bảy trăm câu. Còn người mà số phận hẩm hiu không nhận được mặt chữ thì chỉ ít cũng thuộc vài bốn chục câu qua lời mẹ ru, bạn kể. Tại sao Truyện Kiều lại có sức hấp dẫn khủng khiếp như vậy? Có lẽ ngoài những vần thơ mượt mà đầy ấp trữ tình, đầy ấp tính nhân văn thì cái ý tứ thâm thúy, sâu xa mà tác giả luôn luôn để “lơ lửng giữa trời”. Đó là cả một kho báu bí mật, nó đã kích thích sự ham mê khám phá. Điều này ngoài kho tàng dân ca, các truyện thơ khác không có được. Là người mê “Kiều” vừa phải, những lúc rỗi tôi thường lôi “Kiều” ra đọc. Khi thì đọc suốt, khi thì nhảy cóc, rồi nằm suy ngẫm những tưởng mình đã hiểu “Kiều” lắm lắm. Mãi cho đến lần đọc thứ “một nghìn lẻ một” này, khi đọc đến đoạn Kiều báo oán, báo ân. Nàng bảo Thúc Sinh rằng

“...Sâm thương chẳng vẹn chữ tòng
Vì ai nên dăm phụ lòng cố nhân
Gấm trăm cuốn, bạc ngàn cân
Tạ lòng để xứng, trả ân gọi là...”.

Mọi lần tôi vẫn nôm na nghĩ rằng nàng phân bua với chàng là tại vợ chàng quá ghen nên nàng không thể giữ trọn chữ tòng với chàng được. Và chút lễ mọn chỉ để tạ ân nghĩa của chàng chứ không xứng với lòng chàng. Nhưng đọc đến lần này một ý nghĩ chợt lóe lên làm tôi giật mình, bủn rủn chân tay, mồ hôi toát ra như tắm. Tôi tự hỏi nàng vốn là người rạch ròi, phân minh “Nghìn vàng gọi chút lễ thường” để trả ơn “phiếu mẫu” mà sao với chàng nàng không trả cho sòng, cho xứng, hay bởi tại lòng chàng...không xứng? Nhớ lại khi xưa chàng muốn lấy nàng làm lẽ, nàng đã nói với chàng :

“Như chàng có vững tay co
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài”

Nhưng khi nàng bị đòn hình thì chẳng dám can ngăn mà chỉ biết kêu trời :

“Nông lòng chẳng biết nghĩ sâu
Để ai trắng tuổi, hoa sầu vì ai?”

Rồi khi nàng bị Hoạn Thư bắt về nhà để đầy đoạ trả thù. Chàng thừa biết mọi chuyện đã lộ tẩy nhưng vì sĩ diện hão nên chàng cố tình làm ngơ không ra tay cứu giúp mà chỉ biết than:

“Thấp cơ thua trí đàn bà
Trông vào não ruột, nói ra ngại lời”

Đối với nàng đây là chuyện sống còn, là giành giới giữa địa ngục với thiên đường . Vậy mà với chàng chỉ là một vụ tính toán hơn thua:

“ Rõ ràng thật lừa đôi ta
Làm ra con ở, chúa nhà, đôi nơi...”

Rồi khi gặp nàng ở ngoài am các, mặc dù thừa biết việc nàng chạy trốn nếu Hoạn Thư cho người đuổi theo là không thể thoát. Nhưng để rảnh lòng chàng đã phán quyết một cách vô trách

nhiệm:

“Liệu mà xa chạy, cao bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi”

Ngay cả tiền lộ phí cũng không lo cho nàng được để đến nỗi một người con gái con nhà gia giáo, trong trắng là thế, thánh thiện là thế, trong cơn túng quẫn phải xuống tay ăn cắp đồ thờ tự để làm lộ phí. Tấm lòng chàng như vậy hỏi còn gì cho thiếp tạ đây... Hỡi ôi! Giá mà nàng cứ nổi đóa lên như người đời vẫn làm khi khinh ghét thì còn dễ chịu. Thế gian này có còn người nào thâm thúy, sâu sắc đến thế nữa không..?

Xuyên suốt tập truyện thơ ta đã được thấy cách ứng xử của nàng, khi vui, khi buồn, khi hạnh phúc, khi cam chịu đắng cay tủi nhục... Nguyễn Du đặc biệt chau chuốt ngôn ngữ cho nàng luôn luôn toát lên vẻ đẹp hiện thực, dịu dàng. Riêng đoạn thơ này duy nhất một lần hiếm hoi tác giả kín đáo hé ra cho ta cơ hội được chiêm ngưỡng một vẻ đẹp hiếm thấy. Kể cả khi là người phán xét nàng vẫn dịu dàng, sâu sắc ... “Tạ lòng dễ xứng”... Ở đây có sự lập lờ con đen gây khó hiểu, hỏi ai dễ xứng với ai, lòng hay lễ?...Càng nghĩ càng thêm nề phục. Tác giả đã kì công giành câu nói thâm thúy nhất, cho nhân vật đáng yêu nhất để làm cho cái nét của nàng vốn đã quá hiện thực, dịu dàng nay lại càng thêm cao sang, thánh thiện. Trách móc kiểu gì mà cứ ngọt thỉu, ngọt thiu nghe như là đang khen ấy. May mà chàng Thúc đã sớm nhận là kẻ “Nông lòng chẳng biết nghĩ sâu” bằng không chịu sao cho nổi.?

Đã có lúc tôi thấy tiếc, giá mà cụ Nguyễn Du sửa câu:

“Liệu mà xa chạy, cao bay”

Thành câu: “Liệu mà cao chạy, xa bay” cho người đọc dễ nhận ra tấm lòng anh chàng họ Thúc. Xong lại nghĩ lại, nếu thế thì cụ đã chẳng còn là cụ nữa. Ngay cả chuyện nàng không dùng vàng để trả ân cho chàng Thúc mà chỉ dùng “bạc” thôi cũng là điều mà người nhạy cảm mỗi khi xem đến không thể không suy nghĩ động tâm. Tự nhủ với lòng từ nay đọc Kiều phải đổ mồ hôi sôi nước mắt mới mong đỡ đắc tội với người. Còn cứ đọc làu làu như con vẹt thì dầu có đọc đến mòn đầu lưỡi cũng chẳng bao giờ cảm nhận được hết cái hay, cái sâu sắc mà tác giả lao tâm gửi gắm...!

Bởi vì truyện Kiều thâm thúy, sâu sắc như vậy nên đôi khi mỗi người hiểu theo một lẽ để rồi gây lên những tranh cãi kéo dài thiết nghĩ cũng là chuyện thường tình. Hiểu thế nào là tùy thuộc vào cảm nhận của ta, nhưng nếu đã cầm bút viết lời bình thì điều chính xác và công bằng là vô cùng cần thiết.

Tôi xin được bàn thêm một chút về vấn đề trên. Nếu có điều gì không phải rất mong sự cảm thông chia sẻ.

Thuở ấy đạo nho đang thịnh, có nhiều nhà nho phải sống ép xác. Nét mặt họ phải luôn luôn làm ra đạo mạo, ngoài mồm họ phải luôn thốt ra những lời nghiêm túc, nghiêm trang. Nhưng cái khát, cái thèm trong lòng họ có trời mà biết. Những người như vậy có khát khe, ghen ghét với Kiều cũng dễ cảm thông. Còn có những người như Nguyễn Công Trứ chẳng hạn. Vốn dĩ nổi tiếng là phóng túng, ăn chơi cô đầu nhà thổ mà còn hạ bút rửa nàng “Đáng kiếp tà dâm”. Những người này khiến cho ta liên tưởng đến một người đang nắng khát nhìn thấy quả chua mà chẳng thể ăn, nước rãi chảy long tong mà miệng vẫn kêu “không thêm, chua lắm...”

Đến ngay cả cái anh chàng Từ Hải cũng có không ít người cho là hình tượng anh hùng mà cụ Nguyễn Du mơ ước. Theo tôi thì chẳng bao giờ cụ coi Từ Hải là anh hùng cả. Với Từ Hải cụ Nguyễn Du chỉ mô tả là một người hữu dũng, vô mưu. Với một nếp sống giang hồ buông thả và một nội tâm đơn giản. Những mẫu người này không thể là người làm nên nghiệp lớn, cũng như không đủ tài trí để làm cuộc cách mạng thay đổi vận mệnh xã hội. Với một động cơ đơn giản:

“Phong trần mài một lưỡi gươm”

Với thái độ tự đắc của kẻ tiểu nhân đắc trí khi được Kiều khen:

“Anh hùng đoán giữa trần ai mới già”

Thử hỏi không có lời khen ấy của nàng liệu Từ có “Động lòng bốn phương” để chứng minh lời nói lỡ thốt ra với nàng hay không?

Khi Hồ Tôn Hiến dụ hàng, chúng ta xem kĩ lại đoạn thơ trên:

“...Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ
Một tay gây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành
Bỏ thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu
Áo xiêm giàng buộc lấy nhau
Vào luồn, ra cúi công hầu mà chi
Sao bằng riêng một biên thù
Sức này đã dễ làm gì được nhau
Trọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai...”

Thiết nghĩ đoạn thơ trên là lời cảm bình của tác giả chứ không thể là sự suy nghĩ của Từ Hải như nhiều người vẫn nghĩ. Vì nếu Từ Hải nghĩ được sâu sắc như thế thì chắc chắn anh ta đã thuyết phục được nàng bởi nàng vốn là người thông minh luôn thấu tình, đạt lý.

“ Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ” vì thế chính bản thân anh ta đã nghiêng ngả sẵn nên khi nghe nàng khuyên thì anh ta mới gục ngã hoàn toàn. Một kẻ trong tay cầm sổ mạng hàng mười vạn người không được phép vì ham bổng lộc cho cá nhân mình mà hồ đồ như vậy. Để đến khi chết vẫn còn “ Nhơ nhớt còn đứng chôn chân giữa vòng”.

Từ “ nhơ nhớt” xưa nay người ta vẫn dùng để chỉ những người mặt dày mày dạn. Ngu thì chết, tham thì chết là đương nhiên rồi có chi còn vác cái mặt nhơ nhớt thế? Lại còn chờ nàng đến khóc lóc rồi mới chịu ngã ra. Ôi anh hùng kiêu gì mà lạ vậy. Thiết nghĩ cụ Nguyễn Du chẳng ca ngợi gì Từ Hải cả. Với nhân vật này chỉ nên bằng lòng với cuộc sống “ Một mái nhà tranh, hai trái tim vàng” Với con tim trung thực, với cõi lòng nông cạn anh ta sẽ hạnh phúc lắm lắm khi được một người vợ sâu sắc như nàng điều khiển, sai khiến. Còn việc “ Động lòng bốn phương” gây sự can qua không mục đích, không lý tưởng như vậy chỉ làm khổ thêm người vô tội...

Còn gì cay đắng hơn, thất vọng hơn khi ta đã đặt lòng tin nhầm vào một nhân vật nào đấy. Khi mà ta đã gửi cả cuộc đời và số phận để đi theo họ. Những mong sẽ lật đổ được thế lực áp bức, bắt công để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Vậy mà khi cuộc cách mạng sắp giành được thành công thì con người ấy lại vì lợi ích riêng mà bỏ mặc ta, bán rẻ ta... Chẳng biết người “ anh hùng” họ Từ trước khi bán rẻ mười vạn chiến hữu của mình có nghĩ đến điều này hay không...

Với Hồ Tôn Hiến cũng cần công bằng hơn với ông ta một chút. Đành rằng cái đức, cái tâm ông ta là quá xấu xa, quá ti tiện. Dùng thủ đoạn để lừa một người phụ nữ rồi lại cưỡng bức người ta để mua vui. Bất chấp lúc ấy người ta đang đau đớn đến khôn cùng. Về điều này ông ta còn trơ trẽn, khốn nạn hơn cả gã Sở Khanh. Tuy nhiên chúng ta lên án hành động lừa Từ Hải của ông ta là tiểu nhân, đê tiện thì không phải lắm. Trong binh pháp xưa nay người ta vẫn dạy nhau rất những mẹo lừa đó thôi. Người cầm quân giỏi phải biết làm sao để giành được thắng lợi mà tổn thất ít về người và của. Về điều này ta phải công nhận ông ta có tài, có bản lĩnh hơn cái anh chàng Từ Hải hồ đồ kia rất nhiều...

Cũng bởi vì Hoạn Thư là người hành hạ Kiều nên chúng ta đã không ngần ngại gán cho nàng “ tội danh” mà nàng không đến nỗi phải nhận. Chúng ta cho rằng Hoạn Thư là một người nham hiểm, xảo quyệt, độc ác... mà không hề chịu nghĩ nếu mình là Hoạn Thư thì sẽ xử sự thế nào. Nếu Hoạn Thư nham hiểm, độc ác đúng như nhiều người vẫn nghĩ thì cô ta đã giết Kiều ngay đầu nước rồi chứ đâu phải lôi thôi như thế. Một người mà:

“ Ở ăn thì nét cũng hay...”

Hoặc :

“ Cũng dung kẻ dưới mới là người trên...”

Thì không thể là người không biết điều hơn, lẽ phải... Theo tôi nghĩ: trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du đã xây dựng được hai nhân vật nữ thật không chê vào đâu được. Thúy Kiều thì đại diện cho lớp người phụ nữ an phận thủ thường, lương thiện, hiền lành. . Luôn luôn hết mình vun vén cho hạnh phúc gia đình. Hoạn Thư thì đại diện cho lớp người có khả năng làm lãnh đạo. Về

sự công bằng thì “ kẻ tám lạng người nửa cân” còn về khả năng hóa giải ân oán và bản lĩnh ứng biến khi gặp khó của Hoạn Thư thì khối đấng mày râu xách dép cho nàng không đáng. Đừng thấy nàng kêu:

“ Rằng tôi chút dạ đàn bà...” mà tưởng bỏ...!

Có người còn cho rằng nếu cộng ba cái đáng yêu của ba người đàn ông yêu nàng là Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải để có được một người đàn ông hoàn thiện, lí tưởng “ xứng” với nàng. Ấy là cái chân thành của Kim Trọng, cái si mê của Thúc Sinh, cái ý trí của Từ Hải. Thoáng nghe có vẻ có lí lắm song nghĩ lại đây chỉ là điều mơ tưởng viễn vông. Bởi lẽ xưa nay người ta sinh ra ở đời chẳng có ai là hoàn toàn hoàn mỹ. Cha sinh con, trời sinh tính mà ông trời xưa nay vốn cay nghiệt lắm chẳng chịu cho ai nhiều cả.

Thực ra con người ta sinh ra không ai hoàn thiện được ngay mà trong cuộc sống họ tự hoàn thiện dần thôi. Ở Kim Trọng, Kiều là người yêu đầu tiên của anh ta. Bởi vậy trong Kim Trọng luôn có sự tôn trọng cái tình cảm thiêng liêng ấy. Cho dù mười năm năm sau gặp lại thì cái tình cảm ấy vẫn chẳng hề thay đổi. Nếu như Kim Trọng gặp Kiều trong hoàn cảnh như Thúc Sinh hay Từ Hải anh ta cũng có thừa những cái mà hai người kia có chứ đâu cần phải “ vay mượn, chấp nối” mới “hoàn thiện” được...

Ở đoạn kết, màn “ Tái hồi Kim Trọng” nhiều người chúng ta vẫn bị cái kết cục của Thanh Tâm Tài Nhân đánh lừa. Hoặc họ cố ý bị đánh lừa như vậy để trong lòng họ Kiều mãi mãi như là một “Thánh nhân”. Thật quá rõ ràng khi Kim Trọng và Kiều yêu nhau tha thiết là thế, trong trắng, thiêng liêng là thế. Tình cảm ấy không hề nguôi ngoai thì có lí do gì mà sau mười năm năm xa cách, gặp lại nhau. Được cả nhà đặc biệt là Thúy Vân hết lòng vun vén mà họ lại chấp nhận làm bạn bè tương tri với nhau thôi. Nếu đúng như mọi người nghĩ. Nàng chỉ vì muốn bảo vệ chút “trinh tiết” hão huyền mà tính toán vô tình như thế thì chàng Kim cũng chẳng còn lí do gì phải si mê một cái xác biết cử động ấy làm gì. Và nếu như Kim Trọng cũng dễ dàng đồng ý với nàng là phải “ bảo tồn” chút trinh tiết ấy cho nàng cũng đồng nghĩa anh ta đã công nhận tấm thân của nàng đã quá ư nhơ nhớp. Và tình cảm của anh ta với nàng chẳng có gì là cao cả, thiêng liêng nữa mà chỉ là những dục vọng, thú tính thấp hèn. Nếu quan hệ vợ chồng chỉ làm cho tấm thân nàng đã nhơ nhuốc càng thêm nhơ nhuốc... đâu còn xứng đáng để:

“ Thân tàn gạo đục, khơi trong
Là nhờ quân tử khác lòng người ta...”

Thiết nghĩ xưa nay người phụ nữ giữ gìn trinh tiết chẳng qua cũng chỉ để giành cho người mình yêu. Ngoài mục đích ấy ra chữ trinh cũng chẳng còn để làm gì...

Ta thử tưởng tượng mà xem nếu như tất cả phụ nữ trên thế gian này đều học cách tính toán như thế. Điều không lấy người mình yêu để bảo vệ cái “ chữ trinh” như mọi người vẫn áp đặt cho nàng thì sẽ ra sao? Khi ấy nàng chỉ còn giống như một cái máy tính mà phần mềm được lập trình sẵn những câu trả lời luôn luôn đúng. Nó chỉ có giá trị khi để ở văn phòng của một luật gia hơn là để làm bạn với anh chàng Kim Trọng nặng tình, nặng nghĩa. Và sau khi đã đạt được mục đích làm cho chàng hết si mê mình thì giá trị của nàng cũng chỉ còn là con số không tròn trĩnh. Điều này một người thông minh, nặng tình, nặng nghĩa như nàng cũng như Nguyễn Du không bao giờ muốn...

“ Tình nhân lại gặp tình nhân
Hoa xưa ong cũ mấy phen chung tình...”

“Mấy phen chung tình”... thiết nghĩ như vậy là quá đủ. Những lời ca thán về sau chỉ hoàn toàn đáng yêu khi mà nàng đã tình nguyện dâng cho chàng “chữ trinh còn lại chút này” ấy. Khi họ đã hoàn toàn hòa vào nhau, trao cho nhau những gì thiêng liêng nhất. Khi mà họ đã tuy hai mà chỉ một...!

5.4.2012

NGUYỄN VĂN THƠ



"KIM LỮ Y" - THƠ XƯA MÀ VẼ MỚI

NGUYỄN KHÔI

(Tặng : Nguyễn Đăng Luận)

Trong "Toàn Đường Thi" gồm 42.863 bài thơ của 2520 Thi sĩ đời nhà Đường, trong đó số nữ Thi sĩ chỉ có vài ba người thì Nữ sĩ Đỗ Thu (thường gọi là Đỗ Thu Nương) là nổi trội hơn cả với bài "Kim Lữ Y". Nữ thi nhân xưa hiếm hoi là do thời Phong kiến với chế độ phụ quyền : người phụ nữ chỉ làm nội trợ/ hầu hạ, không được đi học để "tiên vi quan, thoái vi sư" như nam giới ?

Nữ sĩ Đỗ Thu người Kim Lăng, nhờ tài sắc ở chốn ca kỹ, được Lý Kỳ (740-807) là Tôn thất, cháu đời thứ 8 của vua Đường cao tổ Lý Uyên, đang làm Tiết độ sứ -27 tuổi, ở Trấn Hải mua về là tì thiếp (nàng hầu- vợ bé) từ lúc 15 tuổi. Đỗ Thu Nương thường múa , hát bài "Kim Lữ Y" để mời rượu chồng. Khi Lý Kỳ vương vào vụ "làm phản" bị giết , vua Đường Hiến Tông đưa Nàng vào cung...nhờ tài sắc, văn hay chữ tốt, giỏi giang và lắm mưu trí, Nàng được nhà vua sủng ái, phong tước "Thu Phi" ? đến đời vua Đường Mục Tông , bà được cử làm Bảo mẫu (mẹ nuôi) Hoàng tử Lý Thấu (tước Chương Vương). Đỗ Thu Nương là một hiện tượng lạ :xuất thân từ một ca kỹ mà làm nghiêng ngả 2 triều vua nhà Đường.Về sau ,do sự đấu đá nội bộ nên Chương Vương Lý Thấu bị hạ xuống làm "thứ dân", bà bị đưa trả về bản quán sống nốt quãng đời trong nghèo khổ...Nhà thơ Đỗ Mục có bài thơ "bà Đỗ Thu" cảm khái về thân phận người phụ nữ tài hoa ấy.

KIM LỮ Y

*Khuyến quân mạc tích Kim Lữ Y
Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì
Hoa khai kham chiết trực tu chiết
Mạc đãi vô hoa không chiết chi.*

Đỗ Thu Nương

*

ÁO KIM TUYỀN

Khuyên anh đừng tiếc áo thêu vàng
Khuyên anh nên tiếc thời trẻ trung
Hoa nở đáng bỏ thì nên bỏ
Đừng chờ hoa hết, bỏ cành không.

*

Khuyên anh chớ tiếc áo hoa
Khuyên anh tiếc lấy thuở ta đương thì
Cành hoa nên bỏ, bỏ đi
Đừng chờ hoa hết, bỏ gì cành không.

Trần Trọng Kim (dịch 1944)

Đánh giá về bài thơ "Kim Lữ Y" hiện nay có 2 loại ý kiến :

*1- Nhiều người cho đây là một bài thơ xưa rất độc đáo, hiếm hoi, tuy đã qua trên nghìn năm mà rất hiện đại : bài thơ cảnh báo những người tuổi trẻ phải biết quý tuổi xuân, không lãng phí thời gian, nếu không hậu quả sẽ thảm khốc.

Nói một cách khác : bài thơ khuyên người ta phải biết tranh thủ sống với thời gian thực tại, phải biết giành lấy hạnh phúc (hưởng thụ) ngay khi còn đang tuổi trẻ, đừng chờ đợi (bỏ phí tuổi xuân xanh) mà chạy theo những cái gì ảo tưởng xa vời (thả mối bắt bóng hão huyền) mà bỏ qua hạnh

phúc trần gian hiện có... nghĩa là Bài thơ khá hiện đại ,rất hiện sinh ? !

*2- Có ý kiến phản bác cho rằng "Kim Lũ Y" không phải là Thơ, đó chỉ là những lời giáo huấn khuyên bảo của bậc trưởng thượng đối với người tuổi trẻ "đừng phí tuổi xuân" .Những lời giáo huấn đó xuất phát từ "ý", chứ không phải là "tâm", hoàn toàn không có chút "cảm xúc" nào ? mà "Thơ là cảm xúc"(nói theo kiểu ts. N.H.Quốc ở Úc) : ta đi tìm đồng cảm để phân biệt Thơ với các loại hình nghệ thuật khác (dẫn theo Phạm Đức Nhì trên T.Vấn& bạn hữu).

Theo thiên ý của NK : 2 loại ý kiến trên đều có lý theo "hệ quy chiếu" đương đại. Tuy nhiên, đọc "Kim Lũ Y" hôm nay ta nên đưa bài thơ trở về cội nguồn trong bối cảnh lịch sử ra đời của nó. Ta hãy thử xem thêm Thơ của một nữ Thi sĩ cùng thời, cùng giọng điệu :

LA CÔNG KHÚC

Kỳ nhị

Mạc tác thương nhân phụ
Kim thoa đương bốc tiền
Triều triều giang khẩu vọng
Thác nhận kỷ nhân thuyền.

Lưu Thái Xuân

(là vợ người ca xướng-con hát, do hát hay nên được Nhà thơ Nguyễn Chấn, bạn của Bạch Cư Dị rất yêu thích).

*

BÀI CA LA CÔNG

(bài 2)

(Chớ làm vợ những người lái buôn
Thoa vàng và tiền đều thành vật bói toán
Sớm sớm ra cửa sông đứng ngóng
Luôn nhận nhăm thuyền của người khác)

*

Chớ làm vợ khách thương
Thoa với tiền : đồ bói
Sớm sớm ngóng đầu sông
Nhận nhăm thuyền khách tới.
Trần Văn Nhĩ (dịch)

Xét về nguồn gốc thì Thơ ca ra đời từ khi chưa có chữ viết (văn tự), thuở sơ khai các bậc huynh trưởng dùng Thơ ca để giáo huấn (dạy) con em, để chúng trở thành người chính trực, ôn nhu, rộng lượng, kiên nghị, cứng cỏi mà không thô bạo,giảo dị mà không ngạo mạn. Thơ dùng để nói CHÍ (thi ngôn chí), CA (hát) dùng để ngân dài lời thơ cho nó thấm sâu vào lòng người,Thơ ở trong lòng là CHÍ, phát ra lời là THƠ (mà CHÍ có nghĩa là "dừng" ở trong lòng nên nó gắn được với 2 chữ "tình" và "ý".

Vậy "tình" ở đây toát ra từ những lời khuyên (Ý) ,nếu không phải là từ "tâm" (cõi lòng) không có cảm xúc thì làm sao bột phát (xuất thần) ra được một ý mới/ tứ lạ như Kim Lũ Y ?

Chao ôi, thơ là ngôn ngữ để truyền đạt một "tình", một "ý",,,nói như Jakobson thì "Thơ là ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh", yêu Thơ là yêu hình tượng Thơ đẹp, lời nói diễm lệ và sống động...chính từ những lẽ đó mà bài thơ Kim Lũ Y dù đã trên nghìn năm , nay đọc lên ở vẫn thấy xao xuyến trong lòng, nó S.O.S với ta : sống sao cho thích ứng với thời cuộc- thời "cơ chế thị trường" này để mưu cầu hạnh phúc một cách thiết thực, đừng phí hoài tuổi xuân.

Góc thành nam Hà Nội , 30-12-2014

NGUYỄN KHÔI



TIẾP BIẾN VĂN HÓA TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN QUA TRUYỆN CỔ DÂN GIAN CÔ LỘ LEM

LƯƠNG VĂN HỒNG

Truyện Cô lợ lem là một trong những loại truyện cổ tích 510a theo bảng phân loại truyện cổ tích của Aarne và Thompson. Theo quan niệm xưa hay trong các câu chuyện cổ tích thì mẹ kế là người độc ác với con chồng, luôn hắt hủi, ghét con chồng. (Mấy đời bánh đúc có xương, Mấy đời dì ghẻ lại thương con chồng – tục ngữ Việt Nam). Phiên bản Cô Lợ Lem quen thuộc ở châu Âu do nhà văn Pháp Charles Perrault kể, in năm 1697. Phiên bản khác được biết đến rộng rãi hơn do anh em người Đức Jacob and Wilhelm Grimm sưu tầm, ghi chép, in toàn bộ 200 truyện vào thế kỷ 19. Cô Lợ Lem là số 70 bản in năm 1845.

Truyện cổ Grimm được cơ quan văn hóa giáo dục của Liên hợp quốc UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể. Năm 2012 là năm kỷ niệm 200 năm Truyện cổ Grimm.

Cô lợ lem nguyên văn tiếng địa phương là Eschengudel, viết theo tiếng Đức hiện đại là Aschenputtel. Cô Lợ Lem đã năm nghìn năm tuổi. Theo Strabo, cô gái Rhodopis (Má đỏ như hoa hồng) đang tắm, bỗng một con đại bàng sà xuống và lấy đi một chiếc hài đem đến Memphis (Ai Cập, đặt dưới chân vua giữa lúc nhà vua Ai Cập đang ngồi xử án. Việc tình cờ này làm nhà vua lưu ý và nghĩ, phải có người đi vừa chiếc hài.

Vua lệnh đàn bà cả nước Ai Cập đi thử hài xinh đẹp kia. Ai đi vừa chiếc hài, nhà vua sẽ cưới làm vợ. Như mọi người đoán, nhiều phụ nữ Ai Cập đã đi thử hài, nhưng chẳng một ai đi vừa. Chỉ khi người chủ của nó Rhodopis đến thử, mọi người thấy chân đi vừa hài như in. Cô gái xinh đẹp chủ nhân chiếc hài được phát hiện. Nhà vua cử hành hôn lễ và cô trở thành hoàng hậu Nitokris.

Theo Herodotus , Rhodopis là người thành phố Thrace. Cô được đưa vào Ai Cập trong thời gian trị vì của Pharaoh Amasis. Truyện cổ dân gian Ai Cập Cô Lọ Lem phổ biến trong suốt thời cổ đại. Câu chuyện này lan truyền khắp nơi, người Hy Lạp kể chuyện này ở châu Âu khi câu chuyện đã được ba nghìn tuổi.

Ở châu Âu cốt truyện được giữ nguyên, nhưng thay đổi một số tình tiết mang tính phê phán xã hội đương thời. Cô gái Ai Cập xinh đẹp giờ đây là cô gái nhà nghèo đang bới tro bếp. Trong cổ tích Italia cô gái có tên Italia là Cinderella – một cái tên có nghĩa tương tự như Aschenputtel trong tiếng Đức mà chúng ta quen gọi là Cô lọ lem (Cô bới tro bếp). Cô gái Ai Cập Rhodopis không phải trải qua những cay đắng giày vò khôn khổ như Cô Lọ Lem.

Chính điều mà Cô Lọ Lem từng trải mang đầy kịch tính là nguồn cảm hứng trong sáng tác của văn nghệ sĩ viết kịch, làm phim. Đỉnh cao là ballett Cô Lọ Lem của nhạc sĩ Nga Sergei Prokofjew

Truyện Cổ Grimm Cô Lọ Lem

Ngày xưa có một người đàn ông giàu có, vợ ông ta ốm nặng. Khi bà cảm thấy mình sắp gần đất xa trời, bà gọi người con gái duy nhất của mình lại bên giường và dặn dò:

- Con yêu dấu của mẹ, con phải chăm chỉ nét na nhé, mẹ sẽ luôn luôn ở bên con, phù hộ cho con.

Nói xong bà nhắm mắt qua đời. Ngày ngày cô bé đến bên mộ mẹ ngồi khóc. Cô chăm chỉ, nét na ai cũng yêu mến. Mùa đông tới, tuyết phủ đầy trên mộ người mẹ nom như một tấm khăn trắng. Và khi ánh nắng trời xuân cuốn đi chiếc khăn tuyết ấy, người bố lấy vợ hai.

Người dì ghẻ mang theo hai người con gái riêng của mình. Hai đứa này mặt mày tuy sáng sủa, khẩu khỉnh nhưng bụng dạ lại xấu xa đen tối. Từ đó trở đi, cô bé mồ côi sống một cuộc đời khôn khổ.

Dì ghẻ cùng hai con riêng hùa nhau nói:

- Không thể để con ngan ngu ngốc kia ngồi lý trong nhà mãi thế được! Muốn ăn bánh phải kiếm lấy mà ăn. Ra ngay, con làm bếp!

Chúng lột sạch quần áo đẹp của cô, mặc vào cho cô bé một chiếc áo choàng cũ kỹ màu xám và đưa cho cô một đôi guốc mộc.

- Hãy nhìn cô công chúa đài các thay hình đổi dạng kìa!

Cả ba mẹ con reo lên nhạo báng và dẫn cô xuống bếp. Cô phải làm lụng vất vả từ sáng đến tối, tờ mờ sáng đã phải dậy, nào là đi lấy nước, nhóm bếp, thổi cơm, giặt giũ. Thế chưa đủ, hai đứa con dì ghẻ còn nghĩ mọi cách để hành hạ cô, hành hạ chán chúng chế giễu rồi đổ đậu Hà Lan lẫn với đậu biền xuống tro bắt cô ngồi nhặt riêng ra. Đến tối, sau một ngày làm lụng vất vả đã mệt lử, cô cũng không được nằm giường, mà phải nằm ngủ ngay trên đồng tro cạnh bếp. Và vì lúc nào cô cũng ở bên tro bụi nên nom lem luốc, hai đứa con dì ghẻ gọi cô là "Lo Lem."

Có lần đi chợ phiên, người cha hỏi hai con dì ghẻ muốn mua quà gì. Đứa thứ nhất nói:

- Quần áo đẹp.

Đứa thứ hai nói:

- Ngọc và đá quý.

Cha lại hỏi:

- Còn con, Lọ Lem, con muốn cái gì nào?

- Thừa cha, trên đường về, cành cây nào va vào mũ cha thì cha bẻ cho con.

Người cha mua về cho hai con dì ghẻ quần áo đẹp, ngọc trai và đá quý. Trên đường về, khi ông cưỡi ngựa đi qua một bụi cây xanh, có cành cây dễ va vào người ông và làm lật mũ rơi xuống đất. Ông bẻ cành ấy mang về. Về tới nhà, ông chia quà cho hai con dì ghẻ những thứ chúng xin và đưa cho Lọ Lem cành hạt dẻ. Lọ Lem cảm ơn cha, đến bên mộ mẹ, trồng cành dẻ bên mộ và ngồi khóc thảm thiết, nước mắt chảy xuống tưới ướt cành cây mới trồng. Cành nảy rễ, đâm chồi và chẳng bao lâu sau đã thành một cây cao to. Ngày nào Lọ Lem cũng ra viếng mộ mẹ ba lần, ngồi khóc khấn mẹ, và lần nào cũng có một con chim trắng bay tới đậu trên cành cây. Hễ Lọ Lem ngỏ ý mong ước xin gì thì chim liền thả những thứ ấy xuống cho cô.

Một hôm nhà vua mở hội ba ngày liền, và cho mời tất cả các hoa khôi trong nước tới dự để hoàng tử kén vợ.

Hai đứa con dì ghẻ nghe nói là mình cũng được mời tới dự thì mừng mừng rỡ rỡ, gọi Lọ Lem đến

bảo:

- Mau chải đầu, đánh giày cho chúng tao, buộc dây giày cho chặt để chúng tao đi dự hội ở cung vua.

Lọ Lem làm xong những việc đó rồi ngồi khóc, vì cô cũng muốn đi nhảy. Cô xin dì ghẻ cho đi. Dì ghẻ nói:

- Đồ Lọ Lem, người toàn bụi với bẩn mà cũng đòi đi dự hội! Giày, quần áo không có mà cũng đòi đi nhảy.

Lọ Lem khẩn khoản xin thì dì ghẻ nói:

- Tao mới đổ một đấu đậu biến lẫn với tro, nếu mày nhặt trong hai tiếng đồng hồ mà xong thì cho mày đi.

Cô bé đi qua cửa sau, ra vườn gọi:

- Hỡi chim câu hiền lành, hỡi chim gáy, hỡi tất cả các chim trên trời, hãy bay lại đây nhặt giúp em:

Đậu ngon thì bỏ vào niêu,

Đậu xấu thì bỏ vào điều chim ơi.

Lập tức có đôi chim bồ câu trắng bay qua cửa sổ bếp sà xuống, tiếp theo là chim gáy, rồi tất cả chim trên trời đều sà xuống quanh đồng tro. Chim câu gù gù rồi bắt đầu mổ lia lịa píc, píc, píc, nhặt những hạt tốt bỏ vào nồi. Chưa đầy một tiếng đồng hồ chim đã nhặt xong. Làm xong chim lại cất cánh bay đi. Cô gái mang đậu cho dì ghẻ, bụng mừng thầm tin rằng thế nào mình cũng được phép đi dự dạ hội.

Nhưng dì ghẻ bảo:

- Không được đi đâu cả. Lọ Lem! Mày làm gì có quần áo nhảy mà đi nhảy, người ta sẽ nhạo báng mày cho coi.

Khi thấy cô gái khóc, dì ghẻ bảo:

- Nếu mày nhặt hai đấu đậu biến khỏi tro trong một tiếng đồng hồ thì cho phép mày đi cùng.

Khi đó dì ghẻ nghĩ:

- Chắc chắn chẳng bao giờ nó nhặt xong.

Sau khi dì ghẻ đổ đậu lẫn trong đồng tro, cô gái đi qua cửa sau ra vườn và lại gọi:

- Hỡi chim câu hiền lành, hỡi chim gáy, hỡi tất cả các chim trên trời, hãy bay lại đây nhặt giúp em:

*Đậu ngon thì bỏ vào niêu,
Đậu xấu thì bỏ vào điều chim đi.*

Lập tức có chim bồ câu trắng bay qua cửa sổ bếp sà xuống, tiếp theo là chim gáy, rồi tất cả chim trên trời đều sà xuống quanh đồng tro. Chim câu gù gù rồi bắt đầu mổ lia lịa píc, píc, píc; rồi những chim khác cũng thay nhau mổ píc, píc, píc nhặt những hạt tốt bỏ vào nồi. Chưa đầy nửa tiếng đồng hồ chim đã nhặt xong và cất cánh bay đi. Rồi cô gái mang đậu cho dì ghẻ xem, bụng mừng thầm tin rằng lần này thế nào mình cũng được phép đi dự dạ hội. Nhưng dì ghẻ bảo:

- Tồn công vô ích con ạ! Mày không đi cùng được đâu, vì mày làm gì có quần áo nhảy mà đi nhảy. Chả nhẽ bắt chúng tao bề mặt vì mày hay sao?

Nói rồi mẹ quay lưng, cùng hai đứa con kiêu ngạo vội vã ra đi.

Khi không còn một ai ở nhà, Lọ Lem ra mộ mẹ, đứng dưới gốc cây dẻ gọi:

*Cây ơi, cây hãy rung đi,
Thả xuống áo bạc áo vàng cho em.*

Chim thả xuống cho cô một bộ quần áo thêu vàng, thêu bạc và một đôi hài lụa thêu chỉ bạc. Cô vội mặc quần áo vào đi dự hội. Dì ghẻ và hai con gái không nhận được ra cô, cứ tưởng đó là nàng công chúa ở một nước xa lạ nào tới, vì cô mặc áo vàng trông đẹp quá. Mấy mẹ con không ngờ đó lại là Lọ Lem, đành ninh là cô đang ở nhà và giờ này đang lúi húi nhặt đậu khỏi tro. Hoàng tử đi lại phía cô, cầm tay cô nhảy. Hoàng tử không muốn nhảy với ai nữa nên không chịu rời tay cô ra. Nếu có ai đến mời cô nhảy thì chàng nói:

- Đây là vũ nữ của tôi!

Đến tối cô muốn về nhà thì hoàng tử nói:

- Để tôi đi cùng, tôi muốn đưa cô về.

Chàng rất muốn biết cô thiếu nữ xinh đẹp này là con cái nhà ai. Gần đến nhà, cô gỡ tay hoàng tử ra và nhảy lên chuồng chim bồ câu. Hoàng tử chờ đợi mãi, khi người cha đến chàng kể với ông về việc cô gái lạ mặt đã nhảy vào chuồng bồ câu. Ông cụ nghĩ:

- Phải chăng đó là Lọ Lem?

Rồi cụ lấy rìu và câu liêm chẻ đôi chuồng bồ câu ra. Nhưng chẳng có ai ở trong đó cả. Khi họ về tới thì thấy Lọ Lem mặc quần áo nhem nhuốc đang nằm trên đồng tro, bên ống khói lò sưởi có một ngọn đèn dầu cháy tù mù. Thì ra Lọ Lem đã nhảy nhanh như cắt từ chuồng bồ câu xuống, chạy lại phía cây để cởi quần áo đẹp để ra để trên mộ. Chim sà xuống tha những thứ đó đi. Rồi cô lại mặc chiếc áo choàng màu xám vào, nằm trên đồng tro trong bếp như cũ.

Hôm sau, hội lại mở. Khi cha mẹ và hai em đi rồi, Lọ Lem lại đến gốc cây để gọi:

*Cây ơi, cây hãy rung đi,
Thả xuống áo bạc, áo vàng cho em.*

Chim lại thả xuống cho em một bộ quần áo lộng lẫy hơn hôm trước. Cô mặc bộ quần áo ấy đi. Khi cô xuất hiện trong buổi dạ hội, cô đẹp rực rỡ làm mọi người ngẩn người ra ngẩn. Hoàng tử đã đợi cô từ lâu liền cầm tay cô và chỉ nhảy với một mình cô thôi. Các người khác đến mời cô nhảy thì hoàng tử nói:

- Đây là vũ nữ của tôi!

Đến tối, cô xin về, hoàng tử đi theo xem nhà cô ở đâu. Đến nơi, cô vội lên hoàng tử chạy ra vườn sau nhà. Ở đó có một cây lê quả sai chi chít nom thật ngon lành. Cô trèo nhanh như sóc lẩn giữa các cành. Hoàng tử không biết cô trốn ở đâu, chàng đợi khi người cha đến thì nói:

- Cô gái lạ mặt đã chạy trốn. Ta đoán, có lẽ cô ấy nhảy lên cây lê rồi.

Người cha nghĩ:

- Phải chăng đó là Lọ Lem?

Ông cho mang rìu đến, dẫn cây xuống, nhưng chẳng thấy có ai trên cây. Khi cả nhà vào bếp thì thấy Lọ Lem nằm trên đồng tro như mọi ngày. Thì ra cô đã nhảy từ phía bên kia cây xuống, đem trả quần áo đẹp cho chim trên cây để và mặc chiếc áo choàng màu xám vào.

Đến ngày thứ ba, cha mẹ và các em vừa đi khỏi, Lọ Lem lại ra mộ mẹ và nói với cây:

*Cây ơi, cây hãy rung đi,
Thả xuống áo bạc, áo vàng cho em.*

Chim liền thả xuống một bộ quần áo đẹp chưa từng có và một đôi hài toàn bằng vàng. Với bộ quần áo ấy cô đến dạ hội, mọi người hết sức ngạc nhiên há hốc mồm ra nhìn. Hoàng tử chỉ nhảy với cô, có ai mời cô nhảy thì chàng nói:

- Đây là vũ nữ của tôi!

Khi trời tối, Lọ Lem muốn về. Hoàng tử định đưa về nhưng cô lẩn nhanh như chạch làm hoàng tử không theo kịp. Hoàng tử nghĩ ra một kế, chàng cho đồ nhựa thông lên thang, vì thế khi cô nhảy lên thang, chiếc giày bên trái bị dính lại. Hoàng tử cầm lên ngắm thì thấy chiếc hài nhỏ nhắn, xinh đẹp toàn bằng vàng.

Hôm sau hoàng tử mang hài đến tìm người cha và bảo:

-Ta chỉ lấy người đó làm vợ, người chân đi vừa chiếc hài này.

Hai cô con gái dì ghẻ mừng lắm, vì hai cô đều có đôi bàn chân đẹp. Cô cả mang giày vào buồng thử trước mặt mẹ. Nhưng cô không dứt ngón chân cái vào được vì hài nhỏ quá.

Bà mẹ liền đưa cho cô một con dao và bảo:

- Cứ chặt phăng ngón cái đi. Khi con đã là hoàng hậu rồi thì cần gì phải đi bộ nữa.

Cô ta liền chặt đứt ngón chân cái, cố nhét chân vào hài rồi cắn răng chịu đau đến ra mắt hoàng tử. Hoàng tử nhận cô làm cô dâu và bế cô lên ngựa cùng về. Dọc đường, hai người phải đi qua mộ, có đôi chim câu đậu trên cây để hót lên:

*Rúc-di-cúc, rúc-di-cúc.
Máu thấm trên hài,
Do chân dài quá,
Chính cô dâu thật,
Vẫn ở trong nhà.*

Hoàng tử liếc nhìn xuống chân cô thấy máu vẫn còn đang chảy ra, chàng liền quay ngựa lại, đưa cô dâu giả về nhà trả lại cho cha mẹ cô và nói:

- Đây không phải là cô dâu thật.

Rồi chàng đưa hài cho cô em thử. Cô em vào buồng thử hài thì may sao các ngón đều lọt cả, nhưng phải cái gót lại to quá. Bà mẹ đưa cô một con dao và bảo:

- Cứ chặt phăng đi một miếng gót chân. Khi con đã là hoàng hậu thì chẳng bao giờ phải đi chân đất nữa.

Cô ta chặt một miếng gót chân, cô dút chân vào hài, cắn răng chịu đau, ra gặp hoàng tử.

Hoàng tử nhận cô làm cô dâu và bế cô lên ngựa cùng về. Dọc đường, hai người phải đi qua mộ, có đôi chim câu đậu trên cây dễ hót lên:

Rúc-di-cúc, rúc-di-cúc.

Máu thấm trên hài,

Do chân dài quá,

Chính cô dâu thật,

Vẫn ở trong nhà.

Hoàng tử nhìn xuống chân cô thấy máu vẫn còn đang chảy ra, chàng liền quay ngựa lại, đưa cô dâu giả về nhà trả lại cho cha mẹ cô và nói:

- Đây cũng không phải là cô dâu thật. Gia đình còn có con gái nào khác không? Người cha đáp:

- Thừa hoàng tử không ạ. Người vợ cả của tôi khi qua đời có để lại một đứa con gái người xanh xao, nhem nhuốc. Thứ nó thì chả làm cô dâu được.

Hoàng tử bảo ông cứ gọi cô gái ấy ra. Dì ghẻ nói chen vào:

- Thừa hoàng tử, không thể thế được. Nó dơ bẩn lắm không thể cho nó ra mắt hoàng tử được.

Hoàng tử khẳng khái nhất định đòi gọi Lọ Lem lên kỳ được. Cô rửa mặt mũi tay chân, đến cúi chào hoàng tử. Hoàng tử đưa cho cô chiếc hài vàng. Cô ngồi lên ghế đầu, rút bàn chân ra khỏi chiếc guốc nặng chình chịch, cho chân vào chiếc hài thì vừa như in. Khi cô đứng dậy, hoàng tử nhìn thấy mặt nhận ngay ra cô gái xinh đẹp đã nhảy với mình bên reo lên:

- Cô dâu thật đây rồi!

Dì ghẻ và hai cô con gái mặt tái đi vì hoảng sợ và tức giận. Hoàng tử bế Lọ Lem lên ngựa đi. Khi hai người cưỡi ngựa qua cây dễ, đôi chim câu hót:

Rúc-di-cúc, rúc-di-cúc

Hài không có máu,

Chân vừa như in,

Đúng cô dâu thật,

Hoàng tử dẫn về.

Hót xong, đôi chim câu bay tới đậu trên hai vai Lọ Lem, con đậu bên trái, con đậu bên phải.

Khi đám cưới của hoàng tử được tổ chức thì hai cô chị cũng đến phỉn nịnh để mong hưởng phú quý. Lúc đoàn đón dâu đến thì cô chị cả đi bên phải, cô em đi bên trái. Chim câu mổ mỗi cô mất một mắt. Sau đó khi họ trở về thì cô chị đi bên trái, cô em đi bên phải, chim câu lại mổ mỗi cô mất một mắt nữa. Cả hai chị em suốt đời mù lòa, vì bị trừng phạt do tội ác và giả dối.

* * *

Motiv Dì ghẻ con chồng ta thấy có ở kho tàng truyện cổ tích của mỗi dân tộc. Có thể có tiếp biến văn hóa khi có giao lưu văn hóa. Trong quá khứ Việt Nam và Đức không có giao lưu văn hóa, nhưng ở hai nơi đó có cộng đồng con người, nên Việt Nam có Tấm Cám, Đức có Cô Lọ Lem. Cái đó không phải do giao lưu văn hóa, tiếp biến văn hóa mà do đặc trưng thường thấy ở cộng đồng con người.

LƯƠNG VĂN HỒNG



ĐƯỜNG TRỜI THĂM THĂM SAO !

ƯNG CẦU

Anh A.H..

Mông một Bính Tý, Hà Nội trời trở rét nhưng Saigon thì nắng vàng tươi. Đôi cánh của tôi cụp lại vì cơn cúm ập tới vào cuối năm làm tôi " bám trụ một mình trên Am Bồ Câu vắng lặng. ". Hứng tới không thể ngăn, hứng đi không thể giữ, tôi quên xuân đời để cùng tâm sự với anh về Thuật Hoài.

Văn chương Việt Nam có bao nhiêu bài Thuật Hoài ?

Tôi chỉ biết có ba ! Một của Phạm Ngũ Lão, một của Đặng Dung, và một của Nguyễn Thượng Hiền. Cả ba đều ghi lại hào khí của người trai trong thời buổi loạn ly, chống giặc cướp nước : hai chống giặc phương bắc, một chống giặc phương tây. Một thì vừa thành công vừa thành danh, còn hai thì phải gửi nắm xương tàn nơi đất khách, khí phách còn gói trọn trong mấy vần thơ.

Thuở còn học lớp Nhì, tôi đã sớm cảm hai câu Thuật Hoài của Đặng Dung do Nguyễn Siêu dịch trong bài học lịch sử :

**" Thù nước chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài vàng nguyệt đã bao ngày. "
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma.**

Lịch sử có ghi : Giản Định Đế vì bị xúi giục nên đã giết Quốc Công Đặng Tất và Tham Mưu Nguyễn Cảnh Dị, từ đó uy thế đành tan rã dần dần. Con Đặng Tất là Đặng Dung, con Nguyễn Cảnh Dị là Nguyễn Cảnh Chân bỏ Giản Định Đế, đem quân về Thanh Hóa rước Trần Quý Khoách là cháu vua Nghệ Tông vào huyện Chi La ở Nghệ An rồi tôn lên làm vua lấy hiệu là Trùng Quang. Bấy giờ, vua Trần Trùng Quang bèn lập kế bắt Giản Định Đế đem về và tôn làm Thượng Hoàng để hợp nhất lực lượng mà kháng Minh. Tuy tinh thần có thừa, song vì thiếu tổ chức, tướng tá lẻ tẻ, quân binh ô hợp, còn quân giặc thì mãnh liệt, quỷ quyệt, nên nhà Hậu Trần thua binh liên tiếp, rốt cuộc lại bị quân Minh bắt cả vua tôi : Trần Quý Khoách, Đặng Dung, Nguyễn Sứ bị đem về Yên Kinh.

Người xưa - Đặng Dung - là vậy, gác thù riêng vì nghĩ đến nghĩa chung. Bởi thế mà khi nhận bản dịch Thuật Hoài của anh và đọc xong, tôi lại nhớ tới Đặng tiên bối để đối chiếu hai tấm lòng vì dân vì nước.

Anh đừng trách tại sao viết thơ mà tôi lại mò đến sử, vì hai tiền bối chỉ mượn thơ để thuật lại công việc chống giặc của mình !

Hai thời điểm, hai cuộc đời chống giặc, dù giặc ấy có khác màu da. Một người bỏ đế kinh vào rừng, còn một người biệt xứ. Một người bị giặc bắt, còn một người viên tịch chốn Thiên Môn, nhưng tấm lòng không khác nhau : Yêu tự do, độc lập như cha ông ngày trước ! Cả hai đều năng động nhưng thiếu Thiên Thời, Nhân Hoà. Người có mưu sâu, quỷ kế thì có thể đổi mệnh trời, buộc nhân hoà khi cờ tới tay, cũng chỉ một thời, không thể vĩnh viễn : còn cả hai chỉ biết lấy điều ngay thẳng để đuổi giặc, chặn dân trị nước. Ngày trước Đặng Dung đã thấm thía :

**Thời lai đồ điều thành công dị
Sự khú anh hùng ảm hận đa.**

Hơn 5 thế kỷ sau, Nguyễn Thượng Hiền cũng đề cập tới sa cơ lỡ vận nhưng thanh thoát hơn, có lẽ Nguyễn tiên bối nhờ chốn thiền môn. Buồn, vẫn có buồn. Hận, vẫn có hận. Nhưng không trách ai, mà chỉ biết tự trách mình :

**Cổ quốc âm tín tuyệt
Tha hương trù lữ hy
Cử đầu vọng thanh sơn
Ngô sinh tương an quy
Thanh sơn mặc vô ngữ
Dẫn kiếm thu vân phi
Tà dương phục tây đọa
Thân tức yếm kinh phi**

Đọc "Cử đầu vọng thanh sơn" tôi bỗng nhớ đến câu " Cử đầu vọng minh nguyệt " trong Tĩnh Dạ Tứ của Lý Bạch. Thế ra các tráng sĩ xưa nay, lúc tha hương, cô đơn vô võ nhớ quê hương tư :

**Thử thân như cô bông
Khứ quốc thập dư tải ()**

Chao ôi Tôi thương hình ảnh " cô bông " của Nguyễn tiên bối biết đường nào ! " khứ quốc, cô bông " là vì " quốc thù " . Nhưng " quốc thù bất khả phục , Thiên đạo lương du du (Thù nước không trả nổi - Đường trời thăm thẳm sao !) " nên " Bắc tàn ngòi tuốt kiếm - Mưa gió động trời cao " . Ấy cái tâm của người vì nước. Ra đi là có mục đích. Mục đích chưa đạt, đạn lửa bạo tàn mịt mờ. Nguyễn Thượng Hiền " bắc tàn ngòi tuốt kiếm " nào khác chi Đặng Dung " gươm mài bóng nguyệt " ! Một mình một kiếm, không người thân, chỉ mong Trời hiểu lòng Người . Hình ảnh thật bi tráng ! Chẳng thế mà cụ Phan Bội Châu, trong bài văn tế, phác thảo lại hoạt động của khoảng đời Người :

**Phong trần đất khách, đá đã phai xanh ;
Nhật nguyệt trời riêng, lòng không bày tỏ.
Hăm lăm triệu xương tan thịt nát, xót đồng bào đương giữa biển trầm luân.
Toan một mình trống tối chuông mai, dắt đại chúng thoát ra vòng khổ nạn.
Những ước trời Nam đất Việt, khắp mọi vùng mưa pháp mây từ .
Thôi đành cửa Phật buông Thiền, chuyên một niệm cầu kinh quyền tán. "**

Trộm nghĩ Nguyễn tiên bối đã thấy được : " Đường Trời thăm thẳm sao ! " lượng được sức mình không bươn chải nổi nên đã cầu đến cửa Phật, tìm đạo " tự giác, giác tha " , chỉ có cái tâm của mọi người (kể cả kẻ gây binh lửa bạo tàn) có sáng mới hy vọng " dắt đại chúng thoát ra vòng khổ nạn " . Niềm tin ấy khó thể có nhưng vẫn là niềm tin, nghĩa là sẽ có !

Anh A.H...

Nguyễn Thượng Hiền đến với cửa Phật là tìm đến với Tánh Không, như cây trúc và gió, như chim yến với ao hồ có trong cảnh những câu thơ của vị sư già chùa Trúc Lâm :

**Phong lai sơ trúc
Phong khứ nhi trúc bất lưu thanh
Nhạn quá hàn đàm
Nhạn khứ nhi đàm vô lưu ảnh**

Đường trần trăm năm vật đổi sao dời. Đường trời thăm thẳm, chỉ mong vật đổi sao dời vào chốn tự tại. Nguyễn Thượng Hiền tiên bối thấy rõ con đường ấy lẽ nào không phù hợp lớp hậu sinh !

ƯNG CÂU



VỀ CUỘC “BÀN GIAO” GIỮA HAI THẾ HỆ THƠ

TRẦN NHUẬN MINH

Năm 1975, đất nước đã thống nhất, nhiệm vụ lịch sử trọng đại nhất của dân tộc ta đã hoàn thành. Và như thế, cùng với cả dân tộc, các nhà thơ thế hệ chống Mĩ về cơ bản, cũng đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang nhất của mình với tư cách là các nhà thơ - chiến sĩ, dù có nhà thơ không trực tiếp cầm súng ra trận. Tất nhiên, nhiệm vụ này vẫn được tiếp tục và những thành tựu nghệ thuật của thế hệ này, vẫn được phát huy, không ít người trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ, nhưng thành tựu cao nhất của cuộc đời nghệ thuật của mình, lại ở những năm sau, thậm chí sau khá xa so với mốc lịch sử 1975. Tầm quan trọng và những đóng góp to lớn của thế hệ này, với các sáng tác tâm huyết và đầy quả cảm của mình, trước và sau năm 1975, là lực lượng chủ yếu tiếp tục đi suốt một chặng đường khá dài khác trong những năm đổi mới Đất nước, đã có trong nhiều tham luận của các nhà thơ, nhà nghiên cứu tại Hội thảo này, do đó, tôi xin phép không nói đến. Điều tôi quan tâm là : Có hay không cuộc “bàn giao” giữa hai thế hệ thơ và nếu có thì nó diễn ra thế nào, kết quả thế nào... Tất nhiên chữ “ bàn giao” được dùng như một quan niệm, với ý nghĩa tưởng tượng.

Tôi nghĩ: Đã có một cuộc “bàn giao” giữa hai thế hệ thơ trước và sau năm 1975, thực chất là sau năm 1986, mà theo tôi có lẽ là không thành công. Sở dĩ tôi nói vậy là tôi đặt nó bên cạnh cuộc “bàn giao” lần thứ nhất, các thế hệ nhà thơ trước và sau năm 1954, mà ta thường gọi là thế hệ các nhà thơ chống Pháp và thế hệ các nhà thơ chống Mỹ. Cuộc “bàn giao” này, theo tôi là thành công. Về đội ngũ các nhà thơ và về cảm hứng chủ đạo của nghệ thuật, nó nối liền nhau, thành một hơi thống nhất, một sợi chỉ đỏ xuyên tâm, kết dính mọi tài năng, mọi tấm lòng, mọi tác phẩm, trong một chủ đề lớn của nghệ thuật là chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Sự thống nhất của nó đến mức như Chế Lan Viên viết: *“Những năm toàn đất nước có chung tâm hồn, có chung gương mặt / Nụ cười tiễn đưa con, nghìn bà mẹ in nhau”*. Vậy nên Tế Hanh mới viết: *“Độc câu thơ đồng chí tưởng thơ mình”*. Còn cuộc “bàn giao” lần thứ hai này, khác hẳn. Bởi vì nhiệm vụ chiến lược của hai thời kì, thời kì đánh giặc ngoại xâm và thời kì xây dựng một đất nước kiểu mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử, hội nhập với thế giới sau hơn 30 năm chiến tranh, tương ứng với sự ra đời, hình thành và phát triển của hai thế hệ thơ khác nhau, là khác hẳn nhau. Khác về nội dung, tư tưởng và các phương pháp nghệ thuật. Và theo tôi, đó cũng là điều thật đáng mừng. Bởi nó sẽ là động lực lớn để có sự phát triển vượt trội, còn thực tế có vượt trội được hay không lại là một việc khác. Dù rằng, ít hay nhiều, ở thời điểm hiện nay, cả hai thế hệ này, đều không vươn tới cái mình muốn, để lại một khoảng trống rất lớn ở giữa...

Độc thơ Việt bây giờ là trực tiếp tiếp xúc với cái *khoảng trống* ấy. Có lúc nó rõ rệt đến mức, khiến một nhà thơ bạn tôi ở nước ngoài, đã hỏi tôi rằng: Anh đứng về phía nào, khi bên này các ông bà, tức là các nhà thơ chống Mỹ “trống đánh xuôi”, còn phía bên kia là các anh chị, tức các nhà thơ trẻ hậu chiến, hình thành và phát triển sau đổi mới 1986, với các trào lưu hậu hiện đại là “kèn thổi ngược”. Tôi không rõ sự xa cách đó, có đến mức ấy không và cách đặt vấn đề như thế, có đúng hẳn không? Nhưng tôi thấy rõ là nó có khoảng cách, và cái khoảng cách ấy, làm cho thơ của cả hai bên đều giảm sút độc giả. Lý do ư? Có nhiều lý do... Nếu ai cho ý kiến này là có cơ sở thì người đó sẽ có cách giải thích tương ứng hợp lí, trong đó có cả vấn đề của internet và thị trường. Có lúc tôi lại nghĩ: Rất có thể, từ đó, những đột phá mới sẽ ra đời chẳng? Tôi hy vọng thế...

Các nhà thơ xuất hiện sau 1975, chủ yếu là sau 1986, đang xác lập một hệ thống thẩm mỹ mới, qua các xu hướng nghệ thuật mới, có những trường hợp mới hẳn, nghĩa là người ta thấy ở đó, nó ít, hoặc không còn dính dáng gì với truyền thống của quá khứ, trong đó dòng chảy chính là thơ chống Mỹ... Suy cho cùng, nó cũng có cái hay của nó và tôi ủng hộ. Nó hé ra một cuộc cách mạng mới về nghệ thuật thi ca mà tôi chờ đợi và hy vọng. Nhưng cuộc cách mạng ấy, rốt cuộc đã không xảy ra. Lý do chính có lẽ là trong các đồng nghiệp của tôi ở thế hệ mà tôi tạm gọi là “hậu hiện đại” này, không có những Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, không có những Phạm Huy Thông, Xuân Diệu, Huy Cận của thế hệ mình..., cũng không có cả một Hoài Thanh của thế hệ mình nữa. Nghĩa là lực lượng ấy, chưa đủ sức thuyết phục cho một cuộc ra quân giành chiến thắng. Trong thơ ca, lý luận không bao giờ giải quyết được vấn đề. Khát vọng vươn tới của các đồng nghiệp trẻ của tôi, mà tôi thấy đã có, rất sung sức, thậm chí là rất bạo liệt, cũng không giải quyết được vấn đề. Chỉ có sáng tác mới giải quyết được những vấn đề của sáng tác. Mà sáng tác, thì các bạn trẻ có thể chưa tới được cái cần phải tới, để ngả ngũ các giá trị... Có lẽ phải chờ thêm ít lâu nữa chẳng?

Hiện nay, thế hệ sáng tác sau năm 1975 hoặc sinh ra sau năm 1975, đã làm chủ văn đàn. Họ hiện ra trong một quang sáng mới. Đọc họ sẽ nhận ra một điều: họ chẳng nợ nần gì với quá khứ, chẳng bị ràng buộc gì với quá khứ, như thế hệ chúng tôi. Đó cũng là cái hồng phúc của một thế hệ đã ra khỏi chiến tranh, hoặc không biết thế nào là chiến tranh, không biết thế nào là ăn “mì nắp hầm” hay mọc mạch, và khi ra trận “nhìn thẳng quân thù mà bắn”, hoặc xông thẳng vào những lưỡi lê của giặc trong các trận đánh giáp lá cà. Họ cứ thế mà đi thẳng vào tương lai, với vốn văn hóa

được trang bị đầy đủ, đáng đi thanh thoát và đầy tự tin. Còn họ đi được đến đâu và đạt được những thành công gì về nghệ thuật, lại là một vấn đề khác.

Thế hệ thơ chống Mỹ của chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, một số người còn sức, đang làm những phần việc cuối cùng. Cái mà họ cần vươn tới để lấp chỗ trống, đó là tính hiện đại với các yêu cầu mới, khả năng tự vượt qua các giới hạn, để đưa thơ mình ra với thế giới, đồng thời đến với đông đảo người đọc ngày hôm nay, với những yêu cầu của ngày hôm nay, và tạo được các nhịp cầu đi tới trong các tìm tòi nghệ thuật, các xu hướng nghệ thuật mới, có ý nghĩa mở đường, cho các nhà thơ thế hệ sau. Rải rác cũng có những “bút phá”, nhưng rời rạc và lẻ tẻ. Cái làm cho họ không vươn tới được cái cần vươn tới đó, chính là “rào cản” của bản thân mình, ở ngay trong chính bản thân mình. Có “vấn đề xã hội” không? Có! Nhưng cái chính vẫn là sức sáng tạo và tầm vóc trí tuệ, tài năng của cá nhân nhà thơ. Đã thế, một hệ thống lý luận mới cần phải ra đời để song hành với các thế hệ sáng tác khi Việt Nam hội nhập với thế giới. Hệ thống lý luận ấy, chúng ta chưa có, hoặc có thì chưa đủ sức thuyết phục, chưa đủ sức thay thế. Vì vậy mạnh ai nấy làm. Trong khi đó, chúng ta chưa có sáng tạo văn chương nào, tạo được hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh những bậc thang giá trị mới, để bạn đọc có niềm tin, với sự đồng thuận cả về thực tiễn và lý luận... Điều mà Tố Hữu đã làm được trong thời của ông, cùng với nhiều nhà thơ, nhà văn tên tuổi khác.

Các nhà thơ thế hệ chống Mỹ đã đi suốt chặng đường sáng tạo đầy gian nan của mình trong suốt 50 năm qua, để lại cho nền văn học dân tộc nhiều tác phẩm xuất sắc, với những tên tuổi quan trọng đã đồng hành cùng nhân dân, mà tôi biết đã có trong tham luận của các nhà văn khác, nên tôi không nói lại. Thấm nhuần trong đó là một chủ nghĩa nhân văn mới, dựa trên nền tảng vững bền của truyền thống dân tộc. Vào cuộc đời mới, chính các nhà văn này đã có cái cũ để mà đổi ra cái mới, với nhiều sáng tạo tiếp theo, hiện thực nói rộng ra, phản ánh nhiều chiều của cuộc sống mà trước đó không thể có được. Tuy thế, tôi cảm giác khá rõ là ở nhiều nhà thơ, nội lực có đuối tầm và không ít nhà thơ đã dừng lại trong sự chờ đợi của bạn đọc. Và như vậy là đã có một khoảng trống sau mình. Các nhà thơ thế hệ chống Mỹ có lỗi về việc đó không? Theo tôi là không. Bởi bất cứ thiên tài nào, cũng có những hạn chế của mình, của thời đại mình, hướng chỉ là lớp chúng tôi, tiếp bước các nhà thơ thời chống Pháp: “*Lũ chúng ta, bọn người tứ xứ / Gặp nhau hỏi chưa biết chữ / Quen nhau từ buổi một hai...*” Mỗi thế hệ phải làm tròn phận sự của mình rồi ra đi. Và ở chỗ thế hệ trước dừng lại trong đường biên của mình, thế hệ sau phải vượt qua.

Tạo ra một đường biên rộng với cái đà lớn của truyền thống dân tộc, đó là cái công lớn của thế hệ các nhà thơ chống Mỹ, để các nhà thơ lớp sau, từ đó mà bay lên, bay lên bằng đôi cánh riêng của mình, của thế hệ mình, theo đường bay do những sáng tạo cá nhân của mình vạch ra, với chất liệu mới và hệ thống tư duy mới. Nếu hiểu đó chính là cái vốn liếng nghệ thuật mà thế hệ chúng tôi trao lại cho các bạn, và xem xét từ góc độ này, thì cuộc “bàn giao” thứ hai, của thế hệ các nhà thơ chống Mỹ cho thế hệ các nhà thơ sau Đổi mới, theo tôi lại là thành công.

TRẦN NHUẬN MINH





ĐIÊU KHẮC CỔ VIỆT NAM

KIỂM THÊM

Trong di sản nghệ thuật truyền thống, điêu khắc có một lịch sử phát triển liên tục và cô đúc hình ảnh con người Việt Nam từng miền, từng thời, dù dưới dạng thần linh hay con người thể tục. Dưới bầu trời rạng rỡ của hai nền văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa lân cận, đôi khi người ta quên mất di sản này, và nếu có biết thì coi như những ảnh hưởng phái sinh của tinh thần Ấn Độ - Trung Hoa, và không có gì đồ sộ so ngay với cả người láng giềng Khmer. Tính chất cát cứ từng xuất hiện trong lịch sử của một đất nước hình thành lâu dài, sự đa dân tộc, bên cạnh khối dân tộc Việt chiếm đại đa số khiến cho hình ảnh của nền điêu khắc rất đa dạng.

Những ảnh hưởng của Ấn Độ giáo chủ yếu ở Trung và Nam Bộ, không vượt quá đèo ngang và chi phối sâu sắc hệ thần trong điêu khắc Phù Nam và Champa. Những ảnh hưởng của tam giáo Nho, Lão và Phật giáo Đại thừa theo dòng Trung Hoa ít tới miền Nam. Tuy vậy, giao lưu ngôn ngữ nghệ thuật vẫn diễn ra, ít nhất thấy rõ trong thời kỳ Lý - Trần với sự cộng tác của các nghệ nhân Champa. Đời sống đóng kín của nông thôn Bắc Bộ đã di dưỡng một tinh thần nghệ thuật nhân văn - tôn giáo đặc sắc mà vẻ đẹp của điêu khắc thể hiện ở tính chân dung nông dân của nó. Dù khói lửa chiến tranh liên miên, mỗi làng vẫn bảo tồn một cụm đình - đền - chùa với nhiều tượng Phật và các phù điêu.

Điêu khắc thời Tiền sử:

Thời Tiền sử Việt Nam được tính từ nền văn hoá Núi Đọ cách đây ba mươi vạn năm đến nền văn hoá Đông Sơn cách đây 2.500 năm. Thời kỳ này chắc hẳn mọi hoạt động văn hoá chưa phân chia rõ ràng, hướng hồ là nghệ thuật. Không thể có một nền điêu khắc tiền sử, mà chỉ có những biểu hiện có tính điêu khắc mà thôi. Đáng kể nhất là những hình khắc trên hang Đồng Nội (Lạc Thủy, Hoà Bình) cách đây 10.000 năm, khắc ba mặt người và một mặt thú một cách sơ lược, trên đầu có cắm sừng hay lông chim. Người Hoà Bình đã nhìn thấy gương mặt mình dù chưa rõ ràng nhưng đã khôn ngoan đối lốt thú khi săn bắn một cách khái quát.



Tượng gốm và đá nhỏ vài cm xuất hiện trong các di chỉ Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun chỉ như những hình thể trang trí gắn với các trang sức và công cụ lao động. Đến nền văn hoá Đông Sơn nổi tiếng về các trống đồng, điêu khắc nhỏ gắn với đồ tế khí, gia dụng đẹp một cách tinh tế trong thẩm mỹ mang tính bạo lực. Đó là các tượng người biến hình thành cán dao găm, các tượng voi, cóc, hươu, rùa trên trống, thạp, âm bằng đồng. Đặc biệt là bốn cặp tượng nam nữ giao phối trên nắp thạp đồng Đào Thịnh với một nhãn quan phồn thực. Thờ thần mặt trời, tế lễ cầu mùa hay tang ma là âm hưởng chủ đạo qua các hình khắc trống đồng Đông Sơn, còn điêu khắc đóng vai trò nhấn mạnh tính hình khối rõ ràng của nhạc khí, tế khí và đồ dùng. Điêu khắc Tiền Sử hoàn

toàn thuần Việt trước khi các cuộc xâm lăng từ phương Bắc tràn xuống.

Điêu khắc nhà mồ Tây Nguyên:

Năm tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng chiếm trọn cao nguyên phía tây Nam Trung Bộ, nếu tính cao nguyên như là sự lan rộng của dãy núi thì địa bàn Tây Nguyên còn rộng hơn. Nơi đây không rõ lý do gì bảo lưu một nền văn hoá rực rỡ của các dân tộc có nguồn gốc từ thổ dân Đông Nam Á và Đa Đảo. Hệ ngữ Môn - Khmer và Malayo - Polinesia đóng vai trò chính trong ngôn ngữ Tây Nguyên cũng như tập tục tang ma trọng thể thấy phổ biến ở dân hoang đảo quanh xích đạo địa cầu. Tiêu biểu là lễ bỏ mả và làm nhà mồ của người Gia Rai và Ba Na.



Trong đó, phần tạc tượng rào quanh nhà mồ rất quan trọng. Những tượng nam - nữ giao hợp, tượng bà chữa, tượng người ngồi khóc, tượng thú vật voi và chim cũng được đeo phật từ tâm linh sâu thẳm đối với thế giới bên kia, nơi mà các linh hồn sẽ trở về với tổ tiên và ông bà. Con thuyền tang lễ được gắn vào nóc nhà mồ. Cột Klao, cột Kút dẫn linh hồn về trời được dựng lên trong tiếng nhạc công, chiêng trầm hùng và ai oán.

Điêu khắc Champa:

Vương quốc Champa hình thành ở Nam Trung Bộ, chia thành một số khu vực tự nhiên ứng với các dải đồng bằng ven biển là Amaravati (Quảng Nam), Vijaya (Bình Định), Kauthara (Nha Trang) và Paduranaga (Phan Rang). Sự liên kết giữa hai thị tộc Can và Dừa dẫn đến một Nhà nước phong kiến theo Ấn Độ giáo đầy mâu thuẫn và hiếu chiến. Người Champa ẩn chứa trong mình năng lực sáng tạo dồi dào, cũng mạnh mẽ như khát vọng chiến tranh của họ. Từ thế kỷ 2 là thời sơ khai của vương quốc mà người Trung Hoa gọi là Lâm Ấp. Nhưng phải đợi đến thế kỷ 7 - 8



nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Champa mới trở nên rực rỡ cùng phong trào Phật giáo hoá và Ấn Độ giáo lan rộng khắp Đông Nam Á. Tháp Champa xây bằng gạch không vữa, thường có một cổng, một tháp phụ có mái hình con thuyền, một tháp chính ở trung tâm khối vượt lên cao nở ra ở nhiều góc và các múi vòm. Trên đó thường gắn các phù điêu chạm khắc hình thần Siva hay các tiên nữ Apsara. Cửa chính quay về phía Nam hoặc Đông Nam. Trong lòng tháp đặt biểu tượng thờ Linga và Yoni (dương vật và âm vật). Điêu khắc tượng tròn được bố trí hài hoà với xung quanh kiến trúc và tuỳ theo chức năng tháp mà đục đẽo các tượng thần.

Người ta thường chia nghệ thuật Champa làm sáu giai đoạn chính: 1. Mỹ Sơn E1 (nửa đầu thế kỷ 8); 2. Hoà Lai (nửa đầu thế kỷ 9); 3. Đồng Dương (cuối thế kỷ 9); 4. Trà Kiệu (cuối thế kỷ 9 đầu thế kỷ 10); 5. Tháp Mẫm (thế kỷ 12 - 13); 6. Poklaung Gialai (cuối thế kỷ 13, 14 đến 16). Năm 1470 Lê Thánh Tông dứt điểm bình định phương Nam, sau đó là công cuộc Nam tiến của các Chúa Nguyễn, nền nghệ thuật Champa và Phù Nam - Chân Lạp chỉ còn lại các di sản đặc sắc với một quá khứ huy hoàng.

Điêu khắc thời Lý (1010 - 1225):

Đại Việt trở thành quốc gia độc lập, hùng cường sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi và dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Phật giáo trở thành quốc đạo phát triển tới mức, như sử gia Lê Văn Hưu nói: "nhân dân quá nửa là sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa chiền". Các trung tâm Phật giáo ở Quảng Ninh, Hà Nam Ninh và đặc biệt ở Bắc Ninh, quê hương Nhà Lý được xây dựng đồ sộ theo kiểu thức kiến trúc Đông Nam Á, kéo theo một nền điêu khắc Phật giáo. Các chùa thời Lý thường có 4 cấp, ăn sâu và cao dần theo triền núi, hoặc có mặt bằng hình vuông, hình tròn, trung tâm là

tháp cao có tượng Phật đặt trong. "



Tượng A Di Đà chùa Phật Tích làm năm 1057 là tác phẩm đầu tiên của thế giới Phật giáo vĩnh hằng ở Bắc Bộ. Các tượng Kim Cương chùa Long Đọi, tượng đầu người mình chim, chạm khắc chùa Bà Tấm, chùa Chương Sơn đều thống nhất một tinh thần viên mãn, cá tính bị tan biến sau lớp đăng ten trang trí hoa văn dày đặc trên bề mặt. Cột biểu chùa Dạm (1086) vay mượn từ biểu tượng Linga - Yoni Champa, là tác phẩm đồ sộ cao 5,4m có tính hoành tráng. Tinh thần Thiền Nhà Lý đã chi phối tính ôn hoà và

manh mẽ bên trong của các tác phẩm điêu khắc vừa khái quát về tổng thể, kỹ lưỡng về chi tiết ở các công trình kiến trúc kỳ vĩ mà từ đó các bậc Thiền sư có thể "Hú lên một tiếng lạnh cả trời" (Đạo Hạnh).

Điêu khắc đời Trần

Nhà Trần thay thế nhà Lý suy tàn trong sự phát triển đi lên của phong kiến Việt Nam. Ba lần chống quân Nguyên - Mông thắng lợi, bảo tồn giang sơn đã tạo nên một hào khí oai hùng cho dân tộc và thấm đậm trong văn học nghệ thuật; mặt khác chiến tranh nhiều lần tàn phá đất nước, hoạt động nghệ thuật bị hạn chế, cuối cùng chế độ điền trang thái ấp cũng tan vỡ trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly vào cuối thế kỷ 14. Dù chùa chiền không được đồ sộ nhưng đạo Phật vẫn thịnh hành. Điêu khắc Phật giáo hiện chưa tìm được pho tượng nào nhưng còn lại rất nhiều bệ tượng đá hoa sen hình hộp trên đặt tượng Tam Thế (Quá khứ - Hiện tại - Vị lai) ở các chùa Thầy, chùa Bối Khê, chùa Dương Liễu. Chạm khắc gỗ trang trí kiến trúc thấy ở chùa Phổ Minh (Nam Định), chùa Thái Lạc (Hưng Yên) với các đề tài "Rồng châu lá đề", "Tiên nữ dâng hoa", "Tiên nữ tấu nhạc", "Tiên nữ dâng hương".

Phong cách hài hoà Lý đã biến đổi, phong cách Trần mạnh mẽ, khái quát và quan tâm đến tính biến động của cấu trúc tổng thể hơn là hình mô tả. Trong các lăng mộ đời Trần, điêu khắc đá chủ yếu là tượng người, tượng thú châu và làm thần canh giữ cho thế giới vĩnh viễn của ông vua có vẻ đẹp trầm mặc và sinh động. Tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ, tượng trâu và chó ở lăng Trần Hiến Tông, tượng quan hầu ở lăng Trần Anh Tông là lối điêu khắc lăng mộ đầu tiên ở Việt Nam, mà cách tạo hình luôn gắn với sự xác định trong không gian quần thể kiến trúc lộ thiên.



Điêu khắc thời Lê Sơ (1428 - 1527):



Trong trăm năm của triều đại Lê Sơ, Phật giáo đã bị đẩy lùi về các làng xã, Nho giáo lên ngôi và kinh tế nông nghiệp với quan hệ địa chủ - nông dân cũng phát đạt. Ngoài ba pho tượng đá chùa Ngọc Khảm (Bắc Ninh) đến nay hình ảnh điêu khắc Phật giáo thời Lê Sơ rất mờ nhạt. Thay vào đó là nền điêu khắc lăng mộ của các vua Lê ở Lam Sơn (Thanh Hoá). Tám lăng vua Lê và hai bà Hoàng hậu đều theo hình thức của lăng vua Lê Thái Tổ làm năm 1433, mặt bằng hình vuông, chính giữa là đường thần đạo dẫn đến mộ phần ở đáy lăng, hai bên có hai dãy tượng châu gồm quan hầu, lân, tê giác, ngựa, hổ. Bên ngoài lăng là nhà bia. Các lăng khác đều tương tự, tuy các con vật châu có chút ít thay đổi. Sau 20 năm chiến tranh với nhà Minh (1407 - 1427), đất nước trở nên hoang tàn, sản vật bị vơ vét, sách vở bị đốt, đền chùa bị phá, thợ giỏi bị đưa về Tàu.

Vua Lê đành phải dùng những nông dân lân cận tạc tượng, xây lăng. Tính thô mộc, giản dị, sự cần kiệm của một chính thể mới lên đã dẫn đến một nền điêu khắc đơn điệu, nghèo nàn, dù con mắt kiến trúc tổng thể khá đặc sắc.

Điêu khắc thời Lê - Trịnh - Tây Sơn:

Nhà Mạc thay thế Nhà Lê Sơ 1528 đến 1598. Nông thôn Việt Nam tạm yên ổn và phát triển một phong cách điêu khắc đình làng, từ chối tính tôn giáo và phong kiến trước đó. Nội chiến bắt đầu giữa Nhà Mạc với các quan lại họ Trịnh và Nguyễn ủng hộ con cháu nhà Lê, còn gọi là chiến tranh Nam - Bắc triều. Nhà Mạc thất bại. Thế kỷ 17 họ Trịnh nắm binh quyền ở Bắc Bộ chi phối vua Lê. Họ Nguyễn cát cứ Nam Bộ. Chiến tranh Trịnh - Nguyễn xảy ra tới bảy lần trong suốt thế kỷ 17. Nhân tâm náo loạn. Phật giáo phục hưng như một cứu cánh tinh thần. Thế kỷ 17 - 18 cũng là giai đoạn phát đạt nhất của văn hoá nghệ thuật. Điêu khắc đạt số lượng và loại hình đáng kể chi phối toàn bộ tinh thần thẩm mỹ người Việt.



Có các bộ phận sau: điêu khắc Phật giáo trong các chùa làng, điêu khắc lăng mộ của vua quan Lê - Trịnh, điêu khắc trong các đền thờ với tín ngưỡng bản địa. Tượng Phật là Quan Âm "nghìn mắt nghìn tay" chùa Hạ (Vĩnh Yên), cao 3,7m; 42 tay là tác phẩm đồ sộ của thế kỷ 16. Tượng Phật Bà Quan Âm "nghìn mắt nghìn tay" chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) cao 3,7m; 42 tay lớn; 952 tay nhỏ kết thành quầng mắt và ánh sáng rực rỡ tiêu biểu cho nghệ thuật thế kỷ 17. Kết thúc thế kỷ 18 là nhóm điêu khắc các vị tổ chùa Tây Phương được làm năm 1794 thời Tây Sơn. Điêu khắc đình làng như các đình Phú Lão, Chu Quyên, Thổ Tang, Liên Hiệp, Hương Lộc... mang đến một nguồn sinh khí mới với nét chạm tự do, cấu trúc đồ sộ như nghệ thuật Baroque. Cá tính và phong cách cá nhân chìm lẫn trong các hình tượng Thần Phật và được dung dưỡng bởi đời sống làng xã vừa khép kín vừa đa dạng như những tế bào gộp nên nền văn hoá nông nghiệp Việt Nam

Điêu khắc thời Nguyễn (1802 - 1945):

Nhà Nguyễn rời đô vào Huế, xây dựng kinh thành Huế và quần thể lăng mộ cho các bậc đế vương ở phía tây kinh thành, điêu khắc lăng mộ phong kiến Huế nghèo nàn về ngôn ngữ và cứng nhắc về quy phạm. Các lăng Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định tuy khác nhau về kiến trúc nhưng tương đối thống nhất về điêu khắc. Tượng quan hầu, lính hầu, voi và ngựa nghiêm trang hai bên thân đạo, kích thước gần nguyên mẫu nhưng rất thiếu sinh khí. Ở Bắc Bộ, điêu khắc Phật giáo tiếp tục phát triển với một tinh thần chung của xã hội phong kiến cuối mùa. Tượng thì to ra, nhưng vẻ sinh động giảm thiểu. Tác phẩm Quan Âm 112 tay chùa Tây Phương, tượng Phật chùa Bà Đá, chùa Hồng Phúc là những ánh sáng loé lên cuối cùng khi một thời đại mới bắt đầu.



Năm 1925, trường cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ra đời. Mỹ thuật Việt Nam có bước ngoặt mới, hội họa với các nghệ sĩ có tên tuổi bắt đầu thay thế địa vị độc tôn của nghệ thuật điêu khắc cổ.

Trên đây là những nét khái lược trình bày một cách cô đọng đặc tính điêu khắc từng thời đại. Bên cạnh mảng điêu khắc tập trung ở chốn đình chung, chúng ta còn kho tàng khổng lồ các tác phẩm điêu khắc dân gian có mặt ở khắp đó đây trên đất nước. Đó là sản phẩm điêu khắc của những người thợ trong kiến trúc nhà cửa, vật dụng, đồ thờ, công cụ...

KIỂM THÊM

Tranh vẽ : 'Nghệ sĩ và Người mẫu / Artist and Model' của Võ Công Liem



HƯ' CẦU và KHÔNG HƯ' CẦU

VÕ CÔNG LIÊM

Là những yếu tố thuộc về truyện ngắn, truyện vừa và truyện dài (The Elements of The Short Story, Mid-story and Novel) là viết những gì thuộc về truyện và chuyện; dù là gì hoặc có phân tích, định nghĩa để xử sự đúng cho ngôn ngữ, thời đó chỉ là cơ bản lý luận để cho bài viết mạch lạc và minh định đúng chức năng, nhiệm vụ của nó; nhưng bố cục phải rất ráo qua từng đặc tính muốn nêu ra: Vai trò (Character) Đề tài (Theme) Quan điểm (Point of View) Dấu hiệu / Biếm đàm (Symbol and Irony) và Đánh Giá (The Scale of Value); nhưng tất cả những lý do nêu trên đều nằm trong một qui trình vốn có dù miêu tả dưới hình thức nào đều là một thiết kế câu chuyện được dàn dựng cho một thể tài của hư cầu (fiction) và không-hư-cầu (non-fiction). Nhưng; phải thực tính, nghĩa là không ngoa để hư cầu sống thực với chính nó, còn cái không-hư-cầu là nhất thiết sống thực như một chứng nhân thời sự, dữ kiện một sự thật lịch sử có thật (the truest history) không còn là hình ảnh đi qua kinh nghiệm, ngay cả việc mô tả hoài niệm trong quá khứ. Thật; để không mất thể chất của nó. Đó là yêu cầu khi viết về một thể tài cho hư cầu hay không-hư-cầu.

Việc đầu tiên của hư cầu là mô phỏng hay giả định sự kiện, là công việc làm cho câu chuyện được trở về (repay) trong một lý giải phong phú hơn những gì đã có, làm cho việc đọc có hiệu năng và cũng là đối tượng chính yếu giúp cho độc giả nhận ra sự đồng nhất: nhận biết, khoái cảm và làm cho truyện hay chuyện hấp dẫn thêm hơn. Đây là một giáo nghiệm dứt điểm cho những yếu tố thuộc về hư cầu và không-hư-cầu và thiết nghĩ có một vài cái gì chuẩn mực cho việc thẩm định bình phẩm –to the this end it examines the major elements of fiction and non-fiction and suggests some criteria for critical judgment.

Truyện ngắn là một hư cầu ngắn (a short fiction). Một cố gắng hết mình để xác minh nó có nhiều cái gò bó, nông cạn, chật hẹp tư duy vừa che đậy vừa không thực, những thứ đó chứng tỏ kết quả không đạt được cho khả năng của hư cầu chớ đừng nói tới không-hư-cầu; còn nếu như loại ra được chắc chắn điều này luôn luôn tồn tại; đó là cái vượt thoát ra khỏi sự bao trùm của những gì mà họ muốn xác nhận. Không còn cách nào hơn. Điểm sáng của truyện hay chuyện là cái hay ho của chúng ta làm nên trong ngôn ngữ chứa thứ nghệ thuật của hư cầu –Our interest is in the art of fiction. Biết được cái hay ho, lợi ích đó dù là viết những thể loại khác nhau (tản văn, tản mạn, ký, ghi...) trong hình thức mô tả, bình giải hay ghi nhận một sự kiện đều ít nhiều cấu trúc (structure) hư cầu trong đó; tức tạo hình ảnh phi tưởng để cách hóa giá trị hay bình phẩm gián tiếp cho một

bài viết muốn nói tới mà quên đi tính nghệ thuật văn chương hư cấu, thời cái đó phản cái thực của hư cấu và không-hư-cấu; chính vì vậy mà làm cho độc giả sinh bực (bother to read it) và nản lòng phải nhai lại thứ rập khuôn. Hư cấu là gì? Là nghĩ ra những điều không có để viết, là hình tượng dựng nên sống thực, cho nên chi; trong hư cấu vẫn có cái thực của nó trong nhận thức và khoái cảm, để làm nên một phán đoán về nó (hư cấu) –in understanding and enjoying it and making judgments about it. Tuy nhiên truyền ngắn thường dành cho những gì ảo ảnh, một sắc thái sơ yếu đã được đề cập đến, đó là yếu tố trong tất cả những gì hư cấu –though short stories are used for illustration, the elements discussed are elements in all fiction. Vậy thì hư cấu hay không-hư-cấu là tìm cách vượt ra khỏi ý thức giả định mà vẫn là thực tính và diễn đạt tư duy một cách trong sáng với một văn chương vượt thoát (Escape Literature) và một văn chương diễn nghĩa (Interpretive Literature) hai mặt này thể hiện sự trong sáng trong ngôn từ cho hai thể loại hư cấu. Câu hỏi đầu tiên hỏi về hư cấu là: -Tại sao bực mình mỗi khi đọc đến? Mà cuộc đời là quá ngắn ngủi với bao nhiêu nhu cầu đòi hỏi thời gian với bao dữ liệu sách vở, thông tin, chỉ dẫn và thảo luận từ việc này sang việc khác, một ngày con người phải đối đầu qua nhiều trạng huống khác nhau để rồi lại phải đọc. -Thế thì tại sao chúng ta phải đọc những việc đã qua mà nay được nhắc lại trên một 'khung hình' của tác phẩm? Đó là những câu hỏi muôn đời đưa ra. Để trả lời những gì đã nêu: -Thích thú và Nhận thức. Từ khi chế ra (invention) ngôn ngữ con người đã cảm thấy hài lòng trong việc theo dõi những gì xảy ra trên mặt chữ và dự phần trong một hình ảnh phiêu lưu 'con chữ' và hình ảnh đầy kinh nghiệm qua hình ảnh con người. Bất luận là gì -không có một sự có nào làm hư hại cả- nó phục vụ và làm cho cuộc đời bớt tẻ nhạt, làm cho thời gian qua nhanh hơn; là một thỏa đáng, chắc chắn không cần có một lý giải nào cả. Vui thích và mãi mãi sẽ vui thích, là; cứu cánh đầu tiên và một biện chứng để đọc những gì thuộc về hư cấu dựng nên. Một hư cấu thực tính là hòa nhập giữa người đọc và người viết. Thí dụ: cái điều đó phải cười, phải tặc là thực tế không hề sai trái, xấu xa lại đứng nhe răng ra cười hoặc phải nói giăng, nói cuội, cả nể rồi lờ đi (?). Mà cần có một vai trò thực tính của ngữ ngôn hư cấu. Thời cái đó mới sống động, trung thực đối với người đọc. Nhưng; ngoại trừ hư cấu hay không-hư-cấu đem lại những gì phấn khởi và cập nhật thời đó là điều thích thú và phù hợp cho hoàn cảnh. Nói cho ngay; bá nhân bá bộc chứa, được cái này mất cái kia, Hư cấu như truyện Kiều là một tác phẩm vĩ đại mà hậu sinh của Nguyễn Du cũng đem ra bình; có nghĩa là chê khen lẫn lộn tư duy.

Ấy là chuyện khó để đạt tới chân tướng đích thực; tác giả của hư cấu hay không-hư-cấu không phải đóng khung trong đề tài mà phải đưa quan điểm vào hư cấu để đánh giá trong đó qua ngọn bút thần là tìm cách pha vào đó lời mật đắng hay miệt thị biếm đàm. Thế nhưng cảm hóa hay không một phần dành cho người đọc mà cần có một ưu tiên cho nó (it must yield). Nguyễn Du phải đợi tới ba trăm năm sau thời họa may mới cảm hóa với nhân gian. Thật khó mà biện minh cho chính nó với một chủ thể vấn đề ở học đường. Rứa thì làm răng đây? Răng hay rứa; cho nên chi hư cấu hay không-hư-cấu muốn có một thứ nghệ thuật văn chương là phải sáng tạo, là cách riêng sống thực với đời; thời không thấy đó là 'hư' hay 'vô'. Mà phải biết vận dụng, mở rộng hướng đi đúng đề tài hoặc tinh lọc qua một trí tuệ của chúng ta hoặc có tính năng động (quickness) dựa qua cảm thức đời sống trong chúng ta. Giá trị đó không phải đánh giá một cách to lớn như những gì trong cuộc đấu trường. Mà phải khéo léo, biết cách mới gây chú ý và hấp dẫn thì sự có đó là chiếm cứ trên lãnh địa của mình không những chỉ dành cho khoái cảm, nhưng nhận biết –to have a compelling claim on our attention, it must yield not only enjoyment, but understanding. Văn phong 'già dặn' là chứng tỏ cả một trải nghiệm của con người xuyên qua nhiều thế hệ, đó là thứ văn chương có thể nói là có lớp lang cung cấp nhiều nhận thức, và; có tính hiệu năng –đó là miêu tả như vẽ lên hình ảnh qua kinh nghiệm có thể cung cấp một cái gì chính xác với cái nhìn trong sáng, vô tư không vướng đục thì cho dù hư cấu hay không-hư-cấu đều sống thực như một hiện diện thực thể. Thí dụ: Ở những tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Nam Cao ... hay trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn có thể là ngụy tạo, không thật (falsehood) và tạo nên hình ảnh lãng mạn, nhưng nói được những gì nói được; trong đó nói lên mặt thật xã hội, hoàn cảnh, tâm lý là cả một liên hợp làm cho hư cấu trở nên thực và có tính lịch sử có thật (the truest history and full of truths). Nhưng

trong cái đồng tạp-bà-lù hư cấu hay không-hư-cấu không nhất thiết đó là đỉnh cao trí tuệ. Chỉ một ít thôi! Tuy nhiên; mở màn cho việc hư cấu sẽ có thể sắp loại vào hai cái nghĩa khẳng định của: văn chương vượt thoát và văn chương diễn nghĩa. Từ nhận thức này đến nhận thức khác trong hư cấu và không-hư-cấu; cho chúng ta thấy thời nay một số tiểu thuyết ra đời chỉ chủ trương thành hình tác phẩm (hình thức bià, bạt và sản lượng) hơn là thành văn mà quên đi vai trò, chủ đề và quan điểm; làm cho truyện hay tiểu thuyết rơi vào cõi mộng lung không mạch lạc, tiếp dẫn những hoàn cảnh khác biệt không ăn nhập với đời thường, chỉ vòng vo trong một bệnh lý nhân vật không nói lên thực trạng bi thảm do đâu mà ra, cái không đáng phải xoáy vào đó làm cho thứ tiểu thuyết không còn linh động, không biếm đàm mà gây cho tiểu thuyết trở nên ngu xuẩn thiếu mệnh đề chủ lực. Người bình phẩm hay nhận định tiểu thuyết chỉ lướt mắt chớ không đào sâu trong đó yếu tính của hư cấu là vượt thoát hay diễn nghĩa; nhận thức như thế là suy đồi cho một ý thức nhận biết giá trị của tác phẩm. Họ là người đại diện cho tác phẩm muốn hỗ trợ tinh thần hay luận bàn đều nằm trong vòng luẩn quẩn không lấy ra được cái thâm hậu của tiểu thuyết. Thành ra vai trò của người phê bình, nhận định là phải đọc kĩ và viết không ngoa mới thấy đích thực của tác phẩm còn lập ngôn thì chán: 'bother to read it'! Nói thế là vô đoán cho một số tác giả hư cấu và không-hư-cấu. Nhưng chủ quan mà nói (hiện nay) và đã có trước đây là những tác phẩm hư cấu để đời và đáng tồn tại cho một dữ liệu lịch sử. Lợi ích trong hư cấu và không-hư-cấu là do đời tìm thấy chớ đâu có cao đơn hoàn tán, sơn đông mãi võ như đã thấy nhan nhản giữa đời này. Cái thứ rao hàng như thế là 'thủy tử' cho một truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết. Đó là bi thảm cho lối viết về hư cấu! Thế nhưng vẫn không tránh khỏi cái họa văn chương. Hay đó là trào lưu?

Văn Chương Vượt Thoát (Escape Literature): là điều viết lên cả một sự tinh chất cho một đối đãi giải trí yêu chuộng; giúp cho chúng ta vượt qua cái a-dzua biểu đồng tình –is that written purely for entertainment; to help us pass the time agreeable. Ngoài ra đưa chúng ta xa lià thế giới thực thể là một khả năng tạm thời giúp chúng ta quên đi những tình huống hỗn mang, gò đồng luôn vây quanh trong đời sống chúng ta.

Văn Chương Diễn Nghĩa (Interpretive Literature): là viết lên cái bao la, rộng mở và một cái gì thâm hậu và sắc bén bằng một nhận biết có ý thức trong cuộc đời của chúng ta –is written to broaden and deepen and sharpen our awareness of life. Đưa chúng ta xuyên qua bằng một trí tưởng: trầm lắng để hoà nhập vào một thế giới thực thể, nó còn có một khả năng cho chúng ta nhận biết cái gì là hỗn mang, thường luồng trong những gì đang sống. Cả hai lý năng trên ngoài nhiệm vụ cho ta thỏa thuê mà 'plus' vô đó một nhận thức hiểu biết. Tuy nhiên chúng ta không phải ngoa, phét, láo (exaggerate) hoặc nỗ sảng (oversimplify) vào những thể loại hư cấu một cách ngang nhiên, lộng hành. Vượt thoát hay diễn nghĩa không phải là hai thùng chứa hay có cái khác biệt nào đó mà chúng ta muốn trút vào cho truyện hay chuyện hư cấu một cách dễ dàng (bởi hai chữ 'hư cấu' cho nên mạnh miệng phóng bút cho thỏa dạ, hả hê những gì ta biết; làm thế mất chất thực) mà phải biết tương nhượng để sống thực cùng với hư cấu. Hai trụ cột đó là nằm giữa của thế giới hư cấu đang quay tít. Nhưng nhớ cho; sự khác lạ ở chỗ hư cấu và không-hư-cấu là không che giấu sự kiện dù trong 'hiện diện' hay 'vắng mặt' mà trong hai cái ngoặc này là nói lên tinh thần luân lý đạo đức của người cầm bút. Truyện hay chuyện là tất cả do từ sự cố và vai trò nhân vật, là những gì hời hợt có lẽ đó là lý do có thể không hoàn toàn luân lý đạo đức; trong lúc diễn nghĩa câu chuyện không có chi là luân thường đạo lý ở trong tất cả trạng huống mà nằm trong bất luận cảm thức qui ước. Khác biệt nữa của hư cấu là có hiện diện hay vắng mặt đều thuộc vào yếu tố kỳ bí của ảo tưởng. Cái lạ khác của hai thể loại nêu trên là một thứ văn chương trầm mặc, ẩn tàng; một lối diễn tả tế nhị, khéo léo, tinh xảo, bén nhạy làm cho hư cấu hay không-hư-cấu trở nên sống động (dù đó là hư cấu 'phịa') hơn những gì riêng biệt. Mà tuồng như phản ảnh rõ nét vào khía cạnh, diện mạo của con người hoặc qua thái độ hành xử của con người. Thể loại diễn nghĩa giới thiệu cho chúng ta một nhận định sáng suốt -mở ra khung cửa khi hở khi khép- trong một điều gì tự nhiên, hài hòa tồn tại của chúng ta và những gì con người đang hiện hữu trong một vũ trụ bao gồm: đôi khi là tình hữu nghị, đôi khi là thù nghịch. Là; một nỗ lực sáng tạo để làm cho hư cấu hay không-hư-cấu đi từ vô thi vô chung của phi thực hư cấu đến hư cấu hiện thực. Thế thời người viết

phải hóa thân trong hư cấu để hư cấu sống thực là thứ văn chương tôi thượng mới mong tồn-lại còn bằng không thì đó là văn chương tồn-loạt không đi vào với nhân thế. Nhớ cho: 'tôi hư cấu rửa cho nên chi tôi tồn-lại'. Phỏng câu nói thời thượng của René Descartes mà thực thi chính sách 'kinh bang tế thế' cho một ngữ ngôn cấu-hư và cấu-hư-không mới thành văn, thành hình cho một văn chương hư cấu đương đại ở thị trường 'chứng khoán' văn chương!.

Có lẽ; chúng ta quá tinh lọc qua từng khác biệt bởi một gợi ý, gợi hình nào đó. Người viết 'vượt thoát' giống như người chế ra một phương án đặc thù dành cho ta một giải trí khuây khỏa. (Nhưng cái giết mình bất chợt, những rên siết trong bóng đêm của một cuộc giao hoan như trường hợp Chí Phèo và Thị Nở bì bạch bên luống nước...) Người viết 'diễn nghĩa' là một con người khám phá: tác giả đưa chúng ta ra khỏi đám sương mù của cuộc đời, và; sướng một cách thỏa mãn khi được thấy (Xuân Tóc Đỏ trộm nhìn Tuyết hay bà Phó Đoan trong buồng ngủ. Sướng khi thấy, khi nghe Nghị Hách hành lạc trong chiếc ô-tô màu đen của bóng đêm trên đường về tỉnh...) Người-viết-vượt-thoát đầy đủ chức năng thần thông biến hóa để tạo ngạc nhiên: hấn dứt tay vào quần, kéo ra xem rồi lại mân mê. Hấn chảy nước dãi khi thấy người đàn bà tắm truồng. Người-viết-diễn-nghĩa lại đưa chúng ta đứng sau cánh giới, tác giả chỉ cho ta dựa vào, soi vào và tìm vào để thấy cái ảo giác lung linh nửa hở nửa khép: nàng chải tóc mà đôi vú rung rinh, nõn nà dưới lớp áo mỏng. Rồi nàng lại ngồi bành chành cắt móng chân. Ở đây không nói rằng người-viết-diễn-nghĩa là đơn thuần của người mách bảo. Nhưng ngược lại người-viết-vượt-thoát là hình ảnh, vóc dáng là chất liệu làm nên. Những 'bí truyền' của cả hai thứ hư cấu là những gì có thể thấy và cảm nhận được và nhận biết một cách trung thực hơn cả hư cấu, không những biếm đàm mà còn thích thú say mê của một màn trình diễn văn nghệ hay một cảnh 'sex' trong phim ảnh. Đủ để thấy cái thực trong hư cấu.

Giờ đây chúng ta có hai loại hư cấu và hai loại độc giả. Một thứ độc giả non nớt hoặc thiếu kinh nghiệm chỉ biết tìm kiếm trong vượt-thoát cho dù họ đang đọc những gì thuộc diễn-nghĩa hoặc một vài thứ luân lý khác và luôn luôn nghĩ rằng mình thấu đáo hoàn cảnh như chính mình và một cảm nhận thích thú với một thế giới tuyệt thú đầy hình ảnh và hình ảnh sóng soải như chính mình đang sóng soải. Thí dụ: câu chuyện tình ai oán trong 'Hồn Bướm Mơ Tiên' là hình ảnh hóa thân (metamorphosis) một tu sinh xa lánh trần tục. Nhưng; lại ngập ngừng cho mỗi khi nghe chuông đổ, e lệ trước khách thập phương, núp mình trong chiếc áo lam nhà Chùa là một che đậy giả tạo để được sống trong hạnh phúc sau đó (live happily ever after) như một hình ảnh mơ về giữa mộng và thực của nhân vật; không bao giờ sống thực như vậy nhưng lại thương yêu thủy chung (but sweet and virtuous). Tha thứ cho tu sinh là nỗi đau của đời nàng mà giờ chỉ là nắm tàn tro phận gái (a cinder girl). Những mẫu chuyện như thế hình như lôi cuốn cho những người lớn tuổi dự phần vì nó hài hòa nhân thế và coi đó là biểu tượng tình yêu thủy chung, bởi; tác giả vận dụng vào đó của hai luồng tư tưởng 'vượt thoát' và 'diễn nghĩa'. Yếu tố đó tuy không thực nhưng không dối mà lại nằm trong cái mơ màng, hời hợt của cuộc đời... Rửa cho nên chi người viết cũng như người đọc hoà âm trong một cảm thức của 'hư' và 'vô' một cách nhịp nhàng, cân đối và từ đó không còn thấy hư cấu hay không-hư-cấu cho một tâm trạng xã hội đầy qui ước và tục lệ. Không có gì sai trái cho những vai trò trong truyện mà coi như đây là một yếu tố làm nên tiểu thuyết hay truyện ngắn, truyện vừa của hư cấu. Ý nghĩa quan trọng của hư cấu là viết lên được tất cả mặt thực tâm lý, sinh lý qua một trực giác bén nhạy của tác giả. Những sai lầm khác được đặc trong vai trò của từng nhân vật cũng là một sự có xếp đặt, đòi hỏi phải có thời mới làm cho truyện, chuyện phong phú thêm lên. Có như vậy mới bắt gặp được sự thích thú. Nhiều khi cứ ngỡ có sự sai sót của người viết. Không phải; ngoài chuyện viết 'thẳng thớm' còn chêm vào ngạc nhiên, biếm đàm; hư cấu thì dễ, nhưng thực chứng mới là khó, chớ đừng vì hai chữ hư cấu mà 'phạn ẩu' vô trong đó. Thí dụ: người viết thời sự, chiến tranh không nắm trọn đủ kiện để chứng minh (nhiều khi quên luôn cả con số đơn vị) đành hình dung, cách hóa để phù hợp với hoàn cảnh, đôi khi thấy ngán mà tưởng ngỡ cũng do thị giác mà ra. Để rồi động vô hư cấu như chứng nhân lịch sử. Cái đó không 'interesting' mà trở nên 'imaginary'. Nguy hiểm cho hư cấu!

Hư cấu hay không-hư-cấu là việc tối cần là trụ cột cho một thông tin diễn đàn ngôn ngữ và tư tưởng một trong những nhận thức như những nhận thức khác. Cả hai diện mạo này là tối cần tương đương trong việc dựng truyện và chuyện cho nhận thức hiểu biết, một thể điệu khác biệt kinh qua kinh nghiệm sống, một xúc cảm mãnh liệt như thử là nỗi sợ hãi bởi trí năng. Cứu cánh của hư cấu là thêm vào đó một nhận thức mới và một bình phẩm mới dành cho truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết dù là xuất xứ từ nguồn hư cấu mà ra.

Thể chất của hư cấu và không-hư-cấu không thể tránh xa những điều kiện thông thường cho mỗi khi xây dựng truyện hay chuyện, truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết đều nằm trong quy trình như luật định; đó là cương lĩnh xây dựng cho một hư cấu có đầy đủ chức năng mới thành hình một tác phẩm; dù rằng tiểu thuyết mới cố sức phá lệ để tạo cái văn phong mới cho một khám phá mới nhưng không thể xa lià câu chuyện với nhân vật, đề tài, quan điểm, ký hiệu (tượng trưng) hay mô thức biếm đàm và cuối cùng là đánh giá qua nhận định. Rằng rứa? Tại nó rứa rằng cho hình thức hư cấu là cả một dặm trường đi từ vượt-thoát đến diễn-nghĩa thời những gì còn lại là cả một sự cô đọng như nấu thuốc bắc hay hoàn tán thuốc tể là cả một hợp chất làm nên hư cấu hay không-hư-cấu. Chớ đâu phải hùm-bà-lăn nổi nước lèo cho phở hư cấu. Đó là phở dzôm!

- Vai Trò Nhân Vật (Character): Tốt cho người đọc là bớt đi cái chú ý vào hành động đã xong nơi nhân vật còn hơn là vai trò làm nên hành động –the good reader is less interested in action done by character than in characters doing action. Viết và đọc cho một vai trò là có nhiều cái khó khăn trong đó hơn là đọc cho một dự ước nhân vật; vì vai trò có nhiều phức tạp: trạng huống tâm lý, hoàn cảnh...nhiều rắc rối khác biệt và nhiều điều mơ hồ, tối nghĩa. Nhưng cái khéo léo đáng kể có thể cần thiết cho công việc miêu tả vai trò và ít đi căng thẳng vào sự tiếp cận giữa nhân vật và nhận thức, mà tạo được cái tự nhiên con người. Có sự đó; hư cấu vượt thoát có khuynh hướng dự ước là nhấn mạnh vai trò nhân vật để mô tả sự hiện diện nhân vật là một tương quan gần gũi giữa người viết và người đọc đồng thời phân định vai trò nhân vật như thiện ác là rõ mặt trắng đen mà không gây phức tạp như một chấp nạp vào sự hiểu biết của tác giả. Người viết trở nên khách thể trước chủ thể của người đọc. Trong hư cấu vượt thoát luôn lồng vào đó vai trò nam, nữ là những nhân vật lôi cuốn, hấp dẫn trong việc luyến ái là dễ dàng xây dựng, nhưng phải sống động thực thì vai trò nhân vật không đi xa với đề tài quyết định. Nhưng nhớ cho độc giả cũng không vì áp ủ theo đuổi cái hình ảnh tự nhiên trong cái thú khoái lạc cấm kỵ mà không làm mất đi cái sự o bế hình ảnh tự nó mà ra –the reader has thus been able to indulge imaginatively in forbidden pleasures without losing flattering self-image. Mà đồng thanh tương ứng với người viết là cảm hóa nhân vật như cảm hóa chính mình. Đây là sự khéo léo tài tình của người viết về hư cấu. Còn diễn nghĩa hư cấu là không khước từ sự lôi cuốn giữa vai trò nhân vật. Nó trang bị những gì đơn giản bằng một biến loại lớn lao giữa những vai trò, vai trò đó đôi khi không mấy biểu lộ thiện cảm. Chức năng của tác giả là giới thiệu vai trò của mình: trực tiếp và gián tiếp. Trực-tiếp-giới-thiệu (direct presentation) là nói thẳng vào ta bằng một sự bùng phá sự kiện hoặc phân tích những gì thuộc vai trò nhân vật hoặc những gì mà người viết thích được bày tỏ. Còn nói về gián-tiếp-giới-thiệu (indirect presentation) thì người viết tỏ cho chúng ta vai trò qua hành động mà chúng ta suy luận lấy từ những gì tác giả thích và những gì tác giả nghĩ đến hoặc muốn nói đến.

- Đề Tài (Theme): Là mẫu thức của hư cấu nó kiểm soát được tư duy hoặc là trung tâm soi rọi, là hai vị trí cần thiết cho đề tài hư cấu (truyện ngắn, truyện dài hay tiểu thuyết). Đề tài hư cấu là một tổng thể hợp nhất (unifying generalization) về cuộc đời đã được phơi bày hoặc đã được ngụ ý trong câu chuyện. Khởi từ đề tài câu chuyện, chúng ta phải đặt vấn đề gì là mục đích chính nó: cảnh đời là gì mà nó trợ vào đó hoặc là gì soi sáng trong cuộc đời mà được tiết lộ -to derive the theme of a story, we must ask what its central purpose is : what view of life it supports or what insight into life it reveal. Tồn tại của đề tài chỉ khi nào tác giả cố sức một cách nghiêm chỉnh để ghi lại cuộc đời một cách chính xác hoặc tiết lộ sự thật về điều đó hoặc mỗi khi tác giả máy móc hóa giới thiệu một vài ý niệm hoặc lý thuyết cuộc đời; đó là những gì tác giả xử dụng như một yếu tố liên hoàn, cái đó chính là dụng ý mang ý nghĩa của câu chuyện để có một hình ảnh tạo ra. Trong tất cả đề tài dành cho chủ đề diễn nghĩa hư cấu là lẽ như nhiên trong vượt thoát hư cấu. Rứa có

lộn xộn không? Không! vì tồn tại diễn nghĩa hư cấu, nó có mục đích tối hậu cho câu chuyện nhưng chỉ một ít trong vượt thoát hư cấu –in exists all interpretive fiction it is the purpose of the story but only in some escape fiction. Vượt thoát hư cấu đôi khi gây vào đó một vài lỗi lầm vụng dại; đó là cái chốt treo vào trong hình thức câu chuyện mà thôi. Nhưng nói vòng vo tam quốc chơi cho vui; tựu chung: hư cấu vẫn là tồn tại nếu đừng để tồn loạt hư cấu ngự trị mà gây lộn xộn mạch văn mà coi hư cấu là thể đứng của các thể loại hư cấu. Đây là tương nhượng trong cách nói chớ truyện nó có cái vĩ đại trong đó của thập niên 30/50 như Tố Tâm (Hoàng Ngọc Phách) Đoạn Tuyệt, Anh Phải Sống (Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo...) là hư cấu truyện có đặc thù của hư cấu; vừa thực chất vừa có tính thời đại. Còn bằng không viết hư cấu mà thiếu những yếu tố mắm muối tiêu hành thời coi như viết chơi cho vui thôi chẳng thấy chi giữa đời này; lắm khi đội lên cho sáng thế, cho to chuyện: giàu về lượng mà phẩm chẳng bao nhiêu. Rứa rồi; hoá thân tồn loạt mà không biết!

- Quan Điểm (Point of View): Thuở xa xưa người kể chuyện không buồn suy xét, cân nhắc qua một hình thức nào cả. Ăn ngay nói thật, nghĩ tới đâu nói tới đó, củi mục chấm mắm nêm vô tội vạ, học hành không mấy sản hoặc học chưa tới nơi đều ưa nói 'văn hay chữ tốt' chả phải luật lệ vì chưa hiểu luật nói chuyện, đôi khi lồng vào những biếm đàm cho câu chuyện thêm hào hứng, vi vu tiết điệu vắn xoay (simply spin a tale). Khởi từ đó; tiếp tục diễn tiến kể chuyện như đọc truyện 'đêm khuya' và có người lắng nghe. Miêu tả nhân vật những khi cần thiết, nói hay kể những gì họ nghĩ ra và cảm thấy như những gì họ đã làm và xen vào lời bình phẩm với ý nghĩ riêng của mình... Người viết văn chương hư cấu hiện đại là có tính nghệ sĩ nhiều hơn là tự nhận thức –the modern fiction writer is artistically more self-conscious. Họ tự chế, tự biến làm sao câu chuyện trở nên hào hứng trong chuyện kể, tự quyết một phương thức và qui định thể cách của chuyện kể theo ý mình. Thời chúng ta coi như là chuyện-hư-cấu không phải truyện-hư-cấu. Có nghĩa rằng; nhân vật chuyện nhiều khi là nhân vật chính của người kể, đặc nhân vật của mình như một gián tiếp lấy ý thay lời, lấy lời thay ý là một thừa nhận tư duy; là chính mình trong nhân vật. Với phát tiết trời dậy như hoạt náo viên bằng một ý thức nghệ sĩ để đạt tới quan điểm 'point of view' của người kể chuyện; tuy nhiên làm thế nào để thu hút qua vai trò người kể, mà là một mô phỏng đặc biệt quan trọng. Sự cố như thế cũng sinh ra từ hư cấu, đặc chuyện cho thành chuyện chớ thực hư đều là hư cấu. Nhận biết do từ người nghe cũng như người đọc. Hư cấu có cái siêu lý của hư cấu. Thời tất khó định lượng cho chuyện-hư-cấu có thực chất của nó như thế nào là 'hư' với 'vô'. Thôi thì ta cứ chia cái quan điểm đó ra như sau thì may ra tìm thấy cái lý sự tồn tại nhân thể mà tránh cái tồn loạt nhân gian ởm ờ con kè-kè, ngóc đầu ngó quanh, thềm chảy dãi:

1- Trong sự 'người biết quá nhiều' của quan điểm (In the Omniscient Point of View) là chuyện được kể do tác giả dàn dựng. Lấy ngôi thứ hai hay nhân vật thứ ba trong vai trò qua sự nhận biết là đặc quyền của người kể chuyện, không rào cản, không ước lệ, dung tha hay kết tội do sự điều động của người kể do từ cái thực trong chuyện kể và cái không thực trong chuyện kể. Người kể chuyện thoả mái đi bất cứ nơi đâu họ muốn, trở mắt vào tận tâm can, vào tận hồn của nhân vật ở những gì muốn nói cho chúng ta những gì họ nghĩ đến và cảm nhận đến –the storyteller is free to go wherever he wishes, to peer inside the mind and hearts of his characters at will and tell us what they are thinking or feeling. Người kể có thể diễn giải tánh khí từng nhân vật và khen chê tự ý, bởi người kể là người biết quá nhiều, và; kể cho ta nghe nhiều ít do từ sự hài lòng ở chính người kể. Hư cấu nhiều hơn không-hư-cấu. Thật giả do từ chuyện kể mà ra.

2- Trong quan điểm hạn hữu 'người biết quá nhiều' (In the Limited Omniscient Point of View) tác giả kể chuyện vừa lấy ngôi thứ hai làm chuẩn, đưa nhân vật thứ ba vào giữa người kể và người nghe; nhưng tựu chung xoáy vào tụ điểm (viewpoint) vai trò nhân vật của câu chuyện. Người kể điều động bằng trí năng để hướng chuyện vào tụ điểm xuyên qua cái nhìn và hồn khí câu chuyện. Chuyển động từ bên trong và bên ngoài nhân vật nhưng không bao giờ rời xa khía cạnh của mình –he moves both inside and outside this character, but never leaves his side. Đó là một chọn lựa quan trọng có giới hạn cho câu chuyện. Ngoài ra còn chứng tỏ về một nhận thức khác qua từng vai trò, vừa dự phần, vừa quan sát và lựa ra những gì quan trọng mà tác giả truyện ngắn, truyện vừa hay tiểu thuyết cho người nghe chính bản thân mình như thế. Thí dụ: chuyện giả sử 'Trương

Chi Mỹ Nương'. Truyện miệt vườn ' Rừng Mắm' hay 'Hương Rừng Cà Mâu' thường hướng tới cái tụ điểm với những nhân vật phụ được đội lên như có sự 'thiếu sót' của tác giả; ấy là hiếm khi bắt gặp trong một tập truyện như thế. Người kể chuyện cho người nghe như nhà phê bình thấy được những gì là hư cấu và những gì không-hư-cấu. Cho nên chi 'truyện' và 'chuyện' đều dựng trong hư cấu. Chuyện kể hư cấu bất thành văn, nhưng truyện viết hư cấu là thành văn. Hai vị trí tư duy khác nhau. Chuyện là lưu truyền cổ tích, truyện là một thực thể sống thực; dấu là hư cấu. Nhớ cho đây là lúc chúng ta đang đứng trước một diễn giải hư cấu và không-hư-cấu về tác động nhân sự trong chuyện và truyện là đối tượng sống thực đối với người đọc qua kinh nghiệm sống của người viết; nếu chưa bao giờ biết thì đó là hư cấu nhưng đến khi biết rồi thì đó là truyện không-hư-cấu. Khi tác giả đưa chuyện có thực vào truyện (trong: Hương Rừng Cà Mâu của Sơn Nam) về kinh nghiệm cách luộc thịt heo và thái thịt qua lỏi làm ăn của người dân quê miền Nam mà ít ai biết đến rành rọt. Chúng ta chỉ nghe, thấy và biết là chuyện kể có thực như trong truyện; còn chuyện nấu thịt heo chỉ nhận biết việc làm như một tập truyền. Điều đó cho ta thấy cái hạn hữu biết nhiều của người kể chuyện cũng như người viết truyện là thế đó. Bởi vậy đọc truyện hư cấu ngoài việc thích thú, còn cả tư duy thâm hậu mà tác giả làm nên trong truyện; chớ đâu phải viết lên một vài tập truyện bỗng thấy mình là nhà văn lớn ngang hàng với những nhà văn lớn (?) mà thiếu đi những dữ kiện chứng minh cho một quan điểm dựng truyện; chỉ cầm đầu chạy theo hư cấu, tạo một thứ hư cấu vô nghĩa. Nghĩ vậy là vọng nô chữ nghĩa không chừng vui chôn danh tính không còn tồn lưu cho mai sau. Chưa nói hết tụ điểm của quan điểm dựng truyện hư cấu hay không-hư-cấu trong việc đánh giá cho một tác phẩm đáng được tồn tại hay tồn loạt. Nỗi đó; là do bản chất cố hữu nên chi chưa được thừa nhận trên văn đàn thế giới là vậy.

- Dấu Hiệu và Biếm Đàm (Symbol and Irony): Hầu hết những truyện thành công là nhờ vào vai trò nhân vật và một sự căng thẳng nội tại mới tạo nên câu chuyện. Cứu cánh của người viết là nói lên những gì nói được như một điều có thể coi là thu tóm (trọn ý của mình). Ở đây không có nghĩa rằng là truyện cần phải ngắn gọn và đầy đủ. Hay tại không đủ ý tứ diễn nghĩa và không đủ lời lẽ và chi tiết để trình bày mà chọn vào đó bằng một khả năng tối đa khác. Yếu tố đó là dấu hiệu cho một bộc phát cân đối để đi thẳng tới và một liều lượng phủ đầu thường dùng cái gì nhỏ nhất, ít nhất, ngắn gọn nhất cho một không gian chật chứa những gì bức xúc nằm trong đó. Chương mục này sẽ nói lên hai sự có để góp sức cho người viết đạt đến thành quả; của một: Dấu hiệu thuộc về văn chương (A literary Symbol) có nghĩa là nhiều thứ (more) hơn những gì nó có. Cho đối tượng khách quan, cá thể, tình trạng, hành động, một vài hạn mục khác, những thứ đó đều là nghĩa trong văn chương trong truyện, nhưng gợi ý hay thay mặt cho một ý khác đúng đắn hơn. Dấu hiệu (symbol) ở đây nó khác hơn và quan trọng hơn lý thuyết tượng trưng (symbolism) là nhìn vào đối tượng khách thể (ngôi thứ ba) và hành động sự việc. Trong một vài truyện dấu hiệu sẽ thích hợp một cách tự nhiên và hòa nhập vào một văn phong mạch lạc đó là dấu hiệu giá trị. Bước đầu của câu chuyện trong truyện là một dấu hiệu chiếm cứ, củng cố vai trò và thêm vào đó cho trọn nghĩa đề tài. Bước thứ hai của câu chuyện là mang lại cái nghĩa lý của truyện; đó là những gì đòi hỏi diễn nghĩa thuộc dấu hiệu nếu câu chuyện đem lại những đặc trưng độc đáo thì giá trị dấu hiệu để lại cho người đọc nhiều thích thú thêm hơn.

Biếm Đàm (Irony) là từ ngữ với một sắp xếp cho trọn nghĩa, tất cả ý nghĩa đó là bao hàm một vài thể loại trái nghịch nhau hoặc đặc vào nơi không đúng chỗ. Nó có tính cách đối kháng trong mỗi từ ngữ mà mỗi câu văn có tính đối kháng trong đó lại có cái lối ngạo mạng, chế giễu bằng những từ ngữ khác nhau, đôi khi lóng láy trong đó –it is a contrast in which one term of the contrast in some way mocks or back-slang. Nó không ngụ ý gây xáo trộn hay châm biếm, chế nhạo. Nhưng; trong ngữ ngôn đó nói lên một cái gì chua xót, đớn đau qua lối diễn tả biếm đàm vừa mang trọng lượng ý nghĩa vừa mang trọng lượng thích thú khi đọc đến.

- Đánh Giá (The Scale of Value): Là mục đích của chúng ta trong vấn đề xét xem giá trị trong hư cấu và không-hư-cấu cho truyện và cấu trúc (Story and Structure) thành văn cho việc thành hình một tác phẩm đều được khai triển và mở rộng. Không phải phê bình văn chương mà người đọc phải tinh thông – nghĩa là biết chọn lựa một cách khôn khéo và một nhận biết tốt để đọc – readers

who choose wisely and read well. Đọc một truyện hay là liên đới tới cái sự bình luận trong đó; đó là đánh giá cần thiết cho việc thẩm định của người đọc. Dù rằng chúng ta không muốn nói đến điều này mà đặc vào đó một sự tương quan ngấm ngấm của tác giả và nhân vật, một tương quan khác giữa người viết và người đọc là một hoà điệu để đánh giá một cách xác thực giá trị tác phẩm. Chúng ta không cần phân loại giữa thực chất và giả hiệu, vinh hoa và tầm thường, ý nghĩa và thuần chất đem lại thích thú. Đối tượng chính của chúng ta là hài hòa nhân thể, tự nhiên và lý thú, mở ra những khám phá mới nói lên tình người đó là tụ điểm đem lại sự hài lòng cho việc đọc và những gì được đánh giá cao khi đọc đến tác phẩm của một tác giả đáng đọc. Không có một qui luật nào dễ dàng cho việc thẩm định văn chương –there are no easy rules for literary judgment. Quả thế; thẩm định tùy thuộc vào cơ bản ở tri giác, kinh nghiệm và khả năng hiểu biết của chúng ta là những gì phát xuất từ cuộc sống để hoà vào sách đọc. Ít ra có hai cơ bản chính để xác định. Trước tiên, mỗi một chuyện phải bắt đầu bằng xét đoán thế nào là đầy đủ cho một thành quả ở trọng tâm mục đích của chuyện –First, every story is to be initially judged by how fully it achieves its central purpose. Mỗi yếu tố trong truyện là một phán xét, bởi một khả năng vượt mức là góp sức của nó cho một trọng tâm mục đích. Truyện, chuyện viết hay là do từ mọi yếu tố cấu thành, trong đó yếu tố trí tuệ cũng là mục đích xây dựng. Nếu không có những yếu tố làm nên truyện hay chuyện thì việc thẩm xét được đánh giá cô lập, cách riêng không còn là tác phẩm tồn tại mà có thể đi tới tồn loại hay tồn lưu tùy theo thẩm quan của tác phẩm. Có lẽ; việc này là thông thường xảy đến, vì; khi viết đã có sự nhầm lẫn trên một giàn khung (frame-work) trước khi thực hiện, chính sự cố đó là một điều tội nghiệp cho người đọc phải cố công tìm tòi lý giải cái khúc mắc trong truyện. Lý do đưa đến là do văn từ tác giả xử dụng hoặc trình diễn những ngôn từ bí tỉ để tạo ngạc nhiên(?). Cái đó thật sự nghèo nàn: ngữ ngôn ta là thứ ngữ ngôn lỏng lẻo (slangy) hiểu được nhiều nghĩa khác nhau, nhưng phải hợp lý, hợp tình thì hành văn không trở nên mại lỵ và không mất tính chất văn phạm thời văn phong tránh bị tách rời (disjointed) để truyện mất hậu (broken-backed) nhảy tới, nhảy lui làm cho văn bất thành, danh bất toại là ở chỗ đó. Cái lỗi ‘chơi chữ’ bằng ngữ ngôn tối nghĩa, khó hiểu, đục ngầu là không còn hợp thời.

Nhưng không vì mức độ cao thấp mà phân biệt và cần thiết để thấy những gì trong thể loại; kiểu thức đó là cốt nói lên một vài khía cạnh của truyện hay chuyện. Do đó; hư cấu thường xử sự lỗi hành văn như thế mà chúng ta đọc lên nghe như biếm đàm. Nhưng trong truyện mỗi khi gặp phải biếm đàm tợ hồ như đánh thức người đọc. Chúng ta chỉ cấp hộ chiếu cho chuyến đi thực tế văn chương là điều chúng ta làm chủ một thẩm định đúng, dựa trên căn bản những gì tích lũy được qua kinh nghiệm sống của cả hai văn chương và cuộc đời. Chắc chắn những vấn đề nêu ra nếu đặt trong một vị trí hiểu biết và sự nhận biết cho hai việc chính của hư cấu và không-hư-cấu với những chương mục là yếu tố cần thiết để xây dựng truyện ngắn hay truyện dài và giúp cho chúng ta hiểu tận cùng ý nghĩa của câu chuyện và đánh giá được giá trị của nó là những gì xuyên qua được của nhầm lẫn dù ‘dở / poor’, ‘hay / good’ đến những gì ‘to tát / great’. Đó là yếu tố; hầu hết đã khám phá qua những trang mục trong truyện và cũng là điều thuận lợi để có một tóm lược cụ thể cho vấn đề dựng truyện dù là truyện ngắn hay truyện dài, tạp văn, tản mạn hay ký sự đều thể cả ./.

(ca.ab.yyc trắng tròn. 7/12/2014).

SÁCH ĐỌC: ‘Story and Structure’ by Laurence Perrine. Harcourt, Brace & World . Southern Methodist University. Canada 1966.

VÕ CÔNG LIÊM



TÌNH BẠN BÈ

PHẠM VŨ

Tình bạn đẹp của Lưu Bình - Dương Lễ

Lưu Bình - Dương Lễ là một truyện thơ Nôm Việt Nam, khuyết danh, gồm 788 câu lục bát . Câu chuyện này cũng đã được dựng thành các vở chèo , tuồng và truyện thơ .

Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn tâm giao từ thuở thiếu thời. Dương Lễ nhà nghèo, còn Lưu Bình giàu có nên đã đem bạn về nhà ở, ăn cùng mâm, học cùng đèn, tình bạn hữu rất là tương đắc. Dương Lễ biết phận mình là con nhà nghèo nên ra sức học, còn Lưu Bình cậy mình có của nên lười biếng, ham chơi. Đến khoa thi, Dương Lễ thi đậu được bổ ra làm quan . Còn Lưu Bình thì thi rớt nên sinh ra chán nản, ăn chơi hơn trước, thi mãi không đậu, tiền của thì đâu phải là bất tận rồi cuối cùng cũng hết .trong lúc đó thì cậu ta sực nhớ đến bạn ngày xưa là Dương Lễ hiện đang làm quan lớn nên tìm đến nhà để nhờ giúp đỡ.

Dương Lễ lánh mặt không tiếp, dọn cơm hầm với đĩa cà thâm để đãi, có vẻ khinh bạc. **Lưu Bình** tức giận tủi nhục ra về, dọc đường ghé lại quán trọ, làm quen với một thiếu phụ tên là **Châu Long** làm nghề Dệt tơ nuôi tằm đang kén chồng. Nghe **Lưu Bình** thì hổng luôn hai khóa, **Châu Long** kiếm lời an ủi, khuyên nên bền chí, nàng sẽ lo liệu mọi việc, hàng ngày nàng đem Tơ do mình dệt ra chợ bán để có tiền chi tiêu, nuôi **Lưu Bình** yên lòng ăn học, giao hẹn khi nào thi đỗ mới tính việc vợ chồng. Trai tài gái sắc cùng sống chung một nhà, có khi **Lưu Bình** không nén được lòng, muốn cùng ân ái, **Châu Long** cương quyết từ chối, nhắc lại lời giao hẹn lúc mới gặp nhau.

Nhờ sự khuyến khích giúp đỡ của **Châu Long** nên **Lưu Bình** ráng sức học hành tiến bộ, đến khoa thi năm đó thi đỗ **Trạng Nguyên**. Trở về nhà thì không thấy **Châu Long** đâu nữa. Hỏi thăm khắp nơi không ai biết nàng ở đâu, **Lưu Bình** cũng không hiểu vì sao **Châu Long** lại biến mất vào lúc mình đã hiển đạt, nên đâm ra lo lắng, đau khổ, nhớ thương. **Lưu Bình** tìm đến thăm **Dương Lễ** để mắng mỏ mấy câu cho hả giận. **Dương Lễ** vui vẻ đón tiếp. **Lưu Bình** toan mở miệng mĩa mai trách móc, thì bỗng thấy **Châu Long** từ trong bước ra chào. **Dương Lễ** mới giới thiệu nàng là thiếp thứ ba của mình. **Lưu Bình** hiểu ngay rằng trước đây **Dương Lễ** sở dĩ bạc đãi là để khích

khí mình, sợ mình không có nơi nương tựa mà bê trễ việc học hành, rồi sai vợ lẽ là Châu Long thay mặt đi giúp đỡ mình ăn học cho thành tài. Từ đó Lưu Bình và Dương Lễ sống với nhau thân tình, khăng khít hơn xưa. Việc Dương Lễ ra mặt khích khí bạn, rồi ngầm giúp đỡ cho trọn tình thủy chung như thế, cho xứng với Đạo làm người.

Tình bạn đẹp của Vương An Thạch – Tô Đông Pha

Chuyện kể rằng vào đời nhà Tống ở Trung quốc có một đôi bạn thân, cả hai người đều học rộng, tài cao. Về phẩm hàm là quan nhất, nhị phẩm. Đó là nhà văn Vương An Thạch và nhà thơ Tô Đông Pha. Văn chương, thơ phú của cả hai người đều rất nổi tiếng, Vương An Thạch giữ chức Tể tướng Còn Tô Đông Pha thì làm quan cai trị một vùng. Hai người là bạn thân chơi với nhau từ lâu nhưng do mỗi người lại có năng khiếu và sở trường riêng, người này giỏi văn còn người kia thì lại giỏi về thơ, vậy cho nên Tô Đông Pha không phục Vương An Thạch, coi bạn không giỏi bằng mình.

Biết là bạn coi thường mình nhưng Vương An Thạch chỉ im lặng không nói gì cả. Có một lần Vương An Thạch chủ động mời Tô Đông Pha đến tư dinh Tể tướng của mình chơi để đàm đạo chuyện văn chương. Khi Tô Đông Pha đến, Vương An Thạch cố ý vắng mặt một cách tế nhị khi Tô Đông Pha bước vào thư phòng của ông. Vì không thấy chủ, lại thấy trên bàn có một bài thơ đã làm xong và một bài đang viết dở. Vì giỏi thơ, khi nhìn thấy có thơ là ông liếc mắt đọc ngay. Một bài có đôi câu như sau:

“ Minh nguyệt sơn đầu khiếu

Hoàng khuyến ngọc hoa tâm”.

Tô Đông Pha nhú mày, nhăn trán suy nghĩ : Minh nguyệt là ánh trăng sáng, mà khiếu là hót. Vậy thì ánh trăng sáng, sao mà lại hót được ở đầu núi nhỉ? Câu tiếp là Hoàng khuyến là con chó vàng thì làm sao lại ngọc (nằm) được ở trong tâm (giữa) bông hoa ?. Ông lắc đầu và tỏ rõ ý coi thường tác giả của bài thơ. Ông nghĩ “ Vậy mà người ta cứ đồn là Vương An Thạch giỏi”? Nhân lúc vắng chủ nhà, và sẵn tiện có bút mực tại chỗ, ông sửa lại ngay hai câu thơ là :

“ Minh nguyệt sơn đầu chiếu

Hoàng khuyến ngọc hoa âm”

Có nghĩa là ánh trăng chiếu nơi đầu núi và con chó vàng nằm dưới bóng của bông hoa. Sửa xong hai câu thơ trên, Tô Đông Pha tỏ vẻ rất hài lòng và cho rằng khi đọc lại hai câu thơ này thì Vương An Thạch phải phục tài của mình lắm. Thơ phải sửa như thế mới đúng ngữ và nghĩa chứ !

Đọc tiếp bài văn thứ hai, thấy Vương An Thạch tả cảnh mùa đông lạnh lẽo, tuyết rơi, hoa cúc rụng tơi tả. Tự liên hệ, ông thấy rất bức mình vì trên thực tế không bao giờ có chuyện hoa cúc lại rụng. Với hoa cúc, khi tàn héo nó vẫn cứ bám vào đài và thân hoa cho đến khi cây cúc chết.(Hoa cúc như vậy nên các đôi trai gái khi yêu thường lấy hoa làm biểu tượng để tặng cho nhau thể hiện sự chung thủy của mình) Ông cầm bút viết ngay vào bên cạnh bài văn để nói thẳng với tác giả rằng “ Hoa cúc không bao giờ rụng cả”.

Biết mình chức, tước và phẩm hàm còn dưới Vương An Thạch nên lúc ra về suy nghĩ lại, ông biết mình phạm thượng, vì Vương An Thạch là quan đầu triều, chỉ dưới có một mình vua (dưới một người, trên muôn vạn người). Thế nào mình cũng sẽ bị trị tội, bị trả thù là cái chắc.

Quả đúng như dự đoán, sau một thời gian ngắn Tô Đông Pha nhận được “ trát” điều đi nhậm chức tận vùng phương Bắc xa xôi như đi “đầy”. Tô Đông Pha hối hận và nhận ra hậu quả việc làm bông bột của mình ! Còn với tể tướng Vương An Thạch, sau khi ban “trát” điều Tô Đông Pha đi, ông hạ lệnh” các quan lại địa phương mà Tô Đông Pha đến làm việc là phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông tìm hiểu đất đai, thổ nhưỡng cũng như thiên nhiên vùng đó và phải đối xử với

tiên sinh Tô Đông Pha như bậc đại khách”.

Là một người yêu thiên nhiên và biết cảm thông với nỗi thống khổ của người dân ở vùng đất khô cằn, khắc nghiệt, Tô Đông Pha thường xuyên tiếp xúc với dân, ông thỏa sức du ngoạn để tìm hiểu về con người và đất đai khắp vùng. Vì sống hòa đồng và hết sức thân thiện với mọi người nên ông đi đến đâu cũng được từ quan đến dân đón tiếp chân thành và nồng ấm.

Có một lần đến thăm một làng quê nọ Tô Đông Pha bỗng nghe thấy tiếng chim lạ hót véo von, tiếng hót rất trong lại vang vọng vào núi đá. Nhà thơ hỏi đây là loại chim gì mà hót hay như vậy? Những người dân địa phương trả lời: **Đây là tiếng hót của chim Minh Nguyệt.**

Có một lần khác khi đi thăm một vườn trồng hoa, thấy mọi người đang bắt sâu, đó là một loại sâu lạ nằm giữa bông hoa để ăn nhụy. Ông hỏi đó là sâu gì thế? Những người nông dân trả lời: **Đó là sâu Hoàng Khuyển. Thì ra trên thực tế có cả loại chim Minh Nguyệt và loài sâu Hoàng Khuyển thật.** Vì tự cao không hiểu hết ý và tự sửa bài thơ của Vương An Thạch, làm sai nội dung và tứ thơ hay của bài thơ!

Thời gian trôi đi, khi mùa đông phương Bắc lạnh lẽo tràn về, Tô Đông Pha ngồi trong nhà nhìn ra ngoài thấy tuyết trắng xóa bay đầy trời và ở dưới vườn nhà những cánh hoa cúc bị tuyết bám vào rụng rơi lả tả. Nhà thơ lại giật mình lần nữa và không tránh được tiếng thở dài, thì ra có hoa cúc rụng thật. Chỉ có điều là nó rụng trong hoàn cảnh và môi trường như thế nào mà thôi.

Ông ngồi suy nghĩ và hồi tưởng lại những sự việc đã diễn ra trong thời gian vừa qua, thấy rõ sự hiểu biết quá cạn cợt của mình, nghĩ việc mình được bổ nhiệm làm quan nơi xa xôi, được tiếp xúc, du ngoạn và được đón tiếp thịnh tình lại có thêm nhiều hiểu biết và những vốn sống phong phú ở một vùng thiên nhiên kỳ thú nhưng cũng vô cùng khắc nghiệt này. Tô Đông Pha bỗng nhận ra bạn mình Vương An Thạch, quan Tể tướng – Nhà văn không phải là người tầm thường, không phải trả thù hay “đầy” mình lên biên cương mà chính là quan tâm tạo điều kiện cho mình đi “thực tế” để có thêm vốn sống và kiến thức từ trong dân gian.

Vừa thăm thía, vừa biết ơn cộng với sự cảm phục, nhà thơ Tô Đông Pha liền ngồi viết thư tạ lỗi với tể tướng Vương An Thạch.

BẠN BÈ: bạn thật, bạn giả

*"Bạn giả cũng tựa như bạc giả,
đã không xài được mà để trong túi,
sẽ mang họa !!!"*

Nhiều người vẫn cho rằng một trong những hạnh phúc trên đời này là tình bạn. Điều này thì ai cũng dễ dàng đồng ý thôi. Thế nhưng, để có tình bạn thực sự thì cần có những người bạn thực sự. Như thế nào gọi là một người bạn?

Liệu có phải những ai ta vẫn giao du đều là bạn cả? Không đâu, số người ấy gồm cả “bạn” lẫn “bè”, và phần nhiều là bè hơn là bạn. “Bạn bè” không phải là lối nói cho xuôi tai, cũng không phải là “từ láy”, “từ đệm” này nọ như nhiều người tưởng mà là “từ ghép” của hai chữ “bạn” và “bè”. Bạn, nói đơn giản, là người đồng hành cùng chia vui sẻ buồn với ta trên những chặng đường đời. Bè là những kẻ tạt ngang qua đời ta trong chốc lát, rồi đường ai nấy đi mà không chút vắn vưng.

Tình bạn và tình bè

Bè là một dạng “bạn qua loa”. Bè trong những chữ “bè phái”, “kết bè, kết đảng” gợi lên ý tưởng không lấy gì làm hay ho cho lắm.

Kết bè luôn luôn dễ dàng hơn kết bạn, như ta dễ dàng “cụng ly” với người mới tiếp xúc lần đầu

trong một bàn tiệc. Bạn nhậu là một trong những dạng “bè” khá phổ biến. Bàn nhậu và cuộc nhậu mở ra những cơ hội thuận tiện cho những ai có nhu cầu kết bè.

“Bè” dễ đến, dễ đi. Những lúc ta sảng khoái thì bè xằng xái “tấp” vào, những khi ta phiền muộn thì bè lặng lẽ “trôi” đi. Những kẻ ở quanh ta trong những cuộc vui ồn ào mà ta tưởng là “bạn” thường chỉ là “bè”. Như những cuộc vui chóng tàn, những người “bạn” dễ dãi ấy cũng nhanh chóng biến mất khỏi đời sống chúng ta. Những con người ta dễ lầm tưởng là “bạn” ấy, nhiều lắm chỉ đi với ta một đoạn đường ngắn ngủi, cũng không khác mấy những anh chàng, những cô nàng vớ vẩn mà ta có lần “đụng” phải, có lần gặp gỡ phát phơ đâu đó trong đời này, nói dăm ba câu chuyện nắng mưa rồi chia tay, đường ai nấy đi và chẳng bao giờ còn gặp lại lần thứ hai.

“Bè” cũng hay “đổi bè”, khi thì hát “bè” này, khi thì đổi sang “bè” khác. Tình bè khó mà bền chặt vì thiếu sự hiểu biết và tin cậy. Bè có khi hóa thành bạn, tình bè có khi đổi sang tình bạn nếu chung sống được với nhau lâu dài. Thường thì bè chỉ là bè. “Có hoạn nạn mới biết bạn, bè”, câu ấy không mới nhưng chẳng bao giờ cũ, chẳng bao giờ sai, và cũng cho thấy một trong những “đức tính” nổi bật của bè: những lúc “bạn” khốn đốn thì “bè” chẳng thấy đâu và thường viện những lý do chính đáng để không phải ra tay nghĩa hiệp với bạn mình.

Hầu như ai cũng có ít nhiều bè, là những người ta vẫn tiếp xúc vì nhu cầu giao tế hoặc cùng môi trường sinh hoạt (hội hè, làm việc, giải trí...), nhưng không kể là bạn nên họ phải là bè. Ngược lại, ta cũng là bè của nhiều người, những người không thực sự xem ta là bạn. Cuộc sống là vậy. Thường thì bè cũng vô thưởng vô phạt, nếu ta chẳng trông cậy gì ở họ thì cũng không phải thất vọng vì họ.

Bạn cũng có bạn thân, bạn sơ. “Bạn sơ” có điểm giống “bè” là ta không biết gì nhiều về họ nên không đủ độ tin cậy. Bạn thân thường là bạn quen biết và gắn bó lâu năm, là người biết rõ cả tính tốt lẫn thói hư tật xấu của ta. Bạn thân là người từng chia sẻ cùng ta những vui buồn, sướng khổ, và là người ta tin cậy được để chia sẻ những nỗi niềm. Bạn thân không hẳn là tri kỷ hoặc gần nhau về tính cách, sở thích, quan niệm. Bạn thân cũng không hẳn là người thật tốt. Có những người thật tốt với ta, có khi tốt hơn cả những bạn thân, nhưng ta vẫn không cảm thấy gần gũi, thân mật, vì thế không gọi là bạn thân.

Tình bạn thường “tĩnh” hơn là “động”, lắng đọng hơn là sôi nổi. Ở giữa hai người bạn thân là sự đồng cảm. Tận cùng của đồng cảm là thinh lặng.

Tình bạn cần có một bề dày của sự gắn bó, hiểu biết, cảm thông và tin cậy. Đến một tuổi nào đó người ta thật khó mà có thêm được những người bạn mới, trong lúc những người bạn cũ thì cứ mất đi dần dần. Càng lớn tuổi người ta càng cảm thấy cô đơn là vậy, và chẳng còn cách nào khác hơn là cố mà giữ lấy và yêu lấy những tình bạn cũ kỹ, hiếm hoi còn sót lại.

Những người tưởng rằng mình có nhiều bạn, thực ra là những người không có hoặc có rất ít bạn, và không biết phân biệt đâu là bạn, đâu là bè; hơn thế nữa, đâu là bạn thật, đâu là bạn giả.

Bạn thật tình thật, bạn giả tình giả

Bạn lại có “bạn thật” và “bạn giả”. Bạn thật là khuôn mặt thật, không điểm phấn tô son. Bạn giả là chiếc mặt nạ, với nhiều lớp phấn dày. Như cuộc sống có hai mặt, con người vừa có bạn thật lại vừa có bạn giả. Rủi thay, bạn giả lúc nào cũng nhiều hơn bạn thật. Bạn giả thì tình cũng giả, đến với ta vì cái gì đó khác hơn là tình thật.

Bạn giả là người đóng giả vai người bạn, ngoài mặt tỏ ra thân thiết nhưng có thể bất ngờ tặng

cho ta những nhát dao trí mạng từ phía sau lưng, hoặc phun ra những nọc độc của lòng đố kỵ. Đôi lúc có kẻ thù còn dễ chịu hơn là có những người bạn giả. Bạn giả cũng tựa như bạc giả vậy, đã không xài được mà để trong túi có khi mang họa.

Bạn giả cải trang rất khéo, ra vẻ tình nghĩa thâm thiết, nói năng toàn những lời hay lẽ phải. Thường thì người ta phát giác ra bạn giả khá muộn màng, đành tự an ủi là học được bài học quý giá (với chút vị đắng cay) về những tình bạn... giả. Bạn giả như rượu giả, uống vào mới ngã ngựa ra.

Bạn thật và bạn giả đều là những “bạn” ta quen biết khá lâu. Làm sao nhận biết được bạn nào là thật, bạn nào là giả?

Bạn thật là người thực tâm mong muốn những điều tốt lành cho người bạn mình, là người vui sướng thấy bạn mình hạnh phúc, may mắn và thành công trong cuộc sống, như là hạnh phúc, may mắn và thành công của chính mình vậy (dẫu có “qua mặt” mình đi nữa). Bạn thật không bỏ qua cơ hội nào giúp bạn mình thăng tiến trên đường đời. Bạn thật không ngại tán thưởng về tài năng hoặc thành công của bạn mình để giúp bạn thêm tự tin trong cuộc sống, và không ngại nói thẳng nói thật về những sai trái của bạn mình để giúp bạn cải thiện bản thân. Bạn thật không ngại nói tốt về bạn mình sau lưng bạn, và sẵn sàng bẻ gãy những mũi tên ác ý nhắm vào bạn mình. Bạn thật là bàn tay chìa ra cho bạn mình nắm lấy lúc sa cơ thất thế, là đôi nạng cho bạn mình tựa vào lúc chông chênh, nghiêng ngả giữa dòng đời xuôi ngược. Bạn thật là người đến với ta trong những thời kỳ đen tối nhất của đời ta, trong những lúc ta trần trụi, và cũng là người ta có thể đến gõ cửa mà không cảm thấy ngại ngùng khi cần sự giúp đỡ.

Bạn giả là người có những “đức tính” trái ngược hoặc không giống như trên. Những người bạn thật như thế làm sao mà có nhiều được, thường chỉ đếm được trên những đầu ngón tay của một bàn tay (và ít khi đếm hết được). Con số này lại hao hụt dần và không kiếm đâu ra được để mà thay thế khi ta bước vào buổi hoàng hôn của đời người. Những con người ta gặp gỡ vào tuổi xế chiều, khi mà quỹ thời gian đã gần cạn, làm sao mà có đủ bề dày của một tình bạn.

TÓM TẮT

Làm sao để có được những người bạn thật? Chúng ta chắc câu trả lời được nhiều người tán đồng là: **“Bạn hãy tỏ ra là người bạn thật.”**

Chẳng ai có hứng thú gì để “giao lưu tình cảm” với những người bạn giả, trừ khi ta cũng là... bạn giả.

Lúc nào rảnh rỗi, bạn thử làm việc này: với cây bút và tờ giấy, vẽ ra hai cột “Bạn” và “Bè” và ghi xuống tên những người ta vẫn giao du vào mỗi cột tương ứng. Từ cột “Bạn”, ta có thể di chuyển một ít tên sang cột thứ ba là cột “Bạn giả”, sau khi xem xét cẩn thận để đi đến kết luận rằng những “bạn” ấy không phải là bạn thật. “Bảng phân loại” này giúp ta có được cách xử sự phù hợp với từng đối tượng.

Với những người chúng ta thực lòng quý mến, chúng ta vẫn nói: “Tôi mong cho anh/chị không có bạn hơn là có những người ‘bạn giả’.

Có được người ‘bạn thật’ như trong câu chuyện tình bạn muôn đời Lưu Bình – Dương Lễ hoặc tình bạn thâm thiết Vương An Thạch – Tô Đông Pha thì chúng ta là người may mắn và hạnh phúc nhất đời vậy.”

(Tham khảo: Các bài viết trên Sách báo và Internet)

PHẠM VŨ



Ô Y HẠNG

HUYỀN VIÊM

Một trong những cái thú khi đọc thơ Đường là đọc được các điển tích. Điển tích là sự cô đọng một câu chuyện đời trước trong vài ba chữ mà người sành điển đọc đến là hiểu ngay tác giả muốn nói gì, ví như “*kết cỏ ngậm vành, cầu Lam, lá thắm, chỉ hồng...*”. Nhưng điển tích cũng làm cho các bạn trẻ không thông hiểu Hán văn hoặc ít đọc cổ thi Trung quốc phải bối rối khi bình văn hay làm bài thi mà chuyện “**Ô y hạng**” dưới đây là một thí dụ.

Câu chuyện bắt đầu bằng bài thơ Đường luật khá nổi tiếng của cố thi sĩ Quách Tấn (1910-1992), nhan đề “**Đêm thu nghe quạ kêu**” :

*Từ Ô y hạng rủ rê sang,
Bóng lẫn đêm thâm tiếng rộn ràng.
Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích Bích nguyệt mờ màng.
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tinh hoang mang gọi tứ hoang mang.*

Nhà phê bình Hoài Thanh – trong cuốn Thi nhân Việt Nam – ghi chú rằng : “..... chữ “**Ô**” ở đây

không có nghĩa là con quạ. Quách Tấn dùng điển sai (1), nhưng điều ấy tưởng chẳng có quan hệ gì lắm”.

Người yêu thơ chờ đợi câu trả lời của thi sĩ Quách Tấn, nhưng đáp lại chỉ là sự im lặng hoàn toàn, chẳng hiểu tại sao. Hơn hai mươi năm sau, nhà thơ Đông Hồ trách Hoài Thanh : ”..... Đã biết rằng sai mà lại bảo rằng không có gì quan hệ. Lòng dễ dãi và tính cầu thả đó, Hoài Thanh đâu có dè làm hại cho bao nhiêu kẻ “tận tín thư” ! (2).

Khách yêu thơ đã hoang mang lại càng thêm hoang mang. Lẽ nào một bậc thâm nho (3), sành thơ Đường như Quách Tấn lại hiểu sai một điển tích rất thông thường và phổ biến như điển “Ô y hạng”? Vậy thì sự thật ở đâu?

Bây giờ xin trở lại xuất xứ của điển “Ô y hạng”. Đó là nhan đề một bài thơ hoài cổ rất nổi tiếng của Lưu Vũ Tích (772-842) đời Đường, nguyên văn như sau :

***Chu Tước kiều biên dã thảo hoa,
Ô y hạng khẩu tịch dương tà.
Cựu thời Vương Tạ đường tiền yến,
Phi nhập tầm thường bách tính gia.***

烏衣巷
朱雀橋邊野草花
烏依巷口夕陽斜
舊時王謝堂前燕
飛入尋常百姓家

Tản Đà dịch :

***Bên cầu Chu Tước cỏ hoa,
Ô y đầu ngõ, bóng tà tịch dương.
Én xưa nhà Tạ, nhà Vương
Lạc loài đến chốn tầm thường dân gia.***

“Ô y hạng” nghĩa là ngõ áo đen, ở huyện Giang Ninh (Nam Kinh ngày nay). Thời nhà Tấn trung hưng, họ Vương (Vương Đạo), họ Tạ (Tạ An) là hai nhà quý hiển ở đấy, con em họ đều mặc áo đen nên người ta gọi con đường có nhà hai họ ấy ở là “Ô y hạng” (chữ “Ô” ở đây chỉ có nghĩa là màu đen). Bài thơ này không hề nói gì đến con quạ cả mà chỉ nói đến con chim én (yến), ý rằng ngày trước ở lâu đài họ Vương, họ Tạ, chim én đến làm tổ rất nhiều mà bây giờ thì bay vào nhà dân dã tầm thường ẩn trú; cảnh quý hiển của Vương, Tạ đâu còn nữa, lâu đài xưa cũng đổ nát điêu tàn. Tuy nhiên chủ đích của tác giả không phải vịnh chim én (yến) mà chỉ mượn chim én để nói lên nỗi niềm hoài cổ.

Điều đáng chú ý là chữ “Ô” (10 nét 烏) vừa có nghĩa là màu đen, vừa có nghĩa là con chim quạ. Rắc rối là ở chỗ đó. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan viết : ”Nếu kể về sự dùng điển thì Quách Tấn đã dùng điển quá cầu kỳ, nhưng “ô y” là áo đen thì cũng có thể chỉ vào bộ lông con quạ ; song nếu bầy quạ mà ở “Ô y hạng” thì cũng khí nhạo đời quá, nhất là hai chữ “rủ rê” lại có cái ý không hay” (Nhà văn hiện đại).

Vào khoảng năm 1967 hay 1968, trường Đại học văn khoa Sài Gòn, lúc ấy đã dời về đường Cường Để (nay là đường Đinh Tiên Hoàng), chẳng biết có phải muốn thử tài thí sinh hay không,

lại ra đề thi cho sinh viên chú thích và bình giảng một bài thơ nôm rất cổ :

*Ô y làng nọ vừa ban tối,
Vương Tạ lầu kia hãy hé rèm.
Chớp cánh đã gần nơi sở cậy,
Tận màn chi quản chỗ nghi hiềm.
Lú lo như tổ năm xưa cách,
Bay liệng dường quen chốn cũ tìm.
Lắm lét những lo không nóc đỗ,
Tơ bay hoa rụng nỗi buồn thêm (4).*

Bài thơ này trích trong một truyện thơ nôm cổ nhất ở Đàng Trong, viết hồi đầu thế kỷ 18 là “**Truyện Song Tinh**” (cũng gọi là **Song Tinh Bất Dạ**) của Nguyễn Hữu Hào (?-1713). Truyện Song Tinh ra đời trước Lục Vân Tiên gần thế kỷ rưỡi, đến nay đã hơn ba trăm năm. Đây là bài thơ “Vịnh chim yến” của một nhân vật trong truyện Song Tinh là nàng Nhụy Châu, mượn lời vịnh chim yến để tỏ tình, ngỏ ý, gửi đến người yêu lý tưởng, một nhân vật khác là chàng Song Tinh đang trọ học tại nhà nàng (5).



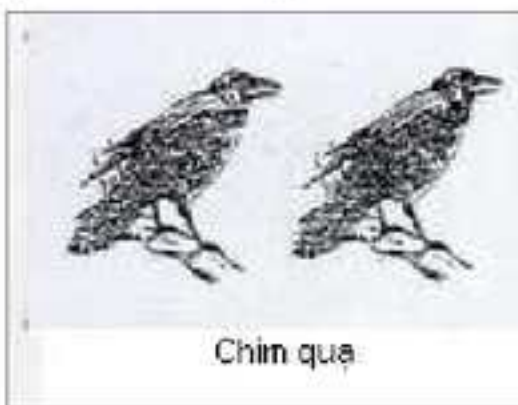
Chúng ta đều biết những chữ “Ô y” và “Vương Tạ” là dùng điển trong bài thơ của Lưu Vũ Tích trên đây. Thấy một đề thi rắc rối như vậy, chắc ai cũng muốn biết các sinh viên văn khoa hồi đó đã bình giảng như thế nào. Theo lời một vị giám khảo chấm bài thi ấy thì gần phân nửa thí sinh giảng là bài thơ nói về “con chim quạ” ! Tiếc thay, những thư sinh đó cũng không hẳn là học kém cả, mà chỉ vì vội vàng, thiếu suy xét và quá tin vào sách nên lầm lẫn một cách tai hại. Nhiều sinh viên đã dẫn chứng bài thơ “Đêm thu nghe quạ kêu” của Quách Tấn mà câu đầu là “*Từ Ô y hạng rử rê sang*” . Nhan đề bài thơ là “Đêm thu nghe quạ kêu” mà câu đầu là “*Từ Ô y hạng rử rê sang*” thì ô y không phải là chim quạ, chớ còn là giống chim gì nữa mà rử rê sang? (6) Thế mới chết !

Rõ ràng “ô y” không hề có nghĩa là con chim quạ mà chỉ có nghĩa là áo đen. Vậy tại sao thi sĩ Quách Tấn lại viết như vậy và có dùng điển sai như Hoài Thanh nhận xét không?

Khi nhà thơ Bàng Bá Lân soạn bộ “Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại” (2 quyển) có liên hệ với thi sĩ Quách Tấn để xin tài liệu thì nhận được một lá thư dài của Quách Tấn trong đó có đoạn nói về “**lịch sử**” và “**tâm sự**” (7) của bài thơ “Đêm thu nghe quạ kêu” như sau :

“.....Nguyên một buổi chiều cuối thu năm Đinh Mão (1927) tôi ở Trường Định xuống An Thái hốt thuốc cho bà thân tôi. Lúc trở về thì trời đã tối. Theo con đường gần và dễ đi nhất, tôi qua bến đò An Thái sang An Vinh (8), rồi theo đường ven bờ sông Côn đi thẳng lên.

Đêm hôm ấy có trăng nhưng không được sáng vì trời nhiều sương. Tôi vừa đi vừa nghĩ vợ vẫn. Chợt đến một khúc đường tre che khuất cả bóng trăng và mo nang rụng đầy mặt đất. Tôi giẫm phải những mo khô mới rụng, tiếng kêu sột soạt làm bầy quạ đang ngủ trên cây giật mình vỗ cánh kêu vang dậy. Tiếng kêu thành linh giữa đêm vắng nghe vừa rợn vừa lạnh lùng. Cả mình tôi rợn ớn. Từ ấy tiếng quạ ám ảnh tôi luôn.



Cách ba tháng sau, bà thân tôi mất. Tiếng quạ vẫn cứ theo tôi, nhưng giọng rợn rợn lạnh lùng đổi thành giọng náo nùng. Qua một thời gian khá lâu, tiếng nghe thưa dần và nhạt dần rồi lịm tắt.

Mùa hạ năm Kỷ Mão (1939), một đêm trăng tôi ngồi hóng mát cùng nhà tôi và một người bạn trên bờ đầm Nha Trang ở trước mặt nhà. Lúc ấy đã khuya. Nghe tiếng phở rao, nhà tôi gọi. Không thấy trả lời, anh bạn gọi tiếp. Tiếng gọi bị núi Sinh Trung bên kia đầm dội lại, ngân dài trong đêm khuya.... Tiếng quạ năm xưa trong tâm hồn tôi vụt thức dậy rộn ràng... Rộn ràng nhưng dịu dàng chớ không rùng rợn, cũng không náo nùng như ngày trước.

Trở vô nhà, suốt đêm tôi không ngủ được. Tiếng quạ vang vang bên tai và gọi lên không biết bao nhiêu là ký ức. Phần thì nhớ mẹ già xưa, phần thì thương cảnh làng cũ, bồi hồi áo nã.... tôi nằm im lìm để cho nước mắt trào ra. Niềm nhớ thương vui theo nước mắt và lòng tôi êm dịu dần dần. Toan ngồi dậy ghi lại dòng cảm xúc, song thấp đèn sợ quấy rầy giấc ngủ của vợ con, tôi đành nằm yên đợi sáng.

Sáng hôm sau nhằm ngày chủ nhật được nghỉ, tôi toan lấy giấy bút để làm thơ thì khách đến ! Thế là mất hết buổi sáng. Chiều đến, đóng kín cửa phòng, một mình ngồi lập ý. Vừa nghĩ đến chữ “quạ” thì liên tưởng ngay đến màu đen, đến chữ “ô”. Chữ “ô” làm nhớ đến bài thơ “Ô y hạng” của Lưu Vũ Tích. Những cảnh trong thơ hiện mơ màng ra trước mắt. Tôi đặt bút xuống bàn, ngồi nhắm mắt lại để cho lòng vui theo cảnh. Bầy yến dễ thương bỗng bay tản mác rồi nhập lại nơi một lùm tre cao. Tre che khuất bóng bầy chim én nhưng lại đưa ra mấy tiếng quạ rộn ràng. Liền đó, như một cuốn phim, những cảnh bến đò An Thái, con đường ven sông Côn dần dần hiện ra dưới bóng nguyệt mờ sương. Rồi tiếng quạ ngân lên, và theo dư âm, bến đò An Thái biến thành bến Phong Kiều của Trương Kế.... Và con sông Côn biến thành sông Xích Bích với con thuyền của Tô Đông Pha trôi chậm chậm dưới bóng trăng thu....” (9).

Thế là bài thơ “Đêm thu nghe quạ kêu” đã hình thành trong khung cảnh ấy. Ta chú ý đến câu này của tác giả :”Vừa nghĩ đến chữ “quạ” thì liên tưởng ngay đến màu đen, đến chữ “ô”. Chữ “ô” làm nhớ đến bài thơ “Ô y hạng” của Lưu Vũ Tích”. Như vậy, theo tác giả, đây chỉ là sự liên tưởng, chứ không phải hiểu sai điển, vì tác giả hiểu chữ “ô” là màu đen chứ không phải là con chim quạ. Rồi tác giả lại viết “bầy yến dễ thương bỗng bay tản mác rồi nhập lại nơi một lùm tre cao. Tre che khuất bóng bầy chim én....”

Như vậy, tác giả vẫn nghĩ loài chim nói đến trong bài “ Ô y hạng” là chim én chứ đâu phải chim quạ vì lông chim én cũng màu đen.

Liệu lời giải bày ấy của tác giả có trả lời được sự phê bình của Hoài Thanh và có giải tỏa được nỗi băn khoăn thắc mắc của khách yêu thơ chăng?

(1) Nhà thơ Đông Hồ không chịu nhận “Ô y hạng” là điển tích mà cho rằng đó chỉ là “thi liệu.

(2) “Tận tín thư “ : đặt hết niềm tin vào sách.

(3) Thi sĩ Quách Tấn còn là dịch giả của một cuốn thơ Đường và cuốn “Tổ Như thi” dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du.

(4) Theo “Truyện Song Tinh” của Nguyễn Hữu Hào do Đông Hồ khảo cứu và sao lục (trang 96). “Truyện Song Tinh” do Nguyễn thị Thanh Xuân khảo đính có một số chữ chép khác.

(5) Úc viên thi thoại” của Đông Hồ (NXB Mực Lân Sài Gòn 1969).

(6) Sách đã dẫn.

(7) Chữ của thi sĩ Quách Tấn.

(8) Những địa danh ở tỉnh Bình Định.

(9) Trích “Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại” của Bằng Bá Lân, quyển II trang 67.

HUYỀN VIÊM



FÉDÉRIC CHOPIN

(1810-1849)

TỪ VỮ

I- GIA ĐÌNH CHOPIN



Gia đình Chopin gốc người vùng Lorraine và Dauphiné. François Chopin và người vợ tên Marguerite Deflin, ông bà nội của Frédéric Chopin định cư tại Marainville sur Madon vùng Vosges. Vào thời kỳ này, vua Leszcynski, cha vợ của Louis XV, nắm quyền trên hai lãnh địa Lorraine và Barrois. François Chopin, chủ vườn nho và một cơ sở đóng xe. Ông François Chopin cũng là đại diện dân chúng trong vùng. Với chức danh này ông đã có rất nhiều quan hệ với bá tước, người nước Lit-va tên là Michael Pac, chủ nhân lâu đài Marainville và nhất là với vị quản gia của ông ta, Adam Weydlich. Nhờ vậy nên ông bà François Chopin đã có đủ điều kiện để cậu con trai họ, Nicolas Chopin, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1771, theo đuổi việc học văn một cách rất kỹ lưỡng.

Năm 1787 bá tước Michael Pac bán lâu đài Marainville, Adam Weydlich đề nghị với ông bà François Chopin cho cậu con trai của họ, Nicolas Chopin, năm này mới được 16 tuổi, tháp tùng ông ta đi sang Ba Lan. Tại Varsovie, thủ đô nước Ba Lan, trong khoảng hai năm trời, Nicolas Chopin đảm trách kế toán cho một cơ sở sản xuất thuốc lá cho tới khi cơ sở này bị ngưng hoạt động thì Nicolas trở thành một người gia sư cho Jan Dekert, giám đốc nhà máy thuốc lá sau đó là một người thầy dạy học cho các gia đình quý phái tại vùng Kalisz rồi quay trở lại Varsovie vào tháng 4 năm 1794, ngay thời kỳ Kościsko cầm đầu cuộc nổi dậy của dân Ba Lan phản kháng sự phân chia lãnh thổ Ba Lan cho đế quốc Áo. Nicolas Chopin tham dự vào cuộc nổi dậy này trong hàng ngũ vệ quốc đoàn. Ngày 10 tháng 10 năm 1794 Kościsko bị bắt và cuộc nổi dậy bị tan vỡ.

Ông Nicolas Chopin trở thành gia sư cho gia đình Maciej Łączyński, thống đốc Gostyński và được phong hầu tại vùng Kiermozia cách Varsovie khoảng 70 cây số. Năm 1802, Nicolas là gia sư dạy 4 người con của nữ công tước Ludwika Skarbek tại Żelazowa Wola. Tại đây, Nicolas gặp cô Justyna Kryżanowska xuất thân từ một gia đình quý phái Ba Lan. Hai người yêu nhau và thành hôn vào ngày 02 tháng 6 năm 1806.



Nicolas et Justyna Chopin



Ngôi nhà của gia đình ông bà Nicolas Chopin tại Żelazowa Wola

Ông bà Nicolas Chopin có 4 người con : Con gái lớn Louis (Ludwika), sinh ngày 6 tháng 4 năm 1807 . Cậu bé thứ hai là Frédéric Chopin sinh ngày 6 tháng 4 năm 1810 tại Żelazowa-Wola và tiếp đó là 2 người con gái - Isabella sinh ngày 9 tháng 7 năm 1811 và Emilia sinh ngày 20 tháng 10 năm 1812.



Ludwika Chopin (1807-1855)

Isabella Chopin
(1811-1881)

Emilia Chopin (1813-1827)

Từ mùa thu năm 1810, vào thời kỳ mà ông Nicolas Chopin được chỉ định là Giáo sư Pháp ngữ tại Lycée de Varsovie thì cả gia đình dời về định cư tại thủ đô Varsovie, vào thời kỳ đó gồm khoảng hơn 100.000 cư dân

Trên phương diện lịch sử và chính trị thì những năm 1812-1813 là màn cuối cùng của chiến tranh Napoléon trên đất Ba Lan. Tháng 2 năm 1813 lực lượng của Nga hoàng tiến vào Varsovie. Biến động này đã đưa tới việc gia đình Chopin dời về vùng ngoại ô Cracovie và đã biến ngôi tư gia của họ thành một ký túc xá thượng hạng dành cho con em của những gia đình quý tộc Ba Lan ở xa Varsovie theo học vì phải nói rằng Pháp ngữ là ngôn ngữ của tầng lớp tinh hoa của xã hội Ba Lan vào thời kỳ này. Cậu bé Frédéric tự nhiên trở thành người bạn của lớp trẻ được gửi ở ký túc xá của cha mẹ cậu.

Thường ngày, những người trong gia đình Chopin xử dụng tiếng Ba Lan mặc dù tiếng Pháp và Đức là ngôn ngữ giảng dạy trong ký túc xá.

Chính ông Nicolas Chopin đã dạy cho cậu con về các ngôn ngữ cổ điển cũng như các sinh ngữ

khác và khai tâm cho cậu bé Frédéric về âm nhạc vì chính ông cũng biết chơi vĩ cầm và sáo. Những bài học dương cầm đầu tiên mà Chopin nhận được là do chính bà mẹ , Justyna Chopin, dạy cho cậu. Vào lúc mới chỉ được 3 tuổi Frédéric đã biết chơi dương cầm thành thạo và tự ứng tác một vài bài ngắn ngắn.

II- NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN

Năm 1816, cha mẹ cậu gởi cậu theo học dương cầm với Wojciech Żywny.



Wojciech Żywny

Cậu bé Frédéric đã được thầy chỉ dạy về nhạc của Bach, Mozart và của nhiều nhà soạn nhạc đang nổi tiếng tại Ba Lan vào lúc đó như Michał-Kleofas Ogiński (1765-1833) và Karol Kurpiński (1785-1857).

Chỉ mới 7 tuổi, cậu bé Frédéric đã làm cho giới quý tộc hâm mộ âm nhạc tại Varsovie phải sửng sốt vì cậu thường được đến trình tấu cho Công tước tối cao Constantin ; âm nhạc mà Frédéric Chopin trình tấu đã có khả năng làm dịu cơn giận dữ khủng khiếp của bậc vương giả này, nên cậu đã được đón vào cung mỗi khi công tước nổi cơn thịnh nộ.

Năm 1817, ông Nicolas đã cho khắc lại tác phẩm đầu tiên của cậu con trai với tựa đề *"Polonoise pour le pianoforte dédiée à Son Excellence Mademoiselle le Comtesse Victoire Skarbek, faite par Frédéric Chopin"*.

Lần xuất hiện đầu tiên trước công chúng của cậu bé Frédéric Chopin diễn ra vào ngày 24 tháng 2 năm 1818 trong một buổi hoà nhạc làm việc nghĩa do công chúa Zofia Zamoyska tổ chức.

Cậu bé Chopin được cha mẹ gởi đến Lycée de Varsovie để theo đuổi học vấn nhưng mỗi mùa hè đều về nghỉ ở thôn quê nơi gia đình bạn bè , như tại nhà gia đình Radziwiłł hoặc trong cư xá của giới quý tộc. Cậu rất thích tham dự vào các lễ hội và âm nhạc đại chúng.



Józef Elsner

Tháng 6 năm 1825, nhà xuất bản Brzezina ấn hành Rondo en ut mineur , tác phẩm thứ hai của Frédéric Chopin được ra mắt quần chúng yêu chuộng âm nhạc.

Cũng vào cuối năm này Frédéric Chopin từ chối tham dự vào cuộc thi tốt nghiệp Trung học ở Lycée de Varsovie .

Năm 1826, cậu ghi tên học tại trường cao đẳng âm nhạc - Szkoła Główna muzyki - điều hành bởi Józef Elsner và cùng lúc ghi tên tại đại học Varsovie trong những buổi nói chuyện về văn chương của K.Brodziński và Ludwik Osinski. Trong thời kỳ này Federic Chopin kết bạn với những người đại diện cho trường phái lãng mạn (yêu nước) Ba Lan như Maurycy Mochnacki (1803-1834), Dominik Magnuszewski (1810-1845), Bohdan Zaleski (1802-1886), Stefan Witwicki (1801-1847).

Những người bạn của Frédéric đã thúc đẩy cậu sáng tác nhạc để phục vụ cho phong trào yêu nước và chính vị giáo sư Elsner hồi thúc Chopin soạn những bản nhạc kịch Ba Lan và rất có thể vì vậy mà Frédéric Chopin đã theo học vài khoá học tiếng Ý .

Ngày 10 tháng 4 năm 1827, em gái thứ tư của Frédéric, Emilia, từ trần vì bệnh phổi. Sau khi Emilia qua đời khi mới chỉ được 14 tuổi, gia đình Chopin dời chỗ ở và đóng cửa ký túc xá mà họ đã điều hành trong suốt 17 năm trời.

Một thời gian sau, Frédéric kết bạn với Hummel và khởi sự một vòng trình diễn tại Varsovie.

Tháng 9 năm 1828 Frédéric Chopin, tháp tùng một bạn của thân phụ, ông Feliks Jarocki một nhà động vật học đến Berlin. Tại thủ đô nước Đức, Chopin tham dự những buổi trình tấu âm nhạc, viếng thăm những cơ sở sản xuất dương cầm, nhà xuất bản nhạc của Schlessinger. Trong lúc đó tại Bá Linh có sự hiện diện của Spontini, Zelter và Mendelssohn tuy nhiên Frédéric Chopin không tiếp xúc với họ.



Konstancja Chopin

Trở về Varsovie Frédéric Chopin theo đuổi bộ môn kịch nghệ tài tử kết giao với giới trẻ chống đối sự xâm chiếm Ba Lan của lực lượng Nga hoàng và sáng tác những giai điệu đầu tiên, chủ yếu trên những bài thơ của Witwicki. Frédéric hâm mộ nữ ca sĩ Konstancja Gladowska (1810-1889) người, theo thư từ liên lạc với bạn mình, Tytus Woyciechowski, đã là nguồn cảm hứng trong một số sáng tác của Chopin.

Năm 1829, dự trù cho những chuyến đi tới các thủ đô của những quốc gia Âu châu, Frédéric Chopin theo học Anh ngữ. Một học bổng để đài thọ cho chuyến đi của Chopin đã bị giới hữu trách từ chối. Ngày 20 tháng 7 cùng năm, Frédéric Chopin lấy bằng sáng tác âm nhạc.



Henriette Sontag

Ngay sau đó, Frédéric Chopin cùng với một nhóm người trẻ làm một vòng du lịch. Sau Cracovie, Frédéric tới Vienne - thủ đô nước Áo - tại đây nhờ vào sự giao thiệp của chính mình, Frédéric thực hiện buổi trình diễn đầu tiên tại Kärntnertortheater - nhà kịch nghệ hoàng gia của Carinthie - vào ngày 11 tháng 8. Cuộc trình diễn thành công và những người tổ chức quyết định cho tái diễn vào ngày 18 cùng tháng. Lại thêm một lần thành công. Sau Vienne, Chopin tới Prague rồi Dresde.

Trở về Varsovie, Frédéric Chopin trình tấu trước công chúng tại Théâtre National, những ngày 17 và 22 mars 1830. Cũng trong năm này tại Varsovie, Frédéric làm quen với một nữ ca sĩ đang được mọi người ca tụng, Henriette Sontag.

III- GIÃ TỪ BA LAN

Sau một buổi trình diễn từ giã, Chopin rời Varsovie ngày 02 tháng 11 năm 1830 cùng với bạn, Tytus Woyciechowski. Cả hai vượt biên giới Ba Lan vào ngày 05 tháng 11 để rồi từ đó không bao giờ Frédéric Chopin còn được nhìn lại nơi mình chôn nhau cắt rốn nữa.



J. N. Hummel

Hai người dừng lại một thời gian ngắn tại Wroclaw (Breslau - tên Đức) rồi tới Dresde (Đức). Tại đây Chopin thường xuyên lui tới giao lưu với giới trường giả thượng lưu của cộng đồng người Ba Lan. Rồi Dresde, sau khi ghé qua Prague (thủ đô Tiệp Khắc), Frédéric cùng Tytus Woyciechowski tới Vienne ngày 23 tháng 11. Sau những bước vận động đầu tiên mà kết quả không được tốt đẹp cho lắm, nhất là cùng lúc đó tại Ba Lan cuộc nổi dậy đánh đuổi lực lượng chiếm đóng Nga bùng nổ ngày 29 cùng tháng, đã tạo nên một sự thiếu thiện cảm nào đó của người Vienne đối với người Ba Lan.



Sigismond Thalberg

Tytus quay về Ba Lan để tham gia vào hàng ngũ những người yêu nước và Chopin quyết định ở lại Vienne một mình. Chopin rất vui mừng khi gặp lại Hummel ở Vienne và làm quen với Sigismond Thalberg tuy nhiên mặc dù ngưỡng mộ sự điêu luyện của Thalberg nhưng không ưa bản tánh của người nhạc sĩ dương cầm này. Chopin kết bạn với một dương cầm thủ khác, Joseph Slavik (1806-1833).

Ngày 11 tháng 6 năm 1831, Chopin lại có cơ hội , y hệt như 3 năm về trước, ra mắt khán thính giả yêu chuộng âm nhạc tại Kärntnertortheater - Vienne (Áo).

Ngày 20 tháng 7, Chopin lên đường tới Munich (Đức) và lưu lại đây 1 tháng. Ngày 28 tháng 8 cùng năm, Frédéric Chopin đã ra mắt khán thính giả thành phố này trong một buổi hoà nhạc dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Joseph-Hermann Stuntz (1793-1850).

Ngày 11 tháng 6 năm 1831, Chopin lại có cơ hội , y hệt như 3 năm về trước, ra mắt khán thính giả yêu chuộng âm nhạc tại Kärntnertortheater - Théâtre de la Porte de Carinthie ở Vienne (Áo). Ngày 20 tháng 7, Chopin lên đường tới Munich (Đức) và lưu lại đây hơn 1 tháng. Ngày 28 tháng 8 cùng năm, Frédéric Chopin đã ra mắt khán thính giả thành phố này trong một buổi hoà nhạc dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Joseph-Hermann Stuntz (1793-1850). Vào đầu tháng 9 năm 1831, Frédéric Chopin tới Stuttgart (Đức) ngay lúc cuộc nổi dậy của người Ba Lan bị lực lượng chiếm đóng Nga dập tắt. Sự kiện này đã làm Chopin cực kỳ bối rối vì không biết được gia đình mình có còn sống sót sau những cuộc đàn áp của quân đội chiếm đóng hay không. Chính vào thời điểm này mà Chopin đã viết những tác phẩm đen tối nhất của mình như các bản *L'Etude "Révolutionnaire"* , *Scherzo op.20, 2è và 24è Préludes* ... đầy đau thương và cũng đầy ước muốn được trả hận, những kiệt tác đầu tiên của Chopin. Thân phận Chopin như đã bị định đoạt : kể từ lúc đó Chopin trở thành một kẻ suốt đời lưu vong với sự đau khổ phần thì hướng về đồng bào mình, phần khác lại quay cuồng trong nỗi hoài hương và sự phẫn nộ hiếu chiến.

Sau khi nhận được những tin tức tốt đẹp về gia đình và bè bạn mình, Frédéric Chopin quyết định đến Paris - Pháp, thành phố mà ông ước mơ được tới từ bao nhiêu năm qua.

IV- CHOPIN TẠI PARIS

Tại Vienne Chopin xin được một giấy thông hành để đi London (Anh), trên tờ thông hành này có ghi rõ rệt hàng chữ "passant par Paris" nghĩa là Chopin chỉ đi qua Paris trên đường tới London và điều này cũng chứng tỏ rằng Chopin không có ý định cư tại Pháp vì Chopin tức giận vua nước Pháp Louis Philippe 1er đã không trợ giúp quân sự cho người Ba Lan trong cuộc vùng dậy chống lại sự đô hộ của lực lượng Nga hoàng .

Tuy nhiên Paris lúc này lại là thủ đô của Âm Nhạc.

Vào mùa thu 1831, Chopin cư trú tại số 27, đại lộ Poissonnière. Và Chopin đã bị Paris chinh phục . Trong những lá thư Chopin viết gửi Titus: "thành phố Paris đẹp nhất thế giới" hoặc "Paris đáp ứng lại được tất cả sự mong ước "...



Nhờ những lá thư giới thiệu của Elsner, Chopin liên lạc được với những người trong giới âm nhạc ở Paris và được giới hữu trách cấp giấy cư trú .

Chopin được làm quen với Rossini, Chérubini, và Kalkebrenner , một nhạc sĩ dương cầm 46 tuổi người Đức và là nhạc sĩ dương cầm tài ba nhất nhì thế giới và cũng là một nhà soạn nhạc.

Trái với những ý kiến của Elsner và những người bạn mới gặp ở Paris : Hiller, Liszt, Mendelssohn, Berlioz, Chopin làm việc với Kalkbrenner (1785-1849) và quan hệ với nhà sản xuất đàn dương cầm Camille Pleyel mà Kalkbrenner đã cộng tác từ những năm 1824 để từ ngày đó Chopin là một người bảo đảm cho hiệu đàn Pleyel và xử dụng hiệu đàn này cho tới ngày Chopin

trút hơi thở cuối cùng .



Tại phòng trình diễn của cơ sở sản xuất đàn dương cầm Pleyel, Chopin ra mắt giới hâm mộ dương cầm tại Paris lần đầu tiên vào ngày 26 tháng 2 năm 1832 : một thành công rực rỡ.

Suốt mùa hè năm đó, cơn dịch tả đã lan tràn ở Paris và Chopin nghĩ tới việc ra đi. Cũng thời kỳ này, Chopin được nam tước James de Rothschild mời đến biểu diễn tại tư gia . Tại đây Chopin đã làm giới hâm mộ âm nhạc cực kỳ thích thú . Nữ nam tước đã yêu cầu Chopin dạy dương cầm cho bà tại biệt thự của gia đình Rothschild mỗi ngày 4 giờ. Ngoài ra là những buổi trình tấu tại những nơi khác, suốt 18 năm ở tại Paris, Chopin chỉ xuất hiện trong 19 buổi hoà nhạc trong đó vốn vẹn 4 lần độc tấu trước cử tọa, với sự sợ sệt trước đám đông như trong thư viết cho Titus, bạn thân của ông : " thật là một sự khổ ải vô cùng cho tôi, suốt trong ba ngày, trước khi trình diễn trước công chúng", dù vậy, Chopin cũng không vì những thành quả đạt được mà quên không hoàn tất 12 bản Études op 10 dành tặng Liszt và 6 bản Nocturnes Opus từ số 9 tới số 15. Những tác phẩm của Chopin đã được phổ biến rất nhanh chóng tại các quốc gia khác. Liszt, Clara Wieck (vợ của nhạc sĩ Schumann) đã góp phần không nhỏ vào công việc này.



Bảy tập sáng tác của Chopin xuất hiện giữa những năm 1832 và 1835.

Những người học trò của Chopin đều là thành phần những gia đình trưởng giả giàu có nên Chopin dời về cư ngụ ở một căn appartement tiện nghi hơn tại số 4 Cité Bergère ngay từ năm 1832 . Khả năng tài chánh càng lúc càng dồi dào với những sáng tác được xuất bản nên sau đó Chopin dời về cư ngụ tại số 5 rue de la Chaussée d'Antin, trong một căn appartement rộng rãi xinh xắn hơn với một chiếc xe độc mã nhẹ, cà vạt bằng tơ tằm, những người giúp việc ...và căn appartement của Chopin đã trở thành một địa điểm quy tụ những nhạc sĩ, văn sĩ... trong số đó có Heinrich Heine .

Kể từ năm 1832, sau khi ký kết hợp đồng với Haslinger , tất cả các tác phẩm của Chopin đều được giới phê bình âm nhạc vào thời đó ở khắp Âu châu đề cập đến. Lẽ cố nhiên, có những người chỉ trích triệt để như Rellstab, nhà phê bình lừng danh ở Berlin hoặc Robert Schumann, người cực lực bênh vực .

Tháng 11 năm 1832, Chopin gặp lại Hector Berlioz , Auguste Franchomme .

Mùa hè năm 1833, Chopin cùng với nhạc sĩ chơi đàn hạc François-Joseph Dizi (1780-1840) đến Bruxelles (Bỉ). Tại đây ông không xuất hiện trong một buổi trình tấu nào nhưng chỉ biểu diễn trong một buổi độc tấu tư nhân trên chiếc đàn Pleyel mà Kalkbrenner đặc biệt gởi từ Paris tới trong dịp này. Sau đó trở lại Pháp, Chopin cùng với Franchomme, Chopin đến nghỉ ngơi tại nhà những

người bạn của nhạc sĩ vĩ cầm này tại Azay-sur-Cher trong vùng Touraine (Indre-Loire- Pháp)

Ngày 15 tháng 12 năm 1833 tại viện quốc gia âm nhạc Paris, Chopin trình diễn Concerto en Ré dành cho 3 claviers của Bach cùng với Liszt và Hiller.

Năm 1834, Liszt và Hiller tháp tùng tới nhà Berlioz tại Montmarne và ở đây Chopin gặp gỡ thi sĩ Alfred de Vigny.

Tháng 5 năm 1834, Chopin cùng với Hiller tới Aix-la-Chapelle (Aachen) để tham dự đại hội âm nhạc vùng Basse-Rhénanie, tại đây cả hai gặp lại nhạc sĩ Mendelssohn, sau đó ba người cùng đi Düsseldorf (Đức).

Trở lại Paris, Chopin bắt buộc phải chọn lựa quy chế chính trị của ông : Hoặc tiếp tục là một kiều dân lánh nạn chính trị hay là tới trình diện tại đại sứ quán Nga ở Paris để trở thành một công dân của Nga hoàng (nước Ba Lan là một lãnh thổ của Nga hoàng - Tsar).

Mặc dù những lời khuyên nhủ của thân phụ mình nhưng Federic Chopin từ chối không tới trình diện tại đại sứ quán Nga.

Quyết định này đã làm Chopin trở thành một kiều dân tỵ nạn Ba Lan tại Pháp và vĩnh viễn Frédéric Chopin bị cấm chỉ không được trở về Ba Lan nữa.

Ngày 5 tháng 4 năm 1835, Chopin cùng với Liszt, Hiller, Nourrit và nhạc trưởng Habeneck tham dự vào một buổi hoà nhạc công hiến cho những kiều dân tỵ nạn Ba Lan.



Adolphe Nourrit

Tháng 8 năm 1835 Chopin đến nghỉ 3 tuần lễ hè tắm nước khoáng nóng tại Enghien theo lời khuyên của một người bạn, Matuszinski. Tại đây Chopin tạm ngụ ở một nhà trọ gần bờ hồ và gặp gỡ rất nhiều đồng hương Ba Lan trong số đó có Delphine Potocka.

Trong thời gian nghỉ tại Enghien, Frédéric Chopin nhận được tin cha mẹ ông có ý đến nghỉ tại Carlsbad cũng trong tháng 8 năm đó. Vì lẽ đã từ chối đến toà đại sứ Nga để làm lại passeport của mình nên Frédéric không thể trở về Varsovie gặp gỡ cha mẹ được nên ông đã quyết định dành cho họ một sự ngạc nhiên thích thú bằng cách là sẽ tới Carlsbad tháp tùng cha mẹ ông vì đây là một dịp may mà Frédéric không thể bỏ qua được.

Tại Carlsbad *"nỗi mừng vui của chúng tôi thật khó lòng tả nổi"* Chopin đã viết trong một lá thư gửi chị cả Ludwika và người em gái Isabella cả hai đều vắng mặt trong dịp này. Cũng tại Carlsbad , Frédéric Chopin được bá tước Thun-Hohenstein mời tới lâu đài của ông này tại Děčín.

Ngày 14 tháng 9 cha mẹ Frédéric Chopin lên đường quay về Varsovie. Kể từ đó, Frédéric Chopin không bao giờ còn có dịp gặp lại được cha mẹ của mình nữa.

V- "MOJA BIÉDA" - NIỀM ĐAU KHỔ CỦA TÔI

Ngày 19 tháng 9 năm 1835 Frédéric Chopin rời Děčín cùng với Frédéric de Thun tới thành phố Dresde theo lời mời của bá tước Wodziński .

Fédéric quen biết gia đình bá tước Wodziński ngay từ khi còn nhỏ vì con cái của vị bá tước này đã là những học trò nội trú tại ký túc xá của cha mẹ Fédéric Chopin, Fédéric Chopin và các anh em Wodziński đã là những người bạn thân trong tất cả những sinh hoạt ở ký túc xá này. Bá tước Wodziński là một gia đình quý tộc giàu có và có rất nhiều nhà đất. Vào thời kỳ dân chúng Ba Lan



vùng dấy chống lực lượng đô hộ Nga, hai người con trai lớn của gia đình Wodziński tình nguyện đầu quân trong lực lượng kháng chiến Ba Lan. Sau đó, cả gia đình rời Ba Lan, lưu vong tới định cư tại Genève (Thụy Sĩ). Trong những căn phòng tiếp tân của gia đình này nổi tiếng một cách thật nhanh chóng vì những người khách lui tới là những nhân vật quan trọng trong lãnh vực chính trị và nghệ thuật. Maria, con gái út của gia đình bá tước Wodziński lúc này đã được 19 tuổi. Mái tóc nâu, sống động với đôi mắt to màu đen, một nữ dương cầm thủ, ca sĩ ... Fédéric Chopin yêu thương Maria và tìm cách quyến rũ cô. Một tháng trôi qua dưới mắt khoan dung của mẹ cô gái và vẻ bài xích của người chú cô ta.

Đã tới lúc lại phải ra đi.

Ngày 26 tháng 9, Fédéric rời Dresde. Trước khi rời khỏi nơi này, Chopin, từ giả bằng bản độc tấu dương cầm, tặng Maria, theo điệu valse mà sau này Maria đặt tên là "La valse de l' Adieu" - bài này không bao giờ được Chopin cho xuất bản rất có thể vì ngưng ngưng - và Maria trao tặng Chopin một bông hồng.

Trên đường trở lại Paris, Chopin dừng chân ở Leipzig để gặp Mendelssohn, lúc này vừa được đề cử chỉ huy « Gewenhaus », dàn nhạc lừng danh nhất tại Đức và Chopin tới nhà gia đình Wieck (gia đình của Clara Schumann) để gặp Robert Schumann.



Rời Leipzig tới Heidelberg và được nữ nam tước Dille tiếp đón nhưng Fédéric Chopin ngã bệnh bắt buộc phải nằm dài trên giường. Sau khi khỏi bệnh Chopin về tới Paris giữa tháng 10 năm 1835.

Về tới Paris, Chopin viết thư gửi cho Maria, vào chính lúc này, Chopin đã sáng tác bản Ballade en Sol mineur, một công trình thực sự đầy tình yêu của Chopin.



Trong suốt mùa đông năm 1835-1836 Chopin ngã bệnh. Trầm uất, ảnh hưởng cái chết của Vincenzo Bellini (1801-1835) để lại, Chopin bị khắc ra máu. Báo động đầu tiên về sức khỏe của Fédéric Chopin.



Đầu năm 1836, Fédéric Chopin gặp và kết bạn với Astolphe de Custine và nữ ca sĩ Delfina Potocka (Delfiny Potockiej, 1805-1877) người đã được Chopin đề tặng bản Concero thứ hai (opus 21) xuất bản tại Leipzig vào tháng 4 năm 1836.

Mùa hè năm 1836, lần thứ hai Chopin lại được gia đình Wodzinski mời đến với họ tại Marienbad và Fédéric Chopin cảm thấy một cách rõ rệt về sự chống đối của ông chú Maria tuy nhiên Chopin vẫn ngỏ lời cầu hôn và được Maria chấp nhận. Mọi người trong gia đình Wodzińska đều đề cập tới cuộc hôn nhân của Fédéric và Maria một cách chính thức nhưng chính bà Wodzińska, mẹ của Maria lại muốn làm chậm lại việc thực hiện dự tính hôn nhân này lấy cớ vì tình trạng sức khỏe của Fédéric tuy nhiên bà quyết định đợi tới mùa hè năm sau mới cho tổ chức lễ đính hôn.



Trên đường trở về Paris, Chopin ghé lại nhà gia đình Schuman ở Leipzig vào ngày 10 tháng 9 .

Sau đó thì chuyện hôn nhân diễn ra như một tiểu thuyết bằng những lá thư. Rồi, trong một lá thư viết vào tháng 6 năm 1837, Maria Wodzińska ngỏ cho Frédéric Chopin biết rằng sẽ không có chuyện hôn nhân nữa. Hình như thân phụ cô ta phản đối vì hai gai đình không có chung giai cấp xã hội, cũng hình như vì lý do chính trị vì gia đình Wodzinski có ý quay trở về Ba Lan cư ngụ và lấy lại tài sản của họ mà một người con rể như Frédéric Chopin là một chướng ngại quan trọng .

Chopin im lặng chấp nhận sự đổ vỡ tình cảm này mà chỉ viết trên những tấm thiệp của Maria vồn vồn hai chữ bằng tiếng Ba Lan "*moja biada*" - niềm đau khổ của tôi.



Rất có thể vết thương lòng của Frédéric Chopin không bao giờ khép lại được. Người ta đã tìm lại một gói nhỏ sau khi Chopin qua đời, được buộc lại một cách cẩn thận trong đó có bông hoa hồng của Maria trao tặng ngày nào ở Dresde .

Từ ngày 10 cho tới ngày 28 tháng 7 năm 1837, Chopin đến London (Anh). Thủ đô Anh quốc không có gì để Chopin lưu tâm nên ông không liên lạc gì với những người trong giới âm nhạc tại đây và hình như chỉ cùng với Pleyel, người đồng hành , tới những nơi vui chơi khác thay vì dành thời giờ để phát triển sự nghiệp của mình tại Anh .

VI- LÃNG MẠN LƯU VONG

Năm 1838 Heinrich Heine đã viết, một bài văn luôn có giá trị cho tới ngày nay, ca tụng tài nghệ Chopin trong sự góp phần không nhỏ của ông cho trường phái lãng mạn trong âm nhạc bên cạnh những Beethoven, Berlioz, Mendelssohn, Schuman, Liszt, Schumann, Schubert

Trong bài báo, Heinrich Heine nhấn mạnh rằng người nhạc sĩ này là một người đã cống hiến hoàn toàn đời mình cho nghệ thuật Nhạc sĩ đã làm nổi bật lên sự hào hiệp và nỗi thống khổ Ba Lan, vẽ thanh lịch Pháp và giấc mơ sâu thẳm Đức.



Ngày 16 tháng 2 năm 1838, Chopin trình diễn tại lâu đài Tuileries trước gia đình hoàng gia Pháp và được tặng thưởng một bộ bát đĩa quý giá với dấu ấn của hoàng gia .

Ngày 03 tháng 3 trong Salons de Pape, Chopin tham dự vào cuộc biểu diễn 8 bản tay phần Andante và Finale (kết) bản 7e Symphonie của Beethoven cùng với những học trò của ông : Gutmann, Zimmermann và Alkan, tác giả của bài chuyển biên,

Ngày 12 tháng 3 , Chopin tới thành phố Rouen theo lời mời của một người bạn học cũ tại Trường Âm Nhạc ở Varsovie, Antoni Orłowski, người điều khiển dàn nhạc thính phòng Rouen. Orłowski là bạn đối ẩm của nhà văn Gustave Flaubert và cũng là giáo sư âm nhạc cho Caroline, em gái nhà văn này .

... CÒN TIẾP TRONG SỐ TỚI ...

TỪ VỮ

MỤC LỤC

- . trôi như một dòng sông – truyện ký chuyển dịch – từ vũ – trang 07 .
- . hành trình xuân – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 13 .
- . nửa vầng trăng nghiêng – truyện ngắn – từ kế tường – trang 16 .
- . vọng mãi tiếng chim – truyện ngắn - mang viên long – trang 21 .
- . áo đỏ – thơ – trần văn lệ – trang 26 .
- . tìm lại cội người – truyện ngắn – vũ lưu xuân – trang 27 .
- . phương trời hiu quạnh – thơ – lên văn trung – trang 32 .
- . bóng tre làng khuất lập – truyện ngắn – phạm hồng thẩm – trang 33 .
- . về đầu ... - thơ – dung thị vân – trang 37 .
- . tiếng hót cuối cùng của con chim họa mi – truyện ngắn – dương phương toại – trang 38 .
- . cánh én mùa xuân – truyện ngắn – nguyên thủy ngân – trang 44 .
- . tình buồn nhớ mãi – thơ – hoàng vũ đông sơn – trang 46 .
- . sắc xuân – truyện ngắn – đàm lan – trang 47 .
- . đêm khải huyền – truyện ngắn – quý thể – trang 50 .
- . người dung – truyện ngắn – võ công liêm – trang 57 .
- . tình cò – thơ – lê phương châu – trang 60 .
- . vườn xuân – truyện ngắn – nguyên thị mây – trang 61 .
- . chờ ... – thơ – hoàng yến linh – trang 63 .
- . trong bóng mơ hồ – truyện ngắn – dương leh – trang 64 .
- . tiếng chim bìm bịp – truyện ngắn – trúc linh lan – trang 68 .
- . lạc giữa hà nội – bút ký – mai thực – trang 72 .
- . nhị đào – truyện ngắn – khải nguyên – trang 81 .
- . ấm áp mùa xuân – truyện ngắn – nguyên ngọc anh – trang 84 .
- . bóng xưa – truyện ngắn – trạch an trần hữu hội – trang 86 .
- . bữa nay lạnh – thơ – nguyên thị phụng – trang 88 .

- . thiên đường thứ hai – bút ký – minh nguyên – trang 89 .
- . ngôi chùa trong tâm tưởng – truyện ngắn – nguyên văn sâm – trang 95 .
- . ngọn nến ăn năn – hồi ký – hải triều – trang 100 .
- . ngõ như ... - thơ – hồ chí bửu – trang 112 .
- . trầu thắm duyên quê – tản văn – vũ kiên ninh – trang 113 .
- . những đóa hồng mong manh – truyện ngắn – phan – trang 115 .
- . bến bình yên – truyện ngắn – đào phạm thủy trang – trang 118 .
- . rũ cánh quỳnh quên – thơ – nguyên chinh – trang 122 .
- . cổ tích của người lớn – truyện ngắn – hồ thủy – trang 123 .
- . bến sông ngân ngân nước – truyện ngắn – hồ tĩnh tâm – trang 131 .
- . tiếng dương cầm trong đêm – truyện ngắn – la thị ánh hường – trang 134 .
- . những trái tim thủy chung – truyện dịch – nhị tường – trang 137 .
- . nếu anh có bay lên trời – truyện ngắn – hoàng bích nga – trang 141 .
- . những giây phút kinh hoàng – truyện dịch – vũ anh tuần -trang 144 .
- . chiếc lá – truyện ngắn - hoà văn – trang 150 .
- . lá nhớ – thơ – đào hữu thức – trang 151 .
- . ừ thì năm mới – tản văn – đặng châu long – trang 152 .
- . bên đập đồng cháy – truyện ngắn – võ hồng – trang 154 .
- . đọc kiều – bút luận – nguyên văn thơ – trang 163 .
- . "kim lữ y" thơ xưa mà vẫn mới – tiểu luận – nguyên khôi – trang 167 .
- . tiếp biến văn hoá trong văn học dân gian ... - tiểu luận – lương văn hồng – trang 169 .
- . đường trời thăm thẳm sao ! - tiểu luận – ung câu – trang 174 .
- . về cuộc "bàn giao" giữa hai thế hệ thơ – tiểu luận – trần nhuận minh – trang 176 .
- . điệu khúc cổ việt nam – tìm hiểu – kiêm thêm – trang 179 .
- . hư cấu và không hư cấu – tiểu luận – võ công liêm – trang 183 .
- . tình bạn bè – tiểu luận – phạm vũ – trang 191 .
- . ô y hạng – tiểu luận – huyền viêm – trang 196 .
- . fédéric chopin – tiểu luận – từ vũ – trang 200 .
- . mục lục – trang 201 .

VIỆT VĂN MỚI

số 19

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 01 năm 2015

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyên thị di

trình bày : emily carlier

bìa : quỳnh nương tranh lụa của nữ họa sĩ Thanh Trí

trong chủ trương bảo vệ – củng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

. tuyệt đối không được phổ biến với tính cách thương mại.



việt văn mới

. văn học . nghệ thuật . 

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 19

15 tháng 01 năm 2015



tủ sách việt văn mới
2015